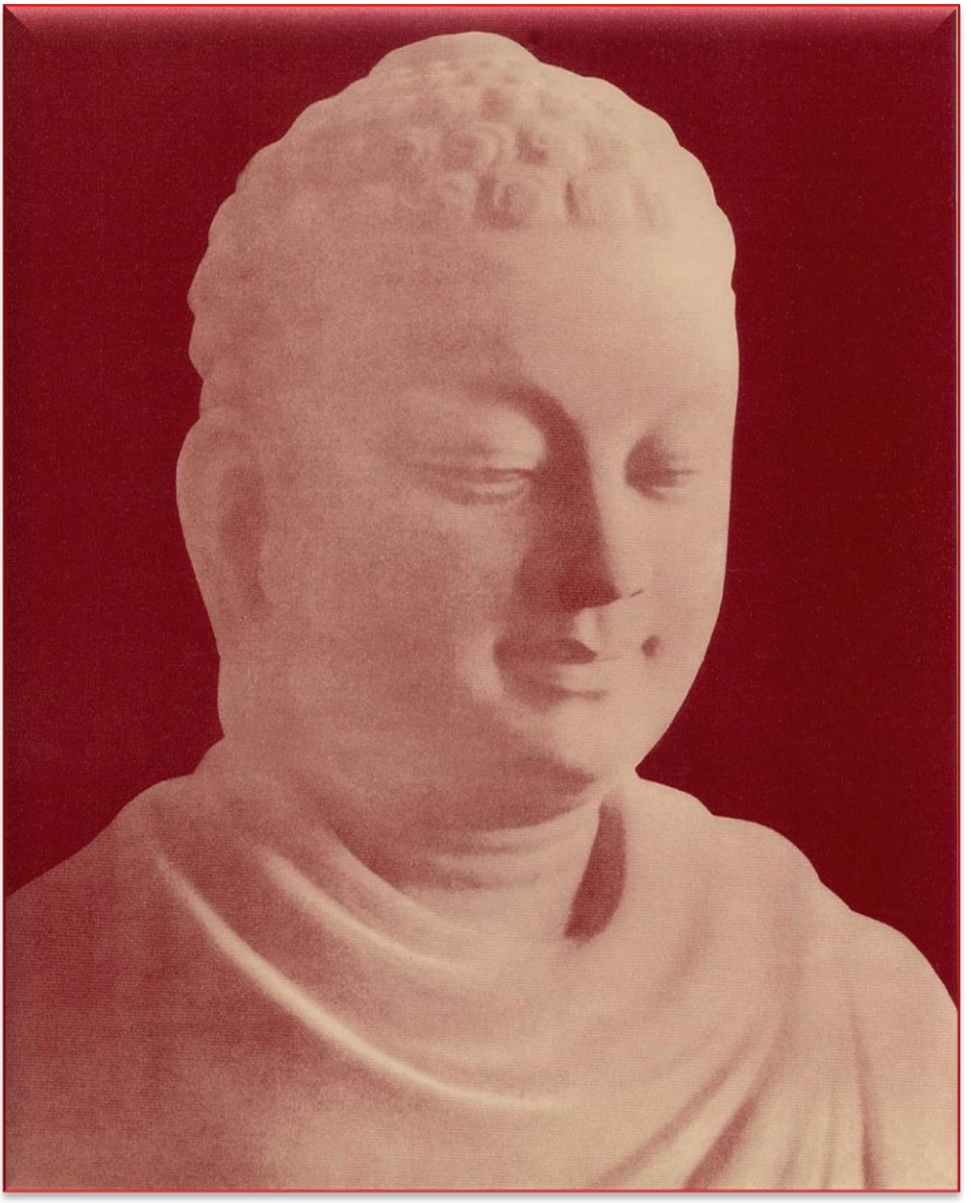


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
Tập 64

BỘ KINH TẬP XI

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 64

BỘ KINH TẬP XI

SỐ 666 → 673

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 11 – T064

SỐ 666 3
KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG NHƯ LAI TẠNG 3
SỐ 667 17
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI TẠNG 17
SỐ 668 35
KINH KHÔNG TĂNG KHÔNG GIẢM 35
SỐ 669 42
KINH VÔ THƯỢNG Y 42
QUYỂN THƯỢNG 42
Phẩm 1: SỰ SUY LƯỜNG CÔNG ĐỨC 42
Phẩm 2: NHƯ LAI GIỚI 46
Phẩm 3: BỒ-ĐỀ 51
QUYỂN HẠ 64
Phẩm 4: CÔNG ĐỨC CỦA NHƯ LAI 64
Phẩm 5: VIỆC CỦA NHƯ LAI 73
Phẩm 6: KHEN NGỢI 76
Phẩm 7: CHÚC LỤY 79
SỐ 670 82
KINH LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO 82
QUYỂN 1 82
Phẩm 1: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 1) 82
QUYỂN 2 113
Phẩm 2: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 2) 113
QUYỂN 3 145
Phẩm 3: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 3) 145
QUYỂN 4 174
Phẩm 4: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 4) 174
SỐ 671 208
KINH NHẬP LĂNG-GIÀ 208
QUYỂN 1 208
Phẩm 1: THỈNH PHẬT 208
Phẩm 2: VẤN ĐÁP 222
QUYỂN 2 235
Phẩm 3: TẬP HỢP TẤT CẢ PHÁP PHẬT (Phần 1) 235
QUYỂN 3 255
PHẦPhẩm M 3: TẬP HỢP TẤT CẢ PHÁP PHẬT (Phần 2) 255

QUYỂN 4 279
Phẩm 3: TẬP HỢP TẤT CẢ PHÁP PHẬT (Phần 3) 279
QUYỂN 5 302
Phẩm 4: PHẬT TÂM 302
QUYỂN 6 327
Phẩm 5: Lô-CA-DA-ĐÀ 327
Phẩm 6: NIẾT-BÀN 333
Phẩm 7: PHÁP THÂN 336
QUYỂN 7 350
Phẩm 8: VÔ THƯỜNG 350
Phẩm 9: NHẬP ĐẠO 353
Phẩm 10: THƯA HỎI ĐỨC NHƯ LAI LÀ THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG 357
Phẩm 11: PHẬT TÁNH 359
Phẩm 12: NĂM PHÁP MÔN 362
Phẩm 13: HẰNG HÀ SA 365
QUYỂN 8 370
Phẩm 14: SÁT-NA 370
Phẩm 15: HÓA 374
Phẩm 16: NGĂN ĂN THỊT 376
Phẩm 17: ĐÀ-LA-NI 388
QUYỂN 9 390
Phẩm 18: TỔNG TRÌ (Phần 1) 390
QUYỂN 10 440
Phẩm 18: TỔNG TRÌ (Phần 2) 440
SỐ 672 488
KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ 488
QUYỂN 1 488
Phẩm 1: LA-BÀ-NA VƯƠNG THỈNH PHÁP 488
Phẩm 2: SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP (Phần 1) 499
QUYỂN 2 515
Phẩm 2: SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP (Phần 2) 515
QUYỂN 3 539
Phẩm 2: SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP (Phần 3) 539
QUYỂN 4 569
Phẩm 3: VÔ THƯỜNG (Phần 1) 569
QUYỂN 5 599
Phẩm 3: VÔ THƯỜNG (Phần 2) 599
Phẩm 4: HIỆN CHỨNG 613
Phẩm 5: TÍNH CHẤT THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG CỦA NHƯ LAI 616

Phẩm 6: SÁT-NA 618
QUYỂN 6 630
Phẩm 7: SỰ BIẾN HÓA 630
Phẩm 8: KHÔNG ĂN THỊT 632
Phẩm 9: ĐÀ-LA-NI 639
Phẩm 10: KỆ TỤNG (Phần 1) 640
QUYỂN 7 667
Phẩm 10: KỆ TỤNG (Phần 2) 667
SỐ 673 712
KINH ĐẠI THỪA ĐỒNG TÁNH 712
QUYỂN THƯỢNG 712
QUYỂN HẠ 734

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 64

BỘ KINH TẬP

11

SỐ 666

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 666

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG NHƯ LAI TẠNG

Hán dịch: Đời Đông Tấn, tam tạng Phật-đà-bạt-đà-la, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, tại lầu Chiên-đàn, giảng đường Bảo nguyệt, ở núi Kỳ-xà-quật trong thành Vương xá, sau khi thành Phật mười năm, Đức Thế Tôn cùng trăm ngàn vị Tỳ-kheo, với sáu mươi hằng hà sa các vị Đại Bồ-tát như Bồ-tát Pháp Tuệ, Bồ-tát Sư Tử Tuệ, Bồ-tát Kim Cang Tuệ, Bồ-tát Điều Tuệ, Bồ-tát Diệu Tuệ, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Bảo Nguyệt, Bồ-tát Mãn Nguyệt, Bồ-tát Dũng Mãnh, Bồ-tát Vô Lượng Dũng, Bồ-tát Vô Biên Dũng, Bồ-tát Siêu Tam Giới, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Hương Thượng, Bồ-tát Hương Thượng Thủ, Bồ-tát Thủ Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Tràng Tướng, Bồ-tát Đại Tràng Tướng, Bồ-tát Ly Cấu Tràng, Bồ-tát Vô Biên Quang, Bồ-tát Phóng Quang, Bồ-tát Ly Cấu Quang, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Thường Hoan Hỷ, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Ly Kiêu Mạn, Bồ-tát Tu-di Sơn, Bồ-tát Quang Đức Vương, Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương, Bồ-tát Tổng Trì, Bồ-tát Diệt Chúng Sinh, Bồ-tát Liệu Nhất Thế Chúng Sinh Bệnh, Bồ-tát Hoan Hỷ Niệm, Bồ-tát Yếm Ý, Bồ-tát Thường Yếm, Bồ-tát Phổ Chiếu, Bồ-tát Nguyệt Minh, Bồ-tát Bảo Tuệ, Bồ-tát Chuyển Nữ Thân, Bồ-tát Đại Lôi Âm, Bồ-tát Đạo Sư, Bồ-tát Bất Hư Kiến, Bồ-tát Nhất Thiết Pháp Tự Tại, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... đều là những vị đã thành tựu năng lực đại tinh tấn, đã từng cúng dường trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, đều là những vị có khả năng chuyển bánh xe pháp bất thoái, nếu có chúng sinh nào nghe được danh hiệu của các vị này thì đối với đạo vô thượng sẽ hoàn toàn không còn thoái chuyển. Những vị Đại Bồ-tát này từ vô lượng cõi Phật cùng vô số các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, đến hội họp và tôn trọng cúng dường.

Bấy giờ, tại lầu Chiên-đàn, Đức Phật nhập chánh định, thần biến hiện ra hoa sen ngàn cánh lớn như bánh xe. Hoa sen ấy có vô lượng màu sắc hương thơm đầy đủ nhưng vẫn chưa nở. Bên trong hoa đều có hóa Phật,

bay lên hư không, che khắp thế giới giống như trướng báu. Từ mỗi hoa sen phóng ra vô lượng ánh sáng, trong khoảnh khắc thần lực của Phật biến hóa, tất cả hoa sen đều nở rộ, trong mỗi hoa sen ấy có Đức Phật ngồi kiết già phóng ra trăm ngàn ánh quang minh. Khi ấy, cõi Phật này được trang nghiêm thù đặc, tất cả đại chúng vui mừng hớn hở, kinh ngạc việc chưa từng có, lấy làm nghi vấn, nay vì nhân duyên gì mà vô số diệu hoa bỗng nhiên bị héo, úa đen, hôi thối rất là khó chịu. Khi đó, biết được mối nghi hoặc của đại chúng Bồ-tát, Đức Thế Tôn liền bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ:

–Này thiện nam! Ở trong Phật pháp, các cõi có điều gì nghi hoặc ông cứ việc hỏi.

Bồ-tát Kim Cang Tuệ biết đại chúng đều có mối nghi hoặc liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì mà trong vô số hoa sen đều có hóa Phật bay lên không trung bao trùm khắp thế giới. Tất cả hóa Phật đều phóng ra trăm ngàn ánh sáng chói ngời, chúng con thấy vậy đều chắp tay cung kính, sao trong chốc lát bỗng trở nên héo úa?

Khi đó Bồ-tát Kim Cang Tuệ bèn nói kệ:

Con xưa chưa từng thấy
Thần biến như hôm nay
Thấy trăm ngàn ức Phật
Ngồi bên trong hoa sen.
Phóng vô số ánh sáng
Che khắp tất cả cõi
Chư Đạo sư ly cấu
Chư thế giới trang nghiêm.
Hoa sen bỗng héo úa
Thật không thể chịu được
Nay vì lý do gì
Mà hiện thần biến này?
Con thấy hằng hà Phật
Và vô lượng thần biến
Nhưng chưa từng thấy vậy
Xin Phật hãy phân biệt.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ và chư Bồ-tát:

–Này thiện nam! Có Đại phương đẳng kinh tên Như Lai Tạng, nếu muốn diễn thuyết thì phải hiện ra những tướng như vậy. Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ.

Các vị Bồ-tát liền nói:

–Lành thay! Lành thay! Chúng con xin muốn được nghe.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như vô số hoa sen mà Phật hóa hiện bỗng chốc héo úa, vô lượng hóa Phật ở trong hoa sen tướng tốt trang nghiêm, kiết già phu tọa, phóng ánh sáng lớn, mọi người thấy sự hy hữu ấy thảy đều cung kính. Như vậy, này thiện nam! Ta dùng Phật nhãn quan sát tất cả chúng sinh, trong sự tham dục, sân hận, ngu si, các phiền não đều có Như Lai trí, Như Lai nhãn, Như Lai thân, kiết già phu tọa, nghiêm trang không lay động. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh tuy thân ở trong các nẻo phiền não nhưng Như Lai tạng thường không bị ô nhiễm, đức tướng đầy đủ như ta không khác. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người có Thiên nhãn nhìn hoa chưa nở, thấy bên trong các hoa có Như Lai thân kiết già phu tọa, nếu trừ bỏ hoa héo đi, Như Lai thân sẽ hiện ra. Như vậy, này thiện nam! Phật thấy Như Lai tạng của chúng sinh, muốn khiến cho mở bày liền vì họ mà nói kinh pháp, trừ diệt phiền não hiển hiện Phật tánh. Thiện nam! Pháp của chư Phật là như vậy. Nếu Phật xuất thế hoặc không xuất thế thì Như Lai tạng của tất cả chúng sinh vẫn thường trụ, không thay đổi, chỉ có điều chúng sinh kia do bị phiền não che lấp nên Như Lai mới xuất thế, vì họ mà rộng nói pháp, trừ diệt trần lao, tịnh Nhất thiết trí.

Thiện nam! Nếu có Bồ-tát nào tin ưa pháp này, chuyên tâm tu học thì sẽ được giải thoát, thành Đẳng chánh giác, vì thế gian mà làm các Phật sự.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như hoa héo úa
Khi nó chưa nở bày
Người Thiên nhãn quán thấy
Như Lai thân không nhiễm
Trừ bỏ hoa héo rồi
Thấy Đạo sư vô ngại
Đoạn trừ mọi phiền não
Tối thắng vượt thế gian
Phật quán các chúng sinh
Đều có Như Lai tạng
Bị phiền não che lấp
Như hoa úa buộc ràng
Ta vì các chúng sinh
Trừ diệt mọi phiền não
Nói chánh pháp cho họ

Khiến mau thành Phật đạo
Ta dùng Phật nhãn thấy
Thân của mọi chúng sinh
Tạng Phật đang an trụ
Thuyết pháp khiến hiển bày.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mật ong ở cây cao, vô số bầy ong vây quanh bảo vệ. Có một người khôn lanh khéo léo, trước tiên đuổi bầy ong đi rồi mới lấy mật, tùy ý ăn dùng, cho khắp mọi nơi. Như vậy, này thiện nam! Tất cả chúng sinh có Như Lai tạng khác nào mật ong nguyên chất ở trên cây cao kia, bị mọi phiền não che lấp, giống như bầy ong bảo vệ mật ong. Ta dùng Phật nhãn quan sát một cách như thật việc này và dùng phương tiện tùy cơ thuyết pháp, diệt trừ phiền não, mở tri kiến Phật, làm các Phật sự cho khắp thế gian.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Như mật ở trên cao
Vô lượng ong bao quanh
Người khôn dùng cách khéo
Trước đuổi bầy ong đi.
Như Lai tạng chúng sinh
Như mật ở cây cao
Kết sử trần lao buộc
Như bầy ong bảo vệ
Ta vì các chúng sinh
Phương tiện nói chánh pháp
Diệt trừ ong phiền não
Mở bày tạng Như Lai
Đầy đủ vô ngại biện
Diễn nói pháp cam lồ
Khiến khắp thành Chánh giác
Đại Bi cứu quần sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như hạt thóc chưa bỏ vỏ, kẻ nghèo hèn ngu si cho rằng có thể vứt bỏ, nếu gột rửa sạch đi là thứ ngon vua dùng. Như vậy, này thiện nam! Ta dùng Phật nhãn quán các chúng sinh bị lớp vỏ phiền não che kín, Như Lai vô lượng thấy biết nên dùng phương tiện tùy cơ thuyết pháp, khiến diệt trừ phiền não, tịnh Nhất thiết trí, thành bậc Tối chánh giác trong thế gian.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như hạt thóc còn nguyên
Vỏ trấu chưa bóc sạch
Như kẻ nghèo khinh khi
Cho là đồ đáng bỏ
Ngoài tuy như vô dụng
Nhưng trong quý vô cùng
Bóc bỏ vỏ trấu rồi
Là món ngon của vua
Ta thấy các chúng sinh
Phiền não che tạng Phật
Liền nói pháp diệt trừ
Khiến đạt Nhất thiết trí
Như tánh Như Lai ta
Chúng sinh cũng như vậy
Khai hóa khiến thanh tịnh
Chóng thành đạo Vô thượng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như chân kim rơi ở nơi bất tịnh, ẩn kín không nhìn thấy, trải qua nhiều năm tháng, chân kim không bị hoại mà vẫn chẳng ai biết. Người có Thiên nhãn nói với mọi người: "Ở nơi bất tịnh này có vật báu chân kim, các người nên lấy nó ra tùy ý sử dụng." Như vậy, này thiện nam! Ở nơi bất tịnh chính là vô lượng phiền não, vật báu chân kim chính là Như Lai tạng, người có Thiên nhãn chính là Như Lai. Cho nên, Như Lai nói pháp mầu nhiệm rộng khắp cho các chúng sinh trừ diệt phiền não, đều thành Chánh giác, làm các Phật sự.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như vàng nơi bất tịnh
Ẩn kín chẳng ai thấy
Người Thiên nhãn thấy được
Bảo với mọi người rằng:
Các người lấy nó ra
Tẩy rửa khiến cho sạch
Tùy ý mà thọ dùng
Thân quyến đều được hưởng
Thiện thệ nhãn như vậy
Quán các loài chúng sinh
Trong bùn lầy phiền não
Như Lai tánh không hoại
Tùy cơ mà nói pháp

Khiến hoàn thành mọi việc
Phiền não che Phật tánh
Dứt trừ khiến thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như nhà người nghèo nọ có châu báu ẩn chứa, vật báu không thể nói: "Ta đang ở đây", vật báu đã không tự biết, lại không thể nói, càng không thể phơi bày. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Như Lai thấy biết lực chẳng sợ hãi, đại pháp bảo tạng ở trong tâm của những chúng sinh ấy, nhưng chúng sinh không nghe, không biết, mê mờ theo năm dục, trôi lăn trong sinh tử, chịu khổ vô lượng. Cho nên, chư Phật xuất hiện ở đời là vì muốn mở pháp tạng Như Lai ở trong thân của mỗi chúng sinh. Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Ông phải tín thọ tịnh Nhất thiết trí, vì chúng sinh mà khai Như Lai tạng, biện tài vô ngại làm bậc đại thí chủ. Như vậy, này thiện nam! Ta dùng Phật nhãn quan sát chúng sinh có Như Lai tạng, do đó, vì các hàng Bồ-tát mà nói pháp này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như nhà người nghèo
Trong ẩn chứa vật báu
Chủ đã không biết, thấy
Báu lại không thể nói
Quanh năm ngu, mê muội
Không ai chỉ bảo cả
Có báu mà không biết
Nên thường bị nghèo khổ
Phật nhãn quán chúng sinh
Tuy lưu chuyển năm đường
Vật báu ở trong thân
Tồn tại không biến đổi
Quan sát như vậy rồi
Liền nói cho chúng sinh
Khiến đạt Trí bảo tạng
Giàu có, lợi ích lớn
Nếu tin lời ta nói
Tất cả có bảo tạng
Tin, siêng hành phương tiện
Chóng thành đạo Vô thượng.

Lại nữa, này thiện nam! Như hạt của quả Am-la không bị hư, gieo xuống đất trở thành đại thọ vương. Như vậy, này thiện nam! Ta dùng Phật

nhãn quán các chúng sinh, Như Lai bảo tạng ở trong vỏ vô minh giống như mầm cây ở trong hạt quả. Này thiện nam! Như Lai tạng ấy mát mẻ không nóng, đại trí tuệ Niết-bàn tịch diệt gọi là Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam! Như Lai quan sát chúng sinh như vậy rồi, vì các hàng Đại Bồ-tát thuyết tịnh Phật trí mà hiển hiện nghĩa này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như quả Am-la
Hạt bên trong không hoại
Đem hạt gieo xuống đất
Ắt thành đại thọ vương.
Như Lai vô lậu nhãn
Quán tất cả chúng sinh
Như Lai tạng trong thân
Như trái trong hoa quả.
Vô minh che Phật tạng
Các người cần tin biết
Trí Tam-muội đầy đủ
Tất cả không thể hoại.
Thế nên ta nói pháp
Mở tạng Như Lai này
Chóng thành đạo Vô thượng
Như quả thành thọ vương.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người cầm tượng bằng vàng ròng đi đến một nước khác, do phải ngang qua đường hiểm sợ gặp phải cướp nên bèn giấu trong vật hư xấu để không ai biết được. Người ấy trên đường đi đột nhiên qua đời. Như vậy, tượng vàng ấy lại bị vứt bỏ nơi hoang vắng. Người qua lại dẫm đạp khiến cho bẩn đi. Người đạt được Thiên nhãn thấy bên trong vật bẩn kia có tượng vàng ròng liền lấy ra và hết lòng trân trọng. Như vậy, này thiện nam! Ta thấy chúng sinh bị phiền não trói buộc, lưu chuyển triền miên, sinh tử vô lượng. Như Lai diệu tạng ở ngay trong thân ấy, hiển nhiên thanh tịnh như ta không khác. Do đó, Phật vì chúng sinh thuyết pháp, đoạn trừ phiền não tịnh Như Lai trí, quay lại giáo hóa hướng dẫn tất cả thế gian.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như người cầm tượng vàng
Đi đến một nước khác
Đem giấu trong vật dơ

Bị vứt nơi hoang vắng.
Người có Thiên nhãn thấy
Liền bảo với mọi người
Rửa sạch nguyên tượng hiện
Lấy làm rất vui mừng.
Thiên nhãn ta cũng vậy
Quán các chúng sinh kia
Nghiệp ác, phiền não trói
Sinh tử, đủ khổ đau.
Lại thấy chúng sinh ấy
Trong vô minh trần cấu
Như Lai tánh không động
Không thể bị hủy hoại
Phật đã thấy như vậy
Nói với chúng Bồ-tát
Phiền não các nghiệp ác
Che lấp thân Tối thắng.
Cần phải đoạn trừ sạch
Hiển xuất trí Như Lai
Trời, người, rồng, quỷ thần
Tất cả đều quy ngưỡng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người nữ nghèo hèn xấu xí, bị mọi người chán ghét mà lại đang mang thai quý tử, tương lai đứa bé này sẽ làm bậc Thánh vương, vua của bốn thiên hạ. Thế nhưng người đàn bà ấy lại không hay biết, trải qua năm tháng thường làm những việc thấp kém, sinh những ý nghĩ thấp hèn. Như vậy, này thiện nam! Như Lai quan sát tất cả chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử, chịu các khổ đau, nhưng thân lại có Như Lai bảo tạng, khác nào người đàn bà kia có quý tử mà chẳng biết gì. Do đó mà Như Lai thuyết pháp khắp cho chúng sinh.

Này thiện nam! Chớ tự khinh mình, bản thân các người đều có Phật tánh, nếu chịu khó siêng năng diệt các tội lỗi thì sẽ lãnh thọ được danh hiệu Bồ-tát, Thế Tôn, hướng dẫn cứu giúp vô lượng chúng sinh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ví như người nữ nghèo
Dung mạo rất xấu xí
Lại mang thai quý tử
Sẽ làm Chuyển luân vương.

Bảy báu, đủ các đức
Vua của bốn thiên hạ
Nhưng người nữ không biết
Nghĩ, làm thường thấp kém.
Ta quán các chúng sinh
Đau khổ cũng như vậy
Thân mang Như Lai tạng
Mà không tự hay biết.
Do đó các Bồ-tát
Cẩn thận đừng xem khinh
Như Lai tạng nơi thân
Thường cứu giúp thế gian.
Nếu siêng năng tu hành
Không lâu ngồi đạo tràng
Thành đạo Tối chánh giác
Độ thoát vô lượng chúng.

Như vậy, này thiện nam! Ví như người thợ đúc, đúc tượng bằng vàng ròng, sau khi đúc rồi, lại đặt trên đất, ngoài tuy bị cháy đen nhưng bên trong tượng không đổi, khi đem tượng ra, sắc vàng chói sáng.

Như vậy, này thiện nam! Như Lai quan sát tất cả chúng sinh, Phật tạng tại thân, các tướng đầy đủ. Quán như vậy rồi, liền vì khắp các chúng sinh diễn nói pháp khiến được trong sáng mát mẻ, dùng trí tuệ kim cương đập phá tan phiền não, mở Phật thân thanh tịnh như lấy tượng vàng ra.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như người thợ đúc
Đúc muôn tượng vàng ròng
Người ngu xem bên ngoài
Chỉ thấy đất cháy xém.
Thợ đúc làm nguội đi
Mở ra tượng vàng hiện
Nhơ bẩn đã trừ sạch
Tướng tốt tự nhiên bày.
Ta dùng Phật nhãn xem
Thấy chúng sinh như vậy
Trong bùn lầy phiền não
Đều có tánh Như Lai.
Trao trí tuệ Kim cang

Phá tan mọi phiền não
Mở bày Như Lai tạng
Như vàng ròng hiển hiện
Những gì ta xem thấy
Chỉ cho các Bồ-tát
Các người khéo thọ trì
Chuyển hóa các quần sinh.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ:

–Nếu như các hàng xuất gia, tại gia, thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, vì người khác rộng nói kinh tạng Như Lai thì công đức đạt được không thể tính lường.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Nếu có Bồ-tát nào vì Phật đạo mà cần hành tinh tấn, tu tập thần thông, nhập các Tam-muội, gieo trồng gốc đức, cúng dường hằng hà sa chư Phật hiện tại, xây dựng hằng hà sa tòa lầu bằng bảy báu cao mười do-tuần, mỗi tầng cao một do-tuần, bày giường bảy báu lụa trời trải trên, vì mỗi vị Phật mà hàng ngày tạo lập hằng hà sa tòa lầu bằng bảy báu, dâng lên mỗi Như Lai và chư Bồ-tát cùng đại chúng Thanh văn, rồi đem việc như vầy mà khắp vì tất cả hằng hà sa chư Phật hiện tại. Như vậy, thứ lớp cho đến hằng hà sa các tòa lầu báu dùng để cúng dường hơn năm mươi hằng hà sa chư Phật hiện tại và chư Bồ-tát cùng đại chúng Thanh văn, cho đến vô lượng trăm ngàn ức kiếp.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Nếu như có người ưa thích Bồ-đề, thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường tạng kinh Như Lai thậm chí chỉ một ví dụ. Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Thiện nam này dù phước vô lượng do đã gieo trồng các thiện căn ở chư Phật, nhưng nếu so với công đức của thiện nam, thiện nữ đạt được thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, thậm chí toán số thí dụ cũng không thể tính đếm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu người cầu Bồ-đề
Nghe, trì kinh pháp này
Biên chép và cúng dường
Cho đến một câu kệ.
Tạng Như Lai vi diệu
Bỗng chốc phát tùy hỷ
Nên nghe chánh giáo này
Công đức không thể lường.
Nếu người cầu Bồ-đề

Trụ sức thần thông lớn
Muốn cúng mười phương Phật
Bồ-tát, chúng Thanh văn.
Số lượng quá hằng sa
Ước tính không nghĩ bàn
Vì mỗi một vị Phật
Xây dựng đài diệu báu.
Đài cao mười do-tuần
Cao rộng bốn mươi dặm
Trong bày giường bảy báu
Trang trí đủ các loại.
Trải nệm bằng lụa trời
Tùy nơi ngồi khác biệt
Vô lượng quá hằng sa
Dâng Phật cùng đại chúng.
Đem những hiến cúng này
Ngày đêm không ngừng nghỉ
Đủ trăm ngàn ức kiếp
Phước đức đạt như vậy.
Người trí nghe kinh này
Năng trì một thí dụ
Rồi giải nói cho người
Phước này hơn người kia.
Cho đến cả toán số
Thí dụ, chẳng đếm xuể
Chúng sinh nương cậy vào
Chóng thành đạo Vô thượng.
Bồ-tát lắng lòng suy
Tạng Như Lai sâu xa
Biết chúng sinh đều có
Chóng thành đạo Vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ:

–Vào thời quá khứ lâu xa vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp, lại hơn số lần như vậy, khi đó có một vị Phật hiệu là Thường Phóng Quang Minh Như Lai Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Tại sao tên gọi là Thường Phóng Quang Minh? Bản hạnh vị Phật ấy là khi còn ở quả vị Bồ-tát, giáng trần vào thai mẹ thường phóng ra ánh sáng chiếu suốt ngàn thế giới chư Phật như vi trần trong mười phương. Nếu chúng sinh nào thấy được ánh sáng ấy thì đều hoan hỷ, phiền não đều diệt, sắc lực đầy đủ, niệm trí thành tựu đạt được biện tài vô ngại. Nếu các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Diêm-la vương, A-tu-la thấy được ánh sáng này đều lìa cõi ác, được sinh trong hàng trời, người. Nếu hàng trời, người thấy được ánh sáng này, thì với đạo vô thượng, đạt được bất thoái chuyển, đủ năm thần thông. Nếu những vị ở bậc Bất thoái chuyển thì đều đạt được năm mươi công đức triền Đà-la-ni của pháp Nhẫn vô sinh.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Những quốc độ mà ánh sáng ấy chiếu tới đều nghiêm tịnh như thiên lưu ly, hoàng kim làm dây để ngăn cách tám đường, mỗi mỗi cây báu, hoa quả sum suê, hương thơm ngào ngạt, gió lành thổi tới phát ra âm thanh vi diệu, diễn nói Tam bảo, công đức của Bồ-tát, căn lực, giác đạo, thiền định, giải thoát. Chúng sinh nào nghe được đều được pháp hỷ, lòng tin và niềm vui vững chắc, lìa hẳn cõi ác.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Tất cả chúng sinh mong đợi ánh sáng ở các cõi trong mười phương kia, ngày đêm sáu thời chắp tay cung kính.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Từ khi vị Bồ-tát ở trong thai sinh ra cho đến khi thành Phật vô dư Nê-hoàn, thường phóng ra ánh sáng. Sau khi Đức Phật nhập bát Nê-hoàn, tháp thờ xá-lợi cũng thường phóng quang. Do nhân duyên đó nên các hàng trời, người gọi là Thường Phóng Quang Minh Vương.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Khi Đức Thường Phóng Quang Minh Vương Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác mới thành Phật, trong Phật pháp ấy có một vị Bồ-tát tên là Vô Biên Quang cùng với ba mươi vị Bồ-tát làm quyến thuộc. Vị Đại Bồ-tát Vô Biên Quang này, ở nơi Đức Phật kia, hỏi về tạng kinh Như Lai. Đức Phật ấy vì vị Bồ-tát này mà ngồi một chỗ diễn nói, trải năm mươi đại kiếp hộ niệm tất cả chư Bồ-tát, âm thanh ấy bảo khắp thế giới vi trần của mười vị Phật cùng với trăm ngàn cõi Phật, vì chư Bồ-tát mà dùng vô số nhân duyên, trăm ngàn thí dụ để nói kinh điển Đại thừa Như Lai tạng. Các hàng Bồ-tát nghe nói kinh này thọ trì, đọc tụng, như lời Phật dạy mà tu hành, trừ bốn vị Bồ-tát ra, những vị khác đều đã thành Phật.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Ông chớ nên có cái nhìn khác, vị Bồ-tát Vô Biên Quang này chẳng phải là ai xa lạ, chính là ta đây, bốn vị Bồ-tát

chưa thành Phật đó là Văn-thù-sư-lợi, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí và chính Kim Cang Tuệ ông đấy. Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Tạng kinh Như Lai có khả năng lợi ích lớn rất lớn, nếu ai nghe được thì đều thành Phật đạo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Quá khứ vô số kiếp
Có Phật Quang Minh Vương
Thường phóng ánh sáng lớn
Chiếu khắp vô lượng cõi.
Bồ-tát Vô Biên Quang
Khi Phật mới thành đạo
Thưa hỏi kinh pháp này
Phật vì ông diễn nói.
Nếu ai gặp may mắn
Nghe được kinh pháp này
Đều được đắc thành Phật
Chỉ trừ bốn Bồ-tát.
Văn-thù, Quan Thế Âm
Đại Thế, Kim Cang Tuệ
Bốn vị Bồ-tát này
Đều từng nghe pháp này.
Kim Cang Tuệ vì họ
Bậc thần thông đệ nhất
Hiệu là Vô Biên Quang
Đã từng nghe kinh này.
Xưa lúc ta cầu đạo
Tại Phật sư tử tràng
Cũng từng thọ kinh này
Tu hành theo lời dạy.
Ta nhờ thiện căn này
Chóng đắc thành Phật đạo
Thế nên, các Bồ-tát
Nên trì, nói kinh này
Nghe rồi, hành như vậy
Thành Phật như ta nay.
Nếu ai trì kinh này
Lễ họ như lễ Phật
Nếu ai được kinh này
Gọi là Phật Pháp vương.

Che chở cho thế gian
Người chư Phật khen ngợi
Nếu ai trì kinh này
Được gọi là Pháp vương
Là con mắt thế gian
Khen ngợi như khen Phật.

Bấy giờ, sau khi Đức Thế Tôn nói kinh này rồi, Kim Cang Tuệ cùng bốn chúng quyến thuộc Bồ-tát, hàng Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la… nghe những lời Phật nói đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 667

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI TẠNG

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không, chùa Đại hưng thiện.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Bạc-già-phạm trú ở trong lầu các lớn Chiên-đàn tạng, nhà của Bảo Cái Lộc mẫu trên núi Linh thứu, sau mười năm thành bậc Đẳng chánh giác, cùng đại chúng Bí-sô một ngàn người và bậc Hữu học, Vô học, Thanh văn, La-hán, các lậu đã dứt không còn phiền não, đều được tự tại, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát, chứng đắc chánh trí, giống như rồng lớn, việc làm đã xong, xả bỏ gánh nặng, đều được lợi mình, dứt sạch các sự trói buộc đến bờ bên kia. Đó là Cụ thọ Đại Ca-diếp-ba, Cụ thọ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp-ba, Cụ thọ Nan-đề Ca-diếp-ba, Cụ thọ Già-da Ca-diếp-ba, Cụ thọ Đại Ca-chiên-diên, Cụ thọ Câu-hy-la, Cụ thọ Bạt-câu-la, Cụ thọ Ly-bà-đa, Cụ thọ Tu-bồ-đề, Cụ thọ Mã-từ-tử, Cụ thọ Ngữ-tự-tại, Cụ thọ Xá-lợi-tử, Cụ thọ Đại Mục-kiền-liên, Cụ thọ Kiều-trần-như, Cụ thọ Điều-đà-di, Cụ thọ La-hồ-la, Cụ thọ Nan-đà, Cụ thọ Ô-ba Nan-đà, Cụ thọ A-nan-đà, đó là một ngàn vị Tỳ-kheo đứng đầu.

Còn có sáu mươi hằng hà sa số Đại Bồ-tát đầy đủ từ mỗi cõi Phật đều đến tập hợp, đều là bậc Nhất sinh bổ xứ, đạt được đại thần thông lực Vô sở úy, đã từng nương theo vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn chư Phật thảy đều chuyển bánh xe pháp bất thoái, hoặc có vô lượng a-tăng-kỳ thế giới chúng sinh chỉ vừa xưng tên, đều ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thoái lui, đó là Bồ-tát Pháp Tuệ, Bồ-tát Sư Tử Tuệ, Bồ-tát Hổ Tuệ, Bồ-tát Nghĩa Tuệ, Bồ-tát Thắng Tuệ, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Bảo Nguyệt Quang, Bồ-tát Mãn Nguyệt Quang, Bồ-tát vô Lượng Dũng Quang, Bồ-tát Vô Biên Dũng Kiện, Bồ-tát Tam Thế Dũng Kiện, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Hương Duyệt, Bồ-tát Cát Tường, Bồ-tát Cát Tường Tạng, Bồ-tát Kế Đô, Bồ-tát Đại Tràng, Bồ-tát Vô Cấu Tràng, Bồ-tát Vô Thượng Tràng, Bồ-tát Cực Giải Bảo Sát, Bồ-tát Vô Cấu Bảo Sát, Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Thường Hoan Hỷ, Bồ-tát Hư Không Khố, Bồ-tát Mê Lự, Bồ-tát Bảo Đức Bảo Quang, Bồ-tát Đà-la-ni

Tại Vương, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Hữu Tình Bệnh, Bồ-tát Hoan Hỷ Ý, Bồ-tát Ưu Bi Ý, Bồ-tát Vô Ưu, Bồ-tát Quang Tạng, Bồ-tát Chiên-đàn, Bồ-tát Ư Thử Vô Tránh, Bồ-tát Vô Lượng Lôi Âm, Bồ-tát Khởi, Bồ-tát Hạnh, Bồ-tát Bất Không Kiến, Bồ-tát Nhất Thiết Pháp Tự Tại, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Mạn-châu-thất-lợi Đồng, đó là những bậc đứng đầu, lại có sáu mươi hằng hà sa số Đại Bồ-tát đông đủ.

Lại có vô lượng thế giới, vô lượng a-tăng-kỳ Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-đại-phạ, A-tô-la Nghiệt-lỗ-trà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân, đều đến hội họp, lại có quốc vương, đại thần, quân lính, trưởng giả, cư sĩ và mọi người đều đến hội họp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn và trăm ngàn người vây quanh trước sau cung kính cúng dường. Khi ấy, Đức Thế Tôn ở trong lầu các lớn Chiên-đàn tạng, sau khi ăn xong, Đức Phật nhập vào thần lực, từ nơi Chiên-đàn tạng bỗng nhiên phóng ra trăm ngàn ức na-do-tha hoa sen, mỗi một hoa sen đều có trăm ngàn ức na-do-tha cánh, xoe tròn như bánh xe sắc hương đầy đủ, những hoa sen này bay lên hư không, biến tất cả hợp thành các cõi Phật, giống như cung điện báu an trụ giữa hư không, tất cả trăm ngàn ức na-do-tha hoa sen đó đều nở ra, ở trong mỗi cánh hoa sen đều có Như Lai ngồi kiết già, đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, phóng ra trăm ngàn ánh sáng. Lúc ấy, Đức Phật dùng cai thần lực trong các hoa sen bỗng nhiên khô héo, hình sắc hôi thối đáng ghét không vừa lòng, nhưng các Như Lai ngồi ở trong đài hoa, phóng ra vô lượng trăm ngàn ánh sáng, hiện ra tất cả các cõi Phật thảy đều trang nghiêm.

Bấy giờ, tất cả Bồ-tát và bốn bộ chúng đều kinh ngạc, suy nghĩ thật kỳ lạ chưa từng có, về việc Đức Phật Thế Tôn hiện ra thần thông như vậy, đại chúng thấy thế đều ôm lòng nghi ngờ Phật hiện ra ức na-do-tha trăm ngàn hoa sen, ở trong giây lát hình sắc biến đổi, rất đáng ghét không vừa ý, ở trong hoa sen hiện ra tướng Như Lai, ngồi kiết già phóng ra trăm ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy làm cho mọi người ưa thích?

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ và đại chúng đều vân tập ở trong lầu các lớn Chiên-đàn tạng cung kính mà ngồi.

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ:

–Này thiện nam! Hôm nay nên hỏi về pháp yếu thâm sâu của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ tuân theo thánh ý của Phật, khắp vì tất cả trời người thế gian, Đại Bồ-tát và bốn chúng đều nghi ngờ, liền thưa Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, trong các thế giới đều hiện ra ức vạn trăm ngàn hoa sen, ở trong vác đài hoa đều có Đức Như Lai ngồi kiết già phóng ra trăm ngàn ánh sáng, những cánh hoa ấy bỗng nhiên héo úa, hình sắc đáng ghét làm cho sinh chán, ở trong hoa ấy có ức vạn trăm ngàn Như Lai, chắp tay ngồi trang nghiêm bất động?

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ hỏi kệ:

Con chưa thấy tướng của Như Lai
Bằng thần thông biến hóa tất cả
Hiện ra vô lượng ngàn Đức Phật
Ngồi trong đài hoa sen yên không động.
Phóng ra ngàn ánh sáng hiện hình
Thảy đều thấy rõ các cõi Phật
Giáo pháp tự tại rất đặc biệt
Cõi Phật kia thảy đều đoan nghiêm.
Giống như diệu báu hiện sáng rõ
Ngồi trong hoa sen sắc héo tàn
Cánh hoa sen ấy lại rất xấu
Vì sao hiện ra thần thông lớn?
Con từng thấy Phật như hằng sa
Thấy việc thần thông rất thù thắng
Con chưa từng thấy tướng như thế
Hôm nay tự tại hiện rõ ràng.
Xin nguyện Thiên Trung Tôn chỉ dạy
Vì nhân duyên gì mà hiện thế
Nguyện thương xót lợi ích cho đời
Diệt trừ tất cả các nghi hoặc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ cùng các bậc Bồ-tát thượng thủ:

–Này các thiện nam! Có kinh Đại Phương Quảng Như Lai Tạng pháp yếu rất thâm sâu, Như Lai muốn trình bày cho nên mới hiện ra sắc tướng trước như vậy, các ông hãy lắng nghe! Lắng nghe, ghi nhớ kỹ!

Lúc đó, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng và hết thảy các Đại Bồ-tát đồng thưa:

–Thật là quý hóa! Bạch Thế Tôn chúng con mong muốn được nghe.

Đức Phật nói:

–Này các thiện nam! Như Lai biến hóa hoa sen giữa hư không bỗng nhiên đổi thành sắc tướng xấu xí, hôi thối đáng chán, làm cho mọi người

đều chán như vậy, trong hoa sen đó hiện ra hình Phật, ngồi kết giá phóng ra trăm ngàn ánh sáng, tướng tốt trang nghiêm mọi người ưa nhìn, biết như thế rồi, lại có các Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tô-la, Nghiệt-lộ-trà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… đảnh lễ cung kính.

Đúng vậy! Đúng vậy! Này các thiện nam! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, Phật dùng trí tuệ sang suốt nhìn thấy sự tham, sân, si, vô minh, phiền não của tất cả chúng sinh, những thiện nam, thiện nữ đó đã bị chìm đắm nơi phiền não, ở trong thai tạng có ức trăm ngàn chư Phật đều giống như ta, Như Lai bằng trí nhãn xem xét các pháp thể của Đức Phật kia, ngồi kiết già yên lặng không lay động, ở nơi tất cả các phiền não nhiễm ô, pháp tạng của Như Lai vốn không lay động, nhìn thấy các cõi không còn đắm nhiễm, cho nên hôm nay ta nói như thế. Tất cả các Như Lai ấy đều như ta không khác.

Này thiện nam! Như Lai dùng trí nhãn của Phật thấy tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng.

Này thiện nam! Ví như dùng Thiên nhãn vi diệu, thấy sắc tướng xấu xí mùi hương hôi thối như vậy, những cánh hoa sen đều héo úa tơi tả, bằng Thiên nhãn xem thấy trong hoa ấy, có thể Phật chân thật ngồi kiết già, biết rõ rồi muốn gặp Như Lai, nên phải trừ bỏ nghiệp ác nhơ bẩn, nhằm hiển hiện hình tướng của Phật. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Như Lai dùng nhãn xem xét tất cả hữu tình đều có Như Lai tạng, làm cho tạng tham, sân, si, vô minh, phiền não của hữu tình ấy, thảy đều trừ diệt mà giảng nói pháp, nhờ nghe pháp mới tu tập chánh hạnh, tức đạt được thể thanh tịnh chân thật của Như Lai. Này thiện nam! Như Lai xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời, pháp tánh, pháp giới, tất cả hữu tình, Như Lai tạng thường hằng không thay đổi.

Lại nữa, này thiện nam! Những chúng sinh nào nhàm chán tạng phiền não trói buộc thì dứt trừ tạng phiền não hại ấy, được trí thanh tịnh của Như Lai. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đối với Bồ-tát mà giảng nói giáo pháp cốt yếu, làm việc ấy khiến cho họ hiểu biết hoàn toàn, đã biết rõ ràng rồi thì đối với giáo pháp thì nắm giữ vững chắc và đối với tất cả phiền não, tùy phiền não được giải thoát, đương lúc đó, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ở thế gian ấy, đạt được số ấy, thì có thể làm Phật sự đối với Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như nhàm chán hoa sen xấu kia
Cùng thai, lá và sâu trong ấy
Ví như Thiên nhãn xem xét thấy

Như Lai tạng không còn đắm nhiễm
Cũng như đã trừ bỏ hoa héo
Ở trong đó thấy thân Như Lai
Không bị các phiền não nhiễm ô
Thì ở thế gian thành Chánh giác
Nay ta thấy rõ các hữu tình
Trong thể vi diệu có Như Lai
Ta dùng Phật nhãn xem xét thấy
Tất cả hữu tình trụ quả Phật
Cho nên ta nói pháp vi diệu
Đạt được ba thân đủ Phật trí

Lại nữa, này thiện nam! Ví như tổ ong mật treo trên cây lớn hình tròn, có trăm ngàn con ong giữ gìn mật ấy, người đàn ông lấy mật, dùng cách khéo léo, đuổi bầy ong kia mà lấy mật, tùy theo mật mà sử dụng. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Tất cả hữu tình giống như ổ mật, bị ức trăm ngàn phiền não, tùy phiền não đã ngăn chận, Phật dùng trí tuệ nhìn thấy biết rồi liền chứng thành Chánh giác.

Này thiện nam! Như túi mật kia, trí giả trượng phu đã biết mật ấy, cũng biết rõ ức trăm ngàn con ong phiền não che giữ, tất cả hữu tình ấy, Đức Như Lai dùng trí tuệ thấy biết đã thành Phật, nhưng họ bị ngăn chặn bỏ ức trăm ngàn phiền não và tùy phiền não.

Này thiện nam! Như Lai dùng thần lực phương tiện khéo léo, bị con ong phiền não làm hại mà dạy cho chúng sinh, giảng nói pháp như thế, làm cho các hữu tình không bị nhiễm ô bởi phiền não, không còn phụ thuộc vào phiền não.

Này thiện nam! Vì sao những hữu tình này được ta dùng trí Như Lai thấy là thanh tịnh? Và ở nơi các thế gian đều làm Phật sự? Này thiện nam! Bằng con mắt thanh tịnh thấy các chúng sinh đều thanh tịnh như vậy.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Giống như túi mật hình tròn lớn
Các con ong giữ gìn che giấu
Người tìm mật thấy như vậy rồi
Tìm cách đuổi hết các con ong
Ta thấy hữu tình nơi ba cõi
Như túi mật ong không khác gì
Ức con ong phiền não chúng sinh
Trong phiền não có Như Lai trụ

Ta, chư Phật luôn dứt sạch
Chặt phiền não kia như đuổi ong
Khéo dùng phương tiện diễn nói pháp
Nhằm chặt đứt các ức phiền não
Vì sao thành Phật làm Phật sự?
Thường ở thế gian như túi mật
Giống như biện luận nói thích mật
Chứng Pháp thân thanh tịnh Như Lai

Lại nữa, này thiện nam! Ví như lúa tẻ thóc đậu, tuy đã thành gạo trắng nhưng còn vỏ trấu, nếu không lựa vỏ trấu thì không thể dùng được.

Này thiện nam! Người tìm thức ăn, hoặc nam hoặc nữ, họ dùng chày cối giã bỏ vỏ trấu kia rồi mới ăn. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, bằng con mắt Như Lai, bị da phiền não bao kín, nếu có thể ngộ hiểu thì thành Chánh giác, an trụ vững chắc vào trí tự nhiên.

Này thiện nam! Tạng Như Lai ấy ở trong tất cả phiền não, Như Lai vì các chúng sinh mà dứt trừ vỏ phiền não, làm cho thanh tịnh thành Phật, nên giảng nói giáo pháp, hãy suy nghĩ, khi nào chúng sinh dứt bỏ tất cả vỏ chứa phiền não, được thành tựu, Như Lai xuất hiện ở đời.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như lúa tẻ và thóc gạo
Hạt lớn hạt nhỏ và vỏ đậu
Đã bị vỏ trấu kia bao kín
Không thể nào dùng để ăn được
Phải dùng cối chày giã bỏ trấu.
Có thể dùng làm nhiều thức ăn
Gạo trắng còn trấu không thể dùng
Không nghĩ chúng sinh làm lợi ích
Ta thường nhìn thấy các hữu tình
Trong phiền não có trí Như Lai
Ta trừ vỏ trấu nói diệu pháp
Mong cho mau ngộ chứng Bồ-đề
Các hữu tình cũng pháp như ta
Trăm phiền não trụ chức bên trong
Ta nói pháp làm cho dứt sạch
Khi nào mau thành thân chư Phật?

Lại nữa, này thiện nam! Ví như hầm chúa các thứ hôi thối, hoặc có

người đàn ông ôm miếng gạch vàng đi qua, bỗng nhiên bị rơi vào trong hầm thối, nhưng cây vàng báu này chìm xuống hầm hôi thối, hoặc trải qua mười năm, hoặc hai mươi năm, hoặc mười lăm năm, hoặc một trăm năm ở nơi phân thối, thể kia vốn không hoại không nhiễm, đối với người không thể làm lợi ích.

Này thiện nam! Dùng Thiên nhãn nhìn thấy gạch vàng kia ở trong hầm thối, bảo người khác nói với người đàn ông đó đến trong hầm phân thối đó có vàng báu đẹp, người kia nghe rồi liền đến lấy, lấy rồi rửa sạch tùy theo vàng để sử dụng. Này thiện nam! Hầm phân thối tích chức là chỉ cho vô số phiền não và tùy phiền não, cây gạch vàng kia gọi là pháp bất hoại, còn Thiên nhãn là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Này thiện nam! Tất cả hữu tình đều có pháp tánh chân thật tối thắng của Như Lai, nhưng bị chìm trong hầm phân phiền não hôi thối, cho nên Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, vì chúng sinh trừ các thứ phiền não hôi thối bất tịnh, mà giảng nói pháp vi diệu làm cho thành Phật, nên xuất hiện ở đời mà làm Phật sự.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như có người ôm gạch vàng
Bỗng nhiên lầm lở rơi hầm phân
Ở trong hầm thối rất nhiều năm
Trải qua thời gian lâu không hoại
Bằng Thiên nhãn quan sát nhìn thấy
Bảo người khác nơi đây có vàng
Người lấy rửa sạch tùy ý dùng
Như ta đã thấy các hữu tình
Đêm dài chìm đắm nơi phiền não
Biết phiền não kia là khách trần
Tự tánh thanh tịnh phương tiện nói
Chứng đắc trí thanh tịnh Như Lai

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người đàn ông nghèo khổ, trong nhà có cái hầm chứa lớn, ngang rộng bằng nhau một Câu-lư-xá, trong đó đựng đầy vàng, vàng đó cất sâu xuống bảy thước đất. Hầm vàng lớn kia không nói rằng: Này người nam kia! Ta ở đây gọi là đại phục tạng. Người đàn ông nghèo khổ kia ôm chịu thiếu thốn, lo buồn khổ nào ngày đêm suy nghĩ, đi qua đi lại trên hầm vàng mà không hay biết, không nghe không thấy đại phục tạng kia đang ở dưới đất. Đúng thế! Đúng thế! Này thiện nam! Tất cả hữu tình trụ nơi chấp thủ như tâm trong nhà, mà trí tuệ của Như Lai, lực

Vô sở úy tạng pháp chư Phật, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc chìm đắm thọ khổ, do không nghe được tạng pháp báu lớn, huống chi đạt được, nếu diệt trừ năm thứ ấy thì được thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai xuất hiện ở đời, ở trong đại chúng, Bồ-tát, khai mở chỉ dạy vô số tạng pháp báu lớn, hiểu rõ pháp thù thắng ấy tức liền giải thoát, nhập vào Bồ-tát, trụ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì tạng pháp thế gian, thấy tất cả hữu tình chưa từng có nhân tướng, cho nên ví dụ nói tạng pháp lớn là đại thí chủ, vô ngại biện tài, vô lượng trí tuệ, lực Vô sở úy, không cùng tạng pháp chư Phật. Như vậy, này thiện nam! Như Lai dùng con mắt thanh tịnh, thấy tất cả chúng sinh đều có đủ Như Lai tạng, do đó, đối với Bồ-tát tuyên nói pháp vi diệu.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như người nghèo, nhà cất giấu
Vàng báu đầy khắp ở trong đó
Vật ấy không động, không suy nghĩ
Cũng chẳng nói rằng ta là vật.
Người kia tuy làm chủ nhà mình
Chịu sự đói nghèo mà không biết
Vật ấy không nói với người khác
Chịu khổ sở trụ nơi khổ não.
Nên ta dùng Phật nhãn quan sát
Thấy tất cả hữu tình đói khát
Trong thân có sẵn đại phục tạng
Trụ thể chư Phật không lay động.
Thấy thể kia nói cho Bồ-tát
Các ông thấu hiểu tạng trí lớn
Thế Tôn đạt được xa lìa khổ
Hay bố thí tài pháp tối thắng.
Tất cả hữu tình có phục tạng
Nếu không hiểu tịnh động thù thắng
Mau chóng chứng đắc tối Chánh giác.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây Đằng tử, Đa-la-tử, Thiệm-bộ-quả-tử, a-ma-la quả-tử, nhờ hạt mầm cây ấy chuyển đổi sinh ra tướng trở thành pháp bất hoại, nếu gặp đất và duyên gieo trồng ở đó, thì thời gian sau sẽ trở thành cây thọ vương lớn. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Như Lai dùng Phật nhãn thấy tất cả hữu tình bị tham, sân, si vô minh, phiền não cho đến tận da thịt, trong tạng tham, sân, si, vô minh, phiền não kia có tạng

tánh Như Lai, do đó gọi là hữu tánh, nếu có thể dừng lại gọi là thanh tịnh, gọi là Niết-bàn, hoặc có thể dứt sạch vô minh phiền não cõi hữu tình, thì gọi là đại trí tụ thể, hữu tình đó là đại trí tụ, nếu Phật xuất hiện ở cõi trời, cõi người giảng nói pháp vi diệu, nếu thấy vậy gọi là Như Lai.

Này thiện nam! Nếu thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đó, thì làm cho các Đại Bồ-tát đều hiểu rõ trí tuệ của Như Lai đã hiện bày.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như trong cây của Đằng tử
Tất cả mầm cây đã có được
Ở nơi gốc Thiệm bộ đều có
Nhờ gieo trồng nên mới được sinh.
Ta thấy như vậy không sai lầm
Tất cả hữu tình dụ Đằng tử
Phật nhãn quán vô lậu tối thắng
Trong đó có đủ thể Như Lai.
Không hoại tạng ấy gọi hữu tình
Trí tuệ bên trong đều giống nhau
An trụ vào định nơi vắng lặng
Không lay động cũng không đạt được.
Vì tịnh kia nên ta nói pháp
Như thế nào thành Đẳng chánh giác
Giống như trồng hạt thành cây lớn
Làm chỗ nương dựa cho thế gian.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người nghe cấy các vật báu tạo tượng Như Lai dài khoảng khuỷu tay, người đàn ông nghèo ấy muốn đem tượng báu đi qua con đường hiểm trở, nhưng sợ giặc cướp mất liền lấy tấm vải rách nát nhơ bẩn quấn tượng cất lại, khiến cho người không nghi ngờ.

Này thiện nam! Người đàn ông nghèo kia đang ở giữa chỗ đồng cỏ rộng lớn bỗng nhiên qua đời, tượng báu Như Lai đang ở trong tấm vải rách nát nhơ bẩn rơi xuống dưới đất lưu lạc ở giữa đồng cỏ rộng lớn, người đi đường qua lại giẫm đạp lên, không biết trong đó có hình tượng Như Lai, do tấm vải nhơ xấu đó bỏ xuống đất, đều chán ghét đâu có nghĩ là Phật? Lúc đó, ở giữa đồng cỏ rộng lớn chư Thiên dùng Thiên nhãn nhìn thấy, liền bảo mọi người đi đường rằng: Các ông, trong tấm vải xấu này có hình tượng Như Lai, vậy phải mau giải thích cho tất cả thế gian nên cung kính đảnh lễ. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Như Lai dùng Phật nhãn thấy tất cả hữu tình giống như tấm vải phiền não nhơ bẩn kia, lâu dài lưu chuyển giữa

con đường hiểm hoang vắng sinh tử, thọ vô lượng thân bàng sinh, tất cả hữu tình ở trong tấm vải nhơ bẩn phiền não kia, đều có thể Như Lai như ta không khác, Như Lai biết rõ tấm vải phiền não dơ đó, vì các Bồ-tát giảng nói pháp vi diệu, làm sao đạt được tri kiến thanh tịnh của Như Lai để trừ bỏ phiền não? Thì đạt được tất cả thể của thế gian.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như tấm vải dơ đáng ghét
Bao kín thể Như Lai trong đó
Tấm vải dơ đã bao tượng báu
Bỏ rơi giữa đường hiểm hoang vắng
Chư thiên dùng Thiên nhãn nhìn thấy
Liền nói với người đi đường rằng
Tượng báu ở trong tấm vải kia
Phải mau khéo bày để cung kính
Ta dùng Thiên nhãn thấy như vậy
Ta thấy tất cả các hữu tình
Bị vải phiền não đã bao quanh
Thọ khổ não sinh tử rất nhiều
Ta thấy trong tấm vải phiền não
Có thể Như Lai ngồi kiết già
An trụ vắng lặng không lay động
Người giải thoát đều không thật có
Nhìn thấy đó rồi đều kinh ngạc
Các ông lắng nghe trụ chánh giác
Tất cả hữu tình pháp như vậy
Ở trong sợ hãi luôn có Phật
Lúc đó các phiền não đều tịnh
Cho nên danh hiệu gọi Như Lai
Trời, người vui mừng và cúng dường

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nữ cô độc, thân thể hôi thối, dung mạo xấu xí giống như quỷ Tất-xá-chi, người thấy chán ghét khủng kiếp, ở trong nhà tầm thường xấu ác, bỗng nhiên qua lại trong bụng có thai, biết chắc là thai của Chuyển luân vương, nhưng người nữ kia tuy có mang thai cũng không suy nghĩ như vầy, vì mang tâm nghèo khổ cơ cực, do tâm yếu đuối thường nghĩ như vậy, thân ta xấu xí nương ở trong nhà tầm thường xấu ác, ngày giờ trôi qua, không biết rõ người nào sinh ở trong bụng ta. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Tất cả hữu tình không có chủ không chỗ nương tựa, sinh trong ba cõi trôi lăn vào nhà tầm thường xấu ác, bị khổ

sinh tử bức bách, nhưng tất cả hữu tình đều có cảnh giới của Như Lai đầy đủ Như Lai tạng, mà hữu tình đó không hay không biết. Này thiện nam! Như Lai không làm cho tất cả hữu tình lừa dối mình, Đức Phật vì họ mà thuyết giảng giáo pháp.

Này thiện nam! Các ông chớ lừa dối mình, hãy phát tâm rộng lớn vững chắc tinh tấn, trong thân các ông đều có thể Phật, ở đời sau sẽ thành Chánh giác, nay ông ở địa vị Bồ-tát tức không còn là phàm phu, qua thời gian sau ở vào hàng Như Lai tức không còn là Bồ-tát nữa.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như người nữ không nương chủ
Thân hình xấu xí khiến chán ghét
Nương vào nhà xấu ác tầm thường
Hoặc đến lúc có mang thai vua.
Người kia mang thai như vậy rồi
Quyết định cho là Chuyển luân vương
Vua kia oai đức quanh bảy báu
Làm chủ thống trị khắp bốn châu.
Người nữ xấu kia từng không biết
Ở trong bụng mình có như vậy
Đang sống trong nhà nghèo thiếu thốn
Ôm tâm lo nghĩ cảnh đói nghèo.
Ta thấy tất cả các hữu tình
Không chủ chịu cảnh khổ bức bách
Ưa thích chìm đắm trong ba cõi
Thai tạng cho thân có pháp tạng.
Nhìn thấy như vậy bảo Bồ-tát
Tất cả hữu tình đủ pháp tánh
Trong thai thế lợi có ánh sáng
Nên sinh cung kính chớ lừa dối.
Siêng năng giữ vững phát tu hành
Không lâu tự thân sẽ thành Phật
Không bao lâu sẽ ngồi đạo tràng
Giải thoát vô lượng ức chúng sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như lấy sáp ong làm cái khuôn, hình tròn làm hình ngựa, hình voi, hình nam, hình nữ, đắp bùn kín lên trên dùng lửa nấu chín, rèn luyện vàng ròng đúc trong sáp ong, đợi cho nó nguội, người thợ mộc đó sắp trở về nhà, bên ngoài sáp ong đó bị bùn đen phủ kín, hình

trạng cháy bỏng bên trong có tượng vàng, hoặc người thợ hoặc để tử của người thợ, biết cái sáp ong ấy đã hủy hoại bởi bùn nhơ, tức đem rửa sạch, trong giây lát tượng vàng báu đó liền sạch sẽ. Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Như Lai dùng Phật nhãn nhìn thấy tất cả hữu tình như tượng vàng sáp ong bên ngoài bị bùn phiền não che đậy, ở bên trong biết có pháp báu vô lậu của Phật.

Này thiện nam! Nay ta xem thấy tất cả hữu tình đều như vậy, ở trong các hàng Bồ-tát giảng nói pháp vi diệu, nếu Đại Bồ-tát, hoặc đạt được tịch tĩnh thanh tịnh, Như Lai vì các hữu tình ấy dùng trượng Kim cang và Pháp nhãn tịnh, để diệt trừ phiền não và tùy phiền não kia, thành tạng báu tịnh trí của Như Lai.

Này thiện nam! Như Lai giống như người cầm tượng báu. Này thiện nam! Nhằm phá tan sắc kia và tùy phiền não, đều được giải thoát gọi là Như Lai. Này thiện nam! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, thấy tất cả hữu tình có Như Lai tạng, nhưng bị chìm đắm trong vô biến ức tạng phiền não, vì các hữu tình kia mà phá tan tạng phiền não, ở tri kiến Phật an trụ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như lấy bùn bao sáp ong
Ở trong hư không, không thật có
Rèn luyện vàng ròng nung nấu chín
Số ấy hoặc trăm hoặc một ngàn.
Người thợ mộc biết đã nguội rồi
Liền phá bùn kia hiện tượng vàng
Rửa hết bùn thì tượng báu sạch
Tâm người thợ vẽ đều thành tựu.
Ta thấy tất cả hữu tình
Giống như tượng vàng đang đắp bùn
Bị phiền não bên ngoài phủ kín
Ở trong đó có trí Như Lai.
Nếu như tịch tĩnh và trong sạch
Trí Bồ-đề thanh tịnh hiện tiền
Dùng gậy pháp khí mà phá tan
Phiền não do đó đều hoại diệt.
Đã có giống Phật của Như Lai
Giống như tượng vàng đều đáng thích
Hết thảy trời người đều cung kính

Thân tướng viên mãn khắp mười phương.
Ta thấy tất cả các hữu tình
Thanh tịnh như thế thành Thiện Thệ
Thành tựu Thiện Thệ, thành Phật nhãn
Đầy đủ Vô thượng Tát-bà-nhã.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ:

–Này thiện nam! Nếu có người thiện nam, tín nữ nào hoặc tại gia hoặc xuất gia, đối với tạng kinh điển pháp yếu của Như Lai này, thọ trì, đọc tụng, ghi chép quyển kinh, vì người khác giảng nói rộng ra thì được vô lượng phước, hoặc có người thiện nam, tín nữ, hoặc ngoài Bồ-tát, đối với trí của Như Lai mà tích chứa, siêng năng cúng dường tất cả Như Lai, ở trong mỗi thế giới, thành tựu sắc Tam-muội như vậy, nhờ oai lực của sắc Tam-muội ấy, đạt được hơn hằng hà sa số ức na-do-tha chư Phật hiện tại, đối với mỗi một Đức Phật đã làm việc cúng dường Bồ-tát, Thanh văn, Tăng chúng. Như thế cho đến hơn năm mươi hằng hà sa chư Phật Thế Tôn, đương lúc đó hòa thích an vui, đều làm trăm ngàn lầu gác báu vi diệu, mỗi mỗi lầu cao mười do-tuần, ngang rộng bằng nhau một do-tuần, lấy các đồ báu đựng hương thơm của trời, rải vô số hoa thành vô số đồ thọ dụng, ngày nào cũng thế trải qua ngàn kiếp, lúc đó, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đều phát tâm Bồ-đề đối với kinh Như Lai tạng này, lấy một ví dụ, hoặc ở nơi thân, hoặc ở trong quyển kinh, Bồ-tát Kim Cang Tuệ nhờ phước nghiệp đời này và phước nghiệp đời trước, an lập Như Lai trăm phần, ca-la phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, không bằng một phần ca-la này, cho đến toán số ví dụ cũng chẳng bằng. Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, cầu Vô thượng Bồ-đề, đối với chư Phật Thế Tôn, Bồ-tát, Thanh văn và đại chúng, đem trăm ngàn hoa Mạn-đà-la, hằng ngày cúng dường mãn một ngàn kiếp, Bồ-tát Kim Cang Tuệ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều pháp tâm Bồ-đề, nghe pháp yếu kinh Như Lai Tạng này đều chắp tay đảnh lễ nói lời tùy hỷ, Bồ-tát Kim Cang Tuệ nhờ căn lành phước đức đời này và căn lành công đức dâng hoa đời trước, tạo lập Như Lai sánh với công đức trước, trăm phần, ca-la phần, ngàn phần, vô số phần không bằng một phần.

Rồi Đức Thế Tôn nói kệ:

Hoặc có người thích cầu Bồ-đề
Nghe kinh điển này và thọ trí
Cho đến biên chép thành quyển kinh
Luôn cung kính với một bài kệ.

Và ghi nhớ phước tăng vô lượng
Phát sinh vô lượng tạng phước đức
Được nghe kinh tạng của Như Lai
Hoặc cầu hạnh Bồ-đề tối thắng.
Dùng lực thần thông trụ Đại thừa
Cúng dường cung kính Nhân Trung Tôn
Cùng các Thanh văn khắp mười phương
Trải qua đầy đủ một ngàn kiếp.
Vô số ngàn kiếp như hằng sa
Vượt qua số ấy không nghĩ bàn
Mỗi một thế gian làm vô lượng
Dùng ngọc báu làm lầu gác đẹp.
Lầu ấy cao đến mười do-tuần
Ngang rộng bằng nhau một do-tuần
Hương bột hương đốt dâng cúng dường
Ngồi trong tòa bảy báu vi diệu.
Dùng lụa đẹp phủ ở phía trên
Và trang trí tòa ngồi xinh đẹp
Số ấy giống như hằng hà sa
Mỗi mỗi đều cúng dường chư Phật.
Mỗi một chỗ đều chở Như Lai
Có các Như Lai ở trong đó
Số kia giống như hằng hà sa
Đều làm Phật sự để cúng dường.
Nếu có người trí nghe kinh này
Lấy một ví dụ thực hành đúng
Có thể thọ trì và đọc tụng
Phước này trội hơn phước đời trước.
Hữu tình quy y nơi kinh này
Mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề
Pháp tương ưng Như Lai tạng ấy
Nếu hay nhớ nghĩ trí Bồ-tát.
Tất cả hữu tình được pháp tánh
Nhanh chóng giác ngộ, tự nhiên trí.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ, lấy đó mà biết được pháp môn này, rất nhiều lợi ích đối với Đại Bồ-tát, có thể chứng Nhất thiết chủng trí. Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Ta nhớ quá khứ vô lượng, vô số quảng đại chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng bất khả thuyết kiếp, cho đến sau này, lúc đó

có Phật gọi là Thường Phóng Quang Minh đầy đủ mười hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trương Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Vì nhân duyên gì Đức Phật Thế Tôn đó, gọi là Thường Phóng Quang Minh?

Này Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Đức Phật Thế Tôn Thường Phóng Quang Minh kia, là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, là vị Bồ-tát lúc còn ở trong thai mẹ, ánh sáng nơi thân chiếu thấu ra ngoài, chiếu sáng khắp trăm ngàn thế giới nhiều như vi trần của mười cõi Phật ở phương Đông, chiếu như vậy rồi, cho đến phương Nam, Tây, Bắc bốn phía trên dưới mỗi phương cũng đều chiếu sáng khắp trăm ngàn thế giới nhiều như vi trần trong mười cõi Phật. Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Những thế giới ấy, là do Bồ-tát đang ở trong thai mẹ, mà ánh sáng của thân chiếu khắp, ánh sáng này làm cho mọi người ưa thích phát sinh hoan hỷ.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Do ánh sáng nơi thân Bồ-tát chiếu ra như vậy, cho nên trăm ngàn thế giới nhiều như số vi trần, trong đó có hữu tình chạm vào ánh sáng này, thì đạt được oai đức lớn, đầy đủ sắc tướng, đầy đủ niệm, đầy đủ tuệ, đầy đủ hạnh, đầy đủ trí, đầy đủ biện tài, tất cả chúng sinh ở trong các thế giới đó, bị đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, cõi A-tu-la, nhờ ánh sáng của thân Bồ-tát ấy chiếu ra, chạm vào ánh sáng rồi, thì được thoát khỏi các cõi ác thân sinh lên cõi trời, cõi người, các thế giới đó có trời người, nhờ ánh sáng nơi thân Bồ-tát chiếu vào thì sẽ đạt được Bồ-đề vô thượng, đạt bất thoái chuyển, được năm thần thông, các thế giới đó đã có Bồ-tát Bất thoái chuyển, thì ánh sáng của thân Bồ-tát ấy chiếu ra, chạm vào ánh sáng rồi đều thành tựu được Vô sinh pháp nhẫn, mỗi mỗi đạt được Danh ngũ bách công đức chuyển Đà-la-ni, trăm ngàn thế giới nhiều như vi trần ấy, đều nhờ ánh sáng của thân Bồ-tát chiếu thành phệ lưu ly, vàng ròng làm dây để giăng tám đường, tất cả cây báu xếp thành tám hàng ngay thẳng, hoa trái trang nghiêm sắc hương đặc biệt, các cây báu đó gió thơm lay chuyển từ trong cây phát ra âm thanh hòa nhã êm dịu rất hay, nghĩa là bằng tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng Bồ-tát, tiếng Bồ-đề, tiếng căn lực giác phần, tiếng giải thoát, tiếng đẳng trì, tiếng đẳng chí, nhờ tiếng của cây báu, nên tất cả hữu tình ở trong trăm ngàn cõi như số vi trần đó, trong các thế giới đó đã có tất cả hữu tình, đều xa lìa cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la. Bồ-tát đó còn ở trong thai mẹ, mà ánh sáng như mặt trăng, chắp tay an trụ, ngày đêm sáu trời thường phóng ánh sáng, cho đến khi sinh ra.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Bồ-tát đó lúc mới sinh đã thành Chánh giác, Đức Phật Thế Tôn đó đã thành Phật rồi, trong thân luôn phóng ra ánh sáng, thậm chí đến lúc Niết-bàn luôn phóng ra ánh sáng, Đức Phật Thế Tôn đó sau khi Niết-bàn còn lại xá-lợi đặt ở trong tháp cũng phóng ra ánh sáng.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Vì nhân duyên ấy cho nên trời, người thường xưng danh hiệu Thế Tôn đó, tên là Như Lai Thường Phóng Quang Minh.

Lại nữa, này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Đức Phật Thế Tôn Thường Phóng Minh Quang đó, khi Như Lai trụ ở đời, có một Bồ-tát tên là Vô Lượng Quang, cùng hai mươi ức Bồ-tát làm quyến thuộc, lúc đó, Bồ-tát Vô Lượng Quang, đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Thường Phóng Quang Minh ấy, đã từng thưa hỏi về pháp môn Như Lai tạng này.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Thường Phóng Quang Minh ấy ở trong năm trăm kiếp không rời chỗ ngồi, tuyên giảng nói kinh Như Lai tạng, dùng vô số câu phân biệt pháp yếu, vô ngại biện tài, trăm ngàn thí dụ, thương xót vị Bồ-tát kia, cho nên giảng nói rộng về pháp yếu thâm thúy Như Lai tạng này, ở trong ức trăm ngàn thế giới nhiều như số vi trần của mười cõi Phật khắp mười phương, Bồ-tát dùng công lực nhỏ để chỉ dạy đều giác ngộ.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Bồ-tát ở trong đó nghe kinh Như Lai tạng này, cho đến nghe danh hiệu của kinh, tất cả căn lành dần dần thành tựu, đã thành tựu rồi, ở nước khác thành bậc Chánh giác, trừ bốn Đại Bồ-tát không chấp thủ Bồ-đề.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Nếu sinh niệm khác, lúc đó Bồ-tát Vô Lượng Quang đâu phải người nào khác tức là thân ông. Vì sao? Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Khi xưa ông làm Bồ-tát tên là Vô Lượng Quang.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Đức Phật kia ở đời, bốn Đại Bồ-tát không chấp thủ Bồ-đề, đó là Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Kim Cang Tuệ là ông vị thứ tư.

Này Bồ-tát Kim Cang Tuệ! Pháp yếu của Như Lai tạng làm lợi ích rất lớn, Đại Bồ-tát nghe được cho nên thành tựu Phật trí này.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Xưa Thế Tôn Thường Phóng Quang Minh
Đời quá khứ quá vô lượng kiếp
Thường dùng thân phóng ánh sáng lớn
Chiếu sáng ức trăm ngàn thế giới.
Thành Vô thượng Chánh giác đầu tiên

Lúc đó Bồ-tát Vô Lượng Quang
Thưa hỏi thế Tôn về Pháp vương
Khi giảng nói kinh điển như vậy.
Đức Phật ấy thường nghe kinh rồi
Đều đạt được Bồ-đề tối thắng
Chỉ trừ bốn Đại Bồ-tát ấy
Đắc Đại Thế và Quán Tự Tại.
Mạn-thù-thất-lợi vị thứ ba
Thứ tư là ông Kim Cang Tuệ
Đương lúc đó nghe kinh điển này
Lúc xưa Bồ-tát Vô Lượng Quang.
Tức nay là ông Kim Cang Tuệ
Vào thời đó đang làm Phật tử
Ta trước đây từng làm thắng hạnh
Nghe danh hiệu kinh vi diệu này.
Đi đến chỗ Sư Tử Như Lai
Cung kính chắp tay nghe kinh điển
Xưa ta nhờ gieo nghiệp căn lành
Chứng quả vị Bồ-đề tối thắng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ:

–Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào, bị trói buộc bởi nghiệp chướng, thì nghe kinh Như Lai Tạng này, thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người khác, do người đó nghe kinh này rồi thọ trì đọc tụng, giảng nói ghi chép quyển kinh, chỉ dùng một chút siêng năng thì nghiệp chướng tiêu diệt, Phật pháp hiện tiền.

Lúc đó, Cụ thọ Khánh Hỷ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ bị nghiệp chướng ràng buộc, thì có bao nhiêu Đức Phật Thế Tôn gia trì nói pháp? Được nghe nhiều biết rộng và đạt được pháp yếu tương ưng?

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả Khánh Hỷ! Nếu có thiện nam, thiện nữ, ở chỗ trăm Đức Phật được gia trì nói pháp, hoặc có hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, hoặc một ngàn, hai ngàn, hoặc ba bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín ngàn, hoặc mười ngàn Đức Phật gia trì thuyết Phật, hoặc có hai trăm ngàn, hoặc có ức triệu trăm ngàn chỗ Phật, thuyết pháp được lắng nghe thọ trì.

Này Cụ thọ Khánh Hỷ! Nếu có Bồ-tát, đạt được pháp Như Lai tạng này, ghi chép kinh quyển đọc tụng thọ trì, suy nghĩ nghĩa lý giảng nói sâu

rộng cho người khác, vị Bồ-tát đó suy nghĩ như vầy, hôm nay ta đạt được Bồ-đề vô thượng, người đó được thọ nhận sự cúng dường cung kính của Trời, Người và A-tu-la. Đức Phật nói thế rồi, tự nhiên vui mừng.

Rồi Đức Thế Tôn nói kệ:

Đại Bồ-tát nghe Tu-đa-la
Suy nghĩ chúng Bồ-đề tối thắng
Nếu người nào chép được kinh này
Trời, người lễ lạy và cung kính.
Chư Phật Thế Tôn Đại Tôn Sư
Khen ngợi người kia bậc hơn hết
Cũng gọi là Pháp vương tối thắng
Nếu kinh này vào tay của họ.
Là người sáng suốt như trăng tròn
Được sự cung kính như Thế Tôn
Thọ trì đuốc pháp làm Thế Tôn
Nhờ kinh này vào tay người ấy.

Bấy giờ, Đức Phật nói kinh này xong, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ và các Đại Bồ-tát, đại chúng, các Thanh văn, Trời, Người, A-tu-la… nghe Đức Phật giảng dạy vui mừng phụng hành.

-oOo-

SỐ 668

KINH KHÔNG TĂNG KHÔNG GIẢM

Hán dịch: Vào đầu nhà Ngụy, ngài Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người Bắc Ấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và vô số các vị Đại Bồ-tát, đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, trong thành Vương xá. Vào lúc đó, từ giữa đại chúng, Tuệ mạng Xá-lợi-phất đứng dậy đến trước Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, lui sang một bên rồi chắp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Từ vô thủy đến nay, hết thảy chúng sinh, qua lại trong ba cõi, sáu đường, trôi lăn sống chết trong bốn loài, chịu khổ vô cùng cực. Bạch Thế Tôn! Hết thảy chúng sinh này, nhóm lại trong bể chúng sinh thì có tăng giảm hay không có tăng giảm? Ý nghĩa này quá sâu kín, con không thể giảng giải được. Giả sử như có người hỏi, con biết trả lời sau đây?

Đức Thế Tôn liền bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thật tốt thay! Này Xá-lợi-phất! Vì muốn làm cho tất cả chúng sinh được an ổn, làm cho tất cả chúng sinh được an vui, vì thương xót tất cả chúng sinh, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh, vì muốn làm cho tất cả chúng sinh được an vui, sung túc và vì hàng trời, người, mà ông hỏi ta với ý nghĩa sâu xa này.

Xá-lợi-phất! Nếu như không hỏi ta về nghĩa lý như vầy, thì ông thật có lỗi nhiều lắm. Vì sao? Vì vào những đời quá khứ, hiện tại và vị lai, tất cả chúng sinh trong hàng trời, người, cứ mãi chịu những việc sầu não, tổn hại. Họ đã hoàn toàn mất đi tất cả những sự an vui và lợi ích.

Này Xá-lợi-phất! Những người tà kiến sâu nặng, họ quan niệm cõi chúng sinh tăng, cõi chúng sinh giảm.

Xá-lợi-phất! Vì quan niệm như vậy, nên những gì họ thấy đều như mù không có mắt. Và bởi thế, họ mới luôn luôn lầm lạc, tạo ra những điều sai quấy, đi vào con đường tà; và đó là nhân duyên mà ngay trong đời hiện tại này, họ phải bị đọa vào trong các nẻo ác.

Xá-lợi-phất! Có những người đại hiểm nạn, cho rằng cõi chúng sinh tăng, cho rằng cõi chúng sinh giảm, rồi bám chặt vào những suy tính không thật ấy.

Xá-lợi-phất! Vì do bám chặt vào những suy tính không thật này, cho nên những chúng sinh đấy, luôn luôn lầm lạc, tạo ra những điều sai quấy, đi vào con đường tà và đó là nhân duyên trong đời sau phải bị đọa vào các nẻo ác.

Xá-lợi-phất! Vì không biết không thấy một cách như thật về một pháp giới, cho nên tất cả hàng phàm phu ngu si mới khởi tâm tà kiến, rồi cho rằng cõi chúng sinh Tăng, cõi chúng sinh giảm.

Xá-lợi-phất! Khi ta còn ở đời, các đệ tử của ta không khởi lên các quan niệm ấy. Thế nhưng hơn năm trăm năm sau khi ta diệt độ, ngay trong giáo pháp của ta, mặc dù cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, hiện tướng Sa-môn, nhưng phần nhiều, có những kẻ ngu muội, không trí tuệ, bên trong hoàn toàn không có đức hạnh của một vị Sa-môn. Như vậy, những kẻ này, chẳng phải là Sa-môn, mà tự cho là Sa-môn, chẳng phải đệ tử của Phật, mà tự cho là đệ tử của Phật, rồi tự nói: "Ta chính là Sa-môn, chính là đệ tử của Đức Phật." Như thế, họ đã khởi lên quan niệm tăng giảm. Vì sao? Vì những chúng sinh này, dựa vào bất liễu nghĩa kinh của Như Lai, mà không có Tuệ nhãn, xa lìa quan niệm không như thật thấy, không biết một cách đúng đắn về sự phát tâm ban đầu và những chỗ chứng đạt của Như Lai; không biết một cách đúng đắn về sự tu tập vô lượng hạnh công đức Bồ-đề; không biết một cách đúng đắn về vô lượng pháp mà Như Lai đã đạt được; không biết một cách đúng đắn về vô lượng lực của Như Lai; không biết một cách đúng đắn về cảnh giới vô lượng của Như Lai; không tin vô lượng hành xứ của Như Lai; không biết một cách đúng đắn về vô lượng pháp tự tại không thể nghĩ bàn của Như Lai; không biết một cách đúng đắn về vô lượng phương tiện không thể nghĩ bàn của Như Lai; không thể phân biệt một cách đúng đắn về vô lượng cảnh giới sai khác của Như Lai; không thể khéo nhập vào lòng lành rộng lớn không thể nghĩ bàn của Như Lai; không biết một cách đúng đắn về đại Niết-bàn của Như Lai.

Này Xá-lợi-phất! Vì không có văn tuệ nên nghe Niết-bàn của Như Lai, hàng phàm phu ngu si này liền khởi lên ý tưởng đoạn kiến và diệt kiến và vì khởi lên ý tưởng đoạn, diệt như vậy, họ cho rằng cõi chúng sinh giảm, nên sâu nặng về tà kiến và lún sâu vào ác nghiệp.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Dựa theo quan điểm về giảm đó, các chúng sinh này, lại khởi lên ba quan điểm khác. Và ba loại quan điểm này, lại

không tách rời với quan điểm về giảm kia, chẳng khác nào như tấm lưới liên kết chẳng thể xa rời được. Vậy ba quan điểm đó là gì?

1. Quan điểm về đoạn: Nghĩa là cuối cùng thì hết.

2. Quan điểm về diệt: Nghĩa là Niết-bàn.

3. Quan điểm về không Niết-bàn: Nghĩa là Niết-bàn này vắng lặng, rốt ráo.

Xá-lợi-phất! Ba quan điểm này, nó trói buộc như vậy, nó chấp chặt như vậy, nó xúc như vậy. Do sức của ba quan điểm này làm nhân duyên, cho nên mới xoay vần, lần lượt phát sinh ra hai loại tà kiến. Hai loại tà kiến này nó không tách rời với ba quan điểm kia, chúng giống như tấm lưới. Vậy hai quan điểm này là gì?

1. Quan điểm vô dục.

2. Quan điểm rốt ráo không có Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Dựa vào quan điểm vô dục, lại khởi lên hai quan điểm khác. Hai quan điểm này, không tách rời với quan điểm vô dục, chúng giống như tấm lưới. Vậy hai quan điểm đó là gì?

1. Quan điểm giới thủ.

2. Quan điểm khởi tịnh điên đảo trong bất tịnh.

Xá-lợi-phất! Dựa vào quan điểm rốt ráo không có Niết-bàn, lại khởi lên sáu loại quan điểm khác, sáu quan điểm này, lại không tách rời với quan điểm không có Niết-bàn, chúng giống như tấm lưới. Vậy sáu quan điểm đó là gì?

1. Quan điểm thế gian có đầu mối.

2. Quan điểm thế gian có chung cuộc.

3. Quan điểm chúng sinh do huyễn hóa sinh ra.

4. Quan điểm không có khổ, không có vui.

5. Quan điểm không có nghiệp của chúng sinh.

6. Quan điểm không có Thánh đế.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Dựa vào hai quan điểm tăng ấy, các chúng sinh này lại khởi lên hai quan điểm khác. Hai quan điểm này, lại không tách rời với quan điểm tăng kia, chúng giống như tấm lưới. Vậy hai quan điểm đó là gì?

1. Quan điểm Niết-bàn đã có từ đầu.

2. Quan điểm không do nhân, không do duyên mà bỗng nhiên có.

Xá-lợi-phất! Vì hai loại quan điểm này cho nên ngay trong pháp lành,

các chúng sinh đây không có tâm mong mỏi, không có tâm siêng năng tinh tấn.

Xá-lợi-phất! Do các chúng sinh đấy, khởi lên hai loại quan điểm như thế, nên đã khiến bảy vị Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, lần lượt xuất hiện ở đời, vì họ mà thuyết pháp, ở ngay trong pháp lành hoặc sinh tâm ham muốn, hoặc sinh tâm siêng năng tinh tấn. Điều đó không thể xảy ra.

Xá-lợi-phất! Hai loại quan điểm này, chính là nền tảng của vô minh và các hoặc. Đó chính là quan điểm Niết-bàn đã có từ đầu và quan điểm không do nhân, không do duyên, bỗng nhiên mà có.

Xá-lợi-phất! Hai loại quan điểm này, chính là pháp cực ác, là gốc rễ của những họa lớn.

Xá-lợi-phất! Dựa vào hai quan điểm này, mà khởi lên tất cả quan điểm khác. Tất cả quan điểm khác này, lại không tách rời với hai quan điểm kia, chúng giống như tấm lưới. Nói tất cả quan điểm, đó tức là các quan điểm hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc to, hoặc nhỏ, hoặc chính giữa. Hết thảy đó chính là cái quan điểm về tăng, về giảm.

Xá-lợi-phất! Hai loại quan điểm này, dựa vào một cõi, đồng một cõi, hợp một cõi. Vì không biết một cách đúng đắn về một cõi kia, vì không thấy một cách như thật về một cõi kia, nên những hàng phàm phu, ngu si này, mới khởi lên tâm ác sâu nặng, tâm tà kiến sâu nặng, rồi cho cõi chúng sinh tăng, cõi chúng sinh giảm.

Bấy giờ, ngài Tuệ mạng Xá-lợi-phất, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là một cõi? Vì không biết một cách đúng đắn về một cõi kia, vì không thấy một cách như thật về một cõi kia, nên tất cả những kẻ phàm phu, ngu si, mới khởi lên tâm cực ác, tâm đại tà kiến, rồi cho rằng cõi chúng sinh có tăng, có giảm.

Xá-lợi-phất thưa tiếp:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Nghĩa này sâu xa, con chưa thể hiểu được, cúi xin Thế Tôn giải thích, để cho con được hiểu rõ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Nghĩa lý sâu xa này, chính là cảnh giới trí tuệ của Như Lai, mà cũng chính là chỗ thực thi nơi tâm Như Lai. Xá-lợi-phất! Đối với nghĩa lý sâu xa như vầy, thì trí tuệ của tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, không thể nào hiểu thấu được, không thể nào thấy được, không thể nào xem xét kỹ được, huống chi những kẻ phàm phu, ngu si này, thì làm sao có thể liệu lường

được. Duy có trí tuệ của chư Phật, của Như Lai mới có thể quán sát được, thấy được và hiểu thấu được nghĩa lý này thôi.

Xá-lợi-phất! Cái trí tuệ mà tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác có, đối với nghĩa lý này, chỉ có thể kính ngưỡng mà tin theo, chớ không thể nào biết, thấy và quán sát một cách chính xác như thật về cái nghĩa lý này được cả.

Xá-lợi-phất! Nghĩa lý sâu xa này, tức là Đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này, tức là cõi chúng sinh. Cõi chúng sinh tức Như Lai tạng. Như Lai tạng tức là Pháp thân.

Xá-lợi-phất! Như cái nghĩa Pháp thân, mà ta đã nói, nó vượt qua cả công đức, trí tuệ của Như Lai, cả hằng sa Phật pháp, không lìa, không thoát, không đứt, không khác, không thể nghĩ bàn.

Xá-lợi-phất! Như những ánh sáng rực rỡ và sự xúc chạm không lìa, không thoát, của ngọn đèn thế gian. Lại như hình tướng và ánh sáng rực rỡ của hạt ngọc báu Ma-ni, nó không lìa, không thoát.

Xá-lợi-phất! Cái nghĩa Pháp thân mà Như Lai đã nói, nó cũng như vậy. Nó vượt hẳn cả công đức, trí tuệ của Như Lai, cả hằng sa Phật pháp, không lìa, không thoát, không đứt, không khác, không thể nghĩ bàn.

Xá-lợi-phất! Pháp thân này, là pháp không sinh, không diệt; chẳng phải là ngằn mé của quá khứ; chẳng phải ngằn mé của vị lai; nó lìa khỏi nhị biên. Xá-lợi-phất! Chẳng phải là ngằn mé của quá khứ, tức là xa lúc sinh ra; chẳng phải ngằn mé của vị lai, tức là xa lúc diệt.

Xá-lợi-phất! Pháp thân Như Lai, luôn vì là pháp không khác, vì là pháp không tận.

Xá-lợi-phất! Pháp thân Như Lai "hằng", vì luôn có thể nương dựa, vì bình đẳng cả thời vị lai.

Xá-lợi-phất! Pháp thân Như Lai mát mẻ, vì là pháp không hai, vì là pháp không phân biệt.

Xá-lợi-phất! Pháp thân Như Lai không thay đổi, vì là pháp chẳng phải bị diệt, vì là pháp chẳng phải do tạo ra.

Xá-lợi-phất! Bởi đã trải qua sự trói buộc của hằng sa vô biên phiền não; bởi từ vô thủy đến nay, tùy thuận theo thế gian, mà lênh đênh trên những làn sóng qua lại trong sinh tử, nên Pháp thân này, được gọi là chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Pháp thân này nhàm chán, xa lìa những khổ não, sinh tử ở thế gian, vứt bỏ tất cả mọi ham muốn, mong cầu thực hành mười pháp

Ba-la-mật, thu tóm tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu hạnh Bồ-đề, cho nên Pháp thân này, được gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Pháp thân này, xa lìa mọi phiền não ở thế gian; thoát khỏi mọi ràng buộc khổ não; xa lìa tất cả sự dơ bẩn của phiền não; được trong sạch, an trụ trong pháp trong sáng nơi bờ giác; đến những nơi mà chúng sinh mong mỏi, thông suốt một cách rốt ráo tất cả cảnh giới, không có gì hơn được; xa lìa tất cả chướng ngại; được sức tự tại ở trong tất cả các pháp; nên được gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Do đó, này Xá-lợi-phất! Không thể có Pháp thân, khi xa lìa cõi chúng sinh, không thể có cõi chúng sinh khi lìa Pháp thân. Cõi chúng sinh tức là Pháp thân, Pháp thân cũng chính là cõi chúng sinh. Xá-lợi-phất! Hai pháp này, một nghĩa khác tên gọi.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Theo những điều, ta đã nói ở trên, trong cõi chúng sinh cũng có ba pháp. Những pháp này, đều chân thật, không sai, không khác. Vậy ba pháp đó là gì?

1. Như Lai tạng bản tế, tương ưng với thể và pháp trong sạch.

2. Như Lai tạng bản tế, không tương ưng với thể, trói buộc bởi phiền não và pháp không trong sạch.

3. Như Lai tạng vị lai tế mãi mãi bình đẳng cùng với pháp hữu.

Xá-lợi-phất! Ông nên biết! Như Lai tạng bản tế tương ưng với thể và pháp trong sạch tức là pháp này, như thật, không giả dối, không lìa, không thoát; là cõi pháp của trí tuệ, trong sạch, chân như; là pháp không thể nghĩ bàn. Cái thể tương ưng với pháp thanh tịnh này, từ vô thủy bản tế đến nay nó đã có sẵn.

Xá-lợi-phất! Vì hàng chúng sinh, nên ta dựa vào cõi pháp trong sạch chân như này, mà nói pháp không thể nghĩ bàn, đó là tự tánh thanh tịnh tâm.

Xá-lợi-phất! Nên biết, Như Lai tạng bản tế không tương ưng với thể và pháp phiền não trói buộc không trong sạch; tức là pháp này, từ xưa đến nay là lìa, thoát, không tương ưng, bị phiền não trói buộc; là pháp không trong sạch, duy chỉ có trí Bồ-đề của Như Lai, mới có thể đoạn trừ.

Xá-lợi-phất! Vì hàng chúng sinh, nên ta dựa vào cõi pháp bị phiền não trói buộc, không tương ưng, không thể nghĩ bàn này, mà nói pháp bị nhiễm bởi khách trần phiền não; đó là tâm tự tánh trong sạch, không thể nghĩ bàn.

Xá-lợi-phất! Nên biết, Như Lai tạng vị lai tế mãi mãi bình đẳng

cùng với pháp hữu, tức pháp này, là nền tảng của tất cả pháp, nó chuẩn bị và làm cho đầy đủ tất cả pháp, trong pháp thế gian, nó không lìa không thoát chân thật với tất cả pháp; nó nắm giữ tất cả pháp, tóm thâu tất cả pháp.

Xá-lợi-phất! Ta dựa vào cõi pháp trong sạch, không thể nghĩ bàn, không sinh, không diệt, mát sạch, thường hằng, bất biến, để quay về nương tựa mà gọi là chúng sinh. Vì sao? Nói chúng sinh, tức là nói đến cái tên khác của cõi pháp trong sạch, không thể nghĩ bàn, không sinh, không diệt, thường hằng, mát mẻ, bất biến, để quay về nơi nương tựa. Vì nghĩa đó dựa vào pháp này, ta gọi là chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Ba loại pháp này, đều là chân thật, không sai, không khác. Trong pháp chân thật không sai, không khác, ba pháp này rốt ráo, không khởi lên hai loại tà kiến cực ác và không tốt. Vì sao? Vì đó là quan điểm đúng đắn, cho nên gọi là quan điểm tăng và giảm. Xá-lợi-phất! Hai loại tà kiến này, chư Phật Như Lai đều rốt ráo xa lìa, cũng là điều mà chư Phật Như Lai quở trách.

Xá-lợi-phất! Nếu như có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khởi lên một quan điểm hoặc hai quan điểm, rồi cho các Đức Phật Như Lai, chẳng phải là Đấng Thế Tôn của họ. Như vậy, những người này, chẳng phải là đệ tử của ta. Xá-lợi-phất! Do vì khởi lên hai quan điểm ấy, cho nên những người này, họ từ chỗ tối tăm này, đi vào chỗ tối tăm khác. Với những người này, ta gọi họ là những kẻ chẳng tin Phật pháp. Thế nên, này Xá-lợi-phất! Nay ông nên học pháp này, để giáo hóa những chúng sinh ấy, khiến cho họ xa lìa hai quan điểm kia, mà trụ vào trong chánh đạo. Xá-lợi-phất! Đối với những pháp này, ông cũng phải nên học, để xa lìa hai quan điểm kia, mà trụ trong chánh đạo.

Khi Phật nói kinh này xong, ngài Tuệ mạng Xá-lợi-phất! Cùng tất cả những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các vị Đại Bồ-tát cùng các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân tất cả đại chúng, thảy đều vui mừng, tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 669

KINH VÔ THƯỢNG Y

Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng Pháp sư Chân Đế, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: SỰ SUY LƯỜNG CÔNG ĐỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, Đức Phật Thế Tôn đang cư ngụ cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo. Ngoại trừ Tôn giả A-nan đang còn ở học địa ra, những vị Tỳ-kheo khác như Tịnh mạng A-nhã Kiều-trần-như, Tịnh mạng Mã Thắng, Tịnh mạng Hiền Thắng, Tịnh mạng Bà-sa-ba, Tịnh mạng Ma-ha Na-ma, Tịnh mạng Ấu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Tịnh mạng Già-da Ca-diếp, Tịnh mạng Na-đề Ca-diếp, Tịnh mạng Da-du-đà, Tịnh mạng Ma-ha Ca-diếp, Tịnh mạng Xá-lợi-phất, Tịnh mạng Ma-ha Mục-kiền-liên, Tịnh mạng Tu-bồ-đề, Tịnh mạng Tu-bà-hầu-la, Tịnh mạng Ma-ha Câu-hy-la, Tịnh mạng Ưu-ba-ly, Tịnh mạng Phú-lâu-na-di Đà-la-ni-tử, Tịnh mạng Ma-ha Thuần-đà, Tịnh mạng Ma-ha Kiếp-tân-na, Tịnh mạng Ly-bà-đa, Tịnh mạng Tất-lăng-già-bà-tha, Tịnh mạng A-ni-lâu-đà, Tịnh mạng Tôn-đà-la-nan-đà, Tịnh mạng La-hầu-la… gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị, các vị đều là những bậc La-hán, đều là những vị, đã dứt sạch các lậu hoặc, đã hoàn tất mọi công việc, đã bỏ được gánh nặng, đã đạt được những lợi ích, đã tháo gỡ sạch mọi ràng buộc, tâm tánh khéo được giải thoát khéo được tự tại, khéo thông được Chỉ quán. Lại có năm trăm vị thuộc chúng đại Tỳ-kheo-ni như Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Tỳ-kheo-ni Thanh Liên Hoa Sắc, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Tỳ-kheo-ni Da-du-đà-la… và như vậy, mỗi vị đều có các quyến thuộc. Lại có cả vô lượng, trăm ngàn vị Đại Bồ-tát, từ những phương khác tới. Những vị này đều thuộc chúng Bồ-tát trong hiền kiếp. Là những vị, đã thông đạt được pháp tánh rộng lớn sâu xa, giáo hóa mọi nơi, khéo hành sự bình đẳng, tu đạo Bồ-tát, khiến cho tất cả những Thiện tri thức trong chúng sinh, đều được vô ngại Đà-la-ni, chuyển bánh xe pháp

không thoái; đã cúng dường khắp vô lượng chư Phật. Trong hàng Thánh Nhất sinh bổ xứ, Bồ-tát Di-lặc làm vị đứng đầu. Lại có cả trăm ngàn vạn chúng Ưu-bà-tắc do vua Tần-bà-sa-la đứng đầu. Lại có cả trăm ngàn chúng Ưu-bà-di, do phu nhân Tỳ-đề-hy làm người đứng đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn được các hàng trời, người cung kính tôn trọng, theo nhau cúng dường. Khi ấy, nương theo thần lực của Phật, từ giữa đại chúng, ngài Tịnh mạng A-nan, liền đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải chạm đất, đảnh lễ Thế Tôn, rồi chắp tay hướng Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con quấn y, ôm bát, vào thành Vương xá, tuần tự khất thực. Thấy ở một nơi, có một tòa lầu cao lớn, trang hoàng mới mẻ, được chạm khắc đẹp đẽ, trong ngoài kín đáo, con liền nghĩ: "Nếu như có những trai, gái tốt lành, với lòng tin trong sạch, xây tòa lầu cao lớn này, cúng dường đầy đủ cho bốn thứ cần dùng chúng cho Tăng bốn phương. Hoặc như, sau khi Như Lai diệt độ, họ đem xá-lợi của Phật, lớn như hạt cải, để vào trong tháp, rồi xây tháp lớn như A-ma-la tử, dựng chùa Phật lớn như cây kim châm, trải mâm bàn lớn như chiếc la, tạo tượng Phật lớn như hạt lúa mì. Vậy so với nhau, hai công đức này, công đức nào vượt trội hơn?" Con nay đã hỏi, cúi xin Thế Tôn giải đáp.

Phật bảo:

–Lành thay, tốt thay! Này A-nan! Vì thương xót thế gian, mà làm chỗ quay về nương tựa; vì có khả năng khiến hàng trời, người được đạo an vui; vì có khả năng giúp chúng sinh dứt ra khỏi và không trụ vào nơi khổ não; để có thể hỏi Như Lai việc trọng đại này, chính là con đã làm cho đại chúng tu hành nơi đây, được nhiều lợi ích. Thế cho nên, này A-nan! Nay con hãy lắng lòng nghe, chăm chú suy xét, với tâm kính thành mà tin chắc thọ trì.

–Tốt thay! Bạch Thế Tôn! Chúng con rất muốn nghe.

Phật nói:

–Này A-nan! Cõi Diêm-phù-đề này, rộng khoảng bảy ngàn do-tuần. Phía Bắc châu này rộng lớn, phương Nam như bánh xe, mặt người ở đó cũng như vậy. Trong ấy, có đủ cả những vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật; chẳng khác nào như trong rừng, có đủ nào là mía, trúc, cỏ lau, cỏ gai, lúa dé mọc um tùm, không chỗ nào trống cả. Như vậy, A-nan! Cõi Diêm-phù-đề này, cũng có đủ những vị, từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến bậc Bích-chi-phật. Nếu như có vị nào, suốt đời cúng dường những thứ như quần áo, đồ ăn uống, thuốc

thang, đồ nằm ngồi, thì sau khi tịch diệt, vị này sẽ được xây tháp lớn, được cúng dường các thứ đèn sáng, đốt những thứ hương như hương bột, hương thoa, những vòng hoa, vải vóc, cờ phướn và lọng...

Này A-nan! Ý ông thế nào? Người này do nhân duyên ấy, sinh ra công đức nhiều ít?

A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Thật rất nhiều. Vì do nhân duyên này, nên công đức của họ sinh ra rất nhiều.

Phật nói:

–Này A-nan! Về phía Tây châu Diêm-phù-đề này, có Tây Ngưu hóa châu, rộng khoảng đến tám ngàn do-tuần. Châu này được hình thành như hình bán nguyệt, khuôn mặt của người ở đây, cũng như vậy. Trong ấy, có đủ cả những vị Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật, chẳng khác nào như trong rừng có đủ nào lá mía, trúc, cỏ lau, cỏ gai, lúa mọc um tùm, không chỗ nào trống cả. Như vậy, này A-nan! Ở Tây Ngưu hóa châu này cũng có đủ cả những vị, từ bậc Tu-đà-hoàn, cho đến bậc Bích-chi-phật. Nếu như có ai, suốt đời cúng dường những thứ như quần áo, thức ăn uống, thuốc thang, đồ nằm ngồi, thì sau khi tịch diệt, người này sẽ được xây tháp, cúng dường đốt đèn sáng, đốt những thứ hương như hương bột, hương thoa, vòng hoa, vải vóc, cờ phướn lọng...

A-nan! Ý ông thế nào? Do nhân duyên đấy, công đức của người này sinh được nhiều ít?

A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Thật rất nhiều.

–Này A-nan! Về phía Đông tây Ngưu hóa châu này, có Đông Thắng thần châu, ngang dọc khoảng chín ngàn do-tuần. Châu này hình tròn như mặt trăng đầy, khuôn mặt của những người ở đây cũng tròn như vậy. Trong châu này, có đủ những vị từ Tu-đà-hoàn cho đến bậc Bích-chi-phật, chẳng khác nào ở trong một khu rừng, có đủ các thứ mía, trúc, cỏ lau, cỏ gai, lúa mọc um tùm, không chỗ nào trống cả. Như vậy, này A-nan! Tại Đông Thắng thần châu này, cũng đủ những cả vị từ Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật. Nếu như có người nào suốt đời cúng dường những thứ như quần áo, thức ăn uống, thuốc thang, đồ nằm ngồi, thì sau khi tịch diệt, người này sẽ được xây tháp, cúng dường những thứ như đốt đèn, đốt những thứ hương như hương thoa, hương bột, vòng hoa, vải vóc, cờ phướn, lọng...

A-nan! Ý ông thế nào? Do nhân duyên đấy, công đức người này

sinh được nhiều ít?

A-nan đáp:

–Thật rất nhiều! Bạch Thế Tôn!

–Này A-nan! Về phía Bắc của Đông Thắng thần châu có Bắc Câu-lư châu, dài rộng khoảng mười ngàn do-tuần. Châu này hình vuông, khuôn mặt những người ở đây cũng như vậy. Trong châu này, có đủ cả những vị, từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật, chẳng khác nào ở trong một khu rừng, mà có đủ cả, nào là mía, trúc, cỏ lau, cỏ gai, lúa mọc um tùm, không chỗ nào trống cả. Như vậy, này A-nan! Ở trong Bắc Câu-lư châu này, cũng có đủ cả những vị, từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến bậc Bích-chi-phật. Nếu như có người nào suốt đời cúng dường những thứ như quần áo, thức ăn uống, thuốc thang, đồ nằm ngồi, thì sau khi tịch diệt, người này sẽ được xây tháp, sẽ được cúng dường như thắp đèn, đốt những thứ hương như hương thoa, hương bột, vòng hoa, vải vóc, cờ phướn, lọng...

A-nan! Ý ông thế nào? Do nhân duyên đấy, công đức người này sinh được nhiều ít?

A-nan đáp:

–Thật rất nhiều! Bạch Thế Tôn!

–Này A-nan! Ở phía Bắc Bắc Câu-lư châu này, lại có cung trời của vua Đế Thích. Nơi đó, có lầu Đại phi, tên là Thường thắng điện, gồm có tám vạn bốn ngàn lầu cao vây quanh, có tám vạn bốn ngàn cột, làm bằng ngọc lưu ly xanh, có lưới báu bằng vàng ròng, phủ lên trên, dây vàng chuông lưới giăng bốn phía, các loại báu như vàng, bạc, nước hương chiên-đàn, các loại hoa trời, rải khắp trên mặt đất; có tám vạn bốn ngàn cửa sổ trang trí đẹp đẽ, bên trong, trang hoàng bằng ngọc báu Tỳ-lưu-ly, ngọc báu Nhân-đà-ny-la, pha lê, liên hoa sắc..., có tám vạn bốn ngàn cây mộc lan, mọc sát nhau hai bên đường, hoàn toàn đều do ngọc lưu ly xanh hợp lại, làm thành. A-nan! Nếu có những thiện nam hay thiện nữ có lòng tin trong sạch, tạo được cả hàng trăm ngàn như bảo điện Thường thắng, như lầu cao phi các, của cung trời Đế Thích, mà cúng dường cho chư Tăng bốn phương. Nếu lại có người nào, sau khi Như Lai Niết-bàn, đem xá-lợi của Như Lai, lớn như hạt cải, mà xây tháp lớn như Na-ly tử, dựng chùa Phật lớn như kim châm, trải mâm bàn lớn như lá cây, tạo hình tượng Phật lớn như hạt lúa, thì công đức này nếu sánh với công đức đã nói ở trước, nó chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn vạn ức cho đến số tăng kỳ, đều không bằng một, không thể dùng thí dụ để nói hết được. Vì sao? Là vì Như Lai vô lượng. A-nan! Huống chi là

công đức chỉ như vầy? Cõi Diêm-phù-đề này về phía Tây có Tây Ngưu hóa châu, phía Đông là Đông Thắng thần châu, phía Bắc là Bắc Câu-lư châu, biển lớn Tu-di, núi Thiết vi và cả thế giới Ta-bà; nếu nghiền nhỏ nát như vi trần, dựa theo số thứ tự này, thảy đều là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin trong sạch, suốt đời cúng dường, sau khi diệt độ sẽ được xây tháp cúng dường.

A-nan! Ý ông thế nào? Những thiện nam, tín nữ này, công đức nhiều ít?

–Thật rất nhiều! Bạch Thế Tôn!

Phật bảo A-nan:

–Nếu như có thiện nam, tín nữ nào, sau khi Phật diệt độ, đem xá-lợi Phật lớn như hạt cải, xây tháp lớn như A-ma-la tử, dựng chùa lớn như kim châm, trải mâm bàn lớn như chiếc lá, tạo tượng Phật lớn như hạt lúa, thì công đức này so với công đức đã nói ở trước, không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn vạn ức, cho đến những số đếm, những thí dụ cũng không thể nào bì kịp. Này A-nan! Với công đức như vầy, mà không hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu công đức này mà nhóm họp lại thì phước báo đạt được, nhiều như số vi trần của thế giới Ta-bà, sẽ được làm vua ở cõi trời Tha hóa tự tại, vua cõi trời Hóa lạc, cõi trời Đâu-suất-đà, vua cõi trời Dạ-ma, cõi trời Tam thập tam, huống nữa lại làm Chuyển luân thánh vương.

-oOo-

Phẩm 2: NHƯ LAI GIỚI

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi Đức Thế Tôn Niết-bàn, nếu xây chùa, lập tháp, tạo tượng cúng dường, thì công đức phước báo không thể suy lường được, dùng số như vi trần cũng không thể nào tính hết được. Vì sao? Này A-nan! Như Lai là hiếm có, là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì cõi giới, vì tánh là không thể nghĩ bàn; vì Bồ-đề, vì sự chứng đắc là không nghĩ bàn, vì công đức, vì pháp là không thể nghĩ bàn; vì lợi ích, vì hành sự là không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Thế nào là Như Lai giới? Vì sao Như Lai là giới không thể nghĩ bàn? Này A-nan! Tất cả chúng sinh đều có ấm nhập vào giới, các loại tướng thù thắng hiện ra, ở bên trong, bên ngoài, thời tiết từ xưa tiếp nhau liên tục, pháp đạt được hết sức sáng tỏ nhiệm mầu. Nơi đây, tâm ý

thức không thể duyên khởi; xem xét, hiểu, phân biệt, không thể duyên khởi; sự suy nghĩ không chân chánh, không thể duyên khởi. Nếu xa lìa suy nghĩ không chân chánh, thì pháp không khởi vô minh. Nếu không khởi vô minh, đó là pháp chẳng có mười hai phần duyên khởi. Nếu chẳng có mười hai phần duyên khởi, thì pháp không tướng. Nếu là vô tướng, thì pháp ấy chẳng do sự tạo tác mà ra; nó không sinh, không diệt, không giảm, không hết; nó thường, hằng, tịch, trụ, bản tánh trong sạch, không bị dính mắc, lìa xa, không nhơ bẩn, vượt ra và giải thoát khỏi màng phiền não, chánh thuận tương ưng với pháp Như Lai; trải qua hằng sa số, không rời nhau, không xả, trí không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Ví như ngọc châu Như ý vô giá, trang nghiêm, lộng lẫy, đáng yêu, sáng trong, vì thể nó tròn sạch, không có nhơ bẩn. Nếu đem bỏ vào chỗ bùn nhơ, trải qua trăm ngàn kiếp, nếu có người nào nhặt lấy, đem rửa sạch, giữ gìn, không để rơi rớt thì hạt báu Như ý ấy, đã được rửa sạch, giữ gìn; nó trở lại sự trong sạch, không mất đi sự quý báu. Như vậy, này A-nan! Khi xưa còn ở nhân địa, tất cả Như Lai đều biết cõi chúng sinh, tự tánh là trong sạch, bị nhiễm đục bởi khách trần phiền não; nên chư Phật Như Lai đều nghĩ: "Khách trần phiền não không nhập vào trong cõi trong sạch của chúng sinh được. Phiền não dơ bẩn này, che lấp bên ngoài. Những suy nghĩ giả dối kết hợp lại, khởi lên; chúng ta có thể vì tất cả chúng sinh, nói pháp sâu xa, mầu nhiệm, để trừ chướng ngại của phiền não, không nên sinh tâm thấp hèn, mà phải rộng lượng; phải sinh tâm tôn trọng đối với chúng sinh, khởi Đại sư kính, khởi Bát-nhã, khởi Xà-na, khởi đại Bi." Dựa vào năm pháp này, hàng Bồ-tát được nhập vào địa vị không thoái chuyển. Hàng Bồ-tát này, lại suy nghĩ: Phiền não nhơ bẩn này, không có năng lực, không tương ưng với gốc rễ phiền não, không chân thật, vốn không dựa vào bản xứ, vốn rất trong sạch, thế nên không gốc. Những suy nghĩ giả dối, những thói quen điên đảo khởi lên, như đất, nước, gió dựa vào gốc mà được tồn tại. Gốc này, không chỗ dựa; phiền não cũng như vậy, không có chỗ dựa chân thật. Nếu biết một cách đúng đắn, quán sát suy nghĩ một cách chân chính, thì các phiền não này, không khởi lên sự trái nghịch. Nay ta nên xem xét khiến các phiền não không làm ta dính mắc. Nếu như có phiền não, mà ta không bị dính mắc, thì gọi là điều lành. Còn nếu làm cho chúng ta chấp vào cái nhiễm của phiền não, thì làm sao có thể thuyết pháp, cởi bỏ sự trói buộc của phiền não, cho chúng sinh được. Do đó, nay ta nên xả bỏ phiền não, nên nói chánh pháp, để tháo gỡ sự trói buộc của phiền não cho chúng sinh. Nếu như có phiền não làm cho sinh tử liên tục, lại tương ưng với căn lành, thì loại phiền não này, ta

nên thâu tóm và giữ lấy, vì để thành thục chúng sinh, vì để thành thục Phật pháp. Như vậy, A-nan! Khi còn trong nhân địa, Như Lai nương vào như thật mà biết, nương vào khả năng mà tu, thấu đạt cảnh giới của Như Lai, không nhiễm, không chấp, có khả năng nhập vào và trôi lăn trong sinh tử, mà chẳng phải là do sự trói buộc của phiền não, chứng được phương tiện rộng lớn, trụ vào nơi vô trụ, Niết-bàn vắng lặng, mau đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

A-nan! Như Lai giới này vô lượng, vô biên. Nơi mà các phiền não ẩn chứa, từ vô thủy, trôi lăn theo dòng sinh tử, chìm đắm trôi nổi trong sáu đường, ta gọi đó là cõi chúng sinh.

Này A-nan! Chúng sinh giới này, từ nơi cái khổ sinh tử, mà khởi lên sự nhàm chán, loại trừ sự ham muốn của sáu trần, dựa vào sự thu giữ của tám vạn bốn ngàn pháp môn, của mười pháp Ba-la-mật, tu đạo Bồ-đề, ta nói đó là Bồ-tát.

Này A-nan! Chúng sinh giới này, đã thoát ra khỏi cái màng phiền não, đã vượt qua tất cả khổ, trừ sạch mọi nhơ bẩn, rốt ráo, vắng lặng, sáng ngời, trong sạch. Vì nguyện kiến đối với các chúng sinh, vì pháp vi diệu thượng địa, vì Nhất thiết trí địa, vì hết thảy vô ngại. Trụ vào trong pháp ấy, đưa đến quả vị cùng tột, đắc pháp vương đại tự tại lực, ta nói đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Như Lai giới này, xưa nay vắng lặng, thảy đều không trở ngại, tự tại ở tất cả nơi trong ba vị. Ví như hư không tất cả các loại màu sắc, thì không thể nào che, không thể phủ đầy, không thể bít lấp được. Như những thứ đất, vàng, bạc ở trong hư không, cũng đều không có sự ngăn ngại; Như Lai giới cũng lại như vậy, đối với tất cả nơi ở trong ba vị, thảy đều không có sự ngăn ngại. Này A-nan! Khi còn ở nhân địa, tất cả các Đức Như Lai, dựa vào như thật mà biết, dựa vào khả năng mà tu, xem năm thứ công đức của Như Lai giới, là không thể nói không hai tướng, xem cảnh giới không một không khác, vượt qua thấy hiểu, tất cả xứ đều một vị. Hàng Bồ-tát, trừ chúng sinh tướng, trừ pháp dị tướng, trừ đại kiết tướng. Ở trong sự liên tục của chúng sinh, các vị, dựa vào trí không ngại mà quán Như Lai giới, rồi khởi lên ý kỳ lạ: "Chao ôi, chúng sinh! Như Lai ở trong ngay thân của chúng sinh, theo lý thì không thể nào thấy được." Thế cho nên, ta nói đầy đủ các phần thánh đạo, cởi mở sự che lấp trói buộc từ vô thủy, khiến cho các chúng sinh nhân sức Thánh đạo mà phá trừ sự trói buộc, tự mình có thể chứng kiến được sự bình đẳng chân thật của Như Lai đúng như lý. Vì sao như vậy? Vì tất cả chúng sinh, bị ràng buộc bởi sự chấp tướng, nên

không nhận thức được Như Lai, không đạt được Như Lai, không thấy được Như Lai. A-nan! Khi xưa còn ở nhân địa, Như Lai quán sát, thông suốt, thấu rõ được Như Lai giới, hiểu được một cách đúng đắn về các pháp, là thảy đều bình đẳng, chính mình chuyển bánh xe pháp Vô thượng vi diệu, trực tiếp thành thục chúng thánh đệ tử, vô lượng, vô biên, cung kính vây quanh, trụ vào Vô dư Niết-bàn mát mẻ, cho đến thế giới cùng tận, cũng không bỏ làm việc lợi ích cho chúng sinh.

Này A-nan! Như Lai giới này, tự tánh trong sạch, không có tướng khác, không có sự sai biệt đối với chúng sinh, mà lại hết sức bình đẳng, trong mát, thấm nhuần, hết sức là nhu hiền tương ưng với họ. A-nan! Giống như tự tánh của nước là thấm nhuần. Nó có thể nhiếp, có thể thấm nhuần, có thể làm phát triển tất cả những cây cỏ, cây thuốc. Như vậy, này A-nan! Khi còn ở nhân địa tất cả chư Phật đều dựa vào Như Lai giới, mà tu hành căn lành, làm lợi ích cho chúng sinh. Vì việc này, mà các ngài phải trở lại nhập vào ba cõi, hiện sinh, già, bệnh, chết. Thế nên, những khổ về sinh, già... của các vị Bồ-tát chẳng phải chân thật mà có. Vì sao? Vì các vị đã thấy được như thật về Như Lai giới rồi. A-nan! Ví như có ông trưởng giả giàu, chỉ có một cậu con trai, ngay thẳng, thông minh. Ông ta thương yêu, trông nôm, nuôi dưỡng con mình, tình không tạm bỏ. Vì còn nhỏ, ham vui chạy nhảy, đứa trẻ này, bất ngờ trượt chân, té xuống hầm phân sâu lớn, nơi thây chết sình trướng, mục rã, hôi thối. Thấy con rớt xuống hầm, người mẹ của đứa bé này, cùng các họ hàng hoảng sợ la to: "Trời ơi, đau đớn thay! Âu sầu khổ não thay!" Mặc dù xót thương kêu gào, nhưng những người này, bản thân không đủ khả năng, lại khiếp nhược, không dám xuống hầm phân sâu ấy, để cứu thằng bé kia lên. Khi ấy, ông trưởng giả vội vàng về nhà. Vì lòng thương con quá đỗi, không ngại sợ hôi hám nhơ bẩn, ông ta tự xuống hầm, mà vớt thằng bé lên. Như vậy, A-nan! Ta nêu ví dụ này là muốn làm rõ nghĩa chân thật. Những điều ta nói như thây chết hầm phân thì ví như ba cõi; đứa con ấy thì ví cho hàng chúng sinh phàm phu; người mẹ và những họ hàng thì ví như hàng Thanh văn, Duyên giác; hàng Nhị thừa này, mặc dù thấy chúng sinh trôi nổi đắm chìm trong sinh tử, buồn rầu, thương xót, than thở, nhưng lại không đủ năng lực để cứu vớt, giúp họ thoát khỏi. Ông trưởng giả giàu có kia, chính là hàng Bồ-tát này. Những vị đấy, đã không còn tâm nhơ bẩn nữa, đã chứng thấy được pháp chưa từng học, rồi lại nhập vài nơi sinh tử, hôi hám, mà hiện thọ thân, cứu vớt chúng sinh.

A-nan! Ông nên biết, lòng đại Bi của hàng Bồ-tát như vầy, thật hiếm có, không thể nói được. Hàng Bồ-tát đây đã vượt ra ba cõi, cởi bỏ mọi ràng

buộc; lại vào ba cõi thọ sinh trong ba cõi, nhờ nương theo phương tiện thiện xảo, nắm giữ Bát-nhã ba-la-mật, diễn thuyết chánh pháp, diệt khổ cho chúng sinh dù có phiền não cũng không thể nào vấy bẩn.

A-nan! Đó là vì oai thần lớn của giới của Như Lai này, không đổi khác, mềm dẻo, thấm nhuần.

A-nan! Ông nên biết! Chúng sinh giới này, chính là tánh của các bậc Thánh; không tu, không phải là không tu; không hành, không phải là không hành; không tâm, không có tâm pháp; không nghiệp, không có quả báo, không khổ, không vui, thì mới nhập vào được cõi này. Tánh này bình đẳng, nó không có tướng khác, nó xa lìa; nó tùy theo; nó rộng lớn, nó không ngã sở, nó không cao thấp, nó chân thật, nó vô tận, nó thường trụ, nó sáng trong.

Này A-nan! Thế nào gọi tánh này, là tánh của các bậc Thánh? Vì duyên vào tánh này, mà tất cả thánh pháp được thành tựu, vì dựa vào tánh này, mà tất cả Thánh nhân được hiển hiện, thế cho nên, ta mới nói, tánh đây, chính là tánh của các bậc Thánh.

Này A-nan! Nay ta nói về tánh của Như Lai. Trải qua hằng sa số, tất cả Như Lai bất cộng chân thật, từ pháp này ra, mà được hiển hiện, nên gọi là Như Lai giới. Vì tin ưa, hết lòng kính trọng chánh thuyết, nên thân giới, định, tuệ của tất cả các bậc Thánh hiền, liền được thành tựu. Bởi thế, pháp này được gọi là Pháp thân. Pháp đây, là pháp cùng tóm thâu, không cùng lìa, không xả bỏ trí, chẳng có hiểu biết; nó là y, là trì, là xứ. Hoặc là pháp này không cùng thâu tóm mà cùng lìa, xả bỏ trí, có hiểu biết cũng là y, là trì, là xứ. Thế nên, ta nói: Vì tất cả tạng pháp không đổi khác cho nên gọi là Như như; vì không điên đảo, nên gọi là thật tế; vì vượt thoát tất cả tướng, cho nên gọi là Niết-bàn. Vì cái nơi, mà các Thánh nhân hành trì, là cảnh giới vô phân biệt trí cho nên được gọi là Đệ nhất nghĩa.

A-nan! Như Lai giới ấy, chẳng có chẳng không, không đục, không sạch, tự tánh trong sáng, không dơ bẩn. Thế nên, ông phải học tập.

Này A-nan! Thế nào là Như Lai cảnh giới không thể nghĩ bàn? A-nan! Như Lai giới này, khi ở hữu cấu địa, thì cả pháp sạch lẫn pháp không sạch thảy đều hiện hữu. Nơi đây không thể suy nghĩ, cứ dựa vào lý sâu dày mà được giải thoát, thành A-la-hán, Bích-chi-phật thì đó chẳng phải là cảnh giới Như Lai. A-nan! Có hai loại pháp, không thể thông đạt được:

1. Pháp giới của tự tánh trong sạch, không thể thông đạt.

2. Cái nhơ bẩn của phiền não làm chướng ngại, không thể thông đạt.

Duy có bậc Bồ-tát Bất thoái chuyển tương ưng với đại pháp, là có khả năng nghe, có khả năng lãnh thọ, có khả năng tu trì. Trong khi đó, các

vị Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, nhờ tin theo lời Phật dạy, cho nên mới biết được pháp này. A-nan! Như Lai là giới tánh, không thể nghĩ bàn.

-oOo-

Phẩm 3: BỒ-ĐỀ

Phật bảo A-nan:

–Thế nào là Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại vô lậu giới, đối với tất cả hoặc và chướng, chư Phật, Thế Tôn đều đã hoàn dứt sạch, đã chuyển y vào nơi vắng lặng sáng trong. Quả vị Vô thượng Bồ-đề này cùng tương ưng với mười loại phần. Ông nên học tập. Vậy mười loại phần là những gì?

1. Tự tánh.

2. Nhân duyên.

3. Hoặc, chướng.

4. Chí quả.

5. Tác sự.

6. Tương nhiếp.

7. Hành xứ.

8. Thường trụ.

9. Bất cộng.

10. Không thể tư duy.

Này A-nan! Thế nào là tự tánh Bồ-đề? Nếu như lý như lượng mà tu đạo xuất ly, như mười Địa, sáu Ba-la-mật, thì những chuyển y đạt được, vắng lặng, trong sáng. Đấy chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đó tức là tự tánh Bồ-đề. A-nan! Nếu chưa dứt trừ được bức màn phiền não, thì ta gọi, cõi ấy là Như Lai tạng hết sức trong sạch, gọi đó là pháp chuyển y. Có bốn loại tướng:

1. Sinh khởi duyên.

2. Diệt tận duyên.

3. Chánh thục tư lương sở tri pháp quả.

4. Tối thanh tịnh pháp giới thể.

Thế nào là sinh khởi duyên? Ra khỏi sự liên tục của Như Lai trong hết thảy cõi đời, đó là nơi sinh khởi duyên của đạo Bồ-đề. Thế nào là diệt tận duyên? Vì dựa vào pháp này, mà ba món căn bản của phiền não được hoàn toàn diệt tận. Thế nào là sở tri pháp quả? Đã thấu đạt một cách chân chánh, những điều hiểu biết về quả vị chứng đắc của chân như. Thế nào là

pháp giới thể? Diệt các tướng kết, pháp giới rất sạch trong sẽ hiển hiện ra. A-nan! Đó là tướng chuyển y. Chuyển y ấy tức là Bồ-đề Vô thượng của các Đức Phật, Thế Tôn, nên gọi là tánh Bồ-đề.

Này A-nan! Có bốn pháp làm nguyên nhân, để chứng đắc Bồ-đề Vô thượng:

1. Nguyện muốn tu tập pháp Ma-ha-diễn.

2. Tu tập Bát-nhã ba-la-mật.

3. Tu tập phá hư không Tam-muội môn.

4. Tu tập đại Bi của Như Lai.

Này A-nan! Có bốn loại hoặc, ngăn che quả Bồ-đề:

1. Vứt bỏ, quay lưng với pháp Đại thừa.

2. Ngã kiến tà, chấp.

3. Sợ khổ của sinh tử.

4. Không làm việc lợi ích cho chúng sinh.

Này A-nan! Có bốn quả thắng Vô thượng Bồ-đề:

1. Tối tịnh.

2. Chân ngã.

3. Diệu lạc.

4. Thường trụ.

Bấy giờ, nghe Phật nói xong, từ giữa đại chúng Tôn giả A-nan đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải chạm đất, cung kính, đảnh lễ Thế Tôn, chắp tay hướng Phật, rồi đọc bài kệ:

Hay nói, hay làm lý sâu xa
Mãi độ chúng sinh, không lui bước
Vượt khỏi trói buộc, các sợ sệt
Nên con cúi lạy, hỏi Cù-đàm.
Pháp nào là nhân của Bồ-đề
Thế nào là chướng, là quả báo
Cúi xin Đức Đại Từ Đại Bi
Rủ lòng giảng rõ cho chúng con.

Khi ấy, Đức Thế Tôn cất lời khen:

–Hay thay! Này A-nan! Vì muốn làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, vì muốn khiến cho hàng trời, người được đạo an vui, mà ông có thể hỏi Như Lai, về nghĩa lý lớn lao sâu xa này. Do đó, với lòng cung kính khát khao, ông hãy lắng lòng nghe mà tin thọ.

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Chúng con rất muốn được nghe.

Phật bảo A-nan:

–Trong thế gian có ba hạng chúng sinh:

1. Trước hữu.

2. Trước vô.

3. Bất trước hữu vô.

Trước hữu có hai:

1. Trái với đạo Niết-bàn, cho Niết-bàn không có tánh, không cầu Niết-bàn, lại ưa sinh tử.

2. Trong giáo pháp ta, không sinh lòng khao khát mà lại chê bai Đại thừa.

–Này A-nan! Những chúng sinh này cho rằng, họ chẳng phải đệ tử của Phật, Phật chẳng phải là thầy lớn của họ, chẳng phải nơi để họ nương tựa. Như vậy, những người này, đã trụ vào chỗ ngu si ám muội, đã ở nơi đồng hoang, mà lại còn vào chỗ rừng cây tối tăm um tùm hôi hám, chắc chắn sẽ đọa vào chỗ tối tăm hiểm họa. Vì do bị sinh tử trói buộc, nên họ phải chịu thọ thân sau, sa vào lưới Xiển-đề, không để tự ra khỏi. Đắm trước nơi sự đoạn diệt, cũng có hai:

1. Hành không phương tiện.

2. Hành có phương tiện.

Hành không phương tiện, lại có hai hạng người:

1. Chín mươi sáu hàng ngoại đạo, dị học, ở ngoài Phật pháp, như Chi-la-ca Ba-dục-bà...

2. Ở trong Phật pháp hay sinh tín tâm, chấp chặt ngã kiến, không ưa chánh lý.

Ta nói hạng người này đồng với ngoại đạo. Lại có hạng người tăng thượng mạn, ở trong chánh pháp quán không, rồi sinh ra hai quan điểm không và có. Chân không này, hướng thẳng đến nhất đạo, tịnh giải thoát môn của Vô thượng Bồ-đề. Như Lai hiện rõ, mở bày chánh thuyết. Trong quan niệm sinh không, ta nói không thể trị. A-nan! Nếu có người nào chấp vào ngã kiến, lớn như núi Tu-di, thì Ta không lấy làm kinh ngạc cũng không chê bai. Kẻ tăng thượng mạn dính mắc vào không kiến, như một sợi tóc chia thành mười sáu phần, ta không thể chấp nhận. Hành có phương tiện, cũng có hai hạng người:

1. Hàng Thanh văn thừa, chỉ tu tự lợi, không làm việc lợi cho người.

2. Duyên giác thừa, ít làm lợi ích cho người, trụ vào việc nhỏ, được

ít mà cho là đủ.

Bất trước hữu vô là chỉ hàng tối thượng lợi căn, tu hành Đại thừa. Hạng người này, không chấp vào sinh tử như hạng xiển-đề, không hành không phương tiện như hàng ngoại đạo, không hành có phương tiện như hàng Nhị thừa. Thế nào là hành? Xem xét sinh tử và cõi Niết-bàn, bình đẳng một tướng, đến khi đạt được chánh đạo, tâm ý được an chỉ, trụ vào vô trụ xứ, trong sạch Niết-bàn, dạo chơi trong sinh tử mà không bị nhiễm ố, tu tâm đại Bi để làm căn bản, chí lực mạnh mẽ, vững chắc, không lay động.

Phật nói tiếp:

–Này A-nan! Nếu có người nào tham đắm vào ba loại hữu này, mà chê bai Đại thừa, thì người này gọi là Nhất-xiển-đề, rơi vào tà định tụ. Người nào đắm vào không hành không phương tiện, thì đọa vào bất định tụ. Người nào đắm vào không hành có phương tiện, không đắm vào đạo bình đẳng có hành hay không hành, thì gọi là chánh định tụ

A-nan! Ngoài hạng người không đắm vào có không mà tu hành bình đẳng ra, còn có bốn hạng:

1. Nhất-xiển-đề.

2. Ngoại đạo.

3. Thanh văn.

4. Duyên giác.

Vì những hạng này vẫn còn có bốn hoặc chướng, nên không thể chứng đắc được Pháp thân Vô thượng Bồ-đề của Như Lai. Vậy bốn hoặc chướng đó là gì?

1. Xả bỏ Đại thừa là xiển-đề chướng. Để trừ chướng này, ta nói pháp chân chánh Đại thừa, mà hàng Bồ-tát tu hành tin ưa.

2. Bất kể nơi nào, chấp vào ngã kiến một cách sai lầm, đó là ngoại đạo chướng. Để trừ chướng này, ta nói pháp Bát-nhã ba-la-mật, mà hàng Bồ-tát tu hành.

3. Ở trong sinh tử, chán, sợ, mỏi, mệt là Thanh văn chướng. Để trừ chướng này, ta nói pháp môn phá hư không Tam-muội, mà hàng Bồ-tát tu hành.

4. Quay lưng với việc làm lợi ích cho người, việc ít cho là đủ đó là Duyên giác chướng. Để trừ chướng này, ta nói lòng đại Bi mà Bồ-tát tu hành.

Đấy là bốn hạng người, có bốn hoặc chướng. Để trừ những hoặc chướng này, ta nói bốn Thánh đạo. Dựa vào thắng đạo này, mà trị bốn thứ

điên đảo, thì mới có thể chứng bốn đức Ba-la-mật quả, của Pháp thân rất tốt đẹp, cao cả của Như Lai được.

Này A-nan! Đối với các pháp sắc... tất cả đều vô thường, lại sinh ý tưởng là thường; các pháp đều khổ mà sinh ý tưởng là vui; các pháp vô ngã mà sinh ý tưởng có ngã; các pháp không sạch mà sinh ý tưởng sạch, đó gọi là điên đảo. Quán pháp của các sắc... là vô thường, là khổ, vô ngã, không sạch, không có cái tên điên đảo, thì gọi là không điên đảo. Nếu quán Pháp thân diệu đức của Như Lai, tức thành ra là điên đảo. Để trị loại điên đảo này, ta nói bốn đức của Pháp thân Như Lai. Những gì là bốn?

1. Thường trụ Ba-la-mật.

2. An vui Ba-la-mật.

3. Chân ngã Ba-la-mật.

4. Trong sạch Ba-la-mật.

A-nan! Vì chấp vào năm uẩn bên trong, rồi khởi lên điên đảo kiến, cho nên, tất cả hàng phàm phu ở trong vô thường mà sinh ra thường kiến; ở trong thật khổ mà sinh ra lạc kiến; ở trong vô ngã mà sinh ra ngã kiến; ở trong không sạch mà sinh ra kiến sạch. A-nan! Pháp thân Như Lai là cảnh giới, của Nhất thiết chủng trí. Bởi điên đảo tu tập không thể chặt đứt những điên đảo này; do đó hàng Thanh văn, Duyên giác, không thể quán sát Pháp thân của Như Lai. Vì sao? Vì Pháp thân Như Lai là hơn hết, thường trụ phải nên tu tập; nên trái với thường trụ mà tu, trụ vào vô thường mà tu. Pháp thân Như Lai là cao tột, an vui, mầu nhiệm, phải tu tập, nên trái với an vui, mầu nhiệm mà tu, trụ vào khổ mà tu. Pháp thân Như Lai là hơn hết chân ngã nên phải tu tập, trái với chân ngã mà tu, trụ vào vô ngã mà tu. Pháp thân Như Lai là vô cùng trong sạch, phải nên tu tập nên trái với trong sạch mà tu, trụ vào không sạch mà tu. Nhân theo điên đảo mà tu, theo đạo Thanh văn, Duyên giác mà trụ, thì đó, chẳng phải là cách, để đạt tới bốn đức của Pháp thân Như Lai. Thế nên, bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Pháp thân Như Lai, chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác ấy.

A-nan! Nếu chúng sinh nào, tin những lời Như Lai dạy, thì có thể thấy được bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, của Pháp thân Như Lai. Không có tâm điên đảo, do đó, những chúng sinh này, mới phát khởi chân chánh kiến. Vì sao? Này A-nan! Pháp thân Như Lai là Chân, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Ba-la-mật. Nếu có chúng sinh nào, dựa vào đạo thắng diệu, quán Pháp thân Như Lai, thì những chúng sinh này, họ từ chỗ sáng vào chỗ sáng, từ chỗ ẩn yên đến chỗ vui hơn. Những chúng sinh này, mới chính là đệ tử

chân chánh của Phật. Lòng Phật thương yêu và nhớ nghĩ, những chúng sinh này, từ Phật khẩu sinh ra, nên thành tựu được quả Phật; từ pháp hóa sinh, nên mới được pháp tài phần.

A-nan! Hạng Nhất-xiển-đề, vứt bỏ, quay lưng với chánh pháp, lại sinh tâm tham muốn sự hôi hám của sinh tử. Để trừ loại hoặc chướng này, ta nói phải tu hành, nguyện ưa thích Đại thừa, nương tựa vào pháp này, sẽ được quả vô cùng sạch.

A-nan! Tất cả ngoại đạo, do tà chấp ngã kiến, mà sinh ra sự chìm đắm dính mắc. Các pháp sắc... đều là những pháp không ngã tướng không tranh giành. Ba đời chư Phật ở mọi nơi và cả ta, đều nói là chân ngã. Hàng ngoại đạo này chấp năm ấm bên trong, khởi ngã kiến, tâm an ổn sướng vui. Để phá hoặc chướng này, thế nên ta nói, tu tập Bát-nhã ba-la-mật, nương theo pháp này, sẽ đạt được chân ngã quả.

A-nan! Để trừ loại chấp, do kinh sợ sinh tử, ở nơi khổ diệt, sinh ra vui thích, của hàng Thanh văn, ta nói tu tập phá hư không Tam-muội môn, nếu nương theo pháp này, sẽ đạt được cụ túc phần, ở thế gian và xuất thế gian được vui với quả Ba-la-mật.

A-nan! Bởi hàng Duyên giác, không thể xem xét, làm việc lợi cho người, không hòa hợp, sống với chúng sinh khác, mà chỉ ở một mình, suy nghĩ, tâm vui sướng, an ổn; nên để trừ loại chấp này, ta nói tu tập lòng đại Bi của Bồ-tát, phải dựa vào pháp này luôn luôn biến khắp mười phương; vì các chúng sinh mà làm các việc lợi ích, lấy đó làm chỗ lưu trú và luôn được trụ ở quả Ba-la-mật.

A-nan! Nương theo bốn đức này, tất cả Như Lai thật xứng pháp giới, không chấp vào có và không, như hư không rộng lớn tu không giới, tối cứu cánh, trải qua ba đời hoàn toàn được an trụ.

A-nan! Vì có bốn loại chướng này, mà tất cả hàng A-la-hán, Bích-chi-phật, đại địa Bồ-tát không đạt được bốn đức Ba-la-mật của Pháp thân Như Lai. Bốn đức đó là gì?

1. Sinh duyên hoặc.

2. Sinh nhân hoặc.

3. Hữu hữu.

4. Vô hữu.

Thế nào là sinh duyên hoặc? Tức là vô minh trụ địa sinh ra tất cả hành, như vô minh sinh nghiệp vậy.

Thế nào là sinh nhân hoặc? Tức là vô minh trụ địa nơi đã sinh các

hành, thí như vô minh đã sinh ra các nghiệp vậy.

Thế nào là hữu hữu? Duyên vô minh trụ địa, nhân vô minh trụ địa, mà khởi lên vô lậu hành, ba loại ý sinh thân, thí như bốn thủ làm duyên, ba hữu lậu nghiệp làm nhân, khởi lên ba loại hữu.

Thế nào là vô hữu? Duyên ba loại ý sinh thân, không thể hiểu biết được những sự đọa diệt rất nhỏ, thí như trong duyên ba hữu sinh ra mỗi niệm về lão tử.

Vô minh trụ địa, tất cả phiền não, là chỗ nương dựa của những gì chưa đoạn trừ hẳn. Các A-la-hán, Bích-chi-phật và tự tại Bồ-tát, không thấy một cách thấu đáo, về sự nhơ bẩn của phiền não, sự hôi hám của tập khí, sự rốt ráo diệt tận, đại tịnh Ba-la-mật. Nhân vô minh trụ địa, mà khởi khinh, tưởng, hoặc, lại có những hành động giả dối nên chưa thể diệt trừ được, không thể thấy thấu đáo không tạo, không làm, rất vắng lặng đại ngã Ba-la-mật. Duyên vô minh trụ địa, nhân giả dối vi tế, khởi lên vô lậu nghiệp. Ý sinh các ấm, vì chưa trừ sạch, nên không thấy một cách thấu đáo sự tận diệt, xa lìa, đại lạc Ba-la-mật. Nếu chưa có thể đến mức độ, diệt trừ hết sạch các phiền não, các nạn do nghiệp sinh, thì đó là chư Như Lai, là cõi cam lồ, tức biến dịch sinh tử chấm dứt hẳn vô lượng dòng sinh diệt, không thấy đến tận cực vô biến dị, đại thường Ba-la-mật. A-nan! Ở trong ba cõi, có bốn loại nạn:

1. Nạn về phiền não.

2. Nạn về nghiệp.

3. Nạn về quả báo sinh ra.

4. Nạn về sự lỗi lầm.

Vô minh trụ địa là chỗ khởi phương tiện sinh tử, như là các nạn của phiền não trong ba cõi. Vô minh trụ địa là chỗ khởi nhân duyên sinh tử như là các nạn của nghiệp trong ba cõi. Vô minh trụ địa là chỗ khởi hữu hữu sinh tử, như sinh nạn trong ba cõi. Vô minh trụ địa là chỗ khởi vô hữu sinh tử, như là các nạn lỗi lầm trong ba cõi. Này A-nan! Ông nên biết như vậy. Vì bốn loại sinh tử mà chưa trừ diệt, thì thân sinh ba loại ý và sẽ không có quả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Ba-la-mật, chỉ có Pháp thân Phật là Thường, là Lạc, là Ngã, là Tịnh, là Ba-la-mật. Ông nên học tập.

Này A-nan! Pháp thân Như Lai đại Tịnh ba-la-mật, nên biết có hai loại:

1. Tự tánh trong sạch là thông tướng của nó.

2. Vô cấu trong sạch là biệt tướng của nó.

Đại Ngã ba-la-mật nên biết có hai loại:

1. Xa lìa tất cả các tà chấp của các ngoại đạo, ra khỏi ngã kiến giả dối.

2. Xa lìa chấp sai lầm về lý của hàng Nhị thừa, ra khỏi vô ngã giả dối.

Đại Lạc ba-la-mật, nên biết có hai thứ:

1. Cắt đứt nguồn gốc của khổ tập, cởi bỏ mọi ràng buộc của tập khí thì có thể chứng đắc được tất cả khổ diệt.

2. Vì ý sinh các ấm nên chặt bỏ trừ diệt hết cả.

Đại Thường ba-la-mật, nên biết có hai loại:

1. Không làm tổn giảm các hành vô thường, vì vượt ra khỏi đoạn kiến.

2. Cũng không làm tăng lợi ích Niết-bàn thường trụ, vì đã vượt ra khỏi thường kiến.

Nếu cho các hành là vô thường, thì gọi là đoạn kiến; nếu cho Niết-bàn là thường trụ thì gọi là thường kiến. Trị bốn hoặc chướng, lật ngược lại bốn thứ điên đảo thì Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là chân quả của nó.

Này A-nan! Thế nào là lợi ích Bồ-đề, có hai loại trí:

1. Vô phân biệt trí.

2. Vô phân biệt hậu trí.

Hai loại trí này lại có hai loại việc:

1. Vì lợi mình mà thành tựu.

2. Vì lợi người mà thành tựu.

Thế nào là lợi mình? Là thân được tròn đầy giải thoát, là thân gìn giữ pháp sạch, diệt chướng phiền não và chướng Nhất thiết trí, gọi là lợi mình. Trí vô phân biệt, có khả năng thành tựu được pháp này.

Thế nào là lợi người? Từ vô phân biệt hậu trí, cho đến dứt sạch ngằn mé sinh tử, không khởi lên sự suy nghĩ so lường, hiện rõ hai loại thân, thuyết pháp vô cùng, không gián đoạn và không có hạn lượng; vì đã cởi bỏ cái khổ của ba nẻo ác, cái khổ của sinh tử; vì muốn thiết lập sự an ổn cho tất cả chúng sinh, đặt ở nơi đường lành, trụ vào ba thừa, gọi là lợi người.

Lại nữa, lợi mình cùng với ba phần công đức, hoàn toàn không tách rời nhau:

1. Vô lậu.

2. Biến mãn.

3. Vô vi.

Lại nữa, lợi người không hoàn toàn tách rời với bốn phần công đức, cứu giúp chúng sinh không cho rơi vào bốn chỗ:

1. Vọng kiến, si mê, nghi hoặc.

2. Khổ đạo, ác đạo, đọa đạo.

3. Đem tâm ganh ghét, đem tâm oán kết, mà phá hoại chánh giáo.

4. Đem tâm thấp hèn, mà tham ưa Tiểu thừa.

Này A-nan! Nếu khởi lên hai việc lợi mình lợi người này, thì đó là việc Bồ-đề.

A-nan! Thế nào gọi là pháp Bồ-đề tương ưng? Vô thượng Bồ-đề là tướng chân thật, có mười chín loại pháp cùng tương ưng với Vô thượng Bồ-đề:

1. Không thể so lường.

2. Rất nhỏ.

3. Chân thật.

4. Đạo lý sâu dày.

5. Không thể thấy.

6. Khó thông đạt.

7. Luôn.

8. Ở.

9. Vắng lặng.

10. Mãi mãi.

11. Trong lành.

12. Đầy khắp.

13. Không phân biệt.

14. Dính mắc.

15. Không ngại.

16. Tùy thuận.

17. Không thể chấp.

18. Đại tịnh.

19. Chứng tịnh.

Mười chín pháp này, mãi mãi không tách rời với Vô thượng Bồ-đề, cho nên gọi là Bồ-đề tương ưng.

Này A-nan! Thế nào là Bồ-đề hành xứ? Có ba loại đạo lý hiển hiện ba thân:

1. Đạo lý sâu dày.

2. Đạo lý rộng lớn.

3. Đạo lý vạn đức.

Này A-nan! Thân thứ nhất, tương ưng với năm loại tướng và với năm loại công đức. Vậy năm loại tướng là gì?

1. Vô vi.

2. Không rời nhau.

3. Lìa hai bên.

4. Thoát khỏi chướng.

5. Tự tánh trong sạch.

Thế nào là năm thứ công đức?

1. Không thể lường.

2. Không thể đếm số.

3. Khó nghĩ.

4. Không cùng nhau.

5. Rốt ráo trong sạch.

Thân thứ hai là chỗ hiển hiện của Pháp thân tịnh lưu, với hết thảy vô lượng công đức của Như Lai, lấy đại Bát-nhã đại Bi làm thể, tương ưng với năm thứ công đức:

1. Tướng không phân biệt.

2. Tâm không công dụng.

3. Làm việc lợi ích xứng với ý của chúng sinh.

4. Không tách rời với Pháp thân.

5. Mãi vậy, không lúc nào bỏ chúng sinh.

Thân thứ ba là những màu sắc mà Bát-nhã, đại Bi, tịnh lưu đã hiển hiện làm thể, cùng tương ưng với bốn phần công đức:

1. Ba mươi hai tướng.

2. Tám mươi vẻ đẹp.

3. Oai đức.

4. Sức.

Bốn phần công đức này, có khả năng tương nhiếp, tương ưng với căn, dục, tánh, hạnh, của các chúng sinh, lại hiện ra các việc như việc bản sinh ở nơi cõi Phật nhớp nhúa; hoặc hiện cảnh bay lên cõi trời Đâu-suất, hoặc hiện cảnh từ trên cõi trời Đâu-suất xuống; hoặc hiện cảnh giáng thần vào

thai mẹ; hoặc hiện mới sinh ra khỏi thai, hoặc hiện đầy đủ Na-la vị; hoặc hiện cảnh thọ học mười tám minh xứ; hoặc hiện các cuộc đi chơi ở sau vườn; hoặc hiện xuất gia; hoặc hiện khổ hạnh; hoặc đến đạo tràng hoặc thành Phật đạo; hoặc chuyển xe diệu pháp ở Ba-la-nại; hoặc nhập Niết-bàn ở rừng Kiên cố. Những việc hiện ra như vậy, cho đến mãi tận ngằn mé cuối cùng của sinh tử. Này A-nan! Vô thượng Bồ-đề nhiếp tất cả ba thân, thế cho nên, gọi là Bồ-đề hành xứ.

Này A-nan! Thế nào là pháp thường trụ Vô thượng Bồ-đề? Pháp thường trụ này, có hai pháp làm nhân duyên:

1. Không sinh không diệt.

2. Không cùng không tận.

Thế nên, gọi là pháp Vô thượng Bồ-đề. A-nan! Thế nào là Vô thượng Bồ-đề bất cộng tướng? Bất cộng có hai loại:

1. Không thể biết: Như các hàng phàm phu, Thanh văn, Duyên giác thì không thể thông đạt; vì chẳng phải là cảnh giới của họ.

2. Không thể nắm bắt: Ngoài Phật ra, những hàng khác đều không thể đạt được.

Pháp Bất cộng này, có năm loại:

1. Lý Như như, sâu xa.

2. Tự tại không thể lay động.

3. Trong sạch cõi vô lậu, là chỗ thâu tóm.

4. Tất cả mọi chỗ biết, không ngăn ngại.

5. Làm lợi ích cho chúng sinh mà làm cho tròn đầy.

Nên gọi là Bồ-đề không cùng với tướng.

–Này A-nan! Thế nào là Vô thượng Bồ-đề không thể suy nghĩ? Có sáu nguyên nhân, không thể suy nghĩ:

1. Vượt quá cảnh giới của ngôn ngữ.

2. Thuộc về Đệ nhất nghĩa đế.

3. Vượt quá sự suy nghĩ, phân biệt, hiểu biết, quán xét.

4. Những ví dụ không thể đạt tới được.

5. Đối tất cả pháp là phẩm cao tột hơn cả.

6. Không thể thiết lập sự an ổn nơi sinh tử, Niết-bàn.

Đó gọi là Vô thượng Bồ-đề không thể suy nghĩ. Này A-nan! Vì sao gọi Như Lai là Vô thượng Bồ-đề không thể nghĩ bàn? A-nan! Tất cả Như Lai trụ vào Vô thượng Bồ-đề. Có năm thứ nhân duyên không thể nghĩ bàn:

1. Tự tánh.

2. Xứ.

3. Trụ.

4. Chẳng một chẳng khác.

5. Làm lợi ích.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là tự tánh Bồ-đề không thể nghĩ bàn? Nếu dựa vào sắc mà cho là Như Lai, thì không thể được; lìa sắc mà cho là Như Lai cũng không thể được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Cho địa giới là Như Lai, thì không thể được; lìa địa giới mà cho là Như Lai, thì cũng không thể được. Cả cõi nước, lửa, gió cũng như vậy. Cho nhãn nhập là Như Lai, thì không thể được; lìa nhãn nhập cho là Như Lai cũng không thể được. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy. Cho hữu pháp là Như Lai không thể được, vô pháp cũng như vậy. Đó gọi là tánh Bồ-đề không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là Bồ-đề xứ, không thể nghĩ bàn? Như Lai ở cõi dục không thể nghĩ bàn; lìa cõi Dục cũng không thể nghĩ bàn. Cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy. Như Lai trong loài người không thể nghĩ bàn; lìa loài người, cũng không thể nghĩ bàn. Sáu đường cũng như vậy. Như Lai ở phương Đông, không thể nghĩ bàn; lìa phương Đông cũng không thể nghĩ bàn. Mười phương cũng như vậy. Đó gọi là xứ, cũng không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là Bồ-đề trụ không thể nghĩ bàn? Này A-nan! An vui trụ vào trụ của Như Lai, không thể nghĩ bàn; vắng lặng trụ vào Như Lai trụ, không thể nghĩ bàn; có tâm trụ Như Lai trụ, không thể nghĩ bàn; không tâm trụ Như Lai trụ, không thể nghĩ bàn. Như vậy, cả Phạm trụ, Thánh trụ, Như Lai trụ, cũng không thể nghĩ bàn. Đó gọi là trụ, không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là nhất dị không thể nghĩ bàn? Ba đời Như Lai, trụ vào một nơi. Thế nào gọi là một nơi? Pháp giới vô lậu, tự tánh trong sạch, đó là các Đức Như Lai hoặc chẳng một hoặc chẳng khác, không thể nghĩ bàn. Thế nên gọi là nhất dị không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là việc lợi ích không thể nghĩ bàn? Một pháp giới như vậy của các Đức Như Lai, thì trí tuệ, thần lực, oai đức, chánh cần, đều bình đẳng, trụ nơi pháp giới thanh tịnh vô lậu. Do sự chuyển y này, các Đức Như Lai, có khả năng làm vô lượng lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là lợi ích không thể nghĩ bàn. Lại nữa không thể nghĩ bàn còn có hai thứ:

1. Không thể nói năng, vì vượt khỏi cảnh giới của ngôn ngữ.

2. Ra khỏi tất cả thế gian, vì ở trong thế gian, không thể thí dụ được.

Đó gọi là không thể nghĩ bàn. Lại nữa, chân như vốn không bị nhiễm, vốn không nhơ bẩn, cũng không thể nghĩ bàn. A-nan! Đó gọi là Bồ-đề không thể nghĩ bàn.

-oOo-

KINH VÔ THƯỢNG Y

QUYỂN HẠ

Phẩm 4: CÔNG ĐỨC CỦA NHƯ LAI

Phật bảo A-nan:

–Có một trăm tám mươi pháp Bất cộng, đó là công đức tốt đẹp nhất của Như Lai.

1. Ba mươi hai tướng.

2. Tám mươi vẻ đẹp.

3. Sáu mươi tám pháp.

Thế nào gọi là ba mươi hai tướng?

Bồ-tát tu bốn nhân duyên:

1. Trì giới.

2. Thiền định.

3. Nhẫn nhục.

4. Xả bỏ của cải và các phiền não.

Do nghiệp duyên tu bốn nhân duyên này vững chắc, không lay động, nên đạt được hai tướng:

1. Bàn chân bằng phẳng, đầy đặn, những nơi chân giẫm lên, thảy đều bằng phẳng, xứng với chân của Bồ-tát không có lồi lõm.

2. Bước đi ngay thẳng, không xiêu vẹo.

Nếu như đem tất cả mọi thứ cúng dường cha mẹ, sư trưởng; đem mọi thứ cứu giúp những chúng sinh khổ nạn, ở quá khứ, vị lai thường làm việc siêng năng như vậy, thì dựa theo nghiệp duyên này; hàng Bồ-tát, sẽ được tướng bánh xe dưới lòng bàn chân, vành trục bánh xe xó một ngàn cây căm trang nghiêm. Nếu không bức não người khác, không làm việc trộm cắp, không sinh tâm tham đoạt, khi thấy những vật của người khác dù ta ham muốn, không cho mình cao ngạo kiêu căng, trừ bỏ kiêu mạn; đối với những bậc tôn trưởng, khởi lòng trân trọng, đứng hầu, chiêm ngưỡng, chắp tay, cung kính, do nghiệp duyên này, hàng Bồ-tát sẽ đạt được hai tướng:

1. Ngón tay tròn dài.

2. Thân hình cân đối, đoan chánh, trang nghiêm.

Nếu đủ ba nghiệp nhân duyên trước, thì được gót chân dài. Nếu do trước, hành ba nghiệp, lại tu bốn Nhiếp pháp, làm lợi ích cho người, thì ở giữa mười ngón của tay và chân, thảy đều có màng lưới kín, giống như ngỗng chúa. Nếu Bồ-tát giúp đỡ, hầu hạ, cha mẹ, sư trưởng, tự tay thoa dầu, làm sữa, dán thuốc, xoa bóp, tắm rửa, giặt giũ, dâng thức ăn, trông nom chăm sóc, thì tay chân sẽ được mềm mại, mịn màng, lòng bàn tay đỏ như hoa sen màu hồng. Nếu hàng Bồ-tát tu các pháp lành, tâm không chán mệt, ngày càng tăng trưởng, thì được gót chân đầy đặn. Nếu tu học chánh pháp, diễn nói cho người, luôn luôn hướng dẫn cho người, không sinh mỏi mệt, thì do nghiệp duyên này, hàng Bồ-tát, sẽ được tướng đứng, như thế đứng của nai chúa. Bồ-tát, nếu pháp nào chưa biết, siêng năng tìm cầu muốn biết, pháp đã đạt được liền đem giáo hóa, làm lợi ích cho người; đối với ba ác nghiệp, ngăn chặn, dứt trừ, không cho khởi; đối với ác pháp sáu trần, không cho thân tâm nhiễm; đối với người thân bệnh, thì đem cho họ thuốc thang, đối với người tâm bệnh thì an ủi họ, do nghiệp duyên này, Bồ-tát sẽ đạt được thân đoan trực. Nếu Bồ-tát, thấy người sợ hãi, thì giúp đỡ họ, thấy người nghèo thì cho họ cơm áo, luôn luôn ôm lòng hổ thẹn, ngăn chặn điều ác, không cho khởi lên, do nghiệp duyên này, nên được tướng âm mã tàng. Nếu Bồ-tát với thân, miệng, ý, thường khiến cho trong sạch, nhận đồ cho biết đủ, sử dụng cũng biết lượng sức mình, đem thuốc thang cho người bệnh, đem tiền của cho người nghèo; nếu có những chúng sinh, nghiệp lực không bình đẳng, cho đến việc thọ dụng cũng không bình đẳng, thì khuyến khích họ tu hành những việc bình đẳng; do nghiệp duyên này, được thân vuông vắn cân đối, chiều ngang và chiều cao thân hình cân xứng như cây Ni-câu-loại. Bồ-tát nếu dùng phương tiện khéo léo, tu các pháp lành thù thắng, không ở mức giữa hay thấp mà thường khiến cho tăng lên; do nghiệp duyên này, nên được những sợi lông trên toàn thân, đều xoắn theo phía bên phải. Bồ-tát nếu tự tánh lanh lợi suy nghĩ nhiều về nghĩa lý, gần kề những bậc Trí, gặp gỡ những bạn lành tri thức, quét dọn sạch sẽ nơi bậc tôn trưởng ở, tắm rửa xoa bóp thân thể tôn trưởng, trừ bỏ những thứ dơ dáy ở nơi chi đề, không để cho tâm bị khách trần phiền não làm nhiễm ố; do nghiệp duyên này, nên da bọc ở mỗi lỗ chân lông, mịn màng không bụi bám. Bồ-tát, nếu vui vẻ đem cho những thứ như quần áo, đồ ăn, thức uống, xe cộ, đồ nằm ngồi và các vật trang nghiêm khác, mà không có tâm tiếc rẻ; do nghiệp duyên này, nên thân có được sắc vàng ánh sáng rực rỡ, tỏa rộng một trượng. Nếu Bồ-tát nào, đem những món ăn, thức uống thơm ngon, cho rộng rãi, không hạn lượng, khiến nhiều chúng sinh được no đủ, thì do nghiệp duyên

này, sẽ được bảy chỗ đầy đặn. Nếu Bồ-tát nào, thấy những chúng sinh tốt, muốn khởi pháp lành, cùng chánh nghiệp, thì với chúng sinh ấy, nên làm người thầy hướng dẫn cho họ, tạo sự an ổn trong pháp lành, trừ bỏ những việc ác, do nghiệp duyên này, được như cái ức của sư tử. Nếu Bồ-tát nào, ở trong chúng sinh, làm việc lợi ích, tu bốn chánh cần, như tâm của sư tử chúa, không điều gì sợ cả, do nghiệp duyên này, nên sẽ được hai tướng:

1. Hai vai ngang, bằng hai nách đầy đặn.

2. Hai cánh tay tròn thẳng như vòi voi chúa, đứng thòng dài quá gối.

Nếu Bồ-tát nào, lìa nghiệp hai lưỡi, nói những lời hòa hợp trong sự oán ghét, thực hành bốn Nhiếp pháp, thâu tóm và giữ lấy chúng sinh, ngẫm nghĩ nghĩa lý sâu xa, tu lòng từ bình đẳng, thì do nghiệp duyên này mà được hai tướng:

1. Miệng có bốn mươi cái răng bằng khít, không thưa, trắng như tuyết, giống như ngọc kha lê.

2. Có bốn cái răng được tướng như mặt trăng mới mọc.

Nếu Bồ-tát nào, thấy các chúng sinh, có điều cần muốn, bèn ban phát cho họ vừa ý, hoặc là tiền của, hoặc là những lời dạy dỗ, vì do nghiệp duyên này, nên sẽ được hai tướng:

1. Hai gò má như má của sư tử.

2. Cổ tròn sạch.

Nếu Bồ-tát nào trông nom chúng sinh, như trông con một của mình, sinh nhiều tín tâm, lòng từ vô lượng, phân phát thuốc men không có tâm vẩn đục, vì do duyên này, nên được hai tướng:

1. Yết hầu có đủ một ngàn mạch, khi nhận đồ ăn ngon nước miếng trôi chảy thấm nhuần.

2. Khớp xương móc xích chặt chẽ như Na-la-diên.

Nếu Bồ-tát nào tự hành mười điều lành, dạy người khác tu hành, thấy người tu hành thì vui mừng khen ngợi, lòng đại Bi vô lượng, thương xót chúng sinh, phát tâm thệ nguyện rộng lớn thọ lãnh đủ chánh pháp, vì do nghiệp duyên này, nên có được hai tướng:

1. Có Uất-ni-sa xương đỉnh đầu mọc lên, tự nhiên thành nhục kế.

2. Lưỡi rộng, mỏng, dài như lá hoa sen.

Nếu Bồ-tát nào, thường nói những lời chân thật, những lời thương yêu, những lời đẹp đẽ, diễn bày chánh pháp, không khiến cho điên đảo; do nghiệp duyên này, nên có được âm thanh của Phạm thiên, giống như chim Ca-lăng-tần-già, có âm hưởng nhiệm mầu, sâu xa, như tiếng vang của trống

trời. Nếu Bồ-tát nào khởi lòng Từ, cung kính, xem hết thế gian như cha mẹ, xem xét chúng sinh, không khởi ba độc, vì nghiệp duyên này, nên có được hai tướng:

1. Tròng mắt xanh đẹp như hoa Ưu-bát-la.

2. Lông mi xanh biếc, sáng rỡ, như ngưu vương.

Nếu Bồ-tát nào, thấy những chúng sinh tốt, tu học ba pháp, thì ca tụng khen ngợi sự tốt đẹp của họ, không khởi lên sự phá phách; thấy người nào chê bai thì ngăn chặn, gìn giữ, do nghiệp duyên này, nên có tướng bạch hào nằm ở đoạn giữa hai chân mày, xoay theo hướng phải. Lại nữa, A-nan! Bồ-tát tu hành bốn loại chánh nghiệp, sẽ được ba mươi hai tướng:

1. Quyết định không lẫn lộn.

2. Lắng lòng quán sát kỹ và kín đáo.

3. Thường tu không gián đoạn.

4. Không có hạnh điên đảo.

Nghiệp duyên thứ nhất được bàn chân đầy bằng. Nghiệp duyên thứ hai được chín tướng:

1. Tướng bánh xe dưới lòng bàn chân.

2. Mắt cá tròn đầy.

3. Mười ngón tay và chân có màng lưới mỏng.

4. Da dẻ mịn màng.

5. Được bảy nơi đầy đặn.

6. Hai vai ngang bằng, hai nách đầy đặn.

7. Cánh tay tròn trịa.

8. Lưỡi rộng dài.

9. Ức như sư tử.

Nghiệp duyên thứ ba được năm tướng:

1. Ngón tay nhỏ, dài.

2. Gót chân dài.

3. Thân ngay thẳng không uốn cong.

4. Thân hình cân đối.

5. Cổ tròn, sạch.

Nghiệp duyên thứ tư được các tướng khác.

Lại nữa, này A-nan! Nếu như tất cả chúng sinh trong mười phương, đều hành mười điều lành, công đức này được tăng thêm gấp trăm lần, do

nghiệp duyên đấy, chỉ được tướng một sợi lông nhập vào tất cả sợi lông của Bồ-tát. Công đức càng tăng thêm gấp trăm lần, rồi sau đó, mới được một vẻ đẹp, nhập vào tất cả vẻ đẹp của Bồ-tát. Công đức càng tăng thêm gấp trăm lần, rồi sau đó mới được một tướng, nhập vào tất cả tướng công đức của Bồ-tát. Lìa tướng bạch hào, lìa tướng Uất-ni-sa, như vậy, công đức ngày càng tăng thêm gấp trăm lần, mới được tướng bạch hào; lại tăng thêm gấp trăm lần nữa, thì được tướng Uất-ni-sa. Nhập vào tướng Uất-ni-sa, công đức tăng thêm gấp ngàn lần, được thâu nhiếp bởi tướng tốt của pháp Bất cộng, của ngọc thượng kha, của Như Lai. Do tướng tốt này, một tiếng của Như Lai, vang khắp cả vô lượng thế giới trong mười phương.

Này A-nan! Đó là ba mươi hai tướng, có ba nhân duyên không thể nghĩ bàn:

1. Thời tiết không thể nghĩ bàn, số lượng tu hành đầy cả ba a-tăng-kỳ kiếp.

2. Tâm vui không thể nghĩ bàn, vì để làm an vui lợi ích, cho tất cả chúng sinh.

3. Phẩm loại không thể nghĩ bàn, là tu tất cả đều lành, lìa tất cả điều ác, vì chủng loại không cùng vậy.

Thế cho nên, thân Như Lai đầy đủ tướng hảo, không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Tám mươi vẻ đẹp của Như Lai. Những gì là tám mươi?

1. Không thấy được đỉnh đầu.

2. Xương đỉnh đầu không có mạch máu.

3. Trán rộng, bằng thẳng.

4. Mày cao, dạng giống như mặt trăng mới mọc, màu sắc xanh biếc, như ngọc lưu ly.

5. Mắt rộng dài.

6. Mũi cao rộng thẳng, lỗ mũi không hiện ra.

7. Tai rộng, dày, dài, trái tai thòng xuống.

8. Thân chắc thật như Na-la-diên.

9. Mỗi phần của thân, không thể hoại.

10. Mỗi đốt xương của thân chắc, khít.

11. Mỗi lần thân quay trở như voi chúa.

12. Thân mềm mại.

13. Thân không từng khúc.

14. Thân luôn trẻ.

15. Thân thấm nhuần.
16. Thân tự gìn giữ, không đi xiêu vẹo.
17. Mỗi phần của thân đều đầy đủ.
18. Sự hiểu biết đầy đủ.
19. Dung nghi đầy đủ.
20. Oai đức vang xa.
21. Tùy thuận người khắp mọi nơi.
22. Ở nơi an ổn, không thể lay động.
23. Khuôn mặt cân đối, không lớn không dài.
24. Khoan dung.
25. Khuôn mặt trong sáng như ánh trăng rằm.
26. Mặt đầy đặn.
27. Dung mạo ngay thẳng, không mất sắc.
28. Dáng vẻ như sư tử.
29. Đi đứng như voi chúa.
30. Thực hành pháp như ngỗng chúa.
31. Đầu như trái Na-đà-na.
32. Chân đầy đặn, khi đi dấu hoa văn ở chân in hiện ra.
33. Màu móng chân như đồng đỏ, dày mỏng tròn mềm.
34. Xương đầu gối rắn chắc tròn đẹp.
35. Chỉ văn trang nghiêm.
36. Mạch máu trầm.
37. Chỉ tay rõ thẳng.
38. Chỉ tay dài.
39. Chỉ tay không bị cắt đứt.
40. Tay chân như ý.
41. Tay chân hồng hào như màu hoa sen.
42. Tướng khổng môn đầy đủ.
43. Bước đi không rộng hẹp.
44. Eo tròn lớn.
45. Bụng không hiện.
46. Rốn như rắn cuộn tròn, xoay theo phía phải, tròn sâu.
47. Màu sợi lông xanh hồng, như phía sau cổ của chim khổng tước.

48. Lông sạch sẽ.

49. Lông xoắn theo phía phải.

50. Miệng phát ra mùi hương Vô thượng, lông trên thân đều có mùi thơm.

51. Môi đỏ mọng như quả Tần-bà.

52. Màu lưỡi đỏ.

53. Lưỡi mỏng.

54. Tất cả đều ưa nhìn.

55. Tùy theo ý chúng sinh, mà vui vẻ nói với họ.

56. Ở mọi nơi, đều nói những lời tốt đẹp.

57. Được nói trước.

58. Tùy theo các âm thanh của chúng sinh, mà phát ra, không hơn không giảm.

59. Tùy những cách nói của chúng sinh mà vì họ nói pháp phù hợp.

60. Không dính mắc vào những pháp đã nói.

61. Xem chúng sinh bình đẳng.

62. Thấy trước làm sau.

63. Phát ra một âm, mọi loài đều hiểu.

64. Theo thứ tự có nhân duyên thì nói pháp.

65. Tất cả mắt của chúng sinh, không thể thấy hết các tướng.

66. Nhìn không biết chán.

67. Tất cả âm thanh, mỗi phần đều đầy đủ.

68. Việc lành luôn hiện ra.

69. Những chúng sinh ngang bướng nhìn thấy, tức liền hiền hòa, những chúng sinh sợ hãi, liền được an vui.

70. Âm thanh rõ trong.

71. Thân không nghiêng ngã, lay động.

72. Các phần thân thể đều to lớn.

73. Thân cao.

74. Thân không dính mắc.

75. Quanh thân, ánh sáng tỏa xa một trượng.

76. Khi đi, ánh sáng tỏa theo thân.

77. Thân thể trong sáng.

78. Tóc xoắn ốc, không rối; sợi tóc dài, đẹp; màu tóc sáng dịu, giống

như hạt châu xanh.

79. Tay chân đầy đặn.

80. Tay chân đều có tướng phước đức.

Này A-nan! Đó là tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, làm trang nghiêm thân Phật.

Này A-nan! Như Lai có mười Lực:

1. Xứ phi xứ trí lực.

2. Tùy nghiệp trí lực.

3. Định loại trí lực.

4. Căn phẩm trí lực.

5. Dục lạc trí lực

6. Tánh loại trí lực.

7. Chí Nhất thiết trí lực.

8. Túc sinh trí lực.

9. Tử sinh trí lực.

10. Lậu tận trí lực.

Do mười trí lực này, Như Lai hiện ra nói pháp chỗ nào cũng tối đại thắng, xoay chuyển bánh xe Phạm thiên Vô thượng trong sạch, ở giữa đại chúng, cất tiếng sư tử rống.

Này A-nan! Như Lai có bốn Vô úy:

1. Nhất thiết trí vô úy.

2. Lậu tận vô úy.

3. Thuyết chướng đạo vô úy.

4. Thuyết tận khổ đạo vô úy.

Này A-nan! Như Lai có ba Niệm xứ:

1. Chánh hạnh, chánh niệm.

2. Tà hạnh, chánh niệm.

3. Tạp hạnh, chánh niệm.

Này A-nan! Như Lai có pháp đại Bi.

Này A-nan! Như Lai có mười tám pháp Bất cộng:

1. Thân không lỗi.

2. Miệng không lỗi.

3. Ý không lỗi.

4. Không có tâm bất định.

5. Không chấp vào ý tưởng khác.

6. Đều biết xả bỏ.

7. Không có tham muốn, không có giảm mất.

8. Không có chánh tinh tấn, không có giảm mất.

9. Không niệm, không có giảm mất.

10. Không trí, cũng không có giảm.

11. Không giải thoát, cũng không có giảm.

12. Không giải thoát trí kiến không giảm.

13. Thân làm theo trí tuệ.

14. Miệng nói theo trí tuệ.

15. Ý nghĩ theo trí tuệ.

16. Trí tận cùng quá khứ, tròn đầy.

17. Trí tận cùng hiện tại, tròn đầy.

18. Trí tận cùng vị lai, tròn đầy.

A-nan! Chỉ một mình Như Lai đạt được thần thông mau chóng tự tại như ý; chỉ một mình Như Lai đạt được thần thông biến hóa vô cùng; chỉ Như Lai, đạt được nơi thần thông của bậc Thánh vô lượng, vô tận; chỉ Như Lai đạt được pháp tự tại của tâm; chỉ Như Lai, đạt được thần thông biết được tâm người khác, một cách vô biên; chỉ Như Lai, đạt được thần thông thiên nhĩ vô ngại; chỉ Như Lai, đạt được sự hiểu biết về các loài chúng sinh khác nhau ở cõi Vô sắc; chỉ Như Lai, thấu đạt được cái sau khi Niết-bàn, của hàng Thánh chúng; chỉ Như Lai, có trí tuệ, thấu rõ sự trả lời không mắc mưu; chỉ Như Lai, đạt được đại Ba-la-mật, hay khéo đáp hỏi; chỉ Như Lai, thuyết pháp có phân biệt, mà không bị lầm lỗi; chỉ Như Lai, đạt được sự khai hóa chúng sinh, không có không quá; chỉ Như Lai, đạt được sự đứng đầu trong việc hướng dẫn; chỉ Như Lai, đạt được sự không thể hại diệt; chỉ Như Lai, đạt được Kim cang Tam-muội; chỉ Như Lai, đạt được tất cả pháp, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, tâm không tương ưng, Như Lai biết hết cả; chỉ Như Lai, đạt được sự giải thoát vô ngại; chỉ Như Lai, đạt được ba bất, hộ, pháp; chỉ Như Lai, đạt được sự dứt trừ hết tập khí; chỉ Như Lai, đạt được Nhất thiết chủng trí; chỉ Như Lai, đạt được Kim cang tụ thân; chỉ Như Lai, đạt được việc chưa từng nghĩ ra mà tất cả các việc đều thành tựu; chỉ Như Lai, có được tất cả các tướng, tương ưng với mỗi nơi, rõ ràng đầy đủ; chỉ Như Lai, đạt được vấn đề thọ ký, không có bất định; chỉ Như Lai, đạt được cái mà đối với tâm hơn thua, Phật không chấp nhận, người nào có tâm đó thì không được thấy Phật; chỉ Như Lai, chuyển được bánh xe, của tất cả

pháp thắng diệu; chỉ Như Lai, có thể gánh vác được cho chúng sinh, có thể xả bỏ những gánh vác nặng cho chúng sinh; chỉ Như Lai, nhập vào Bát-niết-bàn lại còn khiến khởi tâm; chỉ Như Lai, đạt được nguyên nhân tu hành tròn đầy không dư; chỉ Như Lai, đạt đến quả tròn đầy không dư; chỉ Như Lai, làm việc lợi ích cho người tròn đầy không dư; chỉ Như Lai, đạt được sự biện tài không tận; chỉ Như Lai, nói tất cả pháp đều như lý.

A-nan! Công đức Như Lai, lược nói có sáu loại:

1. Đầy đủ.

2. Không nhơ.

3. Không lay động.

4. Vô ngại.

5. Lợi ích cho người.

6. Tài năng tự tại.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là công đức không thể nghĩ bàn? Tất cả công đức vô biên, hằng sa kiếp của tất cả Như Lai, ở hoặc địa và tịnh địa, thâu tóm nhau, hợp vào nhau, chưa từng rời nhau, không sạch, không nhơ, không thể nghĩ bàn.

-oOo-

Phẩm 5: VIỆC CỦA NHƯ LAI

Này A-nan! Như Lai có mười tám việc:

1. Như Lai là bậc không thể so sánh, rất cao cả, rất tốt đẹp, không ai sánh kịp, khiến cho các chúng sinh khởi tâm kỳ lạ, cung kính cúng dường. Đấy là việc thứ nhất, nhờ đó mà ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp được thành tựu.

2. Như Lai như lý, thông đạt nhân quả, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, nói không có nhân quả, nói pháp nhân quả, không có bình đẳng, thì Ta liền chế phục, khiến họ vào thế bế tắc. Đấy là việc thứ hai, nhờ đó mà thị xứ phi xứ trí lực được thành tựu.

3. Như Lai thấy biết việc, tự gây nghiệp, thì tự thọ quả; không có việc tự mình gây ra, mà người khác phải chịu quả; nếu Sa-môn, Bà-la-môn tin và thực hành theo tà thuyết, tà giáo, thì ta liền chế ngự, khiến họ rơi vào thế bế tắc. Đấy là việc thứ ba, nhờ đó mà nghiệp loại trí lực được thành tựu.

4. Như Lai giáo hóa hiện rõ ba loại xe: Một là xe thần thông; hai là xe ký tâm; ba là xe thị giáo. Hướng dẫn đệ tử, trở thành những bậc Thánh; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, có tâm hơn thua, nói pháp trái nghịch, để

chống đối với chánh pháp, thì ta liền chế phục, khiến rơi vào thế bế tắc. Đấy là việc thứ tư, nhờ đó mà thiền định trí lực được thành tựu.

5. Như Lai thông suốt những căn cơ trên dưới, trong ngoài, cứ như lý mà nói, khiến những người căn cơ thấp kém cũng được thành thục giải thoát. Đấy là việc thứ năm, nhờ đó mà căn chủng trí lực được thành tựu.

6. Như Lai thấy biết ba hạng chúng sinh, tà, chánh, dục, lạc đều thấy đúng như thật, dứt trừ những ham muốn xấu tăng trưởng những ham muốn tốt. Đấy là việc thứ sáu, nhờ đó mà dục lạc trí lực được thành tựu.

7. Như Lai xem, biết chúng sinh có ba hạng: Một là thô; hai là trung; ba là diệu; và khiến cho ba hạng người này như lý mà vào được các pháp môn. Đấy là việc thứ bảy, nhờ đó mà tánh giới trí lực được thành tựu.

8. Như Lai thấy một cách rõ ràng về đạo pháp xuất ly, được quả giải thoát; về đạo pháp chướng ngại, được quả sinh tử; khiến diệt được đạo chướng ngại, tu đạo xuất ly. Đấy là việc thứ tám, nhờ đó mà chí Nhất thiết xứ trí lực được thành tựu.

9. Như Lai thấy một cách rõ ràng, về các việc ở đời trước, các việc đã nói ở quá khứ sự, khiến cho chúng sinh khởi tâm chán sợ; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, chấp thường kiến, thì liền chế phục, khiến có chỗ dựa, không bị đọa.

Đó là việc thứ chín, nhờ đó mà túc sinh trí lực được thành tựu.

10. Như Lai thấy rõ các chúng sinh, chết nơi này, sinh nơi kia, cứ như lý mà thọ ký; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, chấp đoạn kiến, thì liền chế phục, khiến họ có chỗ dựa, không rơi vào thế bế tắc. Đấy là việc thứ mười, nhờ đó mà sinh tử trí lực được thành tựu.

11. Như Lai tự biết giải thoát, thông suốt, không ngăn ngại; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, tăng thượng mạn, chưa đắc A-la-hán mà nói rằng đã đắc, tức liền chế phục, khiến họ có chỗ dựa, không rơi vào thế bế tắc.

Đó là việc thứ mười một, nhờ đó mà lậu tận trí lực được thành tựu.

12. Như Lai làm việc lợi ích, rất là khéo léo và cao cả; nếu có người nào, hỏi về mười Lực của Như Lai, thì cứ như thật mà trả lời, dứt trừ sự nghi ngờ cho họ, có khả năng tự lập chánh pháp, có khả năng phá tà thuyết của người.

Đó là việc thứ mười hai, nhờ đó mà bốn Vô úy được thành tựu.

13. Chánh giáo của Như Lai, có người có thể tu, có người không thể tu, cũng có người tu mà không tu; đối với ba hạng người này Như Lai, không có tâm nhiễm đục.

Đó là việc thứ mười ba, nhờ đó mà ba niệm xứ được thành tựu.

14. Mắt Phật của Như Lai, ngày đêm luôn xem xét chúng sinh, ở những nơi tranh đua hơn thua, để cứu vớt họ.

Đó là việc thứ mười bốn, nhờ đó mà đại Bi được thành tựu.

15. Như Lai cứ như những gì đã nói mà hành; lại rất năng hành, năng thuyết.

Đó là việc thứ mười lăm, nhờ đó mà tam, bất, hộ, pháp được thành tựu.

16. Đối với tất cả chúng sinh, Như Lai đều làm việc lợi ích cho họ, thảy đều tròn đầy, không có tổn giảm.

Đó là việc thứ mười sáu, nhờ đó mà sự nhớ nghĩ không quên mất được thành tựu.

17. Trong bốn oai nghi, tùy theo lý Như Lai không hề có sự lầm lẫn.

Đó là việc thứ mười bảy, nhờ đó mà sự diệt trừ tập khí được thành tựu.

18. Như Lai xem ba loại pháp: Một là hành pháp được lợi ích; hai là hành pháp bị tổn giảm; ba là hành pháp vừa lợi, vừa ổn. Lìa hai pháp cuối, Như Lai tuyên bố, cái gì đem lại lợi ích thì hành.

Đó là việc thứ mười tám, nhờ đó mà Nhất thiết trí và các pháp Bất cộng được thành tựu.

Này A-nan! Những việc của Như Lai là như vậy, ông nên học tập.

Này A-nan! Thế nào gọi Như Lai là việc không thể nghĩ bàn? A-nan! Những việc của Như Lai là vô số vô lượng, chúng sinh ở thế gian, không thể nào hiểu hết được. Mặc dù dựa vào lời nói, nhưng những việc của Như Lai không thể nào hiện rõ ràng được, cũng không thể chỉ bày và khiến cho mọi người hiểu được. Tất cả cõi Phật, mọi nơi đều thông suốt. Tất cả Như Lai, tùy thuận bình đẳng, vượt qua cảnh giới của ý tưởng, không có tướng phân biệt, giống như hư không, không thể nào phân biệt, tương xứng với pháp giới.

–Này các thiện nam! Thế nên Phật nói, việc của Như Lai là không thể nghĩ bàn, hành biến khắp mọi nơi, mọi nơi đều không mất; tùy nơi mà làm trong ba đời, không làm mất tánh Tam bảo. Như Lai trụ vào những việc này, tướng thân Như Lai không xả bỏ tánh hư không, tất cả cõi Phật hiển hiện tự thân; những lời nói của Như Lai, chẳng phải là tánh của âm thanh, cùng loại âm với chúng sinh, nhưng Ngài lại nói pháp chân chánh. Như Lai không ôm giữ tâm làm cảnh giới; những tâm tánh ham ưa dục lạc,

của tất cả chúng sinh, Ngài đều thông suốt.

Này A-nan! Đó gọi là công việc của Như Lai không thể nghĩ bàn.

Khi Phật nói kinh xong, trong chúng hội, có bảy vạn năm ngàn Đại Bồ-tát liền chứng được "kiến Pháp thân viên mãn". Lại có bảy vạn năm ngàn Đại Bồ-tát, đắc Vô sinh pháp nhẫn đối với hết thảy các pháp. Lại có bảy vạn năm ngàn Đại Bồ-tát liền đắc Đại thừa Tam-muội Diệu quang. Đối với quả vị Vô thượng Bồ-đề, hàng chúng sinh trong vô số a-tăng-kỳ, không khởi tâm thoái chuyển. Chúng sinh trong vô lượng a-tăng-kỳ, được xa lìa bụi trần nhơ bẩn, được mắt pháp sáng. Lại có vô lượng chúng sinh đắc quả tăng thượng.

-oOo-

Phẩm 6: KHEN NGỢI

Bấy giờ, sau khi nghe Phật nói, từ giữa đại chúng Tôn giả A-nan, vui mừng hớn hở như chưa từng có, liền đứng dậy, trịch áo vai phải, cung kính, đảnh lễ Phật, chắp tay, ngước nhìn dung nhan Thế Tôn, với tâm trong sạch, nói kệ:

Trong hàng chúng sinh ở ba đời
Như Lai cao cả, không sánh được
Ở nơi nhân pháp, không gì bằng
Thế Tôn, bình đẳng, khắp tất cả
Dứt trừ hết thảy, điều cần dứt
Thông đạt hết thảy, điều cần biết
Trí tuệ vượt trội, bậc thứ nhất
Chỉ Phật Thế Tôn, chẳng ai khác
Có sức, không sợ, lời thật này
Như Lai có sức, nên không sợ
Năng lực Thế Tôn, không tổn người
Thật là những việc hiếm, khó nghĩ
Phương tiện khéo léo, dạy chúng sinh
Chẳng phải tâm hiểm ác, mơ hồ
Chúng sinh tà, mạn, tự kiêu ngạo
Thế Tôn tách phục, khiến dứt trừ
Nếu ai có sức, thắng được người
Đó thành lỗi miệng, ở thế gian
Nếu cho Như Lai tôn quý nhất
Thì những lời ấy thật không sai
Nếu ai dựa lý, mà hỏi khó

Thì không thể khiến Ngài khuất phục
Như Lai hàng phục, không sai sót
Dẫn dắt chúng sinh, đến an vui
Bốn món thanh tịnh không lầm lỗi
Cho nên, vì thế không cần giữ
Đủ bốn Biện tài, nói không cùng
Mùi pháp tràn đầy, chúng sinh no
Hết thảy pháp xứ, trí không ngại
Tất cả niệm xứ không giảm mất
Đại Bi bình đẳng khắp chúng sinh
Với pháp thế gian, tâm không nhiễm
Thông đạt hết thảy căn, dục, tánh
Có pháp giáo hóa, độ mọi loài
Phiền não có nhiều loại sai biệt
Diễn nói nhiều pháp để đối trị
Như Lai thuyết pháp là bậc nhất
Phàm phu gặp Phật, không giải bày
Vô minh hoặc ám, đã che lấp
Hạng này nhiều, khó thể độ ngay
Tiếng tăm Như Lai, khiến ngưỡng vọng
Thấy Phật, khiến người vui vô cùng
Phật nói, khiến tâm người trong sạch
Chánh pháp của Phật, thoát tử sinh
Chỉ Phật giúp trừ điều không tốt
Nhớ Phật, khiến tâm luôn an vui
Thấy Phật, liền sinh đại trí tuệ
Hiểu Phật, liền được thành chủng trí
Nhờ giới Như Lai, sạch không bẩn
Nhờ định Như Lai, ý lắng trong
Nhờ trí Như Lai, không lay động
Biển pháp Như Lai, đầy cam lồ
Chúng sinh hôn mê Phật tỉnh táo
Nhìn căn, tánh, dục của chúng sinh
Chúng sinh buông thả Như Lai không
Xem xét chúng sinh, đều bình đẳng
Phật nói pháp, phá giặc phiền não
Phật đã trừ, huyễn hóa, ma vương
Đã chỉ sinh tử là lầm lỗi

Đã rõ Niết-bàn nơi không sợ
Khiến người đạt được những pháp độ
Giống như Thế Tôn hành đại Bi
Làm tối thượng, Đề-bà-đạt-đa
Tất cả chúng sinh, thí Bồ-đề
Nay con không thể thấy chánh hạnh
Tu trì, để báo ân Thế Tôn
Nếu ai đã đến diệt vô dư
Vẫn còn chưa báo được Phật ân
Nếu ai hành trì Phật chánh hạnh
Người này chỉ tu pháp lợi mình
Thế Tôn mệt mỏi vì chúng sinh
Ân sâu Vô thượng, sao báo được
Thế Tôn diễn nói pháp chân chánh
Khiến người tự hành dạy mọi người
Nếu khiến Như Lai không ra đời
Thì phải chịu não hổ bức thân
Cả thế gian chỉ có đường ác
Nghe âm thanh thê thảm kêu gào
Sáu nẻo chịu khổ đều không khác
Đều do phiền não trói chặt vào
Thế Tôn giải kết cho chúng sinh
Rằng buộc đại Bi để thọ mãi
Thế Tôn là ruộng phước cao tột
Người nên nương Phật hành chánh hạnh.
Như con không thấy hết báu lành
Thì hành ác hạnh cũng như vậy
Với Phật, nếu khởi tâm buông lung
Thì những người này đọa đường ác
Chợt khởi oán tránh với Thế Tôn
Chìm khổ, tối tăm, còn nghi gì!
Giống như Đại sư, hiểu thân mình
Tương tự, Đại sư cũng thể biết
Người khác không thể hiểu như vậy
Nay con lạy khắp mười phương Phật
Tất cả công đức cùng trí lực
Thế Tôn hiện rõ cùng pháp môn
Lòng đại Bi, muốn chúng sinh hiểu

Thế nên hôm nay, con lễ Phật
Sắc đẹp, hương thơm nhìn không chán
Các tướng tròn đầy vượt cả màu
Ba thời, khai mở rất đáng yêu
Phật hoa như vậy, con đảnh lễ
Thế Tôn khéo biết chỗ Vô thượng
Tất cả hiểm nạn đều ra khỏi
Không tích, không tụ, không giả dối
Nay con lạy Đấng Lưỡng Túc Tôn
Thế Tôn tẩy sạch các nhơ bẩn
Trụ nơi chánh pháp, nước công đức
Xưa nay, trong ngoài đều sạch cả
Nay con lạy Đấng Chân Tịnh Thân
Thế Tôn đầy đủ các pháp lành
Thường làm bạn ích cho mọi người
Mưa cam lồ rưới khắp chúng sinh
Nay con lạy Đấng Năng Lợi Tha
Là người cao cả, đời tôn trọng
Bởi vậy nên họ kính Thế Tôn
Dứt sạch các ác, tròn đầy lành
Nay con đảnh lễ Đấng Tối Thắng
Mọi phương tiện, thảy đều tu học
Vì thương chúng sinh muốn cứu giúp
Sinh tử hiểm nạn, khiến độ thoát
Nay con đảnh lễ và quy y
Lạy thân đẹp đẽ, không ví được
Lạy đấng hay nói pháp cam lồ
Lạy trí thanh tịnh lìa nhơ bẩn
Và lạy tất cả, rừng công đức.

-oOo-

Phẩm 7: CHÚC LỤY

Phật bảo A-nan:

–Ông nên thọ trì pháp môn chân chánh này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan quỳ dài bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con theo Phật được nghe pháp sâu xa này, được chưa từng có, con lấy đầu thờ phụng thọ trì. Bạch Thế Tôn! Nên gọi kinh này là gì và thực hành ra sao?

Phật nói:

–Này A-nan! Kinh này gọi là Vô Thượng Y, cũng gọi là Vị Tằng Hữu và cũng gọi là Nhiếp Thiện Pháp, là Thanh Tịnh Hạnh, là Hành Cứu Cánh.

Này A-nan! Có mười cách để thọ trì kinh này:

1. Biên chép.

2. Cúng dường.

3. Lưu truyền.

4. Lắng nghe.

5. Tự đọc.

6. Nhớ, trì.

7. Rộng nói.

8. Tự tụng.

9. Suy nghĩ.

10. Tu hành.

Này A-nan! Với mười cách này mà có thể thọ trì kinh này, thì công đức chân chánh tụ lại sẽ vô lượng, vô tận.

A-nan! Ví như hạt châu như ý, xuất hiện nơi nào, thì tất cả các vật báu khác thảy đều xuất hiện theo. Người thọ trì kinh này, cũng như vậy, tất cả pháp lành thảy đều được thành tựu.

A-nan! Ví như dựa từ nơi đất, các cây cỏ, các loại cây thuốc, đều được sinh trưởng. Các pháp lành cũng như vậy, đều nhờ nơi kinh này mà được tăng trưởng.

Này A-nan! Ví như các pháp lành đã sinh, đang sinh, sẽ sinh, đều là chỗ để tóm thu và gìn giữ, không cho buông thả, hạnh không buông thả được xem là đệ nhất. Như vậy, những pháp được nói trong kinh này, đề cập tới các hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, thì đó được xem là chỗ thâu tóm bậc nhất của kinh này.

A-nan! Ví như Chuyển luân thánh vương, nếu còn ở đời, bảy báu thường theo sát. Như vậy, kinh này cũng thế, nếu còn trụ ở đời, dòng giống Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, sẽ liên tục không dứt.

Này A-nan! Nay ông có thể, lần lượt diễn rộng kinh này, cho những hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân. Vì sao? Vì muốn cho tất cả các loài chúng sinh, trồng căn lành vào Như Lai xứ.

Sau khi ở trong đại hội, được nghe Phật nói kinh này, pháp môn hiếm có này, Tôn giả A-nan cùng với các vị Đại Bồ-tát, các vị Đế Thích, Phạm thiên, các vị trời hộ đời... thảy đều vui mừng hớn hở, tín nhận và phụng thờ.

-oOo-

SỐ 670

KINH LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Đại sư Cầu-na-bạt-đà-la, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Phẩm 1: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trên đỉnh núi Lăng-già tại bờ biển Nam, nơi có đủ các thứ hoa báu trang nghiêm, cùng với các đại Tỳ-kheo Tăng và chúng Đại Bồ-tát từ các cõi Phật đến, các Đại Bồ-tát ấy đều đủ sức tự tại, vô lượng chánh định, thần thông diệu dụng. Đại Bồ-tát Đại Tuệ làm thượng thủ, được tất cả chư Phật đích thân làm pháp quán đảnh, cảnh giới của tâm tự hiện bày, khéo lãnh hội ý nghĩa về mọi chúng sinh, mọi tâm sắc, vô lượng pháp môn, cho đến năm pháp của tự tánh và hai thứ vô ngã đều được từng loại phổ hiện, đều thông đạt trọn vẹn.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ cùng Bồ-tát Ma-đế đã từng dạo khắp tất cả cõi Phật, thừa oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo tay phải, chắp tay quỳ gối, cung kính dùng kệ tán thán:

Thế gian sinh diệt lìa
Như hoa đốm trên không
Trí chẳng trụ hữu, vô
Mà khởi tâm đại Bi.
Tất cả pháp như huyễn
Xa lìa nơi tâm thức
Trí chẳng trụ hữu, vô
Mà khởi tâm đại Bi.
Xa lìa chấp đoạn, thường
Pháp thế gian như mộng
Trí chẳng trụ hữu, vô
Mà khởi tâm đại Bi.

Biết nhân, pháp vô ngã
Phiền não và Nhĩ diệm
Thường trong sạch, vô tướng
Mà khởi tâm đại Bi.
Niết-bàn chẳng thể lập
Chẳng có Niết-bàn Phật
Chẳng có Phật Niết-bàn
Lìa năng giác, sở giác.
Hoặc có hoặc không có
Cả hai thảy đều lìa
Pháp thiền quán tịch tĩnh
Vốn lìa sự sinh khởi.
Chẳng đời này đời sau
Gọi là chẳng thủ, xả.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ nói kệ tán thán Phật xong, tự xưng tên họ:

Con tên là Đại Tuệ.
Thông đạt pháp Đại thừa
Một trăm lẻ tám câu
Dùng kệ hỏi Thế Tôn.
Chính bậc Thế Gian Giải
Nghe Bồ-tát nói kệ
Quan sát tất cả chúng
Bảo các Phật tử rằng:
Chư vị! Các Phật tử
Nay cho mặc tình hỏi
Ta sẽ vì các ông
Thuyết cảnh giới tự giác.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ kính vâng lời Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, chắp tay cung kính, dùng kệ hỏi:

Thế nào niệm trong sạch
Thế nào niệm tăng trưởng
Tại sao thấy si hoặc
Si hoặc sao tăng trưởng?
Cách giáo hóa cõi Phật
Chúng sinh và ngoại đạo
Thế nào thọ, vô thọ
Tại sao gọi vô thọ.
Phật tử là nghĩa gì

Giải thoát đến nơi nào
Ai trói ai giải thoát
Cảnh giới thiền ra sao.
Tại sao có ba thừa
Mong Phật giải thích cho
Duyên khởi từ đâu sinh
Sao nói tác, sở tác.
Sao có pháp đồng dị
Giảm bớt và tăng trưởng
Sao gọi định vô sắc
Và gọi chánh định diệt.
Thế nào là tưởng diệt
Vì sao có xuất định
Tại sao sinh sở tác
Tinh tấn và trì thân.
Thế nào hiện phân biệt
Các địa từ đâu sinh
Vượt ba cõi là ai
Thân này là thân gì.
Vãng sinh đến nơi nào
Bồ-tát Tối Thắng Tử
Nhân gì đắc thần thông
Và Tam-muội tự tại.
Sao gọi tâm Tam-muội
Cúi xin vì con nói
Chữ "Tạng" là nghĩa gì
Sao gọi ý và thức.
Sinh diệt là thế nào
Sở kiến trả về được
Năng kiến trả về đâu
Thế nào là tâm lượng
Chủng tánh phi chủng tánh
Làm sao kiến lập tưởng
Nghĩa ngã và phi ngã
Sao nói chẳng chúng sinh.
Sao gọi thuyết thế tục
Cách nào chẳng sinh khởi
Đoạn kiến và thường kiến

Chư Phật và ngoại đạo.
Tại sao chẳng trái nhau
Phật tánh vốn bất nhị
Tại sao đời vị lai
Nhiều bộ phái khác nhau.
Nhân gì lập nghĩa không
Sao nói sát-na hoại
"Thai tạng sinh" là gì
Thế pháp sao chẳng động.
Nhân gì như mộng huyễn
Như thành Càn-thát-bà
Như bóng trăng trong nước
Thế gian như dương diệm
Sao lại nói Giác chi
Và bảy Bồ-đề phần
Quốc độ sao hỗn loạn
Tại sao chấp hữu kiến.
Thế nào chẳng sinh diệt
Thế pháp như hoa đốm
Cách nào giác thế gian
Thuyết pháp lìa văn tự.
Lìa vọng tưởng là ai
Sao dụ như hư không
Những thứ pháp như thật
Và tâm Ba-la-mật.
Nhân gì độ các Địa
Đến nơi vô sở thọ
Và hai thứ vô ngã
Làm sao cảnh trí sạch.
Trí tuệ có những gì
Giới tánh có bao nhiêu
Hạt trân châu ma-ni
Thật tánh từ đâu sinh.
Ai lập ra ngữ ngôn
Và chủng tánh chúng sinh
Nơi sáng và kỹ thuật
Do đâu mà hiển bày.
Kệ tụng có mấy thứ

Tụng dài và tụng ngắn
Tất cả có mấy thứ
Thế nào gọi là luận.
Sao có sự ăn uống
Và sinh những ái dục
Tại sao gọi là vua
Chuyển luân và Tiểu vương.
Cõi trời có bao nhiêu
Hộ vệ quốc độ nào
Thế nào gọi là địa
Tinh tú và nhật nguyệt.
Người tu hành giải thoát
Mỗi môn có mấy thứ
Đệ tử có mấy loại
Sao gọi A-xà-lê.
Phật có bao nhiêu hạng
Sự sinh có mấy loại
Ma và các ngoại đạo
Mỗi mỗi có mấy thứ.
Tự tánh và bản tâm
Có mấy thứ riêng biệt
Những số lượng nêu bày
Niệm thông minh là gì.
Cúi xin Phật khai thị
Hư không và gió mây
Cây cỏ và rừng rậm
Tất cả là thế nào
Tại sao lại bắt lấy
Những loài voi, ngựa, nai
Thế nào là thấp hèn
Nhân gì mà thấp hèn
Làm sao thâu sáu thứ
Sao gọi Nhất-xiển-đề
Nam nữ, phi nam nữ
Từ đâu mà sinh khởi
Thế nào phát tâm tu
Sao lại tu lui sụt
Thiền sư dùng pháp gì

Dạy cho những người nào
Chúng sinh vào các cõi
Tướng nào thuộc loại nào
Thế nào là giàu sang
Nhân gì được giàu sang
Thế nào là Thích chủng
Nhân gì được Thích chủng
Thế nào dòng Cam Giá
Xin Thế Tôn giải thuyết.
Những tiên nhân khổ hạnh
Truyền thọ như thế nào
Sao thân Phật hiển hiện
Khắp thời gian, không gian
Có đủ loại chúng sinh
Và Bồ-tát nhiễu quanh
Tại sao chẳng ăn thịt
Tại sao cấm ăn thịt
Những loại nào ăn thịt
Nhân gì phải ăn thịt
Sao hình thành nhật nguyệt
Tu-di và Liên hoa.
Cây đàn dáng trống cơm
Và đủ loại hương hoa.
Cõi nước rất thù thắng
Trùm khắp cả thế giới
Như lưới báu Đế Thích
Tất cả những châu báu.
Cây đàn dáng trống cơm
Và đủ loại hương hoa
Sáng chói lìa nhật nguyệt
Mỗi mỗi đều vô lượng
Thế nào là hóa Phật
Thế nào Báo thân Phật
Thế nào Như như Phật
Thế nào Trí tuệ Phật
Tại sao nơi Dục giới
Chẳng thành Đẳng chánh giác
Sao cõi Sắc cứu cánh

Lìa dục, đắc Bồ-đề
Chư Phật nhập Niết-bàn
Ai duy trì chánh pháp
Như Lai và chánh pháp
Được trụ thế bao lâu
Thành tựu và kiến chấp
Mỗi loại bao nhiêu thứ
Từ giới luật Tỳ-kheo
Thanh văn và Duyên giác
Cho đến bậc Bồ-tát
Nhân duyên gì kiến lập
Nhân gì nhiều biến đổi
Tại sao Vô sở thọ
Thế tục thông là gì
Tại sao xuất thế gian
Thế nào là bảy địa
Cúi xin Phật diễn thuyết.
Tăng-già có mấy loại
Thế nào phá hoại Tăng
Y Phương luận là gì
Do từ nhân duyên gì
Sao lại Phật Thế Tôn
Thuyết những lời như thế:
Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm là ta
Cớ sao nói đoạn, thường
Có ngã và vô ngã
Sao không tất cả thời
Đều diễn nghĩa chân thật
Mà lại vì chúng sinh
Phân biệt thuyết tâm lượng
Tại sao cõi Ta-bà
Núi Kim cang, Thiết vi
Tất cả đều sung mãn
Như trái Yêm-ma-la
Phật nghe bài kệ hỏi
Về môn độ Đại thừa.
Và diệu tâm chư Phật;

Lành thay những câu hỏi.
Đại Tuệ hãy lắng nghe
Nay ta vì các ông
Theo thứ lớp giải đáp:
Pháp sinh và bất sinh
Các loại đến Niết-bàn
Sát-na chẳng tự tánh.
Từ Phật tử, ngoại đạo
Thanh văn và Duyên giác
Bồ-tát ba-la-mật
Và hạnh cõi Vô sắc.
Mỗi mỗi việc như thế
Núi Tu-di, biển cả
Các bộ châu, quốc độ
Tinh tú và nhật nguyệt
Cõi trời A-tu-la
Sức thiền Tam-ma-đề
Giải thoát được tự tại.
Giác chi, Như ý túc
Và các phẩm trợ đạo;
Từ những thân năm ấm
Cho đến định diệt tận
Gồm vô lượng thiền định.
Phật từ Tam-muội khởi
Thuyết pháp độ chúng sinh.
Tâm là thức thứ tám,
Ý là thức thứ bảy,
Và ý là thứ sáu
Năm pháp và vô ngã
Năng tưởng và sở tưởng
Tự tánh hiện nhị kiến.
Các thừa và chủng tánh
Vàng, bạc, châu Ma-ni
Cho đến Nhất-xiển-đề
Nhiều loại với nhất Phật
Trí Nhĩ diệm chứng đắc.
Chúng sinh hữu hay vô
Những cầm thú voi, ngựa

Tại sao bị bắt lấy
Do nhân duyên thành tựu.
Năng tác và sở tác
Tòng lâm cùng mê hoặc
Tâm lượng chẳng hiện hữu
Chư địa chẳng đến nhau.
Biến hiện thọ, vô thọ
Y phương và công xảo
Nội ngoại trong năm minh
Đại địa, núi Tu-di
Biển cả, nhật nguyệt tinh
Chúng sinh thượng, trung, hạ
Quốc độ và sắc thân
Mỗi mỗi bao vi trần.
Thước tấc và số đặm
Số ngắn đến số dài.
Nói chung những câu hỏi
Danh từ các số lượng
Diễn tả sự hiện hữu
Không gian và thời gian
Nên hỏi những việc này
Đâu cần hỏi việc khác.
Thanh văn và Duyên giác
Bồ-tát cho đến Phật
Mỗi thân bao nhiêu trần
Số lượng của bốn đại
Thân năm uẩn con người
Vua chúa trên thế gian
Cho đến Chuyển luân vương
Đều ham giữ tài sản
Làm sao được giải thoát
Nghĩa hẹp và nghĩa rộng
Như chỗ hỏi của ông
Việc Phật tử nên hỏi.
Muốn mỗi mỗi tương ưng
Phải xa lìa kiến chấp.
Thành tựu lìa ngôn thuyết.
Nay ta sẽ khai thị

Kỹ càng từng lớp một
Phật tử hãy lắng nghe.
Trăm lẻ tám câu này
Như chỗ chư Phật thuyết.

Cú sinh, cú bất sinh, cú thường, cú vô thường, cú trụ dị phi trụ dị, cú sát-na cú phi sát-na, cú tự tánh cú phi tự tánh, cú không cú bất không, cú đoạn cú bất đoạn, cú biên cú phi biên, cú trung cú phi trung, cú duyên cú phi duyên, cú nhân cú phi nhân, cú phiền não cú phi phiền não, cú ái cú phi ái, cú phương tiện cú phi phương tiện, cú xảo cú phi xảo, cú tịnh cú phi tịnh, cú thành cú phi thành, cú ví dụ cú phi ví dụ, cú đệ tử cú phi đệ tử, cú sư cú phi sư, cú chủng tánh cú phi chủng tánh, cú tam thừa cú phi tam thừa, cú sở hữu cú phi sở hữu, cú nguyện cú phi nguyện, cú tam luân cú phi tam luân, cú hữu phẩm cú phi hữu phẩm, cú câu cú phi câu, cú duyên tự thánh trí hiện pháp lạc cú phi hiện pháp lạc, cú sát độ cú phi sát độ, cú thủy cú phi thủy, cú cung cú phi cung, cú thật cú phi thật, cú số cú phi số, cú minh cú phi minh, cú hư không cú phi hư không, cú vân cú phi vân, cú công xảo kỹ thuật minh xứ, cú phi công xảo kỹ thuật minh xứ, cú phong cú phi phong, cú địa cú phi địa, cú tâm cú phi tâm, cú thi thiết cú phi thi thiết, cú ấm cú phi ấm, cú chúng sinh cú phi chúng sinh, cú tuệ cú phi tuệ, cú Niết-bàn cú phi Niết-bàn, cú Nhĩ diệm (đối tượng của trí) cú phi Nhĩ diệm, cú ngoại đạo cú phi ngoại đạo, cú hoang loạn cú phi hoang loạn, cú huyễn cú phi huyễn, cú mộng cú phi mộng, cú diệm cú phi diệm, cú tượng cú phi tượng, cú luân cú phi luân, cú Càn-thát-bà cú phi Càn-thát-bà, cú thiên cú phi thiên, cú ẩm thực cú phi ẩm thực, cú dâm dục cú phi dâm dục, cú kiến cú phi kiến, cú ba-la-mật cú phi ba-la-mật, cú giới cú phi giới, cú nhật nguyệt tinh tú cú phi nhật nguyệt tinh tú, cú đế cú phi đế, cú quả cú phi quả, cú khởi diệt cú phi khởi diệt, cú trị cú phi trị, cú chi cú phi chi, cú thiền cú phi thiền, cú mê cú phi mê, cú hiện cú phi hiện, cú hộ cú phi hộ, cú tục cú phi tục, cú tiên cú phi tiên, cú vương cú phi vương, cú thâu nhận cú phi thâu nhận, cú bảo cú phi bảo, cú ký cú phi ký, cú Nhất-xiển-đề cú phi Nhất-xiển-đề, cú nữ nam bất nam cú phi nữ nam bất nam, cú vị cú phi vị, cú sự cú phi sự, cú thân cú phi thân, cú giác cú phi giác, cú động cú phi động, cú căn cú phi căn, cú hữu vi cú phi hữu vi, cú vô vi cú phi vô vi, cú nhân quả cú phi nhân quả, cú sắc cứu cánh cú phi sắc cứu cánh, cú thiết cú phi thiết, cú tòng thọ cát đằng cú phi tòng thọ cát đằng, cú tạp cú phi tạp, cú thuyết cú phi thuyết, cú Tỳ-ni cú phi Tỳ-ni, cú Tỳ-kheo cú phi Tỳ-kheo, cú xứ cú phi xứ, cú tự cú phi tự.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đó là một trăm lẻ tám câu mà Phật xưa đã từng nói, ông và các Đại Bồ-tát cần nên tu học.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các thức có mấy thứ sinh, trụ, diệt?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Các thức có hai thứ sinh, trụ, diệt, chẳng phải suy nghĩ biết được. Hai thứ sinh gọi là lưu chú sinh và tướng sinh; hai thứ trụ gọi là lưu chú trụ và tướng trụ; hai thứ diệt gọi là lưu chú diệt và tướng diệt.

Này Đại Tuệ! Các thức có ba thứ tướng, gọi là chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng. Nói tóm tắt có ba thứ thức, nói rộng có tám thứ tướng. Ba thứ thức ấy là: Chân thức, hiện thức và phân biệt sự thức. Đại Tuệ! Ví như gương sáng hiện những sắc tướng, chỗ hiện của hiện thức cũng như thế.

Này Đại Tuệ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này tướng hoại và chẳng hoại làm nhân với nhau. Sự huân tập chẳng thể nghĩ bàn và sự chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn là cái nhân của hiện thức. Nhận lấy các cảnh trần và huân tập vọng tưởng từ vô thủy là cái nhân của Phân biệt sự thức.

Này Đại Tuệ! Nếu mỗi mỗi sự hư vọng chẳng thật che khuất chân thức đều tiêu diệt thì tất cả căn thức đều diệt, ấy gọi là tướng diệt.

Này Đại Tuệ! Sao nói là tương tục diệt? Do cái nhân của tương tục đã diệt thì tương tục phải diệt. Đối tượng được nhân diệt thì đối tượng được duyên cũng diệt. Đối tượng được nhân và đối tượng được duyên đều diệt thì tương tục phải diệt. Vì sao? Vì có chỗ nương tựa. Nói nương tựa, là vọng tưởng huân tập từ vô thủy; nói duyên, là tự tâm hiện những cảnh vọng tưởng của thức.

Này Đại Tuệ! Ví như cục đất với vi trần có khác, cũng không có khác. Dùng vàng ròng làm ra những đồ trang sức cũng vậy. Đại Tuệ! Nếu cục đất với vi trần có khác thì cục đất chẳng do vi trần hợp thành, mà thật thì do vi trần hợp thành, nên nói chẳng khác. Nếu chẳng khác thì cục đất với vi trần chẳng có phân biệt.

Như thế, Đại Tuệ! Chân tướng của chuyển thức với tạng thức nếu là khác thì tạng thức chẳng phải cái nhân của chuyển thức; nếu là chẳng khác thì chuyển thức diệt, tạng thức cũng phải diệt, mà chân tướng của nó thật sự là chẳng diệt. Cho nên Đại Tuệ! Chẳng phải tự thức của chân tướng diệt, chỉ là nghiệp tướng diệt. Nếu tự thức của chân tướng diệt thì tạng thức cũng phải diệt. Đại Tuệ! Nếu tạng thức diệt thì chẳng khác gì đoạn kiến của ngoại

đạo.

Này Đại Tuệ! Các phái ngoại đạo lập luận như thế này: "Cảnh giới thâu nhận diệt thì sự lưu chú của thức cũng diệt." Nếu sự lưu chuyển của thức diệt thì sự lưu chú từ vô thủy phải đoạn dứt. Đại Tuệ! Ngoại đạo nói cái nhân sinh khởi của lưu chuyển, chẳng do nhãn thức, sắc không và sáng tối hòa hợp mà sinh, ngoài ra còn có các nhân khác.

Đại Tuệ! Cái nhân của họ nói như thắng diệu, như sĩ phu, như tự tại, như thời gian, như vi trần…

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bảy thứ tánh tự tánh, gọi là tập tánh tự tánh, tánh tự tánh, tướng tánh tự tánh, đại chủng tánh tự tánh, nhân tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh và thành tánh tự tánh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bảy thứ Đệ nhất nghĩa, đó là cảnh giới tâm, cảnh giới tuệ, cảnh giới trí, cảnh giới kiến, cảnh giới siêu nhị kiến, cảnh giới siêu tử địa (siêu việt phiền não) và cảnh giới Như Lai tự tại. Đại Tuệ! Đây là Đệ nhất nghĩa tâm nơi tự tánh của tánh cũng là chư Phật Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác (quá khứ, hiện tại, vị lai) thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian, cho đến pháp xuất thế gian tối thượng, do Tuệ nhãn của bậc Thánh soi vào tự cộng tướng mà kiến lập, kiến lập này chẳng đồng với lập luận theo ác kiến của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Thế nào là lập luận theo ác kiến của ngoại đạo? Ấy là cảnh giới vọng tưởng của tự kiến chấp, chẳng biết do chấp nơi chỗ hiện bày của tự tâm, vì chẳng thông đạt về biên vực (tự tánh cùng khắp không gian thời gian, vốn chẳng có biên vực, vì khởi tâm chấp thật thành có biên vực). Đại Tuệ! Vì hàng phàm phu ngu si, ở nơi bất nhị của tự tánh tánh vô tánh (Đệ nhất nghĩa) lập ra nhị kiến luận.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Cái nhân vọng tưởng của ba cõi diệt thì các duyên của vô minh, ái nghiệp liền diệt. Nay ta sẽ thuyết giảng những cảnh huyễn hóa tùy theo kiến chấp nơi đối tượng được hiện bày của tự tâm.

Này Đại Tuệ! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn muốn khiến nhân quả của hữu chủng, vô chủng cùng sự vật, thời gian có chỗ trụ… và những cái do chấp nơi ấm, giới, nhập nơi sinh và trụ biến hiện hoặc nói sinh rồi thì diệt, như sự vật hoặc tương tục hoặc sinh, hoặc hữu, hoặc Niết-bàn, hoặc đạo, hoặc nghiệp, hoặc quả, hoặc chân lý, hoặc thường trụ, đều là đoạn diệt luận. Vì sao? Vì những sự việc kể trên vốn là vô thủy (chẳng có sự bắt đầu), nên hiện tiền đều không thể nắm bắt.

Này Đại Tuệ! Ví như cái bình bể chẳng dùng được, như hạt giống cháy chẳng thể nẩy mầm. Như thế, Đại Tuệ! Nếu tánh của ấm, giới, nhập

đã diệt, nay diệt, sẽ diệt, đều do kiến chấp vọng tưởng của tự tâm vô nhân mà có, thì sự sinh khởi chẳng có thứ lớp.

Này Đại Tuệ! Nếu lại nói cái thức vô chủng, hữu chủng do ba duyên kiến, tướng, thức hòa hợp sinh khởi, thì con rùa nên mọc lông, ép cát phải ra dầu, tông họ ắt phải tự hoại, vì trái với nghĩa quyết định. Cái thuyết hữu chủng, vô chủng có lỗi như thế, nếu theo đó kiến lập sự nghiệp đều là hư dối vô nghĩa.

Này Đại Tuệ! Cái thuyết ba duyên hợp sinh của ngoại đạo, lập ra phương tiện nhân quả tự tướng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, tưởng hữu chủng, vô chủng từ xưa đến nay đã thành sự thật, giác tưởng xoay chuyển, thừa kế với nhau, là do lỗi nơi tập khí tự sinh kiến chấp mà thuyết như thế.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si, say mê tà tưởng, trí tuệ bị ác kiến nuốt mất, đem cái thuyết vô trí lại vọng xưng là Nhất thiết trí.

Này Đại Tuệ! Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn lìa kiến chấp về tự tánh, biết trong ngoài tâm hiện như mây nổi, như vòng lửa, như thành Càn-thát-bà, như dợn nắng, như bóng trăng trong nước, như mộng huyễn, những vọng tưởng hư dối từ vô thủy chẳng lìa tự tâm. Nếu nhân duyên vọng tưởng diệt hết, lìa chủ thể thuyết đối tượng thuyết, chủ thể quán đối tượng được quán của vọng tưởng, kiến lập thân của tạng thức, nơi cảnh giới thức có thọ dụng, thâu nhận và kẻ thâu nhận… Đối với những việc kể trên đều chẳng tương ưng, chẳng có tất cả cảnh giới ấy, lìa sinh trụ diệt, lìa tự tâm khởi, lìa tùy chỗ nhập mà phân biệt, Bồ-tát này được như thế thì chẳng bao lâu sẽ chứng đắc sinh tử và Niết-bàn bình đẳng, được đại Bi làm phương tiện khéo léo mà chẳng thấy có sự mở mang phương tiện.

Này Đại Tuệ! Nơi tất cả chúng sinh đều như huyễn, chẳng do nhân duyên, xa lìa cảnh giới trong ngoài, ngoài tâm chẳng thấy pháp khác, lần lượt nhập chỗ vô tưởng, từ cảnh giới Tam-muội của địa này đến địa kia, phân biệt quán xét, thấu rõ ba cõi như huyễn, sẽ chứng đắc Tam-muội như huyễn, siêu việt tự tâm hiện, trụ nơi Bát-nhã ba-la-mật, lìa bỏ phương tiện, lìa Kim cang dụ và Tam-ma-đề, liền vào thân Như Lai, liền vào thần thông biến hóa tự tại, từ bi làm phương tiện, đầy đủ trang nghiêm; vào tất cả cõi Phật và chỗ ngoại đạo, bình đẳng như như, lìa tâm, ý, ý thức, ấy là sự lần lượt chuyển thân của Bồ-tát, cho đến chứng đắc Pháp thân Như Lai, cuối cùng quy về vô sở đắc.

Cho nên, muốn hội nhập nơi Pháp thân Như Lai, phải xa lìa ấm, giới, nhập và nhân duyên làm phương tiện của tâm, chỉ với tâm thẳng quán xét lỗi nơi vọng tưởng tập khí hư dối từ vô thủy, sinh, trụ, diệt là vọng tưởng

hư dối, Phật địa vô sinh, tư duy về ba cõi chẳng thật có, đến Thánh trí tự giác, tự tâm tự tại, tới chỗ hành vô sở hành, như hạt châu ma-ni tùy sắc (hạt châu tự chẳng có màu sắc, mà tùy màu sắc của người xem hiện ra màu sắc), nghĩa là tùy tâm lượng vi tế của chúng sinh mà biến hóa thân hình, nên các Địa lần lượt được tương tục kiến lập. Cho nên, này Đại Tuệ! Việc tự thành tựu pháp thiện phải siêng tu học.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nói tâm, ý, ý thức, tướng tự tánh của năm pháp là nẻo hành hóa của tất cả chư Phật, Bồ-tát, cảnh giới của đối tượng được duyên chẳng hòa hợp, hiển bày tất cả pháp do tự tâm hiện, thành tướng chân thật. Nhất thiết Phật ngữ tâm là Phật thuyết về cảnh giới tạng thức nơi Pháp thân, ở trụ xứ của chư Đại Bồ-tát tại núi Ma-la-da trong biển thuộc nước Lăng-già.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Do bốn nhân duyên mà nhãn thức chuyển. Thế nào là bốn?

1. Tự tâm bất giác hiện ra thâu nhận.

2. Lỗi nơi tập khí hư dối từ vô thủy.

3. Chấp trước tự tánh của tánh thức.

4. Muốn thấy đủ thứ sắc tướng.

Ấy gọi là bốn thứ nhân duyên từ dòng suối chảy của tạng thức, sinh ra làn sóng của chuyển thức.

Như nhãn thức chuyển thì tất cả vi trần, lỗ chân lông nơi tất cả các căn đều sinh, các cảnh giới khác theo đó sinh khởi cũng như thế. Ví như gương sáng hiện các sắc tướng, ví như gió lớn thổi nước biển thì gió của cảnh giới bên ngoài thổi biển của tâm, nổi làn sóng thức cũng vậy. Bởi vì tướng đối tượng được tạo tác khác hay chẳng khác, do nghiệp duyên hòa hợp sinh tướng, lại chấp trước sâu vào, chẳng thể thấu tỏ tự tánh của các sắc, nên cái thân năm thức theo đó mà chuyển.

Này Đại Tuệ! Cái thân năm thứ thức kia đều do cái biết của tướng phần đoạn sai biệt mà có, nên biết đó là cái thân của ý thức. Cái thân chuyển kia chẳng tự cho là tướng của ngã chuyển, vì tự tâm hiện vọng tưởng chấp trước mà chuyển, nên mỗi mỗi tướng hư vọng cùng chuyển; do phần đoạn sai biệt, phân biệt cảnh giới gọi là chuyển. Như người tu hành vào thiền chánh định, chuyển tập khí vi tế mà chẳng tự biết, lại cho là thức diệt rồi mới nhập thiền định, thật thì thức chẳng diệt mà nhập chánh định. Vì chủng tử tập khí chẳng diệt nên cảnh giới chuyển mà thức chẳng diệt, chẳng vì

không thâu nhận mà diệt.

Này Đại Tuệ! Bờ bến cứu cánh của tạng thức vi tế như thế, ngoài chư Phật và Bồ-tát trụ Địa ra, chỗ tu tập đạt được các Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo dù có sức trí tuệ của Tam-muội, tất cả chẳng thể suy lường thấu đạt được.

Ngoài tướng trí tuệ khéo léo phân biệt, phán đoán nghĩa cú, thắng tiến vô biên, thiện căn thuần thục, lìa vọng tưởng hư dối của tự tâm hiện, tĩnh tọa trong núi rừng, tu hành trải qua các bậc thượng, trung, hạ, được thấy vọng tưởng lưu chú của tự tâm, được pháp quán đảnh nơi vô lượng quốc độ của chư Phật, được sức tự tại thần thông Tam-muội, được biết các tri thức thiện, quyến thuộc Phật tử, những tâm, ý, ý thức kia, chúng sinh theo nghiệp ái vô tri vào biển sinh tử, cảnh giới tư tưởng hư vọng ấy… đều do tự tâm hiện bày. Đến đây, các thứ nhân duyên kể trên thảy đều đã siêu thoát. Cho nên này Đại Tuệ! Những người tu hành nên gần gũi bậc Tri thức tối thắng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà nói kệ:

Ví như sóng biển cả
Là do gió thổi mạnh
Sóng to vỗ biển rộng
Chẳng có lúc ngừng nghỉ.
Biển tạng thức thường trụ
Gió cảnh giới lay động
Mỗi mỗi sóng của thức
Ào ạt mà nổi dậy.
Các thứ màu sắc đẹp
Các thứ đồ ăn ngon
Các thứ hoa quả tốt
Ánh sáng của nhật nguyệt.
Hoặc khác hoặc chẳng khác
Như biển nổi làn sóng
Bảy thức cũng như thế
Tâm cảnh hòa hợp sinh.
Như nước biển biến chuyển
Nổi đủ thứ làn sóng.
Bảy thức cũng như thế
Tâm cảnh hòa hợp sinh
Nói chỗ tạng thức ấy

Mỗi mỗi các thức chuyển.
Là do ý thức kia
Suy nghĩ nghĩa các tướng
Có tám tướng chẳng hoại
Vô tướng vốn vô tướng.
Ví như làn sóng biển
Nước biển chẳng sai biệt
Thức tâm cũng như thế
Chẳng thể có khác biệt.
Tâm gọi tích tập nghiệp
Ý gọi rộng tích tập
Thức do thức nhận biết
Hiện cảnh nói có năm.

Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi Phật:

Những sắc tướng xanh, đỏ
Do các thức sinh khởi
Nổi pháp như làn sóng
Nghĩa ấy xin Phật giảng.

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Những sắc tướng xanh, đỏ
Làn sóng vốn chẳng có
Đều do tâm tích tập
Phàm phu nếu khai ngộ.
Nghiệp kia vốn chẳng có
Do tự tâm thâu nhiếp
Lìa năng nhiếp, sở nhiếp
Đồng như làn sóng kia.
Kiến lập thân thọ dụng
Là hiện thức chúng sinh
Nơi các nghiệp hiện kia
Đều như làn sóng nước.

Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng kệ hỏi:

Tánh làn sóng biển cả
Ào ạt vẫn biết được
Tạng cùng nghiệp cũng vậy
Tại sao chẳng hiểu biết.

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Phàm phu chẳng trí tuệ
Tạng thức như biển cả
Nghiệp tướng như làn sóng
Theo đó dụ cho hiểu.

Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng kệ hỏi:

Mặt trời sáng soi khắp
Chúng sinh thượng, trung, hạ
Như Lai soi thế gian
Khai thị lời chân thật.
Tại sao chia nhiều thừa
Thuyết pháp nói chẳng thật?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Nếu nói với chân thật
Tâm họ chẳng chân thật
Ví như làn sóng biển
Như bóng gương, mộng, huyễn.
Tất cả cùng lúc hiện
Cảnh giới tâm cũng thế
Nay cảnh giới chẳng đủ
Là do nghiệp chuyển sinh.
Thức do thức nhận biết
Ý do ý cho vậy
Năm thức tùy cảnh hiện
Chẳng thứ lớp nhất định.
Ví như thợ khéo vẽ
Và học trò thợ vẽ
Bút màu vẽ hình tướng
Ta nêu cũng như thế.
Màu sắc vốn vô nghĩa
Chẳng phải bút hay lụa
Vì thỏa lòng chúng sinh
Vẽ đủ thứ hình tướng.
Dùng lời nói khai thị
Thật nghĩa lìa văn tự
Phân biệt nghĩa ban đầu
Tu hành đến chân thật.
Chỗ chân thật tự ngộ
Lìa năng giác, sở giác

Đây vì Phật tử nói
Kẻ ngu vọng phân biệt.
Thế gian đều như huyễn
Dù hiện chẳng chân thật
Thuyết pháp cũng như thế
Tùy sự lập phương tiện.
Lương y trị bệnh nhân
Tùy bệnh mà cho thuốc
Thuyết pháp chẳng ứng cơ
Nơi họ thành phi thuyết.
Tùy tâm lượng chúng sinh
Như Lai ứng cơ thuyết
Phi cảnh giới vọng tưởng
Thanh văn chẳng có phần.
Vì thương xót kẻ mê
Thuyết cảnh giới tự giác.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát muốn biết hiện lượng của tự tâm, thâu nhận và kẻ thâu nhận đối với cảnh giới vọng tưởng, phải lìa phong tục tập quán thế gian. Ngày đêm sáu thời thường tự cảnh tỉnh, phương tiện tu hành, phải lìa ngôn luận của người ác kiến và các tướng thừa Thanh văn, Duyên giác, thông đạt tướng vọng tưởng của tự tâm hiện.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát kiến lập trí tuệ, nơi ba tướng của Thánh trí nên siêng tu học.

Thế nào là ba tướng của Thánh trí? Đó là tướng vô sở hữu, tướng Nhất thiết chư Phật tự nguyện xứ, tướng cứu cánh của Thánh trí tự giác. Tu hành được đến đây rồi, phải xả bỏ tướng bệnh của trí tuệ tâm, được lên Bồ-tát trụ Địa thứ tám, ấy là do quá trình tu tập ba tướng kể trên mà sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Nói tướng vô sở hữu, là theo cách tu tập những tướng Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo mà sinh khởi. Nói tướng tự nguyện xứ, là nói chỗ chư Phật xưa tự nguyện tu mà sinh khởi. Nói tướng cứu cánh của Thánh trí tự giác, là đối với tất cả pháp tướng chẳng chấp trước, được tiến hành đến chứng đắc Tam-muội thân như huyễn của chư Phật mà sinh khởi. Đây gọi là ba tướng của Thánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng của Thánh trí này, thì được đến cảnh giới cứu cánh của Thánh trí tự giác. Cho nên Đại Tuệ! Ba tướng của Thánh trí nên siêng tu học.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ biết tâm niệm của chúng Đại Bồ-tát đang nghĩ về kinh gọi là: Thánh Trí Sự Phân Biệt Tự Tánh, nên nương theo diệu lực

từ oai thần của tất cả Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Phật thuyết kinh Thánh Trí Sự Phân Biệt Tự Tánh, y theo trí tuệ của Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, phân biệt nghĩa nơi một trăm lẻ tám câu, theo đó thuyết giảng về chỗ Đại Bồ-tát vào tự tướng và cộng tướng của tự tánh vọng tưởng. Vì phân biệt thuyết giảng về tự tánh vọng tưởng thì khéo quan sát được nhân, pháp vô ngã, tẩy sạch vọng tưởng, soi sáng các Địa, siêu việt tất cả Thanh văn, Duyên giác và thiền định của ngoại đạo, biết khắp cảnh giới thuộc nơi chốn hành hóa không thể nghĩ bàn của Như Lai, lìa bỏ năm pháp tự tánh. Dùng Pháp thân trí tuệ của chư Phật Như Lai khéo tự trang nghiêm, khởi cảnh giới huyễn, lên Thiên cung Đâu-suất, trời Sắc cứu cánh, trong tất cả cõi Phật, cho đến được Pháp thân thường trụ của Như Lai (như Phật Thích-ca từ Thiên cung Đâu-suất giáng sinh thành Phật).

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có một thứ ngoại đạo, khởi vọng tưởng chấp trước đoạn diệt, xóa hết cái nhân giác tri, cho tất cả là hư vô, như thỏ không sừng, cho tất cả pháp cũng như thế. Ngoài ra còn có ngoại đạo căn cứ theo chỗ vi tế của Đà-la-phiếu (chân lý), vọng chấp các pháp mỗi mỗi sai biệt, sinh kiến chấp ấy, cho là không có sừng thỏ, thì lại nghĩ tưởng phải có sừng trâu. Đại Tuệ! Họ rơi vào nhị kiến hữu và vô, chẳng rõ cảnh giới tâm lượng của tự tâm, vọng tự thêm bớt, kiến lập thân thọ dụng, vọng tưởng có căn cứ số lượng. Đại Tuệ! Tất cả pháp tánh cũng như thế, lìa hữu, lìa vô, chẳng nên suy tưởng cho là thật có hay thật không.

Này Đại Tuệ! Nếu lìa hữu, vô mà cho thỏ không sừng là tưởng thật không, cho trâu có sừng là tưởng thật có, đều gọi là tà tưởng. Đại Tuệ! Theo cảnh giới Thánh trí, nên lìa nhị kiến đối đãi.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người chẳng vọng tưởng thấy tướng vô sinh rồi, theo đó suy nghĩ quán xét, chẳng sinh vọng tưởng, nói là vô chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải quán xét chẳng sinh vọng tưởng mà nói vô. Vì sao? Vì vọng tưởng do chấp thật mà sinh; như theo chấp thật có và không về sừng mà sinh ra vọng tưởng. Nếu chẳng chấp thật thì lìa hai tướng tương đối. Do quán Hữu nên nói thỏ không sừng, do quán Vô nên nói trâu có sừng. Đại Tuệ! Vì pháp tương đối chẳng phải chánh nhân, nên nói hữu nói vô, cả hai đều chẳng thành. Nói thành là do chấp pháp tương đối mà thành.

Này Đại Tuệ! Lại còn có ngoại đạo chấp trước việc sắc không sinh

khởi kiến chấp, chẳng biết thực tế của hư không, nói lìa sắc lìa hư không, sinh khởi kiến chấp về biên vực của vọng tưởng.

Này Đại Tuệ! Hư không là sắc, thuộc về sắc chủng. Sắc là hư không, do chủ thể nhận thức, đối tượng được nhận thức mà kiến lập, phân biệt tánh sắc tánh không. Đại Tuệ! Phải biết lúc bốn đại chủng sinh khởi, tự tướng riêng biệt, chẳng trụ hư không, nhưng không phải chẳng có hư không.

Như thế, Đại Tuệ! Vì chấp pháp tương đối, quán trâu có sừng nên nói thỏ không sừng. Nếu đem sừng trâu phân tích thành vi trần, lại phân tích vi trần cho đến cực vi thì sát-na chẳng có chỗ trụ. Họ quán theo như thế nào mà nói là vô? Nếu quán các vật khác thì pháp cũng như vậy.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nên lìa sừng thỏ, sừng trâu, sắc tướng hư không, kiến chấp vọng tưởng. Các Đại Bồ-tát nên suy xét vọng tưởng do tự tâm hiện, Bồ-tát vào tất cả cõi nước, dùng phương tiện của tự tâm giáo hóa chúng sinh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Sắc cùng với tâm không
Sắc cùng nuôi dưỡng tâm
Thân thọ dụng kiến lập
Tạng thức hiện chúng sinh.
Tâm, ý và ý thức
Pháp tự tánh có năm
Vô ngã có hai thứ
Do Như Lai rộng thuyết.
Dài, ngắn và có, không
Lần lượt sinh lẫn nhau
Vì không lập nghĩa có
Vì có lập nghĩa không
Nếu phân biệt vi trần
Vọng sắc chẳng thể sinh.
Chỗ an lập tâm lượng
Không nên có ác kiến
Phi cảnh giới giác tưởng
Tưởng Thanh văn cũng thế
Cảnh giới của tự giác
Cứu thế phương tiện thuyết.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ vì trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện, lại hỏi Như Lai:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện của tất cả chúng sinh? Ấy là pháp đốn hay tiệm?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Phi tiệm phi đốn, cũng tiệm cũng đốn. Nói tiệm, ví như trái Yêm-ma-la tiệm chín mùi; như đại địa tiệm dần dần sinh vạn vật, Như Lai trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện của tất cả chúng sinh cũng như thế. Nói đốn, ví như gương sáng đốn liền hiện tất cả sắc tướng vô tướng; như ánh sáng mặt trời đốn liền soi tất cả sắc tướng, Như Lai trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện của tất cả chúng sinh cũng như thế.

Này Đại Tuệ! Pháp Y Phật thuyết tất cả các pháp hiện bày nơi tự tướng và cộng tướng là tập khí do tự tâm hiện, vọng tưởng tương tục do tự tâm so sánh chấp trước, mỗi mỗi không thật như huyễn. Thật ra, mỗi mỗi so sánh chấp trước đều không thủ đắc.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Vì so sánh chấp trước duyên khởi tự tánh, sinh ra tướng vọng tưởng của tự tánh. Đại Tuệ! Như nhà ảo thuật, nương cỏ cây, ngói đá làm ra đủ thứ cảnh vật huyễn hóa, do đó sinh khởi bao nhiêu hình sắc, sinh khởi đủ thứ vọng tưởng, những vọng tưởng kia vốn chẳng chân thật.

Như thế, Đại Tuệ! Y theo tánh duyên khởi sinh khởi vọng tưởng, y mỗi mỗi vọng tưởng hình thành mỗi mỗi sự vật hiện thành, ấy gọi là Y Phật thuyết pháp.

Này Đại Tuệ! Nói hóa Phật là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ, lìa ấm, giới, nhập, giải thoát mọi thức tướng phân biệt, là do quán xét kiến lập, siêu việt kiến chấp về ngoại đạo và kiến chấp về cõi Vô sắc.

Này Đại Tuệ! Nói Pháp Phật, là lìa duyên dựa, lìa tất cả mọi đối tượng được tạo tác, tướng căn và số lượng đều diệt, chẳng phải tướng ngã chấp và cảnh giới nơi đối tượng bị chấp của phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. Ấy là do tướng cứu cánh sai biệt của Thánh trí tự giác kiến lập. Cho nên, Đại Tuệ! Tướng cứu cánh sai biệt của Thánh trí tự giác nên siêng tu học và kiến chấp do tự tâm hiện cần phải diệt trừ.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có hai thứ tướng phân biệt thông với thừa Thanh văn, ấy là: Chấp tướng đắc Thánh tự giác sai biệt và tướng so sánh chấp trước tánh vọng tưởng nơi tự tánh.

Thế nào là tánh đắc Thánh tự giác sai biệt của Thanh văn? Ấy là cảnh giới chân đế, vô thường, khổ, không, vô ngã, lìa dục tịch diệt, dứt ấm, giới, nhập, tự, cộng tướng, ngoài bất hoại tướng, biết như thật về tâm được tĩnh

lặng. Tâm tĩnh lặng xong, được đạo quả thiền định giải thoát Tam-muội. Nhưng chánh thọ giải thoát ấy chẳng lìa tập khí biến dịch sinh tử chẳng thể nghĩ bàn, đắc Thánh tự giác, ham trụ nơi thừa Thanh văn, ấy gọi là tướng đắc Thánh tự giác sai biệt của Thanh văn.

Này Đại Tuệ! Ham trụ đắc Thánh tự giác sai biệt của Đại Bồ-tát, chẳng phải là ham pháp môn diệt và ham chánh định, chỉ vì thương xót chúng sinh và theo đúng bản nguyện mà không thủ chứng. Đại Bồ-tát đối với tướng đắc Thánh tự giác sai biệt của thừa Thanh văn ham thích, chẳng nên tu học.

Này Đại Tuệ! Thế nào là so sánh chấp trước tánh vọng tưởng nơi tự tánh của thừa Thanh văn? Ấy là đại chủng xanh, vàng, đỏ, trắng, địa, thủy, hỏa, phong, chẳng do tạo tác mà sinh tự tướng, cộng tướng, chỉ là cái phương tiện của Phật thuyết. Người Thanh văn do đó khởi tự tánh vọng tưởng, Đại Bồ-tát đối với pháp ấy nên biết nên xả, liền nhập tướng vô ngã nơi pháp và diệt trừ kiến chấp nơi tướng vô ngã của nhân, lần lượt tiến đến các Địa, ấy gọi là tướng so sánh chấp trước tánh vọng tưởng nơi tự tánh của thừa Thanh văn.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết giảng về cảnh giới thường và chẳng thể nghĩ bàn của Đệ nhất thánh trí và cảnh giới của Đệ nhất nghĩa, chẳng phải là chỗ nêu giảng của những ngoại đạo về nhân duyên thường chẳng thể nghĩ bàn chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải là nhân duyên đạt được thường chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo. Vì sao? Thường chẳng thể nghĩ bàn của những ngoại đạo, chẳng do tự tướng thành. Nếu thường chẳng thể nghĩ bàn chẳng do tự tướng thành thì cớ sao được hiển hiện thường chẳng thể nghĩ bàn? Lại nữa, này Đại Tuệ! Chẳng thể nghĩ bàn nếu do tự tướng thành thì ắt phải là pháp thường, nếu do người làm ra thì chẳng thể thành thường chẳng thể nghĩ bàn, vì do làm mới có, chẳng phải thường có.

Này Đại Tuệ! Ta nói Đệ nhất nghĩa thường chẳng thể nghĩ bàn, tướng nhân thành Đệ nhất nghĩa là lìa tánh, phi tánh, nên đạt được tướng tự giác mà vô tướng. Cái nhân của Đệ nhất nghĩa trí, vì có cái nhân lìa tánh, phi tánh, ví như hư không không tạo tác, Niết-bàn tận diệt, nên chánh pháp ấy tự thường, chẳng do tạo tác thành thường. Như thế, chẳng đồng với định luận thường chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Thường chẳng thể nghĩ bàn này do Thánh trí tự giác

của Như Lai chứng đắc, nên thường chẳng thể nghĩ bàn của Thánh trí tự giác, cần phải tu học.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Pháp thường chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo chẳng có tánh thường, vì có cái nhân của tướng khác, chẳng phải cái nhân của sức tướng tự thành. Lại nữa, này Đại Tuệ! Pháp thường chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo có chỗ tạo tác, tánh phi tánh, vô thường, theo kiến chấp suy tư tự cho là thường.

Này Đại Tuệ! Pháp ta cũng dùng nhân duyên như thế, vì tánh phi tánh, chẳng lập chỗ tạo tác, chẳng có thường kiến, nơi cảnh giới của Thánh trí tự giác, nói cái thường ấy tự vô nhân (chẳng có sự bắt đầu).

Này Đại Tuệ! Nếu các ngoại đạo lập cái nhân tướng thành thường chẳng thể nghĩ bàn, lập cái nhân của tự tướng, nói tánh phi tánh, thì đồng như sừng thỏ, vì pháp thường chẳng thể nghĩ bàn của họ chỉ có ngôn thuyết vọng tưởng. Các ngoại đạo có cái lỗi như thế. Vì sao? Vì chỉ có ngôn thuyết vọng tưởng, cũng như sừng thỏ, chẳng phải do tự tướng vốn sẵn đầy đủ.

Này Đại Tuệ! Pháp thường chẳng thể nghĩ bàn của ta do tướng tự giác chứng đắc, lìa đối tượng được tạo tác, tánh phi tánh, nên tự vốn là thường, chẳng phải ngoài tánh phi tánh, suy nghĩ pháp vô thường cho là thường. Nếu ngoài tánh phi tánh, pháp vô thường suy nghĩ cho là thường, là cái thuyết thường chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo, vì họ chẳng biết cái tướng của tự nhân thường chẳng thể nghĩ bàn vốn sẵn đầy đủ, nên xa cách với tướng cảnh giới chứng đắc nơi Thánh trí tự giác, họ chẳng nên thuyết.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Chúng Thanh văn sợ cái khổ của vọng tưởng sinh tử mà cầu Niết-bàn, chẳng biết tất cả tánh sai biệt của sinh tử Niết-bàn là vọng tưởng, phi tánh, do cảnh giới của các căn thôi nghĩ, cho là Niết-bàn, chẳng phải chuyển tạng thức thành Thánh trí tự giác.

Thế nên, Phật đối với phàm phu nói có ba thừa, nói những tâm lượng vốn chẳng thật có, họ chẳng biết cảnh giới của tự tâm hiện của Như Lai nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, mà so sánh chấp trước cảnh giới ngoài tâm hiện, nên thường lưu chuyển trong vòng sinh tử.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả pháp vốn vô sinh, ấy là quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật thuyết giảng. Vì sao? Nói tự tâm hiện, là tánh phi tánh, lìa phi hữu mà sinh. Đại Tuệ! Tất cả tánh vô sinh thì tất cả pháp như sừng thỏ, mà phàm phu ngu si, vì tự tánh vọng tưởng chấp cho là thật.

Này Đại Tuệ! Tất cả pháp vô sinh, là cảnh giới của Thánh trí tự giác, tất cả tướng tự tánh của tất cả tánh vốn vô sinh, chẳng phải hai thứ cảnh giới vọng tưởng nhị kiến của phàm phu, kiến lập tướng tự tánh của sắc thân

và tài (sở hữu của thân). Đại Tuệ! Chuyển cái tướng chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp của tạng thức mà phàm phu đọa vào nhị kiến của sinh, trụ, diệt, hy vọng tất cả tánh có sinh, sinh những vọng tưởng hữu và phi hữu, chẳng phải là Thánh hiền.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có năm thứ chủng tánh vô gián. Những gì là năm? Ấy là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh, Duyên giác thừa vô gián chủng tánh, Như Lai thừa vô gián chủng tánh, Bất định chủng tánh và Các biệt chủng tánh (ngoại đạo chủng tánh).

Thế nào là Chủng tánh vô gián của Thanh văn thừa? Nếu có người nghe nói đến ấm, giới, nhập, tự cộng tướng, lúc ấy lỗ chân lông toàn thân cảm thấy nhẹ nhàng yên vui và ham tu trí tướng, chẳng tu tướng duyên khởi phát ngộ, khởi tâm đoạn dứt tập khí phiền não, nhưng chẳng đoạn, chẳng độ biến dịch sinh tử chẳng thể nghĩ bàn, chỉ độ phần đoạn sinh tử, cho là sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, sau này chẳng thọ sinh nữa, như thật biết tu tập nhân vô ngã, cho đến chứng đắc Niết-bàn của Thanh văn, ấy gọi là Chủng tánh vô gián của Thanh văn thừa.

Này Đại Tuệ! Thế nào là Chủng tánh vô gián của Duyên giác thừa? Nếu có người nghe nói những khác biệt của nhân duyên vô gián, toàn thân lông dựng lên, rơi lệ dầm dề, đối với những tướng chẳng phải mười hai nhân duyên thì cảm thấy không thích, mỗi mỗi tự thân, mỗi mỗi thần thông, hoặc lìa hoặc hợp, đủ thứ biến hóa, lúc nghe thuyết này, tâm liền ngộ nhập. Nếu biết họ thuộc về Chủng tánh vô gián của Duyên giác thừa rồi, tùy thuận căn tánh của họ mà thuyết giảng pháp Duyên giác thừa, ấy gọi là tướng Chủng tánh vô gián của Duyên giác thừa.

Này Đại Tuệ! Chủng tánh vô gián của Như Lai thừa có bốn thứ:

1. Tự tánh pháp vô gián chủng tánh.

2. Lìa tự tánh pháp vô gián chủng tánh.

3. Đắc tự giác thánh vô gián chủng tánh.

4. Ngoài sát thù thắng (ngoài cõi nước thù thắng, có nghĩa là vô sở trụ) vô gián chủng tánh.

Nếu người nghe thuyết bốn việc này và lúc nghe thuyết về cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thân, tài (ngã và ngã sở) kiến lập do tự tâm hiện, tâm chẳng kinh sợ, ấy gọi là tướng Chủng tánh vô gián của Như Lai thừa.

Này Đại Tuệ! Chủng tánh bất định là khi người nghe thuyết ba thứ chủng tánh kể trên, tùy theo lúc nghe chủng tánh nào thì ngộ nhập chủng tánh ấy, theo đó tu tập mà thành tựu. Như nghe thuyết thừa Thanh văn thì thành chủng tánh Thanh văn, nghe thuyết thừa Duyên giác thì thành chủng

tánh Duyên giác, nghe thuyết thừa Như Lai thì thành chủng tánh Như Lai, ấy gọi là Chủng tánh bất định.

Này Đại Tuệ! Các biệt vô gián là những chúng sinh còn chấp thật về kiến giác như ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, tăng trưởng thiện căn, sĩ phu… mà cầu chứng Niết-bàn. Lại nghe lời thuyết pháp của ngoại đạo, cho tất cả tánh đều có kẻ tạo ác, nói đó là Niết-bàn, cho như thế là giác ngộ, đối với pháp vô ngã chẳng có phần, nên họ không thể giải thoát. Ấy là những người tu Thanh văn thừa mà thuộc về ngoại đạo chủng tánh vô gián, chẳng xuất luân hồi mà cho là xuất, ấy gọi là Chủng tánh vô gián các biệt.

Này Đại Tuệ! Người sơ trị địa nói kiến lập chủng tánh là vì muốn siêu nhập địa vô sở hữu, nên có sự kiến lập này. Người tự tu tự giác, phải dứt sạch tập khí phiền não, thấy pháp vô ngã, từ đắc Tam-muội của Thanh văn, cho đến năm thứ chủng tánh kia, cuối cùng đều sẽ chứng đắc Pháp thân tối thắng của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này mà thuyết kệ:

Tu-đà-hoàn nhập lưu
Tư-đà-hàm vãng lai
A-na-hàm bất hoàn
Đến quả A-la-hán.
Gọi là thừa Thanh văn
Tam thừa và Nhất thừa
Phi thừa đúng ta thuyết
Phàm phu kém trí tuệ.
Chư Thánh xa lìa tịch
Pháp môn Đệ nhất nghĩa
Xa lìa giáo Nhị thừa
Trụ nơi vô sở hữu.
Sao lại lập tam thừa
Chư thiền pháp vô lượng
Vô sắc Tam-ma-đề
Thọ tưởng này tịch diệt
Cũng chẳng có tâm lượng.

Này Đại Tuệ! Nói Nhất-xiển-đề thật chẳng phải Nhất-xiển-đề. Nếu Nhất-xiển-đề là thật, thì ai chuyển được ai? Vậy thế gian làm sao giải thoát? Này Đại Tuệ! Có hai thứ Nhất-xiển-đề:

1. Xả bỏ tất cả thiện căn và xả bỏ phát nguyện của chúng sinh từ vô thủy. Sao nói xả bỏ tất cả thiện căn? Ấy là vì phỉ báng Bồ-tát tạng và nói

lời ác: "Chẳng phải tùy thuận kinh luật mà được giải thoát." Vì xả bỏ tất cả thiện căn nên chẳng thể chứng nhập Niết-bàn.

2. Bồ-tát vì độ tất cả chúng sinh được chứng Niết-bàn mà có bản nguyện phương tiện tự chẳng thủ chứng Niết-bàn. Đại Tuệ! Pháp Niết-bàn kia, gọi là pháp tướng chẳng Niết-bàn. Đây cũng thuộc về loại Nhất-xiển-đề.

Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao nhất định chẳng thủ chứng Niết-bàn?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Bồ-tát Nhất-xiển-đề! Biết tất cả pháp vốn đã là Niết-bàn, chẳng cầu thủ chứng Niết-bàn nữa, chẳng phải là xả bỏ tất cả thiện căn, thành Nhất-xiển-đề kia.

Này Đại Tuệ! Người Nhất-xiển-đề xả bỏ tất cả thiện căn, lại nhờ thần lực của Như Lai, cũng có thể tái phát thiện căn. Vì sao? Vì Như Lai chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh. Do đó, nên nói Bồ-tát Nhất-xiển-đề chẳng thủ chứng Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải thấu hiểu ba thứ tự tánh. Thế nào là ba thứ tự tánh? Ấy là vọng tưởng tự tánh (Biến kế sở chấp), nhân duyên tự tánh (Y tha khởi) và thành tựu tự tánh (Viên thành thật). Đại Tuệ! Vọng tưởng tự tánh do chấp trước tướng sinh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao nói vọng tưởng tự tánh từ tướng sinh?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Sự tướng của duyên khởi tự tánh, do tướng hành hiển bày tướng sự, đối với tướng so đo chấp trước, thành có hai tướng vọng tưởng tự tánh, do Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phương tiện kiến lập, gọi là danh tướng chấp trước tướng và sự tướng chấp trước tướng. Nói danh tướng chấp trước tướng là chấp trước các pháp trong ngoài; sự tướng chấp trước tướng là theo việc trong ngoài của tự tướng cộng tướng sinh khởi chấp trước như thế. Ấy gọi là tướng của hai thứ vọng tưởng tự tánh, vì nương theo nhân duyên mà sinh nên gọi là duyên khởi tự tánh.

Thế nào là thành tựu tự tánh? Ấy là lìa vọng tưởng của hai thứ danh tướng và sự tướng, tức là cảnh giới thuộc đối tượng được hành hóa của Thánh trí tự giác do Thánh trí chứng đắc, ấy gọi là Thành tựu tự tánh, cũng gọi là tâm Như Lai tạng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nên nói kệ:

Danh, tướng và phân biệt
Với hai thứ tự tánh
Chánh trí và như như
Thành tựu năm pháp tướng.

Này Đại Tuệ! Ấy gọi là quan sát năm pháp tự tánh tướng kinh. Cảnh giới của đối tượng hành hóa nơi kinh này là ý nghĩa sâu xa nơi Thánh trí tự giác, chúng Đại Bồ-tát cần phải tu học.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khéo quán hai thứ tướng vô ngã. Thế nào là hai thứ tướng vô ngã? Ấy là nhân vô ngã và pháp vô ngã.

Thế nào là Nhân vô ngã trí? Là lìa ngã và ngã sở, lìa tụ duyên của ấm, giới, nhập, lìa sự sinh khởi của vô minh nghiệp ái, sáu căn thâu nhận sáu trần sinh ra sáu thức, những chấp trước ấy đều phải lìa. Vì tất cả căn, thân (chánh báo), khí giới (y báo) đều do tự tâm hiện, là tướng của tự vọng tưởng, như dòng nước, như chủng tử, như đèn, như gió, như mây, sát-na lượt hoại. Thô đông như khỉ vượn, ưa chỗ bất tịnh như con ruồi, không biết đủ như gió thổi lửa, nhân tập khí hư giả từ vô thủy như bánh xe đạp nước, đủ thứ thân sắc, sinh tử luân hồi trong sáu đường như huyễn thuật và thần chú mà tùy cơ phát khởi trí tuệ, khéo biết tất cả tướng kia đều chẳng thật thì phá được nhân ngã chấp, ấy gọi là Nhân vô ngã trí.

Thế nào là Pháp vô ngã trí? Biết ấm, giới, nhập là vọng tưởng, tướng tự tánh, lìa ngã, ngã sở, những ấm, giới, nhập tích tụ, do dây trói của nghiệp ái lần lượt duyên nhau sinh khởi, nhưng thật tướng vốn chẳng lay động, các pháp cũng thế. Lìa tướng vọng tưởng nơi tự cộng tướng chẳng thật, do sức vọng tưởng của phàm phu sinh ra, chẳng phải Thánh hiền, vì tự tánh lìa tâm, ý, ý thức và năm pháp. Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khéo quán tất cả pháp vô ngã, khéo tu pháp vô ngã, thì Đại Bồ-tát chẳng bao lâu sẽ chứng đắc Sơ địa, quán tướng của địa là vô sở hữu, quan sát mở mang giác tuệ, đến địa Hoan hỷ, lần lượt tiến lên, siêu việt tướng Cửu địa, chứng địa Pháp vân, ngay đó kiến lập vô lượng bảo trang nghiêm, ngồi Đại bảo liên hoa trong Đại bảo cung điện, đồng một loại như tượng vua, có các quyến thuộc Bồ-tát từ tất cả cõi Phật đến vây quanh, được tay Phật thực hành pháp quán đảnh, giống như sự quán đảnh của thái tử Chuyển luân thánh vương. Từ phàm phu tu tập, sinh khởi cảnh giới huyễn của tự tánh, tới quả vị siêu địa Phật tử, cho đến pháp Thánh trí tự giác, sẽ được Pháp thân tự tận của Như Lai, hiện pháp vô ngã, ấy gọi là tướng pháp vô ngã. Chúng Đại Bồ-tát cần nên tu học.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Phật thuyết pháp kiến lập và phủ định, khiến con và chư Đại Bồ-tát lìa kiến lập và phủ định của ác kiến nhị biên, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế Tôn chấp thuận sự thỉnh cầu của Bồ-tát Đại Tuệ nên nói kệ:

Kiến lập và phủ định
Vốn chẳng có tâm lượng
Thân thọ dụng kiến lập
Tâm phàm chẳng thể biết
Ngu si chẳng trí tuệ
Chấp kiến lập phủ định.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn hiển bày đại nghĩa này nên bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có bốn thứ phi hữu mà lại có kiến lập. Thế nào là bốn?

1. Tướng phi hữu kiến lập.

2. Kiến phi hữu kiến lập.

3. Nhân phi hữu kiến lập.

4. Tánh phi hữu kiến lập.

Ấy gọi là bốn thứ kiến lập. Còn nói phủ định nghĩa là nơi đối tượng được lập kia vốn là vô sở đắc, vì quan sát sai lầm mà khởi tâm phủ định, ấy gọi là tướng kiến lập phủ định.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thế nào là Tướng phi hữu kiến lập tướng? Ấy là: Tự, cộng tướng của ấm, giới, nhập vốn phi hữu mà khởi tâm chấp trước, cho là thế này thế kia, gọi là Tướng phi hữu kiến lập tướng. Tướng phi hữu kiến lập tướng này, là lỗi của vọng tưởng hư dối từ vô thủy, do đủ thứ tập khí kiến chấp mà sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Kiến phi hữu kiến lập tướng là kiến chấp về ấm, giới, nhập, ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, nuôi dưỡng thiện căn (kẻ làm), sĩ phu (kẻ thọ nhận)… như thế gọi là Kiến phi hữu kiến lập tướng.

Nhân phi hữu kiến lập tướng là khi ý thức sơ khởi chẳng từ nhân duyên, lúc trước vốn chẳng sinh, lúc sau mới như huyễn mà sinh, vốn chẳng có vật làm nhân. Như nhãn thức do vọng tưởng về sắc, không, sáng tối mà sinh thức, thức sinh rồi liền diệt, ấy gọi là Nhân phi hữu kiến lập tướng.

Này Đại Tuệ! Tánh phi hữu kiến lập tướng là tự tánh của ba pháp vô vi hư không, Niết-bàn và trạch diệt (do sức trí tuệ mà chứng đắc pháp diệt) vốn chẳng có tự tánh, như lông rùa sừng thỏ, lìa có và không mà hiện, ấy gọi là Tánh phi hữu kiến lập tướng.

Kiến lập và phủ định là do vọng tưởng của phàm phu chẳng khéo quan sát về tự tâm hiện lượng, chẳng thấy chỗ thấy của Thánh hiền. Bậc Đại Bồ-tát nên siêng tu học, lìa hai thứ ác kiến kiến lập và phủ định.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải khéo biết tâm, ý, ý thức, năm pháp của tự tánh và hai thứ tướng vô ngã; vì sự yên ổn của chúng sinh, nên tiến đến cứu cánh. Như hạt châu như ý hiện ra đủ thứ sắc tướng, là do nhân duyên vọng tưởng phân biệt mà sinh khởi, đại chúng nơi tất cả pháp hội của Như Lai, nghe Phật thuyết giảng pháp như mộng huyễn, như ánh sáng, như bóng trăng trong nước, pháp ấy lìa sinh diệt đoạn thường và lìa Thanh văn, Duyên giác, được trăm ngàn Tam-muội, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha Tam-muội. Đắc Tam-muội xong, dạo khắp các cõi Phật, cúng dường chư Phật, lên các Thiên cung hoằng dương Tam bảo, thị hiện thân Phật, có chúng Thanh văn, Bồ-tát vây quanh. Dùng tự tâm hiện lượng để độ thoát chúng sinh, phân biệt diễn thuyết ngoài tánh vô tánh, khiến thảy đều xa lìa kiến chấp có và không…

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Phật tử khéo quan sát
Thế pháp do tâm tạo
Thị hiện đủ thứ thân
Sức thần thông tự tại
Tất cả đều thành tựu
Sở tác vô chướng ngại.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì chúng con thuyết giảng về tất cả pháp tánh không, lìa tướng tự tánh vốn vô sinh, bất nhị, khiến chúng con và chư Bồ-tát giác ngộ, lìa hai thứ vọng tưởng có và không, vô sinh, bất nhị và lìa tướng tự tánh.

Này Đại Tuệ! Nói sơ lược có bảy thứ không là: Tướng không, tự tánh không, hành không, vô hành không, tất cả pháp lìa ngôn thuyết không, Đệ nhất nghĩa thánh trí đại không và Bỉ bỉ không.

Thế nào là Tướng không? Ấy là tự tướng cộng tướng của tất cả pháp là không, vì tướng tự, tha và cộng đều chẳng thể sinh, do vọng tưởng phân biệt đối đãi với nhau tích tụ mới có. Nếu quan sát phân tích thì cứu cánh là vô tánh. Vì vô tánh nên tướng chẳng trụ, nên nói tất cả tánh tướng là không, gọi là Tướng không.

Thế nào là Tự tánh không? Ấy là tự tánh của chính mình vốn vô sinh, tức tự tánh của tất cả pháp là không, nên nói tánh của Tự tánh là không.

Thế nào là Hành không? Ấy là hành ấm lìa ngã, ngã sở, do tác nghiệp tạo thành, nghĩa là từ nhân duyên hòa hợp mà sinh, ấy gọi là Hành không.

Thế nào là Vô hành không? Duyên nhau sinh khởi theo hành không như thế này, vì tự tánh vốn vô tánh, ấy gọi là Vô hành không.

Thế nào là tất cả pháp lìa ngôn thuyết không? Vì vọng tưởng tự tánh chẳng có ngôn thuyết, nên tất cả pháp lìa ngôn thuyết, ấy gọi là Tất cả pháp lìa ngôn thuyết không.

Thế nào là tất cả pháp Đệ nhất nghĩa thánh trí đại không? Vì người đắc Thánh trí tự giác thì tất cả kiến chấp tập khí đều không, ấy gọi là Tất cả pháp Đệ nhất nghĩa nơi Thánh trí đại không.

Thế nào là Bỉ bỉ không? Nghĩa là ở nơi kia chẳng có cái không kia, gọi là Bỉ bỉ không. Đại Tuệ! Ví như người mẹ của Lộc Tử là nữ cư sĩ Tỳ-xá, vì xây dựng tinh xá cho Tỳ-kheo ở, chẳng nuôi voi, ngựa, trâu, dê… Nay nói bỉ không, chẳng phải nơi kia không có chúng Tỳ-kheo, cũng chẳng phải tinh xá không, cũng chẳng phải Tỳ-kheo tánh không, cũng chẳng phải chỗ khác không có voi, ngựa, nghĩa là tự tướng của tất cả pháp, cái kia, ở nơi kia chẳng có cái kia, ấy gọi là Bỉ bỉ không. Nói chung, trong bảy thứ không, Bỉ bỉ không là cái không rất thô, ông nên xa lìa.

Này Đại Tuệ! Nói chẳng tự sinh chẳng phải vô sinh, ngoài trụ chánh định ra, gọi là vô sinh, nghĩa là lìa tự tánh tức là vô sinh. Sự lưu chuyển tương tục từng sát-na vốn lìa tự tánh và tánh dị thục hiện ra tất cả tánh đều lìa tự tánh, cho nên nói tất cả tánh lìa tự tánh.

Sao nói là Bất nhị? Tất cả pháp như âm, dương, dài, ngắn, trắng, đen… đều lìa tự tánh, vì các tướng làm nhân với nhau mới có, nên gọi là bất nhị, tất cả pháp cũng như thế. Cho nên pháp không, pháp vô sinh, pháp bất nhị, pháp lìa tướng tự tánh cần nên tu học.

Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta thường nói pháp không
Xa lìa nơi đoạn, thường
Sinh tử như mộng huyễn
Mà tánh nghiệp chẳng hoại.
Hư không và Niết-bàn
Tịch diệt cũng như thế
Phàm phu chấp vọng tưởng
Bậc Thánh lìa hữu, vô.

Khi ấy, Thế Tôn lại bảo Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Pháp không, pháp Vô sinh, pháp Bất nhị, pháp lìa tự

tánh… đều có ghi vào kinh giáo của Phật, tất cả kinh điển đều thuyết giảng về nghĩa này. Vì tùy thuận tâm hy vọng của chúng sinh mà phương tiện phân biệt thuyết giảng để hiển bày nghĩa lý chẳng phải ở nơi ngôn thuyết có sự chân thật. Như bầy nai khát nước, mê hoặc đuổi theo dương diệm cho là nước, nhưng dương diệm chẳng phải là nước thật. Các pháp của Phật thuyết giảng ghi trong kinh điển cũng như thế. Vì muốn khiến phàm phu phát tâm hoan hỷ, tinh tấn tu hành, chẳng phải có Thánh trí thật ở nơi ngôn thuyết. Cho nên phải nương theo nghĩa, chớ chấp vào ngôn thuyết.

-oOo-

KINH LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO

QUYỂN 2

Phẩm 2: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 2)

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thuyết giảng ghi trong kinh Phật nói tự tánh của Như Lai tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi, đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sinh, vì áo bẩn là ấm, giới, nhập che khuất, nên bị cáu bẩn vọng phân biệt tham, sân, si bị ô nhiễm, giống như vật báu vô giá ẩn trong áo bẩn. Mà ngoại đạo có thuyết "Chân ngã là tác giả thường trụ, lìa nơi nương dựa, tự tại chẳng diệt." Vậy, cái nghĩa Như Lai tạng của Phật đã thuyết giảng lẽ nào chẳng đồng như cái thuyết Chân ngã của ngoại đạo chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói Như Lai tạng, chẳng đồng với cái thuyết Chân ngã của ngoại đạo. Đại Tuệ! Ta có lúc nói Không, Vô tướng, Vô nguyện, như thật tế, pháp tánh, Pháp thân, Niết-bàn, lìa tự tánh, bất sinh bất diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn… dùng những danh từ này để thuyết Như Lai tạng xong, ấy là vì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác muốn đoạn dứt sự e sợ danh từ vô ngã của phàm phu, nên nói cảnh giới lìa vọng tưởng, vô sở hữu là Như Lai tạng.

Này Đại Tuệ! Bậc Bồ-tát vị lai, hiện tại, chẳng nên sinh ngã kiến chấp trước. Ví như thợ gốm nơi một đống đất, dùng phương tiện nhân công, nước, cây, bánh xe quay để làm ra các món đồ gốm, thì Như Lai cũng như thế; ở nơi pháp vô ngã lìa tất cả tướng của vọng tưởng, dùng đủ thứ trí tuệ, phương tiện khéo léo, hoặc thuyết Như Lai tạng, hoặc thuyết vô ngã. Do nhân duyên này, nên thuyết Như Lai tạng của ta chẳng đồng với thuyết chân ngã của ngoại đạo. Vì khai mở chỗ trói buộc chấp ngã của các ngoại đạo, nên có thuyết Như Lai tạng, khiến họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật, ngộ nhập cảnh giới ba cửa giải thoát, mong họ mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phải thuyết Như Lai tạng như thế. Nếu chẳng như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Cho nên,

Đại Tuệ! Vì lìa kiến chấp của ngoại đạo, cần phải y theo pháp vô ngã của Như Lai tạng mà tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Nhân ngã và năm ấm
Nhân duyên với vi trần
Tự tánh vốn tự tại
Duy tâm vọng phân biệt.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ quán chúng sinh đời vị lai, lại thỉnh Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn thuyết về đại phương tiện tu hành chẳng gián đoạn của chư Đại Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ-tát phải thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn?

1. Khéo phân biệt tự tâm hiện.

2. Quán ngoài tánh phi tánh.

3. Lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt.

4. Được sự an lạc của Thánh trí tự giác.

Ấy gọi là thành tựu bốn pháp đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ-tát.

Thế nào là khéo phân biệt tự tâm hiện của bậc Đại Bồ-tát? Ấy là quán về biên vực duy tâm của ba cõi, lìa ngã, ngã sở, chẳng lay động, chẳng đến đi, biết do tập khí hư dối huân tập từ vô thủy, kiến lập thân (ngã), tài (ngã sở), tùy theo vọng tưởng trói buộc hiện đủ thứ sắc hành của ba cõi, ấy gọi là khéo phân biệt tự tâm hiện của bậc Đại Bồ-tát.

Thế nào là khéo quán ngoài tánh phi tánh? Là nói quán tự tánh của tất cả tánh do vọng tưởng tập khí hư dối từ vô thủy làm nhân mà thành, tất cả tánh đều giống như dương diệm, mộng, huyễn… Đại Bồ-tát khéo quán như thế, gọi là khéo quán ngoài tánh phi tánh.

Thế nào là Đại Bồ-tát khéo lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt? Nói tất cả tánh như mộng, huyễn, tự tánh, tha tánh và cộng tánh vốn chẳng sinh, liền được vào cảnh giới vô sinh của tự tâm, thấu tỏ về biên vực của tự tâm quy về vô sở đắc nên chẳng lìa mà tự lìa. Đã rõ về biên vực của tự tâm, nên quán được ngoài tánh phi tánh, tất cả pháp sinh ở nơi ba cõi trong ngoài đều không nắm bắt; quán được pháp sinh lìa tự tánh, thì kiến chấp về pháp sinh phải diệt. Vậy, khéo biết tự tánh của các pháp như huyễn thì chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Đắc pháp Nhẫn vô sinh xong thì lìa kiến chấp sinh,

trụ, diệt. Ấy gọi là Đại Bồ-tát khéo phân biệt lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt.

Thế nào là Đại Bồ-tát đắc sự an lạc của Thánh trí tự giác? Vì đắc pháp Nhẫn vô sinh rồi thì trụ nơi Bồ-tát Bát địa, được lìa tâm, ý, ý thức, năm pháp tự tánh và hai tướng vô ngã, chứng đắc Ý sinh thân.

Bồ-tát Đại Tuệ hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ý sinh thân?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nói ý sinh thân, ví như sự đi nhanh chóng của ý đi qua vách đá vô ngại, cho đến khoảng cách số đặm vô lượng ở phương xa, vì trước kia ý đã thấy, ghi nhớ chẳng quên, tự tâm lưu chú chẳng ngừng, thì ý sinh thân cũng như thế, thành chẳng chướng ngại. Đại Tuệ! Ý và thân như thế được sinh cùng một lúc, ý sinh thân của Đại Bồ-tát thuộc Thánh chủng diệu tướng trang nghiêm, do Tam-muội như huyễn, có sức thần thông tự tại, nên trong một lúc cùng sinh, cũng như ý sinh, chẳng có chướng ngại, tùy theo cảnh giới của bản nguyện ghi nhớ mà thành tựu cho chúng sinh, đắc sự an lạc của Thánh trí tự giác. Như thế, Đại Bồ-tát đắc pháp Nhẫn vô sinh, trụ tám địa, lần lượt xả bỏ tâm, ý, ý thức, năm pháp tự tánh và hai tướng vô ngã, thì chứng đắc Ý sinh thân. Ấy gọi là Đại Bồ-tát được sự an lạc của Thánh trí tự giác.

Nói tóm lại, thành tựu bốn pháp đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ-tát kể trên, cần nên tu học.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Phật thuyết giảng về tướng nhân duyên của tất cả các pháp, do giác ngộ được tướng nhân duyên, khiến con và các Bồ-tát được lìa tất cả tánh của vọng kiến hữu, vô, chẳng vọng chấp các pháp tiệm sinh, hoặc đốn sinh, hoặc tiệm đốn cùng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng, là ngoại duyên và nội duyên. Ngoại duyên là: Cục đất, cây cọc, bánh xe, sợi dây, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện làm duyên, sinh ra cái bình như bình đất, còn các thứ tơ lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lạc… do ngoại duyên phương tiện sinh ra cũng như thế. Ấy gọi là tướng ngoại duyên.

Thế nào là nội duyên? Vì có vô minh, ái nghiệp, các pháp hòa hợp gọi là chủ thể duyên, từ đó sinh khởi các pháp ấm, giới, nhập, gọi là đối tượng được duyên. Các pháp do tự tâm sở hiện vốn chẳng sai biệt, mà phàm phu vọng chấp, thành có sai biệt, ấy gọi là pháp nội duyên.

Đại Tuệ! Nói về nhân gồm có sáu thứ, ấy là: Đương hữu nhân, tương tục nhân, tướng nhân, tác nhân, Hiển thị nhân và Đối đãi nhân.

1. Đương hữu nhân: Vì thức thứ tám từ vô thủy đến nay hay làm nhân cho tất cả pháp, từ nhân sinh quả, không thể nghĩ bàn, đương lúc đó làm nhân, nên gọi là Đương hữu nhân.

2. Tương tục nhân: Vì bên trong nương thức thứ tám và thức thứ sáu, duyên dựa nơi ngoại cảnh, từ đó pháp trong ngoài làm nhân sinh quả như chủng tử của năm ấm… do hiện hành huân tập chủng tử, lại do chủng tử huân tập hiện hành, mà quả nhiễm tịnh theo đó liên tục sinh khởi chẳng dừng, nên gọi là Tương tục nhân.

3. Tướng nhân: Do cái duyên đẳng vô gián (duyên chẳng gián đoạn) làm ra tướng vô gián, sinh ra quả tương tục. Nơi tương tục có tướng vô gián đã lìa nơi nhân mà chưa đến nơi quả, vì nó chẳng gián đoạn cho nên tương tục. Vì ở nơi chính giữa của nhân và quả mà có tướng, nên gọi là Tướng nhân.

4. Tác nhân: Tức là duyên tăng thượng, ấy là tạo nghiệp tăng thượng mà sinh ra quả, cũng như Chuyển luân vương, do thân thể chứng đắc Luân vương làm bản thân mà bánh xe bảy báu từ hư không bay đến, ấy là sự tăng thượng. Vì cảnh chẳng thể sinh quả, phải nhờ tâm làm tăng thượng, Luân vương mới có thể làm ra thắng nhân. Vì tâm làm duyên tăng thượng cho cảnh, nên gọi là Tác nhân.

5. Hiển thị nhân: Sự vọng tưởng sinh rồi thì hiện cái tướng chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, như cây đèn chiếu soi hiển thị sắc tướng… gọi là Hiển thị nhân.

6. Đối đãi nhân: Là lúc pháp diệt thì sự tương tục đoạn dứt, mà ngay đó tánh "chẳng vọng tưởng" sinh khởi. Đại Tuệ! Tự tướng vọng tưởng của phàm phu chẳng lần lượt sinh, chẳng cùng lúc sinh. Vì sao? Nếu cùng lúc sinh thì chẳng phân biệt được chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, vì chẳng có tướng nhân. Nếu lần lượt sinh thì chẳng có tự tướng, cho nên chẳng thể có lần lượt sinh, như chẳng sinh con thì không được gọi là cha. Đại Tuệ! Vì cha với con làm nhân đối đãi với nhau, không có cha thì không sinh được con, không có con thì không được gọi là cha; cha con đối đãi nhau mà sinh, nên gọi là Đối đãi nhân.

Này Đại Tuệ! Nói tóm lại, các thứ tướng sinh đều do các thứ nhân của tự tánh vọng tưởng chấp tướng mà sinh. Vì tự tâm hiện ra thọ dụng mà có tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh; thực ra lần lượt sinh và cùng lúc sinh hai thứ đều chẳng thể sinh. Cho nên phải lìa hai thứ kiến chấp đó.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tất cả đều vô sinh
Cũng không nhân duyên diệt
Ở nơi tướng sinh diệt
Mà khởi tưởng nhân duyên.
Pháp diệt rồi lại sinh
Do nhân duyên tương tục
Vì đoạn dứt si mê
Của tất cả chúng sinh.
Nên thuyết pháp duyên khởi
Các pháp thật vô sinh
Do tập khí mê hoặc
Từ đó hiện ba cõi.
Duyên thật vốn vô sinh
Lại cũng chẳng có diệt
Tất cả pháp hữu vi
Như hoa đốm trên không.
Nếu lìa bỏ kiến chấp
Năng nhiếp và sở nhiếp
Chẳng có vô nhân sinh
Và đã sinh, sẽ sinh.
Sự sinh vốn chẳng có
Thảy đều là ngôn thuyết.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì chúng con nói tướng của Tâm kinh và ngôn thuyết của vọng tưởng. Con và các Đại Bồ-tát nếu khéo biết tướng Tâm kinh và ngôn thuyết vọng tưởng, thì được thông đạt hai nghĩa chủ thể thuyết giảng và đối tượng được thuyết giảng, chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng hai thứ chủ thể thuyết giảng, đối tượng được thuyết giảng tẩy sạch mọi phiền não cấu uế của tất cả chúng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có bốn thứ tướng vọng tưởng nơi ngôn thuyết là:

1. Tướng ngôn thuyết: Là từ tự tâm vọng tưởng chấp trước sắc tướng

mà sinh.

2. Mộng ngôn thuyết: Là cảnh giới xưa kia đã trải qua, nay tùy niệm tưởng nhớ mà sinh, nếu giác ngộ rồi thì cảnh giới "Vô tánh" được sinh.

3. Vọng tưởng chấp trước ngôn thuyết: Là như trước kia do oán ghét tạo thành nghiệp, nay tùy niệm tưởng nhớ mà sinh.

4. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết: Là lỗi từ vô thủy hư dối, chấp trước tập khí của tự chủng mà sinh. Đó gọi là bốn thứ tướng của vọng tưởng ngôn thuyết.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng nghĩa này khuyến thỉnh Thế Tôn:

–Cúi xin Phật thuyết lại cảnh giới sở hiện của vọng tưởng ngôn thuyết. Bạch Thế Tôn! Ấy là ở nơi nào? Do cớ gì? Tại sao? Nhân gì mà sinh ra ngôn thuyết vọng tưởng của chúng sinh?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Do đầu, ngực, cổ họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng, hòa hợp mà phát ra âm thanh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngôn thuyết với vọng tưởng là khác hay chẳng khác?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ngôn thuyết và vọng tưởng, chẳng phải khác hay chẳng khác. Vì sao? Vì là vọng tưởng làm nhân sinh ra tướng ngôn thuyết. Nếu ngôn thuyết với vọng tưởng khác nhau thì vọng tưởng chẳng nên làm nhân; nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển bày nghĩa lý. Nhưng sự thật thì chẳng như vậy. Cho nên chẳng phải khác hay chẳng khác.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vậy ngôn thuyết là Đệ nhất nghĩa hay đối tượng được thuyết giảng là Đệ nhất nghĩa?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải ngôn thuyết là Đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải đối tượng được thuyết giảng là Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Nói "Đệ nhất nghĩa" là do đối tượng được hội nhập của ngôn thuyết, nghĩa là sự an vui của bậc Thánh mới gọi là Đệ nhất nghĩa, chẳng phải ngôn thuyết là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là do chỗ chứng đắc của Thánh trí tự giác, chẳng phải cảnh giới của ngôn thuyết vọng tưởng, cho nên, ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển thị Đệ nhất nghĩa. Vì tướng của tự và tha vô tánh, nên tướng ngôn thuyết chẳng hiển thị Đệ nhất nghĩa. Lại nữa, này Đại Tuệ! Vì do chỗ hội nhập của tự

tâm hiện lượng nên mỗi mỗi tướng ngoài tánh phi tánh, thì vọng tưởng ngôn thuyết chẳng hiển thị Đệ nhất nghĩa. Cho nên phải lìa tướng ngôn thuyết và vọng tưởng, mới có thể hiển bày được Đệ nhất nghĩa.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Các pháp chẳng tự tánh
Cũng chẳng phải ngôn thuyết
Nghĩa không không sâu tột
Phàm phu chẳng thể tỏ.
Tự tánh của pháp tánh
Lìa ngôn thuyết phân biệt
Sinh tử và Niết-bàn
Các pháp như mộng huyễn.
Như vua và trưởng giả
Vì muốn các con vui
Trước cho vật tương tự
Sau ban đồ chân thật.
Nay ta cũng như thế
Trước thuyết pháp tương tự
Sau mới vì họ giảng
Pháp thật tế tự chứng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn thuyết những pháp: Nhất hay dị, đồng hay chẳng đồng, hữu và vô, hay chẳng hữu chẳng vô, thường hay vô thường, chỗ chẳng hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ hành của Thánh trí tự giác, lìa vọng tưởng nơi tự tướng cộng tướng, vào Đệ nhất nghĩa chân thật. Các địa tương tục, dần dần tiến lên, đến chỗ tướng cùng tột thanh tịnh, liền vào tướng địa của Như Lai, chẳng mở mang bản nguyện. Ví như hạt châu ma-ni có nhiều hình sắc, cảnh giới vô biên tướng hạnh, nay chỉ hiện tướng bộ phận trong tự tâm, nơi tất cả các pháp, nếu con và các vị Đại Bồ-tát, lìa kiến chấp nơi tự tướng cộng tướng của vọng tưởng tự tánh như trên, sẽ chứng được Vô thượng Bồ-đề, khiến tất cả chúng sinh đầy đủ sung mãn tất cả an lạc.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Ông khéo hỏi ta các nghĩa như thế, là thương mến tất cả chư Thiên, người đời, khiến họ được nhiều an lạc và nhiều lợi ích. Đại Tuệ! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Phàm phu ngu si, chẳng biết tâm lượng, chấp lấy tánh trong ngoài, dựa theo vọng tưởng chấp trước nhất, dị, đồng và chẳng đồng, hữu và vô và phi hữu phi vô, thường và vô thường… làm nhân, huân tập tự tánh, ví như bầy nai khát nước, thấy sóng nắng tưởng là nước, mê hoặc đuổi theo mà không biết chẳng phải nước. Phàm phu cũng thế, do vọng tưởng hư dối từ vô thủy huân tập mà bị ba độc đốt tâm, ham cảnh giới sắc, thấy sinh, trụ, diệt, chấp tánh trong ngoài, nên đọa nơi vọng kiến thâu nhận, sinh ra tư tưởng nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường và vô thường… Như thành Càn-thát-bà vốn chẳng phải thành, mà phàm phu vô trí lại cho là có thành thiệt, ấy là do tập khí chấp trước từ vô thủy mà hiện tướng, thật ra chẳng phải có thành, cũng chẳng phải không có thành. Như thế, ngoại đạo do tập khí chấp trước hư dối từ vô thủy, mà nương theo kiến chấp nhất, dị, đồng, chẳng đồng… chẳng khéo thấu tỏ tự tâm hiện lượng. Ví như có người nằm mơ, thấy nam nữ, voi ngựa, xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ, đủ thứ trang nghiêm, tự thân thọ dụng trong đó, sau khi thức rồi vẫn còn tưởng nhớ. Đại Tuệ! Ý ông thế nào? Người ấy tưởng nhớ việc mộng trước kia mãi mãi chẳng bỏ như thế, là có trí tuệ chăng?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Không! Bạch Thế Tôn!

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Phàm phu như thế, chẳng biết tánh do tự tâm hiện như mộng huyễn, nương nơi kiến chấp nhất, dị, đồng, chẳng đồng… Ví như bức tranh vốn chẳng cao thấp mà phàm phu cho là có cao thấp, vì bị ác kiến ăn nuốt, hoặc chấp trí tuệ của ngoại đạo. Như thế, từ ngoại đạo xưa cho đến ngoại đạo đời vị lai, tập khí ác kiến đầy dẫy, do đó tự hoại, hoại tha. Ngoại đạo cũng lập luận vô sinh, mà rơi vào ác kiến, phỉ báng nhân quả, cũng nói là vô, lại nhổ gốc thiện căn, hoại nhân thanh tịnh. Họ đọa vào kiến chấp tự sinh, tha sinh, cộng sinh và tư tưởng hữu vô, chìm nơi kiến lập và phỉ báng, do ác kiến này nên bị đọa nơi địa ngục.

Ví như mắt nhặm, thấy có hoa đốm mà nói với chúng: “Các ngươi xem đây, ấy là hoa đốm, cứu cánh phi tánh phi vô tánh, thấy như chẳng thấy.” Vì ngoại đạo này vọng sinh hy vọng, dựa theo kiến chấp nhất, dị, đồng hay chẳng đồng… mà phỉ báng chánh pháp, tự đọa và khiến người khác đọa theo.

Ví như vòng lửa chẳng phải vòng mà phàm phu tưởng là vòng. Ngoại đạo ác kiến hy vọng như thế, do đó tất cả tánh sinh. Ví như bọt nước giống như hạt châu ma-ni, phàm phu, tiểu thừa chẳng có trí tuệ lại tưởng là châu ma-ni và chẳng phải phi châu ma-ni, chấp trước đuổi theo. Nhưng bọt nước kia chẳng phải châu ma-ni, chẳng phải lấy hay chẳng lấy. Chỉ vì ác kiến của ngoại đạo do tập khí huân tập như thế, ở nơi vô sở hữu mà nói có sự sinh, do duyên theo hữu lại nói có sự diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ba thứ lượng và năm phần luận mỗi mỗi kiến lập xong, đem sự đắc Thánh trí tự giác, lìa hai tự tánh, vọng tưởng chấp trước cho là có tánh.

Này Đại Tuệ! Tâm, ý, ý thức, thân tâm chuyển biến tự tâm hiện chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp... Các vọng tưởng đoạn dứt, thì người tu hành địa Như Lai, Thánh trí tự giác chẳng ở nơi những vọng tưởng ấy, khởi tưởng cho là tánh phi tánh. Nếu người tu hành có cảnh giới như thế, chấp lấy tướng sinh có tánh phi tánh ấy tức là chấp lấy có sự nuôi dưỡng thiện căn và chấp lấy tướng ngã tướng nhân.

Này Đại Tuệ! Thuyết pháp tánh, tự tánh, tự tướng, cộng tướng, tất cả đều là chỗ thuyết giảng Hóa Phật, chẳng phải pháp Phật thuyết. Những ngôn thuyết ấy đều do kiến chấp hy vọng của phàm phu mà thuyết. Chẳng phải vì người ham trụ chánh định, đắc Thánh trí tự giác, đặc biệt kiến lập thẳng vào tự tánh pháp. Nay theo phương tiện hiển thị, ví như trong nước có bóng cây hiện, ấy cũng chẳng phải bóng, chẳng phải phi bóng, chẳng phải hình cây, chẳng phải phi hình cây. Chỉ do ngoại đạo chẳng biết hiện lượng của tự tâm, theo vọng tưởng chấp trước huân tập thành kiến chấp, nương theo đó sinh tướng nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường… Tự tâm hiện lượng ví như gương sáng, tùy duyên hiển hiện tất cả sắc tướng mà chẳng khởi vọng tưởng. Ấy chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, mà thấy tướng phi tướng, phàm phu vọng tưởng cho là tướng thật. Ngoại đạo ác kiến như thế, tướng tự tâm hiện vọng tưởng chấp trước, nương nơi nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô… mà sinh kiến chấp, cũng như gió với nước hòa hợp mà sinh ra âm thanh. Ấy chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh. Ví như đại địa chỗ chẳng có cỏ cây, do thấy dợn nắng vọng cho là có dòng sông, làn sóng nổi dậy, ấy chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh, tham, vô tham (tham tức là chấp thật ở chỗ chẳng thể chấp thật mà chấp cho là thật), phàm phu cũng như thế, vì do tập khí hư dối từ vô thủy huân tập vọng tưởng chấp trước, nương theo sinh, trụ, diệt, nhất, dị, đồng, chẳng đồng… duyên dựa tự trụ những việc ấy cũng như dợn nắng

nổi làn sóng kia.

Ví như có người dùng sức chú thuật, khiến tử thi, người máy hoạt động như hình chúng sinh, nhưng thật chẳng phải là chúng sinh. Tất cả những việc kể trên, đều do ác kiến hy vọng của ngoại đạo hý luận chấp trước sự chẳng thật mà kiến lập.

Này Đại Tuệ! Vì muốn thành tựu sự chứng đắc Thánh trí tự giác, phải lìa những ác kiến vọng tưởng sinh, trụ, diệt, nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường…

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Bóng cây hiện trong nước
Như hoa đốm dợn nắng
Quán ba cõi như thế
Cứu cánh được giải thoát.
Ví như nai khát nước
Khiến tâm mê loạn chuyển
Cho dợn nắng là nước
Thật thì chẳng phải nước.
Do chủng tử ý thức
Hoạt động hiện cảnh vọng
Phàm phu sinh vọng tưởng
Như bị bệnh nhặm mắt.
Nơi vô thủy sinh tử
Chấp có tánh thâu nhận
Nếu ngược chốt tháo chốt
Xả lìa tham thâu nhận.
Như huyễn chú máy động
Như mây nổi điện chớp
Quán thế được giải thoát
Dứt hẳn ba tương tục.
Nơi thật chẳng kẻ tạo
Như dợn nắng hư không
Dù biết pháp như thế
Thật thì không chỗ biết.
Ngôn giáo lập giả danh
Giả danh chẳng có tướng
Lại theo đó khởi vọng
Năm ấm và hiện hành.

Như bức tranh hoa đốm
Mộng thành Càn-thát-bà
Vòng lửa và dợn nắng
Từ không hiện thành có.
Nhất, dị, thường, vô thường
Đồng chẳng đồng cũng vậy
Lỗi tương tục vô thủy
Do phàm phu si vọng.
Mắt: gương sáng, nước trong
Ngọc báu ma-ni diệu
Hiện ra nhiều sắc tướng
Thật thì chẳng có gì.
Tất cả tánh hiển hiện
Cảnh mộng huyễn cũng thế
Mỗi mỗi sắc tướng hiện
Đều chẳng thật như vậy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như Lai thuyết pháp lìa bốn luận chứng như thế. Là nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường, lìa nơi hữu vô, kiến lập, phủ nhận, phân biệt kết tập, chân đế duyên khởi, đạo diệt, giải thoát… Sự thuyết pháp của Như Lai lấy đó làm gốc, phi tánh, phi tự tại, phi vô nhân, phi vi trần, phi thời, phi tự tánh tương tục mà vì chúng sinh thuyết pháp. Lại nữa, này Đại Tuệ! Vì tẩy sạch phiền não chướng và sở tri chướng, ví như thương chủ vì dẫn chúng đến nơi bảo sở nên theo thứ lớp kiến lập một trăm lẻ tám câu vô sở hữu ấy, khéo phân biệt làm ba thừa (phá phiền não chướng) và tướng Thập địa (phá sở tri chướng).

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bốn thứ thiền. Thế nào là bốn?

1. Thiền phàm phu sở hành.

2. Thiền quan sát nghĩa.

3. Thiền duyên dựa như thật.

4. Thiền Như Lai.

Thế nào là Thiền phàm phu sở hành? Là nói Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo tu hành, quán tánh nhân vô ngã, tự tướng cộng tướng, lóng xương liền nhau, vô thường, khổ, tướng bất tịnh… do chấp trước làm gốc. Chỉ quán các tướng như thế, chẳng quán cái khác, thứ lớp tiến tới, tướng chẳng trừ diệt, ấy gọi là Thiền phàm phu sở hành.

Thế nào là Thiền quan sát nghĩa? Nói quán nhân vô ngã, tự tướng cộng tướng, ngoại đạo, biết tự và tha đều vô tánh, xong quán pháp vô ngã,

nghĩa hành tướng của Thập địa Bồ-tát, dần dần tiến lên, gọi là Thiền quan sát nghĩa.

Thế nào là Thiền duyên dựa như thật? Là nói vọng tưởng tức hai thứ vô ngã là vọng tưởng; chỗ như thật thì chẳng sinh vọng tưởng, ấy gọi là Thiền duyên dựa như thật.

Thế nào là Thiền Như Lai? Nói nhập địa Như Lai, đắc ba thứ tướng ham trụ chánh định của Thánh trí tự giác thì thành tựu việc không thể bàn của chúng sinh, gọi là Thiền Như Lai.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Thiền phàm phu sở hành
Thiền quan sát tướng nghĩa
Thiền duyên dựa như thật
Thiền Như Lai thanh tịnh.
Ví như hình bán nguyệt
Bát-đầu-ma trong bùn
Như lửa diệt nơi không
Người tu hành quan sát
Mỗi mỗi tướng như thế
Ngoại đạo chấp tướng thiền.
Thanh văn và Duyên giác
Rơi nơi cảnh giới không.
Nếu xả bỏ tất cả
Thì là vô sở hữu.
Tất cả cõi chư Phật
Dùng tay chẳng thể nghĩ bàn
Nhất thời xoa đầu họ
Thuận nhập tướng chân như.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nói pháp Niết-bàn, thuyết pháp nào gọi là Niết-bàn?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tập khí nơi tự tánh của tất cả thức đều là pháp sinh tử, như tập khí tạng thức (thức thứ tám), tập khí ý (thức thứ bảy), tập khí ý thức (thức thứ sáu), tập khí kiến (tiền ngũ thức). Nếu chuyển được các tập khí ấy, tức là chuyển được sinh tử, gọi là Niết-bàn. Cái Niết-bàn của ta và chư Phật thuyết giảng, tức là cảnh giới tánh không của các pháp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn là cảnh giới của Thánh trí tự giác, lìa đoạn thường (phi đoạn phi thường), lìa vọng tưởng tánh phi tánh. Thế nào

chẳng phải là thường? Là vọng tưởng của tự tướng cộng tướng đoạn dứt nên chẳng phải là thường. Thế nào chẳng phải là đoạn? Nói tất cả bậc Thánh quá khứ, hiện tại, vị lai đều được tự giác nên chẳng phải là đoạn. Đại Tuệ! Niết-bàn bất hoại, bất tử. Nếu Niết-bàn tử thì phải thọ sinh tương tục; nếu hoại, thì phải rơi vào tướng hữu vi. Cho nên Niết-bàn lìa hoại, lìa tử, là chỗ quy y của người tu hành.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn phi xả phi đắc, phi đoạn phi thường, phi nhất nghĩa, phi đa nghĩa, gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn của bậc Thanh văn, Duyên giác dựa theo vô thường, khổ, không, vô ngã, quan sát của pháp tự tướng cộng tướng vốn chẳng thật thể, quán mười hai nhân duyên cũng thế, đều là cảnh giới náo động, chẳng ưa thân cận, ham chỗ tĩnh lặng, tri kiến chẳng điên đảo thì vọng tưởng chẳng sinh. Vì họ chẳng thể chuyển thức thành trí, trông thấy chỗ tĩnh lặng của thức ấm cho là Niết-bàn, thật thì chẳng phải là cứu cánh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có hai thứ tướng tự tánh. Thế nào là hai?

1. Tướng chấp trước ngôn thuyết tự tánh: Là do tập khí chấp trước hư dối của ngôn thuyết từ vô thủy mà sinh khởi.

2. Tướng chấp trước sự tự tánh: Là do bất giác hiện ra biên vực tự tâm mà sinh khởi.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như Lai dùng hai thứ thần lực kiến lập, khiến Đại Bồ-tát đảnh lễ chư Phật, hỏi nghĩa và nghe pháp, thọ giáo. Thế nào là hai thứ thần lực kiến lập?

1. Hiện thân thuyết pháp.

2. Vô ngôn vô thuyết, chỉ dùng tay quán đảnh, truyền thọ quả vị Như Lai.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát chứng Sơ địa, trụ nơi thần lực của Phật, nhập Tam-muội Đại thừa chiếu minh. Nhập Tam-muội này rồi, thì mười phương thế giới, tất cả chư Phật dùng sức thần thông thị hiện tất cả thân diện ngôn thuyết, như Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng và như các Đại Bồ-tát khác đã thành tựu tướng công đức như thế. Đại Tuệ! Ấy gọi là Bồ-tát Sơ địa.

Bậc Đại Bồ-tát được thần lực Tam-muội chánh thọ, là do tích chứa thiện căn từ trăm ngàn kiếp được thành tựu. Đối trị tướng của đối tượng được trị (tập khí xuất thế gian) thứ lớp tiến lên các Địa, cho đến địa Pháp vân, thông đạt cứu cánh, trụ nơi cung điện Đại liên hoa vi diệu, ngồi tòa Sư tử Đại bảo liên hoa, được quyến thuộc của các Đại Bồ-tát cùng loại vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm thân thể, như hoa Chiêm-bặc bằng

vàng, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Các Bồ-tát từ mười phương đến, nơi tòa Đại liên hoa trong cung điện mà quán đảnh, cũng như sự quán đảnh của Tự tại Chuyển luân thánh vương và Thái tử Đế Thích, ấy gọi là thần lực quán đảnh của Bồ-tát thủ. Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát trụ nơi hai thứ thần lực, thì sẽ gặp mặt chư Phật Như Lai, nếu chẳng như thế thì chẳng thể gặp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những pháp hạnh thần túc, Tam-muội, phân biệt của Đại Bồ-tát, tất cả đều trụ nơi hai thứ thần lực của Như Lai. Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát lìa hai thứ thần lực của Phật mà có biện tài thuyết pháp, thì tất cả phàm phu cũng phải có biện tài thuyết pháp. Vì sao? Vì chẳng cần trụ nơi thần lực mà tự có.

Này Đại Tuệ! Khi Như Lai vào thành, hiện sức oai thần của Phật, khiến các thứ vô tình như núi đá, cây cối, nhạc cụ, thành ấp, cung điện đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, huống là người có tâm thức thì dù mù, điếc, câm, ngọng có vô lượng khổ, đều được giải thoát. Như Lai có vô lượng thần lực như thế để tạo lợi lạc cho chúng sinh.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác gia hộ thần lực cho bậc Bồ-tát đang trụ Tam-muội chánh thọ và khi được thắng tiến địa quán đảnh?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì lìa nghiệp ma phiền não nên chẳng rơi vào thiền của Thanh văn thừa; vì đắc địa Như Lai tự giác và đắc pháp tinh tấn, nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đều dùng thần lực kiến lập chư Đại Bồ-tát. Nếu chẳng dùng thần lực kiến lập, ắt phải rơi vào ác kiến vọng tưởng của ngoại đạo, hoặc rơi vào Thanh văn thừa, hoặc rơi vào vùng hy vọng của chúng ma, chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó, chư Phật Như Lai đều dùng thần lực thâu nhận chư Đại Bồ-tát.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Thần lực của chư Phật
Do đại nguyện trong sạch
Quán đảnh bậc Bồ-tát
Sơ địa đến Thập địa.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật thuyết duyên khởi tức là thuyết nhân duyên sinh, chẳng thuyết đạo do tự tâm vọng tưởng phân biệt mà sinh. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng thuyết nhân duyên, nói vi trần sinh khởi lúc ban đầu là nhờ tánh thắng tự tại của thần ngã, các tánh khác sinh khởi cũng như thế.

Nhưng Thế Tôn nói nhân duyên hay sinh ra các tánh, là dùng Tất-đàn Hữu gián hoặc Tất-đàn Vô gián để giáo hóa chúng sinh.

Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói về Hữu sinh và Vô hữu sinh, Thế Tôn cũng nói đến Vô hữu sinh, sinh rồi diệt. Như Thế Tôn thuyết giảng về mười hai nhân duyên, từ vô minh duyên hành cho đến lão tử, ấy là Vô nhân thuyết của Thế Tôn, chẳng phải là hữu nhân thuyết. Thế Tôn kiến lập thuyết như vậy, nói "có cái này nên có cái kia", chẳng phải kiến lập cái nghĩa tiệm sinh. Thuyết "Quán tánh thắng" của ngoại đạo, chẳng phải là thuyết của Như Lai. Vì sao? Vì ngoại đạo thuyết cái nhân chẳng từ duyên sinh mà có chỗ sinh ra. Nhưng Thế Tôn thì thuyết quán nhân có quả, quán quả có nhân, nói nhân duyên tạp loạn như vậy, thế thì duyên nhau đến vô cùng tận.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta chẳng phải thuyết Vô nhân và thuyết Nhân duyên tạp loạn, cái này có nên cái kia có và chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp đều phi tánh, là biết rõ được tự tâm hiện lượng. Đại Tuệ! Nếu chấp trước chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp thì chẳng giác ngộ được tự tâm hiện lượng và ngoài cảnh giới tánh phi tánh, họ có cái lỗi như thế, chẳng phải cái thuyết duyên khởi của ta. Ta thường thuyết do nhân duyên hòa hợp mà sinh các pháp, chẳng phải là Vô nhân sinh.

Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả tánh chăng? Nếu vô tánh thì ngôn thuyết chẳng sinh, cho nên ngôn thuyết hữu tánh, nghĩa là có tất cả tánh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vô tánh mà có ngôn thuyết, như lông rùa sừng thỏ, là hiện ngôn thuyết của thế gian. Đại Tuệ! Chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh, chỉ là ngôn thuyết mà thôi. Như lời ông nói "Ngôn thuyết hữu tánh, có tất cả tánh" đó, lập luận của ông ắt bị lật đổ.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải tất cả quốc độ đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ là tạo tác thôi. Hoặc có cõi Phật dùng ngó nhìn để hiển bày pháp, hoặc có cõi Phật làm ra hình tướng, hoặc nhướng mày, hoặc chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc hắng giọng, hoặc tưởng niệm, hoặc lay động, các cõi Phật ấy đều chẳng nhờ ngôn thuyết mà hiển bày các pháp. Đại Tuệ! Như thế giới Hương tích và quốc độ của Như Lai Phổ Hiền, chỉ dùng ngó nhìn, khiến các Bồ-tát đắc pháp Nhẫn vô sinh và Tam-muội thù thắng. Cho nên chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả tánh. Đại Tuệ! Như ông đã thấy, các loại ruồi, nhặng, giun, kiến trong thế giới này, những chúng sinh

ấy chẳng có ngôn thuyết cũng làm xong công việc.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Như hư không sừng thỏ
Và con của Thạch nữ
Không mà có ngôn thuyết
Tánh vọng tưởng như thế.
Nhân duyên hòa hợp sinh
Phàm phu khởi vọng tưởng
Chẳng thể đúng như thật
Nên luân hồi ba cõi.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Âm thanh hiển bày nghĩa chân thường ấy nương theo việc gì mà thuyết?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì sự mê hoặc mà thuyết. Do chúng sinh mê hoặc, nên chư Thánh thị hiện âm thanh thuyết pháp giáo hóa, gọi là Thanh giáo, mà chẳng phải điên đảo. Đại Tuệ! Như dợn nắng, vòng lửa, hoa đốm, thành Càn-thát-bà, mộng huyễn, bóng trong gương… là điên đảo của thế gian, chẳng phải minh trí của bậc Thánh, nhưng chẳng phải không có hiện ra những việc trên.

Này Đại Tuệ! Kẻ mê hoặc có đủ thứ vọng hiện kể trên, chẳng phải mê hoặc tạo ra vô thường. Vì sao? Vì lìa tánh phi tánh. Đại Tuệ! Thế nào là mê hoặc lìa tánh phi tánh? Là nói mỗi mỗi cảnh giới của tất cả phàm phu, cũng như hàng ngạ quỷ thấy sông Hằng là lửa, chẳng thấy là nước. Tánh mê hoặc này chỉ hiện nơi ngạ quỷ mà thôi, nơi chúng sinh khác thì hiện tánh chẳng mê hoặc, chứ chẳng phải vô tánh, vì họ đều thấy nước sông Hằng. Tánh mê hoặc như thế, nên bậc Thánh lìa điên đảo và bất điên đảo, do đó nói mê hoặc là thường, vì mỗi mỗi tướng đều chẳng thể hoại. Đại Tuệ! Chẳng phải mỗi mỗi tướng mê hoặc hoại, chỉ là tướng vọng tưởng hoại, nên nói mê hoặc là thường.

Này Đại Tuệ! Tại sao cho mê hoặc là chân thật? Nếu nói theo nhân duyên, nghĩa là bậc Thánh ở nơi pháp mê hoặc, chẳng khởi cái nhận biết về tưởng điên đảo hoặc bất điên đảo. Nếu ở nơi pháp mê hoặc mà có ít phần tư tưởng thì chẳng phải Thánh trí, ví có chút tư tưởng tức là hý luận của phàm phu, chẳng phải sự tướng của Thánh trí. Phàm nói hữu vô là phàm phu vọng thuyết, chẳng phải Thánh ngôn thuyết. Kẻ mê hoặc nói điên đảo, bất điên đảo, đều thuộc vọng tưởng, y theo mê hoặc mà sinh khởi hai thứ chủng tánh, ấy là Thánh chủng tánh và phàm phu chủng tánh.

Thánh chủng tánh: Chia làm ba loại: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Nếu phàm phu vọng tưởng thì sinh Thanh văn thừa chủng tánh, vì chấp trước tự tướng cộng tướng, nên gọi là do vọng tưởng sinh khởi Thanh văn thừa chủng tánh. Đại Tuệ! Theo vọng tưởng mê hoặc kia mà sinh khởi Duyên giác thừa chủng tánh, nghĩa là ngay nơi mê hoặc tự tướng cộng tướng kia chẳng tự chấp trước mà khởi Duyên giác thừa chủng tánh. Vì sao người trí cũng theo sự mê hoặc kia mà khởi Phật thừa chủng tánh? Vì giác ngộ được tự tâm hiện lượng ngoài tánh phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, nên sinh khởi Phật thừa chủng tánh, ấy gọi là ngay nơi mê hoặc kia mà khởi Phật thừa chủng tánh.

Lại nữa, đối với mỗi mỗi sự và tánh, phàm phu khởi vọng tưởng thì sinh phàm phu chủng tánh, nghĩa là chủng tánh chẳng phải hữu sự, cũng chẳng phải vô sự. Đại Tuệ! Ngay sự mê hoặc chẳng vọng tưởng kia, những tâm, ý, ý thức, lỗi tập khí, pháp tự tánh, pháp chuyển biến… của bậc Thánh đều gọi là Như, cho nên nói Như lìa tâm. Ta nói câu này là hiển thị lìa tưởng, tức là cái thuyết lìa tất cả tư tưởng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Mê hoặc là hữu hay vô?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Pháp như huyễn chẳng có tướng chấp trước. Nếu mê hoặc có tướng chấp trước thì tánh chấp trước chẳng thể diệt. Pháp duyên khởi của ta thuyết, ắt đồng như pháp nhân duyên sinh của ngoại đạo.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu mê hoặc như huyễn thì phải làm nhân cho mê hoặc khác?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải nhân duyên mê hoặc nên chẳng có lỗi. Đại Tuệ! Huyễn chẳng sinh lỗi, vì chẳng có vọng tưởng. Huyễn từ chỗ sáng kia sinh khởi, chẳng từ chỗ lỗi tập khí vọng tưởng của chính mình sinh khởi, cho nên chẳng có lỗi. Ấy là do tâm mê hoặc của phàm phu chấp trước, chẳng phải Thánh hiền.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Thánh chẳng thấy mê hoặc
Trong đó cũng chẳng thật
Trong đó nếu chân thật
Mê hoặc tức chân thật.
Xa lìa tất cả mê

Nếu còn có tướng sinh
Ấy cũng là mê hoặc
Bất tịnh như nhặm mắt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đã nói mê hoặc tức chân thật, thì như huyễn tức phi huyễn, phi huyễn tức như huyễn. Chân thể của phi huyễn chẳng có tương tự, nay nói phi huyễn, chẳng phải không thấy tất cả pháp là như huyễn.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì chấp trước đủ thứ tướng huyễn nên nói tất cả pháp như huyễn chăng? Hoặc vì chấp trước đủ thứ tướng phi huyễn mà nói tất cả pháp như huyễn chăng? Bạch Thế Tôn! Nếu như huyễn và phi huyễn có tánh khác biệt, ắt phải có tánh chẳng như huyễn. Vì sao? Vì mỗi mỗi sắc tướng chẳng có nhân. Bạch Thế Tôn! Nếu mỗi mỗi sắc tướng chẳng có nhân mà hiện tướng như huyễn, thì chẳng có đủ thứ tướng huyễn để chấp trước, cho có tánh tương tự là như huyễn.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải đủ thứ tướng huyễn chấp trước tương tự, nói tất cả pháp như huyễn. Vì tất cả pháp chẳng thật, chóng diệt như ánh chớp, ấy là như huyễn. Ví như điện chớp hiện trong sát-na, mới hiện liền diệt. Tất cả tánh như thế, đều chẳng thuộc nơi hữu và vô, chỉ do tự tâm vọng tưởng chấp có tự tướng cộng tướng, nếu quan sát tất cả pháp vô tánh, thì chẳng phải sự hiện sắc tướng chấp trước của phàm phu.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Phi huyễn chẳng thể dụ
Thuyết pháp tánh như huyễn
Chẳng thật như điện chớp
Cho nên nói như huyễn.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết giảng tất cả tánh vô sinh mà như huyễn, vậy chẳng phải pháp đã thuyết giảng của Thế Tôn trước sau tự trái nhau chăng? Sao nói vô sinh tánh như huyễn?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải ta nói "Vô sinh tánh như huyễn" có lỗi trước sau trái nhau. Vì sao nói sinh mà vô sinh? Là dùng để giác ngộ hiện lượng của tự tâm, nói hữu phi hữu, ngoài tánh phi tánh, là phương tiện để hiện pháp vô sinh, chẳng phải chỗ thuyết giảng của ta có lỗi trước sau trái nhau, vì bác bỏ thuyết nhân sinh của ngoại đạo, nên ta thuyết tất cả tánh vô sinh. Đại

Tuệ! Ngoại đạo si mê, muốn cho hữu và vô hữu đều thật, vì chẳng biết do tự tâm vọng tưởng chấp trước đủ thứ nhân duyên mà sinh.

Này Đại Tuệ! Ta dùng thuyết vô sinh để thuyết, vì phá chấp hữu và vô. Ta thuyết tánh âm thanh (thanh giáo), là vì đệ tử ta tạo đủ thứ nghiệp mà thâu nhận sinh tử và phá những người chấp vô kiến, đoạn kiến. Vì phàm phu rơi vào ác kiến hy vọng, chẳng biết tự tâm hiện lượng, vì khiến họ lìa các tướng tánh của tự tánh, nên thuyết tướng của các pháp như huyễn; vì phá tướng chấp trước do nhân duyên sinh khởi của họ, nên nói tất cả pháp tướng tự tánh như mộng huyễn, là khiến lìa bỏ chấp trước ác kiến hy vọng nơi tất cả pháp tự và tha, được thấy chỗ như thật, chẳng lập tà luận. Đại Tuệ! Chỗ thấy tất cả pháp như thật, là siêu việt tự tâm hiện lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Vô tác, tánh vô sinh
Chấp tánh thuộc sinh tử
Quan sát pháp như huyễn
Nơi tướng chẳng khởi vọng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khéo quán danh cú, thân hình. Vì Đại Bồ-tát khéo quán danh cú, thân hình, nên thuyết tướng danh cú, thân hình, theo đó vào nghĩa cú thân hình, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tự giác như thế rồi, lại giác ngộ cho tất cả chúng sinh. Đại Tuệ! Nói "Danh thân", là y sự lập danh, gọi là danh thân; nói "Cú thân", là trong cú có nghĩa thân, để quyết định nghĩa cứu cánh của tự tánh, gọi là Cú thân. Nói "Hình thân", là hiển thị nghĩa của danh cú, gọi là Hình thân. Lại nữa, nói Hình thân, còn có nghĩa dài ngắn cao thấp; nói Cú thân, còn có nghĩa đường đi dấu vết, như đường đi dấu vết của voi, ngựa, người và thú… Nói danh và hình, là dùng danh để hiển bày bốn ấm vô sắc (thọ, tưởng, hành, thức) nên nói danh, vì hiện tự tướng nên nói hình, gọi chung là danh cú thân hình. Đối với biên vực của tướng danh cú thân hình, cần nên tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Danh thân với cú thân
Và thân hình sai biệt
Phàm phu vọng chấp trước
Như voi mắc đầm lầy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Người trí đời vị lai thông đạt nghĩa ta thuyết giảng, dùng nghĩa lìa kiến chấp tướng nhất, dị, đồng, chẳng đồng… hỏi người vô trí, thì họ đáp: "Sự hỏi này chẳng đúng. Nói các sắc tướng thường hay vô thường, khác hay chẳng khác, ấy là chư hạnh của Niết-bàn, lập

tướng và đối tượng của tướng, y cứ vào đối tượng của y cứ, kiến và đối tượng của kiến, tạo và đối tượng của tạo, trần và vi trần, tu và kẻ tu… là tướng lần lượt so sánh.” Thật ra, những câu của người trí hỏi kể trên, là vô ký và chỉ hý luận của Phật thuyết, có nghĩa thâm sâu, người si mê như họ chẳng thể biết, vì họ không đủ trí tuệ nghe pháp. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, vì khiến họ lìa sự kinh sợ, nên nói pháp vô ký và chỉ ký, cũng vì phá luận nhị kiến của ngoại đạo, chứ chẳng phải không thuyết.

Này Đại Tuệ! Cái thuyết của ngoại đạo, nói mạng tức là thân, những lời nói như thế mới là vô ký luận. Những ngoại đạo ngu si, nơi nhân lập vô ký luận, chứ chẳng phải là chỗ thuyết giảng của ta. Chỗ thuyết giảng của ta lìa chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp, chẳng sinh vọng tưởng, chỉ để phá những kiến chấp của họ. Vì họ chấp trước chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp, chẳng biết tự tâm hiện lượng, nên cầu phá sự chấp trước của họ. Đại Tuệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác dùng bốn thứ ký luận vì chúng sinh thuyết pháp. Ta thường thuyết Chỉ ký luận, là vì người căn chưa thuần thục mà thuyết, chẳng phải vì người căn đã thuần thục mà thuyết.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả pháp lìa chỗ tạo tác của nhân duyên, nghĩa là vô sinh, vì chẳng có kẻ tác, nên tất cả pháp vô sinh. Vì sao tất cả pháp lìa tự tánh? Vì lúc tự khởi giác quán, thấy tướng của tự tánh cộng tánh đều không thể nắm giữ, nên nói tất cả pháp là vô sinh. Vì sao tất cả pháp chẳng thể đem lại, chẳng thể đem đi? Vì tự tướng cộng tướng là không thể nắm bắt, nên muốn đem lại không có gì để đem lại, muốn đem đi không có gì để đem đi, nên nói tất cả pháp lìa đem lại đem đi. Đại Tuệ! Vì sao tất cả pháp chẳng diệt? Vì chẳng có tánh tướng của tự tánh, thì tất cả pháp không thể nắm bắt, nên tất cả pháp chẳng diệt. Vì sao tất cả pháp vô thường? Vì tướng sinh khởi chẳng có tánh thường, nên nói tất cả pháp vô thường. Vì sao nói tất cả pháp là thường? Vì tánh vô sinh chẳng có tướng sinh khởi, nên vô thường là thường, nên nói tất cả pháp là thường.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ký luận có bốn thứ:
Nhất hướng, phản cật vấn.
Phân biệt và chỉ luận
Để đối trị ngoại đạo.
Hữu cùng phi hữu sinh
Sư Tăng-khư, Tỳ-xá.
Hiển thị như thế này

Tất cả đều vô ký.
Nếu chánh giác phân biệt
Tự tánh không nắm giữ.
Vì lìa nơi ngôn thuyết
Nên nói lìa tự tánh.

Khi ấy Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết bốn quả, bốn hướng của thừa Thanh văn về tướng thông nhau và sai biệt. Nếu Đại Bồ-tát khéo biết tướng thông và sai biệt của bốn quả, bốn hướng, thì có nhiều phương tiện vì chúng sinh thuyết pháp, khiến chúng sinh thông đạt rốt ráo, như hai thứ tướng vô ngã và trừ sạch hai thứ chướng là phiền não và sở tri, trải qua tướng các Địa, đến cảnh giới cứu cánh chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Giống như hạt châu ma-ni tùy sắc, khéo dùng tất cả pháp nơi cảnh giới vô tận của thân và tài để thâu nhận tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, nay ta vì ông thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có ba thứ Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn sai biệt. Thế nào là ba? Nghĩa là hạ, trung, thượng. Hạ là bảy đời sinh mới vào Niết-bàn; trung thì ba hoặc năm đời mới vào Niết-bàn; thượng thì ngay đời ấy liền vào Niết-bàn. Ba hạng này còn có ba kết hạ, trung, thượng, ấy là: Thân kiến, nghi kiến và giới thủ kiến, đó là ba kết sai biệt, dần dần tiến lên thì đắc quả A-la-hán.

Thân kiến có hai thứ: Là câu sinh (mới sinh đã sẵn có) và vọng tưởng, như duyên khởi vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng, là nương theo duyên khởi tự tánh thì các thứ vọng tưởng tự tánh chấp trước sinh khởi. Vì tướng vọng tưởng chẳng thật, phi hữu phi vô, cũng chẳng phải hữu và vô mà phàm phu vọng tưởng chấp trước mỗi mỗi tự tánh vọng tưởng, như con nai đang khát tưởng sóng nắng là nước, đó là thân kiến vọng tưởng của Tu-đà-hoàn. Bậc này tu theo nhân vô ngã, thâu nhận pháp vô tánh, dứt trừ vô tri chấp trước từ lâu đời.

Này Đại Tuệ! Câu sinh là thân kiến của Tu-đà-hoàn, chấp có tự thân tha thân… Vì có tướng bốn ấm vô sắc, có chủ thể tạo và đối tượng được tạo lần lượt làm nhân tướng mà sinh ra sắc. Vì đại chủng và sắc chẳng phải một, nên Tu-đà-hoàn quán pháp hữu và vô chẳng hiện thì thân kiến liền

đoạn. Thân kiến đoạn thì tham dục chẳng sinh, ấy gọi là tướng thân kiến hết.

Này Đại Tuệ! Tướng nghi là tướng thấy được các pháp thiện (tức là đắc nhân vô ngã thì lý nghi dứt) và hai thứ vọng tưởng thân kiến ở trên đã dứt, thì pháp nghi chẳng sinh. Không ở nơi khác khởi kiến chấp nghi bậc sư là tịnh hay là bất tịnh thì nghi sư (thầy) dứt. Đến đây, nghi lý, nghi pháp, nghi sư đều hết, ấy gọi là tướng nghi của Tu-đà-hoàn đoạn dứt.

Này Đại Tuệ! Thế nào là giới thủ kiến? Tu-đà-hoàn chẳng thủ giới, vì thấy rõ tướng khổ nơi vị lai thọ sinh nên chẳng lấy. Đại Tuệ! Nói thủ, là sự quyết định thực tập khổ hạnh tinh tấn của phàm phu, cầu sinh cảnh giới vui thú của cõi trời. Bậc họ chẳng thủ, là hồi hướng chỗ tối thắng tự giác, vốn lìa vọng tưởng, tu pháp vô lậu, hành tướng phương tiện, dù chẳng thủ, nhưng cũng thọ trì giới chi (giới phần vô lậu), ấy gọi là đoạn dứt tướng giới thủ của Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn đoạn dứt ba kết, tham si chẳng sinh, nếu Tu-đà-hoàn nghĩ như thế, nói "Ta chẳng thành tựu các kết này" ắt có hai lỗi: rơi vào thân kiến và các kết chẳng dứt.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói họ nhiều tham dục, vậy họ đoạn dứt tham dục gì?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Họ đoạn dứt những trói buộc như yêu thích người nữ, tham chấp đủ thứ phương tiện, tạo nghiệp ác nơi thân, khẩu, thọ sự vui trước mắt mà gieo khổ đời vị lai… tức chẳng sinh những tham dục kể trên. Vì sao? Vì họ đắc sự vui của Tam-muội chánh thọ, nên họ đoạn dứt tham dục thế gian mà chẳng phải đoạn dứt sự ham Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng Tư-đà-hàm? Ấy là tức thì chiếu soi sắc tướng vọng tưởng, chẳng sinh tướng thấy tướng sinh. Vì khéo thấy được tướng thiền hành, nên vãng lai thế gian này một lần, mong dứt sạch khổ để đắc Niết-bàn, nên gọi là Tư-đà-hàm.

Này Đại Tuệ! Thế nào là A-na-hàm? Nghĩa là đoạn dứt sự sinh kiến chấp lỗi lầm của kết tập (tập khí phiền não), chẳng sinh vọng tưởng về sắc tướng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, tánh phi tánh, gọi là A-na-hàm.

Này Đại Tuệ! Nói A-la-hán, là do sức sáng suốt nơi Tam-muội giải thoát của các thiền, dứt sạch tất cả khổ, phiền não của vọng tưởng tánh phi tánh, nên gọi là A-la-hán.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật thuyết ba hạng A-la-hán, nói A-la-hán này là thuộc hạng nào? Vì đắc tịch tĩnh của đạo Nhất thừa, nên Đại Bồ-tát phương tiện thị hiện A-la-hán để giúp Phật giáo hóa.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đắc tịch tĩnh là đạo Nhất thừa của Thanh văn, chẳng phải thừa khác. Thừa khác là hành hạnh Bồ-tát, do phương tiện khéo léo của bản nguyện, nên ở nơi chúng sinh thị hiện thọ sinh và giúp Phật giáo hóa, cũng vì trang nghiêm cho quyến thuộc của Phật. Đại Tuệ! Ở nơi vọng tưởng thuyết đủ thứ pháp, nói đắc quả đắc thiền, thiền giả nhập thiền, thảy đều xa lìa, thị hiện chứng đắc tự tâm hiện lượng, đắc tướng quả, gọi là đắc quả. Lại nữa, này Đại Tuệ! Muốn siêu việt thiền của vô lượng Vô sắc giới, nên lìa tướng tự tâm hiện lượng. Nói chánh thọ, thọ tưởng, siêu việt tự tâm hiện lượng là chẳng đúng. Vì sao? Vì còn có tâm lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Các thiền bốn vô lượng
Vô sắc Tam-ma-đề.
Tất cả thọ, tưởng diệt
Tâm lượng vốn không có.
Sơ quả và nhị quả
Tam quả A-na-hàm.
Tứ quả A-la-hán
Đều dứt tâm mê hoặc.
Thiền giả duyên thiền định
Đoạn chấp thấy chân đế
Dù vọng tưởng vô lượng
Giác ngộ liền giải thoát.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có hai thứ giác, là quan sát giác và tướng vọng tưởng thâu nhận chấp trước kiến lập giác. Nói quan sát giác là tướng tự tánh của giác tánh, nếu quan sát sự phân biệt, lìa bốn luận chứng không thể nắm giữ, ấy gọi là quan sát giác. Nói tứ cú (bốn luận chứng) là lìa nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường gọi là tứ cú. Lại nữa, lìa tứ cú này gọi là Nhất thiết pháp. Bốn luận chứng quan sát Nhất thiết pháp này cần nên tu học.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng vọng tưởng thâu nhận chấp trước kiến lập giác? Là nói tướng vọng tưởng thâu nhận chỗ chấp trước, tướng vọng tưởng chẳng thật, như địa, thủy, hỏa, phong; bốn đại chủng và tướng tông, nhân, thí dụ, giác ngộ được chỗ kiến lập chẳng thật mà chấp trước kiến lập,

ấy gọi là tướng vọng tưởng thâu nhận chấp trước kiến lập giác.

Nếu Đại Bồ-tát thành tựu hai thứ giác tướng này, đến tướng cứu cánh của tướng nhân pháp vô ngã thì khéo biết phương tiện vô sở hữu giác, quan sát hành địa, chứng đắc Sơ địa, vào trăm Tam-muội chứng đắc Tam-muội sai biệt, thấy trăm Phật và trăm Bồ-tát, biết các việc trong trăm kiếp quá khứ và vị lai, ánh sáng tự tâm chiếu soi trăm cõi nước, biết tướng từng bậc của các Địa Bồ-tát. Đại nguyện thù thắng, thần lực tự tại, đến địa Pháp vân quán đảnh, sẽ chứng đắc địa Như Lai tự đắc, khéo dùng tâm thập vô tận cú để thành tựu cho chúng sinh, đủ thứ biến hóa quang minh trang nghiêm, đắc tự giác Tam-muội Chánh thọ thánh lạc.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nên khéo tạo sắc bốn đại chủng. Thế nào là Bồ-tát khéo tạo sắc bốn đại chủng? Đại Bồ-tát giác ngộ được chân đế thì bốn đại chủng chẳng sinh, ở nơi bốn đại chẳng sinh mà quan sát như thế, quan sát rồi giác ngộ được biên vực danh tướng của vọng tưởng, biên vực của tự tâm hiện và ngoài tánh phi tánh, gọi là tâm hiện vọng tưởng về biên vực. Quán ba cõi kia, tánh lìa tạo sắc của bốn đại chủng, thông đạt bốn luận chứng, lìa ngã, ngã sở, tự tướng như thật tướng và lìa trụ phần đoạn sinh tử, thành tựu tự tướng vô sinh.

Này Đại Tuệ! Bốn đại chủng kia làm sao sinh khởi tạo sắc? Là nói vọng tưởng thấm nhuần đại chủng, trước sinh nội, ngoại thủy giới, rồi cái chủ thể sinh của vọng tưởng đại chủng, sinh nội, ngoại hỏa giới. Vọng tưởng đại chủng phiêu động, sinh nội, ngoại phong giới, vọng tưởng đại chủng ngăn cách, sinh nội, ngoại địa giới. Do chấp sắc và hư không chấp trước theo lý tà thì có năm uẩn tập hợp, sự tạo sắc của bốn đại chủng do đó sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Nói thức ấm là do ham thích đủ thứ sự thích cảnh giới của sáu trần vướng mắc chẳng bỏ, nên phải tương tục thọ sinh nơi các loài khác. Địa, thủy, hỏa, phong bốn đại chủng ấy và sắc pháp được tạo… là do thức ấm duyên theo nghiệp mà sinh ra bốn đại, chẳng phải bốn đại tự làm duyên mà sinh ra thức ấm. Vì sao? Vì hình tướng tự tánh, chỗ được tạo tác chỉ là phương tiện vô tánh, nên đại chủng chẳng sinh. Hình tướng tự tánh là do chỗ được tạo tác phương tiện hòa hợp mà sinh, chẳng phải vô hình. Cho nên tướng bốn đại tạo sắc là vọng tưởng của ngoại đạo, chẳng phải thuyết của ta.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay sẽ thuyết tướng tự tánh của các ấm. Thế nào là tướng tự tánh của các ấm? Nói năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bốn ấm phi sắc là thọ, tưởng, hành, thức. Nói sắc ấm, là bốn đại và tạo sắc

mỗi mỗi có tướng riêng khác. Nói bốn ấm vô sắc chẳng phải vô sắc mà có bốn số (thọ, tưởng, hành, thức) như hư không. Ví như hư không siêu việt tướng số mà lìa nơi số, chẳng có số lượng mà vọng tưởng nói là một hư không. Như thế, bốn ấm vô sắc cũng siêu việt tướng số mà lìa nơi số, lìa tánh phi tánh, lìa bốn luận chứng. Nói tướng số là ngôn thuyết của phàm phu, chẳng phải là Thánh hiền.

Này Đại Tuệ! Bậc Thánh như huyễn, mỗi mỗi sắc tướng lìa sự dựng lập, khác hay chẳng khác, cũng như thân bóng mộng của sĩ phu, lìa khác và chẳng khác. Đại Tuệ! Nói Thánh trí đồng như tướng vọng tưởng của năm ấm hiện, gọi là tướng tự tánh của các ấm, ông nên diệt trừ. Diệt rồi thuyết pháp tịch tĩnh, dứt tất cả kiến chấp của những ngoại đạo nơi tất cả cõi Phật.

Này Đại Tuệ! Lúc nói tịch tĩnh, là thấy pháp vô ngã tịnh và vào địa Bất động (Địa thứ tám). Vào địa Bất động rồi, đắc vô lượng Tam-muội tự tại và đắc ý sinh thân, đắc Tam-muội như huyễn, thông đạt sự cứu cánh sáng tỏ tự tại, cứu giúp tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, giống như đại địa nuôi dưỡng chúng sinh, Đại Bồ-tát phổ độ chúng sinh cũng như thế.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các ngoại đạo có bốn thứ Niết-bàn. Thế nào là bốn?

1. Tánh của tự tánh phi tánh Niết-bàn.

2. Mỗi mỗi tướng của tự tánh phi tánh Niết-bàn.

3. Tướng giác của tự tánh phi tánh Niết-bàn.

4. Tương tục lưu chú của tự tướng cộng tướng nơi năm ấm đoạn dứt Niết-bàn.

Ấy gọi là bốn thứ Niết-bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta đã nêu giảng. Đại Tuệ! Pháp của ta thuyết giảng là các thức của vọng tưởng diệt, gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Há chẳng kiến lập thức thứ tám chăng?

Phật đáp:

–Kiến lập.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu kiến lập thì tại sao chỉ lìa thức thứ sáu mà chẳng lìa thức thứ bảy?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì lìa sự duyên dựa của thức thứ sáu thì thức thứ bảy chẳng sinh. Ý

thức là phân biệt cảnh giới phần đoạn của tiền ngũ thức, đang lúc phân biệt, liền sinh khởi chấp trước, thì những tập khí nuôi dưỡng nơi tạng thức, khởi hiện hành huân tập chủng tử, do thức thứ bảy truyền vào ý thức, tức là cùng trong thức thứ tám. Chấp trước ngã và ngã sở thì nhân duyên tư duy sinh khởi, thân tướng chẳng hoại, tạng thức do ý thức duyên dựa thì cảnh giới của tự tâm hiện bày, tâm chấp trước liền sinh. Các thức lần lượt làm nhân với nhau, cũng như làn sóng biển, do ngọn gió của cảnh giới tự tâm hiện thổi, làn sóng các thức hoặc sinh hoặc diệt cũng như thế. Cho nên, ý thức diệt thì thức thứ bảy theo đó cũng diệt.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta chẳng trụ Niết-bàn
Tướng năng tác, sở tác.
Tánh Niết-bàn ta thuyết
Lìa vọng tưởng Nhĩ diệm.
Do thức duyên dựa nhau
Thành đủ thứ thân hình.
Gốc nhân chính là tâm
Nơi nương tựa của thức.
Như dòng nước đã cạn
Thì làn sóng chẳng khởi.
Vậy ý thức diệt rồi
Thì các thức chẳng sinh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay ta sẽ thuyết giảng tướng thông và phân biệt của vọng tưởng tự tánh. Nếu đối với tướng thông và phân biệt của vọng tưởng tự tánh mà khéo phân biệt, thì ông và các Đại Bồ-tát được lìa vọng tưởng, đến chỗ Thánh trí tự giác, chẳng còn vọng tưởng thì mỗi mỗi tướng và hành duyên khởi từ vọng tưởng tự tánh và chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp đều đoạn dứt, cũng là giác ngộ được kiến chấp về thần thông của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng thông, phân biệt của vọng tưởng tự tánh? Là gồm ngôn thuyết vọng tưởng, chỗ được thuyết sự vọng tưởng, lợi vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng, nhân vọng tưởng, kiến vọng tưởng, thành vọng tưởng, sinh vọng tưởng, bất sinh vọng tưởng, tương tục vọng tưởng, ràng buộc và chẳng ràng buộc, vọng tưởng, ấy gọi là tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự tánh.

Này Đại Tuệ! Thế nào là ngôn thuyết vọng tưởng? Là chấp thật đủ thứ diệu âm ca nhạc, cho là vui thú, gọi là ngôn thuyết vọng tưởng.

Thế nào là chỗ được thuyết sự vọng tưởng? Là nói có chỗ được thuyết giảng của tự tánh, do Thánh trí hiểu biết, theo đó mà sinh ngôn thuyết vọng tưởng, gọi là chỗ được thuyết sự vọng tưởng.

Thế nào là tướng vọng tưởng? Là ngay nơi chỗ được thuyết kia, như nai đang khát, tưởng dợn nắng là nước, mỗi mỗi chẳng thật mà chấp thật, nói tướng của bốn đại, tất cả tánh đều thuộc vọng tưởng, gọi là tướng vọng tưởng.

Thế nào là lợi vọng tưởng? Nói ham thích đủ thứ vàng bạc châu báu, gọi là lợi vọng tưởng.

Thế nào là tự tánh vọng tưởng? Nói tự tánh có sự thật chấp trì như thế, chẳng khác với vọng tưởng ác kiến, gọi là tự tánh vọng tưởng.

Thế nào là nhân vọng tưởng? Nói hoặc nhân hoặc duyên để phân biệt hữu và vô thì tướng nhân sinh khởi, gọi là nhân vọng tưởng.

Thế nào là kiến vọng tưởng? Là đối với nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, những vọng tưởng ác kiến của ngoại đạo, khởi vọng tưởng chấp trước, gọi là kiến vọng tưởng.

Thế nào là thành vọng tưởng? Là đối với tư tưởng ngã và ngã sở, lập thành luận quyết định, gọi là thành vọng tưởng.

Thế nào là sinh vọng tưởng? Nói duyên theo tánh hữu và vô, sinh khởi chấp trước, gọi là sinh vọng tưởng.

Thế nào là bất sinh vọng tưởng? Là nói tất cả tánh vốn vô sinh vô chủng, do nhân duyên sinh cái thân vô nhân (chẳng có cái nhân bắt đầu), gọi là bất sinh vọng tưởng.

Thế nào là tương tục vọng tưởng? Là nói vật này vật kia liên hệ lẫn nhau, như kim và chỉ liền nhau mới có thể may vá, gọi là tương tục vọng tưởng.

Thế nào là phược bất phược vọng tưởng? Nói ràng buộc và chẳng ràng buộc là do nhân duyên chấp trước, như phương tiện của sĩ phu hoặc trói hoặc mở trói, gọi là phước bất phược vọng tưởng.

Này Đại Tuệ! Nơi tướng thông và phân biệt của vọng tưởng tự tánh này, tất cả phàm phu chấp trước cho là hữu và vô. Do duyên khởi mà chấp trước mỗi mỗi vọng tưởng của tự tánh chấp trước, hiện ra đủ thứ thân hình như huyễn, phàm phu vọng tưởng, thấy mỗi thứ huyễn tướng khác nhau. Mỗi thứ tướng huyễn chẳng phải khác, cũng chẳng phải không khác. Nếu nói "khác" thì huyễn chẳng phải nhân của mỗi thứ kia; nếu nói "chẳng khác" thì huyễn và mỗi thứ kia chẳng sai biệt mà lại thấy sai biệt. Do đó,

nói chẳng phải khác cũng chẳng phải không khác. Cho nên, này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát, đối với vọng tưởng tự tánh, duyên khởi tướng như huyễn, khác hay chẳng khác, hữu hay vô, chớ nên chấp trước.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Trói tâm nơi cảnh giới
Trí giác tưởng chuyển theo.
Thắng giải không chốn trụ
Trí tuệ bình đẳng sinh.
Vọng tưởng thì tánh hữu
Nơi duyên khơi thì vô.
Vọng tưởng và thâu nhận
Phi vọng tưởng duyên khởi.
Mỗi mỗi phân biệt sinh
Như huyễn lại chẳng thành.
Dù hiện đủ thứ tướng
Vọng tưởng cũng chẳng thành.
Chấp trước là lỗi lầm
Đều do tâm trói sinh.
Vọng tưởng vốn vô tri
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tánh các vọng tưởng ấy
Tức là duyên khởi kia.
Vọng tưởng có đủ thứ
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tục đế Đệ nhất nghĩa
Ngoại đạo chấp thành ba.
Cho là vô nhân sinh
Dứt vọng tưởng tục đế
Là cảnh giới bậc Thánh.
Ví như sự tu hành
Hư không hiện nhiều mây.
Hư không vốn chẳng mây.
Lại hiện mây như thế.
Tâm cũng như hư không
Vọng tưởng hiện nhiều sắc.
Do duyên khởi mà hiện
Chẳng phải sắc phi sắc.
Ví như luyện vàng ròng

Lọc bỏ các tạp chất
Vàng thật liền hiện ra
Vọng tưởng sạch cũng vậy.
Tự tánh chẳng vọng tưởng
Vì duyên khởi thành có
Kiến lập và phủ định
Thảy đều do vọng tưởng.
Vọng tưởng nếu vô tánh
Mà có tánh duyên khởi.
Vô tánh sinh hữu tánh
Nương nhau nơi vọng tưởng.
Mà thành tướng duyên khởi
Danh tướng thường theo nhau
Mà sinh các vọng tưởng
Vượt thoát các vọng tưởng
Rồi thành trí trong sạch
Gọi là Đệ nhất nghĩa
Duyên khởi có sáu thứ
Vọng tưởng có mười hai.
Tự giác và Nhĩ diệm
Vốn chẳng có sai biệt.
Năm pháp đều chân thật
Tự tánh có ba thứ.
Tu hành thấu nghĩa này
Chẳng ngoài nơi như như
Các tướng và duyên khởi
Đều gọi khởi vọng tưởng.
Các tướng vọng tưởng kia
Từ duyên khởi mà sinh.
Giác tuệ khéo quan sát
Không duyên không vọng tưởng.
Thành tựu tánh vô sinh
Thế nào giác vọng tưởng
Do tự giác vọng tưởng
Kiến lập hai tự tánh:
Là hiện cảnh vọng tưởng
Và cảnh giới bậc Thánh.
Vọng tưởng như tranh vẽ

Duyên khởi tức vọng tưởng.
Nếu nói khác vọng tưởng
Là luận của ngoại đạo.
Do nhị kiến hòa hợp
Sinh năng tưởng, sở tưởng.
Lìa hai năng, sở ấy
Thành trí tuệ bình đẳng.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng Thánh trí tự giác và Nhất thừa, khiến con và các Bồ-tát khéo tự giác, chẳng nhờ người khác mà thông đạt pháp Phật.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Theo chỗ nhận biết của bậc Thánh xưa là vọng tưởng vô tánh, từng đời truyền thọ nhau, nghĩa là Đại Bồ-tát tự ở nơi thanh tịnh quan sát tự giác, chẳng do người khác mà lìa được kiến chấp vọng tưởng. Dần dần tiến lên, vào quả vị Như Lai, ấy gọi là tướng Thánh trí tự giác.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng Nhất thừa? Ấy là giác ngộ được đạo Nhất thừa, ta nói là Nhất thừa. Thế nào là giác ngộ được đạo Nhất thừa? Là nói thâu nhiếp chỗ cần thâu nhiếp của vọng tưởng, chỗ như thật thì chẳng sinh vọng tưởng, gọi là Nhất thừa giác. Nói Nhất thừa giác, trừ Như Lai ra, chẳng phải hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác và vua Phạm thiên có thể biết rõ được, nên gọi là Nhất thừa.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao nói tam thừa mà chẳng nói Nhất thừa?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đối với pháp Niết-bàn chẳng thể tự chứng nên chẳng nói Nhất thừa. Do Như Lai muốn điều phục tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác truyền thọ pháp tịch tĩnh, bậc họ nhờ phương tiện mà đạt được giải thoát, chẳng phải do sức của chính mình chứng đắc, nên chẳng nói Nhất thừa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đối với người chẳng dứt tập khí nơi nghiệp chướng phiền não, nên chẳng vì tất cả Thanh văn, Duyên giác mà giảng nói

Nhất thừa. Đối với người chẳng dứt được pháp vô ngã, chẳng lìa phần đoạn sinh tử, nên nói Tam thừa. Nếu dứt được lỗi tập khí và giác ngộ được pháp vô ngã, thì tất cả lỗi tập khí phiền não chẳng sinh khởi, đối với sự phi tánh chấp trước ham thích mùi vị của Tam-muội, bậc Vô lậu đã giác ngộ được, giác ngộ rồi lại ra vào thế gian, dần dần từ bậc Vô lậu đến chỗ Bồ-đề viên mãn, sẽ chứng đắc Pháp thân tự tại chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Chư Thiên và Phạm chúng
Thừa Thanh văn, Duyên giác.
Chư Phật thừa Như Lai
Ta thuyết những thừa này.
Cho đến tâm thức chuyển
Các thừa chẳng cứu cánh.
Nếu tâm thức diệt sạch
Thì chẳng thừa, vô thừa.
Chẳng có "thừa" kiến lập
Nên ta nói Nhất thừa.
Vì dẫn dắt chúng sinh
Phân biệt nói các thừa.
Giải thoát có ba thứ;
Nhân và pháp vô ngã.
Phiền não sở tri chướng
Xa lìa được giải thoát.
Như gỗ nổi mặt biển
Tùy làn sóng xoay chuyển.
Bậc Thanh văn cũng thế
Bị tướng gió thổi trôi.
Tu tập diệt phiền não
Còn tập khí sót lại.
Ham mùi vị Tam-muội
An trụ cõi vô lậu.
Chẳng đến chỗ cứu cánh
Cũng chẳng có lùi sụt.
Đắc các thân Tam-muội
Luống uổng qua nhiều kiếp.
Ví như người say rượu
Rượu tiêu rồi mới tỉnh.
Pháp giác ngộ cũng thế

Cuối cùng vẫn thành Phật.

-oOo-

KINH LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO

QUYỂN 3

Phẩm 3: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 3)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nay ta sẽ thuyết giảng về tướng thông phân biệt của ý sinh thân, người hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có ba thứ ý sinh thân. Thế nào là ba? Ấy là: Tam-muội lạc chánh thọ ý sinh thân, giác pháp tự tánh tánh ý sinh thân và chủng loại câu sinh vô hình tác ý sinh thân. Người tu hành thấu đạt về tướng ấy, từ Sơ địa dần dần tiến lên, thì được ba thứ thân này.

Này Đại Tuệ! Thế nào là ý sinh thân Tam-muội lạc chánh thọ? Ấy là Tam-muội lạc chánh thọ của Bồ-tát ở Địa thứ ba, Địa thứ tư và Địa thứ năm, an trụ nơi biển tâm, tự tâm tịch tĩnh, mỗi mỗi làn sóng của "thức tướng" chẳng sinh khởi, biết cảnh giới của tự tâm hiện tánh phi tánh, gọi là ý sinh thân Tam-muội lạc chánh thọ.

Này Đại Tuệ! Thế nào là ý sinh thân giác pháp tự tánh tánh? Là Bồ-tát ở Địa thứ tám quan sát các pháp như huyễn, đều chẳng có thì thân tâm chuyển biến, đắc Tam-muội như huyễn và nhiều môn Tam-muội khác. Sức tướng vô lượng tự tại, ánh sáng như diệu hoa trang nghiêm, đều được như ý. Cũng như mộng huyễn, trăng đáy nước, bóng trong gương, phi chủ thể tạo, phi đối tượng được tạo, như tạo chỗ được tạo, tất cả sắc mỗi mỗi khác biệt đều đầy đủ trang nghiêm, do đại chúng trong tất cả cõi Phật đều thông đạt pháp tự tánh, nên gọi là ý sinh thân giác pháp tự tánh tánh.

Này Đại Tuệ! Thế nào là ý sinh thân chủng loại câu sinh vô hình tác? Là nói giác ngộ được tất cả pháp Phật, theo duyên đó tự đắc tướng hành, ấy gọi là ý sinh thân chủng loại câu sinh vô hình tác. Đại Tuệ! Đối với sự quan sát nhận biết rõ nơi ba thứ thân tướng này, cần nên tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Phi thừa phi Đại thừa
Phi thuyết phi văn tự
Phi đế phi giải thoát
Phi cảnh giới hữu vô.
Pháp Đại thừa chứng đạt
Tam-ma-đề tự tại
Mỗi mỗi ý sinh thân
Hoa trang nghiêm tự tại.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: "Thiện nam, tín nữ tạo năm tội Vô gián mà chẳng đọa địa ngục A-tỳ." Bạch Thế Tôn! Tại sao thiện nam, tín nữ tạo năm tội Vô gián mà chẳng đọa vào địa ngục A-tỳ?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Thế nào là năm tội Vô gián? Ấy là giết cha mẹ, hại La-hán, phá hòa hợp Tăng, tâm ác làm thân Phật ra máu.

Này Đại Tuệ! Nói giết cha mẹ ở đây, là ám chỉ hai thứ căn bản của sự thọ sinh, do tham ái làm mẹ, vô minh làm cha, đoạn dứt hai thứ căn bản ấy, gọi là giết cha mẹ.

Thế nào là hại La-hán? Dụ như con chuột bị độc chết, thì những tai hại do con chuột gây ra đều chẳng sinh khởi nữa, cũng như các pháp phiền não tập khí đoạn dứt trọn vẹn, gọi là hại La-hán.

Thế nào là phá hòa hợp Tăng? Là nói các tướng tập khí phiền não khác nhau của năm ấm hòa hợp tích tụ, tất cả đều được đoạn dứt, gọi là phá hòa hợp Tăng.

Thế nào là tâm ác làm thân Phật ra máu? Vì chẳng biết bản thể của bảy thứ thức là do tự tâm biến hiện, chẳng ngoài tự tướng cộng tướng, nay dùng tâm ác (tâm mãnh liệt) của ba vô lậu giải thoát (Không, Vô tướng, Vô nguyện) để đoạn dứt bảy thứ thức nơi tự tánh Phật, gọi là tâm ác làm thân Phật ra máu. Nếu thiện nam, tín nữ hành những việc vô gián này, gọi là năm Vô gián, cũng gọi là đẳng vô gián.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có pháp ngoài năm tội Vô gián nay ta sẽ thuyết

giảng, ông và các Đại Bồ-tát nghe nghĩa này rồi, nơi đời vị lai chẳng rơi vào chốn ngu si.

Thế nào là ngoài năm tội vô gián? Nghĩa là nếu người muốn chứng được pháp của năm tội Vô gián kể trên, mà thực hành theo ba cửa giải thoát (Không, Vô tướng, Vô nguyện trong kinh Đại Bát-nhã) thì mỗi mỗi đều chẳng thể chứng được pháp của năm tội vô gián, như dùng cửa Không cũng chẳng thể chứng được, dùng cửa Vô tướng cũng chẳng thể chứng được, dùng cửa Vô nguyện cũng chẳng thể chứng được, nên nói ở ngoài năm tội vô gián.

Ngoài trừ pháp này ra, còn có các pháp, nhờ thần lực biến hóa mà hiện ra vô gián. Như thần lực biến hóa của Thanh văn, thần lực biến hóa của Bồ-tát, thần lực biến hóa của Như Lai… Đối với những những kẻ tạo tội vô gián, vì sự sám hối tội lỗi và trừ nghi cho họ, cũng vì khuyến phát nhân lành cho họ, nên nhờ thần lực biến hóa mà hiện vô gián. Trừ khi người giác ngộ được tự tâm hiện lượng, lìa được vọng tưởng thân tài, lìa sự thâu nhận về ngã và ngã sở, hoặc lúc gặp tri thức thiện khiến khai ngộ bản tâm thì mới được giải thoát sự sinh tử tương tục nơi các cõi, chứ chẳng phải trước kia đã tạo tội vô gián mà chẳng bị đọa vào địa ngục Vô gián.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tham ái gọi là mẹ
Vô minh gọi là cha.
Thức giác ngộ là Phật
Các sử là La-hán.
Năm ấm gọi là Tăng
Hành vô gián đoạn ác.
Gọi là năm vô gián
Chẳng đọa ngục A-tỳ.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng giảng thuyết thế nào là tri giác của Phật?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Giác ngộ được nhân và pháp vô ngã, thấu rõ hai chướng phiền não và sở tri, lìa phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử, đoạn dứt hai thứ phiền não vô minh và ái nghiệp, ấy gọi là tri giác của Phật. Thanh văn, Duyên giác chứng đắc được pháp này, cũng gọi là Phật, do nhân duyên ấy nên ta nói Nhất thừa.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Khéo biết hai vô ngã
Hai chướng phiền não dứt.
Lìa hẳn hai sinh tử
Gọi là tri giác Phật.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn nơi đại chúng nói: "Ta là tất cả Phật quá khứ và có đủ thứ thọ sinh. Xưa kia ta làm Chuyển luân thánh vương Mạn-đà, voi lớn sáu ngà và chim anh vũ, Thích Đề-hoàn Nhân, Tiên nhân Thiện Nhãn… thuyết giảng trăm ngàn quyển kinh Thọ Sinh như thế?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Do bốn thứ bình đẳng nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, nơi đại chúng nói lời thế này: "Khi ấy ta làm Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp."

Thế nào là bốn thứ bình đẳng? Ấy là tự đẳng, ngữ đẳng, pháp đẳng và thân đẳng. Vì bốn thứ bình đẳng này, nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ở trong chúng nói lời như thế.

Thế nào là tự đẳng? Là danh tự xưng ta là Phật, cũng xưng tất cả chư Phật, mà tự tánh của danh tự chẳng có sai biệt, ấy gọi là tự đẳng.

Thế nào là ngữ đẳng? Ta dùng sáu mươi bốn thứ Phạm âm hiển bày tướng ngôn ngữ, các Bậc Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng dùng sáu mươi bốn thứ Phạm âm hiển bày tướng ngôn ngữ như thế, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng có sai biệt. Tánh của Phạm âm vi diệu như chim Ca-lăng-tần-già, gọi là ngữ đẳng.

Thế nào là thân đẳng? Nói thân ta với Pháp thân của chư Phật, sắc thân và tướng tốt chẳng có sai biệt, trừ khi vì điều phục các loại chúng sinh sai biệt, mới thị hiện mỗi mỗi sắc thân sai biệt, ấy gọi là thân đẳng.

Thế nào là pháp đẳng? Nói ta và chư Phật đều dùng pháp Bồ-đề phần gồm ba mươi bảy phẩm, lược thuyết trí vô chướng ngại của Phật pháp, gọi là pháp đẳng. Gọi chung là bốn thứ pháp bình đẳng. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ở trong đại chúng nói lời như thế.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm là ta
Dùng bốn pháp bình đẳng
Vì Phật tử thuyết pháp.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết giảng: "Ta từ đêm kia đắc tối Chánh giác, cho đến đêm kia nhập Niết-bàn, ở nơi khoảng giữa đó chẳng thuyết một chữ, cũng chẳng phải đã thuyết, chẳng phải sẽ thuyết, nói "chẳng thuyết là Phật thuyết. Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác vì sao nói "Chẳng thuyết tức là Phật thuyết?"

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta vì hai pháp nên nói như thế. Thế nào là hai pháp? Là pháp duyên tự đắc và pháp bản trụ, gọi là hai pháp. Do hai pháp này nên ta nói như thế.

Thế nào là pháp duyên tự đắc? Là pháp do chư Như Lai chứng đắc, ta cũng chứng đắc, chẳng thêm chẳng bớt. Cảnh giới cứu cánh của pháp duyên tự đắc lìa hai tướng ngôn thuyết và văn tự, chỉ có thể tự đắc tự biết, nên gọi là pháp duyên tự đắc.

Thế nào là pháp bản trụ? Là đạo pháp của bậc Thánh xưa như tánh vàng bạc chẳng hoại, thường trụ nơi pháp giới, vô thủy vô chung. Hoặc Như Lai ra đời, hoặc chẳng ra đời, đạo pháp vẫn thường trụ nơi pháp giới như thế, gọi là pháp bản trụ. Ví như sĩ phu đi trong đồng vắng, thấy con đường bằng phẳng hướng về thành cổ, liền đi theo đường đó vào thành, được thọ sự vui như ý. Đại Tuệ! Ý ông thế nào? Con đường và mỗi mỗi sự vui kia là do người ấy làm ra chăng?

Đáp:

–Không! Bạch Thế Tôn!

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta và tất cả chư Phật quá khứ thường trụ nơi pháp giới cũng như thế. Nên nói: "Ta từ đêm kia đắc Tối chánh giác, cho đến đêm kia nhập Niết-bàn, ở nơi khoảng giữa chẳng thuyết một chữ, cũng chẳng phải đã thuyết, chẳng phải sẽ thuyết."

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta từ đêm thành đạo
Đến đêm nhập Niết-bàn.
Nơi khoảng chính giữa này
Chẳng thuyết một chữ nào.
Vì pháp duyên tự đắc
Và pháp bản trụ kia
Nên ta và chư Phật
Thuyết pháp chẳng sai biệt.

Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng hữu và vô của tất cả pháp, khiến con và các Đại Bồ-tát lìa tướng hữu và vô, mau đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ! Ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Người thế gian nương theo hữu và vô, rơi vào hai thứ dục kiến và tánh phi tánh, nếu chẳng lìa tướng dục kiến thì chẳng thể lìa sinh tử. Đại Tuệ! Tại sao người thế gian nương theo hữu? Là nói thế gian do nhân duyên sinh, chẳng phải không có từ hữu sinh, cũng chẳng phải vô sinh. Họ thuyết như thế là nói thế gian vô nhân mà có. Vì sao người thế gian nương theo vô? Vì họ thọ nhận tánh của tham, sân, si rồi, sau lại vọng tưởng chấp trước nơi tánh tham, sân, si là phi tánh, chẳng chấp lấy hữu, lại chấp lấy vô. Đại Tuệ! Nếu chẳng chấp lấy tánh hữu thì tánh tướng tịch tĩnh, nên chư Như Lai và Thanh văn, Duyên giác chẳng chấp lấy tánh tham, sân, si cho là hữu hay vô.

–Này Đại Tuệ! Trong đó có cái nào là hoại (đoạn diệt)?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu họ trước kia chấp lấy tánh của tham, sân, si rồi, về sau chẳng chấp lấy nữa, ấy gọi là hoại.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như ông hiểu. Đại Tuệ! Chẳng những tánh của tham, sân, si, phi tánh là hoại, đối với Thanh văn, Duyên giác và Phật, chẳng chấp lấy tham, sân, si cũng gọi là hoại. Vì sao? Vì trong ngoài là chẳng thể nắm giữ, nên tánh phiền não chẳng phải khác hay chẳng khác.

Này Đại Tuệ! Sự tham, sân, si hoặc trong hoặc ngoài đều không thể nắm giữ. Vì tánh của tham, sân, si chẳng có bản thể, nên chẳng thể chấp lấy, cho nên nói hoại, là hoại tánh tham, sân, si, chứ chẳng phải hoại Phật và Thanh văn, Duyên giác. Vì Phật và Thanh văn, Duyên giác tự tánh vốn đã giải thoát, chẳng có tánh làm nhân cho chủ thể trói buộc và đối tượng bị trói buộc. Đại Tuệ! Nếu có trói thì phải có nhân trói, nói hoại như thế là chẳng có tướng để hoại.

Này Đại Tuệ! Vì thế nên ta nói: "Thà chấp lấy ngã kiến như núi Tu-di, chứ đừng khởi kiến chấp "Không" cho là vô sở hữu, thành kẻ tăng

thượng mạn.” Đại Tuệ! Kẻ tăng thượng mạn chấp trước về vô sở hữu, ấy gọi là hoại. Vì họ chẳng biết tự tâm hiện lượng, thấy ngoài tánh vô thường, sát-na lần lượt biến hoại, ấm, giới, nhập tương tục lưu chú biến diệt, nên rơi vào kiến chấp hy vọng tự tướng cộng tướng, lìa tướng vọng tướng văn tự, chấp trước đoạn diệt, ấy gọi là hoại.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tâm thấy hữu hoặc vô
Là cảnh giới nhị biên.
Trừ sạch cảnh giới ấy
Tâm bình đẳng tịch diệt.
Tâm chẳng chấp cảnh giới
Hữu diệt chẳng phải vô.
Hữu vô đều như như
Là cảnh giới Thánh hiền.
Vô chủng mà sinh hữu
Sinh rồi hữu lại diệt.
Nhân duyên hữu và vô
Chẳng trụ giáo pháp ta.
Phi ngoại đạo phi Phật
Phi ta cũng phi khác.
Do nhân duyên sinh khởi
Tại sao có thể vô!
Nhân duyên hợp nói hữu
Nhân duyên tan nói vô.
Sinh kiến chấp tà luận
Vọng tưởng chấp hữu vô.
Nếu biết pháp vô sinh
Cũng là pháp vô diệt.
Quán pháp không tịch này
Hữu vô thảy đều lìa.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì con và các Đại Bồ-tát thuyết tướng tông thông, khiến con và các Đại Bồ-tát thông đạt tướng này, rồi khéo phân biệt tướng tông thông, chẳng theo giác tưởng của chúng ma, ngoại đạo, chóng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát có hai thứ tướng thông là tông thông và thuyết thông.

Này Đại Tuệ! Nói tông thông, là tướng duyên tự đắc thắng tiến, xa lìa vọng tưởng nơi ngôn thuyết và văn tự, tiến vào tự tướng địa tự giác của hàng vô lậu, xa lìa tất cả giác tưởng hư vọng, hàng phục tất cả chúng ma, ngoại đạo, phát huy ánh sáng của duyên tự giác, ấy là tướng tông thông.

Thế nào là tướng thuyết thông? Là nói mỗi mỗi giáo pháp trong chín bộ kinh, lìa những tướng khác hay chẳng khác, hữu và vô…, dùng phương tiện khéo léo tùy thuận căn tánh của chúng sinh mà ứng cơ thuyết pháp, khiến họ được độ thoát, gọi là tướng thuyết thông. Đại Tuệ! Đối với hai tướng thông này, ông và các Bồ-tát cần nên tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tướng tông thông, thuyết thông
Duyên giáo pháp tự giác.
Khéo phân biệt chánh tà
Chẳng theo giác ngoại đạo.
Như phàm phu vọng tưởng
Chẳng có tánh chân thật.
Tại sao vọng chấp cho
Phi tánh là giải thoát?
Quan sát pháp hữu vi
Sinh và diệt tương tục.
Điên đảo Vô sở tri
Tăng trưởng theo nhị kiến.
Chân đế chỉ là một
Niết-bàn là không lỗi.
Quan sát việc thế gian
Như hoa đốm mộng huyễn.
Dù có tham, sân, si
Có cũng như mộng huyễn.
Ái dục sinh năm ấm
Thân người vốn chẳng thật.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng vọng tưởng chẳng

thật. Vọng tưởng đã chẳng thật, do đâu mà sinh khởi? Pháp gì gọi là vọng tưởng chẳng thật? Ở trong pháp nào có vọng tưởng chẳng thật?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Ông khéo hỏi Như Lai những nghĩa như thế, là thương xót tất cả hàng trời, người ở thế gian, khiến họ được nhiều lợi ích và nhiều an lạc. Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Mỗi mỗi nghĩa lý là mỗi mỗi vọng tưởng chấp trước chẳng thật, do đó sinh khởi vọng tưởng. Đại Tuệ! Người chẳng biết tự tâm hiện lượng, rơi vào kiến chấp hữu và vô, chấp trước nơi chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp, tăng trưởng kiến chấp của ngoại đạo. Do tập khí vọng tưởng, chấp trước đủ thứ nghĩa lý của ngoại đạo, đối với pháp tâm, tâm số vọng tưởng chấp trước, cho là chỗ nhân duyên sinh khởi của ngã và ngã sở.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu mỗi mỗi nghĩa lý mỗi mỗi chẳng thật, do tập khí vọng tưởng, chấp trước những pháp tâm và tâm số mà sinh khởi kiến chấp về ngã và ngã sở. Nếu như thế thì mỗi mỗi tướng nghĩa của ngoại đạo, rơi vào tướng hữu và vô, lìa tướng thấy, lìa tánh phi tánh, thì Đệ nhất nghĩa cũng thế, lìa tướng nhân căn lượng thí dụ phân biệt. Bạch Thế Tôn! Tại sao chỉ có một chỗ nghĩa vọng tưởng chẳng thật của ngoại đạo thì mỗi mỗi tánh vọng tưởng chấp trước sinh, mà chấp trước chỗ Đệ nhất nghĩa thì vọng tưởng bất sinh? Nói một sinh (ngoại đạo), một bất sinh (Phật), lẽ nào chẳng phải Thế Tôn thuyết tà Nhân luận chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải vọng tưởng một sinh một bất sinh. Vì sao? Vì bậc Thánh vọng tưởng hữu vô bất sinh, nên ngoài hiện tánh phi tánh, do giác ngộ được tự tâm hiện lượng mà vọng tưởng bất sinh. Đại Tuệ! Ta nói mỗi tướng vọng tưởng tự tâm của phàm phu, vì trước kia đã tạo nghiệp chấp trước phân biệt, nên mỗi mỗi tánh tướng vọng tưởng sinh. Nay muốn khiến phàm phu ngộ pháp vốn vô sinh, phải lìa kiến chấp nơi ngã và ngã sở, lìa kiến chấp vọng tưởng về năm pháp tự tánh, thì thân tâm chuyển biến, thấu rõ cảnh giới địa Cứu cánh nhất thiết của Như Lai tự giác, do nhân duyên này nên ta nói vọng tưởng từ chấp trước mỗi nghĩa chẳng thật mà sinh. Nếu ngộ nghĩa như thật thì chẳng sinh, mà được giải thoát khỏi mỗi mỗi vọng tưởng

của tự tâm.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Từ nhân duyên hữu vô
Mà sinh khởi thế gian.
Vọng tưởng chấp tứ cú
Chẳng rõ thuyết thông ta.
Thế gian chẳng hữu sinh
Cũng chẳng phải vô sinh.
Chẳng từ hữu, vô sinh
Cũng chẳng phi hữu vô.
Tại sao những phàm phu
Vọng tưởng chấp nhân duyên.
Tất cả pháp vô sinh
Do nhân duyên có sinh.
Phi hữu cũng phi vô
Cũng chẳng phải hữu, vô.
Quán thế gian như thế
Chuyển tâm đắc vô ngã.
Tất cả duyên sở tác
Sở tác chẳng tự có.
Việc chẳng tự sinh việc
Vì có lỗi hai việc.
Nếu chẳng lỗi hai việc
Thì chẳng tánh để đạt.
Quán các pháp hữu vi
Lìa năng duyên, sở duyên.
Tâm lượng của vô tâm
Ta nói là tâm lượng.
Nơi tư duy nói lượng
Nhân duyên thảy đều lìa.
Tự tánh vốn trong sạch
Ta gọi là tâm lượng.
Phương tiện lập tục đế
Bản lai chẳng sự thật.
Phương tiện lập năm ấm
Chẳng thật cũng như thế.
Có bốn thứ bình đẳng:
Tướng, vô tướng bình đẳng.

Sinh, vô sinh bình đẳng
Ngã, vô ngã bình đẳng.
Tu, sở tu bình đẳng
Vọng tưởng tập khí chuyển
Có mỗi mỗi tâm sinh.
Cảnh giới hiện bên ngoài
Là tâm lượng thế tục.
Ngoài hiện vốn chẳng có
Tâm lại thấy đủ thứ.
Do kiến lập thân, tài
Ta nói là tâm lượng.
Lìa tất cả kiến chấp
Năng tưởng và sở tưởng.
Vô đắc cũng vô sinh
Ta nói là tâm lượng.
Phi tánh chẳng phi tánh
Tánh phi tánh đều lìa.
Nơi tâm được giải thoát
Ta nói là tâm lượng.
Như như với hư không
Niết-bàn và pháp giới.
Mỗi mỗi ý sinh thân
Ta nói là tâm lượng.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết giảng, Đại Bồ-tát nên thấu rõ ngữ nghĩa. Thế nào là Bồ-tát khéo thấu ngữ nghĩa? Thế nào là ngữ? Thế nào là nghĩa?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe! Ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Thế nào là ngữ? Là nói nương theo cổ họng, môi, lưỡi, răng, nướu, cằm, hòa hợp vọng tưởng, sinh ra văn tự ngôn thuyết, do đó tập khí chấp trước sinh khởi, ấy gọi là ngữ.

Thế nào là nghĩa? Là nói lìa tất cả tướng vọng tưởng và ngôn thuyết mà hiển bày tánh nghĩa, ấy gọi là nghĩa. Đại Tuệ! Đại Bồ-tát ở nơi tĩnh

lặng, dùng tuệ văn, tư, tu, quán theo nghĩa này thì được duyên tự thấu tỏ, hướng vào thành Niết-bàn, cho đến thân tập khí chuyển biến rồi thì chứng cảnh giới tự giác, khéo quán tướng nghĩa thắng tiến từ Sơ địa đến Thập địa, ấy gọi là Đại Bồ-tát khéo thông tướng nghĩa.

Lại nữa, nói Đại Bồ-tát khéo thông ngữ nghĩa, là quán ngữ và nghĩa chẳng phải khác, chẳng phải không khác; quán nghĩa và ngữ cũng như thế. Nếu ngữ khác với nghĩa thì chẳng do ngữ mà hiểu nghĩa, thật thì do ngữ vào nghĩa, cũng như ngọn đèn chiếu soi mà hiện bày sắc tướng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tự tánh Niết-bàn là bất sinh bất diệt, Tam thừa, Nhất thừa, tâm và tự tánh vốn bình đẳng. Nếu duyên theo nghĩa ngôn thuyết chấp trước, thì rơi vào kiến chấp phủ nhận và kiến lập, cho có kiến lập khác biệt và vọng tưởng khác biệt, hiện mỗi mỗi vọng tưởng như huyễn. Ví như mỗi mỗi tướng huyễn, chúng sinh ngu si cho là vọng tưởng có khác biệt, chẳng phải Thánh hiền.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Theo vọng tưởng ngôn thuyết
Kiến lập nơi các pháp.
Do lỗi kiến lập ấy
Chết rồi đọa địa ngục.
Trong ấm chẳng có ngã
Ấm tức chẳng phải ngã.
Cũng chẳng phải vô ngã
Chẳng như vọng tưởng kia.
Chấp tất cả có tánh
Là vọng tưởng phàm phu.
Nếu như kiến chấp họ
Tất cả thành chân đế.
Tất cả pháp vô tánh
Dơ sạch thảy đều lìa.
Kiến chấp họ chẳng thật
Cũng chẳng phải đoạn diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay ta sẽ thuyết giảng về tướng trí thức, nếu ông và các Bồ-tát khéo phân biệt được tướng trí thức, tức là thông đạt tướng trí thức, sẽ chóng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Tuệ! Có ba thứ trí là: Trí thế gian, trí xuất thế gian và trí xuất thế gian thượng thượng.

Thế nào là trí thế gian? Là nói tất cả phàm phu ngoại đạo chấp trước

về hữu và vô. Thế nào là trí xuất thế gian? Là nói tất cả Thanh văn, Duyên giác do chấp trước hy vọng chứng quả Niết-bàn, rơi vào đối tượng được chứng đắc của tự tướng cho là cộng tướng. Thế nào là trí xuất thế gian thượng thượng? Ta nói chư Phật, Bồ-tát quán pháp vô sinh, thấy bất sinh bất diệt, lìa pháp hữu và vô, duyên vô sư trí, tự chứng đắc nhân, pháp vô ngã của quả vị Như Lai.

Này Đại Tuệ! Sinh diệt là thức, bất sinh bất diệt là trí. Lại nữa, rơi vào tướng vô tướng và đọa mỗi mỗi nhân tướng hữu và vô là thức, siêu việt tướng hữu vô là trí. Lại nữa, nuôi dưỡng tướng là thức, chẳng nuôi dưỡng tướng là trí. Lại nữa, có ba thứ trí: Là biết sinh diệt, biết tự, cộng tướng, biết bất sinh bất diệt. Lại nữa, tướng vô ngại là trí, mỗi mỗi cảnh giới tướng ngại là thức. Lại nữa, chấp ba sự hòa hợp sinh tướng phương tiện là thức, tướng tự tánh chẳng nhờ sự phương tiện là trí. Lại nữa, đắc tướng là thức, chẳng đắc tướng là trí. Vì cảnh giới Thánh trí tự giác chẳng xuất chẳng nhập, như bóng trăng trong nước, chẳng thể nắm bắt.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tích tụ nghiệp là thức
Chẳng tích tụ là trí.
Quan sát tất cả pháp
Thông đạt nghĩa vô sinh.
Khi đắc sức tự tại
Thì gọi là trí tuệ.
Tâm lìa cảnh giới trói
Trí giác tưởng liền khởi.
Cho đến tướng thắng diệu
Đại trí tuệ tự sinh.
Xa lìa tư duy tưởng
Tâm, ý và ý thức.
Bồ-tát Vô phân biệt
Thanh văn chẳng thể đến.
Tịch tĩnh thắng tiến nhẫn
Trí Như Lai trong sạch.
Khéo sinh thắng nghĩa đế
Sở hành thảy xa lìa.
Ta thuyết ba thứ trí
Nêu rõ tánh chân thật.
Nhị thừa có chứng đắc
Chấp trước nơi tự tánh.

Nơi tưởng tư duy kia
Thâu nhận tất cả tướng.
Thành Thanh văn, Duyên giác
Bậc trí lìa chư hữu
Siêu việt những tâm lượng
Là Như Lai thanh tịnh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ngoại đạo có chín thứ Chuyển biến luận sinh chuyển biến kiến chấp của ngoại đạo, ấy là: Hình xứ chuyển biến, tướng chuyển biến, nhân chuyển biến, thành chuyển biến, kiến chuyển biến, tánh chuyển biến, duyên phân minh chuyển biến, đối tượng tạo tác phân minh chuyển biến, Sự chuyển biến, gọi là chín thứ chuyển biến kiến chấp. Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo vì chấp hữu và vô, sinh khởi chuyển biến luận.

Thế nào là chuyển biến hình xứ? Là thấy nhiều hình xứ khác nhau, ví như vàng ròng chuyển biến thành các thứ đồ dùng thì có mỗi mỗi hình xứ hiển hiện, mà chẳng phải có tánh vàng chuyển biến. Tất cả chuyển biến cũng như thế. Hoặc có ngoại đạo tự sinh vọng tưởng như thế; từ vọng tưởng hình xứ chuyển biến cho đến sự chuyển biến, tất cả tánh của chín thứ chuyển biến như thế, chẳng phải như vọng tưởng, cũng chẳng phải khác với vọng tưởng. Nên biết chuyển biến vọng tưởng của ngoại đạo, cũng như tô lạc, rượu, trái cây… từ nhân ban sơ chuyển biến thành quả chín muồi, hoặc có hoặc không, tất cả đều do tự tâm hiện, ngoài tánh phi tánh, thật ra tự tâm chẳng có chuyển biến. Đại Tuệ! Chúng sinh ngu si như thế, tự sinh vọng tưởng tu tập, thấy pháp hữu vô hoặc sinh hoặc diệt, như thấy sắc tướng sinh nơi mộng huyễn.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Lúc hình xứ chuyển biến
Là bốn đại chuyển biến.
Trung ấm (thân) chẳng bốn đại
Cũng không ngoài hình xứ.
Chuyển biến thuộc vọng tưởng
Chẳng phải bậc minh trí.
Vậy duyên khởi thế gian
Như thành Càn-thát-bà.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết giảng nghĩa tương tục và giải thoát của tất cả pháp. Nếu khéo phân biệt tướng của tất cả pháp tương tục hay chẳng tương tục, sẽ khiến con và các Bồ-tát sẽ hiểu rõ về tất

cả phương tiện khéo léo, chẳng rơi vào chỗ nghĩa được thuyết của ngoại đạo chấp trước tương tục. Đối với tướng tương tục, chẳng tương tục của tất cả các pháp, lìa vọng tưởng nơi ngôn thuyết, văn tự, dạo qua tất cả cõi Phật, trước vô lượng đại chúng hiện sức thần thông tự tại, Tổng trì pháp ấn, đủ thứ biến hóa, ánh sáng giác tuệ chiếu soi, khéo dùng mười cú vô tận, vô lượng phương tiện hạnh, cũng như nhật nguyệt, châu ma-ni và bốn đại, nơi tất cả Địa, lìa tự tướng vọng tưởng mà hiện. Thấy tất cả pháp như mộng huyễn, vào quả vị Phật nơi tất cả cõi chúng sinh, tùy cơ thích ứng mà thuyết pháp để dẫn dắt họ, khiến được an trụ nơi tự tâm, lìa pháp hữu vô và vọng tưởng sinh diệt, tất cả các pháp như mộng huyễn… Chuyển tướng nơi chỗ dựa thành thân tối thắng, khác với nghĩa ngôn thuyết của ngoại đạo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì người mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tất cả các pháp vô lượng, như nghĩa nơi chỗ được nêu giảng chấp trước tương tục của ngoại đạo, ấy là chấp trước tương tục về tướng, chấp trước tương tục nơi duyên, chấp trước tương tục về tánh phi tánh, chấp trước tương tục theo vọng tưởng sinh bất sinh, chấp trước tương tục theo vọng tưởng diệt bất diệt, chấp trước tương tục theo vọng tưởng thừa phi thừa, chấp trước tương tục theo vọng tưởng hữu vi, vô vi; chấp trước tương tục theo vọng tưởng địa địa tự tướng, chấp trước tương tục theo vọng tưởng tự vô gián, chấp trước tương tục theo vọng tưởng y pháp hữu vô của ngoại đạo, chấp trước tương tục theo vọng tưởng của Tam thừa, Nhất thừa vô gián.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đây là những chúng sinh ngu tối tự sinh vọng tưởng tương tục. Phàm phu vọng tưởng, đem những tương tục này, như con tằm nhả tơ làm kén, dùng tơ vọng tưởng tự trói và buộc trói người, tương tục chấp trước tướng có và không có.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Trong đó thật chẳng có tướng tương tục và bất tương tục. Nếu quán tất cả pháp tịch tĩnh thì vọng tưởng chẳng sinh, nên Đại Bồ-tát phải quán tất cả pháp tịch tĩnh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Giác ngộ được ngoài tánh phi tánh thì tướng tự tâm hiện lượng chẳng có, thuận theo sự quan sát tự tâm hiện lượng chẳng có thì tất cả tánh hữu và vô đều là vô tướng. Vì tương tục tịch tĩnh, nên nơi

tất cả pháp chẳng có tướng tương tục và bất tương tục.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Trong đó chẳng có trói hay mở, cũng chẳng rơi vào tri kiến "không thật không như thật" cho là có trói có mở. Vì sao? Vì tất cả pháp hữu và vô đều không thể nắm giữ. Nếu thấy có tất cả pháp để "Không" là chưa thể quên nơi pháp; thấy có tất cả chúng sinh để độ thì chưa thể quên nơi chúng sinh, dù nói mở trói, nhưng chưa lìa trói, chẳng thể gọi là cảnh giới chân như, thật tế.

Nếu giác ngộ như thật tế, đối với tất cả pháp chẳng thấy có tất cả pháp để "Không" tức là nơi pháp mà lìa pháp; độ tất cả chúng sinh mà chẳng thấy có tất cả chúng sinh để độ, tức là nơi chúng sinh mà lìa chúng sinh, vì tất cả pháp và tất cả chúng sinh đều không nắm giữ.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Phàm phu có ba thứ tương tục (là nguồn gốc của mười một thứ tương tục kể trên) ấy là: Tham, sân, si, nghiệp ái và tham ái của kiếp sau. Từ tham, sân, si sinh ra nghiệp ái và tham ái kiếp sau, do ba thứ tương tục này, khiến chúng sinh luân hồi tương tục trong sáu đường. Đại Tuệ! Nếu "tương tục" đoạn dứt thì chẳng có tướng tương tục và bất tương tục.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Chấp trước ba duyên hòa hợp làm phương tiện thì sinh thức ấm tương tục chẳng ngừng, vì chấp trước nơi phương tiện nên có tương tục. Nếu ba duyên hòa hợp và thức ấm đoạn dứt thì thấy được ba giải thoát, tất cả tương tục đều chẳng sinh.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Vọng tưởng chẳng chân thật
Nói là tướng tương tục.
Nếu thấu tỏ chân thật
Thì lưới tương tục dứt.
Vì chúng sinh vô tri
Tùy ngôn thuyết thâu nhận.
Ví như con tằm kia
Nhả tơ để tự trói.
Vọng trói của phàm phu
Tương tục cũng như thế.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết giảng, vì chấp trước nơi mỗi mỗi nghĩa, mỗi mỗi vọng tưởng chẳng thật mà vọng tưởng sinh. Thế thì mỗi mỗi vọng tưởng phân biệt, mỗi mỗi các pháp vốn chẳng thật tánh, chỉ là hư vọng phân biệt mà thôi. Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ có vọng tưởng tự

tánh, chẳng phải có pháp tự tánh khác làm đối đãi mà khởi thì các pháp đều chẳng có tự tánh, há chẳng phải Thế Tôn nói: "Tập khí phiền não với thanh tịnh Niết-bàn thảy đều vô tánh chăng?" Nếu nhiễm tịnh đều hoại, há chẳng phải có cái lỗi cho các pháp là đoạn diệt chăng? Vì sao Thế Tôn nói tất cả pháp chỉ là tự tánh vọng tưởng, là phi tánh, chẳng có thật thể? Há chẳng phải thành kiến chấp đoạn diệt chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đúng thế! Đúng thế! Như ông đã nêu. Đại Tuệ! Như Thánh trí có tánh của tự tánh là: Thánh tri, Thánh kiến, Thánh tuệ nhãn, như thế, tánh của tự tánh tự tri, chẳng như tánh chấp của phàm phu, cho vọng tưởng tự tánh là chân thật. Cái vọng tưởng tự tánh này chẳng phải có tánh tướng của tự tánh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Giả sử bậc Thánh dùng Thánh tri, Thánh kiến, Thánh tuệ nhãn tự tri, chẳng như Thiên nhãn và Nhục nhãn của phàm phu do vọng tưởng phân biệt mà nhận biết. Thế thì vọng tưởng phân biệt chẳng thể kiến tánh đã rõ ràng, làm sao phàm phu lìa được vọng tưởng ấy? Chỉ có cảnh giới giác tri đúng như thật của bậc Thánh mới chuyển được vọng thức, xa lìa vọng tưởng phân biệt. Bạch Thế Tôn! Phàm phu hay phân biệt mỗi mỗi pháp, chẳng phải điên đảo; nhưng chẳng thể lìa mỗi mỗi phân biệt, cũng chẳng phải không điên đảo. Vì sao? Vì chẳng thể thấy cảnh giới như thật của bậc Thánh và chẳng thấy tướng lìa hữu và vô.

Bạch Thế Tôn! Bậc Thánh cũng có phân biệt như thế, cũng thấy như sự vọng tưởng, do tưởng chẳng lìa sự, cũng là chấp tướng. Chấp tướng là cảnh giới của phàm phu, chẳng chấp tướng mới là cảnh giới nơi chính nẻo hành hóa của bậc Thánh. Bậc Thánh chẳng cho cảnh giới tự tướng là cảnh giới, do cảnh giới của phàm phu mà tự tâm thấy cảnh giới. Theo tướng duy nhất là vô tướng, bản thể của vô tướng là pháp thể; bậc Thánh cũng thấy có tướng tự tánh, cũng thấy có pháp thể nơi tự tánh, nơi tướng của tự tánh phân biệt pháp thể cũng giống như vọng tưởng của phàm phu. Hiển hiện tự tánh như thế, chỉ là chẳng nói hữu nhân mà gọi là hữu, chẳng nói vô nhân mà gọi là vô, cho nên chẳng nói hữu vô, vì nói hữu nói vô thì rơi vào kiến chấp tánh tướng của các pháp. Nói bậc Thánh "chẳng rơi vào nơi hữu và vô" như thế này là chẳng rơi vào nơi tướng thấy là cảnh giới tự tướng, nên chẳng phải phàm phu có thể so bằng mà khác với cảnh giới của phàm phu. Nhưng sự thấy của bậc Thánh hoặc thấy cho là hữu nhân thì rơi vào nơi hữu hoặc thấy cho là vô nhân thì rơi vào nơi vô, theo những thuyết kể trên

là có rất nhiều lỗi. Vì sao? Vì chẳng biết tất cả pháp tướng vốn chẳng có tướng tự thể.

Bạch Thế Tôn! Do vọng tưởng tự tánh phân biệt, chẳng thể thấy được tánh tướng của tự tánh, vậy cái nào là vọng tưởng, cái nào chẳng phải vọng tưởng? Làm sao mà biết đúng như thật về vọng tưởng? Bạch Thế Tôn! Tướng vọng tưởng và tướng tự tánh có khác hay chẳng khác? Nếu nói tướng vọng tưởng và tướng tự tánh chẳng khác thì chẳng có cái nhân tương tự, vậy tại sao phàm phu chẳng biết đúng như thật chỗ chẳng vọng tưởng của các pháp? Nếu nói là chúng sinh lìa vọng tưởng, thì tướng vọng tưởng chẳng như thật mà có, vậy tại sao Thế Tôn khiến chúng sinh lìa kiến chấp các pháp hữu vô mà lại chấp trước có cảnh giới của bậc Thánh, rơi vào nơi hữu kiến? Sao chẳng nói pháp không tịch tĩnh phi tánh, mà lại nói sự Thánh trí tự tánh?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải ta chẳng thuyết giảng pháp không phi tánh, cũng chẳng phải rơi vào nơi hữu kiến, nói sự Thánh trí tự tánh. Vì muốn khiến chúng sinh lìa sự kinh sợ, do chúng sinh từ vô thủy đến nay chấp trước tánh tướng của tự tánh và sự Thánh trí tự tánh, đã chấp thật có tướng, nếu nói pháp không thì họ kinh sợ, nên ta chẳng nói tánh tướng của tự tánh. Nhưng ta trụ nơi pháp không như thật đã tự chứng đắc, lìa tướng mê hoặc, lìa kiến chấp tánh phi tánh do tự tâm hiện đắc ba giải thoát, đúng như pháp ấn thật tướng đã ấn chứng nơi tánh của tự tánh do tự giác quan sát, lìa tướng thấy hữu và vô.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát chẳng nên lập "Tất cả pháp bất sinh" làm tông. Vì sao? Vì tông của tất cả tánh đều phi tánh, do có nhân đối đãi sinh ra tướng, nên nói tất cả pháp chẳng thể lập tông, lập tông ắt phải hoại. Nói "Lập tông phải hoại" là vì tông ấy do sự đối đãi mà lập. Nếu tất cả pháp chẳng lập tông thì tướng vô sinh chẳng hoại, nên "Tất cả pháp chẳng thể lập tông thì hoại". Đại Tuệ! Hữu và vô chẳng sinh tông, vì đem tông vào tất cả tánh thì tướng hữu vô không thể nắm bắt. Đại Tuệ! Giả sử tông kia chẳng sinh, đem "tất cả tánh chẳng sinh" mà lập tông, thế thì tông kia phải hoại. Vì tánh tướng hữu và vô bất sinh, do đó chẳng nên lập tông; vì năm phần luận có rất nhiều lỗi (luận nhân minh nhập chánh lý ghi có ba mươi ba lỗi), là do nhiều tướng khác biệt lần lượt làm nhân lẫn nhau và có chỗ tạo tác, do đó chẳng nên lập tông. Nói tất cả pháp bất sinh thì tất cả pháp không, như thế, tất cả pháp không có tự tánh thì chẳng nên lập tông.

Này Đại Tuệ! Nhưng Đại Bồ-tát thuyết giảng tất cả pháp như mộng

huyễn, vì thấy tướng hiện hay chẳng hiện là do lỗi của sự thấy biết, nên nói tất cả pháp tánh như mộng huyễn. Đại Tuệ! Vì phàm phu rơi vào kiến chấp hữu và vô, muốn lìa sự kinh sợ của họ, phải tùy cơ thuyết pháp, chớ khiến họ sinh tâm sợ hãi, xa lìa pháp Đại thừa.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Vô thuyết, vô tự tánh
Vô sự, vô tương tục.
Phàm phu vọng chấp thật
Như xác chết có giác.
Tất cả pháp bất sinh
Chẳng như tông ngoại đạo
Các pháp vốn vô sinh
Do nhân duyên thành tựu.
Tất cả pháp bất sinh
Bậc trí chẳng phân biệt
Việc do lập tông sinh
Kẻ giác phải diệt trừ.
Ví như bệnh nhặm mắt
Vọng thấy tướng hoa đốm.
Tánh chấp trước cũng thế
Do phàm phu vọng tưởng.
Phân biệt hiện ba cõi
Sự tự tánh chẳng có.
Mà lập sự tự tánh
Vì tư duy khởi vọng.
Tùy sự lập ngôn giáo
Vọng tưởng rất lăng xăng.
Phật tử hãy siêu thoát
Xa lìa các vọng tưởng.
Phi nước tưởng là nước
Do khát nước vọng sinh.
Phàm phu mê như thế
Bậc Thánh chẳng thấy vậy.
Bậc Thánh thấy trong sạch
Chánh định ba giải thoát.
Xa lìa nơi sinh diệt
Dạo đi cõi vô sinh.
Tu hành không chốn tu

Cũng chẳng tánh phi tánh.
Tánh phi tánh bình đẳng
Do đó sinh quả Thánh.
Thế nào tánh phi tánh?
Thế nào pháp bình đẳng?
Tâm tri tâm bất tri
Trong ngoài và động tịnh.
Nếu người được đoạn dứt
Ắt thấy tâm bình đẳng.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết giảng, trí tuệ quan sát tiền cảnh duyên dựa nơi các pháp, chẳng thấy có một pháp để đắc, ấy chỉ là giả lập phương tiện, đối tượng được thâu nhận và chủ thể thâu nhận phi tánh thì cả hai đều không, thế thì trí cũng chẳng thể thâu nhận cái thuyết "Phân biệt bất sinh", ấy gọi là trí. Vậy cái tên trí này cũng là phương tiện giả lập mà thôi. Thế nào? Bạch Thế Tôn! Vì chẳng giác ngộ được tánh của tự tướng cộng tướng khác hay chẳng khác nên chẳng đắc tướng trí chăng? Hoặc vì mỗi mỗi tánh tướng của tự tướng cộng tướng tự che khuất nên chẳng đắc tướng trí chăng? Hoặc vì hòn núi vách đá địa, thủy, hỏa, phong làm chướng ngại nên chẳng đắc tướng trí chăng? Hoặc vì quá xa quá gần nên chẳng đắc tướng trí chăng? Hoặc vì quá già quá nhỏ, mù điếc, các căn chẳng đủ nên chẳng đắc tướng trí chăng?

Bạch Thế Tôn! Nếu do chẳng giác ngộ được sự khác hay chẳng khác của tự tướng cộng tướng nên chẳng đắc tướng trí, thì chẳng nên nói trí, nên nói vô trí, vì có sự "chẳng đắc" vậy. Nếu do mỗi mỗi tánh tướng của tự tướng cộng tướng tự che khuất nên chẳng đắc tướng trí thì cũng là vô trí, chẳng phải trí. Bạch Thế Tôn! Do có Nhĩ diệm (mẹ của trí) nên trí sinh, chẳng phải vô tánh có thể hợp thành sở tri của Nhĩ diệm mà gọi là trí. Nếu do hòn núi vách đá địa, thủy, hỏa, phong, quá xa, quá gần, quá già, quá nhỏ, mù điếc, các căn chẳng đủ nên chẳng đắc tướng trí, vậy là vô trí, cũng chẳng phải trí, vì sự "có trí" không thủ đắc.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải nghĩa vô trí như ông nói mà cho là trí. Ta chẳng nói sự duyên dựa ẩn lấp như thế, trí tuệ chẳng đắc tướng, là theo phương tiện kiến lập, giác ngộ được tự tâm hiện lượng, hữu và vô hữu, ngoài tánh phi tánh, biết mà "sự" chẳng thể đắc. Vì chẳng đắc nên trí ở nơi Nhĩ diệm chẳng sinh; nếu tùy thuận ba cửa giải thoát, trí cũng chẳng thể đắc. Nếu người

chẳng vọng tưởng thì có cái trí thấu tỏ các tập khí hư dối tánh phi tánh từ vô thủy, cái tri này phàm phu ngoại đạo chẳng thể tri. Do đó, phàm phu đối với xứ sở ngoại cảnh, tánh tướng vô tánh, vọng tưởng chẳng dứt, vì chấp trước sự thâu nhận, kiến lập tự tâm hiện lượng nói có tướng ngã và ngã sở, chẳng biết tự tâm hiện lượng nơi trí Nhĩ diệm mà khởi vọng tưởng, vì vọng tưởng chẳng thể quan sát ngoài tánh phi tánh, lại dựa theo đoạn kiến của ngoại đạo.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Chẳng trụ sự duyên dựa
Và trí tuệ quan sát
Vô trí tức chánh trí
Vọng cho là phi trí.
Nơi tánh tướng chẳng khác
Nếu chấp theo quan sát
Những chướng ngại xa gần
Ấy gọi là tà trí.
Do sáu căn chẳng đủ
Nói trí tuệ chẳng sinh.
Thật thì có Nhĩ diệm
Ấy cũng gọi tà trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si chẳng khéo thấu tỏ, chấp tướng ngoài tánh tự tâm hiện, bị vọng tưởng tà ác hư dối từ vô thủy xoay chuyển. Lúc xoay chuyển thì chẳng thể đạt đến tự tông thông và thuyết thông, nên chấp cái thuyết phương tiện mà chẳng khéo phân biệt bốn luận chứng của tự tông thông và thuyết thông trong sạch.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như Phật dạy! Cúi xin Thế Tôn vì chúng con phân biệt về thuyết thông và tông thông, khiến con và các Đại Bồ-tát thấu rõ hai thứ thông, cũng khiến cho các phàm phu, Thanh văn và Duyên giác đời vị lai chẳng mắc lỗi lầm.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ba đời chư Như Lai có hai thứ pháp thông, là thuyết thông và tự

tông thông. Nói thuyết thông, là tùy sự thích ứng của tâm chúng sinh mà thuyết mỗi mỗi pháp ghi đủ trong khế kinh (khế lý, khế cơ), gọi là thuyết thông. Nói tự tông thông, là nói người tu hành lìa mỗi mỗi vọng tưởng do tự tâm hiện, chẳng rơi vào kiến chấp nhị biên nhất hay dị, đồng hay chẳng đồng, siêu thoát tất cả tâm, ý, ý thức. Đối với cảnh giới của Thánh trí tự giác, lìa kiến chấp nhân duyên và kiến chấp tương ưng do công hạnh tạo tác mà thành. Tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, người rơi vào nhị biên đều chẳng thể biết, ta gọi là pháp tự tông thông. Đại Tuệ! Tướng Tự tông thông và thuyết thông này, ông và các Đại Bồ-tát cần nên tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta nói hai thứ thông
Tông thông và thuyết thông.
Thuyết thông dạy sơ cơ
Tông thông là giải thoát.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn có khi nghĩ rằng: "Đối với mỗi mỗi lập luận của thế gian chớ nên gần gũi học tập. Nếu gần gũi học tập là thâu giữ tham dục, chẳng thâu nhận giáo pháp." Vì sao Thế Tôn nói như thế?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Mỗi mỗi nghĩa cú nơi ngôn luận của thế gian theo nhân duyên tích tập, những nhân duyên thí dụ giống như trang nghiêm để dụ dẫn, dối gạt những phàm phu ngu si, chẳng thể vào tự thông chân thật, chẳng biết tất cả pháp vọng tưởng điên đảo. Phàm phu mê hoặc, rơi vào nơi tà kiến nhị biên, tự phá hoại chánh kiến chánh pháp, luân hồi sáu nẻo, chẳng thể giải thoát. Do vọng tưởng chấp trước, chẳng thể giác ngộ được tự tâm hiện lượng, chẳng lìa ngoài tánh của tự tánh. Do đó, mỗi mỗi lập luận của thế gian chẳng thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, lo, buồn, khổ não, dối gạt và mê hoặc.

Này Đại Tuệ! Xưa kia Thích Đề-hoàn Nhân rộng hiểu các luận, tự tạo thanh luận. Bọn Thế luận kia có một người đệ tử hiện hình tượng rồng, đến Thiên cung Đế Thích kiến lập tông chỉ Thế luận và hẹn nhau với Thích Đề-hoàn Nhân: "Nay ta cùng ngươi biện luận, nếu ta thắng thì ta sẽ hoại bánh xe ngàn căm của ngươi, nếu ngươi thắng thì sẽ chém đầu ta để tạ lỗi cho ngươi." Hẹn xong bèn dùng thế pháp lật đổ Thanh luận của Đế Thích, liền phá hủy bánh xe rồi trở về thế gian. Đại Tuệ! Như con rồng là súc sinh cũng có thể dùng mỗi mỗi nghĩa cú, ngôn luận thế gian, nhân duyên thí dụ trang nghiêm để mê hoặc chư Thiên và A-tu-la, khiến vướng mắc vào kiến chấp sinh diệt, huống hồ là loài người chăng. Do đó, ngôn luận thế gian cần

nên xa lìa, vì hay làm nhân sinh ra quả khổ, chớ nên gần gũi học tập.

Này Đại Tuệ! Bọn Thế luận chỉ nói cảnh giới của thân giác mà thôi. Đại Tuệ! Có trăm ngàn Thế luận kia, sau khi Phật diệt độ năm trăm năm, sẽ phá hoại sự kết tập kinh điển, do giác ác họ thịnh hành nơi thế gian, có nhiều đệ tử ác ham thọ pháp họ. Đại Tuệ! Họ dùng đủ thứ nghĩa cú nhân duyên thí dụ trang nghiêm thuyết giảng việc ngoại đạo dùng Thế luận để phá hoại sự kết tập kinh điển, vì tự chấp nhân duyên, chẳng có tự thông. Đại Tuệ! Đám ngoại đạo kia chẳng có Tự thông luận, lập ra Thế luận, rộng thuyết giảng vô lượng trăm ngàn sự môn, chẳng thể tự thông, cũng chẳng tự biết là ngu si, chấp Thế luận là chân lý.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ngoại đạo thuyết giảng mỗi mỗi nghĩa cú nhân duyên thí dụ trang nghiêm của Thế luận, do tự chấp trước, có tự thông, thì Thế Tôn cũng thuyết giảng thế luận vì mỗi mỗi Trời, Người và A-tu-la từ các phương đến tụ hội, Phật cũng rộng thuyết vô lượng nghĩa cú, há cũng chẳng phải không có tự thông chăng! Lẽ nào cũng lọt vào số ngôn thuyết trí tuệ của tất cả ngoại đạo sao?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta chẳng thuyết Thế luận, chẳng thuyết khứ lai, chỉ thuyết bất khứ bất lai. Đại Tuệ! Lai là tụ họp, khứ là tan rã, chẳng khứ chẳng lai là bất sinh bất diệt. Cái nghĩa của ta thuyết chẳng rơi vào nơi số vọng tưởng của Thế luận. Vì sao? Vì chẳng chấp trước ngoài tánh phi tánh, vọng tưởng nhị biên nơi tự tâm hiện chẳng thể xoay chuyển, là cảnh tướng phi tánh. Giác ngộ được tự tâm hiện thì vọng tưởng của tự tâm hiện chẳng sinh. Vọng tưởng chẳng sinh thì vào ba cửa giải thoát: Không, Vô tướng, Vô tác, gọi là giải thoát.

Này Đại Tuệ! Ta nhớ xưa kia cư trú tại một nơi có Bà-la-môn theo Thế luận đến chỗ ta ở, chẳng màng đến ta có rảnh hay không, bèn hỏi: "Cù-đàm! Tất cả pháp là được tạo tác chăng?" Ta đáp ngay: "Bà-la-môn! Nói tất cả pháp được tạo tác là thuộc về Thế luận thứ nhất." Họ lại hỏi: "Tất cả pháp là không chỗ tạo tác chăng?" Ta cũng đáp: "Tất cả pháp phi chỗ tạo tác thuộc Thế luận thứ hai." Họ hỏi tiếp: "Tất cả pháp thường chăng? Tất cả pháp vô thường chăng? Tất cả pháp sinh chăng? Tất cả pháp bất sinh chăng?" Ta liền đáp: "Ấy là Thế luận từ thứ ba đến thứ sáu."

Này Đại Tuệ! Họ lại hỏi: "Tất cả pháp là nhất chăng? Tất cả pháp là dị chăng? Tất cả pháp đồng chăng? Tất cả pháp chẳng đồng chăng? Tất cả pháp do mỗi mỗi thọ sinh mà hiện chăng?" Ta trọn đáp: "Ấy là Thế luận từ

thứ bảy đến thứ mười một.” Đại Tuệ! Họ lại hỏi: “Tất cả pháp là vô ký chăng? Tất cả pháp là ký chăng? Hữu ngã chăng? Vô ngã chăng? Có đời này chăng? Chẳng đời này chăng? Có đời khác chăng? Chẳng đời khác chăng? Có giải thoát chăng? Không giải thoát chăng? Tất cả là sát-na chăng? Tất cả chẳng là sát-na chăng? Là hư không chăng? Là chẳng phải số diệt chăng? Là Niết-bàn chăng? Là do Cù-đàm tác chăng? Chẳng phải tác chăng? Có thân trung ấm chăng? Chẳng thân trung ấm chăng?” Đại Tuệ! Ta đáp: “Này Bà-la-môn! Những câu hỏi như thế đều là Thế luận của ngươi, chẳng phải là chỗ thuyết giảng của ta. Ta chỉ thuyết giảng mỗi mỗi nghiệp ác tập khí vọng tưởng hư dối từ vô thủy là nhân của ba cõi, những người chẳng thể biết rõ tự tâm hiện lượng mà sinh vọng tưởng duyên dựa ngoài tự tánh như pháp của ngoại đạo nói: “Do ngã và căn, cảnh ba duyên hòa hợp mà có cái biết sinh khởi.” Ta thì chẳng như thế. Bà-la-môn! Ta chẳng thuyết nhân, chẳng thuyết vô nhân, chỉ thuyết cái tánh vọng tưởng về chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp giả lập pháp duyên khởi, chẳng phải ngươi và những người chấp ngã tương tục có thể biết được.” Đại Tuệ! Nói Niết-bàn, hư không và tịch diệt chẳng phải có ba thứ, chỉ là số lượng có ba mà thôi.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Khi ấy Bà-la-môn theo Thế luận lại hỏi ta: “Do si ái nghiệp làm nhân mà có ba cõi chăng? Hay vô minh là nhân chăng?” Ta đáp: “Hai thứ này cũng là Thế luận thôi”. Họ lại hỏi: “Tất cả pháp đều vào tự tướng cộng tướng chăng?” Ta lại đáp: “Đây cũng là Thế luận. Bà-la-môn! Nói tóm lại, từ những câu hỏi của ngươi cho đến dòng suối ý thức vọng chấp theo ngoại trần, tất cả đều là Thế luận.”

Lại nữa, này Đại Tuệ! Khi ấy Bà-la-môn theo Thế luận lại hỏi ta: “Mỗi mỗi nghĩa cú nhân duyên thí dụ trang nghiêm là tông chỉ của tất cả ngoại đạo, đều thuộc Thế luận, vậy còn có pháp nào chẳng phải là Thế luận?” Ta đáp: “Bà-la-môn! Có, mà chẳng phải ngươi có, phi tác phi tông, phi thuyết phi bất thuyết, phi bất nhân duyên thí dụ trang nghiêm.” Bà-la-môn hỏi: “Thế nào là phi Thế luận, phi phi tông chỉ phi phi thuyết?” Ta đáp: “Bà-la-môn! Có phi Thế luận mà ngoại đạo các ngươi chẳng thể biết, vì vọng tưởng chẳng thật, hư dối chấp trước nơi ngoài tánh. Nói vọng tưởng chẳng sinh, nếu giác ngộ về pháp hữu vô và tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sinh, chẳng nhiễm ngoại trần, dứt hẳn vọng tưởng, ấy gọi là phi Thế luận. Đây là pháp của ta, chẳng phải ngươi có.” Khi ấy, Bà-la-môn lại lược thuyết sự nhận thức của họ, hoặc khứ hoặc lai, hoặc sinh hoặc tử, hoặc vui hoặc khổ, hoặc chìm hoặc nổi, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc hòa hợp hoặc tương tục, hoặc ái hoặc nhân ái, chấp trước đủ thứ tướng. Ta nói: “Bà-

la-môn! So đo như thế đều là Thế luận của các ngươi, chẳng phải ta có." Đại Tuệ! Bà-la-môn Thế luận hỏi như thế, ta đáp như thế, họ liền im lặng chẳng từ giã mà lui ra, lại còn suy tư chỗ tự thông mà nghĩ: "Sa-môn Thích tử vượt ra ngoài tướng thông, nói vô sinh, vô tướng, vô nhân, giác ngộ được tướng hiện của tự vọng tưởng thì vọng tưởng chẳng sinh." Đại Tuệ! Đây tức là chỗ ông hỏi ta: "Tại sao nói gần gũi học tập Thế luận đủ thứ biện luận, là thâu giữ tham dục, chẳng thâu nhận giáo pháp?"

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thâu giữ tham dục và pháp có nghĩa cú gì?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Ông khéo vì chúng sinh đời vị lai mà tư duy nêu hỏi về nghĩa cú như thế. Ta sẽ vì ông mà thuyết giảng, hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đối với nghĩa tham, có thủ có xả, hoặc ham tiếp xúc hoặc ham mùi vị, vướng mắc ngoại trần, rơi vào nhị biên tà kiến, do đó luân hồi tương tục, lại sinh năm ấm, sinh, lão, bệnh, tử, lo buồn, khổ não, các thứ nghiệp khổ đều từ tham ái sinh khởi, đều do gần gũi nhiễm tập Thế luận, thành kẻ Thế luận. Ta và chư Phật nói là tham, ấy gọi là thâu nhận tham dục mà chẳng thâu nhận giáo pháp.

Này Đại Tuệ! Thế nào là thâu nhận pháp? Là khéo thấu rõ tự tâm hiện lượng, thấy tướng nhân vô ngã và pháp vô ngã thì vọng tưởng chẳng sinh, khéo biết từng bậc tiến lên các Địa của Bồ-tát, lìa tâm, ý, ý thức, được tất cả chư Phật trí tuệ nhận pháp quán đảnh, thâu nhận trọn vẹn cú thập vô tận, nơi tất cả pháp cũng chẳng có mở mang tự tại, ấy gọi là pháp, nghĩa là chẳng rơi vào tất cả kiến chấp, tất cả hư dối, tất cả vọng tưởng, tất cả tánh tướng, tất cả nhị biên…

Này Đại Tuệ! Có nhiều hạng si mê ngoại đạo rơi vào nơi nhị biên, hoặc thường hoặc đoạn, chẳng phải người có trí tuệ. Chấp thọ vô nhân luận thì sinh khởi thường kiến, chấp ngoại nhân hoại, nhân duyên phi tánh thì sinh khởi đoạn kiến. Ta chẳng thấy sinh, trụ, diệt, nên nói là pháp. Đại Tuệ! Ấy gọi là tham dục và pháp, ông và các Đại Bồ-tát cần nên tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tất cả luận thế gian

Là ngoại đạo vọng thuyết.
Vọng thấy tác, sở tác
Thuyết họ chẳng tự thông.
Duy nhất tự tông ta
Lìa nơi tác, sở tác.
Vì các đệ tử thuyết
Xa lìa những thế luận.
Tâm lượng chẳng thể thấy
Nhiếp, sở nhiếp phi tánh.
Chẳng quan sát hai tâm
Đoạn thường thảy đều lìa.
Ngoại đạo tâm lưu chuyển
Ta gọi là thế luận.
Người vọng tưởng chẳng chuyển
Người ấy thấy tự tâm.
Lai thì có sự sinh
Khứ thì sự chẳng hiện.
Thấu rõ việc khứ lai
Thì vọng tưởng chẳng khởi.
Hữu thường và vô thường
Năng tác và sở tác
Đời này hay đời sau
Đều là thế luận thông.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói Niết-bàn, pháp nào gọi là Niết-bàn? Mà các ngoại đạo đối với pháp Niết-bàn mỗi mỗi sinh khởi vọng tưởng khác nhau?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Như vọng tưởng Niết-bàn của các ngoại đạo, vọng tưởng của họ chẳng tùy thuận Niết-bàn. Hoặc có ngoại đạo diệt ấm, giới, nhập, lìa cảnh giới tham dục, thấy pháp vô thường, tâm và tâm pháp chẳng sinh, chẳng ghi nhớ cảnh giới quá khứ, hiện tại, vị lai, thọ ấm hết như ngọn đèn tắt, như chủng tử hoại, vọng tưởng chẳng sinh, nghĩ những cảnh giới này cho là Niết-bàn. Đại Tuệ! Họ chẳng do hoại tánh kiến, gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Hoặc có ngoại đạo cho "từ phương này đến phương kia" gọi là giải thoát, thấy cảnh giới của tưởng ấm diệt cũng như gió ngưng. Hoặc thấy chủ thể giác ngộ, đối tượng được giác ngộ đoạn diệt, gọi là giải thoát; hoặc thấy mỗi mỗi tướng của tư tưởng là cái nhân sinh ra khổ, qua suy nghĩ rồi, chẳng khéo giác tri tự tâm hiện lượng, kinh sợ nơi tưởng mà thấy vô sinh, sinh tâm ưa thích, tưởng là Niết-bàn; hoặc có tưởng mà thấy vô sinh, sinh tâm ưa thích, tưởng là Niết-bàn; hoặc có ngoại đạo, biết các pháp trong ngoài tự tướng cộng tướng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai có tánh chẳng hoại, cho là Niết-bàn; hoặc đối với ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng tất cả pháp ngoại, tưởng là Niết-bàn; hoặc có ngoại đạo, trí tuệ bị ác kiến thiêu đốt, chấp có ngã kiến tự tánh làm căn bản, thấy tự tánh và sĩ phu, giữa hai có chút ngăn cách, nói thần ngã của sĩ phu hay sinh tự tánh, vì do sĩ phu sinh ra, gọi là tự tánh, ví như minh sơ, Cầu-na là y theo thần ngã ban sơ sinh giác. Cầu-na dụ cho vi trần, cho Cầu-na là tác giả, nói từ vi trần sinh bốn đại, cũng như từ sĩ phu sinh tự tánh, rồi chấp có thần ngã, chấp cõi mười phương, cho là Niết-bàn.

Hoặc có ngoại đạo nói hết phước và phi phước, hoặc nói các phiền não chẳng do tu trí tuệ mà tự dứt, hoặc thấy cõi trời tự tại là kẻ chân thật tạo tác sinh tử, cho là Niết-bàn. Hoặc nói chúng sinh ở nơi này chết thọ sinh nơi khác, lần lượt luân hồi từ tám ngàn kiếp đến nay, vô nhân tự có, do đó chấp trước sinh tử chẳng có nhân nào khác, rồi chấp trước vô nhân, tưởng là Niết-bàn. Hoặc nói từ tự tánh sinh bốn đại, bốn đại sinh ý, ý sinh trí, trí sinh năm phần, năm phần sinh năm tri căn, năm tri căn sinh năm nghiệp căn, năm nghiệp căn sinh năm đại, gọi là hai mươi lăm minh đế của tự tánh, hay sinh các pháp rồi trở về tự tánh thì lìa tất cả sinh tử. Chấp minh đế này cho là đắc đạo chân đế, tưởng là Niết-bàn.

Hoặc thấy tướng nhất dị, đồng chẳng đồng hòa hợp sinh khởi công đức (như vi trần sinh khởi thế giới, vi trần là chủ thể tạo tác, thế giới là đối tượng được tạo tác, tức là công đức), cho là Niết-bàn. Hoặc thấy vạn vật như cây gai ngọn, như sự lộng lẫy của con công và đủ thứ bảo vật, chẳng có kẻ tác, vô nhân tự có, cho là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Hoặc cho hai mươi lăm minh đế là chân thật và cho Lục Đức luận:

1. Thật.
2. Đức.
3. Nghiệp.
4. Bốn đại.

5. Hòa hợp.

6. Đồng dị.

Đó là nhân sinh ra các pháp, nói giữ được hai pháp này hộ trì quốc độ chúng sinh, khiến được an lạc tức là Niết-bàn. Hoặc cho thời gian là kẻ tác tạo ra thời tiết thế gian, kẻ biết như thế, tưởng là Niết-bàn. Hoặc thấy tánh, hoặc thấy phi tánh, biết là tánh phi tánh, thấy có giác này với Niết-bàn sai biệt mà chẳng khác, tưởng là Niết-bàn. Đủ thứ vọng tưởng so đo chấp trước của ngoại đạo đã thuyết giảng nơi lý chẳng thành, bậc Trí nên bỏ những thuyết này.

Này Đại Tuệ! Niết-bàn vọng tưởng của ngoại đạo, tất cả đều rơi vào kiến chấp nhị biên mà họ cho là Niết-bàn. Mỗi mỗi Niết-bàn của ngoại đạo họ tự lập luận, bậc Trí tuệ quan sát vọng tưởng của họ, tâm ý khứ lai, trôi giạt lưu động, hoặc sinh hoặc diệt, lập như không chỗ lập, thật thì chẳng có kẻ đắc Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Pháp Niết-bàn của ta thuyết là khéo giác ngộ về tự tâm hiện lượng, chẳng chấp ngoài tánh, lìa nơi bốn luận chứng thấy chỗ như thật, chẳng rơi vào tự tâm hiện lượng và vọng tưởng nhị biên, chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp là không nắm giữ, tất cả đo lường chẳng thấy chỗ tạo thành, đối với vọng chấp chân thật của phàm phu chẳng nên thâu nhận. Người xả bỏ rồi thì đắc pháp Thánh trí tự giác, biết hai vô ngã, lìa hai phiền não, trừ sạch hai chướng, lìa hẳn hai sinh tử, dần dần tiến lên các Địa, đến quả vị Như Lai, các Tam-muội thâm sâu, lìa tâm, ý, ý thức, đều như bóng huyễn, gọi là Niết-bàn. Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát cần nên tu học, mau xa lìa tất cả kiến chấp về Niết-bàn của ngoại đạo.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Niết-bàn của ngoại đạo
Mỗi mỗi sinh vọng tưởng.
Vọng tưởng từ tâm khởi
Chẳng cách nào giải thoát.
Không dây mà tự trói
Xa lìa phương tiện khéo.
Dù tưởng là giải thoát
Thật chẳng thể giải thoát.
Tướng thông của ngoại đạo
Nhiều loại trí khác nhau.
Vì ngu si vọng tưởng
Giải thoát chẳng có phần.

Tất cả ngoại đạo kia
Vọng thấy tác, sở tác.
Chấp hữu, vô lập luận
Thảy đều chẳng giải thoát.
Phàm phu ham vọng tưởng
Chẳng nghe pháp chân thật.
Chân thật diệt nhân khổ
Ba cõi gồm ba khổ:
Khổ khổ, vui, hoại khổ
Hành khổ ba nẻo ác.
Ví như ảnh trong gương
Dù hiện mà chẳng thật.
Vọng tưởng nơi tâm gương
Phàm phu sinh nhị kiến.
Chẳng biết tâm và duyên
Sinh vọng tưởng nhị biên.
Rõ tâm và cảnh giới
Thì vọng tưởng chẳng sinh.
Tâm thể tức vạn pháp
Sự hiện mà chẳng hiện.
Xa lìa tướng, sở tướng
Như phàm phu phân biệt.
Vọng tưởng sinh ba cõi
Vọng hiện đủ thứ tướng.
Đều chẳng có nghĩa thật
Mà kẻ ngu chẳng biết.
Chư kinh nói vọng tưởng
Chẳng ra ngoài giả danh.
Nếu lìa nơi ngôn thuyết
Phật nói vô sở thuyết.

-oOo-

KINH LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO

QUYỂN 4

Phẩm 4: NHẤT THIẾT PHẬT NGỮ TÂM (Phần 4)

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì chúng sinh mà giảng nói về Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, khiến con và các Đại Bồ-tát đối với tự tánh của Như Lai, khéo tự giác và giác tha.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Cho ông tùy ý hỏi, ta sẽ tùy sự hỏi ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác là tác hay chẳng tác? Là sự chăng? Là nhân chăng? Là tướng chăng? Là sở tướng chăng? Là thuyết chăng? Là giác chăng? Là sở giác chăng? Những từ ngữ như thế là khác hay chẳng khác?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đối với những từ ngữ này phi sự cũng phi nhân. Vì sao? Vì đều có lỗi. Đại Tuệ! Nếu Như Lai là sự, hoặc tác hoặc vô thường; nếu nói vô thường thì tất cả sự đều là Như Lai, ta và chư Phật chẳng cho như thế. Nếu chẳng phải là chỗ được tạo tác, là không chỗ nắm giữ, pháp phương tiện thành không, đồng như sừng thỏ, như con của Thạch nữ, vì chẳng có gì cả. Đại Tuệ! Nếu vô sự, vô nhân thì phi hữu phi vô. Nếu phi hữu phi vô thì lọt vào bốn luận chứng; bốn luận chứng là ngôn thuyết của thế gian, nếu lìa bốn luận chứng thì chẳng rơi vào bốn luận chứng, vì chẳng rơi vào đấy là chứng đắc của bậc Trí, nghĩa cú của tất cả Như Lai cũng như thế. Đại Tuệ! Nên biết, như ta đã thuyết giảng tất cả pháp vô ngã. Nếu biết nghĩa vô ngã là tánh vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh, chẳng tha tánh như trâu ngựa. Đại Tuệ! Ví như con trâu chẳng có tánh ngựa, con ngựa chẳng có tánh trâu. Kỳ thật phi hữu phi vô, nghĩa ấy chẳng phải không có tự tánh. Như thế, này Đại Tuệ! Tất cả các pháp chẳng phải không có tự tướng, có tự tướng nhưng vô ngã, chẳng phải phàm phu dùng vọng tưởng có thể biết. Nói tất cả pháp không, vô sinh, vô tự tánh, nên biết nghĩa

như trên.

Như Lai nói năm ấm chẳng phải khác chẳng phải không khác. Nếu chẳng khác tức là vô thường, nếu khác thì phương tiện thành không. Nếu cho là hai thì phải có khác, như sừng trâu, mỗi mỗi tương tự nên chẳng khác; có dài ngắn sai biệt nên có khác, tất cả pháp cũng như thế. Đại Tuệ! Như sừng trâu bên phải khác với sừng trâu bên trái, sừng bên trái khác với sừng bên phải, đủ thứ sắc tướng dài, ngắn mỗi mỗi khác nhau cũng như thế. Đại Tuệ! Như Lai nói ấm, giới, nhập chẳng phải khác hay không khác. Do đó, pháp đã thuyết giảng của Như Lai gọi là giải thoát. Nếu Như Lai khác với giải thoát, ắt phải do sắc tướng tạo thành. Nếu do sắc tướng tạo thành thì vô thường, nếu chẳng khác thì người tu hành được tướng giải thoát không thể phân biệt, mà người tu hành thấy có phân biệt, cho nên chẳng phải khác hay chẳng khác, cũng như trí và Nhĩ diệm (đối tượng của trí) chẳng phải khác hay chẳng khác.

Này Đại Tuệ! Nói "Trí và Nhĩ diệm chẳng phải khác hay chẳng khác" là phi thường phi vô thường, phi tạo tác phi đối tượng được tạo tác, phi hữu vi phi vô vi, phi giác phi đối tượng của giác, phi tướng phi đối tượng của tướng, phi ấm phi khác với ấm, phi thuyết phi đối tượng được thuyết, phi nhất phi dị, phi đồng phi chẳng đồng. Vì phi nhất phi dị, phi đồng phi chẳng đồng, nên lìa tất cả lượng. Lìa tất cả lượng thì vô ngôn thuyết, vô ngôn thuyết thì vô sinh, vô sinh thì vô diệt, vô diệt thì tịch diệt, tịch diệt là tự tánh Niết-bàn, tự tánh Niết-bàn là vô sự vô nhân, vô sự vô nhân thì chẳng có duyên dựa, chẳng có duyên dựa thì siêu việt tất cả hư dối; vượt qua tất cả hư giả tức là Như Lai, Như Lai tức là Vô thượng Chánh đẳng giác. Đại Tuệ! Vô thượng Chánh đẳng giác của Phật-đà là lìa tất cả căn lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Pháp lìa mọi căn lượng
Vô sự cũng vô nhân.
Đã lìa giác, sở giác
Cũng lìa tướng, sở tướng.
Ấm duyên đồng chánh giác
Nhất, dị chẳng thể thấy.
Nếu thật chẳng thể thấy
Thì làm sao phân biệt?
Phi tác, phi bất tác
Phi sự cũng phi nhân.
Phi ấm phi lìa ấm

Cũng chẳng có pháp khác.
Chẳng phải có các tánh
Như vọng tưởng họ thấy.
Mỗi mỗi pháp cũng thế
Phi hữu cũng phi vô.
Vì hữu nên nói vô
Vì vô nên nói hữu.
Nếu vô chẳng thể lập
Thì hữu làm sao có!
Hoặc nơi ngã, phi ngã
Vướng mắc nơi ngôn thuyết.
Chìm đắm nơi nhị biên
Tự hoại, hoại thế gian.
Tạo lỗi chướng giải thoát
Tướng thông ta quan sát.
Chẳng báng Đại Đạo Sư
Ấy gọi là chánh quán.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết giảng nơi khế kinh, nói thâu nhận bất sinh bất diệt; Thế Tôn cũng nói bất sinh bất diệt là biệt danh của Như Lai. Vì sao Thế Tôn vì vô tánh mà nói bất sinh bất diệt cho là biệt danh của Như Lai?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói tất cả pháp bất sinh bất diệt là chẳng hiện pháp hữu và vô.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp bất sinh thì pháp thâu nhận là không thể thủ đắc, vì pháp được thâu nhận là bất sinh. Nếu tất cả pháp bất sinh thì làm sao trong danh tự có pháp? Cúi xin Phật thuyết giảng rõ.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông phân biệt giảng thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói Như Lai chẳng phải vô tánh, cũng chẳng phải bất sinh bất diệt, thâu tóm tất cả pháp, cũng chẳng đợi duyên mà bất sinh bất diệt, cũng

chẳng phải vô nghĩa. Đại Tuệ! Ta nói ý sinh Pháp thân là danh hiệu của Như Lai, nói bất sinh kia, chẳng phải cảnh giới của tất cả ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác, cho đến Bồ-tát bảy trụ. Nghĩa bất sinh kia tức biệt hiệu của Như Lai. Ví như lưới báu Nhân-đà-la của Đế Thích và bất Nhân-đà-la, các vật ấy mỗi mỗi có nhiều tên gọi, nhưng chẳng phải do nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải không có tự tánh.

Như thế, này Đại Tuệ! Ta ở nơi thế giới Ta-bà này có a-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu, phàm phu thảy đều nghe, mỗi mỗi xưng danh hiệu ta mà chẳng biết là biệt danh của Như Lai ta. Đại Tuệ! Hoặc có chúng sinh biết ta là Như Lai, hoặc biết ta là Nhất Thiết Trí, hoặc biết là Phật, hoặc biết là Bậc Cứu Đời, hoặc biết là Người Tự Giác, hoặc biết là Đạo Sư, hoặc biết là Quảng Đạo, hoặc biết là Tất Cả Đạo, hoặc biết là Tiên Nhân, hoặc biết là Phạm (người thanh tịnh), hoặc biết là Trời, hoặc biết là Tự Tại, hoặc biết là Thù Thắng, hoặc biết là Tiên Nhân Tóc Vàng, hoặc biết là Chân Thật, hoặc biết là Mặt Trăng, hoặc biết là Mặt Trời, hoặc biết là Chúa Tể, hoặc biết là Vô Sinh, hoặc biết là Vô Diệt, hoặc biết là Tánh Không, hoặc biết là Như Như, hoặc biết là Chân Đế, hoặc biết là Thật Tế, hoặc biết là Pháp Tánh, hoặc biết là Niết-bàn, hoặc biết là Thường, hoặc biết là Bình Đẳng, hoặc biết là Bất Nhị, hoặc biết là Vô Tướng, hoặc biết là Giải Thoát, hoặc biết là Đạo, hoặc biết là Sinh… này Đại Tuệ! Ba a-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thảy đều biết ta, như mặt trăng trong nước chẳng xuất chẳng nhập. Phàm phu chẳng thể biết ta, vì rơi vào nơi nhị biên, nhưng đều cung kính cúng dường ta, mà chẳng khéo biết từ ngữ danh cú, chẳng có tự thông, chẳng phân biệt được tên và nghĩa, lại chấp trước mỗi mỗi văn tự ngôn thuyết, nơi bất sinh bất diệt cho là Vô tánh, chẳng biết danh hiệu sai biệt của Như Lai dù nhiều mà nghĩa vốn chẳng sai biệt, như một Đế Thích cũng có nhiều danh hiệu. Vì chẳng biết tự thông hội về căn bản, nên đối với tất cả pháp, đuổi theo ngôn thuyết mà chấp trước.

Này Đại Tuệ! Hạng ngu tối kia nói như vầy: "Nghĩa như ngôn thuyết, nghĩa với ngôn thuyết chẳng khác. Vì sao? Vì nghĩa chẳng tự thân, ngoài ngôn thuyết chẳng có nghĩa khác, chỉ là ngôn thuyết thôi." Đại Tuệ! Họ bị ác kiến đốt trí, chẳng biết ngôn thuyết tự tánh, chẳng biết ngôn thuyết là sinh diệt, nghĩa thì chẳng sinh diệt. Tất cả ngôn thuyết rơi vào nơi văn tự, nghĩa thì chẳng rơi vào, vì lìa tánh phi tánh, nên chẳng thọ sinh, cũng chẳng tự thân. Đại Tuệ! Như Lai chẳng thuyết pháp rơi vào văn tự, vì văn tự hữu và vô đều không thể nắm bắt.

Này Đại Tuệ! Nếu có ai nói Như Lai thuyết pháp rơi vào văn tự, ấy là vọng ngữ, vì pháp lìa văn tự. Cho nên, này Đại Tuệ! Ta cùng chư Phật và các Bồ-tát chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chữ. Vì sao? Vì pháp lìa văn tự chứ chẳng phải ta thuyết cái nghĩa không tạo lợi ích cho chúng sinh. Ta chỉ nói ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sinh. Đại Tuệ! Nếu ta chẳng thuyết tất cả pháp thì giáo pháp sẽ hoại, nếu giáo pháp hoại thì chẳng có chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn, Duyên giác, vậy còn ai thuyết pháp cho ai?

Cho nên, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát chớ chấp vào ngôn thuyết mà theo phương tiện tùy nghi rộng thuyết kinh pháp. Do chúng sinh phiền não hy vọng chẳng đồng, nên ta và chư Phật vì mỗi mỗi hiểu biết khác nhau của chúng sinh mà thuyết pháp các pháp, khiến họ lìa tâm, ý, ý thức, chẳng thuyết chỗ đắc Thánh trí tự giác.

Này Đại Tuệ! Nơi tất cả pháp vốn vô sở hữu, nếu giác ngộ được tự tâm hiện lượng thì lìa được hai thứ vọng tưởng, chư Đại Bồ-tát dựa theo nghĩa này mà chẳng dựa theo văn tự. Nếu thiện nam, tín nữ dựa theo văn tự, là tự hoại Đệ nhất nghĩa, chẳng thể tự giác cũng chẳng thể giác tha, rơi vào nơi ác kiến tương tục mà vì chúng thuyết pháp, chẳng khéo thấu tỏ tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, cũng chẳng biết nghĩa cú. Nếu khéo biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, thông đạt nghĩa cú, tánh nghĩa đầy đủ thì họ được dùng sự vui vô tướng của chánh pháp mà tự thọ sự vui, kiến lập Đại thừa bình đẳng cho chúng sinh.

Này Đại Tuệ! Người thâu nhận pháp Đại thừa thì thâu nhận chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác. Vì thâu nhận chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác thì thâu nhận tất cả chúng sinh, thâu nhận tất cả chúng sinh thì thâu nhận chánh pháp, thâu nhận chánh pháp thì Phật tánh chẳng dứt, Phật tánh chẳng dứt thì hay thấu đạt chỗ chứng đắc hội nhập thù thắng. Thấu đạt chỗ đắc, nhập thù thắng ấy là Đại Bồ-tát thường được ý sinh hóa thân, tùy nghi kiến lập pháp Đại thừa bình đẳng, dùng diệu lực nơi thập tự tại hiện nhiều sắc tướng, thông đạt hình loại phiền não, các tướng hy vọng của chúng sinh mà thuyết pháp như thật. Nói như thật tức là chẳng có khác biệt, tướng như thật là bất khứ, bất lai, tất cả hư dối đều dứt, gọi là như thật. Đại Tuệ! Thiện nam, tín nữ chẳng nên thâu nhận sự tùy ngôn thuyết chấp trước, vì nghĩa chân thật lìa nơi văn tự.

Này Đại Tuệ! Cũng như phàm phu dùng ngón tay chỉ vật, mà Chỉ quán theo ngón tay thì chẳng được nghĩa thật. Cũng thế, nếu phàm phu tùy theo ngôn thuyết của ngón tay mà thâu nhận chấp trước thì rốt cuộc chẳng

thể đắc Đệ nhất nghĩa thật lìa ngón tay ngôn thuyết. Đại Tuệ! Ví như nuôi trẻ nhỏ, nên cho ăn đồ chín, không nên cho ăn đồ sống, nếu cho ăn đồ sống thì có thể khiến nó phát bệnh. Người đuổi theo ngôn thuyết vì chẳng biết thứ lớp phương tiện của nghĩa pháp chín mùi cũng như thế. Do đó, đối với pháp bất sinh bất diệt, người tu chẳng biết phương tiện là chẳng khéo tu, cho nên hành giả phải khéo tu phương tiện, chớ tùy theo ngôn thuyết như xem ngón tay mà chẳng thấy chỗ ngón tay chỉ. Cho nên, người tu nên khéo biết phương tiện nơi nghĩa chân thật, nghĩa chân thật là nhân của Niết-bàn vi diệu tịch tĩnh, ngôn thuyết là vọng tưởng hòa hợp, vọng tưởng là tích tụ sinh tử.

Này Đại Tuệ! Nghĩa chân thật là từ người đa văn mà đạt được. Nói đa văn là thấu nơi nghĩa, chẳng phải ở nơi ngôn thuyết. Nói thấu nghĩa là chẳng theo kinh luận của tất cả ngoại đạo, tự thân chẳng theo, cũng chẳng khiến người khác theo, ấy gọi là Đại đức đa văn. Cho nên, người muốn cầu nghĩa nên thân cận bậc Đa văn thì thấu được nghĩa. Trái với nghĩa này tức là chấp trước ngôn thuyết, nên phải xa lìa.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại thừa oai thần của Phật mà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp bất sinh bất diệt của Thế Tôn hiển thị chẳng có gì lạ. Vì sao? Vì lập cái nghĩa nhân của tất cả ngoại đạo, cũng nói bất sinh bất diệt, Thế Tôn cũng nói chẳng phải số lượng duyên diệt, là Niết-bàn bất sinh bất diệt. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân duyên sinh thế gian, Thế Tôn cũng nói do vọng tưởng, vô minh, nghiệp ái làm duyên sinh khởi thế gian. Họ nói nhân, đây nói duyên, ấy chỉ là danh từ sai biệt thôi. Nhân duyên các vật cũng như thế, Thế Tôn với ngoại đạo lập luận chẳng có sai biệt. Ngoại đạo nói vi trần, thắng diệu, tự tại, chúng sinh, chúa… có chín sự vật bất sinh bất diệt; Thế Tôn cũng nói tất cả tánh bất sinh bất diệt, hữu và vô không thể thủ đắc. Ngoại đạo cũng nói bốn đại chẳng hoại, tự tánh bất sinh bất diệt, bốn đại thường là bốn đại, cho đến luân hồi nơi sáu nẻo mà chẳng xa lìa tự tánh; Thế Tôn thuyết giảng cũng như thế. Cho nên con nói chẳng có gì lạ. Nay cúi xin Thế Tôn vì đại chúng thuyết pháp đặc biệt, kỳ lạ hơn các pháp ngoại đạo. Nếu pháp chẳng sai biệt thì tất cả ngoại đạo cũng đều là Phật, vì cùng nói bất sinh bất diệt. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nói nơi một thế giới mà có nhiều Phật ra đời là chẳng có chỗ đúng, nếu theo lời đã thuyết giảng trên thì trong một thế giới phải có nhiều Phật, vì pháp ngoại đạo với Phật chẳng sai biệt.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói bất sinh bất diệt chẳng đồng bất sinh bất diệt của ngoại đạo.

Vì sao? Vì các ngoại đạo họ chấp có tánh của tự tánh để đắc tướng bất sinh bất diệt, ta chẳng như thế mà rơi vào hữu và vô. Đại Tuệ! Pháp ta nói lìa hữu và vô, lìa sinh diệt, phi tánh phi vô tánh, mỗi mỗi pháp như mộng huyễn hiện, nên phi vô tánh. Nói vô tánh là sắc tướng chẳng có tự tánh thâu nhận, hiện như chẳng hiện, thâu tóm như chẳng thâu tóm. Do đó nên nói tất cả tánh vô tánh, cũng phi vô tánh. Hễ giác ngộ được tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sinh, yên ổn an lạc, dứt hẳn việc thế gian.

Phàm phu ngu si, dùng vọng tưởng làm việc, chẳng phải Thánh hiền, biết vọng tưởng chẳng thật như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa. Đại Tuệ! Như trong thành Càn-thát-bà, có người huyễn hóa, người buôn bán, đủ thứ chúng sinh ra vào, phàm phu vọng tưởng cho có người chân thật ra vào, nhưng thật thì chẳng có kẻ ra người vào. Như thế, Đại Tuệ! Phàm phu ngu si, khởi tưởng mê hoặc bất sinh bất diệt, thật cũng chẳng có hữu vi vô vi, hoặc sinh hoặc diệt của người huyễn, kỳ thật người huyễn vốn chẳng có. Tất cả pháp cũng như thế, lìa nơi sinh diệt, tánh và vô tánh đều vô sở hữu. Phàm phu ngu si rơi vào kiến chấp bất như thật, khởi vọng tưởng sinh diệt, bất như thật của các bậc Thánh hiền thì chẳng như vậy. Nhưng tánh và phi tánh với vọng tưởng cũng chẳng có khác, nếu khác với vọng tưởng, chấp trước tất cả tánh của tự tánh thì chẳng thấy tịch tĩnh. Nếu chẳng thấy tịch tĩnh thì rốt cuộc chẳng thể lìa vọng tưởng. Cho nên, Đại Tuệ! Chẳng có thấy tướng mà thấy vô tướng mới đúng. Thấy tướng là cái nhân thọ sinh nên chẳng đúng, vô tướng thì vọng tưởng chẳng sinh, chẳng khởi chẳng diệt, ta nói là Niết-bàn.

Đại Tuệ! Nói Niết-bàn là thấy nghĩa chân thật, lìa pháp tâm, tâm số của vọng tưởng, cho đến đắc Như Lai Thánh trí tự giác, ta nói là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Diệt trừ sinh luận kia
Kiến lập nghĩa bất sinh.
Pháp ta thuyết như thế
Phàm phu chẳng thể biết.
Tất cả pháp bất sinh
Vô tánh, vô sở hữu.
Như thành Càn-thát-bà
Và mộng huyễn vô nhân.
Vô sinh, chẳng tự tánh
Pháp không có nhân gì?
Vì lìa nơi hòa hợp

Tánh giác tri chẳng hiện.
Nên pháp không, bất sinh
Ta nói chẳng tự tánh.
Vì mỗi mỗi hòa hợp
Dù hiện chẳng thật có.
Phân tích chẳng hòa hợp
Kiến chấp của ngoại đạo.
Như mộng, huyễn, hoa đốm
Và thành Càn-thát-bà.
Mỗi mỗi việc thế gian
Vô nhân mà tướng hiện.
Hàng phục luận hữu nhân
Hiển bày nghĩa vô sinh.
Pháp vô sinh hiển bày
Thì dòng pháp chẳng dứt.
Vô sinh tức vô nhân
Các ngoại đạo kinh sợ.

Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi:

Thế nào là sở nhân
Do nhân nào có sinh
Ở nơi nào hòa hợp
Mà lập vô nhân luận?
Thế Tôn dùng kệ đáp
Quan sát pháp hữu vi
Chẳng nhân chẳng vô nhân.
Ngoại đạo sinh diệt luận
Kiến chấp từ đây diệt.

Bồ-tát Đại Tuệ lại thuyết kệ hỏi:

Thế nào là vô sinh
Ấy là vô tánh chăng
Hoặc vì quán các duyên
Có pháp gọi vô sinh?
Tên chẳng lẽ không nghĩa
Cúi xin phân biệt thuyết.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Phi vô tánh, vô sinh
Cũng phi quán các duyên

Phi hữu tánh, đặt tên
Có tên phi vô nghĩa.
Phi cảnh giới ngoại đạo
Thanh văn và Duyên giác.
Cho đến hàng Thất trụ
Đây gọi tướng vô sinh.
Xa lìa các nhân duyên
Cũng lìa tất cả việc.
Vì do tâm kiến lập
Tưởng, sở tưởng đều lìa.
Sắc thân tùy nghiệp chuyển
Ta nói là vô sinh.
Vô tánh, vô ngoài tánh
Cũng chẳng tâm thâu nhận.
Dứt tất cả kiến chấp
Ta nói là vô sinh.
Phân biệt nhiều nghĩa không
Phi không nên nói không.
Vô sinh nên nói không
Vô tự tánh như thế.
Do nhân duyên hòa hợp
Thì có sinh có diệt.
Lìa các số nhân duyên
Vốn chẳng có sinh diệt.
Lìa bỏ số nhân duyên
Thì chẳng có tánh khác.
Nếu nói nhất và dị
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Tánh hữu, vô bất sinh
Phi hữu cũng phi vô.
Ngoại trừ số chuyển biến
Thảy đều không thể đắc.
Chỉ có số thế tục
Duyên nhau thành xiềng xích.
Lìa nhân duyên xiềng xích
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích
Nghĩa sinh không thể đắc.

Tánh vô sinh chẳng khởi
Lìa các lỗi ngoại đạo.
Chỉ nói duyên xiềng xích
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích
Mà có tánh sinh khác.
Ấy là vô nhân luận
Phá trừ nghĩa xiềng xích.
Như đèn hiển sắc tướng
Xiềng xích hiện cũng thế.
Nếu lìa nghĩa xiềng xích
Lại còn có các tánh.
Tánh ấy đều vô tánh
Như tánh của hư không.
Lìa xiềng xích cũng thế
Bậc trí chẳng phân biệt.
Vô sinh chẳng pháp khác
Là pháp của Thánh hiền.
Người đắc pháp vô sinh
Là chứng nhẫn vô sinh.
Giả sử trong thế gian
Người quan sát xiềng xích.
Lìa tất cả xiềng xích
Do đó đắc chánh định.
Nghiệp ái tham, sân, si
Là xiềng xích nội tâm.
Đất sình, cây dùi lửa
Là chủng tử bên ngoài.
Trong ngoài duyên nhau sinh
Giả sử có tánh khác
Chẳng phải nghĩa xiềng xích
Pháp ấy chẳng thành tựu.
Nếu sinh chẳng tự tánh
Ai làm nghĩa xiềng xích.
Vì lần lượt sinh nhau
Nên gọi nghĩa nhân duyên.
Phàm phu vọng tưởng sinh
Pháp địa, thủy, hỏa, phong.

Lìa số chẳng pháp khác
Là cái thuyết vô tánh.
Như thầy thuốc chữa bệnh
Vì bệnh có sai biệt
Nên lập đủ thứ luận
Để trị mỗi mỗi bệnh.
Ta vì các chúng sinh
Đoạn dứt phiền não họ.
Tùy trình độ cao thấp
Thuyết môn độ cho họ.
Gốc phiền não chẳng khác
Mà có đủ thứ pháp.
Đây thuyết pháp Nhất thừa
Cũng gọi là Đại thừa.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô thường, Thế Tôn cũng thuyết tất cả hành là vô thường, là pháp sinh diệt. Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Là tà hay chánh? Có mấy thứ vô thường?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp ta thuyết giảng. Thế nào là bảy? Họ hoặc nói tạo rồi lại bỏ gọi là vô thường, hoặc nói hình xứ hoại gọi là vô thường, hoặc nói ngay sắc thể đó là vô thường, hoặc nói giữa quá trình biến chuyển gọi là vô thường, các vật tự thể tan hoại chẳng gián đoạn, như sự chuyển biến của sữa tô thành tô lạc, ngay giữa chuyển biến chẳng thể thấy, tất cả tánh chuyển biến vô thường hủy hoại cũng như thế. Hoặc nói tánh, vô thường, hoặc nói tánh, vô tánh, vô thường, hoặc nói tất cả pháp bất sinh, vô thường… Họ đem những kiến chấp vô thường này vào tất cả pháp.

1. Đại Tuệ! Ngoại đạo nói tạo rồi liền bỏ là vô thường. Ta nói lìa kẻ bắt đầu tạo ra vô thường thì chẳng phải bốn đại. Vì bốn đại bất sinh là nghĩa thường, nếu còn có pháp khác với bốn đại, mỗi mỗi tự tướng khác nhau thì chẳng có sai biệt để đắc, vì sai biệt ấy đều chẳng thể tạo nữa. Hai thứ phân biệt chẳng thể tạo (chẳng có kẻ bắt đầu tạo vô thường, cũng chẳng có kẻ bất đầu tạo thường), nên biết vô thường tức là thường.

2. Ngoại đạo nói hình xứ hoại là vô thường. Ta nói bốn đại và bốn đại tạo sắc chẳng hoại, cứu cánh chẳng hoại, nói cứu cánh là phân tích cho đến vi trần, quan sát sự hoại của bốn đại và bốn đại tạo sắc, thấy hình xứ

dài ngắn và khác biệt đều không thể thủ đắc thì chẳng phải bốn đại, nên nói bốn đại chẳng hoại. Hiện hình xứ hoại là rơi vào nơi số luận.

3. Ngoại đạo nói ngay sắc thể tức là vô thường, ấy cũng là hình xứ vô thường, chẳng phải bốn đại. Nếu bốn đại vô thường thì chẳng phải ngôn thuyết thế tục, vì ngôn thuyết thế tục phi tánh. Thấy tất cả tánh chỉ có ngôn thuyết, chẳng thấy tự tướng sinh, là rơi vào nơi thế luận.

4. Ngoại đạo nói chuyển biến vô thường, ta nói sắc thể hiện khác với tánh, chẳng phải bốn đại có khác. Như vàng làm ra nhiều đồ trang sức, hiện chuyển biến khác nhau nhưng chẳng phải tánh vàng có khác, chỉ là những đồ trang sức khác nhau thôi. Vậy các tánh kia chuyển biến cũng như thế.

5. Đại Tuệ! Nói tánh vô thường là tự tâm vọng tưởng, chấp tánh phi thường là vô thường. Vì sao? Nói vô thường của tự tánh bất hoại. Đại Tuệ! Đây là tất cả tánh vô tánh, là sự vô thường. Ngoài sự vô thường, chẳng có gì có thể khiến tất cả pháp tánh vô tánh; như gậy, ngói, đá, dù có tướng khác biệt, hủy hoại rồi thì thấy mỗi mỗi chẳng khác, ấy là sự tánh vô thường, chẳng phải chủ thể tạo tác đối tượng được tạo tác có sai biệt, đây là sự vô thường. Vì chủ thể tạo tác đối tượng được tạo tác chẳng khác thì tất cả tánh vô nhân. Tánh vô nhân là thường. Đại Tuệ! Tất cả tánh vô tánh hữu nhân, chẳng phải phàm phu có thể biết. Phi nhân thì sự bất tương tự sinh khởi (như cây lý có thể sinh ra cây đào, cây đào có thể sinh ra cây xoài…), nếu sinh khởi thì nói tất cả tánh thảy đều vô thường là có lỗi.

Việc bất tương tự này, chủ thể tạo tác đối tượng được tạo tác chẳng có sai biệt mà lại thấy có khác. Nếu nói tánh vô thường thì rơi vào tánh tướng có nhân, tác, có tác thì tất cả tánh chẳng cứu cánh. Nếu tất cả tánh rơi vào tướng có chủ thể tạo tác, thì chủ thể tạo tác vô thường, đối tượng được tạo tác cũng vô thường; chủ thể vô thường, đối tượng vô thường thì tất cả tánh chẳng vô thường, vì vô thường thường sinh vô thường, tức là thường.

Nếu chấp vô thường vào tất cả tánh thì hoại nghĩa của ba đời. Như sắc quá khứ vô thường ắt chẳng lìa hoại, nếu đã hoại thì vị lai bất sinh, nếu sắc bất sinh thì tướng sắc hiện tại cũng đồng như hoại. Nói sắc là do bốn đại tích tụ, có tánh sai biệt, bốn đại và bốn đại tạo sắc tự tánh chẳng hoại, lìa khác và chẳng khác. Tất cả ngoại đạo đối với nghĩa chẳng hoại, bốn đại và bốn đại tạo sắc nơi tất cả ba cõi chẳng thể biết tánh vốn chẳng hoại, nên có sinh diệt. Nếu lìa bốn đại tạo sắc, thì tất cả ngoại đạo dựa vào đâu mà suy nghĩ tánh vô thường chăng? Tướng tự tánh bất hoại thì tướng tự tánh bất sinh.

6. Đại Tuệ! Nói tánh vô tánh vô thường, là lìa bốn đại và chỗ tạo tác của bốn đại, khi tự tướng hoại, tự tánh bốn đại là không thể nắm bắt, tức là bất sinh.

7. Nói bất sinh vô thường, là phi thường vô thường. Tất cả pháp hữu và vô bất sinh, phân tích cho đến vi trần thì chẳng thể thấy, ấy là nghĩa bất sinh, phi sinh, gọi là tướng vô thường bất sinh. Nếu chẳng giác ngộ được nghĩa này thì rơi vào ngoại đạo sinh nghĩa vô thường.

Mỗi mỗi ngoại đạo vọng tưởng có kiến chấp vô thường như thế, như lúc bốn đại bị cháy mà tự tướng chẳng cháy. Nếu tướng của mỗi mỗi tự tướng thiêu hoại thì mỗi mỗi tạo sắc phải đoạn dứt, mà thật thì chẳng như thế.

Này Đại Tuệ! Pháp ta giảng nói phi thường phi vô thường. Vì sao? Vì ngoài tánh chẳng thể quyết định, nên chỉ nói ba cõi duy tâm, chẳng nói mỗi mỗi tướng có sinh có diệt. Bốn đại hòa hợp có sai biệt là do bốn đại và bốn đại tạo sắc sinh ra vọng tưởng phân biệt. Có hai thứ chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp, nếu biết hai thứ đều là vọng tưởng, lìa hai thứ kiến chấp ngoài tánh phi tánh, giác ngộ được vọng tưởng của tự tâm hiện lượng do tự tướng tác hành sinh khởi phân biệt mới có, chỗ tạo tác nghiệp tướng gọi là vọng tưởng sinh, chẳng phải không có tư tưởng tác hành mà gọi là vọng tưởng. Lìa vọng tưởng của tâm, tánh, vô tánh, tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, cho đến siêu việt xuất thế gian, đều phi thường phi vô thường. Nếu chẳng biết tự tâm hiện lượng, thì rơi vào nơi ác kiến nhị biên tương tục. Tất cả ngoại đạo do tự vọng tưởng, chẳng biết ba thứ pháp tướng thế gian, pháp tướng xuất thế gian và thắng (siêu việt) pháp tướng xuất thế gian, dựa theo ngôn ngữ vọng tưởng thuyết mỗi mỗi pháp. Ta nói cảnh giới phi thường phi vô thường, chẳng phải phàm phu có thể hiểu biết, vì họ chẳng giác ngộ được tự tâm hiện lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Lìa chỗ bắt đầu tạo
Và hình xứ khác biệt.
Nói tánh sắc vô thường
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Các tánh chẳng thể hoại
Tự trụ tánh bốn đại.
Ngoại đạo tưởng vô thường
Là chìm nơi kiến chấp.
Pháp hoặc sinh hoặc diệt

Tánh bốn đại tự thường.
Tại sao các ngoại đạo
Lại sinh tưởng vô thường?
Năng nhiếp và sở nhiếp
Tất cả từ tâm tạo.
Theo hai tâm lưu chuyển
Vô ngã và ngã sở.
Nói gốc cây Phạm thiên (ngã)
Nhánh lá khắp thế gian (ngã sở).
Theo pháp ta thuyết giảng
Chỉ do tâm họ tạo.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng thứ lớp tương tục định diệt tận của tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác. Nếu khéo biết tướng thứ lớp tương tục định diệt tận, thì khiến con và các Bồ-tát chẳng vọng xả sự vui của pháp môn định diệt tận, cuối cùng chẳng rơi vào chỗ ngu si của tất cả ngoại đạo Thanh văn và Duyên giác.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ! Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Từ Địa thứ nhất đến Địa thứ sáu, Bồ-tát ở Địa thứ sáu đắc nhân vô ngã, nhập định diệt tận với Thanh văn, Duyên giác chẳng khác; vì nơi định có xuất có nhập, chưa thể niệm niệm nhập. Bồ-tát Địa thứ bảy nhập định diệt tận lìa tất cả tướng hữu vô. Dù có tánh Niết-bàn mà chẳng trụ, chẳng như Nhị thừa có thâu nhận sự vui của chánh định, cho chánh định là thiện, duyên theo hữu vi nhập định diệt tận, rơi vào cảnh giới của chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp và có hành có giác. Cho nên Bồ-tát Địa thứ bảy niệm niệm nhập định diệt tận mà chẳng nghĩ định diệt tận là thiện, đắc tất cả pháp tướng chẳng sai biệt, chẳng phân biệt pháp hữu, pháp vô, pháp thiện, pháp bất thiện.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát Địa thứ tám xả lìa tạng thức chẳng những đối với tất cả pháp mỗi mỗi tướng diệt, cho đến tâm, ý, ý thức, hư vọng phân biệt của Thanh văn, Duyên giác cũng diệt. Từ Địa thứ nhất cho đến Bồ-tát Địa thứ bảy với chỗ tu tập về quán hạnh, thấy tất cả các pháp nơi ba cõi chỉ do tâm, ý, ý thức sở hiện tâm lượng, lìa ngã và ngã sở… cũng chuyển diệt

luôn, chẳng thấy ngoài pháp có mỗi mỗi các tướng. Ngoại đạo ở nơi tự tâm khởi vọng tưởng phân biệt, hư vọng tu tập, thấy ở ngoài pháp có tướng để đắc, thì rơi vào mỗi mỗi tướng ngoài tánh. Ấy là hai thứ chấp trước của phàm phu ngoại đạo, dùng tự tâm thâu tóm tự tâm, thấy có pháp chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp bèn nói tất cả đoạn diệt, chẳng biết là rơi vào nơi cảnh giới cõi vô tưởng, chẳng biết do tập khí hư dối từ vô thủy huân tập mà đoạn diệt chủng tánh Phật.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát Địa thứ tám đạt được Tam-muội với Thanh văn, Duyên giác dù hơi giống nhau, nhưng Bồ-tát nơi Tam-muội có chánh giác gia trì, nên dù có sự vui của Tam-muội mà chẳng nhập Niết-bàn. Nếu chẳng có chánh giác gia trì thì như Nhị thừa tự yên ổn, chẳng thể trọn vẹn bằng địa Như Lai, mà tự chứng Niết-bàn, xả bỏ tất cả chúng sinh, chẳng vì chúng sinh thuyết giảng về pháp hữu vi để dần dần dẫn dắt chúng sinh vào tri kiến Như Lai thì Phật tánh ắt phải đoạn dứt. Chư Phật Thế Tôn vì muốn khiến hàng Nhị thừa nối tiếp Phật tánh, nên hiển thị vô lượng công đức không thể nghĩ bàn của Như Lai, nhưng hàng Thanh văn, Duyên giác ham trụ sự vui của Tam-muội, chẳng chịu hồi tâm tiến lên Đại thừa, lại tự cho là đã chứng Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Ta sở dĩ nhấn mạnh ở Địa thứ bảy là muốn hành giả khéo tu phương tiện, xa lìa các tướng tâm, ý, ý thức và kiến chấp ngã, ngã sở, thâu nhận nhân vô ngã, pháp vô ngã và biện tài bốn vô ngại, đắc sức quyết định nơi môn Tam-muội, từ những đạo phẩm tương tục từ trước đến đây lần lượt tiến lên Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười. Vì e sợ các Bồ-tát chẳng khéo thấu tỏ về tự tướng cộng tướng và sự thứ lớp tương tục của các Địa mà rơi vào nơi ác kiến của ngoại đạo, nên kiến lập thứ lớp của các Địa. Đại Tuệ! Ngoại trừ tự tâm hiện lượng, thật chẳng có pháp sinh pháp diệt, chư Địa thứ lớp tương tục và đoạn dứt mỗi mỗi hạnh mê hoặc nơi ba cõi, chỉ vì phàm phu chẳng giác ngộ, nên ta và chư Phật thuyết chư Địa thứ lớp tương tục và thuyết pháp đoạn dứt mỗi mỗi hạnh mê hoặc nơi ba cõi.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Bồ-tát nơi Địa thứ tám vì muốn diệt ham trụ sự vui nơi Tam-muội của Thanh văn, Duyên giác, biết họ chẳng khéo giác ngộ tự tâm hiện lượng của tự tướng cộng tướng, bị rượu tập khí say mê nơi chỗ chướng ngại rơi vào kiến chấp thâu nhận nhân pháp vô ngã, vọng tưởng cho là Niết-bàn, chẳng phải trí tuệ tịch diệt của tự giác. Đại Tuệ! Bồ-tát thấy sự vui của môn Tam-muội tịch diệt, do bản nguyện đại Bi thành tựu thương xót chúng sinh, phân biệt thấu tỏ thập cú vô tận, chẳng trụ vọng tưởng Niết-bàn. Vì bậc họ biết vốn đã Niết-bàn, nên vọng tưởng chẳng sinh,

lìa chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp của vọng tưởng, giác ngộ tự tâm hiện lượng nơi tất cả các pháp, vì vọng tưởng chẳng sinh nên chẳng rơi vào nơi tâm, ý, ý thức và tướng vọng tưởng chấp trước ngoài tánh của tự tánh. Đối với Phật pháp chẳng có cái nhân bất sinh, là tùy theo trí tuệ mà sinh, nên chứng đắc địa Như Lai tự giác.

Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, nhưng chưa qua đã thức, thức rồi suy nghĩ là chánh hay tà, hoặc phi chánh phi tà. Người ấy do tưởng nhớ mỗi mỗi tập khí của kiến văn giác tri từ vô thủy, nên ở mỗi mỗi hình xứ rơi vào tướng hữu và vô, thành có giấc mơ hiển hiện nơi tâm, ý, ý thức nên suy nghĩ như thế.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nơi Địa thứ tám thấy chỗ vọng tưởng sinh, từ Địa thứ nhất tiến đến Địa thứ bảy, thấy tất cả pháp như huyễn, dùng phương tiện độ thoát cái tâm vọng tưởng chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp xong, dùng phương tiện của Phật pháp khiến người chưa chứng đắc được chứng đắc. Đại Tuệ! Đây là phương tiện chẳng đoạn dứt nơi Niết-bàn của Bồ-tát, lìa tâm, ý, ý thức, đắc pháp Nhẫn vô sinh. Đại Tuệ! Nơi Đệ nhất nghĩa chẳng có thứ lớp tương tục, nói vọng tưởng vô sở hữu là pháp tịch diệt.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ba đời chư Phật giảng
Tâm lượng vô sở hữu.
Bậc trụ địa Bồ-tát
Được đến quả vị Phật.
Tâm lượng nơi tạng thức
Bảy địa chưa diệt sạch.
Tám địa mới diệt hết
Hai địa bảy và tám
Đều gọi là trụ địa.
Phật địa gọi tối thắng.
Trí tự giác trong sạch
Chỗ tự tại tối thắng
Chiếu soi như lửa hồng
Quang minh khắp mọi nơi
Sáng lòa chẳng chói mắt.
Giáo hóa lúc hiện tại
Hoặc giáo hóa lúc trước
Đến đây diễn Nhất thừa.

Đều vào địa Như Lai.
Nhất thừa lập các Địa
Thật thì chẳng thứ lớp
Địa mười là thứ nhất
Thứ nhất là Địa tám
Thứ chín là Địa bảy
Thứ bảy lại là tám.
Địa hai là thứ ba
Thứ tư là thứ năm
Thứ ba là thứ sáu
Thông nhau chẳng thứ lớp.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác là thường hay vô thường?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phi thường phi vô thường, vì cả hai đều có lỗi. Nếu nói thường thì có cái lỗi chủ thể tạo tác, tất cả ngoại đạo đều nói "thường có kẻ tác", thường do tác mà thành thì chẳng phải chân thường. Như Lai đối với chân thường còn chẳng thấy có tướng thường để đắc, huống gì là do tạo tác mà thành thường chăng? Nên nói có lỗi.

Nếu nói Như Lai vô thường thì có cái lỗi của đối tượng được tạo tác vô thường. Ngoại đạo cho năm ấm là đối tượng được tạo tác, nhưng tướng chủ thể thấy và đối tượng được thấy của năm ấm đều chẳng tự tánh, cuối cùng phải đoạn diệt, mà Như Lai thì chẳng đoạn diệt. Đại Tuệ! Tất cả chỗ tạo tác đều vô thường, như cái bình, y áo… tất cả đều có cái lỗi vô thường. Thế thì tất cả công đức phương tiện dùng để độ chúng sinh của Nhất thiết trí tạo nên đều thành vô nghĩa, vì có chỗ tạo tác. Nếu có nghĩa thì tất cả chỗ tạo tác của thế gian đều đồng như chỗ tạo tác của Như Lai, vì chẳng có tánh sai biệt. Cho nên Như Lai nói phi thường phi vô thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như Lai chẳng phải như hư không thường. Nếu như hư không thường thì thành không vô tri, mà Thánh trí tự giác thì đầy đủ linh giác. Vậy nói như hư không thường thì có cái lỗi vô nghĩa. Đại Tuệ! Ví như hư không phi thường phi vô thường, lìa thường, vô thường, nhất, dị, đồng, chẳng đồng, nên không thể thuyết giảng, cho nên Như Lai phi thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nếu Như Lai là vô sinh thường thì như sừng của thọ, ngựa, cũng là vô sinh thường, vậy thì pháp phương tiện thành vô

nghĩa, vì có cái lỗi vô sinh thường, nên Như Lai phi thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Còn có việc khác biết Như Lai là thường. Vì sao? Vì trí của đối tượng được chứng đắc thường nên Như Lai thường.

Này Đại Tuệ! Như Lai hoặc ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp cố định thường trụ. Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai thường trụ chẳng gián đoạn, cũng chẳng phải vô tri như hư không thường trụ, cũng chẳng phải phàm phu có thể hiểu biết. Đại Tuệ! Trí được chứng đắc của Như Lai là do Bát-nhã huân tập, chẳng như chỗ tâm, ý, ý thức của ngoại đạo kia do ấm, giới, nhập đã huân tập. Đại Tuệ! Tất cả ba cõi đều do vọng tưởng chẳng thật nơi sinh. Như Lai thì chẳng từ vọng tưởng chẳng thật nơi sinh. Đại Tuệ! Vì hai pháp đối đãi nên có thường và vô thường, chẳng phải pháp bất nhị. Pháp bất nhị là tịch tĩnh, vì tất cả pháp chẳng có hai tướng sinh. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phi thường phi vô thường. Đại Tuệ! Nếu sinh ngôn thuyết phân biệt thì có cái lỗi thường và vô thường. Nếu cái nhận biết phân biệt diệt thì xa lìa kiến chấp thường, vô thường của phàm phu. Kiến chấp của phàm phu hư vọng phân biệt mỗi mỗi pháp thường, pháp vô thường, phi thường phi vô thường, huân tập theo pháp sinh diệt, dẫu có trí tuệ cũng chẳng thể tịch tĩnh.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Nói đủ thứ vô nghĩa
Sinh lỗi thường, vô thường.
Từ đó kiến lập tông
Có nhiều nghĩa hỗn tạp.
Nếu chẳng sinh phân biệt
Lìa hẳn thường, vô thường.
Cùng quán lượng tự tâm
Ngôn thuyết không thể đắc.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì chúng con thuyết giảng sự sinh diệt của ấm, giới, nhập, nếu những việc ấy chẳng có tự tánh (ngã) thì ai sinh ai diệt? Phàm phu là dựa theo nẻo sinh diệt, chẳng biết Niết-bàn, chẳng thể hết khổ.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông phân biệt giảng thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tạng của Như Lai là hiển bày cái nhân thiện và bất thiện, phổ biến tạo ra các loài chúng sinh, ví như nhà ảo thuật biến hiện các loại người huyễn hóa, lìa ngã và ngã sở. Ngoại đạo chẳng biết do ba duyên căn, cảnh, thức hòa phương tiện sinh khởi, lại chấp trước có kẻ tạo tác, ấy là do ác kiến tập khí hư dối từ vô thủy huân tập, gọi là tạng thức, do đó sinh vô minh trụ địa, cùng với thức thứ bảy sinh pháp nhiễm tịnh, như biển nổi làn sóng, thường khởi chẳng dứt. Nếu lìa lỗi vô thường và lìa nơi thần ngã chấp thường luận của ngoại đạo thì thấy tự tánh vô nhiễm, bản lai trong sạch.

Còn các thức kia thì có sinh có diệt, nơi ý thức niệm niệm tạo cái nhân vọng tưởng chẳng thật, chấp lấy các cảnh giới đủ thứ hình xứ danh tướng, chẳng biết sắc tướng do tự tâm sở hiện, chẳng lìa khổ vui, chẳng đến giải thoát, bị danh tướng trói buộc, tham sinh rồi sinh tham. Nếu nhân duyên các căn thâu nhận diệt thì tương tục chẳng sinh, nếu lìa tự tâm vọng tưởng, chẳng thọ khổ vui, hoặc nhập định diệt tận, hoặc nhập cõi tứ thiền, hoặc khéo tu chân đế giải thoát, chỉ chứng lý thiên không, người tu cho là giải thoát, ham trụ Niết-bàn, chẳng lìa chẳng chuyển, gọi là Như Lai tạng thức tạng (là tạng thức trong Như Lai tạng).

Ngoại đạo do thức thứ bảy chấp thức thứ tám làm thần ngã thì lưu chuyển chẳng diệt, do đó các thức duyên dựa chẳng phải cảnh giới tu hành của Thanh văn, Duyên giác, vì chẳng giác ngộ được vô ngã, có tự tướng cộng tướng thâu nhận, sinh ấm giới nhập. Nếu thấy tánh Như Lai tạng thì năm pháp tự tánh và nhân pháp vô ngã đều diệt.

Từng Địa thứ lớp tương tục tiến lên, chẳng bị kiến chấp ngoại đạo lay động, ấy gọi là trụ nơi địa Bất Động của Bồ-tát, chứng đắc mười thứ đạo môn an vui của Tam-muội mà tự nguyện chẳng thọ môn vui của Tam-muội, do tuệ giác của Tam-muội nhận biết, quan sát Phật pháp không thể nghĩ bàn và thật tế hướng lên Thánh trí tự giác, chẳng cùng lối tu hành của tất cả Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo, đắc mười thứ chủng tánh Hiền thánh, lìa hạnh Tam-muội, vào nơi Như Lai ý sinh thân của trí thân. Cho nên, Đại Tuệ! Đại Bồ-tát muốn cầu thắng tiến, nên tẩy sạch danh tướng Như Lai tạng và thức tạng.

Này Đại Tuệ! Nếu chẳng có danh tướng thức tạng và Như Lai tạng thì chẳng có sinh diệt, nhưng các bậc phàm phu, Hiền thánh đều có sinh diệt. Người tu hành Thánh trí tự giác chẳng xả phương tiện mà hiện pháp lạc trụ. Đại Tuệ! Cái Như Lai tạng và thức tạng này là do tâm tưởng của tất cả Thanh văn, Duyên giác được thấy, dù tự tánh thanh tịnh, nhưng bị khách

trần che lấp, vẫn thấy bất tịnh, chẳng phải sự thấy của Như Lai. Đại Tuệ! Cảnh giới hiện tiền của Như Lai, cũng như xem trái Yêm-ma-la trong bàn tay.

Này Đại Tuệ! Ta ở nơi nghĩa này dùng thần lực kiến lập, khiến phu nhân Thắng Man và chư Bồ-tát trí sáng đầy đủ… diễn thuyết tuyên dương danh tướng Như Lai tạng với thức tạng và sự cùng sinh của bảy thức kia. Vì hàng Thanh văn chấp trước, còn thấy có nhân, pháp vô ngã, nên phu nhân Thắng Man thừa oai thần Phật thuyết giảng cảnh giới Như Lai chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa và ngoại đạo. Đối với Như Lai tạng và thức tạng, chỉ có Phật và bậc Bồ-tát dựa nơi nghĩa lợi trí có cảnh giới trí tuệ này. Cho nên ông và các Đại Bồ-tát nơi Như Lai tạng và thức tạng nên siêng tu học, chớ nên chỉ nghe biết được cho là đủ.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Như Lai tạng thâm diệu
Ma cùng với bảy thức
Sinh hai thứ thâu nhận
Bậc trí nên xa lìa.
Vô thủy huân tập khí
Như tượng hiện tâm gương.
Người quan sát như thật
Hữu sự như vô sự.
Kẻ ngu quán mặt trăng
Quán chỉ chẳng quán trăng.
Chấp trước theo văn tự
Chẳng thấy nghĩa chân thật.
Tâm làm nghề ảo thuật
Ý là người giúp nghề.
Năm thức bạn diễn viên
Vọng tưởng là khán giả.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết giảng năm pháp tự tánh thức, hai thứ vô ngã và cứu cánh phân biệt tướng, khiến con và các Đại Bồ-tát nơi tất cả Địa thứ lớp tương tục phân biệt pháp này, vào tất cả Phật pháp. Nếu vào được tất cả Phật pháp thì đến địa tự giác của Như Lai.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nay ta thuyết giảng năm pháp tự tánh thức, hai thứ vô ngã và phân biệt trí tướng. Năm pháp tự tánh là: danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như. Nếu người tu hành tu theo pháp này thì vào Thánh trí tự giác của Như Lai, lìa những kiến chấp đoạn thường hữu vô…, hiện tiền trụ nơi chánh định, hiện thọ pháp lạc. Đại Tuệ! Nếu chẳng biết năm thứ tự tánh thức, hai thứ vô ngã và ngoài tánh tự tâm hiện, là phàm phu vọng tưởng, chẳng phải Thánh hiền.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sinh khởi vọng tưởng phàm phu, chẳng phải Thánh hiền?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Phàm phu chấp trước danh tướng thế tục, tùy tâm lưu chuyển. Lúc lưu chuyển thì hiện đủ thứ tướng mạo, rơi vào kiến chấp ngã và ngã sở, chấp trước hy vọng diệu sắc rồi thành vô tri, bị vô tri chướng ngại nên sinh nhiễm chấp. Đã nhiễm chấp thì tham, sân, si sinh nghiệp tích tụ, đã tích tụ thì sinh vọng tưởng tự trói, như con tằm nhả tơ làm kén tự trói vậy. Chúng sinh rơi vào nơi biển sinh tử, dạo nơi đồng hoang là sáu nẻo, như bánh xe xoay chuyển chẳng ngừng. Vì ngu si, chẳng biết từ tự tâm vọng tưởng sinh khởi các tướng sinh, trụ, diệt, như huyễn hóa, như bụi trần lăng xăng, như mặt trăng trong nước, chẳng do tự tại, thời tiết, vi trần, sự thắng diệu mà sinh.

Nói danh, là phàm phu ngu si tùy theo dòng nước danh tướng sinh khởi tất cả vọng tưởng chẳng thật, đặt ra đủ thứ tên gọi, ấy gọi là danh.

Nói tướng, là do nhãn thức chiếu soi gọi là sắc; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý thức phân biệt gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ấy gọi là tướng.

Nói vọng tưởng, là giả lập nhiều danh để hiển thị các tướng, do vọng tưởng suy nghĩ, vọng lập các tên gọi: voi, ngựa, xe cộ, nam nữ… gọi là vọng tưởng.

Nói chánh trí, là tìm danh tướng không thể nắm bắt, cũng như khách đi đường chẳng có chỗ trụ. Các thứ phân biệt chẳng sinh, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng rơi vào nơi tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, ấy gọi là chánh trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nói như như, là Đại Bồ-tát dùng chánh trí này chẳng lập danh tướng, cũng chẳng phải không lập danh tướng, lìa bỏ kiến

lập với phủ định và nhị kiến đối đãi thì danh tướng chẳng sinh, gọi là như như.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát trụ nơi như như rồi, chứng đắc cảnh giới vô sở hữu, chứng đắc địa Hoan hỷ của Bồ-tát. Đắc địa Hoan hỷ của Bồ-tát rồi, lìa hẳn ác kiến của tất cả ngoại đạo, chính thức trụ bậc xuất thế gian, pháp tướng thành thục, phân biệt tướng huyễn của tất cả pháp. Tự giác pháp tướng lìa các vọng tưởng, thấy tánh của các tướng khác biệt, thứ lớp tiến lên địa Pháp vân. Giữa lúc đó sức Tam-muội thần thông được mở mang khắp nơi, chứng đắc địa Như Lai. Đắc địa Như Lai rồi, viên chiếu hiển thị đủ thứ biến hóa để thành tựu cho chúng sinh mà chẳng trụ nơi chúng sinh, như bóng trăng trong nước, nên cứu cánh đầy đủ thập cú vô tận, vì mỗi mỗi chúng sinh phân biệt thuyết pháp. Pháp thân lìa ý tạo tác này, gọi là Bồ-tát nhập như như sở đắc.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ba thứ tự tánh gom vào năm pháp chăng? Hay là mỗi mỗi có tự tướng chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ba thứ tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã thảy đều gom vào năm pháp. Đại Tuệ! Nói danh và tướng là vọng tưởng tự tánh. Đại Tuệ! Nếu dựa theo vọng tưởng sinh tâm, tâm pháp, gọi là đồng thời sinh, như ánh sáng mặt trời đồng thời chiếu soi mỗi mỗi tướng sai biệt. Do thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trì duyên khởi lẫn nhau, gọi là duyên khởi tự tánh. Đại Tuệ! Nói chánh trí như như là tánh chẳng thể hoại, gọi là Thành tự tánh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Vọng tưởng tự tâm hiện tám thứ thức khác nhau, ấy là: Tạng thức (thức thứ tám), ý (thức thứ bảy), ý thức (thức thứ sáu) và tiền ngũ thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân), nếu diệt hẳn tướng ngã, ngã sở, chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp và tất cả vọng tưởng chẳng thật, thì hai thứ vô ngã sinh khởi. Cho nên, Đại Tuệ! Nói năm pháp này là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai, thánh trí tự giác, chư Địa thứ lớp tương tục, tất cả pháp Phật thảy đều bao gồm trong đó.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay ta tóm tắt lại năm pháp tướng, danh, vọng tưởng, như như và chánh trí. Nghĩa tướng là xứ sở, hình tướng, sắc tượng… hiện ra tướng khác biệt, gọi là tướng. Nghĩa danh là theo tướng đặt tên, như bình tên là bình, y áo tên là y áo… chẳng phải cái khác, gọi là danh. Nghĩa vọng tưởng là giả lập nhiều tên để hiển thị các tướng, như phân biệt bình, y áo… hiện trong tâm, tâm pháp, gọi là vọng tưởng. Nghĩa như như là danh

này tướng kia chẳng có tri giác, nơi các pháp cũng chẳng thể lần lượt sinh nhau, lìa vọng tưởng chẳng thật, cuối cùng không thể nắm giữ, ấy gọi là như như. Nghĩa chánh trí là sự quyết định chân thật, tự tánh cứu cánh không thể nắm giữ, chỉ là như như, ta và chư Phật tùy thuận chỗ nhập của chúng sinh phổ biến thuyết pháp, giả lập phương tiện, hiển bày nghĩa như thật cho họ, khiến họ theo đó đi vào chánh giác, biết pháp phi đoạn phi thường, vọng tưởng chẳng khởi, tùy thuận Thánh trí tự giác. Pháp tướng này tất cả ngoại đạo và Thanh văn, Duyên giác chẳng thể chứng đắc, ấy gọi là chánh trí. Đại Tuệ! Gọi chung là năm pháp. Thật ra ba thứ tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã, tất cả Phật pháp thảy đều gom vào trong năm pháp này. Cho nên Đại Tuệ! Nên theo phương tiện tu học, cũng dạy người khác theo đúng chánh pháp này, chớ theo pháp khác.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Năm pháp, ba tự tánh
Cùng với tám thứ thức.
Và hai thứ vô ngã
Thảy thâu trong Đại thừa.
Tướng, danh và vọng tưởng
Thuộc về pháp thế gian.
Như như cùng chánh trí
Thuộc pháp xuất thế gian.
Hai tánh chẳng thể hoại
Nên gọi là thành tự tánh.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết giảng về nghĩa cú, hằng sa chư Phật quá khứ và hiện tại, vị lai cũng thuyết giảng như thế. Thế nào? Thế Tôn, là tất cả như thuyết tín thọ chăng? Hoặc còn có nghĩa khác chăng? Cúi xin Như Lai rủ lòng thương xót mà giải thích cho.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chớ nói như thuyết tín thọ. Số lượng của chư Phật ba đời chẳng phải như hằng sa. Vì sao? Vì siêu việt mọi hy vọng của thế gian, dùng thí dụ chẳng thể thí dụ. Vì phàm phu ngoại đạo vọng tưởng chấp trước, nuôi dưỡng ác kiến, rơi vào nơi sinh tử vô cùng tận, vì muốn khiến họ nhàm chán sinh tử luân hồi, siêng năng tinh tấn tu hành giải thoát, nên giả lập phương tiện nói với họ: "Chư Phật dễ thấy, chẳng như Ưu-đàm-bát hoa khó gặp." Như lập ra hóa thành, chỉ là phương tiện để thỏa mãn sự mong cầu của họ. Có khi quán theo căn cơ của người thọ giáo hóa, lại nói: "Phật rất

khó gặp như hoa Ưu-đàm. Thật ra, hoa Ưu-đàm chẳng ai đã thấy, nay thấy và sẽ thấy, mà Như Lai thì khắp thế gian thảy đều được thấy.” Chẳng vì kiến lập tự thông mà nói Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm. Đại Tuệ! Kiến lập tự thông, siêu việt mọi hy vọng của thế gian, phàm phu chẳng thể tin nổi, cảnh giới Thánh trí tự giác chẳng có gì để ví dụ, vì chân thật Như Lai siêu việt tướng về chỗ thấy biết của tâm, ý, ý thức, nên chẳng thể thí dụ. Đại Tuệ! Nhưng ta nói thí dụ “Phật như hằng sa” chẳng có lỗi lầm.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng, mặc cho tất cả con cá, con ba ba, cho đến sư tử, voi, ngựa, người, thú giẫm đạp, cát ấy cũng chẳng nghĩ rằng họ nhiễu loạn ta mà sinh vọng tưởng. Cũng thế, thánh trí tự giác dụ là sông Hằng, sức thần thông tự tại dụ là cát, tất cả ngoại đạo và người, thú… dụ cho kẻ nhiễu loạn, Như Lai chẳng do đó mà khởi niệm sinh vọng tưởng. Vì Như Lai tịch diệt chẳng có niệm tưởng, do bản nguyện của Như Lai dùng Tam-muội khiến chúng sinh đoạn dứt tham sân, được sự an lạc, chẳng có nhiễu loạn trong đó. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác tự tánh trong sạch chẳng có cáu bẩn, cũng như cát sông Hằng chẳng có sai biệt.

Ví như cát sông Hằng là tự tánh của địa, khi hỏa kiếp đến thiêu hết tất cả địa đại mà địa đại chẳng xả bỏ tự tánh. Vì địa đại với hỏa đại cùng sinh nơi bốn đại, nhưng phàm phu vọng tưởng cho là địa đại bị thiêu, mà thật thì chẳng bị thiêu, vì hỏa với địa đồng một nhân trong bốn đại. Như thế, Đại Tuệ! Như hằng sa chẳng hoại, vì cùng Như Lai ở trong một Pháp thân. (Vì Pháp thân Như Lai cùng khắp hư không).

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng chẳng có hạn lượng, ánh sáng Như Lai cũng như thế, chẳng có hạn lượng, vì thành tựu cho chúng sinh nên phổ chiếu tất cả đại chúng trong cõi Phật. Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng, ngoài cát muốn cầu cát khác trọn không thể nắm bắt. Như thế, Đại Tuệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác chẳng có sinh tử sinh diệt, vì đã đoạn dứt nhân duyên sinh diệt.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng thêm bớt đều chẳng thể biết. Như thế, Đại Tuệ! Trí tuệ của Như Lai thành tựu cho chúng sinh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải sắc thân. Sắc thân thì có hoại, mà Pháp thân của Như Lai chẳng phải là sắc thân nên chẳng thể hoại. Như ép cát sông Hằng chẳng thể được dầu. Cũng thế, Như Lai độ tất cả khổ não chúng sinh, do Tam-muội bản nguyện khởi tâm đại Bi, chẳng xả pháp giới, dù chúng sinh chưa chứng Niết-bàn bức bách Như Lai đến mức nào cũng chẳng nổi sân hận.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng trôi theo dòng nước, cát chẳng

thể không có nước mà tự trôi được. Các pháp của Như Lai thuyết giảng trôi theo dòng nước Niết-bàn cũng như thế, pháp chẳng thể lìa Niết-bàn mà tự ra, cũng như cát chẳng thể lìa nước mà tự trôi. Niết-bàn là bản tế của sinh tử, là tướng tịch diệt nên chẳng thể biết. Biết còn chẳng được, làm sao nói nghĩa đoạn diệt?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu bản tế của sinh tử chẳng thể biết thì tại sao sự giải thoát của chúng sinh có thể biết?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nếu cái nhân của vọng tưởng tập khí hư dối từ vô thủy diệt thì biết được ngoài nghĩa tự tâm hiện, thân vọng tưởng chuyển thành giải thoát, giải thoát bất diệt tức là tịch diệt, tịch diệt chẳng có biên vực cho nên vô biên, chẳng phải vô sở hữu, như vọng tưởng ngoại đạo lại cho là có nhiều tên gọi khác biệt vô lượng, vô biên... Theo bậc Trí quan sát nội tâm ngoại cảnh, lìa nơi vọng tưởng thì chúng sinh chẳng có khác biệt, trí và Nhĩ diệm, tất cả các pháp thảy đều tịch tĩnh, vì chẳng biết vọng tưởng do tự tâm hiện, nên có vọng tưởng sinh khởi, hễ biết được thì tất cả tịch diệt, gọi là giải thoát.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Quan sát chư Đạo sư
Cũng như cát sông Hằng.
Chẳng hoại, chẳng khứ lai
Cũng chẳng có cứu cánh.
Ấy tức là bình đẳng
Quan sát chư Như Lai.
Cũng như cát sông Hằng
Thảy lìa tất cả lỗi.
Lưu luyến mà tánh thường
Ấy là chánh giác Phật.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết giảng tướng sát-na hoại của tất cả các pháp. Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng sát-na của tất cả các pháp?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Này Đại Tuệ! Nói tất cả pháp là những pháp thiện, bất thiện, vô ký, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, có tội, vô tội, hữu lậu, vô lậu, thọ bất

thọ… Đại Tuệ! Lược thuyết tâm, ý, ý thức và tập khí, là nhân của năm thứ thọ ấm, cũng là tập khí của tâm, ý, ý thức nuôi dưỡng phàm phu sinh vọng tưởng thiện và bất thiện.

Này Đại Tuệ! Người tu Tam-muội, Tam-muội chánh thọ, hiện pháp lạc trụ, gọi là Thánh hiền, thuộc về pháp thiện vô lậu. Đại Tuệ! Nói thiện, bất thiện có tám thứ thức. Thế nào là tám? Ấy là Như Lai tạng, gọi là thức tạng, tâm, ý, ý thức và tiền ngũ thức, chẳng phải như ngoại đạo đã thuyết giảng.

Này Đại Tuệ! Tiền ngũ thức và tâm, ý, ý thức đều hay phân biệt cảnh trần, tướng thiện hay bất thiện; hễ tâm động thì duyên khởi, duyên hội thì tâm sinh, lần lượt chuyển biến, tiền ngũ thức chuyển biến theo thức thứ sáu thì có phân biệt thiện ác, chuyển biến theo thức thứ bảy thì có tánh chấp trước, chuyển biến theo thức thứ tám thì có chủng tử. Bảy thức trước tương tục thì có hoại, thức thứ tám lưu chú thì chẳng hoại. Nhưng thức thứ tám cùng bảy thức kia thể chẳng có khác, nên bảy thức kia sinh diệt thì thức thứ tám cũng theo đó hoặc sinh hoặc diệt. Vì chẳng biết cảnh trần do tự tâm hiện, vốn chưa từng sinh diệt mà chúng sinh thấy cảnh giới hư vọng, sinh tưởng chấp lấy, nên theo thứ lớp diệt rồi sinh, sinh rồi diệt, thấy hình tướng sai biệt là do ý thức thâu nhận, cùng tiền ngũ thức tương ưng, sinh thời gian sát-na chẳng trụ, gọi là sát-na.

Này Đại Tuệ! Nói sát-na là tạng thức trong Như Lai tạng, đồng sinh tập khí ý thức sát-na, tập khí vô lậu thì chẳng phải sát-na, sát-na này chẳng phải phàm phu có thể biết. Ngoại đạo chấp trước sát-na luận, chẳng biết tất cả pháp sát-na là phi sát-na, chấp đoạn kiến, phá hoại pháp vô vi. Đại Tuệ! Nhị thừa đã dứt phiền não chướng nên thức thứ bảy chẳng lưu chuyển, chẳng thọ khổ vui mà chẳng phải cái nhân của Niết-bàn. Đại Tuệ! Nói Như Lai tạng là có thọ sự khổ vui, cùng với nhân kia hoặc sinh hoặc diệt, ngoại đạo say đắm rượu của bốn trụ địa vô minh, phàm phu chẳng biết là do vọng tưởng huân tập nơi tâm, nên thấy có sát-na.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như vàng ròng, kim cương, xá-lợi của Phật có tánh đặc biệt, trọn chẳng thể hoại. Đại Tuệ! Người chứng Thánh trí tự giác, đắc chánh pháp vô gián chẳng có tướng sát-na sinh diệt. Nếu có sát-na thì bậc Thánh chẳng phải Thánh, mà bậc Thánh luôn luôn là Thánh, như vàng ròng, kim cương, dù trải qua vô số kiếp mà chất lượng chẳng giảm. Do phàm phu chẳng khéo hiểu pháp thuyết vi diệu ẩn mật của ta, đối với tất cả pháp trong và ngoài tưởng có sát-na sinh diệt.

Này Đại Tuệ! Lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói "Sáu ba-la-mật đầy đủ thì được thành Chánh giác." Thế nào là sáu?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ba-la-mật chia làm ba loại là: Thế gian, xuất thế gian và siêu việt xuất thế gian. Đại Tuệ! Nói Ba-la-mật thế gian là chấp trước ngã và ngã sở, thâu nhận nhị biên, là chỗ đủ thứ thọ sinh, ham sắc, thanh, hương, vị, xúc, đầy đủ bố thí Ba-la-mật và trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như thế. Phàm phu do đó đắc thần thông và sinh cõi trời Phạm Thiên.

Này Đại Tuệ! Nói Ba-la-mật xuất thế gian, là vì Thanh văn, Duyên giác rơi vào nơi thâu nhận Niết-bàn, dù hành sáu Ba-la-mật mà ham trụ sự vui nơi Niết-bàn của chính mình.

Nói Ba-la-mật siêu việt xuất thế gian, là giác ngộ được vọng tưởng thâu nhận nơi tự tâm hiện và biết tự tâm bất nhị, nên chẳng sinh vọng tưởng, đối với sự thâu nhận của các loài đều chẳng có phần. Chẳng chấp trước sắc tướng của tự tâm, nhưng vì khiến tất cả chúng sinh được an lạc mà tùy duyên giáo hóa, gọi là Bố thí ba-la-mật. Tạo phương tiện khéo léo, tùy duyên giữ giới thì vọng tưởng chẳng sinh, là Trì giới ba-la-mật. Ngay nơi bị nhục mà vọng tưởng chẳng sinh, biết chủ thể thâu nhiếp đối tượng được thâu nhiếp đều chẳng thật, là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ngày đêm tinh tấn, siêng năng tu hành, tùy thuận phương tiện mà vọng tưởng chẳng sinh, là Tinh tấn ba-la-mật. Vọng tưởng dứt sạch, chẳng trụ Niết-bàn của Thanh văn, là Thiền định ba-la-mật. Trí tuệ quan sát tự tâm vọng tưởng phi tánh, chẳng rơi vào kiến chấp nhị biên, chuyển thân này thù thắng hơn trước mà chẳng đoạn dứt, đắc thánh trí tự giác, là Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tánh không chẳng sát-na
Phàm phu vọng chấp có.
Như dòng sông, tim đèn
Và chủng tử nẩy mầm.
Dời đổi rất nhanh chóng
Đều do hành ấm chuyển.
Nghĩa sát-na ta thuyết
Tịch tĩnh lìa sở tác.
Sát-na dứt phiền não
Tất cả pháp chẳng sinh.
Có sinh thì có diệt
Chẳng vì kẻ ngu thuyết.

Tánh tương tục chẳng dừng
Do vọng tưởng huân tập.
Vì vô minh làm nhân
Vọng tâm từ đó sinh.
Khi sắc tướng chưa sinh
Có gì để phân biệt?
Thấy sinh diệt tương tục
Theo đó chấp tâm khởi.
Nếu chẳng trụ nơi sắc
Theo duyên gì để sinh?
Sinh từ vật khác sinh
Thì nhân sinh chẳng thật.
Chẳng thật thì chẳng thành
Sao có sát-na hoại?
Người tu hành chánh định
Như kim cương, xá-lợi.
Việc đời còn chẳng hoại
Huống là đắc chánh pháp!
Như Lai đầy đủ trí
Cùng Tỳ-kheo bình đẳng.
Sao còn thấy sát-na?
Tất cả cảnh huyễn hóa
Sắc tướng chẳng sát-na
Nơi sắc tướng chẳng thật
Xem cho là chân thật.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn thọ ký A-la-hán sẽ thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bằng với các Bồ-tát chẳng có sai biệt? Nếu Phật vì độ tất cả chúng sinh mà chẳng nhập Niết-bàn thì ai đến Phật đạo? Tại sao nói "Từ lúc mới thành Phật cho đến nhập Niết-bàn, ở nơi khoảng giữa chẳng thuyết một chữ chẳng đáp một chữ?" Nói "Như Lai thường định" thì chẳng có niệm lự quan sát, tức là vô ngôn vô thuyết thì chẳng thể giáo hóa, sao lại nói Hóa Phật để làm Phật sự? Tại sao nói các thức sát-na chẳng trụ mà có tướng lần lượt biến hoại? Nói "Như Lai thường định" tại sao lại cần có kim cang lực sĩ thường theo hộ vệ? Bản tế tịch diệt thì xa lìa phiền não, tại sao còn hiện đủ thứ quả báo của nghiệp ma nghiệp ác như ngoại đạo Chiên-giá-ma-nạp giả có thai và Tôn-đà-lợi giết con gái để báng Phật, khất thực thì chẳng ai bố thí, bát không mà trở về…? Như

Lai đã đắc Nhất thiết chủng trí, sao chẳng lìa được những lỗi này?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông phân biệt giảng thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta thuyết Niết-bàn Vô dư để khuyến dụ phàm phu tiến đến bậc Bồ-tát, cũng khuyên các bậc tu hạnh Bồ-tát trong cõi này cõi kia và những người ham Niết-bàn của Thanh văn thừa, khiến lìa Thanh văn thừa tiến lên Đại thừa, nên Hóa Phật thọ ký cho hàng Thanh văn, chứ chẳng phải pháp Phật thọ ký. Do đó, sự thọ ký Thanh văn với thọ ký Bồ-tát chẳng khác. Đại Tuệ! Nói "chẳng khác" là Nhị thừa, chư Phật Như Lai đoạn dứt phiền não chướng, cùng là một vị giải thoát, chẳng phải nói đoạn dứt trí chướng. Đại Tuệ! Nói "Trí chướng" là thấy pháp vô ngã, thù thắng thanh tịnh; nói "Phiền não chướng" là do trước kia tu tập thấy nhân vô ngã. Nghĩa là: Dứt phiền não chướng thì chuyển được thức thứ bảy diệt, ý thức chẳng hành; nếu pháp chướng giải thoát thì chuyển được sự huân tập trong tạng thức diệt, cứu cánh thanh tịnh, vì pháp bản trụ nên trước sau đều phi tánh.

Vì bản nguyện vô tận nên Như Lai vô suy xét, vô quan sát mà thuyết pháp, dùng chánh trí giáo hóa thì niệm chẳng vọng, nên vô suy xét, vô quan sát. Vì tập khí của bốn trụ địa và vô minh trụ địa dứt thì hai thứ phiền não dứt, lìa hai thứ sinh tử, giác ngộ được nhân và pháp vô ngã đồng thời cũng đoạn dứt hai chướng ngại.

Này Đại Tuệ! Vì lìa cái nhân sát-na tập khí của bảy thứ thức trước, là pháp thiện vô lậu thì chẳng còn luân hồi. Đại Tuệ! Nói Như Lai tạng, là phàm phu ngoại đạo chấp nơi không, do chấp không mà nhiễu loạn ý thức, dù đắc không tuệ nhưng chẳng biết không là vô tri, vô tri thì chẳng có tuệ, theo cái nhân khổ vui lưu chuyển. Nếu giác ngộ được không mà chẳng không, ấy là cái nghĩa sát-na chân thật của Như Lai tạng. Phàm phu ngoại đạo chẳng thể giác ngộ được, lại cho là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Nói Kim cang lực sĩ thường theo hộ vệ, ấy là Hóa Phật thôi, chẳng phải Chân Như Lai. Đại Tuệ! Nói Chân Như Lai là lìa tất cả căn lượng, nghĩa là tất cả căn lượng của phàm phu, Nhị thừa và ngoại đạo thảy đều diệt hết, chứng đắc hiện pháp trụ lạc, vô gián pháp trí nhẫn, chẳng phải chỗ Kim cang lực sĩ hộ vệ. Tất cả Hóa Phật chẳng từ nghiệp sinh, nhưng Hóa Phật chẳng phải Phật mà chẳng lìa Phật, như thợ gốm làm ra các đồ gốm, đồ gốm chẳng phải đất nhưng chẳng lìa đất, theo tướng được

tạo tác của chúng sinh mà thuyết pháp, chẳng phải chỗ tự thông mà thuyết giảng cảnh giới tự giác.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Phàm phu dựa theo thức thứ bảy chuyển diệt mà sinh khởi đoạn kiến, do chẳng giác ngộ được tạng thức mà sinh khởi thường kiến, tất cả đều do tự tâm vọng tưởng chẳng biết bản tế. Nếu tự tâm vọng tưởng diệt thì được giải thoát, giải thoát thì tất cả lỗi tập khí của bốn trụ địa và trụ địa vô minh thảy đều đoạn dứt.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Ba thừa cũng phi thừa
Như Lai chẳng nhập diệt.
Tất cả Phật sở ký
Lìa các lỗi nhiễm tịnh.
Vì khuyến dụ hạ căn
Nên thuyết pháp ẩn lấp.
Vì bậc Vô gián trí
Thuyết Niết-bàn Vô dư.
Chư Phật giả lập trí
Tùy cơ phân biệt thuyết.
Nếu chư thừa phi thừa
Thì chẳng có Niết-bàn.
Dục, sắc, hữu, kiến ái
Gọi là bốn trụ địa.
Do ý thức sinh khởi
Chủng tử trụ tạng thức.
Căn, trần, sáu thứ thức
Đoạn diệt nói vô thường.
Hoặc thấy có Niết-bàn
Lại cho là thường trụ.

Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi:

Các bậc Bồ-tát kia
Lập chí cầu Phật đạo.
Rượu thịt và ngũ tân
Ăn uống như thế nào?
Cúi xin Phật thương xót
Vì đại chúng giải thích.
Do phàm phu tham dục
Tham ăn đồ bất tịnh.

Sở thích như cọp sói
Đồ gì mới nên ăn?
Ăn thứ nào có lỗi?
Cúi xin vì con nói.
Người ăn hoặc không ăn
Có những tội phước gì?

Bồ-tát Đại Tuệ thuyết kệ xong, lại bạch:

–Cúi xin Thế Tôn vì chúng con nói công đức và tội lỗi của người ăn thịt và không ăn thịt. Con và các Bồ-tát nơi hiện tại, vị lai sẽ vì những chúng sinh ham thích ăn thịt phân biệt thuyết pháp, khiến họ hướng về tâm Từ. Đắc tâm Từ rồi, đối với các trụ địa phiền não, thanh tịnh thấu hiểu, chóng đắc cứu cánh Vô thượng Bồ-đề. Thanh văn, Duyên giác nơi địa tự chứng ngưng nghỉ rồi, cũng được tiến lên mau thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Đám ngoại đạo tác ác lập luận, chấp kiến đoạn thường, điên đảo so đo, còn có Pháp giá (như giá giới của Phật) không cho ăn thịt, huống nữa là Như Lai thành tựu chánh pháp, cứu hộ thế gian mà ăn thịt chăng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông phân biệt giảng thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có vô lượng nhân duyên chẳng nên ăn thịt, nay ta sẽ vì ông sơ lược giải thích. Tất cả chúng sinh từ xưa đến nay, lần lượt theo nhân duyên làm sáu thân quyến thuộc với nhau, suy nghĩ thịt này là người thân kiếp trước của mình, do đó không nên ăn thịt.

Thịt lừa, la, lạc đà, chồn, chó, trâu, ngựa, người, thú… vì nhiều hàng thịt bán lẫn lộn, do đó không nên ăn thịt.

Như thợ săn, đồ tể, cầm thú ngửi mùi họ liền sinh kinh sợ, chó thấy oán ghét sủa vang, do đó không nên ăn thịt.

Vì khiến người tu hành chẳng sinh khởi tâm Từ, do đó không nên ăn thịt. Phàm phu ham thích sự bất tịnh, có tiếng tăm xấu xa, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến người trì chú chẳng thành tựu, do đó không nên ăn thịt.

Vì người sát sinh thấy hình súc sinh khởi thức phân biệt, ham đắm mùi vị, do đó không nên ăn thịt. Kẻ ăn thịt bị chư Thiên chê bỏ, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến miệng hôi hám, do đó không nên ăn thịt. Vì

khiến người có nhiều ác mộng, do đó không nên ăn thịt.

Vì đến chỗ rừng hoang vắng lặng, cọp, sói ngửi được mùi hương gây sự nguy hiểm, do đó không nên ăn thịt. Vì làm cho ăn uống thất thường, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến người tu hành chẳng sinh chán lìa, do đó không nên ăn thịt. Ta thường nói rằng: Khi muốn ăn uống, nên nghĩ đây là thịt của con mình, hoặc nghĩ là thuốc độc, do đó không nên ăn thịt. Cho Phật tử ăn thịt là không có chỗ đúng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Xưa kia có vua tên Sư Tử Đô-đà-sa, ăn đủ thứ thịt, dần dần cho đến ăn thịt người, dân chúng chịu không nổi, tụ tập chống lại, vua liền bị lật đổ, người ăn thịt có lỗi như thế, do đó không nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những người sát sinh vì tham tài lợi mà sát sinh buôn bán cá thịt, bọn ngu si ăn thịt chúng sinh, dùng tiền làm lưới mà bắt lấy các thứ thịt. Người sát sinh ăn thịt, hoặc dùng tài vật, hoặc dùng câu lưới bắt lấy những chúng sinh bay trên trời, lội dưới nước và đi trên bờ, đủ thứ giết hại, mua bán cầu lợi, gieo nhân chịu quả, sẽ thọ báo ác. Đại Tuệ! Ta dạy Phật từ nên dùng pháp thật, không dạy ăn thịt, cho đến không mong cầu, không nghĩ tưởng đến những cá thịt, do nghĩa này không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Ta có khi phương tiện nói Giá Pháp, cho ăn năm thứ tịnh nhục hoặc là mười thứ, nay ở kinh này xóa bỏ tất cả phương tiện, bất cứ lúc nào, chủng loại nào, phàm thuộc loài thịt chúng sinh, thảy đều đoạn dứt. Đại Tuệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác còn chẳng ăn phi thời và tạp thực, huống gì là ăn cá thịt chăng? Tự không ăn cũng chẳng bảo người khác ăn. Dùng tâm đại Bi dẫn đầu, xem tất cả chúng sinh như con một của mình, do đó chẳng ăn thịt con.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

Tất cả thịt chúng sinh
Xưa kia là quyến thuộc.
Hoặc hôi thối hỗn tạp
Sinh trưởng nơi bất tịnh.
Hoặc ngửi mùi kinh sợ
Uống rượu với giết hại
Và ngũ tân vân vân
Tu hành nên xa lìa.
Rượu thị sinh buông lung
Buông lung sinh mê đắm.
Mê đắm sinh tham dục
Do đó không nên ăn.

Do ăn sinh tham dục
Tham dục khiến tâm mê.
Say mê nuôi ái dục
Sinh tử chẳng giải thoát.
Vì lợi giết chúng sinh
Dùng tài bắt cá thịt.
Hai thứ gây nghiệp ác
Chết đọa ngục Khiếu hoán.
Ta thường dạy Phật tử
Nên dùng những pháp thực.
Chẳng dạy ăn chúng sinh
Chẳng do nhân tự có.
Ăn thịt gây thù oán
Do đó không nên ăn.
Giết hại, ăn chúng sinh
Người tu nên xa lìa.
Mười phương chư Như Lai
Đều quở trách việc này.
Nếu người tin nhân quả
Chớ ăn nuốt lẫn nhau.
Chết đọa loài cọp, sói
Thọ sinh thường ngu si.
Đồ tể và thợ săn
Khiến cầm thú kinh sợ.
Ắt phải chịu quả ác
Có tánh tham ăn thịt
Phải đọa loài súc sinh
Cũng như mèo chồn kia.
Trong các kinh Đại Thừa
Như Phược Tượng, Đại Vân.
Cho đến kinh Niết-bàn
Và kinh Lăng-già này.
Ta đều khuyến người tu
Nên đoạn dứt ăn thịt.
Bồ-tát và Thanh văn
Chư Phật đều quở trách.
Người giết hại ăn thịt
Ăn thịt chẳng hổ thẹn.

Đời đời thường ngu dốt
Trước nói kiến văn nghi.
Đã dứt tất cả thịt
Người vọng tưởng chẳng biết.
Thọ sinh loài ăn thịt
Do lỗi họ tham dục.
Chướng ngại sự giải thoát.
Rượu thịt và ngũ tân
Thảy đều chướng Thánh đạo.
Chúng sinh đời vị lai
Ngu si mới ăn thịt.
Hoặc có người chấp trước
Ăn tịnh nhục vô tội
Vì Phật đã cho ăn.
Họ lại quên lời Phật
Ghi trong nhiều kinh điển.
Có lời nói như thế:
Ăn thịt như ăn con.
Cũng như uống thuốc độc.
Khiến người tu chán lìa.
Thường theo hạnh khất thực
An trụ nơi tâm Từ.
Những thú dữ cọp sói
Có thể cùng dạo chơi.
Nếu ăn loài máu thịt
Chúng sinh đều kinh sợ.
Cho nên người tu hành
Tâm từ chẳng ăn thịt.
Ăn thịt mất trí tuệ
Trái hẳn chánh giải thoát.
Nghịch tướng mạo bậc Thánh
Do đó không nên ăn.
Được sinh dòng Phạm chí
Và các chỗ tu hành
Nhà giàu sang trí tuệ
Đều do chẳng ăn thịt.
Lời ta thường giảng thuyết.

-oOo-

SỐ 671

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Phẩm 1: THỈNH PHẬT

Quy mạng Đại Trí Hải Tỳ-lô-giá-na Phật!

Tôi nghe như vầy:

Một thuở Đức Thế Tôn cư ngụ trong thành Lăng-già trên đỉnh núi Ma-la-gia bên bờ biển lớn, núi đó được tạo thành bằng đủ loại vật báu, các báu xen lẫn, ánh sáng rực rỡ như trăm ngàn mặt trời soi sáng núi vàng. Lại có vô lượng vườn hoa, cây thơm đều là rừng hương báu, gió nhẹ thổi qua, lay cành rung lá, làm trăm ngàn hương thơm cùng lúc lan tỏa, trăm ngàn âm thanh cực hay đồng thời phát ra. Núi cao trùng trùng điệp điệp, nơi nơi đều có tiên đường, linh thất, khám thờ, hang động do vô số vật báu tạo thành, trong ngoài sáng rực, làm ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều phải mờ nhạt. Nơi đây chính là chỗ xưa các Tiên, Thánh hiền tư duy pháp như thật và đắc đạo. Đức Phật đã cùng với chúng đại Tỳ-kheo tăng và chúng Đại Bồ-tát đều từ các cõi Phật ở phương khác đến tập hội nơi đây. Các vị Bồ-tát này đầy đủ vô lượng lực tự tại Tam-muội thần thông, du hóa tinh tấn, năm pháp tự tánh, hai thứ vô ngã rốt ráo thông đạt, do Đại Bồ-tát Đại Tuệ làm thượng thủ. Tất cả chư Phật đều dùng tay làm pháp quán đảnh và thọ ký ngôi vị Phật cho chư vị ấy tự tâm là cảnh, giỏi hiểu ý nghĩa ấy, đủ loại chúng sinh, đủ thứ tâm sắc, tùy theo đủ loại tâm, đủ loại niệm khác nhau, dùng vô lượng pháp môn độ thoát nên tùy chỗ đáng độ, tùy việc ứng thấy mà vì họ thị hiện khắp nơi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói pháp ở cung vua rồng trong biển lớn đã mãn bảy ngày, rồi đi đến bờ Nam. Khi ấy, có vô lượng ức Đế Thích, Phạm vương, Thiên vương, các vua rồng… vô biên đại chúng đều cùng nhau hướng về bờ biển phía Nam. Lúc ấy, Đức Thế Tôn từ xa quan sát thành

Lăng-già trên núi Ma-la-gia, tôn nhan thư thái như lay động núi vàng, vui vẻ mỉm cười rồi nói:

–Chư Phật Ứng Chánh Biến Tri đời quá khứ ở trong thành Lăng-già trên đỉnh núi Ma-la-gia kia, nói lên pháp Tự nội thân thánh trí chứng, lìa khỏi tất cả tà kiến giác quán, chẳng phải cảnh giới tu hành của các ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật… Ta cũng nên ở trong thành Lăng-già trên núi Ma-la-gia kia mà vì vua Dạ-xoa La-bà-na thượng thủ nói lên pháp này.

Bấy giờ, vua Dạ-xoa La-bà-na nhờ thần lực của Đức Phật nên nghe tiếng của Đức Như Lai. Sau khi rời khỏi cung vua rồng biển qua khỏi biển lớn Đức Phật cùng với vô lượng ức Phạm vương, Đế Thích, Thiên vương, các Long vương… vây quanh cung kính. Bấy giờ, Đức Như Lai quan sát sóng biển cả A-lê-gia thức của chúng sinh bị các cảnh giới gió mạnh thổi động nên làn sóng chuyển thức theo duyên mà khởi. Bấy giờ, vua Dạ-xoa La-bà-na tự nghĩ: "Ta nên thỉnh Đức Như Lai vào thành Lăng-già để khiến cho ta mãi mãi ở trong trời, người, cùng với những trời, người được lợi ích lớn, mau được an lạc." Bấy giờ, vua Dạ-xoa La-bà-na, chủ của thành Lăng-già cùng với các quyến thuộc cưỡi cung điện hoa đi đến chỗ Đức Như Lai. Rồi ông cùng các quyến thuộc từ cung điện xuống, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, dùng đủ loại âm nhạc để cúng dường Đức Như Lai. Những nhạc khí họ mang theo đều làm bằng báu Nhân-đà-la xanh lớn và khảm xen vào các thứ báu khác như đại tỳ lưu ly, mã não…, bao bọc nhạc cụ bằng lớp áo màu sắc vô giá. Họ dùng tiếng Phạm và vô lượng những âm thanh khác ca tụng khen ngợi tất cả công đức của Đức Như Lai rồi nói kệ:

Tâm đủ ở Pháp tạng
Lìa vô ngã, kiến chấp
Thế Tôn nói các hạnh
Nội tâm biết pháp rồi
Pháp thiện được thân Phật
Nội thân pháp chứng được
Hóa thân bày hóa thân
Đúng lúc vào Lăng-già
Nay đây thành Lăng-già
Vô lượng Phật quá khứ
Và các hàng Phật tử
Vô lượng thân thọ dụng
Thế Tôn nếu nói pháp
Thì vô lượng Dạ-xoa
Hiện bày vô lượng thân

Muốn nghe tiếng thuyết pháp.

Bấy giờ, vua thành Lăng-già La-bà-na dùng đủ loại âm thanh vi diệu Đô-đà-ca để ca tụng khen ngợi những công đức của Đức Như Lai rồi, lại dùng diệu thanh kệ tụng ca ngợi Đức Như Lai:

Như Lai ở bảy ngày
Trong biển lớn ác thú
Qua biển đến bờ kia
Ra khỏi rồi liền trụ
Đức vua La-bà-na
Cùng vợ con Dạ-xoa
Và quyến thuộc vô kể
Các đại thần đại trí
Thúc-ca-bà-la-na
Những Thiên chúng như vậy
Tất cả đều hiện ra
Những thần thông vô lượng
Cưỡi cung điện hoa quý
Đi đến chỗ Đức Phật.
Đến rồi, xuống điện hoa
Lễ bái cúng dường Phật
Nương nơi oai lực Phật
Liền ở trước Như Lai
Tự nói lên danh tự:
Con, La-sát mười đầu
Nguyện xin thương xót con
Những chúng sinh thành này
Nhận thành Lăng-già này
Núi báu Ma-la-gia
Vô lượng Phật quá khứ
Ở trong thành Lăng-già
Trên núi đủ loại báu
Tự nói Pháp thân chứng
Như Lai cũng vậy nên
Ở trong núi báu này
Đồng chư Phật quá khứ
Cũng nói pháp như vậy
Nguyện cùng các Phật tử
Nói pháp thanh tịnh này

Con và chúng Lăng-già
Đều rất muốn được nghe
Nhập Lăng-già kinh điển
Phật quá khứ tán thán:
Cảnh giới trí nội thân
Lìa lời nói, tên gọi
Con nghĩ đời quá khứ
Vô lượng Đức Như Lai
Hàng Phật tử vây quanh
Giảng nói kinh điển này
Ngày hôm nay Đức Phật
Cũng nên vì chúng con
Và tất cả những chúng
Nói pháp sâu xa này
Các Thế Tôn vị lai
Và các hàng Phật tử
Ở trên núi báu này
Giảng sâu xa pháp này
Nay tại Lăng-già thành
Hơn cung trời vi diệu
Đất, đá không làm tường
Những lưới báu che phủ
Những Dạ-xoa này từng
Ở chỗ Phật quá khứ
Lìa các lỗi, tu hành
Trụ Đại thừa rốt ráo
Khéo tư duy nội tâm
Như thật nghĩ tương ứng
Nguyện Phật rủ lòng thương
Vì các Dạ-xoa nói,
Nguyện Phật, Thầy trời, người
Vào núi Ma-la-gia
Dạ-xoa và thê tử
Muốn được Đại thừa tôn
Những La-sát tai vò
Cũng đã trụ trong thành
Từng cúng dường quá khứ
Vô lượng ức Thế Tôn

Nay lại muốn dâng cúng
Hiện tại Đại Pháp vương
Muốn nghe hạnh nội tâm
Muốn được Đại thừa tôn.
Nguyện Phật thương xót con
Và những chúng Dạ-xoa
Cùng các hàng Phật tử
Vào thành Lăng-già này
Những cung điện của con:
Thê tử và quyến thuộc
Mũ báu, các chuỗi ngọc
Đủ vật dụng trang nghiêm
Vườn rừng A-thư-ca
Đủ thứ đều ưa thích
Và những cung điện hoa
Dâng lên Phật, đại chúng!
Con ở chỗ Thế Tôn
Không vật gì chẳng xả
Nguyện Đại Mâu-ni Tôn
Thương xót con thọ nhận
Các Phật tử và con
Nhận lời pháp của Phật
Nguyện Phật rủ lòng thương
Vì con, nhận giảng nói
Bấy giờ Tam Giới Tôn
Nghe lời Dạ-xoa thỉnh
Vì Dạ-xoa giảng nói
Phật quá khứ, vị lai
Dạ-xoa! Quá khứ Phật
Ở trong núi báu này
Thương xót Dạ-xoa nên
Nói Nội Thân Chứng Pháp
Các Thế Tôn vị lai
Cũng ở núi báu này
Vì các chúng Dạ-xoa
Cũng nói pháp mầu này
Dạ-xoa! Ở núi báu
Người tu hành như thật

Người tu pháp hiện tại
Mới an trụ nơi này
Dạ-xoa! Nay bảo ông
Ta và các Phật tử
Do thương xót các ông
Nhận cúng dường, thỉnh giảng
Như Lai lược đáp xong
Tịch tĩnh yên lặng ngồi
La-sát La-bà-na
Dâng Phật cung điện hoa
Như Lai và Phật tử
Nhận rồi và lên ngự
Dạ-xoa La-bà-na
Tự ngồi cung điện hoa
Lệnh các thể nữ, nhạc
Tấu đưa Phật đến thành
Đã đến thành diệu đó
Dạ-xoa La-bà-na
Và vợ Dạ-xoa ấy
Cùng con trai con gái…
Mang đồ cúng tốt đẹp
Đủ loại đều vi diệu
Cúng dường Đấng Như Lai
Và các chúng Phật tử
Chư Phật cùng Bồ-tát
Đều nhận cúng dường đó
Các chúng La-bà-na
Cúng dường người nói pháp
Quan sát lời nói pháp
Chứng cảnh giới nội thân
Cúng dường Đại Tuệ sĩ
Lâu sau mà thỉnh rằng:
Đại sĩ! Ngài hỏi Phật
Tu cảnh giới nội thân
Con cùng chúng Dạ-xoa
Và các hàng Phật tử
Tất cả những thính giả
Đều thỉnh Ngài thưa hỏi

Đại sĩ nói pháp thắng
Tu hành cũng tối thắng
Con tôn trọng Đại sĩ
Thỉnh hỏi Phật thắng hành!
Lìa các chấp ngoại đạo
Nhị thừa cũng rời khỏi
Nói nội pháp thanh tịnh
Như Lai địa cứu cánh!
Bấy giờ, lực Thế Tôn
Lại hóa làm thành, núi
Tướng cao ngất trăm ngàn
Nghiêm sức núi Tu-di
Vô lượng ức vườn hoa
Đều là những rừng báu
Mùi hương tỏa lan tràn
Thơm nức, chưa từng nghe
Trong mỗi một núi báu
Đều thị hiện thân Phật
Cũng có Dạ-xoa vương
La-bà-na và chúng
Đất nước Phật mười phương
Cùng với những thân Phật
Phật tử, Dạ-xoa vương
Đến tập hợp núi đó
Những chúng hiện có đây
Ở trong thành Lăng-già
Đều thấy được thân mình
Trong hóa thành Lăng-già
Như Lai hiện thần lực
Cũng đồng Lăng-già đó
Các núi và vườn rừng
Báu trang nghiêm cũng vậy.
Phật trong mỗi núi báu
Đều có Đại Tuệ hỏi
Như Lai đều nói lên
Sự chứng pháp nội thân
Phát trăm ngàn tiếng hay
Kinh pháp này nói xong

Phật và các Phật tử
Tất cả đều biến mất.
Dạ-xoa La-ba-na
Bỗng nhiên thấy tự thân
Ở tại cung điện cũ
Chẳng thấy còn vật khác
Mới khởi lên suy nghĩ:
Cái nhìn thấy ai làm
Ai là người nói pháp
Là những ai lắng nghe
Pháp gì ta đã thấy
Có những việc như vậy
Đất nước các Thế Tôn
Và những thân Phật đó
Việc vi diệu như thế
Nay đã đi về đâu
Là điều nhớ trong mộng
Hay việc làm của huyễn
Hay thành ấp chân thật
Hay thành Càn-thát-bà
Hay bị che, thấy dối
Hay là bóng nắng khởi
Là mơ thạch nữ sinh
Là ta thấy vầng lửa
Hay thấy khói hỏa luân
Ta thấy cái gì vậy?
Lại tự mình suy nghĩ
Thể các pháp như vậy
Cảnh giới chỉ tự tâm
Nội tâm hay chứng biết
Mà các hạng phàm phu
Bị vô minh che lấp
Tâm hư vọng phân biệt
Mà không thể biết thông.
Năng kiến và sở kiến
Tất cả chẳng vẹn toàn
Người nói và điều nói
Như vậy… cũng là không.

Thể Phật pháp chân thật
Chẳng có cũng chẳng không
Pháp tướng hằng như vậy
Chỉ tự tâm phân biệt
Nay thấy vật là thật
Người đó chẳng thấy Phật!
Chẳng trụ tâm phân biệt
Cũng chẳng thể thấy Phật!
Chẳng thấy có các hành
Như vậy gọi là Phật!
Nếu thấy được như vậy
Thì người đó thấy Phật.
Bậc trí quán như trên
Tất cả các cảnh giới
Chuyển thân được diệu thân
Tức là Bồ-đề, Phật.

Bấy giờ, vua thành Lăng-già, La-sát mười đầu La-bà-na thấy lỗi của tâm phân biệt mà chẳng trụ ở trong tâm phân biệt, do lực căn lành đời quá khứ nên hiểu rõ như thật tánh chất các luận, có thể thấy như thật về thật tướng các pháp, chẳng theo lời dạy của kẻ khác, giỏi tự suy nghĩ hiểu rõ các pháp, có thể lìa khỏi tất cả sự nhận thức của tà kiến, có thể tu hành như thật hành pháp, ở trong tự thân có thể hiện tất cả đủ loại sắc tượng mà được cứu cánh, hiểu rõ đại phương tiện, biết rõ tướng mạo tự thể trên tất cả các địa thượng, ưa quan sát tự thể của tâm ý và thức thấy thân tương tục ở ba cõi, đoạn lìa thường kiến của các ngoại đạo, nhờ trí như thật biết rõ Như Lai tạng, giỏi trụ ở thật trí nội tâm của Phật địa, nghe trong hư không và trong tự thân phát ra âm thanh vi diệu như vầy: "Hay thay! Hay thay! Này vua Lăng-già! Những người tu hành đều nên tu học như ngươi!"

Lại nói: "Hay thay! Này vua Lăng-già! Pháp Như Lai chư Phật và phi pháp như ông đã thấy, nếu chẳng đúng như điều thấy của ông thì gọi là Đoạn kiến. Này vua Lăng-già! Ông nên lìa khỏi tâm, ý, thức, mà tu hành như thật các pháp thật tướng. Ông nay cần phải tu hành nội pháp, chớ chấp trước tướng tà kiến nghĩa ngoại đạo. Này Lăng-già Vương, ông chớ tu hành theo cảnh giới tu hành của Thanh văn, Duyên giác, các ngoại đạo… Ông chẳng nên trụ ở các Tam-muội khác của tất cả ngoại đạo. Ông chẳng nên ưa thích đủ thứ hý luận của tất cả ngoại đạo. Ông chẳng nên trụ ở Vi-đà-tà kiến của tất cả ngoại đạo. Ông chẳng nên đắm trước trong lực tự tại buông lung của ngôi vua. Ông chẳng nên đắm trước trong lực tự tại thần thông

của thiền định. Này vua Lăng-già! Những việc như trên đây đều là thật hạnh của người tu hành như thật, có thể hàng phục tà luận của tất cả ngoại đạo, có thể phá tất cả tà kiến hư vọng, có thể chuyển lỗi ngã kiến của tất cả kiến, có thể chuyển tất cả hạnh của thức vi tế mà tu hạnh Đại thừa. Này vua Lăng-già! Ông nên nội thân Như Lai địa, tu hạnh như thật. Người tu hành như vậy được chuyển lên pháp Thượng thanh tịnh. Này vua Lăng-già! Ông chớ bỏ đạo sở chứng của ông, khéo tu Tam-muội Tam-ma-bạt-đề. Ông chớ đắm trước cảnh giới Tam-muội của Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo mà lấy làm thắng lạc, như người tu hành theo đạo phàm phu, ngoại đạo. Ông chớ phân biệt. Này vua Lăng-già! Ngoại đạo chấp trước ngã kiến. Có ngã tướng nên hư vọng phân biệt. Ngoại đạo thấy có tướng bốn đại mà chấp trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cho là thật có. Thanh văn, Duyên giác thấy có vô minh duyên hành cho là thật có. Họ khởi lòng chấp trước, lìa khỏi "như thật không", hư vọng phân biệt chuyên chấp trước "hữu pháp" mà rơi vào trong năng kiến, sở kiến. Này vua Lăng-già! Pháp thắng đạo này có thể khiến cho nội thân chúng sinh giác quán, có thể khiến cho chúng sinh được thì Đại thừa thắng, có thể sinh ra ba cõi. Này vua Lăng-già! Hạnh nhập Đại thừa này có thể phá đủ thứ màn che, đủ thứ sóng thức của chúng sinh, chẳng rơi vào trong các kiến, hành của ngoại đạo. Này vua Lăng-già! Đây chính là hạnh của Đại thừa, chẳng phải hạnh vào ngoại đạo. Hạnh ngoại đạo thì nương vào "nội thân hữu ngã" mà thực hạnh thấy hai pháp sắc, thức cho là thật nên thấy có sinh diệt. Hay thay! Này vua Lăng-già! Tư duy nghĩa này đúng như tư duy của ông tức là thấy Phật."

Bấy giờ, vua Lăng-già La-bà-na lại nghĩ: "Ta nên hỏi Đức Phật về pháp hành như thật để chuyển đến hành của tất cả các ngoại đạo, tu hành nội tâm, cảnh giới sở quán, lìa khỏi ứng thân Phật làm việc ứng hợp, lại có thắng pháp. Sở dĩ gọi người tu hành như thật là khi chứng được pháp thì đạt được niềm vui của Tam-muội cứu cánh. Nếu được niềm vui đó thì gọi là người tu hành như thật. Vậy nên, ta nên hỏi Đức Thế Tôn Như Lai đại Từ bi, Như Lai có thể đốt cháy hết củi phiền não và các Phật tử cũng có thể đốt cháy hết. Đức Như Lai có thể biết phiền não sai khiến tâm của tất cả chúng sinh. Đức Như Lai đến khắp chỗ Nhất thiết trí. Đức Như Lai có thể hiểu biết rõ như thật là tướng hay phi tướng. Ta nay nên dùng sức thần thông vi diệu để thấy được Đức Như Lai. Thấy Đức Như Lai rồi thì người chưa được, người đã được đều chẳng thoái lui, được Vô phân biệt Tam-muội Tam-ma-bạt-đề, được tăng trưởng đầy đủ hành xứ của Như Lai."

Lúc ấy, Đức Thế Tôn như thật soi biết vua Lăng-già đã đến lúc ứng chứng Vô sinh pháp nhẫn, thương xót vua La-sát mười đầu nên làm cho

cung điện đã ẩn mất hiện trở lại như cũ và hiện thân ở trong thành ở trên núi với vô số lưới báu trang nghiêm.

Bấy giờ, La-sát mười đầu, vua thành Lăng-già thấy các cung điện trở lại như cũ. Trong mỗi một núi, khắp nơi đều thấy có Đức Phật Thế Tôn Ứng Chánh Biến Tri với ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân, ở tại trong núi, ông tự thấy thân mình ở trước khắp các Đức Phật. Ông lại thấy tất cả cõi nước chư Phật và các quốc vương nghĩ về thân vô thường, do tham vương vị, vợ con, quyến thuộc, năm dục trói buộc nhau không có kỳ hạn giải thoát nên liền đem đất nước, cung điện, vợ con, voi ngựa, trân báu… dâng cúng Phật và Tăng rồi vào với núi rừng xuất gia học đạo. Ông lại thấy Phật tử ở trong rừng núi dũng mãnh tinh tấn gieo thân cho hổ đói, sư tử, La-sát để cầu Phật đạo. Ông lại thấy Phật tử ở dưới rừng cây đọc tụng Kinh điển, vì người diễn nói để cầu Phật đạo. Ông lại thấy Đức Bồ-tát nghĩ về chúng sinh khổ, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề nơi Đạo Tràng tư duy Phật đạo. Ông lại thấy trước mỗi một Đức Phật đều có Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ nói về cảnh giới tu hành nội thân và cũng thấy tất cả quyến thuộc Dạ-xoa vây quanh mà nói danh tự chương cú.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng trí tuệ quan sát đại chúng hiện tại, chẳng phải dùng mắt thịt quan sát, như dáng chồm lên của sư tử chúa, nhìn khắp rồi cười lớn, nhục kế trên đỉnh phóng ra vô lượng ánh sáng, từ vai, hông, lưng, đùi, ngực, chỗ chữ 卐 đức và những lỗ chân lông đều phóng ra tất cả ánh sáng không lường như cái cầu vồng ở không trung, như ngàn ánh sáng mặt trời, như khi hết kiếp lửa mạnh bốc cháy bừng bừng… Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương… ở trong hư không, quan sát Đức Như Lai, thấy Đức Phật ngồi ở trên núi Tu-di đối diện với đỉnh núi Lăng-già và cười lớn. Bấy giờ, chúng Bồ-tát, Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương… suy nghĩ như vầy: "Vì nhân duyên gì Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri ở trong các pháp mà được tự tại, chưa từng cười lớn như vậy, lại tự thân phóng ra vô lượng ánh sáng, ngồi yên chuyên niệm cảnh giới trí tuệ nội thân chẳng cho là thù thắng, như sư tử nhìn xem vua Lăng-già niệm hạnh như thật?

Lúc ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ trước đã nhận sự thỉnh cầu của vua Lăng-già La-bà-na, nghĩ đến vua Lăng-già, biết những pháp tâm hành của tất cả chúng Đại Bồ-tát, quan sát tất cả chúng sinh vị lai, lòng đều ưa danh tự nói pháp, lòng mê sinh ra nghi, theo đúng như lời nói mà chấp trước tất cả hành hóa của hàng Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. Còn các Đức Phật Thế Tôn lìa khỏi những sự vận hành của tất cả tâm thức, có thể cười, cười lớn. Vì đại chúng kia đoạn dứt lòng nghi hoặc, Thánh giả hỏi

Đức Phật:

–Đức Như Lai vì nhân gì, duyên gì, việc gì, mà cười lớn?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông có thể quan sát tâm của thế gian vọng tưởng, phân biệt, tà kiến, điên đảo. Ông thật có thể biết việc ba đời mà còn hỏi việc này. Như câu hỏi của ông thì câu hỏi của bậc Trí cũng lại như vậy, vì tự lợi và lợi tha. Này Đại Tuệ! Vua Lăng-già này đã từng hỏi tất cả các Đức Phật Ứng Chánh Biến Tri đời quá khứ hai pháp như vậy, hiện tai lại cũng muốn hỏi ta hai pháp như vậy. Hai pháp này thì tất cả Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo chưa từng biết tướng của hai pháp này. Này Đại Tuệ! La-sát mười đầu này cũng hỏi tất cả chư Phật đời vị lai hai pháp như đây.

Bấy giờ, Đức Như Lai biết nên hỏi vua La-bà-na:

–Này vua Lăng-già! Ông có điều nghi ngờ gì thì nay đều có thể hỏi. Ta đều có thể đáp để dứt trừ lòng nghi ngờ của ông, khiến cho ông được hoan hỷ. Này vua Lăng-già! Ông đoạn trừ tâm phân biệt hư vọng, được Địa đối trị phương tiện quan sát, trí tuệ như thật có thể vào Tam-muội Nội thân như thật tướng, ưa tu hành Tam-muội thì Như Lai liền nhiếp lấy thân của ông, khéo an trụ trong cảnh giới an lạc của định, qua khỏi sự cấu bẩn nơi Tam-muội bất tịnh của các Thanh văn, Duyên giác thì có thể trụ ở địa Bất động, địa Thiện tuệ, địa Pháp vân… biết rõ như thật về pháp vô ngã, ngồi lên vương tòa Đại bảo liên hoa, được vô lượng Tam-muội mà nhận của vị Phật.

Này vua Lăng-già! Chẳng bao lâu nữa, ông sẽ tự thấy thân mình cũng ngồi trên vương tòa Liên hoa như vậy, giữ gìn pháp như vậy, vô lượng quyến thuộc của hoa sen chúa vô lượng quyến thuộc của Bồ-tát, tất cả đều ngồi tòa hoa sen chúa mà tự vây quanh ngắm nhìn nhau, chẳng bao lâu tất cả đều được an trụ ở cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đó. Như là khởi một hạnh phương tiện trụ trong các Địa, có thể thấy chẳng thể nghĩ bàn cảnh giới, thấy vô lượng, vô biên đủ loại pháp tướng của địa Như Lai mà tất cả Thanh văn, Duyên giác, Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương… chưa từng thấy.

Lúc ấy, vua Lăng-già nghe Đức Phật Thế Tôn nói. Sau khi nghe và hỏi rồi, ở trên núi được trang nghiêm bằng mọi thứ báu, hoa sen báu lớn với vô lượng ánh sáng thanh tịnh đó, có vô lượng thiên nữ tự vây quanh, rồi hiện ra vô lượng vô số hoa lạ, đủ loại hương lạ, hương tung rải, hương bôi xoa, cờ, phướn báu, mũ báu, chuỗi ngọc, đồ trang sức thân. Lại hiện ra

đủ loại đồ trang nghiêm thù thắng vi diệu mà thế gian chưa từng nghe thấy. Lại hiện ra vô lượng đủ loại nhạc cụ hơn cả nhạc cụ của các trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… Lại biến hóa ra nhạc cụ giống như trong ba cõi, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Lại biến hóa ra đủ loại nhạc cụ thù thắng vi diệu như ở cõi nước chư Phật khắp mười phương lại hóa làm vô lượng màn lưới báu lớn che khắp ở bên trên tất cả chư Phật, đại chúng Bồ-tát. Lại dựng vô lượng vô số cờ báu. Vua La-bà-na làm những việc biến hóa như vậy rồi, thân bay lên hư không, cao bảy cây Đa-la, rồi trụ trong hư không mưa xuống đủ loại kỹ nhạc, mưa xuống đủ loại hoa, mưa xuống đủ loại hương, mưa xuống đủ loại y phục… đầy trong hư không như trời tuông mưa lớn dùng để cúng dường Đức Phật và Phật tử. Mưa cúng dường xong, ông ấy từ trên xuống, đến giữa hư không, liền ngồi ở trên tòa Đệ nhị điển quang minh trang nghiêm bằng hoa sen báu chúa và vô số núi báu.

Bấy giờ, Đức Như Lai thấy ông ấy ngồi liền mỉm cười, nghe vua Lăng-già hỏi hai pháp. Vua Lăng-già bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hai pháp này con đã từng nghe ở các Đức Phật Ứng Chánh Biến Tri đời quá khứ, các Đức Phật Thế Tôn đó đã vì con mà giảng nói. Bạch Thế Tôn! Con hiện tại nương vào danh tự chương cú thưa hỏi Đức Như Lai, kính mong Đức Như Lai giảng nói rõ ràng cho con.

Bạch Thế Tôn! Hóa Phật ứng hóa giảng nói, hai pháp này chẳng phải căn bản Như Lai. Bạch Thế Tôn! Căn bản Như Lai tu tập cảnh giới Tam-muội an lạc thì chẳng nói những cảnh giới ngoài tâm thức. Hay thay! Bạch Thế Tôn! Tự thân Như Lai đối với tất cả pháp mà được tự tại. Nguyện xin Đức Thế Tôn Ứng Chánh Biến Tri nói hai pháp này. Tất cả Phật tử và bản thân con cũng nguyện muốn nghe.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biến nên liền bảo vua Lăng-già:

–Này vua Lăng-già! Ông hỏi hai pháp này chăng?

Bấy giờ, vua Dạ-xoa thay đổi đủ loại vật dụng trang sức bằng vàng như đội mũ vàng, đeo chuỗi ngọc vàng… rồi bạch:

–Đức Như Lai thường nói, pháp còn nên xả bỏ, huống gì là phi pháp? Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hai pháp xả? Bạch Thế Tôn! Những gì là pháp? Những gì là phi pháp? Bạch Thế Tôn! Pháp xả làm sao có hai? Do rơi vào trong tướng phân biệt nên hư vọng phân biệt là pháp có, không, không Đại, có Đại. Bạch Thế Tôn! Thức A-lê-gia biết danh thức tướng. Thể tướng vốn có của nó như trong hư không có vầng lông trụ, là cảnh giới mà trí thanh tịnh biết được. Bạch Thế Tôn! Nếu pháp như vậy thì làm sao mà xả?

Đức Phật bảo vua Lăng-già:

–Này vua Lăng-già! Ông chẳng thấy cái bình… là pháp vô thường, biến hoại. Phàm phu ngu si phân biệt tướng sai biệt của cảnh giới này. Này vua Lăng-già! Vì sao không thủ chấp tướng sai biệt của pháp và phi pháp như vậy? Nương theo tâm phân biệt của phàm phu ngu si thì có, chớ chẳng phải trí chứng Thánh cho là có thể thấy. Này vua Lăng-già! Như việc đặt cái bình… đủ thứ tướng thì tâm phàm phu ngu si gọi là có, chẳng phải gọi Thánh nhân cho là có pháp. Này vua Lăng-già! Ví như có một ngọn lửa đốt cháy cung điện, vườn rừng, cỏ cây mà nhìn thấy đủ loại màu sắc ánh sáng của lửa mỗi một đều sai biệt. Nương vào đủ thứ củi, cỏ, cây dài hay ngắn mà phân biệt thì thấy có tướng hơn, thua. Trong này vì sao chẳng biết có tướng sai biệt của pháp và phi pháp như vậy? Này vua Lăng-già! Chẳng phải chỉ ngọn lửa nương vào trong một thân nối tiếp nhau mà thấy có đủ những loại tướng sai biệt. Này vua Lăng-già! Như một hạt giống là một sự nối nhau sinh ra mầm, thân, cành, lá, hoa, trái, cây rừng… đủ các tướng khác nhau. Như vậy, sự sinh ra các pháp trong, ngoài như vô minh và hành, ấm, giới, nhập… tất cả các pháp, mọi vật sinh ra trong ba cõi đều có sai biệt, như hiện ra niềm vui, hình tướng, ngôn ngữ, đi lại, thắng trí, dị tướng… cảnh giới một tướng mà chấp lấy tướng cũng thấy tướng thù thắng, thượng, trung, hạ, tướng nhiễm, tịnh, thiện, bất thiện. Này vua Lăng-già! Chẳng phải chỉ trong đủ loại pháp thấy tướng sai biệt, mà người giác ngộ đạo như thật, trong tu hành nội chứng cũng có thấy đủ các tướng sai khác, huống gì là pháp, phi pháp mà không phân biệt đủ loại tướng sai biệt? Này vua Lăng-già! Có đủ thứ tướng sai biệt của pháp và phi pháp!

Này vua Lăng-già! Thế nào là pháp? Đó là sự thấy phân biệt của tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, phàm phu ngu si. Từ nhân và vật thật mà lấy làm căn bản để sinh ra đủ thứ pháp. Những pháp như vậy… nên xả, nên lìa, chớ thủ chấp tướng mà sinh ra phân biệt. Thấy pháp tự tâm liền cho là thật. Này vua Lăng-già! Không có pháp thật về cái bình mà phàm phu ngu si hư vọng phân biệt. Pháp vốn không có tướng quán sát, biết như thật thì gọi là xả các pháp.

Này vua Lăng-già! Những gì là phi pháp? Cái gọi là không có thân tướng, chỉ tự tâm diệt vọng tưởng phân biệt mà những phàm phu thấy thật pháp chẳng phải thật pháp, Bồ-tát thấy như thật. Như vậy là xả bỏ phi pháp. Lại nữa, này vua Lăng-già! Cái gì là phi pháp nữa? Cái gọi là sừng thỏ, sừng ngựa, sừng lừa, sừng lạc đà, thạch nữ không thân, không tướng mà phàm phu ngu si chấp là có, vì nghĩa của thế gian nên nói đến danh tự,

chẳng phải chấp tướng như cái bình kia… là pháp có thể xả. Người trí chẳng chấp sự phân biệt hư vọng như vậy, sừng thỏ… pháp danh tự cũng có thể xả bỏ. Đó là xả bỏ pháp và phi pháp. Này vua Lăng-già! Ông nay hỏi ta về pháp và phi pháp làm sao xả bỏ, ta đã nói xong.

Này vua Lăng-già! Ông nói rằng: "Con đã hỏi pháp này nơi các đấng Ứng Chánh Biến Tri đời quá khứ, những Đức Như Lai đó đã vì con nói." Này vua Lăng-già! Ông nói quá khứ thì tức là tướng phân biệt. Phân biệt vị lai, hiện tại cũng vậy. Này vua Lăng-già! Ta nói Chân như pháp thể là như thật cũng là phân biệt. Như phân biệt sắc là thật tế, vì chứng thật trí nên ưa tu hành trí tuệ vô tướng. Vậy nên, chớ phân biệt Như Lai là thân trí, thể trí. Trong tâm chớ phân biệt, trong ý chớ thủ chấp ngã, nhân, thọ mạng… sao chẳng phân biệt? Trong ý thức, chấp giữ đủ thứ cảnh giới như sắc, hình tướng… như vậy chớ thủ chấp, chớ phân biệt cái có thể phân biệt.

Lại nữa, này vua Lăng-già! Ví như vẽ lên vách đủ thứ hình tướng, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Này vua Lăng-già! Tất cả chúng sinh giống như cỏ cây không nghiệp, không hành. Này vua Lăng-già! Tất cả pháp, phi pháp không nghe, không nói. Này vua Lăng-già! Tất cả pháp thế gian đều như huyễn mà các ngoại đạo, phàm phu chẳng biết. Này vua Lăng-già! Nếu có thể thấy như vậy, thấy như thật thì gọi là chánh kiến. Nếu thấy khác thì gọi là tà kiến. Nếu phân biệt thì gọi là nắm giữ cả hai. Này vua Lăng-già! Ví như hình tượng trong gương tự thấy hình tượng. Ví như bóng dáng trong nước tự thấy bóng dáng. Như bóng ánh sáng đèn, trăng ở trong nhà tự thấy bóng dáng. Như tiếng vang trong không tự phát ra tiếng rồi thủ chấp cho là tiếng… Nếu như vậy chấp giữ pháp cùng phi pháp đều là vọng tưởng hư vọng phân biệt. Vậy nên chẳng biết pháp và phi pháp, tăng thêm hư vọng, chẳng được tịch diệt. Tịch diệt thì gọi là nhất tâm, nhất tâm thì gọi là Như Lai tạng, thể nhập cảnh giới trí tuệ nội thân, đạt được Tam-muội Vô sinh pháp nhẫn.

-oOo-

Phẩm 2: VẤN ĐÁP

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ cùng tất cả những Bồ-tát có trí tuệ rộng lớn đều ở nơi tất cả cõi nước chư Phật, nương thần lực Đức Phật nên đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay cung kính, dùng kệ khen Đức Phật:

Phật tuệ quán đại Bi
Lìa sinh diệt thế gian
Giống như hoa hư không
Chẳng vướng mắc có, không.

Phật tuệ quán đại Bi
Tất cả pháp như huyễn
Lìa xa tâm, ý, thức
Chẳng chấp giữ có, không
Phật tuệ quán đại Bi
Giống như mộng thế gian
Xa lìa khỏi thường, đoạn
Chẳng vướng mắc có, không.
Phật tuệ quán đại Bi
Chướng trí chướng phiền não
Cả hai vô ngã, tịnh
Chẳng chấp giữ có, không.
Phật chẳng vào bất diệt
Cũng chẳng trụ Niết-bàn
Lìa pháp, pháp sở giác
Lìa cả hai có, không
Nếu như vậy quán Phật
Tịch diệt lìa diệt, sinh
Người đó nay, đời sau
Thanh tịnh, không nhiễm, chấp.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ theo đúng như pháp nói kệ khen Phật xong, rồi tự nói tên mình:

Con tên là Đại Tuệ
Nguyện đạt thông Đại thừa
Dùng trăm lẻ tám câu
Kính hỏi Vô Thượng Tôn.
Tối thắng thế gian giải
Nghe Đại Tuệ hỏi han
Quan sát các chúng sinh
Bảo các Phật tử rằng:
Các ông, những Phật tử
Và Đại Tuệ thưa hỏi:
Ta sẽ vì ông nói
Cảnh giới tự giác ngộ!

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ nghe Đức Phật cho phép hỏi, liền đảnh lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính, dùng kệ hỏi:

Làm sao tịnh các giác
Nhân đây mà có giác

Nhân đâu thấy mê hoặc
Nhân đâu có mê hoặc
Nhân đâu có đất nước
Các ngoại đạo biến hóa
Sao gọi là Phật tử
Tịch tĩnh và thứ lớp
Giải thoát đi về đâu
Ai trói? Nhân đâu thoát
Người thiền quán pháp nào
Nhân đâu có ba thừa
Do đâu pháp duyên sinh
Tác, sở tác nhân đâu
Nhân đâu nói khác nhau
Nhân đâu không mà hiện
Nhân đâu định Vô sắc
Và cùng định Diệt tận
Định tưởng diệt do đâu
Nhân đâu từ định xuất
Làm sao nhân quả sinh
Nhân đâu thân đi, đứng
Nhân đâu quán kiến chấp
Nhân đâu các Địa sinh
Những ai phá ba cõi
Thân nào? Đến chỗ nào
Trụ ở chỗ ra sao
Làm sao các Phật tử
Nhân đâu được thần thông
Và Tam-muội tự tại
Nhân đâu được tịnh tâm
Xin Phật vì con nói:
Là Tàng thức nhân đâu
Nhân đâu ý và thức
Do đâu thấy các pháp
Nhân đâu đoạn kiến chấp
Sao là tánh, phi tánh
Tâm không pháp ra sao
Nói pháp tướng nhân đâu
Sao gọi là vô ngã

Nhân đâu không chúng sinh
Nhân đâu có Thế đế
Nhân đâu chẳng thấy thường
Nhân đâu chẳng thấy đoạn
Làm sao Phật ngoại đạo
Hai tướng chẳng trái nhau
Nhân đâu đời vị lai
Đủ những loại bộ khác
Sao lại gọi là không
Nhân đâu niệm chẳng trụ
Nhân đâu có thai tàng
Nhân đâu niệm chẳng động
Làm sao như huyễn mộng
Nói như Càn-thát-bà
Loáng nắng trăng trong nước
Xin Phật vì con nói:
Sao nói là Giác chi
Sao là Bồ-tát phần
Nhân gì nước loạn động
Tạo hữu kiến nhân gì
Nhân đâu chẳng sinh diệt
Như không hoa nhân gì
Giác thế gian nhân gì
Nhân đâu nói chữ không
Không phân biệt ra sao
Như hư không nhân đâu
Chân như bao nhiêu loại
Tâm có bao nhiêu bờ
Nhân đâu Địa thứ lớp
Chân như không thứ lớp
Hai vô ngã nhân đâu
Nhân đâu cảnh giới tịnh
Trí, giới có bao nhiêu
Chúng sinh do đâu sinh
Ai làm tính các báu
Vàng, ngọc báu Ma-ni…
Ai sinh ra lời nói
Của đủ loại chúng sinh

Kỹ thuật, chỗ ngũ minh
Ai hay nói như vậy
Kệ có bao nhiêu loại
Sao là "trường đoản cú?"
Pháp lại có bao nhiêu
Bao nhiêu cách giải nghĩa
Giống thực phẩm nhân đâu
Nhân đâu sinh ái dục
Sao gọi vua Chuyển luân
Sao gọi là tiểu vương
Nhân đâu giữ đất nước
Bao nhiêu loại chư Thiên
Nhân đâu mà có đất
Và mặt trời, trăng, sao
Bao nhiêu loại giải thoát
Bao nhiêu người tu hành
Bao nhiêu hàng Phật tử
Bao nhiêu A-xà-lê
Bao nhiêu hạng Như Lai
Bản sinh bao nhiêu loại
Có bao nhiêu thứ ma
Ngoại đạo bao nhiêu loại
Tự tánh có bao nhiêu
Tâm có bao nhiêu loại
Thí giả danh là sao
Xin Phật vì con nói
Nhân đâu có gió mây
Nhân đâu có thông tuệ
Nhân đâu có rừng cây
Thế Tôn vì con nói!
Sao có voi, ngựa, nai
Vì sao người bắt lấy
Nhân đâu bị thấp hèn
Xin Phật vì con nói!
Nhân đâu có sáu thời
Nhân đâu thành Xiển-đề
Trai gái và chẳng trai
Vì con nói tính ấy!

Nhân gì tu hành thoái
Tu hành tiến vì sao
Dạy những người nào tu
Khiến trụ những pháp nào
Những chúng sinh qua lại
Nhân gì ở loài nào
Nhân đâu giàu của cải
Thế Tôn vì con nói!
Dòng họ Thích thế nào
Nhân đâu có họ Thích
Dòng Cam giá thế nào
Nhân đâu tiên trường thọ
Tiên trường thọ gần đâu
Làm sao giáo hóa họ
Thế Tôn như hư không
Vì con phân biệt nói!
Nhân đâu Phật Thế Tôn
Tất cả lúc xuất hiện
Vô số loại sắc, danh
Chúng Phật tử vây quanh
Nhân đâu chẳng ăn thịt
Sao chế cấm ăn thịt
Những chủng loại ăn thịt
Vì sao mà ăn thịt
Tướng mặt trời, mặt trăng
Tu-di và hoa sen
Sư tử là hơn hết
Xin Phật vì con nói!
Loạn lạc trùm thế giới
Như lưới Nhân-đà-la
Tất cả đất nước báu
Vì con nói: Nhân đâu
Như cầm sắt, không hầu
Trống, hình hoa đủ loại
Cõi lìa ánh nhật nguyệt
Vì con nói do đâu
Những gì Phật hóa thân
Những gì Phật báo thân

Những gì như trí Phật
Vì con nói: Nhân đâu
Làm sao ở Dục giới
Chẳng thành Đẳng chánh giác
Làm sao Sắc cứu cánh
Được đạo trong ly dục
Như Lai Bát-niết-bàn
Người nào trì chánh pháp
Thế Tôn trụ lâu bằng
Thời gian pháp trụ không
Phật lập bao nhiêu pháp
Chủng loại có bao nhiêu
Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo
Xin Phật vì con nói!
Nhân đâu trăm biến đổi
Trăm tịch tĩnh nhân đâu
Thanh văn, Bích-chi-phật
Thế Tôn nói vì con!
Nhân đâu thông thế gian
Nhân đâu thông xuất thế
Nhân đâu thất địa tâm
Thế Tôn vì con nói!
Tăng-già bao nhiêu loại
Nhân đâu là phá tăng
Sao y là phương luận
Xin Phật vì con nói.
Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm… là con!
Thường vì các đệ tử
Nói như vậy, vì sao
Vì sao nói nhân, ngã
Vì sao nói đoạn, thường
Vì sao chẳng chỉ nói
Chỉ có một tâm thôi
Nhân đâu rừng nữ nam
Ha-lê, A-ma-lặc
Kê-la và thiết vi
Cùng Kim cang… các núi

Thứ đến vô lượng núi
Đủ loại báu trang nghiêm
Tiên vui, người sung mãn
Xin Phật vì con nói!
Khi Đại thiên Phật nghe
Những câu kệ đó xong
Đại thừa nẻo giải thoát
Tâm chư Phật đệ nhất:
Hỏi hay thay! Hay thay!
Này Đại Tuệ! Nghe kỹ!
Ta nay theo lớp lang
Lời ông hỏi mà nói
Sinh cùng với chẳng sinh
Sát-na, Niết-bàn không
Đường đến không tự thể
Con Phật, Ba-la-mật
Thanh văn, Bích-chi-phật
Người ngoại đạo Vô sắc
Núi, biển và Tu-di
Bốn thiên hạ đất đai
Mặt trăng, mặt trời, sao
Ngoại đạo, trời, tu-la
Tự tại, không giải thoát
Tịch định, lực tư duy
Diệt và Như ý túc
Đạo phẩm và Giác chi
Vô lượng các thiền định
Năm ấm và đến đi
Bốn không định diệt tận
Phát khởi tâm nói lên!
Tâm, ý và ý thức
Pháp vô ngã có năm:
Tự tánh, tướng, sở tưởng
Hai năng kiến, sở kiến
Sao gọi vô số thừa
Tính vàng, ngọc ma-ni
Nhất-xiển-đề, bốn đại
Loạn động và nhất Phật

Cảnh giới trí dạy được
Chúng sinh có, không có
Voi, ngựa, các cầm thú
Làm sao mà bắt lấy
Ví như nhân tương ưng
Lực, nói pháp ra sao
Nhân đâu có nhân quả
Rừng mê hoặc như thật
Chỉ tâm không cảnh giới.
Các địa không thứ lớp
Trăm đổi thay, vô tướng
Luận y phương khéo léo
Chú thuật các minh xứ
Vì sao mà hỏi ta
Các núi, tu-di, đất
Hình thể nhỏ hoặc to
Biển cả, trời, trăng, sao
Vì sao mà hỏi ta
Chúng sinh thượng, trung, hạ
Thân bao nhiêu vi trần
Khuỷu tay đến mười dặm
Bốn mươi và hai mươi
Lông thỏ, bụi cửa sổ
Lông dê, bụi bột mì
Một thăng bao nhiêu bột
Nửa thăng bao nhiêu đầu
Một hộc và mười hộc
Trăm vạn và một ức
Tần-bà bao vi trần
Hạt cải bao nhiêu bụi
Bao cải thành hạt đỏ
Bao hạt cỏ thành đậu
Bao thù thành một lượng
Bao lượng thành một phân
Thứ lớp tính như vậy
Bao nhiêu thành Tu-di
Nay vì sao Phật tử
Chẳng hỏi ta như vầy:

Thanh văn và Duyên giác
Chư Phật và Phật tử
Thân bao nhiêu vi trần
Vì sao chẳng hỏi rằng:
Ngọn lửa bao nhiêu bụi
Gió có bao nhiêu vi trần
Bụi từng căn bao nhiêu
Chân lông, mi bao bụi
Nhân đâu làm Tự tại
Chuyển luân thánh Đế vương
Nhân đâu vua ủng hộ
Giải thoát rộng lược nói
Chúng sinh đủ thứ dục!
Làm sao mà hỏi ta
Nhân đâu các thực phẩm
Nhân đâu rừng trai gái
Núi Kim cang vững chắc
Ta phải nói thế nào
Nhân đâu như huyễn mộng
Khát ái ví nai hoang
Nhân đâu mây xuất hiện
Nhân đâu có sáu thời
Nhân đâu đủ thứ vị
Nam, nữ, phi nam nữ
Nhân đâu các trang nghiêm
Phật tử nhân đâu hỏi
Làm sao các núi báu
Tiên vui, người trang nghiêm
Giải thoát, chỗ nào đến
Ai trói, trói ra sao
Cảnh giới Thiền thế nào
Niết-bàn và ngoại đạo
Sao lại không nhân làm
Nhân đâu được thấy buộc
Nhân đâu tịnh các giác
Có các giác do đâu
Nhân đâu chuyển tạo tác
Vì hạnh nguyện hỏi ta

Nhân nào đoạn các tưởng
Tam-muội có nhân đâu
Ai phá bỏ ba cõi
Thân do đâu, ở đâu
Làm sao không nhân, ngã
Nương thế nói do đâu
Nhân đâu hỏi ngã tướng
Hỏi vô ngã thế nào
Sao gọi là thai tạng
Ông nhân đâu hỏi ta
Nhân đâu thường, đoạn kiến
Tâm được tịnh vì sao
Nhân đâu nói và trí
Giới tính, các Phật tử
Suy xét đệ tử, thầy
Đủ hạng các chúng sinh
Sao là tham ẩm thực
Thí, thông minh, hư không
Nhân đâu có cây rừng
Phật tử nhân đâu hỏi
Sao gọi đủ thứ cõi
Nhân đâu tiên sống lâu
Đủ loại thầy nhân đâu
Ông nhân đâu hỏi ta
Vì sao có xấu xí
Tu hành chẳng muốn thành
Sắc cứu cánh thành đạo
Làm sao mà hỏi ta
Nhân đâu hiểu thế gian
Nhân đâu là Tỳ-kheo
Là hóa, báo thân Phật
Nhân đâu mà hỏi ta
Sao gọi như trí Phật
Sao gọi là chúng Tăng
Không hầu, trống, hoa, cõi
Làm sao lìa ánh sáng
Sao gọi là Tâm địa
Phật tử mà hỏi ta

Đây và chúng sinh khác
Phật tử nên thưa hỏi
Mỗi một tướng tương ưng
Xa lìa lỗi kiến chấp
Lìa các pháp ngoại đạo.
Ta nói ông lắng nghe
Đây trăm lẻ tám kiến
Như lời chư Phật nói
Ta nay nói phần ít
Phật tử khéo lắng nghe.

Sinh kiến bất sinh kiến, thường kiến vô thường kiến, tướng kiến vô tướng kiến, trụ dị kiến phi trụ dị kiến, sát-na kiến phi sát-na kiến, ly tự tánh kiến phi ly tự tánh kiến, không kiến bất không kiến, đoạn kiến phi đoạn kiến, tâm kiến phi tâm kiến, biên kiến phi biên kiến, trung kiến phi trung kiến, biến kiến phi biến kiến, duyên kiến phi duyên kiến, nhân kiến phi nhân kiến, phiền não kiến phi phiền não kiến, ái kiến phi ái kiến, phương tiện kiến phi phương tiện kiến, xảo kiến phi xảo kiến, tịnh kiến phi tịnh kiến, tương ưng kiến phi tương ưng kiến, thí dụ kiến phi thí dụ kiến, đệ tử kiến phi đệ tử kiến, sư kiến phi sư kiến, tính kiến phi tính kiến, thừa kiến phi thừa kiến, tịch tĩnh kiến phi tịch tĩnh kiến, nguyện kiến phi nguyện kiến, tam luân kiến phi tam luân kiến, tướng kiến phi tướng kiến, hữu vô lập kiến phi hữu vô lập kiến, hữu nhị kiến vô nhị kiến, duyên nội thân Thánh kiến phi duyên nội thân Thánh kiến, hiện pháp lạc kiến phi hiện pháp lạc kiến, quốc thổ kiến phi quốc thổ kiến, vi trần kiến phi vi trần kiến, thủy kiến phi thủy kiến, cung kiến phi cung kiến, tứ đại kiến phi tứ đại kiến, số kiến phi số kiến, thông kiến phi thông kiến, hư vọng kiến phi hư vọng kiến, vân kiến phi vân kiến, công xảo kiến phi công xảo kiến, minh xứ kiến phi minh xứ kiến, phong kiến phi phong kiến, địa kiến phi địa kiến, tâm kiến phi tâm kiến, giả danh kiến phi giả danh kiến, tự tánh kiến phi tự tánh kiến, ấm kiến phi ấm kiến, chúng sinh kiến phi chúng sinh kiến, trí kiến phi trí kiến, Niết-bàn kiến phi Niết-bàn kiến, cảnh giới kiến phi cảnh giới kiến, ngoại đạo kiến phi ngoại đạo kiến, loạn kiến phi loạn kiến, huyễn kiến phi huyễn kiến, mộng kiến phi mộng kiến, dương việm kiến phi dương việm kiến, tượng kiến phi tượng kiến, luân kiến phi luân kiến, Kiền-thát-bà kiến phi Kiền-thát-bà kiến, thiên kiến phi thiên kiến, ẩm thực kiến phi ẩm thực kiến, dâm dục kiến phi dâm dục kiến, kiến kiến phi kiến kiến, Ba-la-mật kiến phi Ba-la-mật kiến, giới kiến phi giới kiến, nhật nguyệt tinh tú kiến phi nhật nguyệt tinh tú kiến, đế kiến phi đế kiến, quả kiến phi quả kiến, diệt kiến phi diệt

kiến, khởi diệt tận định kiến phi khởi diệt tận định kiến, trị kiến phi trị kiến, tướng kiến phi tướng kiến, chi kiến phi chi kiến, xảo minh kiến phi xảo minh kiến, thiền kiến phi thiền kiến, mê kiến phi mê kiến, hiện kiến phi hiện kiến, hộ kiến phi hộ kiến, tộc tánh kiến phi tộc tánh kiến, tiên nhân kiến phi tiên nhân kiến, vương kiến phi vương kiến, bổ thủ kiến phi bổ thủ kiến, thật kiến phi thật kiến, ký kiến phi ký kiến, Nhất-xiển-đề kiến phi Nhất-xiển-đề kiến, nam nữ kiến phi nam nữ kiến, vị kiến phi vị kiến, tác kiến phi tác kiến, thân kiến phi thân kiến, giác kiến phi giác kiến, động kiến phi động kiến, căn kiến phi căn kiến, hữu vi kiến phi hữu vi kiến, nhân quả kiến phi nhân quả kiến, sắc cứu cánh kiến phi sắc cứu cánh kiến, thời kiến phi thời kiến, thọ lâm kiến phi thọ lâm kiến, chủng chủng kiến phi chủng chủng kiến, thuyết kiến phi thuyết kiến, Tỳ-kheo kiến phi Tỳ-kheo kiến, Tỳ-kheo-ni kiến phi Tỳ-kheo-ni kiến, trụ trì kiến phi trụ trì kiến, tự kiến phi tự kiến.

Này Đại Tuệ! Một trăm lẻ tám kiến này, chư Phật đời quá khứ đã nói. Ông và các Bồ-tát phải học như vậy.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 2

Phẩm 3: TẬP HỢP TẤT CẢ PHÁP PHẬT (Phần 1)

Lúc bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các thức có bao nhiêu loại, sinh, trụ, diệt?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Các thức sinh, trụ, diệt chẳng phải do suy nghĩ mà có thể biết được.

Này Đại Tuệ! Các thức đều có hai loại sinh, trụ, diệt.

Này Đại Tuệ! Các thức có hai loại diệt, một là tướng diệt, hai là tương tục diệt.

Này Đại Tuệ! Các thức lại có hai loại trụ, một là tướng trụ, hai là tương tục trụ.

Này Đại Tuệ! Các thức lại có hai loại sinh, một là tướng sinh, hai là tương tục sinh.

Này Đại Tuệ! Thức có ba loại. Những gì là ba?

1. Chuyển tướng thức.

2. Nghiệp tướng thức.

3. Trí tướng thức.

Này Đại Tuệ! Có tám thức mà lược nói thì có hai. Những gì là hai?

1. Liễu biệt thức.

2. Phân biệt sự thức.

Này Đại Tuệ! Như thấy các sắc tượng trong gương sáng.

Này Đại Tuệ! Liễu biệt thức cũng như vậy, thấy đủ loại cảnh tượng.

Này Đại Tuệ! Liễu biệt thức, Phân biệt sự thức, hai thức đó không sai khác mà đắp đổi nhau làm nhân.

Này Đại Tuệ! Liễu biệt thức huân tập chẳng thể nghĩ bàn biến nhân.

Này Đại Tuệ! Phân biệt thức là phân biệt, chấp giữ cảnh giới, do từ vô thủy đến nay, huân tập phiền não.

Này Đại Tuệ! A-lại-gia thức hư vọng phân biệt, huân tập đủ loại mà diệt thì các căn cũng diệt.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng diệt.

Này Đại Tuệ! Tương tục diệt nghĩa là nhân nối tiếp nhau diệt tức là tương tục diệt. Nhân diệt, duyên diệt tức là tương tục diệt.

Này Đại Tuệ! Gọi là nương vào pháp, nương vào duyên, nói nương vào pháp nghĩa là sự huân tập vọng tưởng phiền não từ vô thủy; nói nương vào duyên nghĩa là tự tâm thức thấy cảnh giới phân biệt.

Này Đại Tuệ! Ví như cục bùn với bụi trần chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Vàng với vật dụng trang sức bằng vàng cũng lại như vậy, chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác.

Này Đại Tuệ! Nếu như loại bùn khác thì chẳng phải do bụi trần kia tạo thành mà thật do nó tạo thành. Vậy nên chẳng khác. Nếu chẳng khác thì bùn ấy và bụi trần lẽ ra không sai biệt.

Này Đại Tuệ! Như vậy Chuyển thức, A-lê-gia thức nếu tướng khác thì chẳng từ A-lê-gia thức sinh ra, nếu chẳng khác thì Chuyển thức. A-lê-gia thức lẽ ra cũng diệt mà tự tướng A-lê-gia thức chẳng diệt. Vậy nên, này Đại Tuệ! Tự tướng các thức diệt mà tự tướng diệt thì nghiệp tướng diệt. Nếu tự tướng diệt thì A-lê-gia thức phải diệt.

Này Đại Tuệ! Nếu A-lê thức diệt thì đây chẳng khác hý luận đoạn kiến của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo đó nói như vầy: "Gọi là lìa các cảnh giới thì thức tương tục diệt, thức tương tục diệt rồi tức là diệt các thức.

Này Đại Tuệ! Nếu thức tương tục diệt thì từ vô thủy đến nay các thức phải diệt.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói các thức tương tục từ người tạo tác sinh ra. Họ chẳng nói thức nương vào mắt, hình sắc, hư không, ánh sáng hòa hợp sinh ra mà nói có người tạo tác.

Này Đại Tuệ! Người tạo tác của ngoại đạo là người nào? Là bậc thù thắng, tự tại đối với vi trần… chính là người có khả năng tạo tác.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bảy tự tánh. Những gì là bảy?

1. Tập tánh tự tánh.

2. Tánh tự tánh.

3. Tướng tánh tự tánh.

4. Đại tánh tự tánh.

5. Nhân tánh tự tánh.

6. Duyên tánh tự tánh.

7. Thành tánh tự tánh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bảy loại Đệ nhất nghĩa. Những gì là bảy?

1. Tâm cảnh giới.

2. Trí cảnh giới.

3. Tuệ cảnh giới.

4. Nhị kiến cảnh giới.

5. Quá nhị kiến cảnh giới.

6. Quá Phật tử địa cảnh giới.

7. Nhập Như Lai địa nội hành cảnh giới.

Này Đại Tuệ! Đây chính là Tánh tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm của các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này Đại Tuệ! Nương vào Tánh tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm này, các Đức Phật Như Lai đạt được sự rốt ráo ở thế gian, xuất thế gian. Từ mắt trí tuệ của chư Phật mà các pháp đồng tướng, khác tướng được kiến lập. Như sự kiến lập này thì chẳng giống với ngoại đạo tà kiến.

Này Đại Tuệ! Sao chẳng giống với ngoại đạo tà kiến? Đó là cảnh giới phân biệt tự tâm, vọng tưởng kiến chấp mà chẳng biết rõ tự tâm vọng tưởng kiến chấp.

Này Đại Tuệ! Những phàm phu ngu si lấy điều không thật thể làm Đệ nhất nghĩa nên nói Nhị kiến luận.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói. Hư vọng phân biệt cho là có vật, là đoạn trừ ba khổ. Những gì là ba? Là vô tri, ái nghiệp, nhân duyên diệt, kiến chấp tự tâm như cảnh giới huyễn.

Này Đại Tuệ! Các Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: "Vốn từ vô thủy sinh ra, nương vào nhân quả mà hiện." Họ lại cho rằng: "Thật có vật tồn tại, nương theo các duyên nên có ấm, giới, nhập, sinh, trụ, diệt. Do sinh thì có diệt."

Này Đại Tuệ! Sa-môn, Bà-la-môn đó nói, thể tương tục vốn có từ vô thủy, hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc Niết-bàn, hoặc đạo, hoặc nghiệp, hoặc quả, hoặc đế. Phá hoại các pháp chính là đoạn diệt luận, chẳng phải là lời nói của ta. Vì sao? Vì pháp hiện tại chẳng thể nắm bắt, chẳng thấy căn bản.

Này Đại Tuệ! Ví như các bình vỡ thì chẳng có công dụng của bình.

Này Đại Tuệ! Ví như giống bị đốt cháy thì chẳng sinh ra mầm…

Này Đại Tuệ! Ấm, giới, nhập kia chính là diệt, mà ấm, giới, nhập quá

khứ diệt thì ấm, giới, nhập hiện tại, vị lai cũng diệt. Vì sao? Vì nương vào hư vọng, phân biệt, kiến chấp nơi tự tâm.

Này Đại Tuệ! Vì không có cái thể tương tục của ấm, giới, nhập kia vậy.

Này Đại Tuệ! Nếu vốn từ vô thủy sinh, nương vào ba pháp sinh ra đủ loại thức thì vì sao lông rùa chẳng sinh? Cát chẳng sinh ra dầu? Nghĩa quyết định lập ra của ông tức là tự hoại. Ông nói có, không, nói sinh, nhân quả tạo thành cũng hoại.

Này Đại Tuệ! Nếu nương vào nhân duyên ba pháp như vậy thì có thể sinh ra tự tướng nhân quả của các pháp, hữu vô quá khứ, hiện tại, vị lai, thí dụ về các tướng và lãnh vực tự giác quán của A-hàm nương vào nhận thức nơi tự tâm mà nói lên chủ thuyết như vậy. Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, bị sự phá hại của ác kiến, ý mê nơi tà kiến, kẻ vô trí mà hư dối xưng là Nhất thiết trí nói.

Này Đại Tuệ! Nếu lại có Sa-môn, Bà-la-môn thấy các pháp lìa khỏi tự tánh như mây, vừng lửa, thành của Kiền-thát-bà chẳng sinh, chẳng diệt, như huyễn, loáng nắng trăng trong nước, như mộng bên trong ngoài tâm nương theo từ đời vô thủy đến nay mà hư vọng phân biệt, hý luận hiện ra, lìa khỏi tự tâm hư vọng phân biệt là có thể thấy nhân duyên, lìa khỏi vọng tưởng Diệt tận để giảng nói giáo pháp, lìa khỏi của cải của tự thân để giữ gìn, sử dụng vào pháp, lìa khỏi A-lê-gia thức chọn lấy cảnh giới tương ứng, vào cảnh giới tịch tĩnh, lìa khỏi pháp sinh, trụ, diệt. Tư duy, quán sát sự sinh khởi nơi tự tâm như vậy.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát như vậy chẳng bao lâu sẽ đạt được tâm bình đẳng Niết-bàn ở thế gian.

Này Đại Tuệ! Ông dùng phương tiện khéo léo để mở bày phương tiện, quan sát cảnh giới của tất cả chúng sinh đều như huyễn hóa, như hình tượng trong gương, không nhân duyên khởi, xa lìa cảnh bên trong tự tâm thấy cảnh giới bên ngoài, thứ lớp thể nhập vào cõi vô tướng, thứ lớp hội nhập từ địa đến cảnh giới Địa Tam-muội, tin vào sự huyễn hóa tự tâm của ba cõi. Này Đại Tuệ! Người tu hành như vậy sẽ đạt được Tam-muội Như huyễn, vào cảnh giới tịch tĩnh của tự tâm, đến được cảnh giới bờ kia, lìa khỏi các pháp sinh ra do tạo tác, đạt được Tam-muội Kim cang, thể nhập thân của Như Lai, nhập vào hóa thân của Như Lai, hội nhập những lực thông tự tại đại Từ, đại Bi trang nghiêm thân, đi đến tất cả các cõi Phật, thể nhập tất cả niềm vui của chúng sinh, lìa khỏi cảnh giới của tâm ý và thức chuyển thân đạt được thân vi diệu.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì nhất định đạt được thân vi diệu Vô thượng của Như Lai.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát muốn chứng đắc thân Như Lai thì nên xa lìa ấm, giới, nhập vào pháp hòa hợp nhân duyên của tâm, xa lìa hý luận phân biệt hư vọng sinh, trụ, diệt, các pháp chỉ có tâm. Phải biết rõ như vậy, ba cõi từ đời vô thủy đến nay đều do hư vọng phân biệt hý luận mà có, quan sát địa Như Lai tịch tĩnh chẳng sinh, tiến đến hạnh của bậc Thánh ở nội thân.

Này Đại Tuệ! Ông sẽ chẳng bao lâu đạt được hạnh Vô công dụng rốt ráo, tự tại của tâm, như mọi màu sắc theo báu Ma-ni hóa thân đi vào tâm vi tế của chúng sinh. Do vào theo Tâm địa nên khiến cho các chúng sinh thứ lớp nhập vào địa.

Vậy nên, này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát cần phải biết rõ nội pháp tự tu hành của các Bồ-tát.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Nguyện xin Đức Thế Tôn vì các vị Đại Bồ-tát giảng nói về pháp môn "Tâm, ý, ý thức ngũ pháp tự thể tương ứng", chỗ tu hành của chư Phật, Bồ-tát, xa lìa tà kiến nơi tự tâm hòa hợp với cảnh giới có thể phá tất cả thể tướng ngôn ngữ, thí dụ, tâm nói pháp của tất cả chư Phật vì các Bồ-tát ở thành Lăng-già trên núi Ma-la-gia trong biển lớn, nói lên sự quan sát cảnh giới sóng biển cả A-lê-gia thức, giảng nói giáo pháp về Pháp thân Như Lai.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Có bốn nhân duyên mà nhãn thức sinh ra. Những gì là bốn?

1. Chẳng biết trong tự thân chấp cảnh giới.

2. Từ đời vô thủy đến nay hư vọng phân biệt cảnh giới của sắc, huân tập chấp trước hý luận.

3. Thể tự tánh của thức như vậy.

4. Ưa thấy đủ thứ sắc tướng.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là bốn nhân duyên, đối với biển A-lê-gia thức nổi dậy sóng mạnh, có thể sinh ra chuyển thức.

Này Đại Tuệ! Như nhãn thức khởi lên nhận thức thì tất cả lỗ chân lông của các căn đồng thời sinh ra Chuyển thức, như hình tượng trong gương nhiều hay ít đều nhất thời hiện ra. Lại có thứ tùy theo nhân duyên thứ lớp sinh ra, này Đại Tuệ! Giống như gió mạnh thổi biển tâm cảnh mà sóng thức sinh, chẳng đoạn dứt nhân sự tướng, cùng đắp đổi chẳng lìa nhau, nghiệp thể sai khiến, trói buộc nhau, chẳng hiểu biết sắc thể mà năm thức

thân chuyển vậy. Này Đại Tuệ! Không xa lìa nhân của năm thức kia và tướng của Liễu biệt thức thì gọi là ý thức, do cùng với nhân ấy luôn vận chuyển.

Này Đại Tuệ! Năm thức và tâm thức chẳng khởi ý niệm này: "Ta cùng đắp đổi làm nhân, tự tâm thấy hư vọng phân biệt, chấp lấy các cảnh giới mà thức kia mỗi mỗi đều chẳng khác, cùng nhau hiện cảnh giới phân biệt." Như vậy thức kia sinh diệt vi tế. Do người tu hành Tam-muội chẳng hiểu, chẳng biết huân tập vi tế mà người tu hành khởi tâm này: "Ta diệt các thức để nhập vào Tam-muội", mà người tu hành chẳng diệt các thức để nhập vào Tam-muội, này Đại Tuệ! Tâm huân tập chủng tử chẳng diệt, các thức chấp giữ cảnh giới bên ngoài thì diệt.

Này Đại Tuệ! Như vậy là sự vận hành của vi tế của A-lê-gia thức, trừ Phật Như Lai và các Đại Bồ-tát nhập Địa, còn các Thanh văn, Bích-chi-phật, người tu hành ngoại đạo khác thì chẳng thể biết, trí lực thể nhập Tam-muội cũng chẳng thể hiểu, vì họ chẳng biết tướng của các Địa, vì chẳng thể biết phương tiện, trí tuệ khéo quyết định sai biệt, vì chẳng thể hiểu sự huân tập các thiện căn của các Đức Phật Như Lai, vì chẳng thể biết tự tâm hiện cảnh giới phân biệt hý luận, vì chẳng thể vào hang động A-lê-gia thức với vô số rừng rậm.

Này Đại Tuệ! Chỉ có người tu hành đúng như thật thượng, trung, hạ mới có thể phân biệt thấy Hư vọng kiến chấp trong tự tâm, có thể ở trong vô lượng cõi nước được các Đức Như Lai thọ ký, được vô lượng lực thần thông Tam-muội Tự tại, nương theo Thiện tri thức, quyến thuộc Phật tử mà có thể được thấy cảnh giới tự thể, tự tâm của tâm, ý và thức phân biệt biển lớn sinh tử do nghiệp ái vô trí làm nhân mà có vậy.

Này Đại Tuệ! Người tu hành như thật nên tìm kiếm, thân cận Thiện tri thức.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như sóng biển cả
Do gió mạnh nổi lên
Sóng cả vỗ biển rộng
Không có lúc đoạn dừng
Lê-gia thức cũng vậy
Cảnh giới gió thổi rung
Đủ thứ những sóng thức
Ào ạt mà chuyển động
Xanh, đỏ, muối trắng, sữa

Và cả vị ngọt đường
Mọi hoa cùng quả trái
Như ánh mặt trời, trăng
Chẳng khác, chẳng không khác
Nước biển dậy sóng lên
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sinh.
Ví như nước biển động
Đủ làn sóng chuyển thành.
Lê-gia thức cũng vậy
Đủ các loại thức sinh
Tâm, ý và ý thức
Vì các tướng nói lên
Các thức không khác tướng.
Chẳng tướng kiến, sở kiến
Ví như sóng nước biển
Đều không hề sai biệt
Các thức tâm như vậy
Khác cũng không thể được
Tâm hay nhóm các nghiệp
Ý hay quán cảnh chung
Thức hay rõ nhận thức
Năm thức hiện phân biệt.

Lúc ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi Đức Phật:

Các sắc tướng xanh, đỏ…
Nhãn thức thấy như trên
Sóng nước, pháp tương đối
Vì sao nói như vậy?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Các tạp sắc xanh đỏ
Trong sóng đều là không
Nói chuyển thức trong tâm
Vì tướng phàm phu nói
Nghiệp đó đều là không
Tự tâm lìa chấp giữ
Sở thủ và năng thủ
Cùng giống những sóng kia
Thân, của cải giữ gìn

Chúng sinh chỉ thấy thức
Vậy nên hiện Chuyển thức
Sóng nước tương tự thức
Sóng biển cả rung động
Nhấp nhô phân biệt được
Vì sao chẳng biết thông
Thức A-lê-gia chuyển?
Phàm phu không trí tuệ
Thức Lê-gia như biển
Pháp chuyển động như sóng
Vậy nên nói ví dụ.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại nói kệ:

Mặt trời mọi soi khắp
Chúng sinh thượng, trung, hạ
Như Lai hiện ở đời
Vì phàm phu nói thật
Phật được pháp rốt cùng
Vì sao chẳng nói thật?
Nếu nói pháp chân thật
Tâm kia không chân thật
Như sóng biển mênh mông
Mộng và cảnh trong gương
Đồng thời mà được hiện
Cảnh giới tâm cũng vậy
Cảnh giới chẳng đầy đủ
Nên thứ lớp hiện lên
Thức nhận biết cái biết
Ý là đúng hay sai
Năm thức do hiện thấy
Trong định không như vậy.
Ví như vị họa sĩ
Cùng với các đệ tử
Vẽ hình tượng đủ màu
Ta nói pháp cũng vậy.
Sắc màu vốn không nét
Chẳng bút cũng chẳng vật
Vì chúng sinh nói nên
Vẽ đan xen hình tượng.

Lời nói lìa chân thật
Chân thật lìa danh tự
Ta được chỗ chân thật
Như thật trong thân biết
Lìa tướng giác, sở giác
Hiểu như thật nói lên
Nói đây vì Phật tử
Người ngu phân biệt khác.
Mọi thứ như huyễn thôi
Chỉ thấy chẳng phải thật
Nói các việc như vậy
Tùy việc thật chẳng thật
Nói lên vì người này
Vì người kia chẳng nói
Hết thảy những bệnh nhân
Lương y tùy cho thuốc
Như Lai vì chúng sinh
Chỉ nói tâm ứng hợp
Vọng tưởng phi cảnh giới
Thanh văn chẳng phân biệt
Các Như Lai Thế Tôn
Nói cảnh giới tự giác.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát muốn biết tự tâm lìa khỏi hư vọng phân biệt, tướng cảnh giới năng thủ, sở thủ thì phải lìa khỏi sự náo loạn, lìa khỏi sự che phủ của thùy miên, đầu đêm cuối đêm luôn tự tỉnh thức tu hành phương tiện, lìa khỏi tất cả hý luận của các ngoại đạo, lìa khỏi tướng của thừa Thanh văn, Duyên giác, phải thông đạt tự tâm hiện thấy tướng hư vọng phân biệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát kiến lập, an trụ tâm tướng trí tuệ thì đối với ba tướng Thượng Thánh trí phải siêng năng tu học.

Này Đại Tuệ! Những gì là ba tướng Thượng thánh trí? Đó là tướng Vô sở hữu, tướng tất cả chư Phật tự nguyện trụ trì, tướng nội thân thánh trí tự giác tri. Người tu hành này có thể xả bỏ tướng trí tuệ của con lừa què đạt được ba tướng tu hành của Địa thứ tám Thắng tử.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng Vô sở hữu? Là quan sát tướng của Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo.

Này Đại Tuệ? Thế nào là tướng của tất cả chư Phật tự nguyện trụ trì?

Nghĩa là chư Phật vốn tự tác nguyện trụ trì các pháp.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng nội thân Thánh trí tự giác tri? Tất cả pháp tướng không có sự chấp trước, đạt được thân như huyễn Tam-muội, chỗ các Phật địa tiến đến tu hành.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là ba tướng Thượng chánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng này thì có thể đến cảnh giới thánh trí tự giác. Vậy nên, này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát cầu ba tướng Thượng thánh trí phải học tập như vậy.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Tuệ Đại Bồ-tát biết ý niệm trong tâm những chúng Đại Bồ-tát, liền nương lực trụ trì của Đức Phật Như Lai mà hỏi Đức Như Lai về tên gọi của Thể pháp môn thực hành phân biệt về Thánh trí:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì con nói về tên gọi của thể pháp môn thực hành phân biệt về Thánh trí, nương theo một trăm lẻ tám kiến mà phân biệt nói.

Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nương vào một trăm lẻ tám kiến vì các Đại Bồ-tát phân biệt nói về pháp tự tướng, đồng tướng, vọng tưởng, phân biệt thể tu hành sai biệt:

–Này Đại Tuệ! Các Bồ-tát khéo đạt được sự tu hành sai biệt của pháp vọng tưởng phân biệt tự thể này thì có thể thanh tịnh được nhân vô ngã, pháp vô ngã, hiểu rõ được các Địa, vượt qua niềm vui thiền định Tam-ma-bạt-đề của các Thanh văn, Bích-chi-phật đạt được cảnh giới tu hành chẳng thể nghĩ bàn của các Đức Phật Như Lai, được lìa khỏi tướng hạnh tự thể của năm pháp, nhập vào hạnh chân thật, thể Pháp thân của chư Phật, đạt đến chỗ khéo quyết định của Pháp thân Như Lai, thành tựu cảnh giới như huyễn, tất cả cõi nước, từ trời Đâu-suất đến cõi A-ca-ni-sắc đều được Pháp thân của Như Lai.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có một dòng ngoại đạo tà kiến chấp trước "Không vô", họ vọng tưởng phân biệt nhân của trí có hai: Tự thể và vô thể. Họ phân biệt sừng thỏ không có. Như sừng thỏ không có thì các pháp cũng không có.

Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo khác thấy công đức bốn đại thật có vật. Họ thấy mỗi mỗi vật đều có tướng sai biệt, thật không có sừng thỏ, rồi hư vọng chấp trước vọng tưởng phân biệt thật có sừng trâu.

Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo đó rơi vào hai kiến chấp, chẳng biết chỉ có tâm, vọng tưởng phân biệt tăng trưởng nơi cảnh giới tự tâm.

Này Đại Tuệ! Như thân, của cải, đồ dùng, thế gian… chỉ là sự phân

biệt của tâm, chẳng được phân biệt sừng thỏ, lìa khỏi có, không.

Này Đại Tuệ! Chẳng phân biệt được tất cả các pháp, lìa khỏi có, không.

Này Đại Tuệ! Nếu có người lìa khỏi có không mà nói như vầy: "Không và có là có việc phân biệt có sừng thỏ, chẳng được phân biệt không và có, cho là có sừng thỏ." Người đó thấy được tướng đại nhân, chẳng được phân biệt không có sừng thỏ. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì cho đến quan sát hạt bụi rất nhỏ cũng chẳng thấy sự thật, lìa khỏi cảnh giới trí tuệ của bậc Thánh, chẳng được phân biệt có sừng trâu!

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phàm phu ngu si chẳng thấy tướng phân biệt mà sánh với trí phân biệt thì người đó thấy không có!

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Chẳng phải quan sát tâm phân biệt người đó là không tướng. Vì sao? Vì nương vào tâm hư vọng phân biệt, nương vào sừng mà có tâm phân biệt. Này Đại Tuệ! Nương vào sừng hư vọng mà có tâm phân biệt. Vậy nên, nương vào nhân của sự nương tựa, lìa tướng pháp đối đãi thì chẳng phải thấy pháp không có sừng kia.

Này Đại Tuệ! Nếu lìa tâm phân biệt lại có phân biệt thì nên lìa cái có của sừng, chẳng phải nương vào cái có của sừng.

Này Đại Tuệ! Nếu chẳng lìa tâm phân biệt đó thì pháp kia thậm chí quan sát bụi trần, chẳng thấy có vật thật. Này Đại Tuệ! Chẳng lìa khỏi tâm thì pháp đó không có; do hai pháp có và không đó chẳng thể nắm bắt. Nếu vậy thì thấy những pháp gì có những pháp gì là không? Này Đại Tuệ! Nếu chẳng thấy có, không như vậy thì chẳng phân biệt được có không. Nghĩa này ra sao? Thấy có sừng trâu, thấy không có sừng thỏ, chẳng được phân biệt như vậy.

Này Đại Tuệ! Vì nhân chẳng tương tự nên nghĩa có, không chẳng thành; vì các ngoại đạo, phàm phu, Thanh văn nói nghĩa có, không, cả hai đều chẳng thành.

Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo khác thấy sắc là có, rồi nhân đó vọng tưởng chấp trước hình tướng dài ngắn, thấy hư không không hình tướng giới hạn rõ ràng, thấy các sắc tướng khác với hư không, có giới hạn rõ ràng.

Này Đại Tuệ! Hư không tức là sắc, do sắc đại vào hư không, này Đại Tuệ! Sắc tức là hư không, nương pháp này có pháp kia, nương pháp kia có pháp này. Do nương sắc phân biệt hư không, nương hư không phân biệt sắc

vậy.

Này Đại Tuệ! Bốn Đại chủng sinh ra tự tướng đều riêng biệt, chẳng trụ ở hư không mà trong bốn Đại chẳng phải không có hư không.

Này Đại Tuệ! Sừng thỏ cũng như vậy, nhân có sừng trâu mà nói không có sừng thỏ.

Này Đại Tuệ! Lại nữa, đem sừng trâu đó chặt nát thành bụi trần thì phân biệt tướng bụi trần chẳng thể thấy được tất cả những gì là pháp có, tất cả những gì là pháp không nói là có hay là không? Nếu quan sát như vậy thì những pháp khác cũng vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ông hãy nên lìa sừng thỏ, sừng trâu, hư không, sắc vọng tưởng, kiến chấp khác…

Này Đại Tuệ! Ông cũng nên vì các Bồ-tát nói lìa tướng sừng thỏ…

Này Đại Tuệ! Ông nên biết tướng hư vọng phân biệt kiến chấp của tự tâm.

Này Đại Tuệ! Ông nên ở trong cõi nước chư Phật, vì các Phật tử mà nói tất cả cảnh giới hư vọng của tự tâm đang thấy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói:

Sắc chẳng ở trong tâm
Tâm nương cảnh thấy có
Trong thức thấy chúng sinh
Thân, của cải, trụ xứ
Tâm, ý, cùng ý thức
Tự tánh và năm pháp
Hai vô ngã thanh tịnh
Như Lai nói như vậy
Dài, ngắn và có, không…
Hỗ tương sinh đắp đổi
Do có nên thành không
Do không nên thành có
Phân biệt thể bụi trần
Chẳng khởi vọng tưởng sắc
Chỉ chỗ an trụ tâm
Ác kiến chẳng thể tịnh
Chẳng cảnh trí vọng tưởng
Thanh văn chẳng biết thông
Lời nói của Thế Tôn

Cảnh giới của tự giác.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ vì tự tâm thanh tịnh đang tuôn chảy, lại thỉnh Đức Như Lai:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao khiến tự tâm thanh tịnh đang tuôn chảy? Là thanh tịnh theo thứ lớp hay cùng một lúc vậy?

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Tự tâm thanh tịnh đang tuôn chảy, thứ lớp trở nên thanh tịnh, chẳng phải là cùng một lúc.

Này Đại Tuệ! Ví như trái Am-ma-la chín dần dần, chẳng phải cùng một lúc.

Này Đại Tuệ! Chúng sinh tự tâm thanh tịnh đang tuôn chảy cũng lại như vậy, thanh tịnh dần dần chẳng phải cùng một lúc. Ví như người thợ gốm làm những đồ dùng, dần dần thành tựu chẳng phải cùng một lúc.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai làm thanh tịnh tự tâm các chúng sinh đang tuôn chảy cũng lại như vậy, dần dần mà thanh tịnh, chẳng phải thanh tịnh cùng lúc.

Này Đại Tuệ! Ví như đại địa sinh ra những rừng cây, dược thảo, muôn vật… tăng trưởng dần dần, chẳng phải một lúc mà thành.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai làm thanh tịnh tự tâm các chúng sinh đang tuôn chảy cũng lại như vậy, dần dần thanh tịnh, chẳng phải thanh tịnh cùng một lúc.

Này Đại Tuệ! Ví như có người học các âm nhạc, ca múa, thư họa, đủ thứ kỹ thuật cứ dần dần mà hiểu được, chẳng phải biết cùng một lúc.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai làm thanh tịnh tự tâm các chúng sinh đang tuôn chảy cũng lại như vậy, dần dần thanh tịnh, chẳng phải thanh tịnh cùng một lúc.

Này Đại Tuệ! Ví như gương sáng không có tâm phân biệt, tất cả sắc tượng đều hiện lên cùng lúc. Đức Như Lai Thế Tôn cũng lại như vậy, không có phân biệt thanh tịnh tự tâm các chúng sinh đang tuôn chảy, làm thanh tịnh cùng một lúc, chẳng phải thanh tịnh dần dần, khiến cho họ trụ ở chỗ tịch tĩnh không phân biệt.

Này Đại Tuệ! Ví như ánh sáng của vầng mặt trời, mặt trăng cùng một lúc soi khắp tất cả sắc lượng, chẳng phải là trước hay sau.

Này Đại Tuệ! Đức Như Lai Thế Tôn cũng lại như vậy, vì khiến cho chúng sinh lìa khỏi não tự tâm, thấy lỗi lầm của tập khí chứa nhóm nên cùng một lúc, thị hiện cảnh giới trí tối thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Đại Tuệ! Ví như A-lê-gia thức phân biệt cảnh hiện tại nơi tư thân, tài sản, thế gian… thì biết cùng lúc, chẳng phải là trước hay sau.

Này Đại Tuệ! Báo thân Phật Như Lai cũng lại như vậy, thành tựu các cõi chúng sinh, cùng lúc đưa đến cung điện thanh tịnh vi diệu của trời Cứu Cánh, chỗ tu hành thanh tịnh.

Này Đại Tuệ! Ví như Phật pháp, Báo thân Phật phóng ra những ánh sáng có Ứng và Hóa thân Phật chiếu soi các thế gian.

Này Đại Tuệ! Pháp thể ánh sáng của nội thân Thánh hạnh chiếu soi diệt trừ tà kiến, hữu vô của thế gian cũng lại như vậy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Pháp Phật mà báo thân Phật nói, tự tướng tất cả pháp là đồng tướng, do tự tâm hiện thấy tướng huân tập, do hư vọng phân biệt hý luận trói buộc nhau. Như đã nói, pháp không có thể như vậy.

Này Đại Tuệ! Như nhà ảo thuật biến hóa tất cả đủ thứ hình tượng. Những người ngu si lấy đó làm thật mà những hình tượng đó thật ra chẳng thể thật được.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Pháp thể hư vọng nương vào pháp nhân duyên, chấp trước là thật có, do phân biệt sinh ra.

Này Đại Tuệ! Như nhà ảo thuật giỏi nương vào cỏ cây gạch đá tạo ra vô số việc, nương vào chú thuật, sức nhân công thành tựu tướng tất cả chúng sinh với hình sắc và thân phận, gọi là hình dáng người huyễn. Chúng sinh thấy đủ thứ hình sắc huyễn mà chấp trước là người nhưng thật ra không có người.

Này Đại Tuệ! Chúng sinh tuy thấy đó là người nhưng không thật thể là người. Này Đại Tuệ! Nhân duyên pháp thể theo tâm phân biệt cũng lại như vậy, do thấy tâm tướng đủ thứ huyễn. Vì sao? Vì do chấp trước tướng hư vọng, do huân tập tâm phân biệt.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là thể tướng của hư vọng phân biệt. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng báo thân Phật nói pháp.

Này Đại Tuệ! Pháp Phật nói pháp là lìa tâm thể tương ứng, cảnh giới nội chứng thánh hạnh. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng Pháp Phật nói pháp.

Này Đại Tuệ! Ứng và Hóa thân của Phật tạo ra ứng thân Phật giảng nói: Thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, ấm, giới, nhập, giải thoát, kiến lập thức, tưởng, hạnh sai biệt, nói tướng thứ lớp vô sắc Tam-ma-bạt-đề của các ngoại đạo. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Ứng thân Phật tạo ra ứng thân Phật nói pháp tướng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Pháp Phật nói pháp là lìa khỏi nắm bắt vào

duyên, lìa khỏi năng quán, sở quán, lìa khỏi sở tác tướng, lượng tướng.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải cảnh giới của các phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo, vì các ngoại đạo chấp trước hư vọng, ngã tướng. Vậy nên, này Đại Tuệ! Như vậy, nội thân tự giác tu hành thắng tướng thì nên học như vậy.

Này Đại Tuệ! Ông nên lìa khỏi tướng chấp tự tâm, vì chúng chẳng phải thật.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thanh văn thừa có hai tướng sai biệt. Đó là ở nội thân chứng được Thánh tướng, chấp trước tướng hư vọng phân biệt có vật.

Này Đại Tuệ! Thế nào là nội thân Thanh văn chứng được Thánh tướng? Là gọi cảnh giới vô thường, khổ, không, vô ngã vậy, là chân đế, ly dục, tịch tĩnh, là ấm, giới, nhập, tự tướng, đồng tướng, tướng nội ngoại bất diệt, thấy pháp như thật, đạt được tâm Tam-muội, được tâm Tam-muội rồi, đạt được thiền định giải thoát Tam-muội, đạo quả Tam-ma-bạt-đề bất thoát giải thoát, lìa khỏi huân tập biến dịch sinh tử chẳng thể nghĩ bàn, nội thân chứng được pháp Thánh lạc hạnh, trụ ở địa Thanh văn.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là Thanh văn nội thân chứng đắc Thánh tướng.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nhập vào pháp lạc Tam-muội nội chứng Thánh hạnh của các Thanh văn mà chẳng thủ chấp niềm vui Tịch diệt không môn, chẳng nắm giữ niềm vui Tam-ma-bạt-đề, do thương xót chúng sinh nên khởi phát lực hạnh bản nguyện. Vậy nên, Bồ-tát tuy biết nhưng chẳng chấp, cho là cứu cánh.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là Thanh văn nội thân chứng thánh, tu hành tướng an lạc. Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nên tu hành nội thân chứng Thánh tu hành pháp môn an lạc mà chẳng nắm giữ.

Này Đại Tuệ! Những gì là Thanh văn phân biệt có vật, chấp trước tướng hư vọng? Là gọi tướng cứng, ướt, nóng, động của bốn Đại, tướng xanh, vàng, đỏ, trắng,… không có người tạo tác mà có sinh ra tự tướng, đồng tướng, đo lường, tương ứng với A-hàm hơn trước thấy khéo nói vậy. Nương vào pháp đó mà hư vọng chấp trước, cho là thật có. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Thanh văn phân biệt có vật, chấp trước tướng hư vọng.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát đối với pháp Thanh văn đó nên biết mà xả bỏ, xả bỏ rồi thể nhập tướng pháp vô ngã. Nhập vào tướng pháp vô ngã rồi, hội nhập nhân vô ngã. Quan sát tướng vô ngã rồi, thứ lớp nhập vào các Địa.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là Thanh văn phân biệt có vật, chấp trước tướng hư vọng. Này Đại Tuệ! Gọi là thừa Thanh văn có hai tướng thì ta đã nói

xong.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lời nói của Đức Thế Tôn pháp thường chẳng thể nghĩ bàn, pháp nội thân chứng của bậc cảnh giới Thánh, pháp thứ nhất đã nói ở trước. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói nhân quả thường chẳng thể nghĩ bàn. Nghĩa này là sao?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói nhân quả thường chẳng thể nghĩ bàn thì chẳng thành. Vì sao? Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói thường chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải nhân tự tướng tương ứng. Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói thường chẳng thể nghĩ bàn mà nếu nhân tự tướng tương ứng thì đây là những pháp gì? Những pháp gì tỏ rõ hiện bày? Vậy nên ngoại đạo chẳng được nói Thường chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói Thường chẳng thể nghĩ bàn, nếu nhân tự tướng tương ứng thì ứng thành vô thường chẳng thể nghĩ bàn do có tướng của nhân. Vậy nên chẳng thành Thường chẳng thể nhiều nghĩ bàn. Này Đại Tuệ! Ta nói Thường chẳng thể nghĩ bàn là Đệ nhất nghĩa. Thường chẳng thể nghĩ bàn cùng tướng Đệ nhất nghĩa tương ứng nhân quả vì lìa khỏi hữu vô, vì tướng nội thân chứng đắc, vì có tướng đó, vì nhân tướng của Đệ nhất nghĩa trí tương ứng, vì lìa khỏi có không, vì chẳng phải tạo tác mà cùng tương ứng với hư không Niết-bàn tịch diệt thí dụ. Vậy nên, thường chẳng thể nghĩ bàn. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ta nói Thường chẳng thể nghĩ bàn chẳng đồng với luận Thường chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo. Này Đại Tuệ! Thường này chẳng thể nghĩ bàn, các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri quả thật là pháp thường vì Thánh trí của chư Phật do nội thân chứng được, chẳng phải cảnh giới của tâm, ý và ý thức. Vậy nên, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nên phải tu hành Thường chẳng thể nghĩ bàn, thánh trí hành pháp chứng đắc của nội thân.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thường chẳng thể nghĩ bàn của các ngoại đạo là nhân tương ứng với tướng pháp vô thường. Vậy nên, nó là vô thường, chẳng phải nhân vào tướng mà được danh xưng. Vậy nên, pháp Thường chẳng thể nghĩ bàn. Này Đại Tuệ! Nếu Thường chẳng thể nghĩ bàn của những ngoại đạo thấy pháp có, không mà nói là thường, do pháp đó Tỷ trí biết được nên nói rằng có Thường. Này Đại Tuệ! Ta cũng như vậy, liền nhân pháp này mà tạo ra cái thấy có, không, vô thường ứng với thường. Vì sao? Vì không có nhân.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói, nếu nhân tướng tương ứng

thành Thường chẳng thể nghĩ bàn, mà do ngoại đạo kia nói, nhân tự tướng có không thì đồng với sừng thỏ. Này Đại Tuệ! Thường này chẳng thể nghĩ bàn chỉ là các ngoại đạo… hư vọng phân biệt. Vì sao? Vì do không có sừng thỏ mà chỉ hư vọng phân biệt không có tướng tự nhân vậy. Này Đại Tuệ! Thường chẳng thể nghĩ bàn của ta chỉ là nội chứng nhân của tướng, lìa khỏi pháp tạo tác hữu vô. Vậy nên thường chẳng thể nghĩ bàn, do không có tướng bên ngoài tương ứng với pháp thường. Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo… thấy không có tướng bên ngoài, do tỷ trí biết thường chẳng thể nghĩ bàn lấy làm thường thì ngoại đạo… kia chẳng biết thường chẳng thể nghĩ bàn! Tướng nhân của mình và tướng nhân của người do tướng cảnh giới nội thân chứng thánh trí. Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo kia đối với pháp của ta chẳng nên vì họ mà nói.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các Thanh văn, Bích-chi-phật sợ khổ sinh tử, vọng tưởng mà cầu Niết-bàn, chẳng biết thế gian và Niết-bàn không có sai biệt. Họ phân biệt tất cả pháp cùng phi pháp mà diệt hết các căn, chẳng thủ chấp cảnh giới vị lai mà hư vọng chấp giữ làm Niết-bàn, chẳng biết pháp tu hành nội thân chứng, đắc chẳng biết do A-lê-gia thức chuyển vậy.

Này Đại Tuệ! Vậy nên, những người ngu đó nói có pháp ba thừa mà chẳng thể biết chỉ tâm tưởng vắng lặng thì đạt được pháp tịch diệt. Vậy nên, kẻ ngu thiếu trí tuệ đó chẳng biết các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri quá khứ, vị lai và hiện tại thấy cảnh giới tự tâm, mà chấp trước cảnh giới bên ngoài tâm. Vậy nên, này Đại Tuệ! Người ngu si đó ở trong vòng sinh tử của thế gian, luôn xoay chuyển chẳng trụ.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nói các pháp chẳng sinh. Vì sao? Vì là tự tâm thấy pháp có, không. Nếu lìa khỏi có, không thì các pháp chẳng sinh. Vậy nên, này Đại Tuệ! Tất cả pháp chẳng sinh. Này Đại Tuệ! Tất cả pháp như sừng thỏ, sừng lừa, sừng lạc đà… Này Đại Tuệ! Kẻ phàm phu ngu si do vọng tưởng phân biệt mà phân biệt các pháp. Vậy nên, tất cả các pháp chẳng sinh. Này Đại Tuệ! Tướng tự thể của tất cả các pháp chẳng sinh, là nội thân chứng cảnh giới Thánh trí, chẳng phải là tự thể phân biệt hai cảnh giới của các phàm phu vậy. Này Đại Tuệ! Chính là A-lê-gia thức! Tướng tự thể của thân, tài sản, thế gian, đến đi thấy sự chuyển biến của năng thủ và sở thủ. Các phàm phu rơi vào sinh, trụ, diệt và hai tướng của tâm nên phân biệt các pháp, sinh ra có, không. Này Đại Tuệ! Ông nên biết pháp như vậy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta nói về tánh chứng pháp của năm thừa. Những gì là năm?

1. Tánh chứng pháp của thừa Thanh văn.

2. Tánh chứng pháp của Bích-chi-phật.

3. Tánh chứng pháp của thừa Như Lai.

4. Tánh chứng pháp của thừa Bất định.

5. Tánh chứng pháp của không.

Này Đại Tuệ! Tánh chứng pháp của thừa Thanh văn là gì? Nghĩa là, nói pháp ấm, giới, nhập, nói pháp tự tướng, đồng tướng chứng trí, khắp các lỗ chân lông của thân đó vui vẻ hân hoan, ưa tu tướng trí, chẳng tu tướng "nhân duyên Bất tương ly". Này Đại Tuệ! Đó gọi là tính chứng pháp của thừa Thanh văn. Trí biết tà kiến của hàng Thanh văn đó lìa khỏi sự sinh khởi phiền não thô, chẳng lìa khỏi phiền não của vô minh huân tập, thấy tướng chứng đắc của thân mình, gọi là lìa khỏi các phiền não trong Sơ địa cho đến Ngũ địa, Lục địa. Tuy việc xa lìa giống nhau, nhưng do huân tập vô minh phiền não, nên bị rơi vào Biến dịch tử chẳng thể nghĩ bàn, rồi nói: "Sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng còn thọ thân sau… như vậy… ta được thể nhập vào nhân vô ngã." Cho đến họ phát sinh tâm cho là đã được Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo khác cầu chứng Niết-bàn mà nói rằng: "Biết rõ ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, tác giả, thọ giả, trượng phu thì đó là Niết-bàn." Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo khác thấy tất cả các pháp nương vào nhân mà có nên sinh khởi tâm Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo đó không đạt được Niết-bàn giải thoát do chẳng thấy pháp vô ngã. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tính ngoại đạo của thừa Thanh văn, ở chỗ chẳng phải xa lìa mà sinh ra tư tưởng xa lìa. Này Đại Tuệ! Ông nên chuyển tà kiến này mà tu hành hạnh như thật.

Này Đại Tuệ! Tánh chứng pháp của thừa Bích-chi-phật là gì? Nghĩa là, nghe giảng nói nhân duyên mà giác ngộ chứng pháp, toàn thân sởn gai ốc, buồn khóc rơi nước mắt, chẳng ưa nơi ồn ào. Quan sát các pháp nhân duyên, chẳng chấp trước các pháp nhân duyên, nghe nói đủ loại thần thông của tự thân, hoặc lìa hoặc hợp đủ loại biến hóa, tâm ấy theo đó mà thể nhập. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tính chứng pháp của Thừa Duyên giác. Ông hãy nên biết thuận theo lời nói của Duyên giác!

Này Đại Tuệ! Tính chứng pháp của thừa Như Lai là gì? Này Đại Tuệ! Tánh chứng pháp của thừa Như Lai có bốn loại. Những gì là bốn?

1. Chứng tánh của pháp chân thật.

2. Lìa pháp chân thật để chứng tánh.

3. tự thân chứng đắc tánh Thánh trí.

4. Chứng được pháp tánh thù thắng vi diệu trang nghiêm nơi các cõi nước bên ngoài.

Này Đại Tuệ! Nếu khi nghe nói mỗi một pháp này mà chỉ có tâm A-lê-gia thấy của cải nương tựa bên ngoài thân, hay cảnh giới khí thế gian chẳng thể nghĩ bàn mà chẳng kinh sợ, chẳng lo buồn, thì này Đại Tuệ! Ông nên biết người đó chứng tánh Như Lai thừa. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng của người có tánh chứng pháp của Như Lai thừa.

Này Đại Tuệ! Tánh chứng pháp của thừa Bất định là gì? Này Đại Tuệ! Nếu người nghe ba pháp này mà ở trong mỗi một pháp có được niềm vui thì thuận theo vì họ nói. Này Đại Tuệ! Nói ba thừa là vì phát khởi Địa tu hành. Nói các tánh sai biệt chẳng phải Địa cứu cánh. Vì muốn kiến lập rốt ráo có thể nắm giữ Địa tịch tĩnh. Này Đại Tuệ! Ba hạng người đó lìa khỏi phiền não chướng, huân tập đạt được thanh tịnh, thấy pháp vô ngã, được Tam-muội lạc hạnh, Thanh văn, Duyên giác đều rốt ráo chứng được Pháp thân của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Nghịch Lưu tu vô lậu
Vãng lai và Bất hoàn
Ứng Cúng, A-la-hán
Những tâm đó mê hoặc
Ta nói đủ ba thừa
Một thừa, chẳng có thừa
Các Thánh hiểu như thật
Phàm phu chẳng biết thông
Pháp môn Đệ nhất nghĩa
Xa lìa khỏi hai giáo
Kiến lập cả ba thừa
Vì trụ chỗ tịch tĩnh
Các thiền và Vô lượng
Tam-ma-đề Vô sắc
Vô tưởng định, Diệt tận
Trong tâm cũng đều Không.

Này Đại Tuệ! Thừa Vô tánh là gì? Nghĩa là Nhất-xiển-đề. Này Đại Tuệ! Nhất-xiển-đề thì không có tánh Niết-bàn. Vì sao? Vì ở trong giải thoát, Nhất-xiển-đề chẳng sinh ra tín tâm, chẳng nhập vào Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Nhất-xiển-đề thì có hai loại. Những gì là hai?

1. Thiêu đốt tất cả căn lành.

2. Thương xót tất cả chúng sinh mà phát nguyện độ hết tất cả chúng sinh trong các cõi.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là thiêu đốt tất cả thiện căn? Nghĩa là chê bai tạng Bồ-tát mà nói như vầy: "Những người đó chẳng thuận theo kinh, luật giải thoát mà nói, xả bỏ các thiện căn." Vậy nên chẳng đạt được Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Thương xót chúng sinh mà phát nguyện độ hết cõi chúng sinh thì đó là Bồ-tát. Này Đại Tuệ! Bồ-tát phương tiện khởi nguyện rằng: "Nếu các chúng sinh chẳng vào Niết-bàn thì ta cũng chẳng vào Niết-bàn." Vậy nên Đại Bồ-tát chẳng vào Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Đó gọi là hai hạng Nhất-xiển-đề không có tánh Niết-bàn. Do nghĩa này nên quyết định chấp giữ hạnh Nhất-xiển-đề.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hai hạng Nhất-xiển-đề này thì những Nhất-xiển-đề nào thường chẳng vào Niết-bàn?

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nhất-xiển-đề thường chẳng vào Niết-bàn. Vì sao? Vì có thể biết rõ tất cả các pháp vốn là Niết-bàn. Vậy nên chẳng vào Niết-bàn, chẳng phải hạng xiển-đề xả bỏ tất cả thiện căn. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì người đó là xiển-đề xả bỏ ta thiện căn, nếu gặp các Đức Phật, Thiện tri thức… liền phát tâm Bồ-đề, sinh ra các thiện căn thì chứng đắc Niết-bàn. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì các Đức Phật Như Lai chẳng bỏ tất cả chúng sinh. Vậy nên, này Đại Tuệ! Bồ-tát Nhất-xiển-đề thường chẳng vào Niết-bàn.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 3

Phẩm 3: TẬP HỢP TẤT CẢ PHÁP PHẬT (Phần 2)

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải biết rõ ba pháp tướng tự thể. Này Đại Tuệ! Những gì là ba pháp tướng tự thể?

1. Tướng hư vọng phân biệt danh tự.

2. Tướng nhân duyên pháp thể tự tướng.

3. Tướng Đệ nhất nghĩa đế pháp thể.

Này Đại Tuệ! Tướng hư vọng phân biệt danh tự là gì? Nghĩa là từ danh tự mà hư vọng phân biệt tướng tất cả pháp. Đó gọi là tướng hư vọng phân biệt danh tự.

Này Đại Tuệ! Tướng nhân duyên pháp thể tự tướng là gì? Này Đại Tuệ! Nhân duyên pháp thể tự tướng tướng là từ cảnh giới sinh ra sự việc. Này Đại Tuệ! Nhân duyên sự tướng cảnh giới của pháp thể mà các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nói là hư vọng phân biệt, có hai loại khác nhau. Những gì là hai?

1. Vọng chấp danh tự hý luận phân biệt.

2. Vọng chấp tướng danh tự phân biệt sự tướng của tướng cảnh giới.

Này Đại Tuệ! Vọng chấp tướng danh tự, sự tướng của tướng cảnh giới là gì? Tức là trong ngoài pháp đó tự tướng đồng tướng. Này Đại Tuệ! Đó gọi là nhân duyên pháp thể. Hai tướng tự tướng do nương vào pháp đó để quan sát pháp đó sinh ra. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng Nhân duyên pháp thể tự tướng.

Này Đại Tuệ! Tướng Đệ nhất nghĩa đế pháp thể là gì? Nghĩa là, các Đức Như Lai lìa khỏi tướng danh tự, tướng cảnh giới, tướng sự tướng, dùng trí bậc Thánh để tu hành cảnh giới hành xứ. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng Đệ nhất nghĩa đế, tâm của chư Phật Như Lai tạng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Việc phân biệt, danh, tướng.
Và pháp có hai tướng.

Trí chánh diệu Chân như
Là tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là pháp môn quan sát-năm pháp tự tướng là tướng các Đức Phật, Bồ-tát tu hành cảnh giới nội chứng. Ông và các Bồ-tát nên học như vậy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát cần phải quan sát khéo léo hai tướng vô ngã. Này Đại Tuệ! Những gì là hai?

1. Nhân vô ngã trí.

2. Pháp vô ngã trí.

Sao gọi là nhân vô ngã trí? Nghĩa là lìa khỏi sự chứa nhóm ngã, ngã sở, ấm, giới, nhập cùng vô trí, nghiệp, ái, sinh. Nương vào mắt, sắc… hư vọng, chấp trước, tự tâm hiện thấy tất cả các căn, đồ dùng, thân, nhà cửa… phân biệt về tự tâm phân biệt, phân biệt về nhận thức phân biệt như dòng sông chảy, chủng tử (hạt giống), đèn, ngọn lửa, gió, mây… từng niệm từng niệm đắp đổi trước sau sai khác, chuyển động vội vàng như khỉ vượn, như ruồi nhặng… ưa thích nơi cảnh giới bất tịnh, không biết nhàm chán như lửa. Nhân huân tập cảnh giới hý luận từ vô thủy đến nay giống như cơ quan con lăn bánh xe. Ở trong ba cõi sinh ra đủ thứ sắc, đủ loại thân như huyễn hóa khởi lên hão huyền.

Này Đại Tuệ! Như vậy quan sát, tướng các pháp bằng trí phương tiện khéo léo, đó gọi là biết rõ tướng cảnh giới trí của nhân vô ngã.

Này Đại Tuệ! Pháp vô ngã trí là gì? Nghĩa là, như thật phân biệt tướng ấm, giới, nhập. Này Đại Tuệ! Bồ-tát quan sát ấm, giới, nhập… vô ngã, ngã sở. Chứa nhóm ấm, giới, nhập nhân sợi dây nghiệp ái đắp đổi, trói buộc nhau, do nhân duyên sinh ra nên không có ngã, không có người tạo tác.

Này Đại Tuệ! Ấm, giới, nhập… lìa khỏi tướng đồng, tướng khác, nương vào tướng chẳng thật mà hân biệt được danh. Phàm phu ngu si vọng tưởng phân biệt cho là có, chẳng phải người thật chứng thấy mà cho là có.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát quan sát tâm, ý, ý thức, như vậy thể tướng năm pháp, tất cả lìa khỏi nên các nhân duyên không. Đó gọi là biết rõ tướng cảnh giới trí vô ngã của các pháp.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát biết rõ các pháp vô ngã rồi, quan sát Chân Như, tu hạnh tịch tĩnh, chẳng bao lâu sẽ được địa Hoan hỷ đầu tiên, có thể quan sát khéo léo địa Hoan hỷ rồi, như vậy các Địa theo thứ lớp hoán chuyển sáng tỏ, cho đến chứng được địa Pháp vân. Bồ-tát trụ ở địa Pháp vân đó rồi, vô lượng loại báu xen lẫn trang nghiêm, rồi cảnh giới huyễn của nghiệp sinh ra cung điện báu lớn với vương tòa hoa sen lớn như thật mà ngồi lên

trên tòa ấy, tất cả Phật tử đồng hạnh… cung kính vây quanh, được các Đức Phật mười phương đưa tay xoa đỉnh đầu trao cho quả vị Phật, như vua Chuyển luân làm lễ quán đảnh thái tử, qua khỏi địa vị Phật tử. Qua khỏi địa vị Phật tử rồi, quan sát các Phật pháp, đúng như thật tu hành, ở trong các pháp mà được tự tại. Được tự tại rồi gọi là chứng được Pháp thân Vô thượng của Như Lai vì thấy pháp vô ngã vậy. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng như thật của pháp vô ngã. Này Đại Tuệ! Ông và các Bồ-tát nên học như vậy.

Lúc ấy, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tướng phỉ báng có không, nguyện xin Thế Tôn vì con giảng nói. Bạch Thế Tôn! Con và các Đại Bồ-tát nếu được nghe thì lìa khỏi tà kiến có không, mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, lìa khỏi sự kiến lập tà kiến đoạn thường và liền có thể kiến lập chánh pháp của chư Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nhận lời thỉnh của Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ liền nói kệ:

Trong tâm không đoạn, thường
Thân, của cải, trụ xứ…
Chỉ tâm thiếu trí tuệ
Không vật mà thấy có.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, đối với ý nghĩa kệ này, lại một lần nữa tuyên nói với Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Có bốn tướng kiến lập phủ định. Những gì là bốn?

1. Tướng kiến lập chẳng phải có.

2. Tướng kiến lập chẳng phải chánh kiến.

3. Tướng kiến lập chẳng phải có nhân.

4. Tướng kiến lập chẳng phải có thể.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là bốn loại kiến lập.

Này Đại Tuệ! Tướng phủ tịnh là gì? Này Đại Tuệ! Quán sát tự kiến lập pháp của tà kiến chẳng thấy thật tướng liền phủ nhận các pháp mà nói rằng, tất cả đều không. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng kiến lập phủ định.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tướng kiến lập chẳng phải có là gì? Là phân biệt ấm, giới, nhập chẳng phải pháp có. Từ vô thủy đến nay hý luận chẳng phải thật có mà chấp trước tướng đồng, tướng khác. Pháp nào như vậy, như vậy… rốt ráo chẳng khác. Này Đại Tuệ! Nương vào phiền não huân tập từ vô lượng đời đến này mà chấp trước khởi lên. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng kiến lập chẳng phải có.

Này Đại Tuệ! Tướng kiến lập chẳng phải chánh kiến là gì? Này Đại Tuệ! Trong ấm, giới, nhập kia không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, tác giả, thọ giả mà kiến lập tà kiến gọi là có ngã, nhân… Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng kiến lập chẳng phải chánh kiến.

Này Đại Tuệ! Tướng kiến lập chẳng phải có nhân là gì? Là thức ban đầu chẳng từ nhân sinh ra, vốn chẳng sinh mà thời gian sinh ra như huyễn hóa, vốn không nương vào vật mà có, nương vào mắt, hình sắc, ánh sáng, ý niệm nên sinh ra thức, sinh ra rồi trở lại diệt đi. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng kiến lập chẳng phải có nhân.

Này Đại Tuệ! Tướng kiến lập chẳng phải có thể phủ nhận pháp là gì? Là kiến lập chấp trước hư không diệt, Niết-bàn không tạo tác, không sự vật. Này Đại Tuệ! Ba pháp đó lìa khỏi có, không. Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp như sừng, lông của thỏ, ngựa, lừa, lạc đà… lìa khỏi tướng kiến lập có không. Này Đại Tuệ! Tướng kiến lập phủ định là do các phàm phu hư vọng phân biệt, chẳng biết chỉ là sự chấp của tâm. Các pháp là có thì chẳng phải là cái thấy của bậc Thánh nhân. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng kiến lập chẳng có thể bài báng pháp. Vì vậy, ông nên xa lìa tướng kiến lập không chánh kiến, bài báng pháp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những Đại Bồ-tát biết như thật về tâm, ý, ý thức, năm pháp thể tướng, hai loại vô ngã… vì yên ổn chúng sinh nên hiện ra vô số, hình dáng. Như sự hư vọng kia không hề phân biệt, chỉ nương vào pháp nhân mà có đủ thứ.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, nương vào chúng sinh hiện ra vô số màu sắc như báu Như ý theo các tâm niệm của tất cả chúng sinh ở trong đại chúng của các cõi Phật mà hiện ra, như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như trăng như nước, như hình dáng trong gương, xa lìa các pháp, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Bồ-tát đó hiện ra Phật Như Lai, lìa khỏi các thừa Thanh văn, Duyên giác, nghe các Phật pháp liền được vô lượng trăm ngàn vạn ức Tam-muội sâu xa. Được Tam-muội rồi, Bồ-tát nương vào sức Tam-muội, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác để cúng dường các Đức Phật, thị hiện sinh ra ở trong cung điện khen ngợi ngôi Tam bảo, hiện làm thân Phật với đại chúng Bồ-tát, Thanh văn vây quanh khiến cho tất cả các chúng sinh được nhập vào "tự tâm thấy cảnh", vì chúng sinh nói cảnh bên ngoài không có sự vật, có sự vật khiến cho họ được xa lìa pháp kiến lập có không vậy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Phật tử thấy thế gian

Chỉ tâm, không các pháp
Chủng loại chẳng do thân
Được thành lực tự tại.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Đức Phật:

–Nguyện xin Đức Thế Tôn vì chúng con nói về tất cả pháp không, không sinh, không hai, lìa khỏi tướng tự thể. Con và tất cả các chúng Bồ-tát biết các pháp là không, không sinh, không hai lìa khỏi tướng tự thể rồi, lìa khỏi vọng tưởng có không, mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói rõ ràng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng chúng con xin lắng nghe!

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ rằng:

–Này Đại Tuệ! Không tức là phạm trù vọng tưởng pháp thể. Này Đại Tuệ! Nương vào chấp trước pháp thể vọng tưởng mà nói không, không sinh, không thể tướng, chẳng hai. Này Đại Tuệ! Không có bảy loại. Những gì là bảy?

1. Tướng không.

2. Tất cả các pháp có tự tánh không tự tánh đều không.

3. Hành không.

4. Chẳng hành không.

5. Tất cả pháp lìa ngôn ngữ không.

6. Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không.

7. Bỉ bỉ không.

Này Đại Tuệ! Tướng không là gì? Là tất cả pháp tự tướng, đồng tướng đều không, thấy chúng cùng đắp đổi tích tụ. Này Đại Tuệ! Quán sát mỗi một pháp tự tướng, đồng tướng không một pháp nào có thể nắm bắt, lìa khỏi tự tướng, tha tướng, cả hai tướng không có tướng nào có thể trụ, có thể thấy. Vậy nên gọi là tự tướng không.

Này Đại Tuệ! Tất cả pháp có tự tánh, không tự tánh đều không là gì? Là tướng tự thể thật có pháp sinh. Này Đại Tuệ! Tướng tự thể của các pháp có không đều không. Vậy nên, gọi là tướng tự thể có tự tánh không có tự tánh đều không.

Này Đại Tuệ! Hành không là gì? Là các ấm… lìa khỏi ngã, ngã sở, nương vào nhân tạo tác nghiệp mà có sinh. Này Đại Tuệ! Vậy nên gọi là hành không.

Này Đại Tuệ! Bất hành không là gì? Là trong pháp ấm. Niết-bàn chưa từng thực hành. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Bất hành không.

Này Đại Tuệ! Tất cả pháp không có ngôn ngữ không là gì? Là vọng tưởng phân biệt, tất cả các pháp không có ngôn ngữ nào có thể nói. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tất cả pháp không có ngôn ngữ không.

Này Đại Tuệ! Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không là gì? Là trong tự thân chứng thánh trí pháp không, lìa khỏi các lỗi huân tập tà kiến. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không.

Này Đại Tuệ! Bỉ bỉ không là gì? Là gồm những pháp xứ gì? Pháp kia không, pháp này có, pháp kia có pháp này không. Vậy nên nói không. Này Đại Tuệ! Ta thuở xưa từng vì Lộc Mẫu nói cung điện nhà cửa trống không, không voi ngựa, trâu, dê… thì gọi là không, có các Tỳ-kheo… gọi là chẳng phải không mà thể cung điện, nhà cửa của cung điện nhà cửa không có, thể Tỳ-kheo của Tỳ-kheo cũng chẳng thể nắm bắt mà voi, ngựa, trâu, dê… kia chẳng phải chỗ khác cũng không có. Này Đại Tuệ! Như vậy tự tướng đồng tướng của các pháp cũng chẳng thể nắm bắt lìa khỏi chỗ này chỗ kia. Vậy nên ta nói rằng, bỉ bỉ không. Này Đại Tuệ! Đó gọi là bảy loại không. Này Đại Tuệ! Bỉ bỉ không này rất là thô thiển. Này Đại Tuệ! Ông phải nên lìa khỏi "bỉ bỉ không", chẳng cần tu tập.

Bồ-tát Đại Tuệ hỏi:

–Bất sinh là gì?

–Này Đại Tuệ! Tự thể chẳng sinh mà chẳng phải chẳng sinh. Nương vào Thế đế nên nói là sinh, nương vào bản thể chẳng sinh nên nói là chẳng sinh.

Bồ-tát Đại Tuệ hỏi:

–Vô thể tướng là gì?

–Này Đại Tuệ! Ta nói Vô thể tướng là thể tất cả các pháp vốn chẳng sinh. Vậy nên, ta nói các pháp vô thể mà thể từng sát-na nối tiếp nhau chẳng trụ. Này Đại Tuệ! Do thấy từng tướng khác, tướng khác nối nhau. Vậy nên, tất cả pháp không thể tướng.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Thế nào gọi là Bất nhị Pháp tướng?

–Này Đại Tuệ! Tướng hai pháp là gọi bóng ánh sáng mặt trời dài

ngắn, đen trắng. Những pháp như vậy đó… thì mỗi một đều có tên riêng nên chẳng được nói rằng chẳng hai. Này Đại Tuệ! Như thế gian, Niết-bàn… tất cả các pháp, mỗi một đều có hai. Này Đại Tuệ! Những gì là Niết-bàn? Nơi đó không có thế gian. Chỗ nào là thế gian? Chỗ đó không có Niết-bàn, do tướng nhân khác nhau. Vậy nên, ta nói tất cả các pháp chẳng hai. Tất cả các pháp chẳng hai là thế gian, Niết-bàn không hai. Vậy nên, ông nên tu học các pháp không, vô tướng, vô thể, bất nhị vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Ta thường nói pháp không
Xa lìa khỏi đoạn, thường
Sinh tử như huyễn mộng
Nghiệp kia chẳng mất tan
Hư không và Niết-bàn
Diệt cả hai cũng vậy
Phàm phu sinh phân biệt
Thánh nhân lìa có, không.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Tất cả pháp không đều chẳng sinh, không thể, chẳng có hai tướng. Trong kinh của các Đức Phật Như Lai đã nói thì phàm các pháp môn đều nói ý nghĩa này.

Này Đại Tuệ! Tất cả kinh điển tùy theo tâm của tất cả chúng sinh nên phân biệt hiển bày. Này Đại Tuệ! Ví như sóng nắng mê hoặc loài cầm thú nên chúng hư vọng sinh ra chấp trước tưởng là nước mà thật ra trong sóng nắng không có nước.

Này Đại Tuệ! Tất cả kinh nói về pháp cũng lại như vậy, vì các phàm phu tự tâm phân biệt nên khiến cho họ được hoan hỷ, chứ chẳng phải ở nơi lời nói như thật của bậc Thánh trí. Này Đại Tuệ! Ông nên thuận theo ý nghĩa, chớ chấp trước danh tự, chương cú của lời nói.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như kinh nói, tự tánh của Như Lai tạng thanh tịnh, đủ ba mươi hai tướng, ở trong thân của tất cả chúng sinh, bị sự bao bọc của chiếc áo ấm, giới, nhập cấu bẩn tham, sân, si chẳng thật như được ràng buộc bằng chiếc áo cấu bẩn báu vô giá. Đức Như Lai Thế Tôn lại nói là thường hằng thanh lương chẳng biến đổi. Bạch Thế Tôn! Như vậy ngoại đạo cũng nói ngã có thần ngã thường trụ bất biến. Đức Như Lai cũng nói, Như Lai tạng là thường… cho đến chẳng biến đổi. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói có sự tạo tác thường, chẳng nương vào các duyên, tự nhiên

mà có, cùng khắp chẳng diệt. Nếu như vậy thì lời Như Lai và ngoại đạo nói đều không sai biệt.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ta nói Như Lai tạng là thường, chẳng đồng với sự có thần ngã của ngoại đạo. Này Đại Tuệ! Ta nói văn từ chương cú Như Lai tạng trống không, thật tế Niết-bàn chẳng sinh, chẳng diệt, không tướng, không nguyện… Gọi là Như Lai tạng.

Này Đại Tuệ! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì tất cả những phàm phu ngu si nghe nói vô ngã thì sinh ra kinh sợ. Vậy nên, ta nói có Như Lai tạng mà Như Lai tạng không có sự phân biệt, tịch tĩnh vô tướng gọi là Như Lai tạng.

Này Đại Tuệ! Những Bồ-tát hiện tại và vị lai… chẳng nên chấp trước tướng có ngã. Này Đại Tuệ! Ví như người thợ gốm giỏi nương vào cục bùn mịn, vòng bánh xe, sợi dây, tay nhân công, sức phương tiện của cây nên làm ra đủ thứ đồ dùng.

Này Đại Tuệ! Như Lai Thế Tôn cũng lại như vậy, pháp vô ngã kia lìa khỏi tất cả những tướng phân biệt, dùng trí tuệ phương tiện khéo léo gọi là Như Lai tạng, hoặc nói Vô ngã, hoặc nói thật tế và Niết-bàn… thị hiện đủ loại danh tự, chương cú như người thợ gốm giỏi kia tạo tác đủ thứ đồ dùng. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ta nói Như Lai tạng chẳng đồng với ngoại đạo nói có tướng của ngã.

Này Đại Tuệ! Ta nói Như Lai tạng là vì các ngoại đạo chấp trước đối với ngã, vì thu phục họ nên nói Như Lai tạng để khiến cho ngoại đạo kia xa lìa thần ngã vọng tưởng, thấy chỗ chấp trước của tâm, đi vào ba cửa giải thoát, mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đại Tuệ! Do ý nghĩa này nên các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nói Như Lai tạng. Vậy nên, ta nói có Như Lai tạng chẳng đồng với ngoại đạo chấp trước Thần ngã. Vậy nên, này Đại Tuệ! Vì lìa khỏi tất cả ngoại đạo tà kiến nên các Đức Phật Như Lai nói như vậy. Ông nên tu học pháp tướng Vô ngã của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Nhân, ngã cùng với ấm
Mọi duyên cùng vi trần
Tự tánh vốn tự tại
Chỉ tâm vọng phân biệt.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ quan sát tất cả chúng sinh vị lai, lại thỉnh Đức Phật:

–Nguyện xin Thế Tôn vì các Bồ-tát nói pháp tu hành như thật. Các vị Bồ-tát đó nghe nói pháp tu hành như thật liền được thành tựu sự tu hành như thật.

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Có bốn pháp được gọi là tu hành đại Như thật. Những gì là bốn?

1. Biết rõ tự tâm thấy được hiện tại.

2. Xa lìa sinh, trụ, diệt.

3. Hiểu rõ sự có, không của pháp bên ngoài.

4. Ưa tu "nội thân chứng trí".

Này Đại Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì được thành tựu sự tu hành đại Như thật.

Này Đại Tuệ! Thế nào là Đại Bồ-tát quan sát ba cõi chỉ là một tâm tạo tác? Do lìa ngã, ngã sở, không động không giác, lìa khỏi sự nắm giữ, xả bỏ từ vô thủy đến nay hư vọng chấp trước, tâm hý luận huân tập của ba cõi, đủ thứ sắc hạnh thường trói buộc, thân và tài sản, sáu đường trong khí thế gian đều hư vọng hiện bày. Này Đại Tuệ! Đó gọi là các Đại Bồ-tát biết rõ tự tâm thấy tướng trong hiện tại.

Này Đại Tuệ! Làm sao tất cả Đại Bồ-tát thấy xa lìa pháp sinh, trụ, diệt? Là quán các pháp như huyễn như mộng nên tất cả pháp, tự mình và người khác, hai loại đều không có nên chẳng sinh, do tùy theo tự tâm thấy biết ở hiện tại, do không có pháp bên ngoài, các thức chẳng khởi, quán các nhân duyên không chứa nhóm, thấy ba cõi có nhân duyên, chẳng chấp tất cả các pháp trong, ngoài đều không thật thể, xa lìa việc sinh ra các pháp chẳng chánh kiến, hiểu rõ tướng như huyễn tất cả pháp của Đại Bồ-tát, bấy giờ gọi là chứng đắc Sơ địa Vô sinh pháp nhẫn. Lìa xa tâm, ý, ý thức, năm thể tướng của pháp đạt được vô ngã, như ý ý thân cho đến đạt được Bất động Địa thứ tám như ý ý thân vậy.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là như ý ý thân?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Theo ý đi mau như nhớ nghĩ liền đến, không có chướng ngại gọi là như ý thân. Này Đại Tuệ! Nói như ý là đối với núi vách đá, chướng ngại vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần mà ý niệm vốn đã ghi nhớ mọi thứ cảnh giới thì sự trói buộc tự tâm chẳng thể ngăn ngại, tự tại mà đi.

Này Đại Tuệ! Như ý thân cũng lại như vậy, được thần lực tự tại của Tam-muội Như huyễn trang nghiêm thân ấy, tiến đến tất cả chủng loại thân Thánh trí không chướng ngại, tùy ý mà đi, do nghĩ về cảnh giới năng lực bản nguyện, vì giáo hóa tất cả các chúng sinh. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Đại Bồ-tát xa lìa tướng sinh, trụ, diệt.

Này Đại Tuệ! Thế nào là Đại Bồ-tát hiểu rõ tướng có, không của pháp bên ngoài? Đó gọi là Bồ-tát thấy tất cả pháp như sóng nắng, như giấc mơ, như vừng sáng. Do từ vô thủy đến nay chấp trước đủ thứ hý luận, huân tập phân biệt vọng tưởng nên thấy tất cả pháp không có thể tướng, cầu chứng đắc cảnh giới tu hành Thánh trí vậy. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Bồ-tát hiểu rõ tướng có, không của pháp bên ngoài liền thành tựu sự tu hành đại như thật. Này Đại Tuệ! Ông nên tu học như vậy.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Thế Tôn nói tướng nhân duyên của tất cả pháp khiến con và tất cả các Bồ-tát… biết rõ tướng nhân duyên của các pháp, lìa khỏi có, không, chẳng chánh kiến… vọng tưởng phân biệt các pháp theo thứ lớp hay cùng lúc sinh ra lỗi lầm.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp có hai loại tướng chứa nhóm nhân duyên là trong và ngoài. Này Đại Tuệ! Tướng chứa nhóm nhân duyên của pháp bên ngoài như gọi viên bùn, trụ, vòng bánh xe, sợi dây, nhân công, nhờ duyên làm phương tiện nên có cái bình sinh ra. Này Đại Tuệ! Như nhân duyên viên bùn… sinh ra cái bình, như vải gai, chiếu cỏ, giống mầm…, nhân công sinh ra sữa đặc. Sinh sữa đặc rồi sinh ra váng sữa. Sinh ra váng sữa rồi thì được đề hồ. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng chứa nhóm nhân duyên của pháp bên ngoài. Từ dưới lên trên ông nên biết.

Này Đại Tuệ! Tướng chứa nhóm nhân duyên của pháp bên trong là gì? Này Đại Tuệ! Đó là vô minh, nghiệp, ái… những pháp như vậy gọi là tướng chứa nhóm nhân duyên bên trong. Này Đại Tuệ! Nương vào vô minh… ấm, giới, nhập… mà được gọi là tướng chứa nhóm nhân duyên, nhưng các phàm phu do hư vọng phân biệt đều thấy có tướng riêng biệt.

Này Đại Tuệ! Nhân có sáu loại. Những gì là sáu?

1. Đương nhân.

2. Tương tục nhân.

3. Tương nhân.

4. Tác nhân.

5. Liễu nhân.

6. Tương đãi nhân.

Này Đại Tuệ! Đương nhân là tạo tác nhân rồi có thể sinh ra pháp trong, ngoài.

Này Đại Tuệ! Tương tục nhân là có thể nương vào duyên, pháp trong ngoài, ấm, chủng tử…

Này Đại Tuệ! Tương nhân là có thể sinh khởi nối tiếp nhau theo thứ lớp tạo tác sự việc mà chẳng đoạn dứt.

Này Đại Tuệ! Tác nhân là có thể làm Tăng thượng nhân như Chuyển luân vương.

Này Đại Tuệ! Liễu nhân là việc vọng tưởng sinh ra rồi có thể hiển thị như đèn soi màu sắc…

Này Đại Tuệ! Tương đãi nhân là đến khi diệt chẳng thấy hư vọng sinh ra pháp, việc nối tiếp nhau đoạn dứt.

Này Đại Tuệ! Các pháp như vậy, phàm phu tự tâm hư vọng phân biệt.

Này Đại Tuệ! Các pháp này chẳng phải theo thứ lớp sinh ra, chẳng phải cùng lúc sinh ra. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì nếu tất cả pháp cùng lúc sinh thì nhân quả chẳng thể sai biệt, do chẳng thấy thân tướng của nhân quả vậy. Nếu các pháp theo thứ lớp sinh thì chưa được thân tướng, chẳng được nói là theo thứ lớp sinh, như chưa có con chẳng thể nói là cha.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si tự tâm quan sát, thứ lớp nối tiếp nhau chẳng tương ứng nên nói như vầy: "Nhân duyên, thứ đệ duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên… có thể sinh ra các pháp."

Này Đại Tuệ! Như vậy các pháp chẳng phải theo thứ lớp sinh ra. Này Đại Tuệ! Hư vọng phân biệt chấp giữ thể, tướng của pháp. Cùng lúc, thứ lớp đều cũng chẳng sinh. Lại nữa, này Đại Tuệ! Do trong tự tâm thấy có thân và của cải vậy. Này Đại Tuệ! Tự tướng, đồng tướng, pháp bên ngoài, pháp không, vậy nên thứ lớp và cùng lúc chẳng sinh.

Này Đại Tuệ! Chỉ là thức hư vọng sinh ra sự thấy của tự tâm vậy.

Này Đại Tuệ! Ông hãy nên lìa khỏi việc nhân duyên chẳng chánh kiến và pháp sinh theo thứ lớp và cùng lúc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Nhân duyên không sinh ra
Chẳng sinh nên chẳng diệt
Sinh diệt nhân duyên giả
Không sinh cũng không diệt

Vì ngăn các nhân duyên
Người ngu chấp hư vọng
Duyên có, không chẳng sinh
Nên các pháp chẳng khởi
Do ở trong ba cõi
Huân tập tâm mê hoặc
Nhân duyên vốn tự không
Chẳng sinh cũng chẳng diệt.
Thấy những pháp hữu vi
Thạch nữ, hoa hư không.
Lìa sở thủ, năng thủ
Hoặc, vọng kiến chẳng sinh.
Hiện tại đều chẳng sinh
Duyên vốn cũng chẳng có
Hết thảy pháp như thế…
Tự thể là trống không
Cũng không có chỗ trụ
Nói có vì thế gian.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con nói pháp môn gọi là phân biệt ngôn ngữ tướng tâm. Con và tất cả các Bồ-tát… nếu được biết hoàn thiện pháp môn phân biệt ngôn ngữ tướng tâm thì có thể thông đạt lời nói và nghĩa của hai pháp, mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chứng Bồ-đề rồi, dùng lời nói và nghĩa có thể khiến cho tất cả các chúng sinh… được thanh tịnh giải thoát.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin nghe nhận!

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Có bốn loại ngôn ngữ vọng tưởng. Những gì là bốn?

1. Tướng ngôn thuyết.

2. Mộng ngôn thuyết.

3. Vọng chấp ngôn thuyết.

4. Vô thủy ngôn thuyết.

Này Đại Tuệ! Tướng ngôn thuyết là gọi sự chấp trước sắc… các tướng mà sinh ra.

Này Đại Tuệ! Mộng ngôn thuyết là nhớ nghĩ về cảnh giới hư vọng đã ghi nhận từ xưa. Nương vào cảnh giới, tỉnh mộng rồi biết nương vào cảnh giới hư vọng chẳng thật mà sinh ra.

Này Đại Tuệ! Chấp trước ngôn thuyết là nhớ nghĩ về việc nghe, việc tạo tác nghiệp xưa mà sinh ra.

Này Đại Tuệ! Vô thủy ngôn thuyết là từ vô thủy đến nay huân tập hạt giống chấp trước, hý luận, phiền não mà sinh ra.

Này Đại Tuệ! Ta đã nói xong bốn loại ngôn thuyết hư vọng chấp trước.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng ý nghĩa này thỉnh cầu Đức Như Lai mà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì con nói lại về bốn tướng của hư vọng chấp trước ngôn thuyết. Ngôn ngữ của chúng sinh từ đâu ra? Làm sao sinh ra? Nhân nào sinh ra?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Từ đầu, ngực, yết hầu, mũi, môi, lưỡi, răng chuyển nên hòa hợp phát ra âm thanh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ trong miệng và tướng của pháp hư vọng là khác hay là chẳng khác?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ngôn ngữ hư vọng là chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Vì sao? Này Đại Tuệ! Do pháp tướng hư vọng kia làm nhân sinh ra ngôn ngữ. Này Đại Tuệ! Nếu ngôn ngữ khác thì lẽ ra không có nhân sinh ra. Này Đại Tuệ! Nếu chẳng khác thì lời nói chẳng thể tỏ rõ cảnh giới trước nhưng ngôn ngữ đó biết rõ cảnh trước. Vậy nên chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vậy ngôn ngữ là Đệ nhất nghĩa, hay lời nói, ngôn ngữ là Đệ nhất nghĩa?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải ngôn ngữ là Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì khiến cho Đệ nhất nghĩa thuận theo ngôn ngữ nhập vào cảnh giới bậc Thánh. Có ngôn ngữ nói Đệ nhất nghĩa, chẳng phải ngôn ngữ tức là Đệ nhất

nghĩa. Này Đại Tuệ! Đệ nhất nghĩa là sự chứng đắc Thánh trí, chẳng phải pháp ngôn ngữ là cảnh giới Trí, do ngôn ngữ có thể biết rõ cảnh giới đó. Này Đại Tuệ! Nói ngôn ngữ Đệ nhất nghĩa chính là pháp sinh diệt, từng niệm từng niệm chẳng trụ, nhân duyên hòa hợp thì có ngôn ngữ sinh ra. Do nhân duyên hòa hợp thì chúng chẳng thể biết rõ Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì do không có tự tướng và tha tướng. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ngôn ngữ chẳng thể biết rõ Đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thuận theo tự tâm thấy các pháp bên ngoài không có pháp để phân biệt. Vậy nên chẳng thể rõ biết Đệ nhất nghĩa. Do đó, ông hãy nên lìa khỏi đủ loại tướng ngôn ngữ hư vọng phân biệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Các pháp vốn hư vọng
Không có tự thể thật
Vậy nên các ngôn ngữ
Chẳng thể nói có không.
Rỗng không cùng chẳng không
Phàm phu chẳng thể biết
Các pháp, không thể tướng
Nói chúng sinh cũng vậy.
Pháp phân biệt có, không
Giống như huyễn hóa, mộng…
Quán sát tất cả pháp
Chẳng trụ ở Niết-bàn
Cũng chẳng trụ thế gian
Như vua và trưởng giả…
Vì khiến các con mừng
Lấy bùn làm cầm thú
Trước cho vật hư ngụy
Việc thật sau mới trao
Ta nói đủ loại pháp
Tương tự bóng trong gương
Làm các Phật tử mừng
Sau thuyết minh thật tế.

Lúc ấy, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì các vị Bồ-tát và bản thân con, nói về lìa có và không, một và khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường và vô thường, việc chẳng thể làm của

tất cả ngoại đạo, việc tu hành tự chứng giác của Thánh trí, lìa khỏi pháp tự tướng đồng tướng, thể nhập pháp tánh chân thật Đệ nhất nghĩa, các Địa theo thứ lớp dần dần thanh tịnh, hội nhập tướng địa Như Lai, nương vào lực bản nguyện, như báu Như Ý, vô lượng tướng cảnh giới tu hành tự nhiên vận hành, đối với tất cả pháp tự tâm thấy rõ tướng sai biệt, khiến con và các Bồ-tát… lìa khỏi vọng tưởng phân biệt đồng tướng, dị tướng như vậy, mau đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chứng quả Bồ-đề rồi, chúng con sẽ ban cho tất cả chúng sinh yên ổn vui sướng, đều khiến cho họ thỏa mãn đầy đủ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông vì thương xót tất cả hàng trời, người, muốn họ được nhiều an lạc, nhiều lợi ích nên mới có thể hỏi ta ý nghĩa như vậy. Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si chẳng thể hiểu biết là chỉ có tự tâm thấy mà chấp trước vô số những pháp tướng bên ngoài, rồi cho là thật có. Vậy nên, họ hư vọng phân biệt là một hoặc khác, đồng chẳng đồng, có hoặc không, chẳng phải có hoặc chẳng phải không, thường và vô thường, do tự tâm huân tập, nương tâm hư vọng phân biệt.

Này Đại Tuệ! Ví như bầy thú bị khát bức bách nương vào sóng nắng tự tâm mê loạn tưởng là nước, chạy rong khắp nơi, chẳng biết là chẳng phải nước.

Này Đại Tuệ! Như vậy tâm phàm phu ngu si thấy pháp sinh, trụ, diệt, chẳng phân biệt rõ nương vào hư vọng chấp trước hý luận huân tập từ vô thủy đến nay, lửa tham, sân, si bức bách khiến tâm mê hoặc, ưa cầu vô số những cảnh giới sắc. Vậy nên phàm phu rơi vào một hoặc khác, đồng hoặc chẳng đồng, có không, chẳng phải có hoặc chẳng phải không, thường hoặc vô thường…

Này Đại Tuệ! Ví như phàm phu thấy thành Càn-thát-bà mà sinh ra tư tưởng là có thành thật. Họ nương vào chủng tử huân tập thành tưởng phân biệt hư vọng từ vô thủy đến nay mà thấy.

Này Đại Tuệ! Thành kia chẳng phải thành, chẳng phải chẳng thành.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo cũng lại như vậy, nương vào hý luận

huân tập từ vô thủy đến nay mà chấp trước pháp là một - khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường vô thường.

Này Đại Tuệ! Do chẳng hiểu biết là chỉ tự tâm thấy hư vọng.

Này Đại Tuệ! Ví như có người trong giấc mộng thấy những nam, nữ, voi ngựa, xe cộ, thành ấp, xóm làng, bò cùng trâu, vườn rừng, cây cối, vô số núi sông, dòng suối, ao tắm, cung điện, lầu đài, đủ thứ trang nghiêm, rộng lớn rực rỡ, thấy thân ở trong đó, họ bỗng nhiên tỉnh thức. Thức dậy rồi, họ vẫn nghĩ nhớ đến ngôi thành rộng lớn ấy.

Này Đại Tuệ! Ý ông thế nào? Người đó gọi là Thánh giả chăng?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Chẳng phải vậy, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Tất cả phàm phu ngu si, ngoại đạo, tà kiến, các kiến chấp cũng lại như vậy, chẳng thể hiểu biết các pháp, trong mộng tự tâm thấy nên chấp trước các thấy một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường.

Này Đại Tuệ! Ví như hình vẽ chẳng cao chẳng thấp.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si thấy hư vọng cho rằng các pháp có cao, có thấp.

Này Đại Tuệ! Vào đời vị lai, nương theo ngoại đạo nên tâm huân tập tà kiến mà tăng trưởng hư vọng phân biệt một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường…

Này Đại Tuệ! Ngoại đạo kia tự hoại và hủy hoại người khác, nói lời như vầy: "Các pháp chẳng sinh, chẳng diệt, có, không, tịch tĩnh." Người đó gọi là người chánh kiến.

Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo đó phỉ báng pháp nhân quả. Do tà kiến nên nhổ sạch tất cả các căn lành và nhân duyên thanh tịnh của pháp thiện.

Này Đại Tuệ! Người muốn cầu pháp thù thắng thì phải xa lìa người nói pháp như vậy. Tâm người đó chấp trước hai kiến chấp mình và người khác, chấp pháp hư vọng, rơi vào chê bai, kiến lập tâm tà đi vào đường ác.

Này Đại Tuệ! Ví như mắt bị nhặm, thấy trong hư không có vừng sáng nói với người khác rằng: "Những màu sắc, xanh, vàng, trắng, đỏ này sao ông chẳng xem?" Này Đại Tuệ! Vừng sáng đó vốn tự không hình thể. Vì sao? Vì cái có thấy chẳng thể thấy vậy. Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo… nương theo tâm tà kiến hư vọng phân biệt cũng lại như vậy, hư vọng chấp

trước một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường sinh ra các pháp.

Này Đại Tuệ! Ví như trời mưa sinh ra bong bóng nước tợ như ngọc pha lê, người phàm phu ngu si thấy sai lầm chấp trước, tưởng là ngọc mà đuổi theo khắp nơi. Này Đại Tuệ! Bong bóng nước đó chẳng phải ngọc báu, chẳng phải chẳng ngọc báu. Vì sao? Vì có chấp giữ, chẳng thể nắm giữ. Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo kia nương vào tâm hư vọng nên phân biệt, huân tập cũng lại như vậy, nói chẳng phải pháp có là nương vào nhân duyên sinh ra, lại có thuyết nói rằng, thật có pháp diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những ngoại đạo đó kiến lập ba lượng, năm phần luận rồi cho rằng, quả thật có pháp nội chứng của bậc Thánh, lìa khỏi hai tự thể, hư vọng phân biệt vậy. Này Đại Tuệ! Lìa tâm, ý, ý thức thì khi chuyển thân liền được thân thánh chủng. Tu hành các hạnh không có tâm như vậy thì lìa khỏi cảnh giới hư vọng của tự tâm chấp "năng thủ và sở thủ" thể nhập Như Lai địa, tự thân tiến đến chứng Thánh trí. Người tu hành như thật thì chẳng sinh tâm có, không. Này Đại Tuệ! Người tu hành như thật thì nhất định đạt đến cảnh giới như vậy.

Này Đại Tuệ! Nếu chấp giữ pháp có, không tức là tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Này Đại Tuệ! Nói pháp có, không tự tướng, đồng tướng thì đó gọi là ứng hóa Phật giảng nói, chẳng phải pháp Phật nói.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đức Như Lai ứng hóa nói pháp như vậy là thuận theo tâm thấy của phàm phu ngu si để khiến cho họ tu hành, chẳng phải là kiến lập sự tu hành như thật, thị hiện hạnh an lạc tự thân chứng Thánh trí Tam-muội.

Này Đại Tuệ! Ví như người thấy bóng cây trong nước. Này Đại Tuệ! Cái đó chẳng phải bóng chẳng phải chẳng bóng. Vì sao? Ví có cây thì có, không cây thì không vậy.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia nương theo tà kiến vọng tưởng huân tập cũng lại như vậy, phân biệt một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường là vọng tưởng phân biệt vậy. Vì sao? Vì do chẳng hay chẳng biết chỉ là tự tâm thấy vậy.

Này Đại Tuệ! Ví như gương sáng tùy theo duyên được thấy tất cả sắc tượng không có tâm phân biệt. Này Đại Tuệ! Đó chẳng phải hình dáng, chẳng phải chẳng hình dáng. Vì sao? Có duyên thì được thấy, không có duyên thì chẳng thấy.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si tự tâm phân biệt thấy hình tượng có,

không.

Này Đại Tuệ! Tất cả các ngoại đạo tự tâm vọng tưởng phân biệt hình tượng trong gương cũng lại như vậy, thấy một khác, đồng chẳng đồng.

Này Đại Tuệ! Ví như những tiếng vang nhờ vào người, núi, sông, nước, gió, trống không, nhà… hòa hợp lại mà nghe. Tiếng vang nghe được đó chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao? Vì nhờ vào âm thanh mà nghe âm thanh.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo tự tâm hư vọng phân biệt huân tập, thấy một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường.

Này Đại Tuệ! Ví như đại địa, chỗ không có các cây cỏ do ánh sáng mặt trời, bụi đất hòa hợp mà thấy sóng nước dao động, nhưng sóng nước đó chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao? Vì khiến cho chúng sinh hoan hỷ, điều chẳng hoan hỷ.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo, phàm phu ngu si cũng lại như vậy, do từ vô thủy đến nay tâm phiền não huân tập hý luận, phân biệt, sinh, trụ, diệt, một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường. Trong pháp môn chứng trí nơi tự thân của Thánh nhân, thị hiện việc khát ái như sóng nắng vậy.

Này Đại Tuệ! Ví như có người nương theo sức chú thuật khiến thây chết đứng dậy, người gỗ, máy không có thể của chúng sinh nhưng nương theo lực Tỳ-xá-xà, nương theo sức người thợ khéo tạo ra sự đi lại mà những phàm phu ngu si chấp trước cho là thật có. Do việc đi lại của chúng nên, này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si, các ngoại đạo… rơi vào tâm tà kiến cũng lại như vậy, chấp trước hư vọng một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường. Vậy nên phàm phu, ngoại đạo, hư vọng kiến lập pháp như vậy. Vậy nên này Đại Tuệ! Ông phải xa lìa sinh trụ, diệt, một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường mà tự thân nội chứng Thánh trí phân biệt vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Năm ấm cùng với thức
Như bóng cây trong nước
Thấy như huyễn như mộng
Chớ nương chấp ý thức
Các pháp như vầng sáng
Như loáng nước mê hoặc.

Quán sát khắp ba cõi
Tất cả như huyễn mộng
Nếu quán sát như vậy
Tu hành được giải thoát
Như loài thú khát nước
Tâm dao động mê hoặc
Chỗ kia không có nước
Vọng tưởng thấy là nước
Như hạt giống ý thức
Cảnh giới động, thấy sinh
Ngu si chấp là thật
Pháp đó sinh như che
Ngu si đời vô thủy
Chấp vật như hoài bão
Như nhờ chốt tháo chốt
Dùng pháp lừa người phàm.
Huyễn, khởi thây, máy móc
Mộng, chớp, mây thường vậy.
Quán, thế gian như thế
Trừ chấp có, giải thoát
Sóng nắng trong hư không
Các thức không thể biết
Quán các pháp như vậy
Chẳng thấy tất cả pháp
Các thức chỉ có tên
Còn các tướng rỗng không
Thấy ấm như vầng sáng
Phân biệt gì trong pháp?
Hình vẽ, các vừng sáng
Càn-thát-bà, huyễn, mộng
Vầng lửa, chim tìm nước
Thấy có mà thật không.
Thường vô thường và một
Hai, đồng và chẳng đồng
Nương nhân vô thủy buộc
Phàm phu tâm mê hoặc
Trong gương, báu nước, mắt
Hiện đủ loại hình ảnh

Vọng thấy đủ loại sắc
Như mộng, con thạch nữ
Tất cả pháp không thật
Như thú khác nước không.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai nói pháp lìa khỏi bốn kiến chấp. Đó là lìa khỏi một khác, đồng chẳng đồng, xa lìa kiến lập có, không.

Này Đại Tuệ! Tất cả các Đức Phật Như Lai nói pháp vương vào thật tế, nhân duyên, tịch diệt, giải thoát.

Này Đại Tuệ! Tất cả các Đức Phật Như Lai nói pháp nương theo cảnh giới cứu cánh, chẳng phải tự tánh, trời tự tại, không có nhân, thời gian, vi trần… chẳng nương như vậy mà nói pháp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các Đức Phật nói pháp lìa khỏi hai chướng là phiền não chướng và trí chướng. Như vị đại thương chủ dẫn mọi người lần lượt đến chỗ rất tịch tĩnh, hoàn toàn yên ổn chưa từng thấy, theo thứ lớp an trí khiến cho họ hiểu biết tướng, sai biệt của Thừa và Địa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bốn Thiền. Những gì là bốn?

1. Thiền của phàm phu ngu si thực hành.

2. Thiền quan sát nghĩa.

3. Thiền niệm Chân như.

4. Thiền của Phật Như Lai.

Này Đại Tuệ! Thiền của phàm phu ngu si thực hành là gì? Là người tu hành theo Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo, quan sát nhân vô ngã, tự tướng đồng tướng, xương cốt liền nhau, vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh… chấp trước các tướng, hoàn toàn quyết định như vậy chẳng khác, như vậy theo thứ lớp quan sát trước, theo thứ lớp tiến tới cho đến Phi tưởng, định Diệt tận, giải thoát. Đó gọi là Thiền của Thanh văn, ngoại đạo, phàm phu ngu si…

Này Đại Tuệ! Thiền quán sát nghĩa là gì? Là quán sát nhân vô ngã, tự tướng, đồng tướng, thấy ngoại đạo, phàm phu ngu si tự tướng, đồng tướng, tướng mình, tướng người khác đều không thật; quán sát pháp vô ngã, nghĩa hành tướng của các Địa theo thứ lớp. Này Đại Tuệ! Đó gọi là thiền quán sát nghĩa.

Này Đại Tuệ! Quán thiền Chân như nghĩa là gì? Là quán sát nhân duyên phân biệt hư vọng, biết như thật về hai loại vô ngã, phân biệt như thật thể tướng của tất cả các pháp đều không thật. Bấy giờ, chẳng trụ trong

tâm phân biệt đạt được cảnh giới tịch tĩnh. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Thiền quán chân như.

Này Đại Tuệ! Quán sát thiền Như Lai là gì? Là thể nhập như thật Như Lai địa, nhập vào ba không, ba hạnh an lạc của tướng nội thân Thánh trí, có thể thành tựu cho chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn. Này Đại Tuệ! Đó gọi quán sát thiền Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Những phàm phu… hành thiền
Quán sát thiền nghĩa tướng
Quán niệm Thiền chân như
Thiền Phật tịnh rốt ráo
Như ánh trăng, mặt trời
Tướng Bát-đầu-ma hải
Tướng lửa diệt, hư không
Hành giả quán như vậy
Đủ các tướng như trên
Rơi vào pháp ngoại đạo
Cũng rơi vào Thanh văn
Và hạnh Bích-chi-phật
Xả bỏ hết tất cả
Tức là vô trụ chấp
Phật cõi nước mười phương
Đều dùng tay chân như
Xoa đầu người tu hành
Vào Chân như vô tướng.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói về Niết-bàn! Những pháp gì mới gọi là Niết-bàn?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nói Niết-bàn là chuyển diệt thể tướng của các thức, pháp, chuyển các kiến huân tập, chuyển tâm, ý, A-lê-gia thức, pháp tướng huân tập… gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Ta và các Đức Phật nói về sự rỗng rang của cảnh giới Niết-bàn pháp thể như vậy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nói Niết-bàn nghĩa là cảnh giới tu hành của Thánh trí nội thân, lìa khỏi pháp hư vọng phân biệt có, không.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải thường là sao? Là lìa khỏi pháp phân biệt

tự tướng đồng tướng. Đó gọi là chẳng phải thường.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải đoạn là gì? Là tất cả Thánh nhân quá khứ, vị lai, hiện tại đều được chứng đắc. Đó là chẳng phải đoạn.

Này Đại Tuệ! Bát-niết-bàn là chẳng phải chết, chẳng phải diệt.

Này Đại Tuệ! Nếu Bát-niết-bàn là pháp tử thì đáng lẽ có sinh trói buộc.

Này Đại Tuệ! Nếu Bát-niết-bàn là pháp diệt thì đáng lý rơi vào pháp hữu vi. Vậy nên, này Đại Tuệ! Bát-niết-bàn là chẳng phải chết, chẳng phải diệt, là chỗ nương về của người tu hành như thật.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nói Niết-bàn là chẳng phải có thể nắm giữ, chẳng phải có thể xả bỏ, chẳng phải chỗ này, chẳng phải chỗ kia, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải một nghĩa, chẳng phải nhiều loại nghĩa. Vậy nên gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn của Thanh văn là quan sát tự tướng đồng tướng mà thấu hiểu các pháp nên gọi là Niết-bàn của Thanh văn. Này Đại Tuệ! Niết-bàn của Bích-chi-phật là chẳng ưa nơi ồn nào, thấy các cảnh giới vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, chẳng sinh ra tướng điên đảo. Vậy nên Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng phải chỗ cứu cánh để sinh ra tưởng Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta vì ông nói về hai thể tướng của pháp. Những gì là hai?

1. Chấp trước thể tướng của lời nói.

2. Chấp trước thể tướng của các pháp thế gian.

Này Đại Tuệ! Chấp trước thể tướng của lời nói là gì? Là từ vô thủy đến nay chấp trước lời nói hý luận huân tập mà sinh ra.

Này Đại Tuệ! Chấp trước thể tướng của các pháp thế gian là gì? Là chẳng như thật biết chỉ là tự tâm thấy cảnh giới bên ngoài.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nương vào hai nguyện lực kiến lập để đảnh lễ các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, thưa hỏi chư Như Lai về sự nghi ngờ. Những gì là hai loại nguyện lực trì?

1. Nương vào lực trụ trì của Tam-muội Tam-ma-đề.

2. Toàn thân được an lạc, gọi là được tay của chư Như Lai xoa đầu trao cho lực trụ trì ngôi vị Phật.

Này Đại Tuệ! Các vị Đại Bồ-tát trụ trong Sơ địa, nương lực trụ trì của các Như Lai gọi là thể nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh rồi, bấy giờ các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri mười phương ban cho các Bồ-tát lực trụ trì nên thị hiện thân, miệng, ý.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng và các Đại Bồ-tát khác thành tựu tướng công đức như vậy.

Này Đại Tuệ! Những Đại Bồ-tát như vậy chứng Sơ địa, trụ ở lực trụ trì Tam-muội Tam-ma-bạt-đề, dùng năng lực căn lành tu tập ở trăm ngàn vạn ức kiếp, theo thứ lớp như thật biết và thành tựu pháp tướng đối trị các Địa. Đại Bồ-tát đến Pháp vân địa, trụ ở cung điện vua Đại Bảo Liên Hoa, ngồi lên tòa Sư tử với Đại Bồ-tát quyến thuộc đồng loại vây quanh, mũ báu, chuỗi ngọc trang nghiêm thân mình như vàng Diêm-phù-đàn, hoa Chiêm-bặc, ánh sáng mặt trời mặt trời, mặt trăng, màu sắc của hoa sen thù thắng.

Bấy giờ, tất cả các Đức Phật mười phương đều duỗi tay ra, từ xa xoa đầu Đại Bồ-tát trên vương tòa Liên hoa như vị thái tử được Tự tại vương, Đế Thích vương, Chuyển luân vương làm lễ quán đảnh trao ngôi vị.

Này Đại Tuệ! Vị Bồ-tát được trao ngôi vị kia và những Đại Bồ-tát quyến thuộc nương theo tay Như Lai xoa đầu nên được an lạc toàn thân. Vậy nên nói rằng, lực trụ trì của tay xoa đầu Bồ-tát.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là hai lực trụ trì của những Đại Bồ-tát.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nương vào hai lực trụ trì này nên có thể quán sát thân của tất cả các Đức Như Lai.

Này Đại Tuệ! Nếu không có hai lực trụ trì thì chẳng được thấy các Đức Phật Như Lai.

Này Đại Tuệ! Nếu các vị Đại Bồ-tát lìa khỏi hai lực trụ trì mà có thể nói pháp thì phàm phu ngu si lẽ ra cũng nói pháp. Vì sao? Vì chẳng được lực trụ trì của các Đức Phật.

Này Đại Tuệ! Nương theo lực trụ trì của các Đức Như Lai nên núi sông, vách đá, cỏ cây, vườn rừng và đủ loại kỹ nhạc, thành ấp, xóm làng, cung điện, nhà cửa… đều có thể phát ra tiếng nói pháp, các nhạc cụ tự nhiên đều phát ra âm thanh.

Này Đại Tuệ! Huống gì là người có tâm khiến vô lượng chúng sinh điếc, mù, câm, ngọng lìa khỏi những khổ não.

Này Đại Tuệ! Lực trụ trì của các Đức Phật Như Lai có vô lượng lợi ích làm cho chúng sinh an lạc.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao khi các Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội Tam-

ma-bạt-đề và thể nhập các Địa thì được các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri gia hộ lực trụ trì?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Vì hộ trì nghiệp ma tâm phiền não tán loạn, vì chẳng rơi vào cõi thiền định của Thanh văn, vì nội thân chứng Như Lai địa, vì tăng trưởng nội thân chứng pháp.

Này Đại Tuệ! Vậy nên các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì các Bồ-tát gia hộ lực trụ trì.

Này Đại Tuệ! Nếu các Đức Như Lai chẳng vì Bồ-tát gia hộ lực trụ trì thì chư vị ấy rơi vào việc ma của các ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên, các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đại Từ luôn hộ trì các vị Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Bồ-tát nương tự thân
Bản nguyện lực thanh tịnh
Thể nhập các Tam-muội
Từ Sơ đến Thập địa
Chư Phật nhân trung tôn
Dùng thần lực trụ trì.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 4

Phẩm 3: TẬP HỢP TẤT CẢ PHÁP PHẬT (Phần 3)

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn giảng nói, mười hai nhân duyên từ nhân sinh ra quả, chẳng nói tự tâm vọng tưởng phân biệt, thấy sức lực mà sinh ra. Bạch Thế Tôn! Nếu vậy, ngoại đạo cũng nói từ nhân sinh ra quả. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nói rằng, từ nơi tự tánh, khi trời Tự tại do vi trần… sinh ra tất cả pháp. Đức Như Lai cũng nói, nương vào nhân duyên mà sinh ra các pháp, mà chẳng nói có pháp tự kiến lập. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói, từ nơi có không mà sinh ra các pháp. Đức Thế Tôn nói rằng, các pháp vốn không, nương nhân duyên mà sinh, sinh rồi trở lại diệt. Đức Thế Tôn nói, từ Vô minh duyên hành cho đến hữu, nương vào nhãn thức… sinh ra tất cả pháp. Như Đức Thế Tôn nói thì cũng có các pháp không có nhân mà sinh. Vì sao? Vì chẳng từ nhân sinh ra một lúc, không sinh ra trước, sau. Do nhân pháp này sinh ra pháp này. Đức Thế Tôn tự nói, nương vào nhân hư vọng mà pháp sinh ra; pháp này chẳng phải theo thứ lớp sinh ra. Nếu vậy thì ngoại đạo nói pháp hơn Đức Như Lai sao. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì ngoại đạo nói, nhân không nhân duyên có thể sinh ra quả. Đức Như Lai nói, nhân của pháp cũng nương vào quả, quả cũng nương vào nhân. Nếu vậy thì nhân duyên không nhân, không quả. Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì nhân quả đó đây đắp đổi không cùng. Thế Tôn nói rằng, từ pháp này sinh ra pháp kia. Nếu vậy thì không nhân sinh ra pháp?

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ta nay sẽ nói, nhân pháp này sinh ra pháp kia chẳng đồng với sự kiến lập nhân quả của ngoại đạo. Pháp không nhân cũng từ nhân sinh ra, còn ta chẳng như vậy. Ta nói, các pháp từ nhân duyên sinh, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng tạp loạn, cũng không lỗi đắp đổi vô cùng. Vì sao? Vì do pháp không có năng thủ, sở thủ. Này Đại Tuệ! Ngoại đạo chẳng biết tự tâm thấy nên chấp trước pháp năng thủ, sở thủ, chẳng biết rõ chỉ tự tâm thấy pháp cả trong lẫn ngoài. Này Đại Tuệ! Các

ngoại đạo kia chẳng biết cảnh giới bên trong của tâm mình nên thấy vật có, không. Vậy nên, ngoại đạo có lỗi như vậy, chẳng phải lỗi của ta. Ta thường nói rằng, nhân duyên hòa hợp mà sinh ra các pháp, chẳng phải không có nhân sinh ra.

Bồ-tát Đại Tuệ lại nói:

–Bạch Thế Tôn! Có ngôn ngữ để nói thì lẽ ra có các pháp. Bạch Thế Tôn! Nếu không có các pháp thì lẽ ra chẳng nói lời nói. Bạch Thế Tôn! Vậy nên nương vào lời nói lẽ ra có các pháp.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Cũng có và không có pháp mà nói lời nói, như sừng thỏ, lông rùa, thạch nữ có con… ở trong thế gian mà có lời nói. Này Đại Tuệ! Sừng thỏ đó chẳng phải có, chẳng phải không mà nói lời nói. Này Đại Tuệ! Ông nói, do có lời nói nên có các pháp thì nghĩa này đã bị phá. Này Đại Tuệ! Chẳng phải tất cả cõi Phật đều dùng ngôn ngữ để nói pháp. Vì sao? Vì các ngôn ngữ chỉ là tâm người phân biệt mà nói. Vậy nên, này Đại Tuệ! Có cõi nước Phật chỉ nhìn thẳng không chớp mắt, miệng không phát ra lời nói gọi là nói pháp, có cõi nước Phật thị hiện tướng của người đó gọi là nói pháp. Có cõi nước Phật chỉ nhướng mày gọi là nói pháp. Có cõi nước Phật chỉ nháy mắt gọi là nói pháp. Có đất nước Phật chỉ cười gọi là nói pháp. Có cõi nước Phật chỉ ngáp gọi là nói pháp. Có cõi nước Phật chỉ tằng hắng gọi là nói pháp. Có cõi nước Phật chỉ niệm gọi là nói pháp. Có đất nước Phật, thân mạng gọi là nói pháp. Này Đại Tuệ! Như thế giới Vô thuấn và thế giới Chúng hương, ở chỗ Đức Phổ Hiền Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, hàng Đại Bồ-tát ở đó quán sát Như Lai không hề chớp mắt thì đạt được pháp Nhẫn vô sinh, cũng đạt được vô lượng pháp Tam-muội thù thắng. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ông chẳng được nói rằng, có ngôn ngữ để nói nên có các pháp. Này Đại Tuệ! Như Lai cũng thấy tất cả loài chúng sinh trong các thế giới như vi trùng, muỗi, mòng, ruồi nhặng… chẳng nói ngôn ngữ mà cùng nhau hoàn thành công việc của mình.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Như hư không, sừng thỏ
Và thạch nữ sinh con
Không mà có ngôn ngữ
Như vậy phân biệt suông
Pháp nhân duyên hòa hợp
Ngu si sinh phân biệt
Chẳng biết pháp như thật

Xoay vần trong ba cõi.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói pháp là thường, thì nương vào những pháp gì mà nói những lời như vậy?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Nương vào pháp mê hoặc ta nói là thường. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì bậc Thánh cũng thấy pháp mê hoặc của thế gian, chẳng phải là tâm điên đảo. Này Đại Tuệ! Ví như loáng nắng, vừng lửa, vừng sáng thành Càn-thát-bà, huyễn, mộng, trăng trong nước, hình tượng trong gương… Người thế gian chẳng phải bậc Trí tuệ thì thấy có các hình tượng, thấy điên đảo vậy. Người có trí tuệ thì chẳng sinh ra phân biệt, chẳng phải chẳng thấy sự việc mê hoặc đó. Này Đại Tuệ! Người có trí tuệ thì thấy vô số việc mê hoặc kia, chẳng sinh tâm cho là thật. Vì sao? Vì lìa khỏi pháp có, không vậy.

Đức Phật lại bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Pháp mê hoặc lìa khỏi có, không là sao? Nghĩa là những phàm phu ngu si thấy có đủ loại cảnh giới như những ngạ quỷ thấy biển cả sông Hằng, tuy thấy nước mà chẳng thấy. Này Đại Tuệ! Pháp mê hoặc này thì chẳng được nói có, chẳng được nói không.

Này Đại Tuệ! Còn chúng sinh khác thì thấy đó chính là nước nên chẳng được nói không. Này Đại Tuệ! Việc mê hoặc cũng lại như vậy, do các Thánh nhân lìa khỏi cái thấy điên đảo.

Này Đại Tuệ! Nói rằng pháp mê hoặc thường, là do sự sai biệt của tưởng vậy. Này Đại Tuệ! Do pháp mê hoặc nên thấy đủ loại tướng mà pháp mê hoặc chẳng phân biệt sự sai biệt nào khác. Vậy nên, này Đại Tuệ! Pháp mê hoặc là thường.

Này Đại Tuệ! Sao pháp mê hoặc mà gọi là thật? Do các Thánh nhân ở trong pháp mê hoặc, chẳng sinh tâm điên đảo, cũng chẳng sinh tâm chân thật. Này Đại Tuệ! Các bậc Thánh thấy pháp mê hoặc đó khởi lên chút ít tâm tưởng, chẳng sinh ra sự tướng của Thánh trí. Này Đại Tuệ! Khởi lên chút ít tưởng thì đó gọi là phàm phu, chẳng phải gọi là bậc Thánh.

Này Đại Tuệ! Phân biệt pháp mê hoặc đó là điên đảo, chẳng phải là điên đảo là có thể sinh ra hai tánh. Những gì là hai?

1. Có thể sinh ra tánh phàm phu.

2. Có thể sinh ra tánh Thánh nhân.

Này Đại Tuệ! Tánh Thánh nhân đó là có thể sinh ra ba tánh sai biệt.

Đó là tánh sai biệt về cõi nước của Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật.

Này Đại Tuệ! Pháp phàm phu ngu si phân biệt mê hoặc là gì mà có thể sinh ra tánh Thanh văn thừa đó? Này Đại Tuệ! Đó gọi là chấp trước mê hoặc pháp tự tướng, đồng tướng kia thì có thể thành tánh Thanh văn thừa. Này Đại Tuệ! Đó gọi là pháp mê hoặc có thể sinh ra, có thể thành tánh thừa Thanh văn.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si phân biệt, mê hoặc pháp là gì mà có thể sinh ra tánh thừa Bích-chi-phật đó? Này Đại Tuệ! Đó là chấp trước mê hoặc pháp đó quan sát tự tướng, đồng tướng của các pháp mà chẳng ưa ồn náo thì có thể sinh ra tánh thừa Bích-chi-phật. Này Đại Tuệ! Đó gọi là pháp Mê hoặc có thể sinh ra, có thể thành tánh thừa Bích-chi-phật.

Này Đại Tuệ! Bậc trí liền phân biệt pháp mê hoặc đó có thể sinh ra tánh Phật thừa là gì? Này Đại Tuệ! Là gọi sự thấy về năng kiến, sở kiến đó chỉ là tự tâm, mà chẳng phân biệt pháp có, không. Này Đại Tuệ! Như vậy quan sát pháp mê hoặc có thể sinh ra, có thể thành tánh Như Lai thừa. Này Đại Tuệ! Như vậy gọi là nghĩa của tánh.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tất cả phàm phu ngu si? Tức là phân biệt pháp mê hoặc đó thấy đủ thứ việc, có thể sinh tánh thừa của thế gian. Do quan sát các pháp như vậy… như vậy… quyết định chẳng sai khác. Vậy nên, này Đại Tuệ! Pháp mê hoặc đó, kẻ phàm phu ngu si hư vọng phân biệt đủ loại pháp thể. Này Đại Tuệ! Mê hoặc pháp đó chẳng phải là việc thật, chẳng phải là việc chẳng thật. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì bậc Thánh quan sát pháp mê hoặc đó mà chẳng hư vọng phân biệt. Vậy nên, bậc Thánh có thể chuyển biến tâm, ý, ý thức, thân tướng, lìa khỏi sự tích tập phiền não. Vậy nên, bậc Thánh chuyển pháp mê hoặc đó, gọi là Chân như.

Này Đại Tuệ! Pháp này tên là gì? Này Đại Tuệ! Đây gọi là pháp Chân như, pháp lìa phân biệt. Này Đại Tuệ! Vì nghĩa này nên ta một lần nữa tuyên nói pháp thể Chân như, pháp lìa phân biệt. Trong Chân như đó không có pháp hư vọng phân biệt kia.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp mê hoặc kia là có hay không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Pháp mê hoặc kia chấp trước đủ loại tướng nên gọi là có. Này Đại Tuệ! Pháp mê hoặc kia ở trong vọng tưởng nếu là có thì tất cả bậc Thánh, lẽ ra chẳng lìa khỏi do chấp trước nên có pháp hư vọng có, không. Này Đại Tuệ! Như ngoại đạo nói mười hai nhân duyên, có từ nhân sinh ra, chẳng từ nhân sinh ra. Nghĩa này cũng như vậy!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thấy pháp mê hoặc như huyễn thì pháp mê hoặc này khác với mê hoặc, vì pháp mê hoặc có thể sinh ra pháp?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Chẳng phải pháp mê hoặc sinh ra lỗi lầm phiền não. Này Đại Tuệ! Nếu chẳng phân biệt pháp mê hoặc thì chẳng sinh ra các lỗi lầm.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả pháp huyễn nương và công sức người và chú thuật mà sinh ra, chẳng phải tự âm phân biệt phiền não mà sinh ra. Vậy nên, này Đại Tuệ! Pháp mê hoặc kia chẳng sinh ra các lỗi lầm, chỉ là người ngu si thấy pháp mê hoặc. Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si chấp trước việc hư vọng vi tế mà sinh ra các lỗi lầm, chẳng phải là bậc Thánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Thánh chẳng thấy mê hoặc
Thế gian cũng không thật
Mê hoặc tức là thật
Pháp thật ắt mê lầm.
Xa lìa các mê hoặc
Nếu có tướng phát sinh
Tức đó là mê hoặc
Chẳng tịnh như ngăn che.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ông chẳng nên nói huyễn là không, nên tất cả các pháp cũng không như huyễn.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì chấp trước các pháp tướng như huyễn nên nói rằng, các pháp như huyễn. Vì chấp trước tướng các pháp điên đảo nên nói rằng, các pháp hư huyễn. Bạch Thế Tôn! Nếu chấp trước các pháp tướng như huyễn thì Thế Tôn chẳng nên nói rằng, tất cả pháp đều như tướng huyễn. Nếu chấp trước các pháp tướng điên đảo nên nói như huyễn thì chẳng nên nói rằng, tất cả pháp như huyễn. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Sắc có đủ vô số nhân, tướng để thấy. Không có nhân khác để sắc có các tướng có thể thấy như huyễn. Vậy nên, chẳng nên nói rằng, chấp trước các pháp, tất cả đều như huyễn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải gọi chấp trước đủ loại pháp tướng thì nói rằng, các pháp tất cả đều như huyễn. Này Đại Tuệ! Các pháp điên đảo diệt mau chóng như ánh chớp nên nói như huyễn. Tất cả các pháp ví như ánh chớp, chợt thấy

liền mất mà phàm phu chẳng thấy. Tất cả các pháp cũng lại như vậy, do tự tâm phân biệt đồng tướng, dị tướng của tất cả pháp, do chẳng thể quán sát nên chẳng thấy như thật, do vọng chấp sắc, pháp…

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Chẳng thấy sắc và pháp
Nói rằng pháp không, huyễn
Nên chẳng trái trên dưới
Ta nói tất cả pháp
Chẳng thấy có bản tánh
Như huyễn, thể không sinh.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói, các pháp chẳng sinh, rồi lại nói rằng như huyễn. Theo lời nói trước sau của Thế Tôn về tự tướng không trái sao? Do Đức Như Lai nói tất cả pháp chẳng như huyễn.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Ta nói, tất cả pháp chẳng sinh, như huyễn thì chẳng thành ra trước sau có sự trái lỗi nhau. Vì sao? Vì tất cả phàm phu ngu si chẳng thấy pháp sinh và pháp chẳng sinh, chẳng thể hay biết tự tâm có không, pháp bên ngoài có không. Vì sao? Do chẳng thể thấy pháp chẳng sinh. Này Đại Tuệ! Như vậy, ta nói các pháp trước sao không có trái nhau.

Này Đại Tuệ! Ta ngăn ngoại đạo kiến lập nghĩa nhân quả chẳng tương đương. Vậy nên ta nói các pháp chẳng sinh.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo tụ tập lại mà nói như vầy: "Từ nơi có, không sinh ra tất cả các pháp." Họ chẳng nói do tự tâm phân biệt, chấp trước, nhân duyên mà sinh ra.

Này Đại Tuệ! Ta nói các pháp có cũng chẳng sinh, không cũng chẳng sinh. Vậy nên, ta nói, các pháp chẳng sinh, chẳng diệt.

Này Đại Tuệ! Ta nói tất cả các pháp có là để giúp đỡ các đệ tử, khiến cho họ biết hai pháp. Những gì là hai?

1. Giữ gìn các thế gian.

2. Vì giúp đỡ cho các đoạn kiến.

Vì sao? Vì nương theo nghiệp nên có đủ thứ nhân, sinh ra trong sáu đường. Vậy nên ta nói rằng, có các pháp giữ gìn thế gian.

Này Đại Tuệ! Ta nói, tất cả pháp như huyễn là vì khiến cho tất cả phàm phu ngu si rốt cùng có thể lìa khỏi tự tướng, đồng tướng. Do tâm các phàm phu ngu si chấp trước nên rơi vào tà kiến. Do chẳng thể biết, chỉ là

tự tâm thấy hư vọng, khiến cho lìa khỏi sự chấp trước nơi pháp nhân duyên sinh. Vậy nên ta nói, tất cả các pháp như huyễn, như mộng, không có thật thể. Vì sao? Vì nếu chẳng nói như vậy thì phàm phu ngu si chấp tâm tà kiến, lừa dối tự thân và cả người khác, lìa khỏi sự thấy như thật đối với tất cả pháp.

Này Đại Tuệ! Làm sao trụ ở sự thấy như thật? Là thể nhập tự tâm, thấy các pháp vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Như ông nói các pháp
Tất cả đều chẳng sinh
Là chê bai nhân quả
Như thật thấy chẳng sinh
Ta nói có pháp sinh
Giữ gìn các thế gian
Thấy các pháp như huyễn
Chẳng chấp tướng các kiến.

Lại nữa, Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ta nay vì các Đại Bồ-tát nói về danh, cú, tự thân, tướng để các Bồ-tát khéo biết về danh, cú, tự thân, tướng mà nương theo danh, cú, tự thân tướng mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chứng đắc Bồ-đề rồi, các Bồ-tát vì chúng sinh nói về danh, cú, tự, tướng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn giảng nói!

–Này Đại Tuệ! Thế nào là danh thân? Là nương theo những pháp gì tạo ra tên gọi, danh thân và sự vật có tên khác nhau nhưng nghĩa là một.

Này Đại Tuệ! Danh này ta nói là danh thân.

Này Đại Tuệ! Thế nào là cú thân? Là việc nghĩa quyết định thấy nghĩa rốt ráo. Đó gọi là ta nói cú thân.

Này Đại Tuệ! Thế nào là chữ thân? Là văn cú rốt ráo.

Lại nữa, danh thân là nương vào những pháp gì để phân biệt rõ danh cú, có thể biết rõ hình tướng của mình.

Này Đại Tuệ! Cú thân là gọi văn cú, sự việc rốt ráo vậy.

Này Đại Tuệ! Danh thân là gọi những chữ từ tên gọi sai biệt như từ chữ A cho đến chữ Ha gọi là danh thân.

Này Đại Tuệ! Chữ thân là gọi tiếng dài ngắn, âm vận cao thấp gọi là

tự thân.

Này Đại Tuệ! Cú thân là gọi đường đi, dấu vết như đường đi, dấu vết của người, voi, ngựa, các loài thú… được gọi là cú.

Này Đại Tuệ! Danh tự là gọi bốn ấm không sắc nương vào danh mà nói.

Này Đại Tuệ! Tướng danh tự là gọi khả năng phân biệt rõ tướng của danh tự. Đó gọi là danh, cú, tự thân tướng. Như vậy, danh, cú, tự tướng, ông nên học và diễn nói cho người khác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Danh thân cùng cú thân
Và tự thân sai biệt
Phàm phu ngu chấp trước
Như voi chìm xuống bùn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Trong đời vị lai, người không trí tuệ, do tâm tà kiến, chẳng biết pháp như thật nên do luận thế gian mà tự cho là người trí. Người có trí hỏi pháp như thật, lìa khỏi tướng tà kiến: một khác, đồng chẳng đồng mà người ngu kia nói như vầy: "Phải hỏi chẳng phải là chẳng phải hỏi chánh niệm. Gọi các pháp sắc… là thường vô thường, là một là khác. Như vậy Niết-bàn là hữu vi. Các hành là một là khác. Năng kiến, sở kiến trong tướng là một là khác. Tác giả, sở tác là một là khác. Sắc, hương, vị, xúc trong bốn đại là một là khác. Năng kiến, sở kiến là một là khác. Viên bùn, vi trần là một là khác. Sự hiểu biết của người trí là một là khác. Tướng thứ lớp thượng thượng, vô ký thượng thượng như vậy để đáp rằng, Đức Phật nói như vậy, thì đó là bài báng ta.

Này Đại Tuệ! Ta chẳng nói pháp như vậy, chỉ vì ngăn chận ngoại đạo và người tà kiến nói. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì ngoại đạo… nói thân tức mạng, thân khác mạng khác. Những pháp như vậy… mà ngoại đạo đã nói chính là Pháp vô ký. Này Đại Tuệ! Ngoại đạo mê mờ đối với nghĩa nhân quả, vậy nên vô ký, chẳng phải trong pháp của ta, gọi là vô ký.

Này Đại Tuệ! Trong Phật pháp của ta lìa khỏi tưởng năng kiến, sở kiến hư vọng, tâm không phân biệt. Vậy nên, trong Pháp của không có trí đáp. Các ngoại đạo… chấp trước sở thủ, năng thủ mà chẳng biết chỉ là tự tâm thấy pháp. Vì những người đó nên ta nói rằng, có bốn loại hỏi pháp, vô ký, trí đáp chẳng phải ở trong pháp của ta.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì các chúng sinh, có bốn loại lời nói để đáp.

Này Đại Tuệ! Vì đúng thời nên ta nói pháp như vậy. Vì chúng sinh

căn chưa thành thục, chẳng phải vì chúng sinh căn thuần thục. Vậy nên, ta nói nghĩa của trí đáp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả các pháp nếu lìa khỏi người tạo tác và nhân thì chẳng sinh, do không có người tạo tác nên ta nói, các pháp chẳng sinh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tất cả các pháp không có thể tướng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cả các pháp không có thể tướng?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Vì tự trí quán sát tự tướng, đồng tướng của tất cả các pháp mà chẳng thấy các pháp. Vậy nên ta nói tất cả các pháp không có thể tướng thật

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ: Tất cả các pháp cũng không có tướng chấp giữ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nghĩa gì mà tất cả các pháp cũng không có tướng chấp giữ?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Do tự tướng, đồng tướng không có pháp có thể chấp giữ nên ta nói không có pháp chấp giữ.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp cũng không có tướng xả

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp cũng không tướng xả?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Quán sát pháp tự tướng, đồng tướng thì không có pháp có thể bỏ. Vậy nên ta nói, tất cả pháp cũng không có tướng xả.

Đức Phật lại bảo:

–Này Đại Tuệ! Các pháp chẳng diệt!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cả các pháp chẳng diệt?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Quán sát tự tướng, đồng tướng của tất cả pháp không có thể tướng. Vậy nên ta nói, các pháp chẳng diệt.

Đức Phật lại bảo:

–Này Đại Tuệ! Các pháp vô thường.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cả các pháp vô thường?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp luận vô thường mà tưởng là thường, vì chẳng sinh ra tướng. Vậy nên ta nói, các pháp vô thường. Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta nói, tất cả các pháp vô thường.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cả các pháp vô thường?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Do tướng chẳng sinh, do chẳng sinh ra thể tướng nên luôn vô thường. Vậy nên ta nói, các pháp vô thường.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Ký luận có bốn loại:
Trực đáp, phản chất đáp
Phân biệt đáp, trí đáp
Để chế ngự ngoại đạo!
Hữu và phi hữu sinh
Thế sư, tăng-khư-tỳ
Nói rằng, đều vô ký
Họ nói lời như trên.
Người chánh trí quán sát
Tự tánh chẳng nắm bắt
Vậy nên chẳng thể nói
Và nói, không thể tướng.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì chúng con nói về tướng sai biệt những hạnh của Tu-đà-hoàn… để con và tất cả Đại Bồ-tát… biết rõ tướng tu hành của Tu-đà-hoàn… rồi được biết như thật về Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán… mà sẽ như vậy… như vậy… vì chúng sinh giải nói. Chúng sinh nghe rồi, thể nhập vào hai tướng vô ngã thanh tịnh hai chướng, thứ lớp tiến lên đạt được Địa, tướng thù thắng của Địa, đạt được cảnh giới tu hành chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Bồ-tát đạt được chỗ tu hành rồi thì như ngọc báu Như ý, tùy theo ý niệm thọ dụng, cảnh giới và sự vận hành thân miệng ý của chúng sinh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Hay thay! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta nay vì ông giảng nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin nghe nhận!

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Tu-đà-hoàn có ba quả sai biệt!

Bồ-tát Đại Tuệ hỏi:

–Những gì là ba?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đó gọi là hạ, trung, thượng. Này Đại Tuệ! Sao gọi là hạ Tu-đà-hoàn? Nghĩa là bảy lần trở lại thọ sinh trong ba cõi.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là trung? Nghĩa là ba lần sinh hay năm lần sinh trở lại, rồi nhập Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là thượng? Nghĩa là một lần sinh trở lại rồi nhập Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Ba bậc Tu-đà-hoàn này luôn có ba loại kết sử, gọi là thượng, trung, hạ.

Này Đại Tuệ! Những gì là ba kết sử? Là thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Vượt lên trên ba thứ kết sử đó thì đạt được quả A-la-hán.

Này Đại Tuệ! Thân kiến có hai thứ. Những gì là hai?

1. Câu sinh.

2. Hư vọng phân biệt mà sinh, như pháp nhân duyên phân biệt.

Này Đại Tuệ! Ví như nương theo các pháp tướng nhân duyên hư vọng phân biệt mà sinh ra thật tướng. Trong pháp nhân duyên đó chẳng phải có, chẳng phải không; do phân biệt có, không nên chẳng phải là thật tướng. Phàm phu ngu si chấp trước đủ loại pháp tướng, như các loài cầm thú thấy loáng nắng mà chấp giữ cho là nước. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Tu-đà-hoàn phân biệt thân kiến. Vì sao? Vì do không có trí mà từ đời vô thủy đến nay hư vọng chấp giữ tướng.

Này Đại Tuệ! Thân này thấy cấu bẩn, thấy được nhận vô ngã thì mới có thể lìa xa.

Này Đại Tuệ! Sao câu sinh là thân kiến của Tu-đà-hoàn? Là đều chấp thân mình, thân người khác. Bốn ấm của hai thân kiến đó, khi sinh ra sắc ấm ở Vô sắc thì nương vào bốn Đại và bốn trần… Nhân duyên đó, đây hòa

hợp sinh ra sắc, mà Tu-đà-hoàn đã biết thì có thể xa lìa tà kiến có, không, đoạn trừ thân kiến. Đoạn thân kiến rồi, chẳng sinh lòng tham. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng thân kiến của Tu-đà-hoàn.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là tướng nghi của Tu-đà-hoàn? Nghĩa là được chứng pháp thiện, thấy tướng rồi thì trước tiên đoạn trừ thân kiến và tâm phân biệt nhị kiến. Vậy nên, ở trong các pháp chẳng sinh tâm nghi, lại chẳng sinh tâm đối với những bậc tôn kính khác, do vì tưởng bậc tôn kính là tịnh hay bất tịnh. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng nghi của Tu-đà-hoàn.

Này Đại Tuệ! Sao là tướng giới thủ của Tu-đà-hoàn? Nghĩa là thấy rõ tướng khổ của chỗ thọ sinh. Vậy nên, chẳng chấp giữ giới tướng. Này Đại Tuệ! Giới thủ nghĩa là các phàm phu trì giới tinh tấn, làm vô số điều lành để cầu cảnh giới an vui, sinh trong các cõi trời. Bậc Tu-đà-hoàn kia chẳng chấp thủ tướng này mà chỉ chấp giữ nội chứng tự thân, hồi hướng tiến đến chỗ thù thắng hơn, lìa khỏi các vọng tưởng, tu giới phần vô lậu. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng giới thủ của Tu-đà-hoàn. Vì vậy, Tu-đà-hoàn ba kết sử phiền não, xa lìa tham, sân, si.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói, mọi người nhiều tham, Tu-đà-hoàn lìa khỏi những tham gì?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Tu-đà-hoàn xa lìa việc cùng với nữ nhân hòa hợp, chẳng vì niềm vui hiện tại mà gieo nhân khổ vị lai, xa lìa đánh đập, than thở, ôm ấp, liếc nhìn. Này Đại Tuệ! Tu-đà-hoàn chẳng sinh lòng tham như vậy. Vì sao? Vì đã được Tam-muội lạc hạnh. Này Đại Tuệ! Tu-đà-hoàn xa lìa những sự tham như vậy… chẳng phải lìa khỏi tham Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Sao là quả tướng của Tư-đà-hàm? Nghĩa là một lần trở lại là thấy sắc tướng khởi tâm hiện tiền chẳng phải thấy do tưởng hư vọng phân biệt, do thấy rõ tướng thiền tu hành. Một lần trở lại thế gian, liền đoạn hết khổ, được nhập Niết-bàn. Đó gọi là Tư-đà-hàm.

Này Đại Tuệ! Tướng A-na-hàm là gì? Nghĩa là ở trong sắc tướng quá khứ, hiện tại, vị lai sinh ra tâm có không, do kiến giải khiến tâm hư vọng phân biệt, nhưng các kết sử chẳng sinh, chẳng tái sinh nên gọi là A-na-hàm.

Này Đại Tuệ! Tướng A-la-hán là gì? Nghĩa là chẳng sinh ra tư duy phân biệt cái có thể tư duy, tâm phân biệt về lực, Tam-muội, giải thoát, thần thông, phiền não, khổ… đó gọi là A-la-hán.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nói về ba bậc A-la-hán thì đây nói những La-hán nào gọi là A-la-hán? Xin Thế Tôn vì con nói về La-hán chắc chắn được tịch diệt, La-hán vì căn lành phát nguyện Bồ-đề mà quên mất căn lành, La-hán vì hóa độ nên ứng hóa.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Ta vì ông nói về Thanh văn La-hán chắc chắn được tịch diệt, chẳng phải La-hán khác. Này Đại Tuệ! La-hán khác là gọi người từng tu hành hạnh Bồ-tát, lại có Ứng hóa Phật đã hóa ra La-hán. Do lực phương tiện căn lành của nguyện xưa nên hiện ra ở các cõi Phật, sinh ra trong đại chúng, làm trang nghiêm đại hội của chư Phật vậy. Này Đại Tuệ! Các vị ấy phân biệt quá khứ, vị lai nói đủ mọi việc, xa lìa quả chứng có thể tư duy về năng tư duy, sở tư duy, do thấy tự tâm, vì thấy sở kiến, nói chứng đắc quả tướng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nếu Tu-đà-hoàn khởi tâm như vầy: "Đây là ba kiết, ta lìa khỏi ba kiết thì đó gọi là chấp ba pháp, rơi vào thân kiến, người đó nếu như vậy thì chẳng lìa khỏi ba kiết.

Này Đại Tuệ! Vậy nên Tu-đà-hoàn chẳng khởi tâm như vậy. Lại nữa, này Đại Tuệ! Nếu muốn xa lìa Thiền vô lượng Vô sắc giới thì nên phải xa lìa kiến tướng nơi tự tâm, xa lìa thiểu tướng, tướng tịch diệt định Tam-ma-bạt-đề. Này Đại Tuệ! Nếu chẳng như vậy thì tâm Bồ-tát kia thấy các pháp do chỉ có tâm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Những Thiền bốn vô lượng
Vô sắc Tam-ma-đề
Thiểu tướng, tịch diệt định
Tất cả tâm vốn không
Nghịch lưu tu vô lậu
Và một lần tái sinh
Vãng lai và Bất hoàn
La-hán tâm mê đắm
Tư, khả tư, năng tư
Xa lìa, thấy chân đế
Chỉ là tâm hư vọng
Biết rõ được giải thoát.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có hai loại trí. Những gì là hai?

1. Trí quan sát.

2. Trí hư vọng phân biệt chấp giữ tướng.

Này Đại Tuệ! Trí quan sát là gì? Là những trí nào quán sát tất cả thể tướng của các pháp, lìa khỏi bốn pháp thì không có pháp có thể nắm bắt. Đó gọi là trí quán sát.

Này Đại Tuệ! Bốn pháp là gì? Là một, khác đồng, chẳng đồng đó gọi là bốn pháp.

Này Đại Tuệ! Nếu lìa khỏi bốn pháp thì tất cả pháp chẳng thể nắm bắt.

Này Đại Tuệ! Nếu muốn quán sát tất cả pháp thì phải nương vào bốn pháp mà quán sát các pháp.

Này Đại Tuệ! Trí hư vọng phân biệt chấp giữ tướng nghĩa là chấp trước tướng hư vọng phân biệt của bốn đại như cứng nóng, ẩm ướt, chuyển động; là chấp trước tướng kiến lập, nhân, thí dụ mà kiến lập pháp chẳng phải thật lấy làm thật. Này Đại Tuệ! Đó gọi là trí hư vọng phân biệt chấp trước tướng. Đó gọi là hai loại trí tướng.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát biết tường tận hai tướng này, tiến đến tướng vô ngã của pháp, biết rõ tướng địa hạnh của trí chân thật. Biết được rồi, Bồ-tát liền đạt được Sơ địa, được trăm Tam-muội, nương vào lực Tam-muội thấy trăm Đức Phật, thấy trăm vị Bồ-tát, có thể biết sự việc trong trăm kiếp quá khứ, trăm kiếp vị lai, chiếu soi trăm thế giới Phật. Chiếu soi trăm thế giới Phật rồi, Bồ-tát biết rõ tướng trí thượng thượng của các Địa. Rồi do lực bản nguyện nên Bồ-tát có thể tinh tấn thị hiện đủ mọi thần thông, ở trong Pháp Vân địa, nương theo mưa pháp được thọ ký quả vị, chứng được Như Lai Nội cứu cánh Pháp thân trí tuệ địa, nương theo sự chuyển biến của mười căn lành vô lượng, vì giáo hóa chúng sinh mà ứng hóa đủ thứ, tự thân thị hiện đủ loại ánh sáng do được niềm vui của Tam-muội tu hành chứng trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nên biết rõ tướng bốn Đại và bốn trần. Này Đại Tuệ! Thế nào gọi là Bồ-tát biết tướng bốn đại và bốn trần? Này Đại Tuệ Đại Bồ-tát! Nên tu hành như vậy. Sở dĩ nói là thật nghĩa là không có xứ sở của bốn đại. Quán sát bốn đại xưa nay chẳng sinh ra. Quán sát vậy rồi lại khởi ý niệm này: Nói quán sát là chỉ tự tâm thấy, biết rõ hư vọng, do thấy trần cảnh bên ngoài không có vật chất chỉ là tâm phân biệt danh tự mà thấy, sở dĩ gọi là ba cõi vì lìa khỏi tướng bốn đại và tướng bốn trần. Thấy như vậy rồi, lìa khỏi bốn kiến chấp, thấy pháp thanh tịnh, lìa ngã và ngã sở, trụ ở trong pháp tự tướng như thật. Này Đại Tuệ! Nên trụ ở trong pháp tự tướng như thật nghĩa là trụ ở trong pháp tự tướng để kiến lập pháp vô sinh.

Này Đại Tuệ! Ở trong bốn đại làm sao có bốn trần? Này Đại Tuệ! Là vọng tưởng phân biệt mềm mại, ẩm ướt, thấm nhuần mà sinh ra Thủy đại trong ngoài.

Này Đại Tuệ! Vọng tưởng phân biệt ấm áp tăng trưởng mà sinh ra Hỏa đại trong ngoài.

Này Đại Tuệ! Vọng tưởng phân biệt tướng chuyển động nhẹ nhàng mà sinh ra Phong đại trong ngoài.

Này Đại Tuệ! Vọng tưởng phân biệt có tướng cứng mà sinh ra Địa đại trong ngoài.

Này Đại Tuệ! Vọng tưởng phân biệt hư không cùng trong ngoài mà sinh ra tướng trong ngoài. Do chấp trước tà kiến hư vọng trong ngoài mà năm ấm nhóm họp, bốn đại và bốn trần sinh ra.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Thức có thể chấp trước đủ các cảnh giới, ưa tìm cầu cõi khác, chấp giữ cảnh giới kia. Này Đại Tuệ! Bốn đại có bốn, gọi là sắc, hương, vị, xúc. Này Đại Tuệ! Bốn đại không nhân. Vì sao? Vì là hình tướng tự thể của đất dài ngắn chẳng sinh ra tướng của bốn đại. Này Đại Tuệ! Nương theo hình tướng lớn nhỏ, dung mạo trên dưới mà sinh ra các pháp, chẳng lìa khỏi hình tướng lớn nhỏ, dài ngắn mà có pháp. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ngoại đạo hư vọng phân biệt bốn đại và bốn trần. Chẳng phải trong ngã pháp như sự phân biệt này.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta vì ông nói thể tướng của năm ấm. Này Đại Tuệ! Tướng năm ấm là gì? Là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Này Đại Tuệ! Bốn ấm không sắc tướng là thọ, tưởng, hành, thức.

Này Đại Tuệ! Sắc nương vào bốn Đại sinh ra. Tướng bốn Đại mỗi một đều chẳng đồng.

Này Đại Tuệ! Pháp không có sắc tướng giống như hư không thì làm sao được thành bốn loại số tướng? Này Đại Tuệ! Ví như hư không lìa khỏi số tướng mà hư vọng phân biệt, đây là hư không. Này Đại Tuệ! Số tướng của ấm lìa khỏi các tướng, lìa khỏi tướng có không lìa khỏi bốn tướng. Phàm phu ngu si nói các số tướng, chẳng phải là Thánh nhân.

Này Đại Tuệ! Ta nói, các tướng như huyễn, đủ loại hình tướng xa lìa tướng một tướng khác, nương theo giả danh mà nói theo hình tượng trong gương, như giấc mộng chẳng lìa khỏi đối tượng nương tựa.

Này Đại Tuệ! Như bậc Thánh trí tu hành phân biệt thấy năm ấm là hư vọng. Này Đại Tuệ! Đó gọi là năm ấm không có thể tướng năm ấm.

Này Đại Tuệ! Ông nay nên lìa khỏi tướng hư vọng phân biệt như vậy. Lìa khỏi như vậy rồi, vì các Bồ-tát nói pháp không tịch, lìa các pháp tướng để ngăn các tướng kiến chấp của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Nói pháp tịch tĩnh, được chứng tướng vô ngã thanh tịnh, thể nhập Viễn hành địa. Vào Viễn hành địa rồi, đạt được vô lượng Tam-muội, tự tại, sinh ra thân như ý, do được Tam-muội các pháp như huyễn, do được lực thần thông tự tại, nên tùy theo tất cả chúng sinh tự tại sử dụng như đại địa.

Này Đại Tuệ! Ví như đại địa, tất cả chúng sinh tùy ý sử dụng.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát theo sự sử dụng của chúng sinh cũng lại như vậy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ngoại đạo nói có bốn loại Niết-bàn. Những gì là bốn?

1. Tự thể tướng Niết-bàn.

2. Chủng chủng tướng hữu vô Niết-bàn.

3. Tự giác thể hữu vô Niết-bàn.

4. Chư ấm tự tướng đồng tướng đoạn tương tục thể Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là bốn loại Niết-bàn của ngoại đạo, chẳng phải điều ta nói.

Này Đại Tuệ! Điều ta nói là, thấy cảnh giới hư vọng, mà thức phân biệt diệt, gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã chẳng nói có tám thức sao?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói có tám thức.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đức Thế Tôn nói tám thức thì sao chỉ nói là ý thức chuyển diệt mà chẳng nói bảy thức chuyển diệt?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Do nương theo ý niệm kia quan sát là có nên chuyển thức diệt thì bảy thức cũng diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ý thức chấp trước, nắm giữ sinh ra cảnh giới. Sinh ra rồi huân tập mọi thứ, tăng trưởng A-lê-gia thức, cùng với ý thức, lìa tướng ngã và sở ngã, chấp trước hư vọng rỗng không mà sinh ra phân biệt.

Này Đại Tuệ! Tướng của hai thức đó không sai biệt. Do nương theo nhân của A-lê-gia thức quán sát tự tâm thấy cảnh mà vọng tưởng chấp trước sinh ra đủ thứ tâm giống như buộc tre đắp đổi cùng làm nhân, như sóng biển cả, do tự tâm thấy cảnh giới gió thổi mà có sinh diệt. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ý thức chuyển diệt thì bảy thức chuyển diệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Ta chẳng chấp Niết-bàn
Chẳng bỏ tướng tạo tác
Chuyển diệt tâm hư vọng
Nên nói, chứng Niết-bàn
Nương nhân và niệm nên
Ý đến các cảnh giới
Thức cùng tâm làm nhân
Đối tượng nương của thức
Như dòng nước khô cạn
Thì sóng chẳng khởi dậy
Như ý thức diệt tan
Các thức chẳng sinh nữa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta đã vì ông nói tướng sai biệt hư vọng phân biệt pháp thể. Ông và các Đại Bồ-tát khéo phân biệt biết tướng sai biệt pháp thể hư vọng, lìa khỏi pháp phân biệt và đối tượng phân biệt, biết rõ pháp trong thân để tu hành, xa lìa cảnh giới năng thủ, sở thủ của ngoại đạo, xa lìa thể tướng của đủ thứ pháp nhân duyên hư vọng phân biệt, xa lìa rồi thì chẳng còn tướng phân biệt hư vọng. Tướng hư vọng phân biệt pháp thể sai biệt là gì? Này Đại Tuệ! Tướng hư vọng phân biệt tự thể sai biệt có mười hai loại. Những gì là mười hai?

1. Ngôn ngữ phân biệt
2. Khả tri phân biệt
3. Tướng phân biệt.
4. Nghĩa phân biệt.
5. Thật thể phân biệt.
6. Nhân phân biệt.
7. Kiến phân biệt.
8. Kiến lập phân biệt.
9. Sinh phân biệt.
10. Bất sinh phân biệt.

11. Hòa hợp phân biệt.

12. Chuyển bất phân biệt.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng phân biệt tự thể, tướng pháp sai biệt.

Này Đại Tuệ! Ngôn ngữ phân biệt nghĩa là ưa chấp trước âm thanh hay của đủ loại ngôn ngữ. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Ngôn ngữ phân biệt.

Này Đại Tuệ! Khả tri phân biệt nghĩa là khởi sự suy nghĩ này: Nên có tướng thật sự của pháp trước, Thánh nhân tu hành biết nương theo pháp đó mà sinh ra ngôn ngữ. Phân biệt như vậy gọi là Khả tri phân biệt.

Này Đại Tuệ! Tướng phân biệt nghĩa là trong cảnh giới có thể biết, chấp đủ thứ tướng như nóng, ẩm ướt, chuyển động, cứng chắc, cho là thật như loáng nắng giữa hư không mà các loài cầm thú nhìn thấy, khởi tưởng cho là nước. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Tướng phân biệt.

Này Đại Tuệ! Nghĩa phân biệt nghĩa là ưa thích vàng bạc… đủ thứ cảnh giới thật. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Nghĩa phân biệt.

Này Đại Tuệ! Tự thể phân biệt nghĩa là chuyên nghĩ về hình tướng tự thể của pháp, pháp này như vầy… như vầy… chẳng khác; chẳng phải chánh kiến mà thấy phân biệt. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Tự thể phân biệt.

Này Đại Tuệ! Nhân phân biệt nghĩa là những loại nhân gì? Những loại duyên gì? Là nhân liễu biệt có, không, tướng sinh ra tướng liễu biệt. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Nhân phân biệt.

Này Đại Tuệ! Kiến phân biệt nghĩa là có không, một khác, đồng chẳng đồng mà ngoại đạo tà kiến chấp trước phân biệt. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Kiến phân biệt.

Này Đại Tuệ! Kiến lập phân biệt nghĩa là chấp thủ tướng của ngã, ngã sở, nói pháp hư vọng. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Kiến lập phân biệt.

Này Đại Tuệ! Sinh phân biệt nghĩa là nương theo mọi duyên có không trong pháp mà sinh tâm chấp trước. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Sinh phân biệt.

Này Đại Tuệ! Bất sinh phân biệt nghĩa là tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng sinh. Do vốn không mà nương vào nhân duyên có nên không có nhân quả. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Vô sinh phân biệt.

Này Đại Tuệ! Hòa hợp phân biệt nghĩa là những pháp nào hòa hợp như sợi vàng hợp lại, những pháp nào hòa hợp như sợi vàng hòa hợp, này Đại Tuệ! Đó gọi là Hòa hợp phân biệt.

Này Đại Tuệ! Phược bất phược phân biệt nghĩa là nhân của trói buộc chấp trước như đối tượng bị trói buộc. Này Đại Tuệ! Như người phương tiện thắt dây làm nút, thắt rồi lại mở ra. Này Đại Tuệ! Đó gọi là phược bất

phược phân biệt. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng sai biệt hư vọng phân biệt pháp thể. Tất cả phàm phu chấp trước có không nên chấp trước đủ thứ nhân duyên của pháp tướng. Vậy nên, này Đại Tuệ! Tướng phân biệt pháp thể sai biệt thấy đủ thứ pháp, chấp trước làm thật, như nương vào huyễn thấy đủ mọi việc mà phàm phu phân biệt biết khác với huyễn, cho là có pháp như vậy.

Này Đại Tuệ! Ta ở trong vô số pháp chẳng nói gì khác với huyễn, cũng chẳng phải chẳng khác. Vì sao? Vì nếu huyễn khác với đủ loại pháp khác thì chẳng nên nhân duyên mà sinh ra đủ loại. Nếu huyễn tức là đủ mọi pháp thì chẳng nên thấy khác, đây là huyễn, đây là đủ loại mà thấy sai biệt. Vậy nên ta nói, chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Vậy nên này Đại Tuệ! Ông và những Đại Bồ-tát chớ phân biệt huyễn có thật hay không có thật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Tâm nương, buộc cảnh giới
Tri giác theo cảnh sinh
Nơi thù thắng Tịch mịch
Trí tuệ bình đẳng sinh.
Vọng tưởng phân biệt có
Với duyên pháp thì không
Chấp hư vọng mê loạn
Chẳng biết lực khác sinh.
Đủ loại pháp duyên sinh
Là huyễn chẳng chân thật
Kia có đủ thứ tưởng
Vọng phân biệt chẳng thành.
Tưởng kia chính là lỗi
Đều từ tâm buộc sinh
Người ngu si, không trí
Phân biệt pháp nhân duyên.
Các thể vọng tưởng ấy
Chính là pháp duyên khởi
Vọng tưởng có đủ loại
Phân biệt trong mọi duyên.
Thế đế Đệ nhất nghĩa
Thứ ba không nhân sinh
Vọng tưởng nói thế đế
Đoạn cảnh giới Thánh nhân.
Ví như người tu hành

Một việc thấy vô số
Pháp kia không đủ loại
Tướng phân biệt như vậy.
Như mắt che mọi thứ
Vọng tưởng thấy các sắc
Ngăn vô sắc, phi sắc
Vô trí chấp pháp ấy.
Như vàng ròng lìa bẩn
Như nước lìa bùn đục.
Như hư không sạch mây
Chân pháp tịnh cũng vậy.
Không có pháp vọng tưởng
Nhân duyên pháp cũng không
Chấp có, phủ nhận không
Quán phân biệt thì thấy
Vọng tưởng nếu không chân
Pháp nhân duyên nếu thật
Lìa nhân nên sinh pháp
Thật pháp sinh ra thật pháp
Nhân hư vọng gọi pháp
Thấy các nhân duyên sinh
Danh, tưởng chẳng lìa nhau
Như vậy hư vọng sinh.
Hư vọng vốn không thật
Thì vượt các vọng tưởng
Về sau biết thanh tịnh
Đó gọi là Đệ nhất nghĩa
Vọng tưởng có mười hai
Duyên pháp có sáu loại
Cảnh giới chứng nội thân
Không hề có sai biệt.
Năm pháp là chân thật
Và ba loại, cũng vậy
Người tu hành hạnh này
Chẳng lìa khỏi Chân như
Các tưởng và nhân duyên
Gọi pháp đó phân biệt
Những tướng vọng tưởng ấy

Từ nhân duyên kia sinh.
Khéo quán trí chân thật
Không vọng tưởng, không duyên
Đệ nhất nghĩa không vật
Làm sao trí phân biệt?
Nếu có pháp chân thật
Xa lìa khỏi có không
Nếu lìa khỏi có không
Làm sao có hai pháp?
Phân biệt hai pháp thể
Pháp thể nếu có hai
Hư vọng thấy đủ thứ
Cảnh giới Thánh thanh tịnh
Thấy vô số vọng tưởng
Trong nhân duyên phân biệt
Nếu có phân biệt khác
Thì rời vào ngoại đạo
Vọng tưởng nói vọng tưởng
Nhân thấy hòa hợp sinh
Lìa hai loại vọng tưởng
Tức là pháp chân thật.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì con nói về tướng tu hành tự thân nội chứng Thánh trí và pháp Nhất thừa, chẳng nhờ người khác, tự tại đến tất cả các cõi nước Phật, thông đạt Phật pháp.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Hay thay! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng con xin nghe nhận.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát lìa khỏi pháp danh tự A-hàm, lời nói phân biệt pháp tướng của các luận sư, ở chỗ tịch tĩnh, ngồi một mình tư duy, tự mình dùng trí tuệ quan sát các pháp chẳng theo lời dạy người khác, lìa khỏi đủ loại tướng kiến chấp hư vọng, phải siêng tu hành nhập và Thượng thượng chứng trí của Như Lai địa. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng tu hành tự thân nội chứng Thánh trí.

Này Đại Tuệ! Lại có người tu tướng Nhất thừa trong ba cõi.

Này Đại Tuệ! Tướng Nhất thừa là gì? Này Đại Tuệ! Như thật giác ngộ đạo Nhất thừa nên ta gọi là Nhất thừa.

Này Đại Tuệ! Như thật giác ngộ biết tướng đạo Nhất thừa là gì? Nghĩa là chẳng phân biệt cảnh giới sở thủ, năng thủ, chẳng sinh tướng chấp giữ các pháp như vậy, do chẳng phân biệt tất cả các pháp vậy. Này Đại Tuệ! Đó gọi là như thật giác ngộ tướng đạo Nhất thừa.

Này Đại Tuệ! Như vậy giác ngộ tướng đạo Nhất thừa mà tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật, Phạm thiên… chưa từng được biết, chỉ trừ ta. Này Đại Tuệ! Vậy nên ta gọi là tướng đạo Nhất thừa.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì nhân gì nói tới ba thừa, chẳng nói Nhất thừa?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Thanh văn, Duyên giác chẳng thể tự biết chứng đắc Niết-bàn. Vậy nên ta nói chỉ có đạo Nhất thừa. Này Đại Tuệ! Do tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật kính nhận lời Phật dạy, nhàm chán thế gian, tự mình chẳng thể được giải thoát. Vậy nên ta nói chỉ có đạo Nhất thừa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng xa lìa trí chướng, chẳng lìa nghiệp chướng tập khí phiền não. Vậy nên ta nói chỉ có đạo Nhất thừa. Này Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật chưa chứng pháp vô ngã, chưa thể lìa khỏi chẳng thể nghĩ bàn biến dịch sinh tử. Vậy nên, ta vì các Thanh văn nên nói đạo Nhất thừa. Này Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật, nếu lìa tất cả các lỗi huân tập thì được chứng pháp vô ngã.

Bấy giờ, lìa khỏi các lỗi được Tam-muội vô lậu, ưa thích pháp giác ngộ rồi tu hành, ra khỏi thế gian, ở trong cõi vô lậu, được tất cả công đức, do tu hành nên đạt được Pháp thân tự tại chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn một lần nữa nói kệ:

Chư Thiên và Phạm chúng
Thừa Thanh văn, Duyên giác
Chư Phật Như Lai thừa
Ta nói các thừa ấy
Do tâm có diệt, sinh
Các thừa chẳng rốt ráo
Nếu Tâm đó diệt tận
Chẳng có thừa, không thừa
Không có thừa sai biệt

Ta nói là Nhất thừa
Dẫn đường cho chúng sinh
Phân biệt nói các thừa
Giải thoát có ba loại
Và hai pháp vô ngã
Chẳng lìa hai thứ chướng
Xa lìa chân giải thoát
Như cây nổi trên biển
Thường theo sóng xoay chuyển
Các Thanh văn cũng vậy
Trôi nổi theo tướng gió
Lìa các tùy phiền não
Huân tập buộc phiền não
Đắm vị vui Tam-muội
An trụ cõi vô lậu
Không có cõi rốt ráo
Cũng lại chẳng thoái lui
Được các thân Tam-muội
Mê mờ vô lượng kiếp
Như người say mê man
Rượu tan rồi mới tỉnh
Được Phật thể vô thượng
Là chân Pháp thân ta.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 5

Phẩm 4: PHẬT TÂM

Bấy giờ, Đức Phật bảo Thánh giả Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ta nay vì ông nói về tu hành sai biệt của Ý sinh thân! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin nghe nhận.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có ba loại Ý sinh thân. Những gì là ba?

1. Ý sinh thân đạt được niềm vui Tam-ma-bạt-đề.

2. Ý sinh thân như thật biết rõ tướng các pháp.

3. Ý sinh thân chủng loại sinh không tạo tác hạnh.

Bồ-tát từ Sơ địa tu hành như thật thì sẽ đạt được Thượng thượng địa chứng tướng trí.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát đạt được Ý sinh thân Tam-muội an lạc Tam-ma-bạt-đề là gì? Nghĩa là trong Địa thứ ba, thứ tư, thứ năm, tự tâm tịch tĩnh tu hành vô số hạnh. Sóng tâm biển cả chuyển tướng thức thành niềm vui Tam-ma-bạt-đề, gọi là Ý thức sinh. Do thấy cảnh giới tự tâm nên biết như thật tướng có, không. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng Ý sinh thân.

Này Đại Tuệ! Ý sinh thân hiểu biết như thật các pháp tướng là gì? Nghĩa là Đại Bồ-tát ở trong Địa thứ tám quan sát hiểu rõ, đạt được các pháp vô tướng, pháp như huyễn... đều không vướng mắc, thân tâm chuyển biến, đạt được Tam-muội Như huyễn và vô lượng pháp môn an lạc Tam-ma-bạt-đề khác, vô lượng tướng lực thần thông tự tại hoa báu trang nghiêm tự tại như ý, giống như huyễn, mộng, trăng trong nước, hình tượng trong gương, chẳng phải bốn đại sinh ra mà tương tự tướng bốn đại, đầy đủ thân phần. Tất cả sự tu hành đều được tự tại như ý, tùy thuận nhập vào đại chúng của các cõi nước chư Phật. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Ý sinh thân biết rõ như thật về tướng các pháp.

Này Đại Tuệ! Chủng loại sinh vô tác hạnh Ý sinh thân là gì? Nghĩa là tự thân nội chứng tất cả các pháp, an lạc như thật với tướng an lạc, tướng pháp. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Chủng loại sinh vô tác hạnh Ý sinh thân.

Này Đại Tuệ! Đối với ba loại thân tướng đó, ông nên quan sát biết rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa nói kệ:

Thừa ta chẳng Đại thừa
Không nói chẳng văn tự
Không giải thoát, không đế
Chẳng phải không cảnh giới
Nhưng đối với Đại thừa
Tự tại Tam-ma-đề
Đủ loại Ý sinh thân
Hoa tự tại trang nghiêm.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn nói, thiện nam, thiện nữ tạo lập năm nghiệp vô gián. Bạch Thế Tôn! Những gì là năm nghiệp vô gián mà thiện nam, thiện nữ tạo lập năm nghiệp vô gián liền nhập vào vô gián.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và ghi nhận.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Năm vô gián:

1. Giết mẹ.

2. Giết cha.

3. Giết A-la-hán.

4. Phá hòa hợp Tăng.

5. Ác tâm làm thân Phật chảy máu.

Này Đại Tuệ! Mẹ của chúng sinh là gì? Nghĩa là lại thọ đời sau, ham thích sinh ra như duyên vào mẹ lập nên.

Này Đại Tuệ! Cha là gì? Nghĩa là vô minh là cha, sinh ra sự nhóm họp của sáu nhập. Này Đại Tuệ! Đoạn trừ hai thứ căn bản có khả năng sinh khởi đó thì gọi là giết cha, mẹ.

Này Đại Tuệ! Giết A-la-hán là gì? Nghĩa là các sử, như loài chuột bị trúng độc, nhổ đi các sử oán căn bản, nên chẳng sinh ra. Này Đại Tuệ! Đó gọi là giết A-la-hán.

Này Đại Tuệ! Phá hòa hợp Tăng là gì? Nghĩa là tướng khác nhau của năm ấm hòa hợp tích tụ mà đoạn trừ hết thì gọi là phá Tăng.

Này Đại Tuệ! Tâm ác làm thân Phật chảy máu là gì? Nghĩa là thấy tự tướng đồng tướng là tướng bên ngoài tự tâm, thân tám thức nương vào vô lậu, ba cửa giải thoát, đoạn trừ rốt ráo Phật tám thức thì gọi là ác tâm làm thân Phật chảy máu. Này Đại Tuệ! Đó gọi là năm loại vô gián trong thân thiện nam, thiện nữ nào tu theo vô gián này được gọi là người vô gián, người vô gián gọi là chứng đắc pháp như thật.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta vì các ông nói năm tướng vô gián bên ngoài. Các Bồ-tát nghe nghĩa đó rồi, ở đời vị lai chẳng sinh tâm nghi ngờ.

Này Đại Tuệ! Năm vô gián bên ngoài là gì? Nghĩa là giết cha, mẹ, A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Người tạo lập vô gián này thì ở trong ba cửa giải thoát chẳng thể chứng đắc mỗi một cửa giải thoát nào chỉ trừ nương vào lực gia hộ Như Lai. Thần lực của Như Lai, Bồ-tát, Thanh văn ứng hóa vì năm hạng người có tội mà sám hối tâm nghi ngờ. Đoạn trừ tâm nghi này khiến sinh ra thiện căn, rồi vì người có tội đó thị hiện ứng hóa mà giảng nói. Này Đại Tuệ! Nếu người phạm năm tội vô gián thì hoàn toàn chẳng được chứng đắc đạo phần, trừ những ai thấy tự tâm chỉ là hư vọng, lìa khỏi chỗ nương trụ và của cải của thân, phân biệt thấy tướng của ngã và ngã sở, ở trong vô lượng, vô biên kiếp gặp được Thiện tri thức, thân ở cõi khác thì lìa khỏi lỗi thấy của tự tâm hư vọng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa lại nói kệ:

Tham ái gọi là mẹ
Vô minh tức là cha
Thức liễu cảnh là Phật
Các sử là La-hán
Ấm nhóm họp là Tăng
Vô gián nối nhau đoạn
Nghiệp vô gián lại không
Được chân như vô gián.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin vì con nói tướng tri giác của các Đức Như Lai!

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Biết như thật nhân vô ngã, pháp vô ngã, có thể biết rõ như thật hai chướng, xa lìa hai thứ phiền não. Đó gọi là Tri giác như thật của Như Lai. Thanh văn, Bích-chi-phật đạt được pháp này thì cũng gọi là Phật. Này Đại Tuệ! Do nhân duyên này nên ta nói Nhất thừa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Biết rõ hai vô ngã
Hai chướng, hai phiền não
Biến hóa chẳng nghĩ bàn
Gọi là tri giác Phật.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao Thế Tôn ở trong đại chúng nói lời như vầy: "Ta là tất cả Phật quá khứ" và nói vô số kinh Bản Sinh: "Bấy giờ, ta làm vua Đảnh Sinh, voi lớn sáu ngà, chim Anh vũ, tiên nhân Tỳ-gia-đa, vua trời Đế Thích, Bồ-tát Thiện Nhãn... như vậy, trong trăm ngàn kinh đều nói Bản Sinh.

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Nương theo bốn thứ bình đẳng, Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, ở trong đại chúng xướng lên lời như vầy: "Vào lúc ấy, ta làm Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp." Những gì là bốn?

1. Tự bình đẳng.

2. Ngữ bình đẳng.

3. Pháp bình đẳng.

4. Thân bình đẳng.

Này Đại Tuệ! Nương vào bốn pháp bình đẳng này, các Đức Phật Như Lai ở trong chúng nói lời như vậy.

Này Đại Tuệ! Tự bình đẳng là gì? Nghĩa là những chữ gì mà Phật quá khứ gọi Phật thì ta đồng với chữ đó cũng gọi là Phật, chẳng vượt qua chữ đó mà cùng với chữ đó ngang bằng không sai khác. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tự bình đẳng.

Này Đại Tuệ! Ngôn ngữ chư Phật bình đẳng là gì? Nghĩa là ngôn ngữ nói pháp của chư Phật quá khứ có sáu mươi bốn loại Phạm thanh cực hay thì ta cũng có sáu mươi tư loại ngôn ngữ nói pháp bằng Phạm thanh vi diệu. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật vị lai cũng dùng ngôn ngữ nói pháp bằng sáu mươi tư Phạm thanh vi diệu, không thêm không bớt, chẳng khác, không sai biệt, tiếng Phạm vi diệu như tiếng Ca-lăng-tần-già. Này Đại Tuệ! Đó gọi là ngôn ngữ bình đẳng của các Đức Phật.

Này Đại Tuệ! Thân bình đẳng của chư Phật là gì? Này Đại Tuệ! Pháp thân, sắc thân của ta và chư Phật, tướng tốt trang nghiêm không khác, không sai biệt, trừ việc nương theo những chúng sinh đáng hóa độ. Những chúng sinh kia ở khắp nơi nên chư Phật Như Lai hiện vô số thân để độ họ. Này Đại Tuệ! Đó gọi là thân bình đẳng của chư Phật.

Này Đại Tuệ! Sao là pháp bình đẳng của chư Phật? Nghĩa là chư Phật đó và ta đều đạt được ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, mười Lực, bốn Vô úy... Này Đại Tuệ! Đó gọi là Pháp bình đẳng của chư Phật.

Này Đại Tuệ! Nương vào bốn pháp bình đẳng này nên Như Lai ở trong đại chúng nói lời như vầy: "Ta là vua Đảnh Sinh đời quá khứ..."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa lại nói kệ:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm... là ta
Nói cho các Phật tử
Nương bốn pháp bình đẳng

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai nói rằng, đêm đó ta chứng Đại Bồ-đề? Đêm đó ta vào Bát-niết-bàn? Trong khoảng thời gian đó ta chẳng nói một chữ Phật nói là chẳng phải nói. Đức Thế Tôn nương vào những nghĩa gì mà nói lời như vậy? Lời nói của Phật chẳng phải lời nói?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Như Lai nương vào hai pháp mà nói lời như vậy. Những gì là hai để ta nói như vậy?

1. Nương vào pháp tự thân chứng đắc.

2. Nương vào pháp bản trụ.

Ta nương vào hai pháp này mà nói lời như vậy.

Này Đại Tuệ! Thế nào là nương vào pháp tự thân chứng đắc? Là pháp chứng đắc của các Đức Phật Như Lai quá khứ kia, ta cũng chứng được như vậy, chẳng thêm chẳng bớt, tự thân chứng đắc các hạnh cảnh giới, lìa khỏi tướng ngôn ngữ phân biệt, lìa khỏi hai loại văn.

Này Đại Tuệ! Pháp bản trụ là gì? Này Đại Tuệ! Nghĩa là đường bản hạnh bằng phẳng ví như có các báu vàng, bạc, trân châu ở chỗ đó. Này Đại Tuệ! Đó gọi là pháp tánh bản trụ xứ.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai ra đời, chẳng ra đời thì pháp tánh, pháp giới, pháp trụ, pháp tướng pháp chứng vẫn thường trụ như đường đi vốn có của ngôi thành. Này Đại Tuệ! Ví như có người đi trong vùng

hoang vắng, thấy hướng đi về ngôi thành có con đường ngay bằng phẳng liền theo đó vào thành. Vào ngôi thành đó rồi, nhận được mọi niềm vui, tạo tác đủ thứ nghiệp. Này Đại Tuệ! Ý ông thế nào? Việc làm trước của người đó chính là con đường theo vào thành sao? Trước đã tạo vô số sự trang nghiêm sao?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Chẳng phải vậy, bạch Thế Tôn!

–Này Đại Tuệ! Ta và tất cả chư Phật quá khứ thì pháp tánh, pháp giới, pháp trụ, pháp tướng, pháp chứng thường trụ cũng lại như vậy. Này Đại Tuệ! Ta nương vào ý nghĩa này mà ở trong đại chúng nói lên như vầy: "Ta đêm nào đạt được Đại Bồ-đề, đêm nào vào Bát-niết-bàn, khoảng giữa hai đêm này, ta chẳng nói một chữ, cũng chẳng đã nói, sẽ nói và hiện nói."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa lại nói kệ:

Ta đêm nào thành đạo
Đêm nào Bát-niết-bàn
Khoảng giữa hai đêm ấy
Ta không nói lời nào
Nội thân chứng pháp tánh
Ta nương lời như vậy
Ta và mười phương Phật
Các pháp không sai biệt.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Đức Phật:

–Nguyện xin Đức Thế Tôn nói về tướng có không của tất cả pháp, khiến cho con và đại chúng Bồ-tát khác khi được nghe rồi, lìa khỏi tướng có không, mau thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật nói:

Này Đại Tuệ! Người thế gian, đa phần rơi vào hai kiến chấp. Những gì là hai kiến chấp?

1. Thấy có.

2. Thấy không.

Do thấy có các pháp, thấy các pháp, chẳng phải pháp cứu cánh mà

sinh ra tưởng cứu cánh.

Này Đại Tuệ! Sao thế gian lại rơi vào chấp có? Nghĩa là, do nhân duyên thật có mà sinh ra các pháp chẳng phải chẳng thật có. Pháp thật có sinh chẳng phải không có pháp sinh ra.

Này Đại Tuệ! Người thế gian nói như vậy đó gọi là nói không nhân, không duyên và bài báng thế gian, không nhân không duyên mà sinh ra các pháp.

Này Đại Tuệ! Người thế gian làm sao rơi vào chấp không? Là nói rằng, tham, sân, si, thật có tham, sân, si mà lại nói rằng, không tham, sân, si, phân biệt có, không.

Này Đại Tuệ! Nếu lại có người nói lên lời như vầy: "Không có các pháp do chẳng thấy tướng của các vật."

Này Đại Tuệ! Nếu lại có người nói lên như vầy: "Thanh văn, Bích-chi-phật không tham, không sân, không si" rồi lại nói, trước thì có. Hai hạng người này thì người nào hơn? Người nào chẳng đúng?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nói rằng, trước có tham, sân, si, thời gian sau không còn thì người này chẳng đúng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hiểu lời ta hỏi. Này Đại Tuệ! Chẳng phải chỉ nói trước thật có tham, sân, si, về sau nói không giống với Vệ thế sư... Vậy nên chẳng đúng.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải là chỉ không giống như diệt tất cả pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì sao? Này Đại Tuệ! Do thật không có các pháp trong hay ngoài, do chẳng phải một chẳng phải khác, do các phiền não chẳng phải một, chẳng phải khác vậy. Này Đại Tuệ! Pháp tham, sân, si trong thân chẳng thể nắm bắt được, trong pháp bên ngoài cũng chẳng thể nắm bắt được, không thật thể nên ta chẳng chấp nhận. Này Đại Tuệ! Ta chẳng chấp nhận là chẳng chấp nhận có tham, sân, si. Vậy nên, người đó diệt pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì các Đức Phật Như Lai biết pháp Tịch tĩnh còn Thanh văn, Duyên giác chẳng thấy pháp, do không có nhân của năng trói buộc và sở trói buộc. Này Đại Tuệ! Nếu có năng trói buộc thì nhất định có sở trói buộc. Nếu có sở trói buộc thì nhất định có nhân năng trói buộc. Này Đại Tuệ! Nói như vậy gọi là diệt các pháp. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng Vô pháp.

Này Đại Tuệ! Ta nương vào nghĩa này mà trong Kinh khác nói rằng,

thà khởi lên ngã kiến như núi Tu-di mà khởi lên kiêu mạn, chứ chẳng nói rằng, các pháp là trống không.

Này Đại Tuệ! Người tăng thượng mạn nói rằng, các pháp không có thì chính là diệt các pháp, rơi vào kiến chấp tự tướng, đồng tướng. Do thấy tự tâm thấy pháp, do thấy vật bên ngoài vô thường, các tướng đắp đổi mỗi một đều sai biệt, do thấy thể nối tiếp nhau của ấm, giới, nhập, do các nhân duyên đắp đổi mà sinh ra, do tự tâm hư vọng phân biệt. Vậy nên, này Đại Tuệ! Như người này là diệt các Phật pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Hữu, vô là nhị biên
Đều do cảnh giới tâm
Xa lìa pháp cảnh giới
Tâm bình đẳng, tịch tĩnh
Không chấp pháp, cảnh giới
Diệt chẳng có, chẳng không
Như chân như vốn có
Chính là cảnh giới Thánh
Vốn không mà có sinh
Đã sinh, lại diệt mất
Chẳng có, chẳng không sinh
Chẳng phải lời ta dạy
Không ngoại đạo, chẳng Phật
Không ngã cũng chẳng khác
Từ nhân duyên không thành
Sao lại cho là có
Nếu nhân duyên không sinh
Sao lại nói là không
Khởi pháp luận tà kiến
Vọng tưởng chấp có, không
Nếu biết không hề sinh
Cũng biết chưa từng diệt
Quán đời đều rỗng lặng
Họ chẳng chấp có, không.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, thầy của trời, người kiến lập tướng tu hành chánh pháp cho con và tất cả hành Bồ-tát, khiến con và tất cả Đại Bồ-tát biết rõ tướng tu hành chánh pháp,

mau chóng chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, không rơi vào tất cả sự quán sát hư vọng của các ma.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Này Đại Tuệ! Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng nói cho ông.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe và tin nhận!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có hai pháp để Đức Phật Như Lai kiến lập tướng tu hành chánh pháp cho các Bồ-tát, Thanh văn và Bích-chi-phật. Những gì là hai?

1. Kiến lập tướng chánh pháp.

2. Giảng nói kiến lập tướng chánh pháp.

Này Đại Tuệ! Thế nào là kiến lập tướng Chánh pháp? Nghĩa là, tự thân chứng đắc tướng các pháp thù thắng, xa lìa văn tự, ngôn ngữ, chương cú, có thể nắm giữ Chánh giới vô lậu, chứng đắc các Địa, tu hành pháp tướng, xa lìa sự quán sát hư vọng của ngoại đạo và các cảnh giới của ma, hàng phục tất cả ngoại đạo, các ma, hiển bày pháp chứng đắc của tự thân, như thật tu hành. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Tưởng kiến lập tướng chánh pháp. Này Đại Tuệ! Thế nào là kiến lập tướng thuyết pháp? Nghĩa là, giảng nói chín bộ loại giáo pháp, xa lìa tướng chấp một khác, có không, trước nói phương tiện thiện xảo, vì khiến chúng sinh thể nhập an lạc, là tùy theo chúng sinh có bao nhiêu niềm tin đối với pháp thì giảng nói bấy nhiêu pháp. Này Đại Tuệ! Ông và các Bồ-tát nên tu học Chánh pháp như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa lại nói kệ:

Kiến lập pháp nội chứng
Và nói tướng, danh pháp
Nếu phân biệt rõ ràng
Chẳng theo lời người khác.
Pháp ngoại đạo thật, không
Như phàm phu phân biệt
Nếu các pháp hư vọng
Vì sao chấp giải thoát
Quan sát các hữu vi
Sinh diệt luôn tương tục
Tăng trưởng hai kiến chấp
Chẳng thể biết nhân duyên

Niết-bàn lìa khỏi thức
Chỉ một pháp thật này
Quán thế gian hư vọng
Như cây chuối, huyễn, mộng.
Tuy có tham, sân, si
Không có người tạo tác
Từ ái sinh các ấm
Như huyễn, mộng mà có.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì các Bồ-tát nói về vọng tưởng chẳng thật. Vọng tưởng không thật trong pháp là những gì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông vì yên ổn cho tất cả chúng sinh, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, an vui cho tất cả chúng sinh, thương xót tất cả trời, người của thế gian mà thỉnh ta việc này. Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông giảng nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe và tin nhận!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tất cả chúng sinh chấp trước tưởng hư vọng chẳng thật từ kiến chấp nên sinh ra vô số pháp hư vọng. Do chấp trước các cảnh giới hư vọng năng thủ sở thủ, chấp nơi tự tâm mà sinh ra tưởng hư vọng, rơi vào trong bè đảng nhị kiến có không, trong nhóm phi pháp, tăng trưởng thành tựu sự huân tập dị kiến hư vọng của ngoại đạo. Này Đại Tuệ! Do chấp giữ những nghĩa hý luận bên ngoài nên khởi lên tâm hư vọng và tâm số pháp giống như bó cỏ, phân biệt pháp ngã và ngã sở. Này Đại Tuệ! Do nghĩa này nên sinh ra vọng tưởng chẳng thật.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng sinh chấp trước tưởng hư vọng chẳng thật thì từ kiến chấp, đủ thứ pháp hư vọng sinh ra, chấp trước tất cả cảnh giới hư vọng năng thủ sở thủ, chấp tự tâm sinh ra tưởng hư vọng, rơi vào trong bè đảng nhị kiến có không, trong nhóm phân biệt, tăng trưởng thành tựu sự huân tập dị kiến hư vọng của ngoại đạo. Do chấp thủ nghĩa hý luận của ngoại đạo, vọng tưởng chẳng thật mà khởi lên tâm hư vọng và tâm số pháp, giống như bó cỏ, chấp giữ ngã và ngã sở... thì Bạch Thế Tôn! Như những chúng sinh đó nương vào đủ các cảnh giới, đủ loại tướng bên ngoài,

rơi vào trong tướng có bè đảng, rơi vào trong tướng không bè đảng, lìa khỏi tướng chấp có, không.

Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng nên như vậy, xa lìa pháp A-hàm mà bậc Thánh đã giảng xa lìa các căn, xa lìa sự kiến lập ba pháp là tướng, nhân duyên, thí dụ.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là một nơi có đủ loại phân biệt chấp trước? Đủ loại tưởng hư vọng sinh ra? Vì sao chẳng chấp trước Đệ nhất nghĩa đế? Hư vọng phân biệt mà sinh ra phân biệt? Đức Thế Tôn nói pháp như vậy chẳng phải nói bình đẳng mà nói không nhân duyên. Vì sao? Vì một nơi sinh, một nơi chẳng sinh vậy. Nếu Thế Tôn nói như vậy thì rơi vào hai bè đảng. Do thấy chấp trước hư vọng phân biệt mà sinh ra phân biệt, do Thế Tôn nói, như nhà ảo thuật nương vào đủ thứ nhân duyên tạo ra đủ thứ sắc tượng, do tự tâm Thế Tôn hư vọng phân biệt, do Thế Tôn nói đủ thứ hư vọng, hoặc có, hoặc không, chẳng thể ngôn thuyết... là lìa khỏi phân biệt. Như vậy, Như Lai rơi vào luận thế gian, vào trong nhóm bè đảng tâm tà kiến.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta phân biệt hư vọng chẳng sinh chẳng diệt. Vì sao? Vì chẳng sinh ra tướng phân biệt có không, chẳng chấp tất cả có không ở bên ngoài. Này Đại Tuệ! Do thấy tự tâm là thấy như thật nên hư vọng phân biệt chẳng sinh chẳng diệt. Này Đại Tuệ! Lời nói này của ta chỉ vì hạng phàm phu ngu si mà nói tự tâm phân biệt, phân biệt đủ thứ tùy theo tâm trước sinh ra, phân biệt đủ thứ chấp trước tướng có. Vì sao? Vì nếu chẳng nói thì phàm phu ngu si chẳng lìa khỏi sự nhận biết hư vọng của tự tâm, chẳng lìa khỏi chấp trước sự thấy của ngã và ngã sở, chẳng lìa khỏi những lỗi nhân duyên của nhân quả, hiểu biết như thật hai loại tâm, biết rõ hành tướng của tất cả các Địa, biết rõ cảnh giới nội chứng, các hạnh tự thân của chư Phật, chuyển năm pháp thể, thấy tướng phân biệt nhập vào Như Lai địa.

Này Đại Tuệ! Nhân việc này nên ta nói, tất cả các chúng sinh... chấp trước hư vọng sinh ra tâm hư vọng, tự tâm phân biệt đủ các nghĩa. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh biết nghĩa như thật mà được giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa lại nói kệ:

Các nhân và cùng duyên
Từ đây sinh thế gian
Vọng tưởng chấp bốn cú
Chẳng biết lời ta nói

Đời chẳng sinh, không, có
Lìa chẳng sinh, có, không
Sao ngu si phân biệt
Nương nhân duyên pháp sinh
Nếu hay thấy thế gian
Có không, chẳng có không
Chuyển biến tâm hư vọng
Được pháp chân vô ngã.
Các pháp vốn chẳng sinh
Mà nương nhân duyên sinh
Các duyên tức là quả
Từ quả chẳng sinh có.
Từ quả, chẳng sinh quả
Nếu vậy có hai quả
Nếu đã có hai quả
Khó được quả trong quả.
Niệm, sở niệm rồi
Quán các pháp hữu vi
Thấy các pháp do tâm
Nên ta nói duy tâm
Lượng thể và hình tướng
Lìa các pháp và duyên
Cứu cánh có thanh tịnh
Ta nói lượng như vậy.
Thế đế ta giả gọi
Đó thì không thật sự
Các ấm, ấm giả danh
Giả danh chẳng thật pháp.
Có bốn bình đẳng là
Tướng, nhân, sinh, vô ngã
Bốn Bồ-đề như thế
Là pháp người tu hành
Chuyển tất cả các kiến
Lìa phân biệt, phân biệt
Chẳng thấy và chẳng sinh
Nên ta nói duy tâm
Pháp chẳng có, chẳng không
Lìa các pháp có, không

Như vậy lìa tâm pháp
Nên ta nói duy tâm
Phân biệt nương huân tập
Chân như không thật tế
Niết-bàn và pháp giới
Ý thân và thân tâm
Nên ta nói duy tâm
Tâm nương các cảnh sinh.
Chúng sinh thấy ngoại cảnh
Nên ta nói duy tâm
Được thấy ngoại pháp không
Tâm thấy hết như vậy
Trụ xứ, của cải thân
Nên ta nói duy tâm.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai nói rằng, như lời nói của ta, ông là các Bồ-tát chớ chấp trước nghĩa của âm thanh ngôn ngữ. Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát chẳng chấp trước vào nghĩa của ngôn ngữ? Ngôn ngữ là gì? Nghĩa là gì?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ta sẽ vì ông nói!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Âm thanh là gì? Nghĩa là nương vào sự huân tập ngôn ngữ, danh tự hòa hợp phân biệt từ vô thủy; nương vào yết hầu, mũi, răng, má, môi, lưỡi hòa hợp chuyển động mà phát ra ngôn ngữ đó để phân biệt các pháp. Đó gọi là Thanh.

Này Đại Tuệ! Nghĩa là gì? Là Đại Bồ-tát nương vào văn, tư, tu lực trí tuệ bậc Thánh, ở chỗ yên tĩnh, ngồi một mình để tư duy.

Sao gọi là Niết-bàn hướng đến đạo Niết-bàn? Là quan sát cảnh giới tu hành nội thân, từng Địa, mỗi từng chỗ tướng tu hành thù thắng, làm chuyển biến nhân huân tập từ vô thủy đó. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Bồ-tát khéo hiểu rõ tướng của nghĩa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Sao gọi là Đại Bồ-tát khéo hiểu rõ nghĩa của ngôn ngữ? Bồ-tát thấy nghĩa của ngôn ngữ và thanh chẳng một chẳng khác.

Thấy nghĩa, ngôn ngữ, thanh chẳng một chẳng khác. Nếu nói rằng, ngôn ngữ lìa khỏi nghĩa thì chẳng nên do tiếng ngôn ngữ đó mà có được nghĩa, mà nghĩa nương vào ngôn ngữ đó hiểu rõ.

Này Đại Tuệ! Như nương vào ngọn đèn phân biệt rõ mọi hình sắc. Này Đại Tuệ! Ví như có người thắp đèn lên quan sát đủ loại châu báu, chỗ này như vầy... như vầy... chỗ kia như vầy... như vầy... Này Đại Tuệ! Bồ-tát nương vào âm thanh, ngôn ngữ mà chứng đắc lìa khỏi ngôn ngữ, vào được nghĩa tự thân tu hành.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả các pháp chẳng sinh chẳng diệt, bản lai tự tánh nhập vào Niết-bàn. Ba thừa, một thừa, năm tâm pháp, các pháp thể đều đồng. Ngôn ngữ, thanh, nghĩa nương vào mọi duyên mà chấp tướng, rơi vào hữu, vô chấp các pháp, là chắc thật thấy thể của các pháp đều trụ ở tướng khác mà phân biệt tướng khác. Phân biệt như vậy rồi, thấy vô số pháp tướng như huyễn, thấy đủ loại phân biệt. Này Đại Tuệ! Ví như huyễn có đủ loại khác nhau, phân biệt khác nhau, chẳng phải là sự thấy của Thánh nhân mà là sự thấy của phàm phu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa nói kệ:

Phân biệt ngôn ngữ, thanh
Kiến lập nên các pháp
Do kiến lập như vậy
Nên rơi các đường ác.
Trong năm ấm vô ngã
Trong ngã không năm ấm
Chẳng như vọng tưởng đó
Cũng chẳng phải là không.
Phàm phu vọng phân biệt
Thấy các pháp có thật
Nếu nhận thức như trên
Tất cả nên thấy chân
Tất cả pháp nếu không
Nhiễm, tịnh cũng là không
Thấy đó không như vậy
Chẳng phải không thật có.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta nay vì ông nói tướng của trí thức! Ông và các Đại Bồ-tát nên biết rõ tướng của trí thức đó và như thật tu hành tướng trí thức để mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đại Tuệ! Có ba loại trí. Những gì là ba?

1. Thế gian trí.

2. Xuất thế gian trí.

3. Xuất thế gian thượng thượng trí.

Này Đại Tuệ! Thức là tướng sinh diệt; Trí là tướng chẳng sinh diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thức là rơi vào tướng có tướng không, rơi vào đủ loại nhân của tướng có, không đó.

Này Đại Tuệ! Tướng trí là xa lìa tướng có, tướng không, tướng nhân có không gọi là tướng trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tập hợp các pháp thì gọi là tướng của thức, chẳng tập hợp các pháp thì gọi là tướng của trí.

Này Đại Tuệ! Trí có ba loại. Những gì là ba?

1. Quan sát tự tướng đồng tướng.

2. Quan sát tướng sinh, tướng diệt.

3. Quan sát tướng chẳng sinh chẳng diệt.

Này Đại Tuệ! Thế gian trí là gì? Là những ngoại đạo, người phàm phu... chấp trước tất cả các pháp có không. Đó gọi là tướng của Thế gian trí.

Này Đại Tuệ! Xuất thế gian trí là gì? Là tất cả những Thanh văn, Duyên giác hư vọng phân biệt tự tướng, đồng tướng. Đó gọi là Xuất thế gian trí.

Này Đại Tuệ! Xuất thế gian thượng thượng trí là gì? Là Phật Như Lai Đại Bồ-tát quan sát tất cả các pháp tịch tĩnh, chẳng sinh, chẳng diệt, đạt được Như Lai địa chứng pháp vô ngã, lìa khỏi hai kiến bè đảng có, không kia.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Sở dĩ nói trí là không có tướng chướng ngại thức là nhận biết những tướng cảnh giới đó.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thức là hòa hợp khởi lên sự tạo tác và đối tượng tạo tác gọi là tướng của Thức, không chướng ngại pháp tương ứng thì gọi là tướng của trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tướng không thể nắm bắt, gọi là trí, do cảnh giới tu hành tự thân chứng được Thánh trí, vào ra nơi các pháp như trăng trong nước. Đó gọi là trí tướng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Thức chứa nhóm các nghiệp
Trí phân biệt rõ ràng
Tuệ hay được vô tướng

Và cảnh diệu trang nghiêm.
Thức bị cảnh giới buộc
Trí biết rõ các cảnh
Vô tướng và thắng cảnh
Là trú xứ Tuệ thông.
Tâm, ý và ý thức
Thường xa lìa các tướng
Thanh văn phân biệt pháp
Chẳng phải đệ tử ta
Tịch tĩnh tinh tấn, nhẫn
Trí Như Lai thanh tịnh
Sinh ra trí Thiện thắng
Xa lìa các tạo tác.
Ta có ba loại tuệ
Nương đó được Thánh danh
Đối tưởng kia phân biệt
Có thể nghe có, không
Lìa khỏi hạnh Nhị thừa
Tuệ lìa khỏi cảnh giới
Chấp giữ tưởng có, không
Từ các Thanh văn sinh
Hiểu được chỉ là tâm
Tướng trí tuệ sạch trong

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các ngoại đạo có chín loại thấy chuyển biến. Những gì là chín?

1. Hình tướng chuyển biến.
2. Tướng chuyển biến.
3. Nhân chuyển biến.
4. Tương ứng chuyển biến.
5. Thấy chuyển biến.
6. Vật chuyển biến.
7. Duyên liễu biệt chuyển biến.
8. Tác pháp liễu biệt chuyển biến.
9. Sinh chuyển biến.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là chín loại thấy chuyển biến. Nương theo chín loại thấy chuyển biến này mà tất cả ngoại đạo cho rằng chuyển biến từ có,

không sinh ra.

Này Đại Tuệ! Hình tướng chuyển biến của ngoại đạo là gì? Này Đại Tuệ! Ví như dùng vàng làm ra vật dụng trang sức như vòng, xuyến, chuỗi ngọc... đủ loại khác nhau. Hình tướng tuy khác nhưng thể của vàng chẳng biến đổi. Tất cả ngoại đạo phân biệt sự chuyển biến hình tướng của các pháp cũng lại như vậy.

Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo phân biệt các pháp nương vào nhân chuyển biến. Này Đại Tuệ! Mà các pháp kia cũng chẳng phải như vậy, chẳng phải chẳng như vậy do nương vào phân biệt. Này Đại Tuệ! Như vậy, tất cả chuyển biến cũng vậy. Ông nên biết ví như sữa, sữa đặc, rượu, trái cây... khi chín rồi thì từng thứ một chuyển biến. Tất cả ngoại đạo phân biệt chuyển biến cũng lại như vậy, mà pháp không thật do chuyển biến, do tự tâm thấy có không rồi chấp giữ phân biệt có không vậy.

Này Đại Tuệ! Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, do nương vào tự tâm phân biệt mà sinh ra tất cả các pháp. Này Đại Tuệ! Không có pháp sinh ra, không có pháp chuyển biến, như huyễn, như trong giấc mộng thấy các hình sắc, sự việc. Ví như trong giấc mộng thấy tất cả việc, con của thạch nữ sinh ra và chết đi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Khi hình tướng chuyển biến
Bốn đại chủng, các căn
Trung ấm và nắm giữ
Chấp vậy chẳng phải trí.
Nhân duyên sinh thế gian
Phật chẳng nói như vậy
Nhân duyên tức thế gian
Như thành Càn-thát-bà.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri giảng nói rõ tướng của tất cả các pháp nối tiếp hay chẳng nối tiếp nhau. Nguyện xin Đấng Thiện Thệ giảng nói, tướng của tất cả pháp nối tiếp, hay chẳng nối tiếp nhau khiến con và tất cả các chúng Bồ-tát hiểu rõ tướng của các pháp nối tiếp hay chẳng nối tiếp nhau, phương tiện khéo léo biết rồi, chẳng rơi vào sự chấp trước tướng của các pháp là nối tiếp hay chẳng nối tiếp, lìa khỏi lời nói, văn tự, vọng tưởng của tất cả pháp nối tiếp hay, chẳng nối tiếp rồi thì được diệu lực thần thông tự tại, đến khắp trong đại chúng của tất cả cõi nước chư Phật ở mười phương pháp môn Đà-la-ni khéo ấn chứng ấn đã

ấn chứng, mười tận cú khéo chuyển đã chuyển, đủ loại ánh sáng biến hóa chiếu sáng, ví như bốn mặt trời, mặt trăng lớn, ngọc ma-ni tự nhiên hiện ra. Chúng sinh thọ dụng xa lìa các cõi, chỉ tự tâm thấy tướng phân biệt, hiện ra tất cả các pháp như huyễn, như mộng hiện bày vào nương tựa Địa của chư Phật. Đối với cõi chúng sinh thì tùy theo sự ứng hợp của họ mà vì họ nói pháp, ủng hộ, khiến cho họ hiểu rõ tất cả các pháp như huyễn như mộng, lìa khỏi tất cả bè đảng có, không, sinh diệt vọng tưởng, khác với lời nói ý nghĩa, chuyển thân tự tại, sinh đến cõi thù thắng.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tướng tương tục, chẳng tương tục của tất cả các pháp nghĩa là, như Thanh văn chấp trước nghĩa tương tục, tướng chấp trước tương tục, duyên chấp trước tương tục, có không chấp trước tương tục, phân biệt sinh chẳng sinh chấp trước tương tục, phân biệt diệt chẳng diệt chấp trước tương tục, phân biệt thừa chẳng phải thừa chấp trước tương tục, phân biệt hữu vi vô vi chấp trước tương tục, phân biệt Địa, tướng của Địa chấp trước tương tục, phân biệt tự phân biệt chấp trước tương tục, phân biệt có không vào bè đảng ngoại đạo chấp trước tương tục...

Này Đại Tuệ! Như vậy phàm phu ngu si có vô lượng tâm phân biệt tương tục khác nhau rồi nương vào sự tương tục mà ngu si phân biệt như con tằm làm kén. Họ nương vào cái thấy của tâm mình mà phân biệt tương tục mãi, ưa hòa hợp tự ràng buộc và ràng buộc người khác, chấp trước có không hòa hợp tương tục.

Này Đại Tuệ! Nhưng không có tương tục, không có tướng tương tục, vì thấy các pháp tịch tĩnh. Này Đại Tuệ! Do các vị Bồ-tát thấy tất cả pháp không có tướng phân biệt nên gọi là thấy pháp môn tịch tĩnh của tất cả Bồ-tát.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có thể biết như thật tất cả pháp bên ngoài lìa khỏi có không, hiểu biết như thật tự tâm thấy tướng, do thể nhập được tướng tự tâm vô tướng.

Này Đại Tuệ! Do thấy mà phân biệt pháp có, không nên gọi là tương tục. Do thấy các pháp tịch tĩnh nên gọi là không tương tục không có tướng tương tục, không tương tục các pháp tướng. Này Đại Tuệ! Không trói,

không mở do rơi vào nhị kiến, nên tự tâm phân biệt có trói có mở. Vì sao? Vì chẳng thể biết các pháp có, không.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si có ba loại tương tục. Những gì là ba? Là tham, sân, si và ưa thích sinh. Do những tương tục này nên có đời sống về sau. Này Đại Tuệ! Tương tục là chúng sinh nối tiếp nhau sinh ra ở năm đường. Này Đại Tuệ! Cắt đứt sự tương tục thì không nối tiếp nhau, không có tướng tương tục.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Chấp trước nhân duyên tương tục nên sinh ra ba cõi. Do các thức đắp đổi nối tiếp nhau chẳng gián đoạn, nhưng thấy ba cửa giải thoát mà chuyển biến diệt trừ nhân và thức chấp trước ba cõi. Đó gọi là đoạn tương tục.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Chẳng thật, vọng phân biệt
Gọi là tướng tương tục
Biết như thật đó rồi
Cắt đứt lưới tương tục
Nếu chấp tiếng là thật
Tự buộc như kén tằm
Tự tâm vọng tưởng buộc
Phàm phu chẳng thể biết.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói thì do những gì, những gì mà tâm phân biệt? Phân biệt những pháp gì, những pháp gì? Mà những pháp đó không có thể tướng như vậy, như vậy đó, chỉ là tự tâm phân biệt? Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ tự tâm phân biệt chẳng phải tướng pháp đó thì như Thế Tôn nói, tất cả các pháp lẽ ra không có nhiễm hay tịnh. Vì sao? Vì như Đức Như Lai nói rằng, tất cả các pháp do vọng phân biệt mà thấy, không có thật thể.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đúng vậy! Đúng vậy, đúng như lời ông nói! Này Đại Tuệ! Nhưng tất cả những phàm phu ngu si phân biệt các pháp mà các pháp đó không có tướng như vậy, chỉ hư vọng phân biệt cho là thật có. Này Đại Tuệ! Đó chính là phàm phu hư vọng phân biệt thể tướng các pháp, hư vọng mà biết chẳng phải thấy như thật. Này Đại Tuệ! Như Thánh nhân biết tánh tướng tự thể của tất cả các pháp, nương vào trí Thánh nhân, nương vào sự thấy của Thánh nhân, nương vào Tuệ nhãn của Thánh nhân mà biết đúng như thật tự thể của các pháp.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn và các Thánh nhân... nương vào Thánh trí, nương vào Thánh kiến, y vào Thánh tuệ nhãn, chẳng phải Nhục nhãn, Thiên nhãn mà biết rõ thể tướng của tất cả các pháp không có tướng như vậy, chẳng phải như phàm phu hư vọng phân biệt. Bạch Thế Tôn! Làm sao phàm phu ngu si chuyển tướng hư vọng?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có thể biết như thật về cảnh giới Thánh nhân mà chuyển sự nhận thức hư vọng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phàm phu ngu si đó chẳng phải kiến chấp điên đảo, chẳng phải chẳng kiến chấp điên đảo! Vì sao vậy? Vì do chẳng thể thấy pháp thể như thật của cảnh giới Thánh nhân, do thấy tướng chuyển biến có, không vậy.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân cũng có phân biệt, tất cả những việc không tướng như vậy, do tự tâm thấy tướng cảnh giới. Bạch Thế Tôn! Những Thánh nhân đó thấy có pháp thể phân biệt pháp tướng, do Thế Tôn chẳng nói có nhân, chẳng nói không nhân. Vì sao? Vì rơi vào có pháp tướng, còn người khác thấy cảnh chẳng thấy như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nói như vậy thì có lỗi vô cùng. Vì sao? Vì do chẳng biết rõ pháp tướng vốn không có tướng tự thể.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải nhân phân biệt có tướng pháp thể mà có các pháp.

Bạch Thế Tôn! Điều đó làm sao phân biệt? Chẳng nên phân biệt điều đó như vậy hay nên phân biệt như vậy? Bạch Thế Tôn! Tướng phân biệt khác với tướng, tướng tự thể khác với tướng. Bạch Thế Tôn! Mà hai nhân đó chẳng tương tự, phân biệt các loại... thể tướng của pháp khác nhau thì làm sao phàm phu phân biệt như vậy, mà nhân này chẳng thành đúng như điều đã thấy? Thế Tôn nói rằng, ta vì muốn đoạn trừ tâm hư vọng phân biệt của tất cả các chúng sinh. Nói lời như vậy thì như phàm phu kia hư vọng phân biệt không có pháp như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì sao ngăn sự thấy có, không của các chúng sinh mà chấp trước cảnh giới Thật pháp Thánh trí? Bạch Thế Tôn! Lại khiến cho tất cả chúng sinh rơi vào chỗ Vô kiến. Vì sao? Vì nói các pháp tịch tĩnh không tướng. Như vậy pháp thể Thánh trí là vô tướng.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta chẳng nói rằng, tất cả các pháp tịch tĩnh vô tướng,

cũng chẳng nói rằng, các pháp đều không, cũng chẳng khiến cho họ rơi vào Vô kiến, cũng khiến cho họ chẳng chấp trước cảnh giới của tất cả Thánh nhân như vậy. Vì sao? Vì ta làm cho chúng sinh lìa khỏi chỗ kinh sợ, do các chúng sinh từ đời vô thủy đến nay chấp trước thể tướng các pháp thật có. Vậy nên ta nói, Thánh nhân biết thể tướng của Pháp thật có, lại nói, các pháp tịch tĩnh vô tướng.

Này Đại Tuệ! Ta chẳng nói rằng, pháp thể là có hay không. Ta nói, tự thân chứng pháp như thật. Do nghe pháp của ta mà tu hành các pháp tịch tĩnh vô tướng, được thấy cảnh giới Chân như vô tướng, thể nhập tự tâm thấy pháp, xa lìa sự thấy có, không của pháp bên ngoài, được ba cửa giải thoát, đạt được rồi, dùng ấn như thật khéo ấn chứng vào các pháp, trí tuệ tự thân nội chứng quan sát, lìa khỏi sự thấy có không.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Bồ-tát chẳng nên kiến lập các pháp chẳng sinh. Vì sao? Vì do kiến lập pháp thì đồng với các pháp có. Nếu chẳng vậy thì đồng với các pháp không.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Do kiến lập các pháp có nên nói, tất cả pháp giống với pháp kiến lập. Vì sao? Vì do sự kiến lập đó chẳng đồng với tất cả pháp chẳng sinh. Vậy nên nói, kiến lập tất cả pháp là lời nói tự phá. Vì sao? Vì do trong kiến lập không có sự kinh luận đó. Nếu chẳng vậy thì kinh luận đó cũng chẳng sinh, do đồng với tướng không sai biệt của các pháp. Vậy nên kiến lập các pháp chẳng sinh gọi là tự phá. Do kiến lập ba pháp, năm pháp đó hòa hợp mà có nên lìa khỏi kiến lập thì có, không chẳng sinh ra.

Này Đại Tuệ! Kiến lập đó hội nhập trong các pháp chẳng thấy pháp có, không. Này Đại Tuệ! Nếu kiến lập đó thì các pháp chẳng sinh mà nói lời này, tất cả pháp chẳng sinh. Này Đại Tuệ! Nói như vậy thì kiến lập tức là phá. Vì sao? Vì lìa khỏi kiến lập thì tướng có, không chẳng thể được.

Này Đại Tuệ! Vậy nên, chẳng nên kiến lập các pháp chẳng sinh.

Này Đại Tuệ! Do kiến lập đó đồng với tất cả pháp thể chẳng sinh kia, vậy nên chẳng nên kiến lập các pháp chẳng sinh do có nhiều lỗi vậy.

Này Đại Tuệ! Lại có chẳng nên kiến lập các pháp chẳng sinh. Vì sao? Vì do ba pháp, năm pháp nhân của chúng chẳng đồng.

Này Đại Tuệ! Lại có, chẳng nên kiến lập các pháp chẳng sinh. Vì sao? Vì do ba pháp, năm pháp đó tạo tác hữu vi vô thường. Vậy nên, chẳng nên kiến lập tất cả các pháp chẳng sinh.

Này Đại Tuệ! Như vậy, chẳng nên kiến lập tất cả pháp trống không. Thể tướng của tất cả các pháp không thật, này Đại Tuệ! Mà các Bồ-tát vì

chúng sinh nói tất cả các pháp như huyễn như mộng, do tướng thấy, chẳng thấy, do tướng các pháp mê hoặc trí thấy. Vậy nên, nên nói như huyễn như mộng để ngăn trừ tất cả phàm phu ngu si lìa khỏi sự kinh sợ.

Này Đại Tuệ! Do các phàm phu rơi vào trong tà kiến có không, do phàm phu nghe như huyễn như mộng sinh ra kinh sợ. Các phàm phu nghe, sinh ra kinh sợ rồi xa lìa Đại thừa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn một lần nữa nói kệ:

Không tự thể, không thức
Không A-lê-gia thức
Ngu si vọng phân biệt
Tà kiến như thây chết.
Tất cả pháp chẳng sinh
Thấy khác nói chẳng thành
Các pháp đều chẳng sinh
Nhân duyên chẳng thể thành.
Tất cả pháp chẳng sinh
Chớ kiến lập pháp vậy
Đồng, bất đồng chẳng thành
Vậy nên kiến lập hoại.
Ví như mắt có màng
Hư vọng thấy vầng sáng
Phân biệt ở có không
Phàm phu thấy hư vọng
Ba cõi chỉ giả danh
Không có pháp thể thật
Chấp giả danh là thật
Phàm phu khởi phân biệt
Sự tướng và giả danh
Tâm ý đã chấp giữ
Phật tử nên xa lìa
Trụ cảnh giới tịch tĩnh
Không nước chấp tướng nước
Các thú, tâm vọng si
Phàm phu thấy pháp vậy
Thánh nhân thì chẳng vậy.
Thánh nhân thấy thanh tịnh
Ba thoát, Tam-muội sinh
Xa lìa khỏi sinh diệt

Được vô chướng tịch tĩnh
Tu hành chẳng vướng mắc
Cũng lại chẳng thấy không
Pháp có, không bình đẳng
Vậy nên quả Thánh sinh.
Sao gọi pháp có không
Làm sao thành bình đẳng
Chẳng thể thấy do tâm
Pháp trong ngoài vô thường
Nếu diệt trừ pháp đó
Thấy tâm được bình đẳng.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói, trí tuệ quan sát chẳng thể thấy cảnh giới các pháp trước. Biết được cảnh giới bấy giờ chỉ là nội tâm. Tâm, ý, ý thức hiểu biết như thật, không có pháp sở thủ, cũng không có pháp năng thủ. Vậy nên trí cũng chẳng thể phân biệt mà nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng, trí tuệ chẳng thể nắm giữ thì vì thấy tự tướng, đồng tướng của các pháp khác với pháp tướng khác, đủ loại pháp thể khác nhau chẳng đồng nên trí chẳng thể biết. Vì thấy đủ loại thể tướng của các pháp chẳng thể khác nên trí chẳng thể biết. Vì chính sự chướng ngại của núi non, vách đá, tường vách, rừng rậm, cây cối... đất, nước, lửa, gió nên trí chẳng thể biết, vì chính là chỗ rất xa rất gần nên trí chẳng thể biết. Vì chính là già, trẻ, vì chính là mù tối, các căn chẳng đủ nên trí chẳng thể biết.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều khác, pháp tướng đều khác với pháp thể tự tướng đồng tướng, đủ loại chẳng đồng mà trí chẳng thể biết thì, bạch Thế Tôn! Nếu vậy, trí đó chẳng phải là trí. Vì sao? Vì chẳng thể biết cảnh giới thật trước.

Bạch Thế Tôn! Nếu đủ loại thể tướng, tự tướng đồng của tất cả pháp chẳng thấy khác nhau mà trí chẳng thể biết, nếu vậy trí kia chẳng được nói rằng trí. Vì sao? Vì thật có cảnh giới chẳng thể biết. Bạch Thế Tôn! Có cảnh giới trước có thể thấy như thật gọi đó là trí. Nếu vì núi non vách đá, tường ngăn, rừng cây, cây cỏ, đất nước, lửa, gió, rất xa, rất gần, già trẻ, mù tối, các căn chẳng đủ... mà chẳng thể thấy biết thì trí đó không là trí, vì cảnh giới có thật mà chẳng biết.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Như lời ông nói về vô trí thì nghĩa này chẳng vậy! Vì

sao? Vì có thật trí.

Này Đại Tuệ! Ta chẳng nương vào lời nói như vậy của ông, cảnh giới là không có, chỉ là tự tâm thấy. Ta nói rằng, chẳng hiểu chỉ là tự tâm thấy các vật bên ngoài, rồi cho là có, không. Vậy nên, trí tuệ chẳng thấy cảnh giới. Trí chẳng thấy thì chẳng vận hành ở tâm. Vậy nên ta nói, vào ba cửa giải thoát, trí cũng chẳng thấy. Nhưng các phàm phu từ đời vô thủy đến nay, hư vọng phân biệt, nương theo hý luận huân tập chất chứa trong tâm nên phân biệt như vậy, thấy hình tướng cảnh giới bên ngoài có, không, vì làm cho họ lìa khỏi tâm hư vọng như vậy nên ta nói, tất cả pháp chỉ là tự tâm thấy, chấp trước ngã và ngã sở nên chẳng thể hiểu biết, chỉ là tự tâm. Hư vọng phân biệt chính là trí, chính là cảnh giới. Do phân biệt chính là trí, chính là cảnh giới, nên quan sát pháp bên ngoài chẳng thấy có, không thì rơi vào Đoạn kiến.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Có cảnh giới, sự việc
Trí chẳng thể thấy được
Vô trí chẳng phải trí
Hư vọng thấy cho rằng
Các pháp là vô lượng
Trí này chẳng thể biết
Chướng ngại và xa gần
Trí vọng, chẳng phải trí
Già, trẻ, các căn tối
Chẳng thể sinh trí tuệ
Mà thật có cảnh giới
Trí đó chẳng thật trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si nương vào phiền não hý luận, phiền não phân biệt của thân đời vô thủy, thân huyễn hóa mà kiến lập pháp của mình. Rồi họ chấp trước tự tâm thấy cảnh giới bên ngoài, chấp trước danh tự, chương cú, lời nói mà chẳng thể biết kiến lập chánh pháp, chẳng tu chánh hạnh, lìa khỏi bốn pháp cú thanh tịnh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng như lời của Thế Tôn! Thế Tôn vì con giảng nói kiến lập pháp tướng. Con và tất cả các Bồ-tát... vào đời vị lai biết rõ tướng kiến lập nói pháp, chẳng mê theo tà kiến của ngoại đạo, pháp chẳng chánh kiến của Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe và tin nhận!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có hai loại pháp mà các Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đời quá khứ, vị lai và hiện tại đã giảng nói. Những gì là hai?

1. Kiến lập nói pháp tướng.

2. Kiến lập như thật pháp tướng.

Này Đại Tuệ! Kiến lập nói pháp tướng là gì? Nghĩa là đủ các công đức, Tu-đa-la, Ưu-ba-đề-xá (Kinh, Luật) tùy theo lòng tin của chúng sinh mà vì họ nói pháp. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Kiến lập thuyết pháp tướng.

Này Đại Tuệ! Kiến lập như thật pháp tướng là gì? Nghĩa là nương vào những pháp nào mà tu chánh hạnh, xa lìa tự tâm hư vọng phân biệt các pháp tướng, chẳng rơi vào trong nhóm bè đảng một khác, đồng chẳng đồng, lìa khỏi tâm, ý, ý thức, bên trong chứng cảnh giới hành hóa của Thánh trí, lìa khỏi tướng chấp tương ứng của các tướng nhân duyên, lìa khỏi tà kiến của tất cả ngoại đạo, lìa khỏi các kiến chấp của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, lìa khỏi kiến chấp của hai bè đảng có, không. Này Đại Tuệ! Đó gọi là kiến lập như thật pháp tướng. Này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát cần phải tu học.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta kiến lập hai pháp
Nói pháp, pháp như thật
Nương danh tự nói pháp
Vì người thật tu hành.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 6

Phẩm 5: Lô-CA-DA-ĐÀ

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Một thuở, Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nói rằng: Đủ thứ biện luận của Lô-ca-da-đà, nếu có gần gũi cúng dường người đó thì nhận lấy vật thực tham dục thực, chẳng có được pháp thực.

Bạch Thế Tôn! Vì sao nói rằng, đủ thứ biện luận của Lô-ca-da-đà, nếu gần gũi cúng dường, thì nhận lấy vật thực tham dục, chẳng có được pháp thực?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Lô-ca-da-đà có đủ thứ biện tài, ngôn từ, câu cú sắc sảo mê hoặc thế gian, chẳng nương vào như pháp mà nói, chẳng nương vào như nghĩa mà nói, chỉ tùy theo sự ưa thích tình cảm phàm phu ngu si ở thế gian mà nói việc thế tục, chỉ có ngôn từ khéo léo, chương cú êm dịu làm mất đi chính nghĩa. Này Đại Tuệ! Đó gọi là lỗi đủ thứ biện tài lạc thuyết của Lô-ca-da-đà.

Này Đại Tuệ! Biện tài như vậy của Lô-ca-da-đà chỉ thu phục phàm phu ngu si của thế gian, chẳng phải thể nhập pháp tướng như thật mà nói pháp, tự mình chẳng biết rõ tất cả pháp, rơi vào trong nhóm tà kiến nhị biên, tự mất chính đạo, cũng khiến cho người khác mất. Vậy nên, họ chẳng thể lìa khỏi các cõi, do chẳng thể thấy chỉ là tự tâm, phân biệt chấp trước pháp bên ngoài có tướng. Vậy nên chẳng lìa khỏi hư vọng phân biệt.

Này Đại Tuệ! Vậy nên ta nói, Lô-ca-da-đà tuy có đủ thứ biện tài sắc sảo để giảng nói các pháp nhưng mất chánh lý nên chẳng thoát khỏi sinh già, bệnh, chết buồn rầu, khổ não... tất cả khổ nhóm họp, do nương vào đủ loại danh tự, chương cú, thí dụ, nói khéo léo để mê hoặc, lừa dối người.

Này Đại Tuệ! Thích Đề-hoàn Nhân lý giải các luận rộng rãi tự tạo ra thanh luận. Lô-ca-da-đà đó có một đệ tử chứng được thần thông thế gian, đi đến cung trời Đế Thích kiến lập luận pháp nói rằng: “Thưa Kiều-thi-ca! Tôi đánh cược với ông là cùng nhau bàn luận. Nếu người nào chẳng đúng

thì phải chịu khuất phục.” Để cho tất cả những người trời thấy biết, ông ấy liền lập lời yêu cầu chung: “Nếu tôi thắng ông thì tôi sẽ phá nát bánh xe ngàn nan hoa của ông. Nếu tôi thua thì sẽ chặt từng đốt, từng đốt xương từ đầu đến chân, để đáp tạ cho ông.” Nói lời thề rồi, người đệ tử của Lô-ca-da-đà hiện làm thân rồng cùng bàn luận với Thích Đề-hoàn Nhân. Ông dùng luận pháp của mình liền thắng được Thích Đề-hoàn Nhân kia nên khiến cho trời ấy khuất phục. Ông liền ở trong trời phá tan nát bánh xe có ngàn nan hoa thành bụi trần, rồi trở về nhân gian.

Này Đại Tuệ! Bà-la-môn Lô-ca-da-đà với đủ loại ví dụ tương ứng như vậy... cho đến hiện thân súc sinh, nương vào danh tự mê hoặc thế gian, Trời, Người, A-tu-la... do tất cả chúng sinh của các thế gian chấp trước pháp sinh diệt, huống gì là đối với loài người?

Này Đại Tuệ! Do nghĩa này nên phải xa lìa Bà-la-môn Lô-ca-da-đà, vì nhân lời nói của người đó có thể sinh ra sự chứa nhóm khổ. Vậy nên, chẳng nên thân cận cúng dường, cung kính thưa hỏi Bà-la-môn Lô-ca-da-đà.

Này Đại Tuệ! Pháp của Bà-la-môn Lô-ca-da-đà giảng nói chỉ thấy cảnh giới thân trí hiện tiền, nương vào danh tự của đời để nói các pháp tà. Này Đại Tuệ! Luận của Bà-la-môn Lô-ca-da-đà tạo ra có đến trăm ngàn kệ mà đời sau phân ra làm nhiều bộ, mỗi mỗi đều có tên khác, nương vào tự tâm chấp giữ mà tạo ra vậy.

Này Đại Tuệ! Bà-la-môn Lô-ca-da-đà không có đệ tử có thể thọ trì luận ấy. Vậy nên đời sau phân làm nhiều bộ với đủ thứ tên khác nhau.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo... nội tâm không hiểu biết như thật nên nương vào đủ loại nhân, mọi lý giải khác nhau, tùy theo tự tâm tạo ra mà vì người nói, chấp trước nhân Tự tại...

Này Đại Tuệ! Trong sự tạo luận của tất cả ngoại đạo không có pháp như thật, chỉ là tất cả Thế luận, đủ loại pháp môn nhân duyên giảng nói trăm ngàn vạn pháp mà những ngoại đạo đó chẳng biết là Lô-ca-da-đà.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả ngoại đạo chỉ nói Lô-ca-da-đà, nương vào đủ mọi danh tự, chương cú, thí dụ của thế gian mà chấp trước các nhân thì, bạch Thế Tôn! Chúng sinh, Trời, Người, A-tu-la của tất cả cõi nước khắp mười phương tập họp chỗ Đức Như Lai, Đức Như Lai cũng dùng đủ loại danh tự, chương cú, thí dụ của thế gian nói pháp mà chẳng nói pháp tự thân chứng trí. Nếu vậy thì cũng đồng với lời nói của tất cả ngoại đạo, chẳng khác.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Ta chẳng nói tới Lô-ca-da-đà, cũng chẳng nói rằng, các pháp chẳng đến chẳng đi.

Này Đại Tuệ! Ta nói, các pháp chẳng đến chẳng đi.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là đến? Này Đại Tuệ! Sở dĩ nói rằng "đến" là gọi nhóm họp sinh ra, do hòa hợp sinh ra.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là đi? Này Đại Tuệ! Sở dĩ nói rằng "đi" là gọi đó là diệt. Này Đại Tuệ! Ta nói, chẳng đi chẳng đến là gọi chẳng sinh chẳng diệt.

Này Đại Tuệ! Ta nói chẳng đồng với pháp của ngoại đạo kia. Vì sao? Vì do chẳng chấp trước vật bên ngoài có không, chỉ kiến lập giảng nói tự tâm thấy, chẳng trụ hai chỗ, chẳng hành hóa phân biệt cảnh giới các tướng, do biết như thật kiến chấp tự tâm nên chẳng sinh ra sự chấp tự tâm phân biệt. Do chẳng phân biệt tất cả tướng mà có thể hội nhập ba cửa giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện nên gọi là giải thoát.

Này Đại Tuệ! Ta nhớ thuở quá khứ, ở một chỗ nọ, bấy giờ có một đại Bà-la-môn Lô-ca-da-đà đi đến chỗ của ta, thưa: "Này ông Cù-đàm! Tất cả tạo tác sao?" Này Đại Tuệ! Khi đó ta đáp: "Này Bà-la-môn! Tất cả tạo tác thì đây là Lô-ca-da-đà Đệ nhất. Bà-la-môn nói: "Này ông Cù-đàm! Tất cả chẳng tạo tác sao?" Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Tất cả chẳng tạo tác chính là Lô-ca-da-đà thứ hai." Bà-la-môn nói: "Như vậy tất cả thường hay tất cả vô thường? Tất cả sinh hay tất cả chẳng sinh?" Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Chính là Lô-ca-da-đà thứ sáu."

Này Đại Tuệ! Lô-ca-da-đà lại hỏi: "Này ông Cù-đàm! Tất cả một chăng? Tất cả khác chăng? Tất cả giống nhau chăng? Tất cả khác nhau chăng? Tất cả các pháp nương vào nhân sinh ra, thấy đủ loại nhân sinh?" Này Đại Tuệ! Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Chính là Lô-ca-da-đà thứ mười một."

Này Đại Tuệ! Bà-la-môn đó lại hỏi: "Này ông Cù-đàm! Tất cả vô ký sao? Tất cả hữu ký sao? Có ngã sao? Không ngã sao? Có đời này sao? Không có đời này sao? Có đời sau chăng? Không có đời sau chăng? Có giải thoát chăng? Không giải thoát chăng? Tất cả trống rỗng chăng? Tất cả chẳng trống rỗng chăng? Tất cả hư không chăng? Chẳng phải duyên diệt sao? Niết-bàn sao? Này Cù-đàm! Tạo tác chăng? Chẳng phải tác chăng? Có trung ấm chăng? Không có trung ấm chăng?" Này Đại Tuệ! Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Nói như vậy, tất cả đều chính là Lô-ca-da-đà, chẳng phải lời nói của ta, chinh là pháp ông nói. Này Bà-la-môn! Ta nói do hý luận hư

vọng phân biệt phiền não huân tập từ vô thủy nên nói ba cõi kia. Do chẳng biết rõ đó chỉ là tự tâm phân biệt thấy có, chẳng phải thấy bên ngoài có như pháp ngoại đạo."

Này Đại Tuệ! Ngoại đạo nói rằng: "Ngã, căn, ý nghĩa, ba thứ hòa hợp có thể sinh ra trí." Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Ta chẳng như vậy, ta chẳng nói nhân, cũng chẳng nói không nhân mà chỉ nói tự tâm phân biệt thấy có tướng cảnh giới khả thủ năng thủ. Ta nói nhân duyên giả danh tập họp mà sinh ra các pháp, chẳng phải như Bà-la-môn các ông và cảnh giới khác, do rơi vào ngã kiến."

Này Đại Tuệ! Niết-bàn, hư không, duyên diệt chẳng thành ba loại, huống gì nói rằng, tạo tác có tạo tác, chẳng tạo tác?

Này Đại Tuệ! Lại có Bà-la-môn Lô-ca-da-đà đến hỏi ta: "Này ông Cù-đàm! Nhân của nghiệp ái vô minh ở những thế gian này sinh ra ba cõi có hay là không nhân?" Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Hai pháp này của Lô-ca-da-đà, chẳng phải pháp của ta!" Bà-la-môn lại hỏi: "Này ông Cù-đàm! Tất cả pháp rơi vào tự tướng hay đồng tướng?" Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Đây chính là Lô-ca-da-đà, chẳng phải pháp của ta. Này Bà-la-môn! Chỉ có tâm, ý, ý thức chấp trước vật bên ngoài đều chính là Lô-ca-da-đà, chẳng phải pháp của ta vậy."

Này Đại Tuệ! Bà-la-môn Lô-ca-da-đà lại hỏi: "Này ông Cù-đàm! Vả lại, có pháp chẳng phải Lô-ca-da-đà sao? Này ông Cù-đàm! Tất cả ngoại đạo kiến lập đủ loại danh tự, chương cú, nhân, thí dụ để nói thì đều là pháp của chúng tôi sao?" Ta đáp: "Này Bà-la-môn! Có pháp chẳng phải pháp của ông mà chẳng phải chẳng kiến lập, cũng chẳng phải chẳng nói đủ loại danh tự, chương cú, cũng chẳng phải chẳng nương nghĩa, hoặc nương nghĩa giảng nói mà chẳng phải pháp kiến lập của Lô-ca-da-đà. Này Bà-la-môn! Có pháp chẳng phải Lô-ca-da-đà, do các pháp đó, tất cả ngoại đạo cho đến cả ông chẳng thể rõ biết, do hư vọng chấp trước pháp chẳng thật bên ngoài, phân biệt hý luận. Sao gọi là xa lìa phân biệt? Là tâm quan sát có, không, tự tâm thấy tướng, thấy biết như thật. Vậy nên chẳng sinh ra tất cả phân biệt, chẳng thủ đắc các pháp cảnh giới bên ngoài, dừng tâm phân biệt, trụ chỗ tự tại, cảnh giới tịch tĩnh. Đó gọi là chẳng phải Lô-ca-da-đà, là luận pháp của ta, chẳng phải luận của ông. Này Bà-la-môn! Trụ nội tự tại, chẳng sinh chẳng diệt. Chẳng sinh chẳng diệt là chẳng sinh tâm phân biệt. Này Bà-la-môn! Đó gọi là chẳng phải Lô-ca-da-đà. Này Bà-la-môn! Ta chỉ lược nói. Do đâu mà thức chẳng vận hành, chẳng thủ chấp, chẳng thoái, chẳng cầu, chẳng sinh, chẳng chấp trước, chẳng vui, chẳng thấy, chẳng nhìn,

chẳng trụ, chẳng xúc... Đó gọi là trụ, tức là tên khác nghĩa một. Này Bà-la-môn! Chấp trước đủ các tướng, tự ngã hòa hợp, tham ái chấp trước các nhân thì chính là pháp Lô-ca-da-đà của Bà-la-môn, chẳng phải là pháp của ta vậy!"

Này Đại Tuệ! Bà-la-môn Lô-ca-da-đà đi đến chỗ ta hỏi pháp như vậy, ta đáp lại Bà-la-môn đó những lời nói như trên, Bà-la-môn lặng thinh ra đi mà chẳng hỏi sự kiến lập pháp chân thật của ta. Bà-la-môn Lô-ca-da-đà tác khởi ý niệm trong tâm: "Sa-môn Thích tử ở bên ngoài pháp của ta này thật là đáng thương xót. Ông ta nói tất cả pháp không nhân, không duyên, không có tướng sinh, chỉ nói rằng, tự tâm phân biệt thấy pháp. Nếu có thể biết rõ tự tâm thấy tướng thì tâm phân biệt diệt." Này Đại Tuệ! Ông nay hỏi ta, vì sao Lô-ca-da-đà có đủ loại biện tài giảng nói, mà thân cận cúng dường, cung kính người đó, chỉ nhận lấy vị tham dục, chẳng đạt được pháp vị.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Thực cú nghĩa? Sao gọi là Pháp cú nghĩa?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông mới có thể vì chúng sinh đời vị lai thưa hỏi Như Lai hai nghĩa như vậy. Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Thế nào là thực? Là ăn, tiếp xúc với vị, mong cầu phương tiện, khéo dua nịnh, đắm say vị, chấp trước ngoại cảnh... những pháp như vậy tướng là tên khác nhưng nghĩa là một, do chẳng thể nhập vào nghĩa pháp môn cảnh giới không hai.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Gọi là thực thì nương vào tà kiến, sinh ra các ấm có chi thể, chẳng lìa khỏi sinh, già, bệnh, chết lo buồn, khổ não, ái sinh ra hữu... những pháp như vậy gọi đó là thực. Vậy nên, ta và tất cả chư Phật đều nói thân cận cúng dường Bà-la-môn Lô-ca-da-đà kia thì gọi là được thực vị, chẳng được pháp vị.

Này Đại Tuệ! Những gì là pháp vị? Là có thể biết như thật hai loại vô ngã; do thấy tướng nhân vô ngã, pháp vô ngã, vậy nên chẳng sinh ra tướng phân biệt và có thể biết như thật trí thượng thượng của các Địa, bấy giờ có thể lìa khỏi tâm, ý, ý thức, thể nhập Địa ngôi vị trí chư Phật, đạt được tất cả các chỗ tận cùng chương cú, có thể biết như thật tất cả cõi tự tại

của chư Phật. Đó gọi là pháp vị, chẳng rơi vào tất cả tà kiến hý luận phân biệt nhị biên.

Này Đại Tuệ! Ngoại đạo nói pháp nhiều khiến cho chúng sinh rơi vào nhị biên, chẳng khiến cho bậc Trí rơi vào nhị biên. Vì sao? Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo... nói nhiều về đoạn, thường do không có nhân nên rơi vào thường kiến, thấy nhân diệt nên rơi vào đoạn kiến.

Này Đại Tuệ! Ta nói thấy như thật, chẳng chấp trước sinh diệt. Vậy nên lời nói của ta gọi là Pháp vị. Này Đại Tuệ! Đó gọi là ta nói về thực vị và Pháp vị. Này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát nên học pháp này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ta nhiếp phục chúng sinh
Nương giới ngăn các ác
Trí tuệ, tà kiến diệt
Ba giải thoát lớn thêm.
Ngoại đạo nói hư vọng
Đều là luận thế gian
Dùng tà kiến nhân quả
Lập luận, không chánh kiến
Ta lập pháp kiến lập
Lìa hư vọng, chấp nhân
Vì các đệ tử nói
Lìa khỏi pháp thế gian.
Chỉ tâm, không pháp khác
Không có tâm nhị biên
Pháp năng thủ, sở thủ
Lìa khỏi kiến đoạn, thường.
Chỉ hành xứ của tâm
Đều là luận thế tục.
Nếu quán sát tự tâm
Chẳng thấy các hư vọng
Nếu đến thấy nhân sinh
Khi đi thấy quả diệt.
Đến, đi biết chân thật
Chẳng phân biệt hư vọng
Thường, vô thường, tạo tác
Chẳng tạo, vật đây, đó.
Tất cả Pháp như vậy

Đều là luận Thế tục.

-oOo-

Phẩm 6: NIẾT-BÀN

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói về Niết-bàn, Niết-bàn là do những pháp gì gọi là Niết-bàn mà tất cả ngoại đạo đều hư vọng phân biệt Niết-bàn?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói. Các ngoại đạo... hư vọng phân biệt tướng của Niết-bàn. Như sự phân biệt của ngoại đạo đó thì không phải là Niết-bàn.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe và tin nhận!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nhàm chán các cảnh giới, thấy ấm, giới, nhập diệt, các pháp vô thường, tâm, tâm số pháp chẳng sinh, hiện tiền do chẳng nhớ nghĩ về cảnh giới vui ở quá khứ, vị lai và hiện tại, chỗ các ấm diệt tận như lửa đèn tắt, đủ loại gió ngăn chặn lại, chẳng chấp giữ các tướng hư vọng phân biệt... gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Ngoại đạo kia thấy những pháp như vậy sinh ra tâm Niết-bàn, chẳng phải thấy diệt nên gọi là Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Hoặc có ngoại đạo, từ phương này đến phương kia thì gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Có ngoại đạo phân biệt các cảnh như gió, vậy nên phân biệt gọi là Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Lại có ngoại đạo nói như không thấy cảnh giới năng kiến, sở kiến chẳng diệt thì gọi là Niết-bàn. Lại có ngoại đạo cho rằng không thấy phân biệt, thấy thường không thường gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo nói do phân biệt thấy đủ loại tướng khác nhau có thể sinh ra các khổ. Do tự tâm thấy hư vọng phân biệt tất cả các tướng, kinh sợ các tướng, thấy được vô tướng mà thâm tâm ưa thích sinh ra tưởng Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo thấy tự tướng đồng tướng của tất cả pháp chẳng sinh ra tưởng đoạn diệt, phân biệt các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại là có thì gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo thấy, ngã, nhân, chúng sinh, thọ

mạng, thọ giả... là các pháp chẳng diệt rồi hư vọng phân biệt thì gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác, không trí tuệ nên phân biệt tự tánh đối tượng chấp trước nhân mạng chuyển biến, phân biệt chuyển thì gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói vì tội hết nên phước đức cũng hết. Đó gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói vì phiền não hết, nên nương vào trí nên gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói do thấy trời Tự tại tạo tác ra chúng sinh mà hư vọng phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói do các chúng sinh cùng nhân đắp đổi mà sinh ra, chẳng phải do nhân khác tạo tác. Như những ngoại đạo kia chấp trước vào nhân mà chẳng hiểu, chẳng biết, ngu si, ám độn hư vọng phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói chứng Đạo đế, hư vọng phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói có tạo tác và đối tượng tạo tác mà cùng hòa hợp thấy là một, khác đồng, chẳng đồng, hư vọng phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói tất cả pháp tự nhiên mà sinh ra, giống như nhà ảo thuật làm ra đủ các hình tượng, thấy đủ loại những vật quý báu, gai nhọn... tự nhiên mà sinh ra, hư vọng phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói vạn vật đều chính là thời gian tạo tác, hiểu biết chỉ là thời gian mà hư vọng phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ngoại đạo khác nói thấy có vật, thấy không vật, thấy vật vừa có, không. Như vậy phân biệt gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Còn bậc Trí kiến lập pháp khác nói thấy như thật thì chỉ là tự tâm, chẳng chấp giữ các cảnh giới bên ngoài, lìa khỏi bốn loại pháp, thấy tất cả pháp đúng như pháp đó trụ, chẳng thấy tướng tự tâm phân biệt, chẳng rơi vào nhị biên, chẳng thấy cảnh giới năng thủ khả thủ, thấy thế gian kiến lập tất cả chẳng thật chỉ mê mờ pháp như thật. Do chẳng thủ đắc các pháp nên gọi đó là thật, do pháp tự thân chứng Thánh trí mà biết như thật hai loại vô ngã, lìa khỏi hai loại cấu bẩn phiền não, thanh tịnh

hai chướng, có khả năng biết như thật tướng thượng thượng địa vào Như Lai địa đạt được Tam-muội Như huyễn, xa lìa tâm, ý, ý thức, phân biệt những kiến chấp như vậy... thì gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Lại có các ngoại đạo... biết, quán sát tà kiến mà nói các luận chẳng cùng tương ứng với chánh pháp như thật mà những bậc Trí xa lìa, quở trách. Này Đại Tuệ! Những ngoại đạo như vậy... đều rơi vào nhị biên hư vọng phân biệt, không thật là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo hư vọng phân biệt Niết-bàn như vậy, không có người trụ ở thế gian, không có người vào Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả ngoại đạo nương vào luận tự tại mà hư vọng phân biệt, không có trí như thật. Như những ngoại đạo kia tụ tâm phân biệt, không có pháp như vậy thì đến, đi, lay động, không có Niết-bàn của ngoại đạo như vậy.

Này Đại Tuệ! Ông và tất cả các Bồ-tát... nên xa lìa Niết-bàn hư vọng của tất cả ngoại đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Ngoại đạo thấy Niết-bàn
Thảy đều khởi phân biệt
Đều từ tướng tâm sinh
Không phương tiện giải thoát
Chẳng lìa trói, bị trói
Lìa xa các phương tiện
Tự sinh tưởng giải thoát
Mà thật không giải thoát.
Ngoại đạo kiến lập pháp
Đều khác chấp các trí
Chúng đều không giải thoát
Vọng phân biệt, ngu si.
Tất cả si ngoại đạo
Thấy vọng tác, sở tác
Vậy nên không giải thoát
Do nói pháp có, không.
Phàm phu ưa hý luận
Chẳng nghe tuệ chân thật
Gốc ba cõi ngôn ngữ
Trí như thật diệt khổ.
Ví như bóng trong gương
Tuy thấy mà chẳng có

Huân tập chấp tâm hương
Phàm phu nói có hai
Chẳng biết chấp do tâm
Vậy nên, phân biệt hai
Biết như thật chỉ tâm
Phân biệt thì chẳng sinh.
Tâm gọi là đủ loại
Năng, sở kiến lìa xong
Thấy tướng không thể thấy
Phàm phu vọng phân biệt.
Ba cõi chỉ vọng tưởng
Cảnh giới ngoài thật không
Vọng tưởng thấy đủ hết
Phàm phu chẳng biết thông.
Kinh, kinh nói phân biệt
Đủ loại danh tự khác
Lìa khỏi pháp ngôn ngữ
Chẳng nói, không nắm bắt.

-oOo-

Phẩm 7: PHÁP THÂN

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bạch Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri! Nguyện xin Như Lai diễn nói pháp nhận biết chứng đắc tự thân! Do những pháp gì gọi là Pháp thân, để con và tất cả các Bồ-tát... biết rõ tướng Pháp thân của Như Lai để tự thân và người khác đều không còn nghi hoặc.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông có điều nghi ngờ gì, cứ tùy ý thưa hỏi, ta sẽ vì ông phân biệt rõ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe và tin nhận. Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri pháp tạo tác hay chẳng phải pháp tạo tác vậy? Chính là nhân hay chính là quả vậy? Là năng kiến hay là sở kiến vậy? Chính lời nói hay là đối tượng nói vậy? Chính là trí hay là sự biết của trí vậy? Những từ, cú như vậy... với Pháp thân Như Lai là khác hay chẳng khác vậy?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tướng Pháp thân của Như Lai Ứng Chánh Biến Tri và những từ, cú như vậy... chẳng phải pháp tạo tác, chẳng phải pháp chẳng tạo tác, chẳng phải thân, quán pháp quả. Vì sao? Vì do nhị biên là có lỗi.

Này Đại Tuệ! Nếu nói rằng, Như Lai chính là pháp tạo tác tức là vô thường. Nếu vô thường thì tất cả tác pháp lẽ ra chính là Như Lai, mà Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chẳng chấp nhận pháp này.

Này Đại Tuệ! Nếu Pháp thân của Như Lai chẳng phải là pháp tạo tác tức là không có thân nên nói rằng, có người tu hành vô lượng công đức và tất cả hạnh tức là hư vọng.

Này Đại Tuệ! Nếu chẳng tạo tác thì lẽ ra đồng với sừng thỏ, thạch nữ sinh con... Do không nhân tạo tác nên cũng không có thân vậy. Này Đại Tuệ! Nếu pháp chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải có, chẳng phải không mà thể của pháp đó lìa khỏi bốn tướng thì, này Đại Tuệ! Bốn pháp đó gọi là ngôn thuyết của thế gian. Này Đại Tuệ! Nếu pháp lìa khỏi bốn pháp thì pháp đó chỉ có danh tự như thạch nữ sinh con. Này Đại Tuệ! Thạch nữ sinh con... chỉ là pháp danh tự chương cú, nói đồng với bốn pháp. Nếu rơi vào bốn pháp thì bậc Trí chẳng chấp giữ. Như vậy, tất cả những câu về Như Lai, bậc Trí nên biết.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói tất cả các pháp là vô ngã. Ông hãy lắng nghe nhiếp hóa của vô ngã. Phàm vô ngã thì nội thân vô ngã, vậy nên vô ngã. Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp tự thân là có, thân người khác là không, tựa như trâu, ngựa. Này Đại Tuệ! Ví như thân trâu chẳng phải là thân ngựa, ngựa cũng chẳng phải trâu. Vậy nên, chẳng được nói có hay nói không mà tự thể của chúng chẳng phải là không vậy.

Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp cũng lại như vậy, chẳng phải không thể tướng hay có tướng tự thể. Phàm phu ngu si chẳng biết thể tướng các pháp vô ngã, do tâm phân biệt, chẳng phải tâm chẳng phân biệt.

Này Đại Tuệ! Như vậy tất cả pháp trống không, tất cả pháp chẳng sinh, tất cả pháp không thể tướng cũng vậy.

Này Đại Tuệ! Pháp thân Như Lai cũng lại như vậy, ở trong năm ấm chẳng phải một, chẳng phải khác. Này Đại Tuệ! Pháp thân Như Lai với năm ấm là một tức là vô thường, do năm ấm chính là pháp tạo tác vậy. Này Đại Tuệ! Pháp thân Như Lai với năm ấm khác nhau tức là có hai pháp, chẳng đồng với thể tướng, như hai cái sừng con trâu tương tợ chẳng khác, dù thấy có hình thể riêng, dài ngắn hơi khác.

Này Đại Tuệ! Nếu như vậy thì tất cả các pháp lẽ ra không khác tướng

nhưng lại có khác tướng như sừng trái con trâu khác sừng phải, sừng phải khác sừng trái. Như vậy tướng dài ngắn đối đãi đều khác biệt. Như hình sắc đủ thứ đó đây sai biệt.

Này Đại Tuệ! Như vậy, tướng của Pháp thân Như Lai ở trong năm ấm chẳng thể nói một chẳng thể nói khác, ở trong giải thoát chẳng thể nói một chẳng thể nói khác, ở trong Niết-bàn chẳng thể nói một chẳng thể nói khác. Như vậy nương vào giải thoát nói tên tướng của Pháp thân Như Lai.

Này Đại Tuệ! Nếu Pháp thân Như Lai khác giải thoát thì đồng với sắc tướng là vô thường. Nếu Pháp thân Như Lai chẳng khác giải thoát tức là không sai biệt về năng chứng, sở chứng.

Này Đại Tuệ! Nhưng người tu hành lại thấy có năng chứng và cả sở chứng. Vậy nên chẳng phải một. Này Đại Tuệ! Như vậy biết đối với cảnh giới đối tượng nhận biết chẳng phải một, chẳng phải khác. Này Đại Tuệ! Nếu pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải giác, chẳng phải bất giác, chẳng phải năng kiến, chẳng phải khả kiến, chẳng phải lìa khỏi ấm, giới nhập, chẳng phải từ là ấm giới nhập, chẳng phải danh, chẳng phải cảnh giới, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải đồng, chẳng phải chẳng đồng, chẳng phải tương tục, chẳng phải chẳng tương tục... vượt qua tất cả các pháp. Nếu vượt qua các pháp thì chỉ có cái tên ấy thôi. Nếu chỉ có tên thì pháp đó chẳng sinh ra. Do chẳng sinh ra nên pháp đó chẳng diệt. Do chẳng diệt nên pháp đó bình đẳng như hư không.

Này Đại Tuệ! Hư không chẳng phải nhân, chẳng phải quả! Nếu pháp chẳng phải nhân, chẳng phải quả thì pháp đó chẳng thể quan sát, mà chẳng thể quan sát thì pháp đó vượt qua tất cả những hý luận. Nếu vượt qua tất cả các hý luận thì pháp đó gọi là Pháp thân Như Lai. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng của Pháp thân Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, do vượt qua tất cả cảnh giới các căn vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Lìa các pháp và căn
Không quả cũng không nhân
Đã lìa giác, sở giác
Năng, khả kiến lìa luôn
Năm ấm và các duyên
Phật không thấy có pháp
Nếu không thấy có pháp
Làm sao mà phân biệt?

Chẳng tác, chẳng không tác
Không quả cũng không nhân
Chẳng ấm, chẳng lìa ấm
Cũng chẳng trụ nơi khác.
Những tâm nào phân biệt
Phân biệt chẳng thấy được
Pháp đó chẳng phải không
Các pháp, pháp tự nhiên
Trước có nên nói không
Trước không nên nói có
Vậy nên chẳng nói không
Cũng chẳng được nói có
Mê theo ngã, vô ngã
Chỉ chấp trước âm thanh
Đó rơi vào nhị biên
Vọng nói thế gian hoại
Lìa khỏi tất cả lỗi
Thì thấy được pháp ta.
Đó gọi là chánh kiến
Chẳng phỉ báng Thế Tôn.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì con giải nói! Nguyện xin Đấng Thiện Thệ vì con giải nói! Đức Như Lai ở đâu cũng nói rằng, các pháp chẳng sinh chẳng diệt.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại nói rằng, chẳng sinh chẳng diệt gọi là Pháp thân của Như Lai, nên nói chẳng sinh chẳng diệt.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói rằng, chẳng sinh chẳng diệt, vì không có pháp nên gọi chẳng sinh chẳng diệt. Vì Như Lai khác gọi chẳng sinh chẳng diệt mà Phật Như Lai thường nói, các pháp chẳng sinh chẳng diệt do lìa khỏi pháp kiến lập có không vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng sinh thì đây chẳng được nói rằng, tất cả pháp, do tất cả pháp chẳng sinh. Nếu nương vào pháp khác có danh này thì xin Thế Tôn giảng nói cho con.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Vâng con xin lắng nghe và tin nhận!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Pháp thân Như Lai chẳng phải là không vật chất, cũng chẳng phải là tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt, cũng chẳng được nói rằng, nương vào nhân duyên mà có, cũng chẳng phải hư vọng nói chẳng sinh chẳng diệt.

Này Đại Tuệ! Ta thường nói rằng, chẳng sinh chẳng diệt thì gọi là Ý sinh thân. Pháp thân Như Lai chẳng phải là cảnh giới của các ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng phải cảnh giới của Bồ-tát trụ ở Địa thứ bảy.

Này Đại Tuệ! Ta nói chẳng sinh chẳng diệt tức là tên khác của Như Lai. Này Đại Tuệ! Ví như Thích Đề-hoàn Nhân, Đế Thích, Bất-lan-đà-la, thủ trảo, thân thể, địa, phù di, hư không, vô ngại... những danh hiệu như vậy, tên gọi thì khác mà nghĩa chỉ một, chẳng nương vào nhiều danh hiệu mà nói rằng, có nhiều thể Đế Thích!

Này Đại Tuệ! Ta cũng như vậy, ở trong thế giới Ta-bà với ba trăm ngàn ức danh hiệu, phàm phu tuy nói mà chẳng biết là danh hiệu khác của Như Lai.

Này Đại Tuệ! Hoặc có chúng sinh biết Như Lai, có người biết Tự Tại, có người biết Nhất Thiết Trí, có người biết Đấng Cứu Thế, có người biết là Đấng Đạo Sư, có người biết là bậc Tướng, có người biết là bậc Thắng, có người biết bậc Vi diệu, có người biết là đấng Thế Tôn, có người biết là Đức Phật, có người biết là Ngưu Vương, có người biết là Sư Tử, có người biết là Tiên nhân, có người biết là đấng Phạm, có người biết là Na-la-diên, có người biết là bậc Thắng, có người biết là Ca-tỳ-la, có người biết là bậc Cứu Cánh, có người biết A-lị-sắc-ni-di, có người biết là mặt trăng, có người biết là mặt trời, có người biết là Bà-lâu-na, có người biết là Tỳ-gia-ta, có người biết là Đế Thích, có người biết là bậc Lực, có người biết là Biển, có người biết là bậc chẳng sinh, có người biết là bậc chẳng diệt, có người biết là đấng Không, có người biết là Chân Như, có người biết là Thật Tế, có người biết là Niết-bàn, có người biết là Pháp giới, có người biết là Pháp tánh, có người biết là đấng Thường Hằng, có người biết là bậc Bình Đẳng, có người biết là đấng Bất Nhị, có người biết là Vô Tướng, có người biết là Duyên, có người biết là Phật thể, có người biết là Nhân, có người biết là giải thoát, có người biết là Đạo, có người biết là Thật Đế, có người biết là Nhất Thiết Trí, có người biết là Ý sinh thân... Này Đại Tuệ! Vô số những danh hiệu Như Lai Ứng Chánh Biến Tri như vậy ở trong thế giới Ta-bà và các thế giới

khác, ba trăm ngàn ức danh hiệu chẳng thêm chẳng bớt mà chúng sinh đều biết, như vầng trăng trong nước, chẳng vào chẳng ra mà các phàm phu chẳng hay chẳng biết, do rơi vào trong pháp nhị biên tương tục, nhưng họ đều cung kính cúng dường ta, chẳng thể hiểu rõ được danh tự, câu nghĩa, thủ đắc tướng sai biệt, chẳng thể tự biết, chấp trước danh tự nên hư vọng phân biệt, chẳng sinh chẳng diệt gọi là Không có pháp, mà chẳng biết đó là tướng sai biệt của danh hiệu Như Lai, như Nhân Đà-la, Đế Thích, Vương, Bất-lan-đà-la... Do chẳng thể quyết định danh hiệu chân thật mà thuận theo danh tự âm thanh chấp giữ pháp cũng lại như vậy.

Này Đại Tuệ! Vào đời vị lai, phàm phu ngu si nói lời như vầy: "Nghĩa cũng giống như danh vậy" mà họ chẳng biết khác danh có nghĩa. Vì sao? Vì do nghĩa không có thể tướng. Họ lại nói lời này: "Chẳng khác danh tự âm thanh có nghĩa, mà danh tự âm thanh tức là nghĩa. Vì sao? Vì họ chẳng biết thể tướng của danh tự.

Này Đại Tuệ! Người ngu si kia chẳng biết âm thanh tức là sinh, tức là diệt, còn nghĩa thì chẳng sinh diệt.

Này Đại Tuệ! Tánh của âm thanh rơi vào danh tự mà nghĩa thì chẳng đồng rơi vào danh tự, do lìa khỏi có không nên vô sinh, vô thể.

Này Đại Tuệ! Như Lai nói pháp nương vào tiếng của mình mà nói, chẳng thấy các chữ là có không nên chẳng chấp trước danh tự. Này Đại Tuệ! Nếu người chấp trước danh tự mà nói thì người đó chẳng gọi là người nói pháp giỏi. Vì sao? Vì pháp không danh tự vậy.

Này Đại Tuệ! Vậy nên trong kinh ta nói, các Đức Phật Như Lai thậm chí chẳng nói một chữ, chẳng thị hiện một danh. Vì sao? Vì các pháp không có chữ, nương vào nghĩa không mà nói, nương vào phân biệt mà nói vậy.

Này Đại Tuệ! Nếu chẳng nói pháp thì pháp luân của các Đức Phật Như Lai sẽ đoạn diệt. Pháp luân đoạn diệt thì cũng không có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mà không có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát thì vì những người nào? Nói những pháp gì? Những việc gì? Này Đại Tuệ! Vậy nên Đại Bồ-tát chẳng nên chấp trước lời nói, danh tự. Này Đại Tuệ! Danh tự chương cú chẳng phải là pháp cố định, nương vào tâm của chúng sinh mà nói. Các Đức Phật Như Lai tùy theo niềm tin của chúng sinh mà nói các pháp. Vì khiến cho họ xa lìa tâm, ý, ý thức nên chẳng nói Tự thân chứng đắc Thánh trí kiến lập các pháp, khiến cho họ có thể biết như thật tất cả tướng tịch tĩnh của các pháp, chỉ thấy tự tâm biết rõ các pháp, lìa khỏi hai tướng phân biệt của tâm... các Đức Phật chẳng nói như vậy.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nương vào nghĩa chẳng nương vào lời nói.

Nếu thiện nam, thiện nữ tùy theo văn tự mà nói thì rơi vào tà kiến, tự thân hoại mất Đệ nhất nghĩa đế, cũng hủy hoại người khác, khiến cho họ, chẳng thể nhận biết.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo... đều nương vào luận của mình và kiến chấp khác mà nói năng.

Này Đại Tuệ! Ông nên biết rõ tướng của tất cả Địa, biết rõ biện tài giảng nói, văn chương, từ cú. Biết rõ tướng của tất cả các Địa rồi, ông tiến đến nắm giữ biện tài nhạo thuyết về danh cú, biết rõ nghĩa tướng tương ưng của các pháp. Bấy giờ, tự thân đối với niềm vui pháp vô tướng mà nhận lấy an lạc, trụ ở trong Đại thừa, khiến cho chúng sinh biết rõ.

Này Đại Tuệ! Giữ gìn Đại thừa thì tức là hộ trì các Đức Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Hộ trì các Đức Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát là ủng hộ tất cả chúng sinh. Ủng hộ tất cả chúng sinh là giữ gìn pháp tạng thù thắng vi diệu. Giữ gìn pháp tạng tức là chẳng gián đoạn Phật chủng. Chẳng gián đoạn Phật chủng thì chẳng đoạn tất cả chỗ sinh ra thù thắng vi diệu. Do chỗ thù thắng đó là nơi các Bồ-tát nguyện sinh ra, để gặp các chúng sinh trong pháp Đại thừa, với mười Lực tự tại, tùy theo hình sắc của các chúng sinh và các sử, có thể tùy theo đó để ứng hiện nói pháp như thật.

Này Đại Tuệ! Pháp như thật là gì? Như thật pháp là chẳng khác, chẳng sai biệt, chẳng chấp giữ, chẳng bỏ, lìa khỏi các hý luận. Đó gọi là Pháp như thật.

Này Đại Tuệ! Thiện nam, thiện nữ chẳng nên chấp trước văn tự, âm thanh, do tất cả pháp không có văn tự.

Này Đại Tuệ! Ví như có người vì chỉ vật cho người, dùng ngón tay chỉ bày mà người ngu liền chấp trước ngón tay, chẳng nương theo ngón tay để lấy vật được chỉ bày.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, Thanh văn chấp trước "ngón tay" văn tự, cho đến chết cũng chẳng thể bỏ "ngón tay" văn tự để nắm giữ Đệ nhất nghĩa.

Này Đại Tuệ! Ví như lúa gạo gọi là thức ăn của phàm phu mà chẳng giã, chẳng thổi nấu thì chẳng thể ăn được. Nếu lúa gạo ấy, có người chưa làm thành đồ ăn mà ăn thì gọi là điên cuồng, cần phải theo thứ lớp... cho đến thổi nấu chín mới thành đồ ăn được.

Này Đại Tuệ! Chẳng sinh chẳng diệt cũng lại như vậy, chẳng tu hạnh phương tiện trí khéo léo thì chẳng được Pháp thân đầy đủ sự trang nghiêm.

Này Đại Tuệ! Người chấp trước danh tự để nói được nghĩa thì như

người ngu si kia chẳng biết giã, thổi, nấu mà nuốt lấy những "hạt thóc" văn tự, chẳng được "món ăn" nghĩa. Do ý nghĩa này nên phải học đến nghĩa, chớ chấp trước văn tự.

Này Đại Tuệ! Sở dĩ nói nghĩa là gọi Niết-bàn, nói danh tự là tướng phân biệt, trói buộc sinh ra lý giải của thế gian.

Này Đại Tuệ! Nghĩa là từ nơi người học rộng hiểu nhiều mà được.

Này Đại Tuệ! Nói học rộng hiểu nhiều là gọi phương tiện khéo léo của nghĩa, chẳng phải phương tiện khéo léo của âm thanh.

Này Đại Tuệ! Nghĩa phương tiện thì lìa khỏi tất cả tà thuyết của ngoại đạo, cũng chẳng hòa lẫn vào nhau. Nói như vậy thì tự thân chẳng rơi vào pháp tà của ngoại đạo. Này Đại Tuệ! Đó gọi là học rộng hiểu nhiều có nghĩa phương tiện.

Này Đại Tuệ! Muốn hiểu được nghĩa thì nên thân cận bậc Trí học rộng hiểu nhiều cúng dường cung kính. Những ai chấp trước danh tự thì nên lìa xa, chẳng nên gần gũi.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ nương thần lực chư Phật mà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Thế Tôn nói, tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt chẳng phải là đặc biệt kỳ lạ. Vì sao? Vì tất cả ngoại đạo cũng nói, các nhân chẳng sinh chẳng diệt. Đức Như Lai cũng nói, hư không, chẳng phải sô duyên diệt và cõi Niết-bàn chẳng sinh chẳng diệt.

Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo cũng nói, nương vào các nhân duyên sinh ra các chúng sinh. Đức Như Lai cũng nói, nghiệp vô, minh, ái nhân duyên phân biệt sinh ra các thế gian. Nếu vậy, Đức Như Lai cũng nói tướng nhân duyên danh tự khác nhau, nương vào nhân duyên bên ngoài có thể sinh ra các pháp. Ngoại đạo cũng nói, nương vào nhân duyên bên ngoài mà sinh ra các pháp. Vậy nên, Đức Như Lai cùng với ngoại đạo nói không có sai biệt.

Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nhân vi trần, thắng nghĩa căn, Tự tại thiên, Phạm thiên... cùng với chín loại nhân duyên bên ngoài mà nói rằng, các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Đức Như Lai cũng nói, tất cả các pháp chẳng sinh chẳng diệt, có, không chẳng thể nắm bắt, do bốn đại chẳng diệt. Tự tướng chẳng sinh chẳng diệt, theo như Đức Phật Như Lai nói có đủ loại khác nhau mà chẳng lìa khỏi lời nói của ngoại đạo, các ngoại đạo cũng nói, các Đại chẳng lìa khỏi Đại thể. Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo phân biệt các đại, Như Lai cũng phân biệt các đại như vậy. Do nghĩa này nên lời nói của Đức Như Lai chẳng khác ngoại đạo. Nếu chẳng đồng thì Đức Như Lai lẽ ra nói có tướng khác. Nếu có tướng khác thì sẽ biết chẳng đồng với lời nói

của ngoại đạo.

Bạch Thế Tôn! Nếu Phật Như Lai ở trong pháp của mình chẳng nói tướng thù thắng thì trong các ngoại đạo lẽ ra cũng có Phật, do nói các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Đức Như Lai thường nói trong một thế giới mà có nhiều Đức Phật cùng ra đời thì không có điều này. Nhưng theo lời nói trên thì trong một thế giới đáng lý có nhiều Đức Phật. Vì sao? Vì đã nói có nhân, không nhân đều không sai khác vậy. Như lời Phật nói không hư dối thì tại sao, ở trong pháp của mình, Thế Tôn chẳng nói lên tướng thù thắng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ta nói "pháp chẳng sinh chẳng diệt" chẳng đồng với chẳng sinh chẳng diệt của ngoại đạo, cũng chẳng đồng với pháp vô thường chẳng sinh kia. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì các ngoại đạo nói có thể tánh thật có, chẳng sinh, chẳng biến tướng, còn ta thì chẳng rơi vào trong nhóm bè đảng có, không như vậy.

Này Đại Tuệ! Lời ta nói lìa khỏi pháp có không, lìa khỏi tường sinh, trụ, diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, thấy tất cả đủ loại sắc tượng như huyễn như mộng. Vậy nên chẳng được nói điều ấy là có hay không.

Này Đại Tuệ! Tại sao chẳng được nói điều ấy có hay không? Nghĩa là thể tướng của sắc có thấy hay chẳng thấy, có thủ chấp hay chẳng thủ chấp vậy. Này Đại Tuệ! Vậy nên, ta nói tất cả các pháp chẳng phải có chẳng phải không.

Này Đại Tuệ! Do chẳng hiểu biết, chỉ là tự tâm phân biệt sinh ra kiến chấp. Tất cả các pháp thế gian xưa nay chẳng sinh diệt mà các phàm phu sinh ra phân biệt, chẳng phải Thánh nhân vậy.

Này Đại Tuệ! Tâm mê hoặc phân biệt nghĩa chẳng thật thì ví như phàm phu thấy thành Càn-thát-bà, thấy nhà ảo thuật tạo tác vô số người huyễn đủ loại voi ngựa..., thấy những thứ ấy vào ra mà hư vọng phân biệt nói lời như vầy: "Những thứ này vào như vầy... như vầy..., ra như vầy... như vầy..." Này Đại Tuệ! Nhưng chỗ ấy thật không người ra, vào chỉ là tự tâm thấy mê hoặc phân biệt, pháp sinh hay pháp chẳng sinh cũng lại như vậy.

Này Đại Tuệ! Nhưng ở đó thật không có điều này, là không, là các pháp, như việc tạo tác việc huyễn của nhà ảo thuật kia, mà nhà huyễn thuật kia chẳng sinh chẳng diệt.

Này Đại Tuệ! Các pháp có không cũng không có đối tượng để tạo ra do lìa khỏi sinh diệt vậy. Chỉ những phàm phu rơi vào tâm điên đảo phân biệt sinh diệt, chẳng phải là Thánh nhân.

Này Đại Tuệ! Điên đảo thì như tâm phân biệt pháp này thì như vậy, như vậy, pháp kia thì chẳng như vậy, như vậy... cũng chẳng phải điên đảo mà phân biệt điên đảo thì chấp trước các pháp là có, là không, chẳng phải thấy tịch tĩnh vậy. Chẳng thấy tịch tĩnh thì chẳng thể xa lìa hư vọng phân biệt.

Vậy nên, này Đại Tuệ! Thấy tịch tĩnh thì gọi là tướng thù thắng, chẳng phải thấy các tướng thì gọi là tướng thù thắng, do chẳng thể đoạn tướng sinh nhân. Này Đại Tuệ! Nói vô tướng là xa lìa tất cả các tâm phân biệt. Vô sinh, vô tướng thì chính là điều ta nói, gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Nói Niết-bàn nghĩa là thấy được trụ xứ như thật của các pháp, xa lìa tâm phân biệt, tâm số pháp, nương theo thứ tự như thật tu hành đối với sự chứng đắc Thánh trí tự thân. Ta nói như vậy gọi là Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Vì ngăn các pháp sinh
Kiến lập pháp vô sinh
Ta nói pháp không nhân.
Phàm phu chẳng thể biết.
Ta nói pháp không nhân
Mà phàm phu chẳng biết
Tất cả pháp chẳng sinh
Cũng chẳng được nói không.
Càn-thát-bà, mộng, huyễn
Các pháp không có nhân
Các pháp không, vô tướng.
Làm sao ta giảng nói?
Lìa các duyên hòa hợp
Trí tuệ chẳng thể thấy
Do không vốn chẳng sinh
Vậy nên nói vô thể
Mỗi một duyên hòa hợp
Thấy vật chẳng nắm bắt
Ngoại đạo không thể thấy
Hòa hợp chẳng nắm bắt.
Mộng, huyễn và vầng sáng.
Càn-thát-bà loáng nắng
Vọng thấy mà không nhân

Việc thế gian cũng vậy.
Hàng phục luận không nhân
Thì thành nghĩa vô sinh
Có thể thành vô sinh
Thì pháp ta chẳng diệt.
Nói các luận vô nhân
Ngoại đạo sinh kinh sợ:
Tại sao những người nào?
Nhân gì? Ở đâu thế?
Sinh các pháp vô nhân
Chẳng nhân, chẳng vô nhân
Bậc trí nếu thấy được
Xa lìa thấy diệt, sinh.
Không pháp sinh, chẳng sinh
Là không tướng nhân duyên.
Nếu là pháp danh tự
Là ta nói Vô nghĩa
Chẳng sinh pháp có không
Cũng chẳng có nhân duyên
Pháp trước chẳng có danh
Danh cũng chẳng phải không
Phi cảnh giới Thanh văn
Bích-chi-phật, ngoại đạo
Và bậc trụ Thất địa
Chỗ đó không tướng sinh.
Lìa các pháp nhân duyên
Vì ngăn các nhân duyên.
Nói kiến lập duy tâm
Ta nói tên không sinh
Các pháp không nhân duyên
Lìa phân biệt phân biệt
Lìa bè đảng có không
Ta nói tên không sinh
Tâm xa lìa chấp pháp
Lìa khỏi hai pháp thể
Chuyển thân nương chánh tướng.
Ta nói tên vô sinh.
Ngoài phi thật, không thật.

Chẳng có tâm chấp thủ
Huyễn, mộng và vầng sáng
Càn-thát-bà loáng nắng
Xa lìa các kiến chấp
Gọi là tướng Vô sinh
Như vậy những pháp không...
Nên biết những văn cú
Chẳng sinh và không không
Mà không ở sinh không
Các nhân duyên hòa hợp
Có diệt và có sinh
Xa lìa các nhân duyên
Chẳng diệt cũng chẳng sinh
Lìa nhân duyên, không pháp
Lìa hòa hợp không thành.
Ngoại đạo vọng phân biệt
Đều thấy có một, khác
Có không chẳng pháp sinh
Chẳng nắm bắt có không
Chỉ các pháp hòa hợp
Mà thấy có diệt, sinh.
Và có ở danh tự
Đắp đổi làm gông cùm
Lìa nhân duyên xiềng xích
Sinh pháp chẳng thể thành.
Pháp sinh chẳng thấy sinh
Lìa khỏi lỗi ngoại đạo
Ta nói duyên xiềng xích
Phàm phu chẳng biết thông.
Nếu lìa duyên xiềng xích
Không có pháp phân biệt
Tức là không nhân duyên
Phá nghĩa duyên trói buộc
Như đèn hiển hình tượng
Xiềng xích sinh cũng vậy
Nếu xa lìa xiềng xích
Lại có các pháp sinh.
Pháp sinh vốn không thể

Tự tánh như hư không
Lìa xiềng xích cầu pháp
Người ngu không biết rõ.
Lại có vô sinh khác
Pháp Thánh nhân chứng đắc
Pháp sinh, vô sinh đó
Là pháp Nhẫn vô sinh.
Nếu thấy các thế gian
Tức là thấy xiềng xích
Tất cả đều trói buộc
Vậy là định được tâm.
Vô minh và nghiệp ái...
Là xiềng xích bên trong
Dùi, trục, bùn, bánh xe
Chủng tử xiềng xích lớn.
Nếu lại có pháp khác
Mà sinh từ nhân duyên
Lìa khỏi nghĩa xiềng xích
Đó chẳng trụ Thánh giáo.
Nếu pháp sinh là không
Ai là người trói buộc
Đắp đổi mà sinh ra
Đó gọi nghĩa nhân duyên.
Pháp cứng, ẩm, nóng, động
Phàm phu sinh phân biệt
Lìa buộc lại không pháp
Vậy nên nói không thể.
Như thuốc trị mọi bệnh
Tùy bệnh mà chữa trị
Bàn luận không sai biệt
Bệnh khác nên thuốc khác.
Ta nghĩ các chúng sinh
Bị nhiễm lỗi phiền não
Biết căn, lực sai biệt
Theo sức nhận mà nói.
Pháp ta không sai biệt
Tùy căn bệnh nói khác
Pháp ta chỉ Nhất thừa

Tám Thánh đạo thanh tịnh.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 7

Phẩm 8: VÔ THƯỜNG

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói vô thường thì tất cả ngoại đạo cũng nói vô thường. Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai nương vào danh tự, chương cú nói lời như vầy, các hạnh vô thường là pháp sinh diệt. Bạch Thế Tôn! Pháp này là chân thật hay là hư vọng? Bạch Thế Tôn! Lại có bao nhiêu loại vô thường?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo hư vọng phân biệt có tám loại vô thường. Những gì là tám?

1. Phát khởi việc làm mà chẳng làm. Đó gọi là vô thường. Sao gọi là phát khởi? Nghĩa là pháp sinh, pháp bất sinh, pháp thường pháp vô thường gọi là phát khởi vô thường.

2. Hình tướng dừng nghỉ gọi là vô thường.

3. Sắc... tức là vô thường.

4. Sắc chuyển biến nên sai khác là vô thường, các pháp nối tiếp nhau tự nhiên mà diệt như sữa, chuyển biến thành sữa đặc. Đối với tất cả pháp chẳng thấy sự chuyển biến ấy cũng chẳng thấy diệt thì gọi là vô thường.

5. Lại có ngoại đạo khác... do không có vật nên gọi là vô thường.

6. Có pháp, không pháp đều là vô thường, do tất cả pháp vốn chẳng sinh nên gọi là vô thường. Do pháp vô thường hòa hợp trong đó chính là vô thường.

7. Lại có ngoại đạo khác... cho rằng, vốn không sau lại có gọi là vô thường. Nghĩa là nương vào sự diệt tướng sinh của các Đại, chẳng thấy sự sinh ấy lìa khỏi thể nối tiếp nhau thì gọi là vô thường.

8. Chẳng sinh vô thường. Nghĩa là chẳng phải thường chính là vô thường. Thấy các pháp có không, sinh chẳng sinh... cho đến quán sát bụi trần chẳng thấy pháp sinh nên nói rằng chẳng sinh, các pháp chẳng phải

sinh. Này Đại Tuệ! Đó gọi là tướng vô sinh vô thường mà các ngoại đạo chẳng biết pháp đó sở dĩ chẳng sinh. Vậy nên họ phân biệt các pháp chẳng sinh nên nói rằng, vô thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ngoại đạo phân biệt pháp vô thường, cho là có vật. Những ngoại đạo đó tự tâm hư vọng phân biệt về vô thường, thường, chẳng phải vô thường, do có vật. Vì sao? Vì tự thể chẳng diệt vậy. Tự thể chẳng diệt là thể của vô thường, thường là chẳng diệt.

Này Đại Tuệ! Nếu pháp vô thường là có vật thì đáng lẽ sinh ra các pháp, do vô thường đó có thể làm nhân vậy. Này Đại Tuệ! Nếu tất cả pháp chẳng lìa khỏi vô thường thì các pháp có, không, tất cả lẽ ra phải thấy. Vì sao? Vì như gậy, cây, sành, đá là vật năng phá, sở phá đều bị phá hủy hết. Thấy vô số tướng kia khác nhau, vậy nên vô thường do tất cả pháp không là pháp, cũng chẳng phải nhân, cũng chẳng phải quả.

Này Đại Tuệ! Lại có các lỗi, do nhân quả kia không sai biệt mà chẳng được nói rằng, đây là vô thường mà kia là quả. Do nhân quả sai biệt nên chẳng được nói rằng, tất cả pháp là thường, do tất cả pháp không nhân.

Này Đại Tuệ! Các pháp có nhân mà các phàm phu chẳng hiểu, chẳng biết nhân khác chẳng thể sinh ra quả khác.

Này Đại Tuệ! Nếu nhân khác có thể sinh ra quả khác thì khác nhân nên sinh ra tất cả các pháp. Nếu vậy thì lại có lỗi, nên nhân quả sai biệt mà thấy sai biệt.

Này Đại Tuệ! Nếu vô thường ấy là có vật thì lẽ ra giống với việc có đối tượng tạo tác của nhân thể. Lại có lỗi nữa, ở trong một pháp lẽ ra đầy đủ tất cả các pháp do giống tất cả đối tượng tạo tác, nhân quả nghiệp tướng không sai biệt. Hoặc tự có là vô thường, vô thường có thể vô thường vậy. Hoặc tất cả các pháp vô thường lẽ ra thường hằng vậy. Hoặc nếu vô thường ấy đồng với các pháp thì rơi vào pháp ba đời.

Này Đại Tuệ! Sắc quá khứ đồng với vô thường nên đã diệt, pháp vị lai chưa sinh ra do đồng với sắc vô thường nên chẳng sinh ra, hiện tại có pháp chẳng lìa khỏi sắc. Do sắc cùng với tướng các Đại kia nương vào năm Đại, nương vào trần, vậy nên chẳng diệt, do những pháp đó chẳng lìa nhau.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngoại đạo chẳng diệt các đại, ba cõi nương vào đại, nương vào vi trần... Vậy nên nương vào pháp đó nói rằng, sinh trụ diệt. Này Đại Tuệ! Lìa khỏi pháp này, lại không có các pháp như: bốn đại, các trần... do ngoại đạo kia kia hư vọng phân biệt, lìa khỏi tất cả pháp, lại có vô thường nên ngoại đạo nói rằng, các đại chẳng sinh chẳng diệt, do tướng tự thể thường hằng chẳng diệt vậy. Vậy nên họ nói, phát khởi việc làm mà

giữa chừng chẳng làm thì gọi là vô thường. Các đại lại có sự phát khởi các đại, không có những dị tướng đồng tướng đó, chẳng có pháp sinh diệt. Do thấy các pháp chẳng sinh diệt mà ở nơi đó sinh ra trí vô thường.

Này Đại Tuệ! Sao gọi là hình tướng vô thường dừng nghỉ? Nghĩa là hình tường năng tạo, sở tạo, thấy hình tướng khác như dài, ngắn, chẳng phải các đại diệt mà thấy hình tướng các đại chuyển biến. Người đó rơi vào trong pháp Tăng-khư (Số luận).

Này Đại Tuệ! Hình tướng vô thường nghĩa là những người nào là sắc thì gọi là vô thường. Người đó thấy ở hình tường vô thường mà chẳng phải các đại chính là pháp vô thường. Nếu các đại vô thường thì tất cả các thế gian chẳng được bàn luận việc đời, rơi vào bè đảng tà kiến Lô-ca-da-đà, do nói là, tất cả pháp chỉ có danh.

Lại thấy các pháp do tướng tự thể sinh ra. Này Đại Tuệ! Chuyển biến vô thường nghĩa là thấy đủ loại tướng khác của các sắc, chẳng phải các đại chuyển biến. Ví như thấy vàng được làm thành vật trang sức thì hình tướng chuyển biến mà thể của vàng chẳng khác. Các pháp khác chuyển biến cũng lại như vậy. Này Đại Tuệ! Như vậy ngoại đạo hư vọng phân biệt thấy pháp vô thường. Lửa chẳng thiêu đốt các đại, tự thể chẳng thiêu đốt, do tự thể các đại đó sai khác.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói, nếu lửa có thể thiêu đốt các đại thì các đại đoạn diệt. Vậy nên chẳng thiêu đốt. Này Đại Tuệ! Ta nói đại và các trần chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì ta chẳng nói cảnh giới bên ngoài là có. Ta nói ba cõi chỉ là tự tâm, chẳng nói đủ loại tướng là có. Vậy nên nói rằng, chẳng sinh chẳng diệt, chỉ là nhân duyên bốn đại hòa hợp, chẳng phải đại và các trần là pháp thật có, do tâm hư vọng phân biệt hai pháp khả thủ và năng thủ. Có thể biết như thật hai loại phân biệt. Vậy nên, lìa khỏi tướng thấy có không bên ngoài, chỉ là tự tâm phân biệt tạo tác nghiệp, gọi là sinh nhưng nghiệp chẳng sinh do lìa khỏi tâm phân biệt có không vậy.

Này Đại Tuệ! Vì sao chẳng phải thường, chẳng phải không thường? Vì do có những pháp thế gian và xuất thế gian thượng thượng. Vậy nên chẳng được nói rằng, thường. Vì sao chẳng phải vô thường? Vì có thể hiểu biết chỉ là tự tâm phân biệt thấy. Vậy nên chẳng phải vô thường. Do các ngoại đạo rơi vào tà kiến, chấp trước hai bên, không biết tự tâm hư vọng phân biệt, chẳng phải các Thánh nhân phân biệt vô thường.

Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp có ba loại. Những gì là ba?

1. Thế gian pháp tướng.

2. Xuất thế gian pháp tướng.

3. Xuất thế gian thượng thượng thắng pháp tướng.

Do nương vào ngôn ngữ nói vô số pháp mà các phàm phu chẳng hiểu, chẳng biết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Lìa tạo tác từ trước
Cùng với hình tướng khác
Gọi có vật vô thường
Ngoại đạo vọng phân biệt
Các pháp không có diệt
Các Đại trụ tự tánh
Rơi vào mọi kiến chấp
Ngoại đạo nói vô thường.
Các ngoại đạo kia nói
Các pháp chẳng diệt, sinh
Các đại thể tự thường
Thì pháp nào vô thường?
Cả thế gian do tâm
Mà tâm thấy hai cảnh
Pháp khả thủ, năng thủ
Pháp không ngã, ngã sở
Pháp ba cõi trên dưới
Ta nói, đều là tâm
Lìa khỏi các tâm pháp
Lại không thể nắm bắt.

-oOo-

Phẩm 9: NHẬP ĐẠO

Lúc Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con nói về tướng thứ lớp nhập định Diệt tận của tất cả các Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật, con và tất cả các Bồ-tát... nếu được biết rõ tướng thứ lớp nhập vào định Diệt tận và phương tiện khéo léo thì chẳng rơi vào niềm vui Tam-muội Tam-ma-bạt-đề định Diệt tận của Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng rơi vào pháp mê hoặc của Thanh văn, Bích-chi-phật và ngoại đạo.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe!

Ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận!

Đức Phật dạy:

–Này Đại Tuệ! Bồ-tát từ Sơ địa cho đến Địa thứ sáu nhập vào định Diệt tận, Thanh văn, Bích-chi-phật cũng nhập vào định Diệt tận. Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát ở trong Địa thứ bảy từng niệm từng niệm thể nhập định Diệt tận do các Bồ-tát đều có thể xa lìa tướng có, không của tất cả các pháp.

Này Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể từng niệm từng niệm nhập vào định Diệt tận do Thanh văn, Bích-chi-phật nương vào hạnh hữu vi để hội nhập định Diệt tận, rơi vào cảnh giới khả thủ năng thủ. Vậy nên Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể nhập vào định Diệt tận từng niệm từng niệm trong Địa thứ bảy, do Thanh văn, Bích-chi-phật phát sinh tư tưởng kinh sợ, sợ rơi vào tướng không, khác của các pháp, do hiểu các pháp với đủ loại tướng khác nhau: Pháp có, pháp không, pháp thiện, pháp ác, cùng tướng, khác tướng... mà vào định Diệt tận. Vậy nên Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể nhập vào định Diệt tận từng niệm từng niệm trong Địa thứ bảy, do không có trí phương tiện khéo léo.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát ở Địa thứ bảy chuyển diệt tâm, ý, ý thức của Thanh văn, Bích-chi-phật. Này Đại Tuệ! Từ Sơ địa cho đến Địa thứ sáu, Đại Bồ-tát thấy ở ba cõi chỉ là tâm, ý, ý thức của tự tâm, lìa khỏi pháp ngã và ngã sở, chỉ là tự tâm phân biệt chẳng rơi vào đủ các tướng của pháp bên ngoài, chỉ là nội tâm ngu si của phàm phu rơi vào nhị biên, thấy có pháp khả thủ, năng thủ. Do không biết mà chẳng hiểu rõ từ đời vô thủy đến nay, do thân miệng và ý huân tập vọng tưởng phiền não, hý luận mà sinh tử các pháp.

Này Đại Tuệ! Ở trong Địa thứ tám, tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật nhập vào tưởng Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nương thần lực Phật và Tam-muội tự tâm, chẳng vào pháp môn Tam-muội An lạc, rơi vào Niết-bàn mà trụ, do chẳng đầy đủ Như Lai địa. Nếu Bồ-tát đó trụ ở phần Tam-muội thì dừng nghỉ độ thoát tất cả chúng sinh, đoạn tuyệt giống Như Lai, diệt tan nhà của Như Lai. Vì thị hiện các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, vậy nên chẳng vào Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật rơi vào pháp môn Tam-muội An lạc. Vậy nên Thanh văn, Bích-chi-phật sinh ra tưởng Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát từ Sơ địa cho đến Địa thứ bảy đầy đủ

phương tiện khéo léo, quan sát tưởng của tâm, ý, ý thức, xa lìa pháp tướng chấp giữ của ngã và ngã sở, quan sát ngã không, pháp không, quan sát đồng tướng, dị tướng, hiểu rõ nghĩa phương tiện khéo léo của bốn vô ngại mà tự tại thứ lớp nhập vào pháp Bồ-đề phần của các Địa.

Này Đại Tuệ! Nếu ta chẳng nói pháp đồng tướng dị tướng của các Đại Bồ-tát thì tất cả các Bồ-tát chẳng biết như thật thứ lớp các Địa, sợ rơi vào pháp ngoại đạo tà kiến... Ta theo thứ lớp nói về tướng của các Địa.

Này Đại Tuệ! Nếu người theo thứ lớp mà vào Địa thì chẳng rơi vào đạo khác. Ta nói tướng các Địa theo thứ lớp thì chỉ tự tâm thấy thứ lớp các Địa và đủ các hành tướng trong ba cõi mà các phàm phu chẳng hiểu chẳng biết. Do các phàm phu chẳng hiểu biết, vậy nên ta và tất cả các Đức Phật nói đến tướng các Địa theo thứ lớp và kiến lập đủ các hành tường của ba cõi.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật đối với Địa thứ tám của Bồ-tát ưa thích say đắm pháp môn An lạc Tam-muội Tịch diệt nên chẳng thể biết rõ chỉ là sự thấy tự tâm, rơi vào tự tướng đồng tướng huân tập chướng ngại, rơi vào lỗi thấy nhân vô ngã, pháp vô ngã vậy. Do tâm phân biệt gọi là Niết-bàn mà chẳng thể biết các pháp tịch tĩnh.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát, do thấy pháp môn An lạc Tam-muội tịch tĩnh, nhớ nghĩ bản nguyện tâm đại Từ bi độ các chúng sinh, biết mười hạnh trí vô tận như thật. Vậy nên chẳng nhập vào Niết-bàn ngay.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát xa lìa tâm hư vọng phân biệt, xa lìa cảnh giới năng thủ, sở thủ gọi là vào Niết-bàn. Do trí như thật biết tất cả các pháp chỉ là tự tâm, vậy nên chẳng sinh ra tâm phân biệt. Do đó, chẳng chẳng chấp thủ tâm, ý, ý thức, chẳng chấp trước tướng pháp bên ngoài là thật có, chẳng phải chẳng vì tu hành Phật pháp, nương theo căn bản trí đắp đổi tu hành, vì ở tự thân cầu chứng Địa trí của Phật Như Lai vậy.

Này Đại Tuệ! Như người nằm mộng thấy đi qua nước biển cả, tạo ra phương tiện lớn muốn đưa mình qua. Chưa qua khỏi giữa chừng bỗng nhiên thức dậy, khởi sự suy nghĩ này: "Đây là thật hay hư vọng?" Người đó lại nghĩ: "Tướng như vậy chẳng phải thật, chẳng phải hư dối chỉ là ta vốn hư vọng phân biệt cảnh giới chẳng thật, huân tập nhân nên thấy đủ loại sắc, hình tướng điên đảo, chẳng lìa có không, do ý thức huân tập nên thấy trong giấc mộng.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, ở nơi Địa thứ tám, thấy tâm phân biệt, các pháp cùng một tướng ở trong Sơ địa, như mộng, như huyễn bình đẳng không sai khác, lìa các công dụng tâm phân biệt khả thủ,

năng thủ, thấy tâm, tâm số pháp vì chưa đạt được Phật pháp thượng thượng. Người tu hành thì khiến cho đạt được vậy. Đại Bồ-tát tu hành pháp thù thắng gọi là Niết-bàn, chẳng phải diệt tất cả pháp gọi là Niết-bàn. Đại Bồ-tát xa lìa tướng phân biệt về tâm, ý, ý thức, nên đạt được pháp nhẫn Vô sinh. Này Đại Tuệ! Trong Đệ nhất nghĩa cũng không thứ lớp, không có hạnh thứ lớp, các pháp tịch tĩnh cũng như hư không.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói, Thanh văn, Bích-chi-phật thể nhập pháp môn an vui Tịch tĩnh của Bồ-tát ở Địa thứ tám. Đức Như Lai lại nói, Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng biết chỉ là tự tâm phân biệt. Thế Tôn lại nói, các Thanh văn đạt được "nhân vô ngã" mà chẳng hiểu được "Pháp vô ngã" là rỗng không. Nếu nói như vậy thì Thanh văn, Bích-chi-phật còn chưa thể chứng được pháp Sơ địa, huống gì thể nhập pháp môn an vui tịch diệt của Địa thứ tám?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta nay vì ông phân biệt tuyên nói. Này Đại Tuệ! Thanh văn có ba bậc. Nói rằng người nhập vào pháp môn Tịch diệt của Địa thứ tám, đây là người trước đã tu hạnh Bồ-tát mà rơi vào Thanh văn địa, rồi trở lại nương vào bản tâm tu hạnh Bồ-tát để cùng vào pháp môn an vui tịch diệt của Địa thứ tám, chẳng phải là Tăng thượng mạn Thanh văn tịch diệt, do hàng Thanh văn đó chẳng thể nhập vào hạnh Bồ-tát, chưa từng biết rõ ba cõi chỉ là tâm, chưa từng tu hành các pháp Bồ-tát, chưa từng tu hành các Ba-la-mật, hạnh Địa thứ mười. Vậy nên chắc chắn là Thanh văn tịch diệt chẳng thể chứng được pháp môn an vui tịch diệt mà Bồ-tát đó thực hành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Chỉ tâm không sở hữu
Phật địa và các hành
Phật khứ, lai, hiện tại
Ba đời nói như trên.
Thất địa là Tâm địa
Không sở hữu Bát địa
Nhị địa gọi là hành
Địa khác gọi ngã địa.
Tịnh và chứng nội thân
Đây gọi là ngã địa
Chỗ Tự tại tối thắng

Trời A-ca-ni-sắc
Chiếu sáng như lửa hừng
Phát ánh sáng vi diệu
Đủ loại đẹp đáng ưa
Hóa làm ở ba cõi
Sắc ba cõi hiện lên
Hoặc có tại Quang hóa
Chỗ đó nói các thừa
Tự Tại địa của ta
Thập địa là Sơ địa
Sơ địa là Bát địa
Cửu địa là Thất địa
Thất địa là Bát địa
Nhị địa là Tam địa
Tứ địa là Ngũ địa
Tam địa là Lục địa
Tịch diệt đầu thứ lớp?
Chắc chắn các Thanh văn
Chẳng hành Bồ-tát hạnh
Đồng vào Địa thứ tám
Vốn là hạnh Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 10: THƯA HỎI ĐỨC NHƯ LAI LÀ THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Chánh Biến Trí là thường hay vô thường?

Đức Phật bảo Thánh giả Đại tuệ:

–Này Đại Tuệ! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì nhị biên là có lỗi vậy. Này Đại Tuệ! Nhị biên có, không nên có lỗi lầm. Này Đại Tuệ! Nếu nói Như Lai là pháp thường thì đồng với nhân của thường. Này Đại Tuệ! Do các ngoại đạo nói rằng, vi trần... các nhân là thường, chẳng phải là pháp do tạo tác.

Này Đại Tuệ! Vậy nên chẳng được nói Như Lai thường. Do chẳng phải là pháp tạo tác nên nói rằng thường. Này Đại Tuệ! Cũng chẳng được nói Như Lai vô thường. Nói vô thường tức là đồng với pháp hữu vi tạo tác. Pháp sở kiến, năng kiến của năm ấm là không, nên năm ấm diệt. Năm ấm

diệt thì các Đức Phật Như Lai lẽ ra cũng diệt, mà Phật Như Lai chẳng phải là pháp đoạn trừ.

Này Đại Tuệ! Phàm các pháp tạo tác đều là vô thường, như cái bình, cái áo, cái xe, cái nhà và tấm vải, chiếc chiếu... đều là pháp tạo tác, vậy nên vô thường. Này Đại Tuệ! Nếu nói tất cả đều vô thường pháp Nhất thiết trí, tất cả công đức của người chứng Nhất thiết trí lẽ ra cũng vô thường do đồng tướng tất cả các pháp, do đó nên có lỗi. Nếu nói tất cả đều là vô thường thì các Đức Phật Như Lai lẽ ra chính là pháp tạo tác mà Phật Như Lai chẳng phải là pháp tạo tác, do không lại nói có nhân thù thắng nhân. Vậy nên, ta nói rằng, Như Lai chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như Lai chẳng phải thường. Vì sao? Vì tánh của hư không cũng không tu hành các công đức vậy. Này Đại Tuệ! Ví như hư không chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì lìa khỏi thường và vô thường, do chẳng rơi vào một khác, đồng chẳng đồng, có không, chẳng phải có chẳng phải không, thường vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vậy nên lìa khỏi tất cả các lỗi, chẳng nắm bắt, giảng nói.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Cũng chẳng được nói Như Lai là thường. Vì sao? Vì nếu nói là thường thì đồng với sừng của thỏ, ngựa, lạc đà, lừa, rùa, rắn, nhặng cá... Vậy nên chẳng nói rằng. Như Lai là thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Cũng chẳng được nói Như Lai là thường sợ rơi vào "bất sinh thường". Vậy nên chẳng được nói Như Lai Thế Tôn là thường.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Lại có pháp khác, nương vào pháp đó nên được nói Như Lai Thế Tôn là thường. Vì sao? Vì vào pháp thường chứng đắc trí ở nội tâm. Vậy nên được nói Như Lai là thường. Này Đại Tuệ! Pháp Chứng đắc trí nội tâm của các Đức Phật Như Lai là thường hằng, thanh lương, chẳng biến đổi.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri hoặc ra đời hay không ra đời, pháp tánh vẫn thường. Như vậy pháp thể là thường. Như vậy quy tắc của pháp cũng thường. Như vậy, do pháp tánh đó mà tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật... cũng chẳng từng nghe, cũng chẳng từng thấy, như vậy pháp thể chẳng phải trong hư không nên phàm phu chẳng hiểu, chẳng biết.

Này Đại Tuệ! Trí chứng đắc của chư Phật Như Lai là nương vào đó mà có tên gọi. Này Đại Tuệ! Do nương vào trí tuệ như thật tu hành nên được gọi là Phật, chẳng phải do tâm, ý, ý thức, vô minh, năm ấm... huân

tập mà có tên gọi.

Này Đại Tuệ! Tất cả ba cõi chẳng thật, do vọng tưởng phân biệt hý luận nên có tên gọi. Này Đại Tuệ! Phân biệt chẳng thật về hai pháp được gọi là thường cùng vô thường, nhưng Phật Như Lai chẳng rơi vào hai pháp, chẳng rơi vào nhị biên năng thủ, khả thủ. Như Lai tịch tĩnh nên hai pháp chẳng sinh. Vậy nên, này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri thì chẳng được nói là thường cùng vô thường. Này Đại Tuệ! Phàm có ngôn ngữ mà được nói rằng, thường cùng vô thường thì xa lìa sạch hết tất cả phân biệt, chẳng được nói chấp giữ pháp thường, pháp vô thường. Vậy nên, ta ngăn tất cả phàm phu, chẳng được phân biệt thường cùng vô thường. Do đạt được pháp chân thật tịch tĩnh nên hết phân biệt, chẳng sinh ra phân biệt.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Lìa khỏi thường, vô thường
Chẳng thường, chẳng vô thường
Nếu thấy Phật như vậy
Chẳng rơi trong đường ác.
Nếu nói thường, vô thường
Những công đức hư vọng
Kẻ vô trí phân biệt
Ngăn nói thường, vô thường
Người lập pháp, chấp giữ
Đều có những lỗi lầm.
Nếu thấy chỉ do tâm
Chẳng rơi vào các lỗi.

-oOo-

Phẩm 11: PHẬT TÁNH

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì con giảng nói. Xin Đấng Thiện Thệ vì con nói về tướng sinh diệt của ấm, giới, nhập. Bạch Thế Tôn! Nếu vô ngã thì ai sinh, ai diệt? Bạch Thế Tôn! Tất cả phàm phu nương vào sinh, diệt mà trụ, chẳng thấy hết khổ. Vậy nên, chẳng biết tướng Niết-bàn.

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Như Lai tạng là nhân thiện hay chẳng thiện, có thể cùng tạo tác nhân duyên sinh tử trong sáu đường. Ví như nhà nghề làm ra đủ tài khéo léo, chúng sinh nương vào Như Lai tạng, sinh tử trong năm đường. Này Đại Tuệ! Mà Như Lai tạng cũng lìa khỏi ngã và ngã sở, các ngoại đạo... chẳng biết, chẳng hiểu. Vậy nên chẳng thể đoạn trừ nhân duyên sinh tử của ba cõi.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo... vọng chấp có ngã nên chẳng thể thấy như thật về Như Lai tạng, do các ngoại đạo từ đời vô thủy đến nay hư vọng chấp trước đủ thứ hý luận và các sự huân tập.

Này Đại Tuệ! A-lê-gia thức gọi là Như Lai tạng cùng liên hệ với bảy thức vô minh, như sóng ở biển cả, thân câu sinh thường chẳng đoạn dứt, nếu lìa khỏi lỗi vô thường, lìa khỏi lỗi của ngã, thì tự tánh thanh tịnh. Còn bảy thức, tâm, ý, ý thức... từng niệm từng niệm chẳng trụ, chính là pháp sinh diệt. Bảy thức do nhân hư vọng đó sinh ra, chẳng thể phân biệt như thật các pháp, xem xét hình tướng cao thấp, dài ngắn, chấp trước danh tướng, có thể khiến cho tự tâm thấy sắc tướng, có thể nhận lấy khổ vui, có thể lìa khỏi nhân của giải thoát, do danh tướng sinh ra phiền não tham. Nương vào ý niệm đó, nương vào sự diệt tận các căn, chẳng theo thứ lớp sinh ra, còn tự ý phân biệt chẳng sinh ra cảm nhận khổ vui. Vậy nên nhập vào định Thiểu tưởng Diệt tận, vào Tam-ma-bạt-đề, Tứ Thiền, Thật đế giải thoát mà người tu hành sinh ra tướng giải thoát, do chẳng biết chuyển diệt tướng hư vọng.

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng thức chẳng ở trong A-lê-gia thức. Vậy nên, bảy thức có sinh, có diệt. Như Lai tạng thức chẳng sinh chẳng diệt. Vì sao? Vì bảy thức nương vào ý niệm quán sát các cảnh giới mà sinh ra. Cảnh giới bảy thức này, tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, ngoại đạo tu hành thì chẳng thể thông đạt, chẳng biết như thật về nhân vô ngã, do chấp giữ pháp cùng tướng và khác tướng, do thấy các pháp ấm, giới, nhập...

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng thấy như thật về thể tướng của năm pháp, pháp vô ngã nên chẳng sinh, biết như thật các Địa thứ lớp đắp đổi hòa hợp, còn ngoại đạo thì chẳng chánh kiến nên chẳng thể quan sát.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát trụ ở Bất Động địa, bấy giờ được mười pháp môn Tam-muội... là bậc đứng đầu, đạt được vô lượng, vô biên Tam-muội. Nương vào Tam-muội chư Phật an trụ mà quán sát chẳng thể nghĩ bàn pháp

của chư Phật và năng lực bản nguyện của mình, ngăn chặn hộ trì cảnh giới thật tế của pháp môn Tam-muội. Ngăn chặn rồi, nhập vào cảnh giới Tự thân chứng Thánh trí của pháp Chân thật, chẳng đồng với cảnh giới quan sát tu hành của Thanh văn, Bích-chi-phật và ngoại đạo.

Bấy giờ, vượt qua mười Thánh đạo đó, thể nhập trí thân, ý sinh thân của Như Lai, lìa khỏi các tâm Tam-muội dụng công. Vậy nên, này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát muốn chứng pháp thù thắng của Như Lai tạng và A-lê-gia thức thì nên tu hành khiến cho thanh tịnh.

Này Đại Tuệ! Nếu Như Lai tạng, A-lê-gia thức gọi là không thì lìa khỏi A-lê-gia thức không sinh không diệt. Tất cả phàm phu và các Thánh nhân nương vào A-lê-gia thức đó nên có sinh có diệt. Do nương vào A-lê-gia thức nên những người tu hành chứng đắc Thánh hạnh nơi tự thân, hiện tại được hạnh an lạc của pháp mà chẳng dừng nghỉ.

Này Đại Tuệ! Các cảnh giới về tâm A-lê-gia thức, Như Lai tạng của Như Lai này, tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, ngoại đạo... chẳng thể phân biệt. Vì sao? Vì Như Lai tạng là tướng thanh tịnh mà khách trần phiền não thì cấu bẩn bất tịnh.

Này Đại Tuệ! Ta nương vào ý nghĩa này, nương vào phu nhân Thắng Man nương vào các Đại Bồ-tát khác, những người trí tuệ thậm thâm mà nói tạng A-lê-gia thức của Như Lai, cùng với bảy thứ thức sinh ra gọi là tướng chuyển diệt, vì các Thanh văn, Bích-chi-phật... hiện bày pháp vô ngã. Đáp lại lời phu nhân Thắng Man nên nói rằng, Như Lai tạng chính là cảnh giới Như Lai.

Này Đại Tuệ! Cảnh giới Như Lai tạng, A-lê-gia thức, ta nay cùng ông và các Bồ-tát, những người có trí tuệ thậm thâm có thể phân biệt rõ hai pháp này. Còn những Thanh văn, Bích-chi-phật và ngoại đạo... những người chấp trước danh tự thì chẳng thể biết rõ hai pháp này. Này Đại Tuệ! Vậy nên, ông và các Đại Bồ-tát nên học pháp này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Như Lai tạng sâu xa
Cùng bảy thức đều sinh
Chấp hai pháp thì sinh
Như thật biết chẳng sinh
Như tâm hiện bóng gương
Huân tập từ vô thủy
Như thật xét kỹ càng
Các cảnh đều trống không

Ngu nhìn tay chỉ trăng
Thấy tay, chẳng thấy trăng
Người chấp trước danh tự
Chẳng thấy Ngã chân thật
Tâm như thợ nghề khéo
Ý như kẻ gian manh
Ý thức và năm thức
Chấp cảnh giới hư vọng
Hòa hợp như nhà nghề
Lừa dối kẻ phàm phu.

-oOo-

Phẩm 12: NĂM PHÁP MÔN

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì con giải nói. Cúi xin Đấng Thiện Thệ vì con giảng nói về thể tướng của năm pháp và hành tướng sai biệt của hai vô ngã. Con và các Bồ-tát... nếu được biết rõ thể tướng của năm pháp và tướng sai biệt của hai vô ngã thì tu hành pháp này, theo thứ lớp thể nhập tất cả các Địa, tu hành pháp này có thể vào trong tất cả pháp của chư Phật. Đã hội nhập pháp của chư Phật thì có thể chứng đắc Trí địa Tự Thân Như Lai.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông nay hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta vì ông nói thể tướng của năm pháp và hành tướng sai biệt của hai loại ngã.

Này Đại Tuệ! Những gì là năm pháp?

1. Danh.

2. Tướng.

3. Phân biệt.

4. Chánh trí.

5. Chân như.

Những ai tự thân tu hành, chứng trí bậc thánh thì lìa khỏi đoạn kiến

và thường kiến, hiện tại như thật tu hành thì được vào Tam-muội an lạc, pháp môn Tam-ma-bạt-đề vậy.

Này Đại Tuệ! Tất cả phàm phu chẳng hiểu chẳng biết thể tướng năm pháp và hai loại vô ngã mà chỉ do tự tâm thấy vật bên ngoài nên sinh ra tâm phân biệt, chẳng phải là Thánh nhân.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao phàm phu sinh tâm phân biệt, chẳng phải Thánh nhân vậy?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tất cả phàm phu chấp trước danh tướng, thuận theo pháp sinh ra. Thuận theo pháp sinh rồi, thấy đủ các tướng, rơi vào trong tâm tà kiến, ngã và ngã sở, chấp trước đầy đủ tất cả pháp tướng. Chấp trước rồi vào đến chỗ vô minh tối tăm chướng ngại. Vào chỗ chướng ngại rồi, khởi lên lòng tham. Khởi lên lòng tham rồi, có thể tạo tác nghiệp tham, sân, si. Tạo hành nghiệp rồi, chẳng thể tự dừng như con tằm làm tổ kén, do tâm phân biệt mà tự trói buộc thân, rơi vào biển cả hiểm nạn trong sáu đường, như con lăn (cái ròng rọc) xoay chuyển mà chẳng tự hay biết, do thiếu trí tuệ nên chẳng biết tất cả các pháp như huyễn, chẳng biết vô ngã và ngã sở, các pháp chẳng phải là thật mà từ vọng tưởng phân biệt sinh ra, lại chẳng biết lìa khỏi sở kiến, năng kiến, chẳng biết lìa khỏi tướng sinh, trụ, diệt, chẳng biết do tự tâm hư vọng sinh ra. Gọi là biết thuận theo trời Tự Tại, thời gian, vi trần, ngã sinh ra.

Này Đại Tuệ! Những gì là danh? Là nhãn thức thấy sắc trước... tướng các pháp như: tướng thanh, tướng nhĩ, tướng tỷ, tướng thiệt, tướng thân. Này Đại Tuệ! Những tướng như vậy... ta nói danh, là tướng của danh.

Này Đại Tuệ! Phân biệt là gì? Do nương vào những pháp gì gọi là chấp giữ tướng? Phân biệt rõ pháp này như vậy... như vậy... rốt ráo chẳng khác, như là con voi, con ngựa, chiếc xe, bước đi, nhân dân... phân biệt đủ các tướng. Đó gọi là Phân biệt.

Này Đại Tuệ! Chánh trí là gì? Quan sát danh, tướng. Quan sát rồi, chẳng thấy có thật pháp, chúng do các nhân cùng đắp đổi sinh ra nên nhìn thấy. Do đắp đổi cùng sinh ra thì các thức chẳng khởi lên nên tướng thức phân biệt, chẳng đoạn, chẳng thường. Vậy nên, chẳng rơi vào Địa của tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật. Này Đại Tuệ! Đó gọi là Chánh trí.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nương vào Chánh trí, chẳng chấp thủ pháp danh tướng cho là có, chẳng chấp giữ tướng chẳng thấy cho là không. Vì sao? Vì lìa khỏi tà kiến có không, do chẳng thấy danh tướng

chính là nghĩa của Chánh trí. Vậy nên, ta nói danh là Chân như.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát trụ ở pháp Chân như thì được thể nhập cảnh giới Vô tướng tịch tĩnh. Sau khi hội nhập thì đạt được Hoan hỷ địa đầu tiên của Đại Bồ-tát. Khi Bồ-tát được Hoan hỷ địa đầu tiên thì chứng được pháp môn Bách kim cang Tam-muội minh, lìa bỏ tất cả quả nghiệp của hai mươi lăm cõi, vượt qua các địa Thanh văn, Bích-chi-phật, trụ ở cảnh giới chân như, nhà của Như Lai, như thật tu hành, biết tướng năm pháp đều như huyễn, như mộng, như thật quán sát tất cả các pháp, khởi lên sự tu hành chứng Thánh trí nơi tự thân. Như vậy, dần dần lìa xa địa quán sát an lạc của thế gian hư vọng, theo thứ lớp cho đến Pháp vân địa. Vào Pháp vân địa rồi, thứ đến đạt được lực Tam-muội thần thông tự tại, địa Chư hoa trang nghiêm của Như Lai. Vào Như Lai địa rồi, vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện đủ loại ánh sáng ứng với thân trang nghiêm, như trăng trong nước. Nương vào Vô tận cú mà khéo trói buộc đối tượng trói buộc, tùy theo niềm tin của chúng sinh mà nói pháp cho họ, lìa khỏi thân, tâm, ý và ý thức vậy. Này Đại Tuệ! Bồ-tát vào Chân như rồi, được vô lượng, vô biên pháp như vậy... như vậy... trong Phật địa.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì năm pháp môn nhập vào ba pháp, vì ba pháp nhập vào trong năm pháp môn, hay vì tướng tự thể mỗi mỗi đều sai biệt.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Ba pháp nhập vào trong năm pháp môn. Này Đại Tuệ! Chẳng phải chỉ có ba pháp môn nhập vào trong năm pháp môn mà tám thứ thức, hai vô ngã cùng nhập vào năm pháp môn.

Này Đại Tuệ! Thế nào là ba pháp nhập vào trong năm pháp? Này Đại Tuệ! Danh tướng là pháp tướng phân biệt. Này Đại Tuệ! Nương vào hai pháp phân biệt đó sinh ra tâm. Tâm số pháp cùng một lúc, chẳng phải trước sau như mặt trời cùng ánh sáng xuất hiện một lúc mà có đủ các tướng phân biệt. Này Đại Tuệ! Đó gọi là ba tướng, nương vào lực nhân duyên sinh ra.

Này Đại Tuệ! Chánh trí Chân như gọi là tướng Đệ nhất nghĩa đế nương vào pháp không diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Chấp trước tự tâm thấy pháp phân biệt; có tám loại sai biệt, do phân biệt các tướng. Do là thật nên lìa khỏi pháp sinh diệt của ngã, ngã sở, bấy giờ chứng đắc hai pháp vô ngã.

Này Đại Tuệ! Pháp môn của năm pháp thể nhập các Phật địa, pháp tướng các Địa cũng hội nhập trong năm pháp môn, pháp của tất cả Thanh

văn, Bích-chi-phật cũng nhập vào trong năm pháp môn, pháp chứng Thánh trí tự thân của Như Lai cũng nhập vào trong năm pháp môn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Năm pháp tướng gọi là Chánh trí phân biệt chân như. Này Đại Tuệ! Sao gọi là tướng? Tướng là thấy hình tướng, màu sắc hơn hay thua. Đó gọi là tướng.

Này Đại Tuệ! Nương vào pháp tướng đó sinh khởi tướng phân biệt: Đây là cái bình, đây là con trâu, con ngựa, con dê... pháp này như vậy... như vậy... chẳng khác. Này Đại Tuệ! Đó gọi là danh. Này Đại Tuệ! Nương vào pháp đó mà thành lập danh, tướng đó thị hiện rõ ràng. Vậy nên lập ra đủ các danh tự, trâu, dê, ngựa... đó. Đó gọi là tâm phân biệt, tâm số pháp.

Này Đại Tuệ! Quán sát từ danh, tướng cho đến vi trần thường chẳng thấy được tướng một pháp, các pháp chẳng thật, do tâm hư vọng phân biệt sinh ra.

Này Đại Tuệ! Nói Chân như tức là Danh chẳng trống rỗng, mà tự tánh tự thể quyết định rốt ráo tận cùng, chánh kiến về tướng Chân như. Ta và Bồ-tát cùng các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nói danh thì khác mà nghĩa là một. Này Đại Tuệ! Như vậy... thuận theo chánh trí, chẳng đoạn, chẳng thường, không phân biệt, chẳng phân biệt hành xứ, thuận theo sự chứng đắc Thánh trí mới Tự thân lìa khỏi những bè đảng ác kiến, chẳng Chánh trí của tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật...

Này Đại Tuệ! Đối với năm pháp thì ba pháp tướng, tám thức, hai pháp vô ngã và tất cả Phật pháp đều thể nhập trong năm pháp. Này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát vì cầu Trí thù thắng thì nên phải tu học. Này Đại Tuệ! Ông nên biết, năm pháp chẳng nương theo lời dạy của người khác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Tướng tự thể năm pháp
Cùng với tám loại thức
Hai thứ pháp vô ngã
Bao trùm các Đại thừa.
Danh, tướng và phân biệt
Ba pháp tướng tự thể
Chân như và Chánh trí
Là tướng Đệ nhất nghĩa.

-oOo-

Phẩm 13: HẰNG HÀ SA

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nương vào danh tự giảng nói, chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại nhiều như cát sông Hằng. Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai nói như vậy là nương vào lời nói trong kim khẩu của Như Lai, con thuận theo chấp lấy, cho là nghĩa! Nguyện xin Thế Tôn vì con giải nói.

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Như danh tự, chương cú của ta đã giảng nói thì không nên chấp giữ như vậy. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật ba đời chẳng phải nhiều như cát sông Hằng. Vì sao? Vì lời nói thí dụ vượt hơn thế gian thì chẳng phải như thí dụ. Vì sao? Vì do có tương tự và chẳng tương tự vậy.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chẳng định nói thí dụ tương tự, chẳng tương tự vượt hơn thế gian. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì ta nói thí dụ chỉ là phần ít. Này Đại Tuệ! Lời nói thí dụ của ta và các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chỉ nói lên một ít nghĩa. Vì sao? Vì phàm phu ngu si, các ngoại đạo... sự chấp trước các pháp là thường, tăng trưởng tà kiến, thuận theo thế gian, luân hồi sinh tử. Vì những người đó nhàm chán, khi nghe sinh ra kinh sợ mà lại nghe các Đức Phật nhiều như cát sông Hằng, đối với đạo Thánh vô thượng của Như Lai họ sinh ra tư tưởng dễ có được, dễ cầu pháp xuất thế.

Này Đại Tuệ! Vậy nên, ta nói các Đức Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng. Vì sao? Vì trong những kinh khác mà ta nói, Đức Phật ra đời như hoa Ưu-đàm. Chúng sinh nghe rồi nói rằng, đạo Phật khó đạt được mà chẳng tu hành tinh tấn. Vậy nên ta nói, các Đức Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng.

Này Đại Tuệ! Ta nói, các Đức Phật ra đời như hoa Ưu-đàm nương vào nghĩa này có thể giáo hóa chúng sinh, nên ta nói các Đức Phật ra đời như hoa Ưu-đàm, này Đại Tuệ! Hoa Ưu-đàm ở trong thế gian, không có người từng thấy, rồi sẽ cũng chẳng thấy. Này Đại Tuệ! Chư Phật Như Lai trong thế gian đã thấy, hiện tại đang thấy và sẽ thấy. Này Đại Tuệ! Ta nói như vậy chẳng phải nương vào pháp tự thân chứng đắc mà nói. Vậy nên nói rằng: Như hoa Ưu-đàm, các Đức Phật Như Lai cũng lại như vậy.

Này Đại Tuệ! Ta nương vào pháp chứng đắc nơi tự thân mà nói pháp. Vậy nên, nói thí dụ vượt hơn thế gian, do các phàm phu, chúng sinh không có niềm tin chẳng thể tin lời thí dụ của ta. Vì sao? Vì nói về cảnh giới Thánh trí tự thân mà không thí dụ thì có thể nói được, còn xa lìa tâm, ý và ý thức, qua khỏi các kiến địa, pháp Chân như của các Đức Phật Như Lai thì chẳng thể nói được. Vậy nên ta nói đủ các thí dụ.

Này Đại Tuệ! Ta nói, các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng tức

là thí dụ một phần ít. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai bình đẳng, chẳng phải chẳng bình đẳng, do chẳng thể phân biệt mà phân biệt được.

Này Đại Tuệ! Ví như cát trong sông Hằng bị cá, ba ba, rùa, rồng, trâu, dê, voi ngựa... các loài thú giẫm đạp mà cát sông đó chẳng sinh phân biệt, chẳng sân, chẳng giận, cũng chẳng sinh tâm: "Chúng quấy nhiễu", không phân biệt nên thanh tịnh lìa các cấu bẩn.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng lại như vậy, đã chứng đắc Thánh trí nội thân, đủ đầy các lực, thần thông tự tại, công đức như cát sông Hằng. Tất cả tà luận ngoại đạo, những học phái, cá, ba ba... vì ngu si nên đem tâm sân hận chê bai Như Lai mà Như Lai chẳng động, chẳng sinh ra phân biệt. Do năng lực bản nguyện nên ban cho chúng sinh tất cả các niềm vui Tam-muội Tam-ma-bạt đề, khiến họ thỏa mãn đầy đủ, chẳng còn phân biệt điều gì.

Này Đại Tuệ! Vậy nên ta nói, các Đức Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng. Đẳng là bình đẳng, không có tướng khác, do lìa khỏi tấm thân yêu thích. Này Đại Tuệ! Ví như cát của sông Hằng chẳng lìa khỏi tướng của đất. Này Đại Tuệ! Đại địa lửa đốt cháy, lửa chẳng khác đất, lửa chẳng đốt cháy đất. Địa đại có thể tương tục của lửa.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si rơi vào trí điên đảo, tự tâm phân biệt nói rằng, đất bị đốt cháy mà đất chẳng cháy, do chẳng lìa khỏi đất mà lại có thân lửa bốn đại vậy.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, thể Pháp thân của các Đức Phật Như Lai giống như cát của sông Hằng, chẳng diệt, chẳng mất. Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng vô lượng, vô biên. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, xuất hiện ở thế gian, phóng ra vô lượng ánh sáng, chiếu khắp tất cả đại hội của chư Phật, vì giáo hóa chúng sinh khiến cho họ đều rốt ráo thông đạt.

Này Đại Tuệ! Như cát sông Hằng lại chẳng sinh ra tướng, như vi trần kia vẫn an trụ nơi thể tướng vi trần. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, ở trong thế gian chẳng sinh chẳng diệt, các Đức Phật Như Lai đã đoạn trừ nhân hữu.

Này Đại Tuệ! Như cát sông Hằng, nếu ra khỏi sông thì cũng chẳng thể thấy, vào ở trong sông cũng chẳng thể thấy, cũng chẳng khởi tâm: Ta ra vào sông.

Này Đại Tuệ! Lực trí tuệ của các Đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, độ các chúng sinh cũng chẳng diệt hết, cũng chẳng tăng trưởng. Vì sao? Vì các pháp không thân vậy.

Này Đại Tuệ! Tất cả loài có thân đều là pháp vô thường, hủy diệt, chẳng phải pháp không thân. Các Đức Phật Như Lai chỉ có Pháp thân.

Này Đại Tuệ! Ví như có người muốn được váng sữa, dầu mà lại ép cát sông Hằng thì nhất định chẳng thể được, không có váng sữa, dầu vậy.

Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai vì khổ não của các chúng sinh đã đè nén sân hận mà chẳng thể được, các Đức Phật chẳng xả tướng pháp giới của mình, chẳng xả tướng pháp vị của mình, chẳng xả bản nguyện cùng chúng sinh an lạc, do được đầy đủ đại Từ đại Bi, rằng: Ta nếu chẳng khiến cho tất cả chúng sinh vào Niết-bàn thì thân ta cũng chẳng thể nhập Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Như cát sông Hằng theo dòng nước mà chảy thì nhất định chẳng ngược dòng. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai vì các chúng sinh nói pháp cũng vậy, thuận theo Niết-bàn thì chẳng phải ngược dòng. Này Đại Tuệ! Do đó, ta nói các Đức Phật Như Lai nhiều như số cát sông Hằng.

Này Đại Tuệ! Ta nói, cát sông Hằng thuận theo dòng thì chẳng phải là nghĩa bỏ đi. Nếu Phật Như Lai có nghĩa bỏ đi thì các Đức Phật Như Lai lẽ ra vô thường và diệt mất.

Này Đại Tuệ! Bản tế của thế gian còn chẳng thể biết, mà chẳng thể biết thì ta làm sao nương vào mà nói nghĩa bỏ đi. Vậy nên, Như Lai chẳng phải là nghĩa bỏ đi. Này Đại Tuệ! Nghĩa bỏ đi thì gọi là nghĩa đoạn diệt nghĩa, phàm phu ngu si chẳng hiểu chẳng biết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh luân hồi trong thế gian, bản tế đến đi chẳng thể biết thì làm sao Đức Như Lai được giải thoát, lại còn khiến cho chúng sinh được giải thoát?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Nói giải thoát là lìa khỏi tâm phân biệt huân tập tất cả hý luận phiền não từ vô thủy, có thể biết như thật, chỉ là tự tâm thấy tâm xoay chuyển phân biệt bên ngoài. Vậy nên, ta gọi là Giải thoát.

Này Đại Tuệ! Nói giải thoát chẳng phải là pháp Diệt. Vậy nên, nay ông hỏi ta, nếu ta chẳng biết bản tế làm sao được giải thoát thì câu hỏi này chẳng thành.

Này Đại Tuệ! Nói bản tế thì tức là tâm phân biệt, một thể mà khác tên. Này Đại Tuệ! Lìa khỏi tâm phân biệt lại không có chúng sinh, tức sự phân biệt này gọi là chúng sinh.

Này Đại Tuệ! Trí tuệ chân thật quan sát pháp trong ngoài, không có pháp chủ thể biết và đối tượng để biết. Này Đại Tuệ! Do tất cả pháp vốn là tịch tĩnh.

Này Đại Tuệ! Nếu chẳng biết như thật, chỉ là tự tâm thấy, do hư vọng phân biệt nên sinh ra tâm phân biệt. Biết như thật thì chẳng sinh ra phân biệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Quan sát đối chư Phật
Ví như cát sông Hằng
Chẳng diệt cũng chẳng sinh
Người đó thấy được Phật
Xa lìa các trần cấu
Như cát dòng sông Hằng
Thuận theo dòng chẳng đổi
Pháp thân cũng như vậy.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 8

Phẩm 14: SÁT-NA

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri giảng nói cho con. Xin Đấng Thiện Thệ vì con giảng nói về tướng sinh diệt của tất cả pháp. Sao Như Lai nói, tất cả pháp từng niệm từng niệm chẳng trụ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Xin vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tất cả pháp. Tất cả pháp là những gì gọi là, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp bên trong, pháp bên ngoài...

Này Đại Tuệ! Lược nói pháp năm ấm, nương vào tâm, ý, ý thức huân tập tăng trưởng. Những người phàm phu nương vào tâm, ý, ý thức huân tập nên phân biệt pháp thiện, pháp bất thiện.

Này Đại Tuệ! Thánh nhân hiện tại chứng Tam-muội Tam-ma-bạt-đề, hạnh an lạc pháp thiện vô lậu. Này Đại Tuệ! Đó gọi là pháp thiện.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nói rằng, pháp thiện, pháp bất thiện là gọi tám thức. Những gì là tám?

1. A-lê-gia thức.
2. Ý.
3. Ý thức.
4. Nhãn thức.
5. Nhĩ thức.
6. Tỵ thức.

7. Thiệt thức.

8. Thân thức.

Này Đại Tuệ! Thân năm thức cùng với thân ý thức đối với pháp thiện, pháp bất thiện đắp đổi sai biệt tương tục, thể không thân sai biệt, thuận theo pháp sinh ra, sinh ra rồi trở lại diệt, chẳng biết tự tâm thấy cảnh giới hư vọng tức là lúc diệt, có thể chấp giữ hiện trạng cảnh giới, hình tướng lớn nhỏ, hơn hay ngang bằng.

Này Đại Tuệ! Ý thức cùng với thân năm thức tương ứng sinh ra, thời gian một niệm chẳng trụ. Vậy nên ta nói, thời gian niệm về pháp đó chẳng trụ.

Này Đại Tuệ! Nói sát-ni-ca thì gọi là Không A-lê-gia thức gọi là Như Lai tạng, không cùng với ý chuyển biến thức huân tập nên gọi là không, đầy đủ pháp huân tập vô lậu gọi là bất không.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si chẳng hiểu, chẳng biết chấp trước các pháp trong sát-na chẳng trụ, rơi vào tà kiến mà nói: "Pháp vô lậu cũng chẳng trụ trong sát-na, phá chân như Như Lai tạng đó.

Này Đại Tuệ! Thân năm thức chẳng sinh ra sáu đường, chẳng nhận chịu khổ vui, chẳng tạo tác nhân của Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng chẳng nhận chịu khổ vui, chẳng phải nhân của sinh tử, còn pháp khác thì cùng sinh, cùng diệt, nương vào bốn loại say sưa huân tập, mà các phàm phu chẳng hiểu chẳng biết, huân tập tà kiến, nói rằng, tất cả pháp chẳng trụ trong sát-na.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Kim cang Như Lai tạng, pháp Như Lai chứng đắc chẳng phải trong sát-na chẳng trụ.

Này Đại Tuệ! Pháp Như Lai chứng đắc, nếu trong sát-na chẳng trụ thì tất cả Thánh giả chẳng thành Thánh nhân.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải phi Thánh nhân do đó là Thánh nhân vậy.

Này Đại Tuệ! Trụ ở Kim cang một kiếp gọi là bằng trụ không lường, chẳng tăng chẳng giảm.

Này Đại Tuệ! Sao phàm phu ngu si phân biệt các pháp cho rằng, sát-na chẳng trụ, mà các phàm phu chẳng thông đạt ý của ta, chẳng hiểu chẳng biết các pháp trong ngoài từng niệm từng niệm chẳng trụ?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói, đủ đầy sáu pháp Ba-la-mật, thì đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Những gì là sáu Ba-la-mật? Làm sao đầy đủ?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ba-la-mật có ba loại khác nhau, đó là: Thế gian Ba-la-mật, xuất thế gian Ba-la-mật, xuất thế gian Thượng thượng Ba-la-mật.

Này Đại Tuệ! Nói rằng, thế gian Ba-la-mật là phàm phu ngu si chấp trước pháp ngã và ngã sở, rơi vào nhị biên, vì đối với vô số cảnh giới thù thắng vi diệu mà tu hành Ba-la-mật, cầu quả báo nơi cảnh giới Sắc...

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si hành Thi ba-la-mật (Trì giới), Sằn-đề ba-la-mật (Nhẫn nhục), Tỳ-lê-gia ba-la-mật (Tinh tấn), Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật-đa (Trí tuệ)... cho đến sinh ở Phạm thiên cầu pháp năm thần thông thế gian. Này Đại Tuệ! Đó gọi là những Ba-la-mật của thế gian.

Này Đại Tuệ! Nói rằng xuất thế gian Ba-la-mật nghĩa Thanh văn, Bích-chi-phật chấp giữ tâm Niết-bàn của Thanh văn, Bích-chi-phật mà tu hành Ba-la-mật. Này Đại Tuệ! Như phàm phu ngu si thế gian kia vì cầu niềm vui Niết-bàn nơi tự thân mà tu hạnh Ba-la-mật của thế gian. Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, vì tự thân cầu niềm vui Niết-bàn mà tu hành hạnh Ba-la-mật xuất thế gian cho đến cầu niềm vui chẳng phải cứu cánh đó.

Này Đại Tuệ! Xuất thế gian Thượng thượng Ba-la-mật là có thể biết như thật, chỉ là tự tâm hư vọng phân biệt nên thấy cảnh giới bên ngoài. Bấy giờ, biết quả thật chỉ là tự tâm thấy pháp trong ngoài, chẳng phân biệt hư vọng phân biệt, chẳng chấp giữ sắc tướng trong ngoài tự tâm. Đại Bồ-tát có thể biết như thật tất cả pháp nên tu hành Đàn ba-la-mật (Bố thí), vì khiến cho tất cả chúng sinh được niềm vui yên ổn, không kinh sợ. Đó gọi là Đàn ba-la-mật (Bố thí).

Này Đại Tuệ! Bồ-tát quan sát tất cả các pháp đó, chẳng sinh ra phân biệt mà tùy thuận thanh lương. Đó gọi là Thi ba-la-mật.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát lìa khỏi tâm phân biệt mà nhẫn nhịn. Bồ-tát đó tu hành như thật mà biết cảnh giới năng thủ, khả thủ chẳng phải thật, đó gọi là Sằn-đề ba-la-mật của Bồ-tát.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát làm sao tu hạnh tinh tấn? Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm thường siêng năng tu hành, thuận theo pháp như thật, đoạn trừ các phân biệt. Đó gọi là Tỳ-lê-gia ba-la-mật.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát lìa khỏi tâm phân biệt, chẳng thuận theo tướng cảnh giới năng thủ khả thủ của ngoại đạo, đó gọi là Thiền ba-la-mật.

Này Đại Tuệ! Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát là gì? Bồ-tát như thật quan sát tướng tự tâm phân biệt, chẳng thấy phân biệt chẳng rơi vào nhị biên, nương vào sự tu hành như thật mà chuyển biến thân, chẳng thấy một

pháp nào sinh ra, chẳng thấy một pháp nào diệt đi, tự thân chứng đắc tu hành Thánh hạnh. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát.

Này Đại Tuệ! Nghĩa Ba-la-mật đủ đầy như vậy thì đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Không, vô thường sát-na
Ngu phân biệt hữu vi
Như sông, đèn, hạt giống
Không, vô thường sát-na.
Phân biệt nghĩa sát-na
Cũng như vậy sát-na
Sát-ni-ca chẳng sinh
Tịch tĩnh lìa tạo tác.
Tất cả pháp chẳng sinh
Ta nói, nghĩa sát-na
Vật sinh tức có diệt
Chẳng nói vì phàm phu.
Phân biệt pháp tương tục
Vọng tưởng thấy sáu đường
Nếu vô minh là nhân
Hay sinh những tâm ấy
Cho đến sắc chưa sinh
Trung gian nương đâu trụ?
Có sinh tức có diệt
Tâm khác theo đó sinh
Sắc chẳng trụ một niệm
Quan sát pháp gì sinh?
Nương nhân nào sinh pháp?
Tâm không nhân mà sinh
Vậy nên sinh chẳng thành!
Làm sao biết niệm hoại?
Người tu hành chứng định
Kim Cang, Xá-lợi-phất
Cung điện trời Quang Âm
Việc thế gian chẳng hoại
Chứng đắc pháp Chân như
Thành tựu trí Như Lai
Tỳ-kheo chứng bình đẳng

Làm sao niệm chẳng trụ?
Huyễn, thành Càn-thát-bà
Vì sao niệm chẳng trụ?
Bốn đại không, thấy sắc
Thì bốn đại là gì?

-oOo-

Phẩm 15: HÓA

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn thọ ký cho các vị La-hán thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Như Lai lại nói, các Đức Phật Như Lai chẳng vào Niết-bàn, lại nói, Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vào đêm đó chứng Đại Bồ-tát, vào đêm đó nhập Bát-niết-bàn và ở khoảng giữa ấy chẳng nói một chữ. Như Lai lại nói, các Đức Phật Như Lai thường vào định Vô giác vô quán vô phân biệt, lại nói, tạo ra vô số thân ứng hóa độ các chúng sinh. Thế Tôn lại nói, các thức sai khác từng niệm từng niệm chẳng trụ. Kim Cang Mật Tích thường theo ủng hộ. Thế Tôn lại nói, bản tế của thế gian khó biết, lại nói rằng, chúng sinh vào Niết-bàn, mà nếu vào Niết-bàn lẽ ra có bản tế. Thế Tôn lại nói, các Đức Phật không có thù oán, mà thấy các ma, lại nói, Như Lai đoạn tất cả chướng, nhưng mà thấy Chiên-già, Ma-na-tỳ, Tôn-đà-lê... bài báng. Phật vào thôn Ta-lê-na rốt cuộc chẳng được thức ăn, mang bát không mà đi ra.

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Như Lai có vô lượng tội, nghiệp chướng, sao Như Lai chẳng lìa khỏi tất cả những tội lỗi mà đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Được Nhất thiết chủng trí?

Đức Phật bảo Thánh giả Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta vì các Thanh văn... đã từng tu hành hạnh Bồ-tát, nương vào Niết-bàn Vô dư mà thọ ký cho họ. Này Đại Tuệ! Ta thọ ký cho Thanh văn là vì chúng sinh khiếp nhược làm cho họ sinh ra có lòng dũng mãnh.

Này Đại Tuệ! Trong thế giới này và những cõi Phật khác, có các chúng sinh tu hạnh Bồ-tát mà ưa thích hạnh của pháp Thanh văn. Vì chuyển cho họ đạt được Đại Bồ-đề nên Phật ứng hóa vì Thanh văn ứng hóa mà thọ ký, chẳng phải là Phật báo thân, Phật Pháp thân mà thọ ký.

Này Đại Tuệ! Niết-bàn của Thanh văn, Bích-chi-phật không sai khác. Vì sao? Vì đoạn trừ phiền não không sai khác, đoạn phiền não chướng chẳng phải đoạn trí chướng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Thấy pháp vô ngã thì đoạn trừ được Trí chướng. Thấy nhân vô ngã thì đoạn trừ phiền não chướng. Này Đại Tuệ! Chuyển ý thức nên đoạn pháp chướng, nghiệp chướng. Do chuyển huân tập của ý và A-lê-gia thức nên được thanh tịnh hoàn toàn.

Này Đại Tuệ! Ta thường nương vào thể của bản pháp mà trụ, lại chẳng sinh ra pháp, nương vào bản danh tự chương cú chẳng hiểu, chẳng tư duy mà nói các pháp.

Này Đại Tuệ! Như Lai thường biết như ý, thường chẳng mất niệm, vậy nên Như Lai không giác, không quán. Các Đức Phật Như Lai lìa khỏi Tứ địa rồi, xa lìa hai loại sinh tử, hai chướng, hai loại nghiệp vậy.

Này Đại Tuệ! Bảy loại thức, ý, ý thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân từng niệm từng niệm chẳng trụ, do hư vọng huân tập lìa khỏi các thiện pháp vô lậu.

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng ở thế gian chẳng sinh, chẳng tử, chẳng đến, chẳng đi, thường hằng, thanh lương, bất biến.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nương vào Như Lai tạng nên có nhân của thế gian, Niết-bàn, khổ vui mà các phàm phu chẳng hiểu, chẳng biết, rơi vào trống không, hư vọng, điên đảo.

Này Đại Tuệ! Kim Cang Mật Tích thường theo ủng hộ, vây quanh Đức Như Lai Ứng Hóa, chẳng phải Phật Pháp thân, Phật báo thân, căn bản Như Lai Ứng Chánh Biến Tri.

Này Đại Tuệ! Căn bản Như Lai xa lìa các căn lớn nhỏ, các lượng xét xa lìa tất cả phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật... Này Đại Tuệ! Người tu hành như thật đạt được cảnh giới hạnh an lạc Chân như đó, biết căn bản Phật do đạt được pháp nhẫn Bình Đẳng. Vậy nên Kim Cang Mật Tích theo Phật Ứng Hóa.

Này Đại Tuệ! Phật Ứng Hóa thì không còn nghiệp, không bài báng, mà Phật Ứng Hóa chẳng khác Pháp Phật, Báo thân Phật Như Lai mà cũng chẳng là một. Như thợ gốm, muối... người làm việc làm ra, Phật Ứng Hóa làm việc giáo hóa chúng sinh, khác với tướng chân thật nói pháp, chẳng nói

pháp chứng đắc cảnh giới Thánh trí nơi tự thân.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả phàm phu, ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật... thấy sáu thức diệt thì rơi vào Đoạn kiến, chẳng thấy A-lê-gia thức thì rơi vào Thường kiến. Lại nữa, này Đại Tuệ! Chẳng thấy tự tâm phân biệt bản tế, vậy nên thế gian gọi là không bản tế.

Này Đại Tuệ! Xa lìa sự thấy phân biệt nơi tự tâm thì gọi là giải thoát, được chứng Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Các Đức Phật Như Lai xa lìa bốn huân tập khí, vậy nên không gây ra những lỗi lỗi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Ba thừa và phi thừa
Chư Phật vô lượng thừa
Thọ ký thảy Phật địa
Nói đoạn các phiền não
Chứng Thánh trí nội thân
Và Vô dư Niết-bàn
Khuyên gắng chúng sinh khiếp
Nên nói pháp ẩn lấp.
Như Lai chứng đắc trí
Cũng nói đến đạo trên
Chúng sinh nương vào đạo
Nhị thừa không Niết-bàn.
Thấy Dục, Sắc và Hữu
Và huân tập bốn Địa
Ý thức cũng sinh ra
Thấy ý thức cùng trụ.
Thấy ý, nhãn thức thảy
Thường vô thường, đoạn diệt
Nương ý... chấp thường kiến
Khởi kiến chấp Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 16: NGĂN ĂN THỊT

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con quan sát thế gian, sinh tử lưu chuyển, oán kết liền nhau, rơi vào các đường ác, đều do ăn thịt, giết hại lẫn nhau, tăng

trưởng tham sân, chẳng được ra khỏi, thật là khổ sở.

Bạch Thế Tôn! Người ăn thịt đoạn trừ hạt giống đại Từ. Người tu đạo Thánh thì chẳng nên ăn thịt. Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo... nói pháp tà kiến Lô-ca-da-đà, rơi vào luận của thế tục, rơi vào trong hai kiến đoạn thường, hữu vô, đều ngăn ăn thịt, tự mình chẳng ăn, chẳng cho phép người khác ăn. Sao trong pháp thanh tịnh của Như Lai, người tu phạm hạnh thì tự ăn, cho phép người khác ăn, tất cả chẳng cấm chế? Như Lai Thế Tôn đối với các chúng sinh Từ bi bình đẳng thì sao lại cho phép dùng thịt làm thức ăn? Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thương xót thế gian, nguyện xin vì con nói về lỗi của sự ăn thịt và công đức của sự chẳng ăn thịt. Con và những Bồ-tát nghe rồi, được nương vào đó tu hành như thật và tuyên nói, lưu bố rộng rãi, khiến cho chúng sinh hiện tại và vị lai, tất cả đều biết rõ.

Đức Phật bảo Thánh giả Đại Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông có tâm đại Từ bi thương xót chúng sinh nên có thể hỏi ý nghĩa này. Ông nay hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giải nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn! Thưa vâng, con xin lắng nghe và tin nhận.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Luận về ăn thịt có vô lượng lỗi. Các Đại Bồ-tát tu đại Từ bi thì chẳng được ăn thịt. Tội lỗi và công đức của người ăn thịt cùng chẳng ăn thịt, ta sẽ nói lên một phần ít. Ông nay hãy lắng nghe. Này Đại Tuệ! Ta quán sát chúng sinh từ vô thủy đến nay đã quen ăn thịt, tham trước vị thịt, giết hại lẫn nhau, xa lìa Hiền thánh, chịu khổ sinh tử. Người xả bỏ vị thịt, nghe vị chánh pháp, ở Bồ-tát địa tu hành như thật thì mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại khiến cho chúng sinh vào đến chỗ dừng nghỉ, cả địa Thanh văn, Bích-chi-phật. Dừng nghỉ rồi, khiến họ vào Như Lai địa.

Này Đại Tuệ! Những lợi ích như vậy lấy tâm Từ làm gốc. Người ăn thịt đoạn trừ hạt giống đại Từ thì làm sao sẽ được lợi lớn như vậy? Vậy nên, này Đại Tuệ! Ta quan sát chúng sinh luân hồi sáu đường, đồng ở trong sinh tử, cùng nhau nuôi sống, đắp đổi làm cha mẹ, anh em, chị em, hoặc nam, hoặc nữ hoặc trong lục thân quyến thuộc nội ngoại, hoặc sinh vào đường khác, đường thiện, đường ác, thường làm quyến thuộc. Do nhân duyên đó, ta quan sát chúng sinh ăn thịt lẫn nhau thì không ai là chẳng phải người thân. Do tham vị thịt, họ đắp đổi ăn lẫn nhau, thường sinh tâm ác hại, tăng trưởng nghiệp khổ, lưu chuyển trong sinh tử, chẳng được ra khỏi.

Khi Đức Phật nói lời này, các La-sát ác nghe lời dạy của Đức Phật đều bỏ tâm ác, dừng lại chẳng ăn thịt, cùng khuyên nhau phát tâm Từ bi, hộ trì mạng của chúng sinh, hơn tự hộ thân mình, lìa bỏ tất cả những thứ thịt, chẳng ăn nữa, buồn khóc rơi nước mắt, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe Phật dạy, quan sát kỹ sáu đường, thịt mà con ăn đều chính là người thân của con, mới biết ăn thịt chúng sinh là oán thù lớn, cắt đứt giống đại Từ, lớn thêm nghiệp bất thiện, chính là gốc của khổ đau. Bạch Thế Tôn! Từ ngày hôm nay, con chấm dứt, chẳng ăn thịt và quyến thuộc của con cũng chẳng được phép ăn. Đệ tử của Đức Như Lai có người nào chẳng ăn thịt thì con sẽ ngày đêm gần gũi ủng hộ. Nếu có người ăn thịt thì con sẽ làm cho họ chẳng được nhiều lợi ích.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Quỷ ác La-sát là loài thường ăn thịt, nghe lời nói của ta còn phát Từ tâm, bỏ thịt chẳng ăn, huống là đệ tử của ta tu hành thiện pháp mà được phép ăn thịt ư? Nếu có người ăn thịt thì phải biết kẻ đó là oán thù của chúng sinh, đoạn trừ Thánh chủng của ta.

Này Đại Tuệ! Nếu đệ tử của ta nghe lời ta dạy, chẳng quan sát kỹ càng mà ăn thịt thì phải biết người đó chính là dòng giống Chiên-đà-la, chẳng phải đệ tử của ta, ta chẳng phải là thầy của người ấy. Vậy nên, này Đại Tuệ! Nếu muốn cùng ta làm quyến thuộc thì tất cả các thứ thịt đều chẳng nên ăn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Bồ-tát nên quan sát tất cả thịt đó đều nương vào máu mủ bất tịnh đỏ trắng của cha mẹ hòa hợp mà sinh ra thân bất tịnh. Vậy nên, Bồ-tát quan sát thịt bất tịnh, chẳng nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Người ăn thịt thì chúng sinh nghe thấy hơi đều kinh sợ, chạy trốn tránh xa. Vậy nên, Bồ-tát tu hạnh như thật, vì hóa độ chúng sinh thì chẳng nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Ví như Chiên-đà-la, thợ săn, người giết mổ, người đánh cá, kẻ bắt chim... tất cả hành động của họ, chúng sinh thấy từ xa đều khởi lên ý nghĩ như vầy: "Ta nay nhất định chết, người đi đến đây chính là người đại ác, chẳng nhận thức được tội phước, giết hại mạng của chúng sinh, cầu lợi hiện tiền, nay đi đến đây, vì tìm kiếm chúng ta. Nay thân của chúng tôi đều có thịt. Vậy nên, nay chúng tôi nhất định sẽ chết."

Này Đại Tuệ! Do người ăn thịt có thể khiến cho chúng sinh nhìn thấy đều sinh ra kinh sợ như vậy.

Này Đại Tuệ! Tất cả chúng sinh trong hư không, trên đất thấy người ăn thịt đều sinh ra kinh sợ mà khởi lên ý niệm nghi ngờ: "Đến hôm nay thì

ta sống hay chết đây? Như vậy, người ác chẳng tu Từ tâm cũng như loài hổ, chó sói ở thế gian thường tìm kiếm thịt ăn, như trâu ăn cỏ, bọ hung ăn phân... chẳng biết no đủ. Thân ta là thịt chính là thức ăn của chúng, chẳng nên cho chúng nhìn thấy.” Chúng sinh đó liền bỏ chạy trốn, tránh xa những kẻ giết hại ấy, như người sợ sệt La-sát không khác.

Này Đại Tuệ! Người ăn thịt có thể khiến cho chúng sinh thấy thì đều sinh ra kinh sợ như vậy. Ông nên biết, ăn thịt chúng sinh là oán thù lớn. Vậy nên, Bồ-tát tu hành từ bi, vì cứu giúp chúng sinh thì chẳng nên ăn thịt họ, chẳng phải vị ăn của người Thánh tuệ, tiếng ác truyền khắp, Thánh nhân quở trách. Vậy nên, này Đại Tuệ! Bồ-tát vì hộ trì chúng sinh chẳng nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Bồ-tát vì hộ trì lòng tin của chúng sinh thì chẳng nên ăn thịt. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì nói rằng, Bồ-tát thì chúng sinh đều biết chính là hạt giống tâm Từ của Phật Như Lai, có thể làm nơi nương tựa cho chúng sinh, người nghe tự nhiên chẳng sinh ra nghi ngờ, kinh sợ mà sinh ra tướng thân hữu tưởng Thiện tri thức, tưởng không sợ hãi... còn nói rằng, được chỗ quy y, được chỗ yên ổn, được thầy dẫn đường tốt.

Này Đại Tuệ! Do chẳng ăn thịt, có thể sinh ra lòng tin của chúng sinh như vậy, còn nếu ăn thịt thì chúng sinh liền mất đi tất cả lòng tin và liền nói rằng, thế gian không có người có thể tin được. Họ liền đoạn trừ tín căn. Vậy nên, này Đại Tuệ! Bồ-tát vì hộ trì lòng tin của chúng sinh thì tất cả các thứ thịt đều chẳng nên ăn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các đệ tử của ta vì ủng hộ thế gian, ngăn bài báng Tam bảo nên chẳng nên ăn thịt. Vì sao? Vì thế gian có người thấy ăn thịt nên hủy báng Tam bảo nói lên lời như vầy: Ở trong Phật pháp, chỗ nào sẽ có Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm hạnh chân thật thì bỏ món ăn của Thánh nhân đã ăn mà ăn thịt chúng sinh, giống như La-sát ăn thịt no bụng ngủ say chẳng động, nương vào người phàm ở đời, giàu có thế lực, tìm kiếm thịt để ăn, như vua La-sát làm chúng sinh kinh sợ. Vậy nên, khắp nơi xướng lên lời như vầy: Chỗ nào có Sa-môn, Bà-la-môn tu hạnh thanh tịnh chân thật thì chỗ đó không pháp, không Sa-môn, không Tỳ-ni, không có người tu hạnh thanh tịnh. Sinh ra vô lượng, vô biên lòng ác, chẳng lành như vậy... đoạn dứt pháp luân của ta, diệt hết Thánh chủng... tất cả đều do lỗi của người ăn thịt. Vậy nên, này Đại Tuệ! Đệ tử của ta vì hộ trì người ác, hủy báng Tam bảo, thậm chí chẳng nên sinh ra ý niệm “tưởng về thịt, huống gì là ăn thịt.”

Lại nữa, này Đại Tuệ! Bồ-tát vì cầu cõi Phật thanh tịnh, giáo hóa

chúng sinh thì chẳng nên ăn thịt mà nên quan sát các thứ thịt như thây chết của người, mắt chẳng muốn thấy, chẳng muốn nghe hơi, huống gì có thể ngửi mà đặt vào trong miệng. Tất cả các thứ thịt cũng lại như vậy.

Này Đại Tuệ! Như thiêu đốt thây chết mùi hôi thối bất tịnh cùng với thiêu đốt thịt khác, thối bẩn không khác thì làm sao trong đó có đồ ăn hay chẳng có đồ ăn? Vậy nên, này Đại Tuệ! Bồ-tát vì cầu cõi Phật thanh tịnh, giáo hóa chúng sinh thì chẳng nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Bồ-tát vì cầu lìa khỏi sinh tử nên phải chuyên tâm nhớ nghĩ hạnh Từ bi, ít muốn biết đủ, nhàm chán khổ thế gian, mau cầu giải thoát, phải bỏ nơi ồn ào, đến với nơi thanh vắng, ở trong rừng thây chết, chỗ thanh tịnh, vùng tha ma, ngồi một mình dưới gốc cây để tư duy, quan sát các thế gian, không có một thứ gì đáng vui: Vợ con quyến thuộc tưởng như cùm khóa, cung điện lầu đài quán tưởng như lao ngục, quan sát những trân bảo tưởng như đống phân, thấy đồ ăn thức uống tưởng như máu mủ, nhận đồ ăn thức uống như bôi thuốc trị ung nhọt, mục đích giữ được mạng sống buộc niệm vào Thánh đạo, chẳng vì tham vị. Rượu, thịt, hành, hẹ, tỏi, nén... mùi hôi đều bỏ chẳng ăn.

Này Đại Tuệ! Nếu người như vậy, chính là người tu hành chân chánh, đủ sức thọ sự cúng dường của tất cả trời người. Nếu ở thế gian chẳng sinh nhàm chán tham trước nhiều vị: rượu, thịt, cay, nồng... có được liền ăn ngay thì chẳng nên nhận của tín thí ở thế gian.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có các chúng sinh ở quá khứ từng tu vô lượng nhân duyên, có ít thiện căn, lại được nghe pháp của ta. Người tín tâm xuất gia ở trong pháp của ta mà đời quá khứ từng làm quyến thuộc của La-sát, sinh ra trong loài cọp, sói, sư tử, mèo, chồn thì tuy ở tại trong pháp ta nhưng tập quán ăn thịt còn nên thấy người ăn thịt thì vui mừng, gần gũi. Họ vào trong thành ấp xóm làng, tháp chùa mà uống rượu, ăn thịt, cho là vui vẻ. Nhưng người trong thiên hạ xem họ giống như quỷ La-sát dành ăn thây chết với nhau, không khác mà chẳng tự biết, rồi đánh mất chúng của ta, thành quyến thuộc của La-sát. Họ tuy mặc áo ca-sa, cạo bỏ râu tóc nhưng kẻ có mạng sống nhìn thấy họ thì lòng sinh kinh sợ như sợ La-sát. Vậy nên, này Đại Tuệ! Nếu người thờ ta làm thầy thì tất cả các thứ thịt đều chẳng nên ăn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những thầy chú thuật tà kiến ở thế gian nếu họ ăn thịt thì chú thuật chẳng thành. Vì để thành tà thuật mà còn chẳng ăn thịt, huống là đệ tử của ta vì cầu đạo Thánh vô thượng của Như Lai, cầu giải thoát xuất thế? Tu đại Từ bi, tinh cần khổ hạnh còn sợ chẳng được

huống là nơi nào sẽ có giải thoát như vậy, vì người ngu si đó ăn thịt mà được? Vậy nên, này Đại Tuệ! Những đệ tử của ta vì cầu niềm vui giải thoát xuất thế thì chẳng nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ăn thịt có thể sinh ra sắc lực, người ăn vị này khiến có nhiều tham trước nên phải quan sát kỹ càng. Kẻ có thân mạng trong tất cả thế gian đều tự quý trọng, sợ nỗi khổ chết, tiếc giữ thân mạng, người và súc vật không khác biệt, thà phải ưa tấm thân ghẻ lở hoang dã tồn tại, chẳng thể bỏ mạng để đạt được những niềm vui cõi trời. Vì sao? Vì sợ khổ của cái chết.

Này Đại Tuệ! Do sự quan sát chết đó là khổ lớn, chính là pháp đáng sợ, tự thân sợ chết thì làm sao mà ăn thịt người khác được? Vậy nên, này Đại Tuệ! Muốn ăn thịt thì trước tự nghĩ đến thân, thứ đến là quan sát chúng sinh thì chẳng nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Phàm người ăn thịt thì chư Thiên xa lìa, huống gì là Thánh nhân. Vậy nên Bồ-tát vì thấy Thánh nhân phải tu từ bi, chẳng nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Người ăn thịt ngủ nghỉ cũng khổ, khi thức dậy cũng khổ. Hoặc ở trong mộng, thấy đủ thứ ác, kinh sợ dựng tóc gáy, lòng luôn bất an, không có lòng từ nên thiếu thốn các năng lực thiện. Nếu người ấy, một mình ở chỗ thanh vắng thì bị nhiều phi nhân lén lút quấy phá cọp, sói, sư tử cũng đến rình mò muốn tìm cơ hội mà ăn thịt, lòng luôn luôn kinh sợ chẳng được yên ổn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những người ăn thịt khó thỏa mãn lòng tham, ăn chẳng biết lượng sức, chẳng thể tiêu hóa, bốn đại tăng thêm, hơi của miệng tanh tao bên trong lại có nhiều vô lượng trùng độc thân nhiều ghẻ lở, hắc lào, bệnh tật đủ thứ, chẳng sạch, phàm phu hiện tại chẳng ưa nghe thấy, huống là có thể được thân người thơm sạch không bệnh trong đời vị lai.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Ta nói, phàm phu vì cầu mạng sống thanh tịnh mà ăn thức ăn thanh tịnh còn nên sinh ra lòng tưởng như ăn thịt con, huống gì là cho phép ăn thức ăn chẳng phải của Thánh nhân. Thánh nhân giải thoát thì dùng thịt có thể sinh ra vô lượng lỗi, mất đi tất cả công đức xuất thế thì làm sao nói rằng, ta cho phép những đệ tử của ta ăn những thứ thịt, máu, vị bất tịnh... Người nào nói rằng, ta cho phép tức là bài báng ta.

Này Đại Tuệ! Ta cho phép đệ tử ăn thứ ăn mà các Thánh nhân ăn, chẳng phải là thức ăn Thánh nhân xa lìa. Thức ăn của Thánh có thể sinh ra vô lượng công đức, xa lìa các tội lỗi.

Này Đại Tuệ! Thức ăn của Thánh nhân quá khứ hiện tại như là gạo lúa nước, đại mạch, tiểu mạch, đậu, đủ thứ dầu, mật, cây mía, nước cốt cây mía, bột kiển-đà, can-đề... tùy lúc được thì cho phép ăn vì thanh tịnh.

Này Đại Tuệ! Ở đời vị lai, có người ngu si nói đủ các Tỳ-ni rằng, được ăn thịt. Do ở đời quá khứ người ấy huân tập ăn thịt, tham đắm vị thịt, tùy theo tâm mình thấy nên nói lời như vậy, chẳng phải Phật, thánh nói vì món ăn ngon.

Này Đại Tuệ! Người chẳng ăn thịt thì do đời quá khứ, cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, có thể tin lời của Phật, giữ gìn giới luật chắc chắn, tin các nhân quả, đối với thân miệng có thể tự tiết chế, điều lượng, chẳng vì tham trước các vị của thế gian. Thấy người ăn thịt có thể sinh tâm Từ.

Này Đại Tuệ! Ta nhớ, thuở quá khứ, có vị vua tên là Sư Tử Nô ăn đủ thứ thịt, đam mê vị của thịt, lần lượt thậm chí ăn cả thịt người. Vì vua ấy ăn thịt người nên cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc đều xa lìa hết. Tất cả thần dân trong đất nước, xóm làng đều liền mưu phản, cùng muốn giết vua ấy. Do người ăn thịt có những lỗi lầm như vậy. Vậy nên, chẳng nên ăn tất cả loài thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Vua trời Tự tại hóa thân làm chim câu. Thích Đề-hoàn Nhân là chúa của chư Thiên, do tập khí ăn thịt ở đời quá khứ nên hóa thân làm chim ưng đuổi bắt chim bồ câu này. Chim bồ câu bay đến đậu vào ta. Bấy giờ, ta làm vua Thi Tỳ, thương xót chúng sinh ăn nuốt nhau nên cân thịt của thân mình cho chim ưng thay cho thịt bồ câu, cắt thịt thân chẳng đủ đặt lên trên cân, phải chịu đau khổ vô cùng.

Này Đại Tuệ! Như vậy từ vô lượng đời đến nay huân tập ăn thịt, thân mình, thân người khác có lỗi như vậy, huống gì là người thường ăn thịt không hổ thẹn.

Này Đại Tuệ! Lại có vị vua khác chẳng ăn thịt thì cưỡi ngựa dạo chơi, vì ngựa nổi kinh sợ, dẫn vào núi sâu, thất lạc tùy tùng, chẳng biết đường về. Vì vua ấy chẳng ăn thịt nên sư tử, cọp, sói nhìn thấy không có tâm muốn hại, rồi cùng với sư tử cái cùng làm việc dâm dục, cho đến sinh ra con là Ban Túc Vương... Do đời quá khứ huân tập ăn thịt và làm vua cõi người cũng thường ăn thịt, ở tại thôn Thất gia, nhiều người ưa ăn thịt, ăn thịt thái quá liền ăn cả thịt người nên họ sinh ra những con trai, con gái hầu hết là La-sát.

Này Đại Tuệ! Chúng sinh ăn thịt nương vào quá khứ huân tập ăn thịt nên phần nhiều sinh vào trong những loài La-sát, sư tử, cọp, sói, báo, mèo,

chồn, cú vọ, diều hâu, chim ưng... Những loài có thân mạng đều tự hộ thân, không ai có thể giết hại, chịu khổ đói khát thì thường sinh ra tâm ác, nghĩ đến việc ăn thịt kẻ khác, mạng chung lại rơi vào đường ác, thọ sinh thân người khó được, huống nữa sẽ đạt được đạo Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Ông nên biết, người ăn thịt có vô lượng những tội lỗi như vậy. Người chẳng ăn thịt tức là gom tụ công đức không lường.

Này Đại Tuệ! Các phàm phu chẳng biết tội lỗi của ăn thịt và công đức của chẳng ăn thịt như vậy. Ta nay lược nói về chẳng cho phép ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Nếu tất cả mọi người chẳng ăn thịt thì cũng không có người giết hại chúng sinh. Do người ăn thịt nếu chẳng có để thì đi khắp nơi tìm mua, người vì tài lợi liền giết để buôn bán. Vì người mua nên giết, vậy nên người mua cùng người giết không khác. Vậy nên, ăn thịt có thể làm chướng ngại Thánh đạo.

Này Đại Tuệ! Người ăn thịt đam mê vị thịt, đến nỗi không có vật nuôi thì ăn cả thịt người, huống gì là hươu, nai, trĩ, thỏ, ngỗng, heo, dê, gà, chó, lạc đà, lừa, voi, ngựa, rồng, rắn, cá, ba ba... loài có sinh mạng sống dưới nước, trên đất đã bắt được mà chẳng ăn. Do tham đắm vị thịt nên tạo ra các phương tiện giết hại chúng sinh, tạo tác đủ thứ lưới giăng, cạm bẫy..., lưới bao núi, lưới giăng dưới đất, ngăn sông, chận biển... khắp nơi trên đất, trong nước đều vây lưới, đặt bẫy, đào hầm hố, đặt cung, dao, tên độc... xen lẫn không còn chỗ trống. Đủ thứ chúng sinh sống trong hư không, trên đất, dưới nước đều bị giết hại vì ăn thịt vậy.

Này Đại Tuệ! Thợ săn, kẻ giết mổ, người ăn thịt... tâm ác bền vững có thể làm điều bất nhẫn, thấy hình thể chúng sinh béo tốt, da thịt mơn mởn thì sinh tâm nghĩ đến món ăn, lại chỉ cho nhau rằng, cái này có thể ăn, lòng chẳng sinh một ý niệm bất nhẫn. Vậy nên ta nói, người ăn thịt đoạn mất hạt giống đại Từ.

Này Đại Tuệ! Ta quan sát thế gian, không có thứ thịt nào mà chẳng phải là sinh mạng. Tự mình chẳng giết, chẳng dạy người giết, thì người khác chẳng bị giết, chẳng từ sinh mạng mà có thịt này thì không có điều này. Nếu có thứ thịt chẳng từ sinh mạng mà ra này lại là món ăn ngon thì ta vì lý do gì chẳng cho phép người ăn? Tìm khắp thế gian, không có thứ thịt như vậy. Vậy nên ta nói, ăn thịt là tội, đoạn dứt hạt giống Như Lai nên chẳng cho phép ăn.

Này Đại Tuệ! Sau khi ta Niết-bàn, vào đời vị lai, lúc pháp sắp diệt, ở trong pháp của ta, có người xuất gia, cạo bỏ râu tóc, tự xưng: "Ta là Thích tử Sa-môn", mặc áo ca-sa của ta mà ngu si như đứa trẻ, tự xưng là luật sư

mà rơi vào nhị biên, đủ thứ hư vọng giác quán, loạn tâm, tham trước vị thịt, theo kiến chấp tự tâm nói. Trong Tỳ-ni nói rằng, được ăn thịt, cũng bài báng ta rằng, các Đức Phật Như Lai cho phép người ăn thịt, cũng nói rằng, do cấm chế mà được phép ăn thịt, cũng bài báng ta rằng, Như Lai Thế Tôn cũng tự ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Ở trong tất cả kinh, như Tượng Dịch, Ương-quật-ma, Niết-bàn, Đại Vân... của ta chẳng cho phép ăn thịt, cũng chẳng nói, cho thịt vào thức ăn.

Này Đại Tuệ! Ta nếu cho phép các đệ tử Thanh văn lấy thịt làm thức ăn thì nhất định ta chẳng được miệng thường khen ngợi người tu từ bi thực hành hạnh như thật, cũng chẳng khen ngợi người tu hạnh đầu đà trong rừng Thi-đà, cũng chẳng khen ngợi người tu hành Đại thừa trụ ở Đại thừa, cũng chẳng khen ngợi người chẳng ăn thịt. Ta chẳng tự ăn, chẳng cho phép người khác ăn. Vậy nên ta khuyên người tu hạnh Bồ-tát, khen ngợi chẳng ăn thịt, khuyên nên xem chúng sinh như con một thì tại sao xướng lên rằng, ta cho phép ăn thịt. Ta vì đệ tử tu hạnh ba thừa mau đạt được quả nên ngăn chặn tất cả thịt, chẳng cho phép ăn thì tại sao nói rằng trong Tỳ-ni của ta cho phép người ăn thịt.

Lại nữa, nói rằng trong kinh khác của Như Lai nói, có ba thứ thịt cho phép người ăn thì nên biết người đó chẳng lý giải được Tỳ-ni mà cắt đứt thứ lớp nên xướng rằng, được ăn. Vì sao? Này Đại Tuệ! Vì thịt có hai thứ, một là người khác giết, hai là tự chết. Do người đời nói rằng, có thịt được ăn, có thịt chẳng được ăn. Voi, ngựa, rồng, rắn, người, quỷ, khỉ vượn, heo, chó và trâu thì nói chẳng được ăn, còn các loài khác thì được ăn. Người giết mổ chẳng hỏi được ăn hay chẳng được ăn mà cứ giết hết tất cả, bày bán khắp nơi. Chúng sinh không có lỗi mà bị giết hại ngang ngược. Vậy nên, ta cấm chế thịt người khác giết hay tự tử đều chẳng được ăn. Nghe thấy nghi ngờ thì gọi là người khác giết, chẳng nghe thấy nghi ngờ thì gọi là tự tử. Vậy nên, này Đại Tuệ! Trong Tỳ-ni của ta xướng lên lời như vầy: Phàm đối với tất cả Thích tử Sa-môn, thịt đều là thức ăn bất tịnh, làm ô uế mạng sống thanh tịnh, chướng ngại Thánh đạo phần, không có phương tiện mà có thể được ăn. Nếu có nói rằng, trong Tỳ-ni của Phật nói có ba thứ thịt là chẳng cho phép ăn, chẳng phải là cho phép ăn. Ông nên biết là người trụ vững chắc ở Tỳ-ni là người chẳng bài báng ta.

Này Đại Tuệ! Nay trong kinh Lăng-già này, tất cả thời gian, tất cả các thứ thịt, cũng không phương tiện mà có thể được ăn. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ta ngăn ăn thịt chẳng phải vì một người mà hiện tại và vị lai, tất cả

chẳng được ăn. Vậy nên, này Đại Tuệ! Nếu người ngu si kia tự nói là luật sư mà nói rằng, trong Tỳ-ni cho phép người ăn thịt, cũng bài báng ta rằng, Như Lai tự ăn thì người ngu si đó thành tội chướng lớn, mãi mãi rơi vào chỗ không lợi ích, chỗ không Thánh nhân, chỗ chẳng nghe pháp, cũng chẳng được gặp đệ tử của bậc Thánh hiền hiện tại, vị lai, huống là sẽ được gặp các Đức Phật Như Lai.

Này Đại Tuệ! Những hàng Thanh văn thường nên ăn gạo, lúa mì, dầu mất, đủ thứ mè, đậu có thể sinh ra mạng thanh tịnh. Nếu là chứa nuôi phi pháp, nhận lấy phi pháp thì ta nói bất tịnh, còn chẳng cho ăn, huống gì là cho phép ăn máu thịt bất tịnh.

Này Đại Tuệ! Các đệ tử Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát của ta ăn được pháp thực thì chẳng phải ăn uống thức ăn, huống gì là Như Lai.

Này Đại Tuệ! Pháp thực, pháp trụ của các Đức Phật Như Lai chẳng phải là thân ăn uống, chẳng phải thân trụ ở tất cả các thức ăn thức uống, lìa khỏi các của cải ưa thích... xa lìa tất cả tội lỗi của tập khí phiền não, khéo phân biệt tâm, trí tuệ của tâm, Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, thấy các chúng sinh thương xót bình đẳng. Vậy nên, này Đại Tuệ! Ta thấy tất cả các chúng sinh bình đẳng giống như con một thì làm sao mà cho phép dùng thịt làm thức ăn. Ta cũng chẳng tùy hỉ, huống gì là tự ăn.

Này Đại Tuệ! Như vậy, tất cả hành hẹ tỏi nén hôi nhơ bất tịnh có thể làm chướng ngại đạo Thánh, cũng làm chướng ngại chỗ thanh tịnh của người trời ở thế gian, huống gì là quả báo cõi thanh tịnh của chư Phật. Rượu cũng như vậy, có thể làm chướng ngại Thánh đạo, có thể làm tổn hại nghiệp thiện, có thể sinh ra những tội lỗi. Vậy nên, này Đại Tuệ! Người đến với Thánh đạo thì rượu, thịt, hành, hẹ, tỏi nén... những thứ có thể tạo vị nồng đều chẳng nên ăn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Đại Tuệ Bồ-tát hỏi
Rượu, thịt, tỏi, nén, hành...
Phật rằng, là bất tịnh
Tất cả chẳng cho ăn.
Quỷ La-sát ăn nuốt
Chẳng phải của Thánh ăn
Người ăn, Thánh quở trách
Và tiếng ác lưu truyền
Nguyện Phật phân biệt nói
Tội phước ăn, chẳng ăn.

Này Đại Tuệ! Nghe kỹ.
Ta nói lỗi trong ăn
Rượu, thịt, hành, hẹ, tỏi
Là chướng đạo Thánh nhân
Ta xem trong ba cõi
Chúng đạt được đạo Thánh
Từ thế giới vô thủy
Đắp đổi đều thân thuộc
Làm sao ở trong ấy
Mà có ăn, chẳng ăn.
Quan sát chỗ thịt đến
Xuất xứ chẳng thanh tịnh
Sinh máu mủ trộn lẫn
Phân, giải mủ... hòa chung.
Người tu hạnh thanh tịnh
Phải quán, chẳng nên ăn
Đủ thứ thịt, hành hẹ...
Uống rượu cũng chẳng nên
Đủ loại tỏi và nén...
Người tu thường xa lìa
Xa lìa khỏi dầu mè
Giường thùng lỗ chẳng nằm
Các trùng nhỏ biết bay
Đoạn hai mạng người khác.
Ăn thịt tăng sức mạnh
Do lực sinh tà niệm
Tà niệm sinh tham dục
Nên chẳng cho ăn thịt
Do ăn thịt sinh tham
Lòng tham say mê hoặc
Mê say tăng ái dục
Chẳng giải thoát tử, sinh
Vì lợi giết chúng sinh
Vì thịt tìm của tiền
Nghiệp ác hai người đó
Chết đọa ngục kêu la
Ba thứ gọi tịnh nhục
Chẳng nghi, chẳng thấy nghe

Đời không thịt như vậy
Ăn thịt rơi vào trong
Nạn nhơ uế đáng chán
Thường sinh trong điên cuồng
Sinh vào nhà đồ tể
Chiên-đà-la, thợ săn
Hoặc sinh nữ La-sát
Và những chỗ ăn thịt.
La-sát và mèo, chồn...
Sinh trong loài ăn thịt
Kinh Tượng Dịch, Đại Vân
Kinh Niết-bàn, Thắng Man
Và kinh Nhập Lăng-già
Ta chẳng cho ăn thịt.
Phật, Bồ-tát, Thanh văn
Các vị cũng quở trách
Ăn thịt không hổ thẹn
Đời đời điên cuồng mãi.
Trước nói, nghi, thấy, nghe
Đã đoạn tất cả thịt
Vọng tưởng chẳng hiểu biết
Nên tưởng ăn thịt sinh.
Như lỗi tham dục đó
Chướng ngại Thánh giải thoát
Rượu, thịt, hành, tỏi, nén...
Thánh đạo đều bị ngăn
Chúng sinh đời vị lai
Với thịt, ngu nói rằng:
Thịt thanh tịnh không tội
Phật cho chúng ta ăn
Ăn thanh tịnh như thuốc
Giống như ăn thịt con
Tri túc sinh nhàm chán
Tu hành đi khất thực
Người Từ tâm an trụ
Ta nói, luôn lìa chán
Sư tử, sài lang, cọp
Thường hay đi, ở chung.

Ăn thịt người thấy sợ
Làm sao có thể ăn?
Vậy nên người tu hành
Tâm từ chẳng ăn thịt.
Ăn thịt đoạn tâm Từ
Lìa Niết-bàn giải thoát
Trái lời dạy Thánh nhân
Nên chẳng cho ăn thịt
Không ăn sinh Phạm chủng
Và những người tu đạo.
Trí tuệ và giàu sang
Ấy do chẳng ăn thịt.

-oOo-

Phẩm 17: ĐÀ-LA-NI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thánh giả Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ông nên lắng nghe, thọ trì chú kinh Lăng-già của ta. Thần chú này, các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã nói, nay nói và sẽ nói.

Này Đại Tuệ! Ta nay cũng nói. Ta vì các pháp sư thọ trì, đọc tụng Kinh Lăng-già mà nói chú:

Đâu đế đâu đế, chúc đế chúc đế, tô pha đế tô pha đế, ca đế ca đế, a ma lị, a ma đế, tỳ ma lê tỳ ma lê, ni di ni di, hề di hề di, bà mê bà mê, ca lê ca lê, ca la ca lê, a tề ma tề, già tề đâu tề, nhượng tề, tô phất tề, cát đệ cát đệ, ba đệ ba đệ, hề mễ hề mễ địa mễ địa mễ, la chế la chế, ba chế ba chế, bàn đệ bàn đệ, a chế di chế, trúc trà lê đâu trà đệ, ba la đệ, át kế át kế, chước kế chước kế lê lợi, nhỉ dương mễ, hề mễ hề mễ, trú trú trú trú, trừu súc trừu súc, trừu trừu trừu trừu, trừ trừ trừ trừ, tô bà ha.

Này Đại Tuệ! Đó gọi là câu văn chú trong kinh Đại Lăng-già. Thiện nam, thiện nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... có thể thọ trì đọc tụng câu văn này và vì người diễn nói thì không có người nào có thể tìm ra tội lỗi của những người ấy. Hoặc Trời, thiên nữ, hoặc rồng, rồng nữ, hoặc Dạ-xoa, Dạ-xoa nữ, A-tu-la, A-tu-la nữ, Ca-lâu-la, Ca-lâu-la nữ, Khẩn-na-la, Khẩn-na-la nữ, Ma-hầu-la-già, Ma-hầu-la-già nữ, Phù-đa, Phù-đa nữ, Cưu-bàn-trà, Cưu-bàn-trà nữ, Tỳ-xá-xà, Tỳ-xá-xà nữ, Ô-đa-la, Ô-đa-la nữ, A-ba-la, A-ba-la nữ, La-sát, La-sát nữ, Trà-già, Trà-già nữ, Ô-châu-hà-la, Ô-châu-hà-la nữ, Già-tra-phước-đa-la, Già-tra-phước-đa-la nữ, hoặc người, phi nhân, hoặc người nữ, chẳng phải người nữ... chẳng thể tìm

thấy tội lỗi của những người ấy. Nếu có quỷ thần ác làm tổn hại người mà muốn mau chóng khiến cho những ác quỷ đó đi thì tụng một trăm biến chú Đà-la-ni này. Những quỷ ác đó kinh sợ gào khóc vội vàng bỏ đi.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ta vì hộ trì Pháp sư ủng hộ pháp này lại nói Đà-la-ni!

Đức Phật nói chú:

–Ba đâu di, ba đầu di đề tỳ, hề ni hề ni hề nỉ chư lê, chư la, chư lệ, hầu la, hầu lệ, do lê, do la, do lệ, ba lệ, ba la, ba lệ, văn chế, ân điệt tần điệt bàn thể mạt điệt trì na, ca lê tô ba ha.

Này Đại Tuệ! Câu văn chú Đà-la-ni này, nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói thì không người nào có thể gây tạo tội lỗi cho họ. Hoặc trời hoặc thiên nữ hoặc rồng hoặc rồng nữ, Dạ-xoa, Dạ-xoa nữ, A-tu-la, A-tu-la nữ, Ca-lâu-la, Ca-lâu-la nữ, Khẩn-na-la, Khẩn-na-la nữ, Ma-hầu-la-già, Ma-hầu-la-già nữ, Càn-thát-bà, Càn-thát-bà nữ, Phù-đa, Phù-đa nữ, Cưu-bàn-trà, Cưu-bàn-trà nữ, Tỳ-xá-xà, Tỳ-xá-xà nữ, Ô-đa-la, Ô-đa-la nữ, A-bạt-ma-la, A-bạt-ma-la nữ, La-xoa, La-xoa nữ, Ô-thát-a-la, Ô-thát-a-la nữ, Già-tra-phước-đơn-na, Già-tra-phước-đơn-na nữ, hoặc người, hoặc phi nhân, hoặc người nữ phi nhân nữ... tất cả những người đó chẳng thể tìm được tội lỗi của họ.

Này Đại Tuệ! Nếu có người có thể thọ trì đọc tụng câu văn chú này thì người đó được gọi là tụng tất cả kinh Lăng-già. Vậy nên, ta nói câu chú Đà-la-ni này, vì ngăn chận tất cả các La-sát, hộ trì tất cả thiện nam, thiện nữ giữ gìn kinh này.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 9

Phẩm 18: TỔNG TRÌ (Phần 1)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ muốn nói lại nghĩa lý sâu xa của khế kinh:

Như cầm thú mê hoặc
Vào mùa hè thấy sóng
Các cầm thú ưa nước
Sóng nước không thật có
Cũng vậy, chủng tử thức
Thấy các cảnh giới động
Các chúng sinh ngu si
Như mắt nhặm thấy vật
Suy đi rồi nghĩ lại
Xa lìa sự tư duy
Thấy thật để phân biệt
Hiểu rõ, đắc giải thoát
Các pháp chẳng kiên cố
Hư vọng phân biệt sinh
Hư vọng phân biệt không
Nương kia không phân biệt
Năm ấm, thức, các pháp
Như bóng cây trong nước
Như huyễn, mộng vân vân
Trong thức chớ phân biệt
Huyễn khởi cơ quan ảo.
Mộng, điện chớp, mây bay
Dứt ba pháp tương tục
Chúng sinh đắc giải thoát
Nương các pháp tà niệm
Do đó có thức sinh
Tám, chín, vô số thức

Cũng như sóng trong nước
Nương pháp huân chủng tử
Kiên cố thường buộc thân
Tâm lưu chuyển cảnh giới
Như nam châm hít sắt
Nương tựa các chúng sinh
Thật tánh lìa hiểu biết
Xa lìa các việc làm
Lìa pháp hiểu và biết.
Hành Tam-muội như huyễn
Xuất các hạnh Thập địa
Ông quán tâm và pháp
Lìa tâm, cảnh, thức, tướng
Thời biết tâm thường chuyển
Tức thường trụ bất biến
Ở cung điện Liên hoa
Tướng cảnh giới như huyễn
Trụ Thắng xứ kia rồi
Đắc các hành tự tại
Như Ma-ni hiện sắc
Làm việc độ chúng sinh
Không hữu vi, vô vi
Trừ các tâm phân biệt
Người ngu do cố chấp
Như Thạch nữ mong con.
Tịch tĩnh và vô sinh
Năm ấm, nhập tương tục
Nhân duyên các cảnh giới
Không, có và chẳng có
Ta nói các phương tiện
Thật tướng không như vậy
Người ngu chấp thật có
Không có tướng năng, sở
Ta hiểu hết các pháp
Mà không hề hiểu hết.
Ta quán tất cả pháp
Mà không quán tất cả
Ta có Nhất thiết trí

Mà không Nhất thiết trí
Người ngu do phân biệt
Tự nói là Thế trí.
Ta chưa từng giác ngộ.
Chưa giác ngộ chúng sinh
Các pháp chỉ nhất tâm
Các ấm như hoa đốm
Các tướng rốt cục không
Nơi nào có phân biệt
Vật mới sinh vốn không.
Trong các duyên cũng không
Hoa đốm, con tượng đá
Nếu biết được hữu vi
Bấy giờ kiến, sở kiến
Thấy pháp mê tức trụ
Ta không vào Niết-bàn
Không diệt các nghiệp tướng
Diệt các thức phân biệt
Đó ta vào Niết-bàn
Chẳng diệt các pháp tướng
Người ngu vọng phân biệt
Như nước bỗng cạn kiệt
Bấy giờ sóng không sinh
Như các thức diệt mất
Diệt mất không sinh lại
Không và không thức tướng
Như huyễn vốn không sinh
Có, không, lìa có, không
Các pháp này như mộng
Ta nói một thật pháp
Lìa xa các Giác quán
Vi diệu cõi Thánh nhân
Lìa hai pháp thể, tướng.
Như thấy lửa đom đóm
Tướng lửa ấy không thật
Thế gian thấy bốn đại
Tướng ấy cũng như vậy
Như nương cỏ, cây, đá

Hiện bày các tướng huyễn
Huyễn kia không thật tướng
Thể các pháp cũng vậy.
Chấp giữ, không chấp giữ
Không buộc, không giải thoát
Như huyễn, như sóng nắng
Như mộng, mắt nhặm thấy
Nếu thật thấy như vậy
Lìa các sự phân biệt
Tức trụ định như thật
Ngã, kiến kia không si
Trong ấy không tâm thức
Như sóng nắng, hư không
Như vậy biết các pháp
Mà không biết một pháp
Lìa các duyên có, không
Nên các pháp không sinh
Ba cõi, tâm mê hoặc
Cho nên hiện các loại
Mộng và pháp thế gian
Hai pháp này bình đẳng
Sở và tư kiến sinh
Các xúc cùng với lượng
Thân thế gian vô thường
Tất cả sắc cũng vậy
Bậc Thánh trong cõi đời
Nói mọi việc như thế
Chúng sinh trong ba cõi
Tâm mê thấy hai thời
Trí thế gian phân biệt
Thật pháp không như vậy
Thấy thế gian như thế
Hay xa lìa sinh tử
Sinh cùng với không sinh
Người ngu mê hoặc thấy
Không sinh và không diệt
Người tu trí tuệ thấy
Cảnh giới sắc cứu cánh

Xa lìa các ác hạnh
Thường hành không phân biệt
Lìa pháp tâm, tâm sở
Đắc lực, thông, tự tại
Đến chỗ các Tam-muội
Nơi đây thành Chánh giác
Trong ấy thành hóa Phật
Các pháp không sinh diệt
Các pháp thể như vậy
Ứng, hóa vô lượng ức
Thể kia trong xuất thế.
Người ngu nghe Phật pháp
Như tiếng vang không nghĩ
Xa lìa đầu, giữa, sau
Lìa pháp có và không
Biến bất động, thanh tịnh
Không các tướng, hiện tướng
Thức, tánh che Pháp thân
Tất cả thân trong hữu
Mê hoặc là huyễn có
Huyễn chẳng do mê hoặc
Tâm không mê hoặc pháp
Cũng chẳng phải có, không
Tâm nương hai pháp buộc
Thức A-lại-da sinh
Nhưng tâm thấy như vậy
Ngã, pháp như nước chảy
Quán thế gian như thế
Bấy giờ chuyển các tâm
Mới là ngã chân thật
Thành tựu thật pháp hành
Nóng, ấm và kiên, động
Người ngu phân biệt pháp
Chẳng thật, chuyên nghĩ có
Không năng tướng, sở tướng
Tám thức và một thân
Hình tướng và các căn
Người ngu phân biệt sắc

Lưới mê hoặc giăng thân
Các nhân duyên hòa hợp
Người ngu do phân biệt
Không biết pháp như vậy
Luân chuyển trong ba cõi
Các pháp và ngôn ngữ
Là chúng sinh phân biệt
Mà các pháp là không
Như huyễn, mộng vân vân
Quán các pháp như vậy
Không trụ thế, Niết-bàn
Vô số chủng tử tâm
Hiện thấy cảnh giới tâm
Sở kiến phân biệt sinh
Người ngu ưa hai pháp
Vô minh, ái và hành
Là nhân tâm, tâm pháp
Nương tha lực pháp sinh
Nên nói pháp tha lực
Nương pháp rồi phân biệt
Tâm mê hoặc cảnh giới
Nên không thành phân biệt
Mê hoặc phân biệt sai
Tâm vì duyên trói buộc
Cho nên sinh các thân
Nếu lìa các nhân duyên
Ta nói không thấy pháp
Lìa các pháp nhân duyên
Lìa nơi các pháp tướng
Không trụ trong các pháp
Ta nói không thấy cảnh
Như vua, trưởng giả thảy
Dùng các loại cầm thú
Hội tụ trong đồng trống
Để chỉ dạy các con
Ta nói các pháp tướng
Như gương soi hình ảnh
Nội thân trí vì con

Nói về pháp Thật tế
Như biển cả nổi sóng
Do từ gió sinh ra
Hiện tại hay biến đổi
Mà không có đoạn tuyệt
Thức A-lại-da thường
Nương gió cảnh giới sinh
Vô số sóng nước thức
Biến chuyển sinh không dứt
Tướng năng thủ, sở thủ
Chúng sinh thấy như vậy
Không các tướng sở kiến
Không đạo thấy như vậy
Bản thức A-lại-da
Ý cùng với ý thức
Lìa năng thủ, sở thủ
Ta nói tướng như vậy
Năm ấm vốn vô ngã
Và không nhân, chúng sinh
Sinh tức các thức sinh
Diệt tức các thức diệt
Như trong tranh cao, thấp
Sở kiến không như vậy
Như thấy các vật thể
Tướng thấy không như vậy
Như thành Càn-thát-bà
Cầm thú khát thích nước
Như vậy kiến, sở kiến
Trí quán không như vậy
Lìa sở lượng và tưởng
Không nhân, chẳng phải quả
Lìa năng giác, sở giác
Lìa năng kiến, sở kiến
Nương ấm, nhân duyên hiểu
Không nhân kiến, sở kiến
Nếu không kiến, sở kiến
Tại sao tu pháp ấy?
Nhân duyên, nhân, thí dụ

Lập ý và nhân duyên
Mộng thành Càn-thát-bà
Sóng nắng và trời, trăng
Dụ ánh sáng đều huyễn
Ta ngăn các pháp sinh
Như mộng huyễn, mê hoặc
Không phân biệt chúng sinh
Không nương vào ba cõi
Trong, ngoài cũng đều không
Thấy các cảnh không sinh
Mới đắc Vô sinh nhẫn
Đắc Tam-muội như huyễn
Cùng với thân Như ý
Thần thông và Tự tại
Cả thảy tâm, pháp lực…
Các pháp vốn không sinh
Không, không pháp, thể, tướng
Người kia mê không biết
Tùy nhân duyên sinh diệt
Như người ngu phân biệt
Tâm thấy nơi tự tâm
Thấy các tướng bên ngoài
Thật không thể thấy pháp
Thấy tướng xương, tượng Phật
Và các đại lìa tan
Tâm giác ngộ hay biết
Ở trong tướng thế gian
Do duyên thân hiện hữu
Chấp giữ ba loại cảnh
Cảnh giới thức thủ thức
Ý, thức, phân biệt ba
Phân biệt, sở phân biệt
Nên có từ cảnh giới
Không thể thấy thật pháp
Mê lầm kia không thấy
Các pháp không tự thể
Người trí khéo nhận biết.
Các hành mới chấm dứt

Trụ ở chỗ vô tướng
Như dùng mực vẽ gà
Ngu chấp gà của ta
Phàm phu ngu si chấp
Ba thừa đồng là một
Không có các Thanh văn
Cũng không Bích-chi-phật
Đã thấy sắc Thanh văn
Và thấy chư Như Lai
Các Bồ-tát đại Bi
Thị hiện hóa thân ấy
Ba cõi chỉ là tâm
Lìa hai loại thể, tướng
Chuyển biến các tướng kia
Đó tức là Chân như
Hành tướng pháp và nhân
Ánh sáng mặt trời, trăng
Các Ma-ni, châu báu
Không phân biệt các việc
Phật pháp cũng như vậy
Như bệnh thấy hoa đốm
Do đó sinh phân biệt
Ngu si hư vọng chấp
Lìa nơi sinh, trụ, diệt
Lìa thường và vô thường
Bỏ sở kiến, nhiễm, tịnh
Như hoa đốm trong không
Như người lấy cỏ thuốc
Thấy cây cỏ trên đất
Tất cả như sắc vàng
Người ấy không có vàng
Như vậy người ngu si
Vô thủy tâm nhiễm pháp
Sóng nắng, huyễn, tưởng có
Người ngu chấp là thật
Một loại và không loại
Biển cả, một chủng tử
Cũng vô lượng chủng tử

Ngươi quán chủng tử tâm
Một chủng tử thanh tịnh
Chuyển sang không chủng tử
Bình đẳng không phân biệt
Khởi tức là sinh tử
Hay sinh các chủng tử
Cho nên nói chủng tử
Nhân duyên không sinh pháp
Nhân duyên không diệt pháp
Sinh pháp chỉ nhân duyên
Tâm phân biệt như vậy
Ba cõi chỉ giả danh
Thật không, sự, pháp, thể
Người hiểu nhầm phân biệt
Chấp giả danh là thật
Quán thật thể các pháp
Ta không ngăn mê hoặc
Thật thể không sinh pháp
Quán vậy đắc giải thoát
Ta không thấy huyễn, không
Nói các pháp là có
Chuyển biến nhanh như chớp
Cho nên nói như huyễn
Chẳng bản sinh, thủy sinh
Các nhân duyên không thể
Không có xứ và thể
Chỉ có nơi ngôn ngữ
Không ngăn duyên sinh, diệt
Không chận duyên hòa hợp
Ngăn các ngu si thấy.
Phân biệt nhân duyên sinh
Thật không thức, thể, pháp
Không sự và bản thức
Người ngu sinh phân biệt
Như thây chết nhận biết
Ba cõi chỉ là tâm
Các Phật tử thường thấy
Tức đắc các loại thân

Lìa các pháp hữu vi
Đắc thần thông tự tại
Và cùng pháp tương ưng
Hiện bày tất cả sắc
Tâm pháp sinh như vậy
Mà không tâm và sắc
Vô thủy tâm mê hoặc
Bấy giờ người tu hành
Được thấy nơi vô tướng
Trong trí tuệ quán sát
Không thấy các chúng sinh
Giả gọi tướng và sự
Ý chấp các pháp động
Các con ta mê lầm
Không phân biệt tu hành
Thành Càn-thát-bà, huyễn
Hoa đốm và sóng nắng
Không thật mà thấy thật
Thể các pháp như vậy
Như tâm thấy các pháp
Thể, tướng không như vậy
Tất cả pháp không sinh
Chỉ thấy pháp mê hoặc
Không đường mê phân biệt
Để trụ nơi hai pháp
Lúc đầu thức phân biệt
Các thứ chủng tử xấu
Thức như nước tuôn chảy
Đoạn nó tức không sinh
Tất cả pháp quán, niệm
Hoặc chỉ trong tâm sinh
Như hư không trong tường
Tại sao mà không sinh
Nếu có chút quán Tướng
Tâm tức từ duyên sinh
Nếu theo nhân duyên sinh
Không được nói duy tâm
Tâm chấp lấy tự tâm

Không pháp cũng không duyên
Thể tâm, pháp thanh tịnh
Trong hư không chẳng có
Hư vọng chấp tâm mình
Cho nên tâm hiện sinh
Ngoài pháp không thể thấy
Cho nên nói duy tâm
Bản thức chỉ là tâm
Ý hay niệm cảnh giới
Hay giết các cảnh giới
Nên ta nói duy tâm
Tâm pháp thường Vô ký
Ý chấp tướng có, không
Chấp hiện pháp là thức
Đó là thiện, bất thiện
Lìa hai loại thức, tướng
Là đệ "Nhất nghĩa đế"
Nói ba thừa sai khác
Tịch tĩnh không phải tướng
Nếu tâm trụ tịch tĩnh
Liền đến nơi Phật địa
Đây, quá khứ Phật nói
Hiện, vị lai cũng vậy
Một đến bảy Tâm địa
Tịch tĩnh Địa thứ tám
Địa thứ hai: Hành xứ
Địa kia là: Ngã Pháp
Nội thân mình thanh tịnh
Là ở Địa tự tại
Chỗ cứu cánh Tự tại
Hiện cõi Sắc cứu cánh
Ví như ngọn lửa cháy
Thì phát ra ánh sáng
Các loại tâm đáng ưa
Hóa tạo nơi ba cõi
Hoặc có sinh, có hóa
Mà hóa tạo ba cõi
Nơi kia nói các pháp

Là ở Địa tự tại
Các Địa không thời tiết
Cõi nước chuyển cũng vậy
Vượt các pháp: Tâm, địa
Là trụ quả Tịch tĩnh
Thật không mà gọi có
Nên thấy đủ các loại
Người ngu điên đảo chấp
Các thứ điên đảo này
Như trí vô phân biệt
Có việc bất tương ưng
Tâm không trụ các sắc
Cho nên không phân biệt
Các Thiền và vô lượng
Cùng Tam-muội Vô sắc
Diệt hết thảy các tướng
Cho nên trong tâm không
Pháp quả Tu-đà-hoàn
Tư-đà, A-na-hàm
Và quả A-la-hán
Tất cả tâm mê hoặc
Sát-na, không, vô thường
Ngu phân biệt hữu vi
Thí dụ sông chủng tử
Phân biệt nghĩa sát-na
Sát-na không phân biệt
Lìa các pháp tạo tác
Tất cả pháp không sinh
Ta nói nghĩa sát-na
Nói có, không và sinh
Pháp tăng thảy vọng nói
Tất cả pháp vô ký
Cũng là người kia nói
Có bốn cách thuyết pháp
Đáp bằng cách hỏi lại
Đáp phân biệt sai biệt
Im lặng ngăn ngoại đạo
Thế đế tất cả có

Không có Đệ nhất nghĩa
Mà thật tướng, vô tướng
Là Đệ nhất nghĩa đế
Thấy nơi pháp hư vọng
Cho nên nói Thế đế
Do nơi ngôn ngữ sinh
Thật thể không như vậy
Không sự, có ngôn ngữ
Trong Thế đế thật không
Tức là sự điên đảo
Sở kiến cũng là không
Nếu có sự điên đảo
Tịch tĩnh rốt cục không
Nương nơi sự điên đảo
Cùng thấy các pháp sinh
Cuối cùng định là không
Tức là không thể, tướng
Đủ các loại sở kiến
Huân tập phiền não sinh
Tâm mê thấy bên ngoài
Liền chấp cảnh trước mắt
Phân biệt, không phân biệt
Thật tướng pháp Không này
Các tướng như bóng huyễn
Như cây lá bằng vàng
Người thấy, người được thấy
Tâm vô minh huân tập
Thánh nhân không thấy mê
Cũng không hề thấy thật
Mê hoặc tức là thật
Thấy thật tức trung đạo
Xa lìa các mê hoặc.
Nếu hay sinh các tưởng
Đó tức là mê hoặc
Như mù lòa không sáng
Mắt nhặm thấy hoa đốm
Nương mê, chấp các pháp
Ở trong các cảnh giới

Ngu si chấp pháp này
Các pháp như hoa đốm
Sóng nắng, nước, mê hoặc
Ba cõi như mộng huyễn
Tu hành đắc giải thoát.
Phân biệt, bị phân biệt
Hay sinh với phân biệt
Buộc, trói buộc và nhân
Sáu loại nhân giải thoát
Không có Địa, các Đế
Không cõi nước, hóa thân
Thanh văn, Bích-chi-phật
Chỉ là tâm phân biệt
Thân thể và năm ấm
Các duyên và bụi trần
Người thù thắng tự tại
Chỉ là tâm phân biệt
Tâm biến khắp mọi nơi
Cùng khắp đều là tâm
Do tâm không biết xét
Tâm tánh không các tướng
Trong năm ấm không ngã
Trong ngã không năm ấm
Phân biệt không phải pháp
Mà pháp kia chẳng không
Như ngu si phân biệt
Có tất cả các pháp
Như vậy thấy thật có
Tất cả đều thấy thật
Tất cả pháp nếu không
Không nhiễm cũng không tịnh
Ngu si thấy như thế
Pháp kia không như vậy
Ngu si phân biệt tướng
Là tha lực phân biệt
Tướng kia đã có danh
Danh này phân biệt tướng
Danh, tướng là phân biệt

Nhân duyên, Sự hòa hợp
Nếu không sinh tâm kia
Là tướng Đệ nhất nghĩa
Thật thể Báo thân Phật
Và Hóa thân của Phật
Chúng sinh và Bồ-tát
Khắp mười phương cõi nước
Tập khí, Pháp hóa Phật
Cùng với tạo Hóa Phật
Tất cả đều xuất hiện
Từ cõi Phật Di-đà
Ứng, Hóa để thuyết pháp
Báo thân Phật thuyết pháp
Giảng rộng về Khế kinh
Ngươi nên biết mật ý
Nếu có Phật tử nói
Giống như chư Như Lai
Đều là Hóa Phật nói
Chẳng phải người thuần thục
Các pháp này không sinh
Mà pháp ấy chẳng không
Thành huyễn Càn-thát-bà
Giống như mộng, ảo hóa
Các thứ tùy tâm chuyển
Chỉ Tâm chẳng pháp khác
Tâm sinh các pháp sinh
Tâm diệt các pháp diệt
Chúng sinh vọng phân biệt
Không vật mà thấy vật
Vô nghĩa chỉ là không
Không phân biệt, giải thoát
Xa xưa thường hý luận
Nương dựa nơi phiền não
Các phân biệt huân tập
Cho nên tà kiến sinh
Thức không phân biệt nghĩa
Là cảnh trí Chân như
Chuyển kia là Tịch tĩnh

Là cảnh giới các Thánh
Quán sát nghĩa tư duy
Tư duy các phàm phu
Tư duy niệm Chân như
Tư duy chư Phật tịnh
Phân biệt thể các pháp
Tất cả pháp không sinh
Nương nhân duyên tha lực
Chúng sinh mê phân biệt
Tha lực nếu thanh tịnh
Lìa phân biệt tương ưng
Chuyển kia tức Chân như
Lìa phân biệt hành ấy
Chớ phân biệt, phân biệt
Phân biệt là không thật
Pháp phân biệt mê vọng
Chấp, sở chấp không dứt
Thấy ngoại cảnh, phân biệt
Phân biệt thực thể ấy
Tâm phân biệt, phân biệt
Pháp kia do duyên sinh
Tà kiến thấy ngoài nghĩa
Không nghĩa chính là tâm
Quán suy xét tương ưng
Hay diệt chấp, sở chấp
Không có các ngoại cảnh
Ngu si vọng phân biệt
Tâm huân tập tăng trưởng
Tợ như sinh các pháp
Diệt hai loại phân biệt
Cảnh giới trí chân như
Sinh nơi vô pháp tướng
Cảnh Thánh không tư nghì
Danh, tướng và phân biệt
Thật thể hai loại tướng
Chánh trí và Chân như
Thành tựu thật thể này
Nương cha, mẹ hòa hợp

Cùng thức A-lại-da
Như bình, sữa, chuột thảy
Cùng tháng ngày tăng trưởng
Như thây chết sình thối
Bất tịnh chảy tràn ra
Bốn Đại nghiệp Phong tăng
Như các quả chín muồi
Năm và năm lăm thứ
Và chín lỗ bài tiết
Các móng, lông che đậy
Như vậy tăng trưởng sinh
Như trùng sinh trong phẩn
Như người thức trong mộng
Mắt thấy sắc khởi niệm
Phân biệt tăng trưởng sinh
Phân biệt và chuyên nghĩ
Đoạn răng, môi hòa hợp
Miệng mới nói ngôn ngữ
Như oanh vũ cất tiếng
Các ngoại đạo nói định
Đại thừa không quyết định
Nương định tâm chúng sinh
Tà kiến không thể gần
Nội chứng trí, thừa ta
Mê hiểu không cảnh giới
Sau khi Phật diệt độ
Ai trì là nói pháp
Như Lai diệt độ rồi
Vị lai sẽ có người
Này Đại Tuệ! Ông lắng nghe
Có người đem pháp ta
Về nước lớn phương Nam
Có Đại đức Tỳ-kheo
Tên Bồ-tát Long Thọ
Phá chấp có, chấp không
Vì người nói pháp ta
Pháp Đại thừa Vô thượng
Chứng đắc địa Hoan hỷ

Sinh về nước An lạc
Trí tuệ quán sát pháp
Không thấy thật thể pháp
Cho nên chẳng thể nói
Và cũng nói không thể
Nếu nhân duyên sinh pháp
Không được nói có, không
Trong nhân duyên có vật
Ngu phân biệt có, không
Tà kiến hai tà pháp
Tà biết lìa pháp ta
Danh tự tất cả pháp
Vô lượng kiếp thường học
Đã học lại càng học
Mê cùng nhau phân biệt
Nếu không nói các danh
Thế gian nhiều mê hoặc
Cho nên nói danh tự
Vì trừ nghiệp mê hoặc
Nương ba loại phân biệt
Ngu si phân biệt pháp
Nương danh, mê phân biệt
Cùng nhân duyên thường sinh
Tự tánh như hư không
Pháp không thể là thể
Tướng phân biệt tức thể
Ảnh tượng và huyễn, mộng
Sóng nắng và âm vang
Vòng sáng Càn-thát-bà
Các pháp như vậy sinh
Chân như, không không hai
Thật tế và pháp, thể
Ta nói không phân biệt
Thành tựu pháp tướng kia
Khẩu, tâm, cảnh hư vọng
Thật mới lập hư vọng
Tâm rơi vào Nhị biên
Cho nên lập phân biệt

Rơi vào nơi có, không
Ở nơi cảnh giới tâm
Xa lìa các cảnh giới
Bấy giờ chính tâm diệt
Xa lìa cảnh giới Chấp
Diệt kia chẳng có, không
Như cảnh giới Thánh nhân
Người ngu không thể biết
Có diệt, trụ, Chân như
Người trí tuệ hay biết
Như các pháp trụ kia
Người trí hay biết được
Thể, pháp không như vậy
Do các pháp không tướng
Người ngu si thấy sắt
Phân biệt đó là vàng
Chẳng phải vàng, thấy vàng
Như ngoại đạo chấp pháp
Không nói ban đầu sinh
Ban đầu sinh sau diệt
Từ nhân duyên có, không
Thuyết này ta chẳng dạy
Pháp không đầu không cuối
Không như tướng trụ này
Như tướng trụ thế gian
Người tà kiến không biết
Pháp quá khứ là có
Pháp vị lai chẳng không
Pháp hiện tại cũng vậy
Không nên nói pháp sinh
Thời chuyển và tướng hành
Các đại và các căn
Hư vọng chấp trung ấm
Nếu chấp không giác ngộ
Tất cả Phật Thế Tôn
Không nói nhân duyên sinh
Nhân duyên tức thế gian
Như thành Càn-thát-bà

Chỉ pháp duyên hòa hợp
Nương pháp này, sinh pháp.
Lìa các pháp hòa hợp
Không diệt cũng không sinh
Trong gương và trong nước
Mắt và báu Ma-ni
Nhìn thấy hình trong gương
Các hình tượng là không
Như thú ái sóng nước
Thấy đủ loại các sắc
Tất cả tợ như có
Như mộng, con Thạch nữ
Thừa ta chẳng Đại thừa
Không tiếng cũng không tên
Không Đế, không giải thoát
Không cảnh giới Tịch tĩnh
Nhưng pháp Đại thừa ta
Các Tam-muội tự tại
Được các thân như ý
Hoa tự tại trang nghiêm
Một thể và khác thể
Trong nhân duyên không pháp
Lược nói các pháp sinh
Rộng nói các pháp diệt
Không sinh, không là một
Mà sinh, không là hai
Không sinh, không tối thắng
Sinh, diệt tức là không
Chân như, không, thực tế
Niết-bàn cùng pháp giới
Thân và ý vân vân
Ta nói nhiều pháp khác
Kinh luận và giới luật
Phân biệt ngã thanh tịnh
Nương danh không nương nghĩa
Kia không biết vô ngã
Không ngoại đạo, không Phật
Vô ngã cũng như vậy

Theo duyên nên có pháp
Tại sao không các pháp?
Người nào thành tựu pháp
Từ nhân duyên nói không
Thuyết pháp sinh tà kiến
Vọng phân biệt có, không
Nếu người thấy không sinh
Cũng thấy pháp không diệt
Người ấy lìa có, không
Thấy thế gian tịch diệt
Chúng sinh phân biệt kiến
Sở kiến như sừng thỏ
Phân biệt là mê hoặc
Như thú ưa sóng nước
Hư vọng phân biệt pháp
Nương thấy kia phân biệt
Phân biệt không nhân duyên
Không nhân không phân biệt
Không nước, chấp có nước
Như thú vọng sinh ái
Ngu si thấy như vậy
Bậc Thánh không như thế
Thánh nhân thấy thanh tịnh
Đạt được ba giải thoát
Lìa các pháp sinh tử
Tu hành chỗ tịch tĩnh
Phương tiện rất an lạc
Biết cõi nước vi diệu
Ta nói, vì các ông
Không vì những Tiểu thừa
Ba cõi là vô thường
Không, vô ngã, lìa ngã
Đồng tướng và biệt tướng
Vì Thanh văn, ta nói
Không chấp tất cả pháp
Lìa thế gian "độc hành"
Ta nói quả Duyên giác
Chẳng phải cảnh suy lường

Phân biệt thật thể ngoài
Từ tha lực nên sinh
Thấy tự thân mê hoặc
Bấy giờ chuyển các tâm
Thập địa tức Sơ địa
Sơ địa tức Bát địa
Cửu địa tức Thất địa
Thất địa tức Bát địa
Nhị địa tức Tam địa
Tứ địa tức Ngũ địa
Tam địa tức Lục địa
Tịch tĩnh không trước sau
Các pháp thường tịch tĩnh
Tu hành là không pháp
Pháp có, không bình đẳng
Bấy giờ chứng quả Thánh
Các pháp không thể, tướng
Sao đối với pháp vô
Mà hay nói bình đẳng
Tịch tĩnh không phân biệt
Nếu không thấy các tâm
Pháp động trong và ngoài
Bấy giờ các pháp diệt
Đã thấy tâm bình đẳng
Ngu lưu chuyển vô thủy
Ôm giữ chấp các pháp
Cuồng chuyển theo phàm phu
Như dùng nêm, bật nêm
Nương quán và nhân kia
Cùng ý chấp cảnh giới
Nương nơi chủng tử thức
Nương vào tâm tạo tác
Chứng đắc và an trú
Tùy chủng loại thân đắc
Và sở đắc trong mộng
Có bốn loại thần thông
Đắc thần thông trong mộng
Cùng với ân chư Phật

Chấp chủng loại thân đắc
Thần thông ấy không thật
Tâm huân, chủng tử huân
Tợ có pháp chuyển sinh
Người ngu không trí giác
Nếu nói có pháp sinh
Phân biệt với ngoại vật
Thành tựu tướng các pháp
Bấy giờ tâm mê muội
Không thấy, tự mê hoặc
Cớ sao nói về sinh
Do đâu nói không thấy
Không chỗ thấy mà thấy
Nguyện xin vì con, nói
Đối với những người nào
Nói pháp nào là có?
Đối với những người nào
Nói pháp nào là không?
Tâm, thể tự thanh tịnh
Ý khởi các ô trược
Ý và tất cả thức
Hay làm huân chủng tử
Xuất thân A-lại-da
Ý tìm cầu các pháp
Ý thức chấp cảnh giới
Mê hoặc thấy tham chấp
Tự tâm chỗ thấy pháp
Ngoại pháp, không ngoại pháp
Mê hoặc quán như vậy
Thường nhớ nghĩ Chân như
Cảnh giới người tu Thiền
Sự nghiệp lớn của Phật
Ba việc không nghĩ bàn
Cảnh giới bậc Trí tuệ
Quá khứ, hiện, vị lai
Niết-bàn và hư không
Ta nương tục đế, nói
Chân đế không danh tự

Hai thừa và ngoại đạo
Chấp trước nơi tà kiến
Mê muội ở trong tâm
Phân biệt nơi ngoại pháp
Phật, Duyên giác, Bồ-tát
La-hán thấy chư Phật
Tâm Bồ-đề kiên cố
Và thành tựu trong mộng
Ở đâu và những gì
Vì sao và nhân gì
Việc làm và nghĩa gì
Nguyện vì con, giảng nói
Tâm huyễn bỏ tịch tĩnh
Nói bè đảng có, không
Mê chấp chặt trong tâm
Nói có huyễn, không huyễn
Tướng sinh, diệt tương ưng
Tướng, sở tướng có, không
Phân biệt chỉ do ý
Và cùng với năm thức
Ảnh tượng, bọt nước thảy
Từ chủng tử tâm sinh
Nếu tâm cho đến ý
Và các thức không sinh
Thời đắc thân như ý
Cho đến quả vị Phật
Các duyên và ấm, giới
Tự thể tướng pháp này
Giả danh và nhân tâm
Như mộng, như hoa đốm
Thế gian như huyễn mộng
Nương tựa kiến chấp thật
Các tướng vốn tương ưng
Lìa các nhân quán xét
Nội tâm các Thánh nhân
Thường quán các diệu hạnh
Do mê che quán xét
Hiểu thế gian thật có

Lìa các pháp hý luận
Trí không trụ mê hoặc
Các pháp không thực thể.
Không và thường, vô thường
Tâm trụ nơi ngu si
Mê hoặc nên phân biệt
Người nói các pháp này
Chẳng phải nói "Vô sinh"
Một, hai, đối với hai
Bỗng nhiên tự tại có
Nương bụi trần thù thắng
Duyên phân biệt thế gian
Chủng tử ấy là thức
Y chỉ nhân kia sinh
Như nương hình bức tranh
Biết thật tức là diệt
Như người thấy nơi huyễn
Thấy sinh tử cũng vậy
Người ngu si mê ám
Buộc và giải thoát sinh
Nội tâm và ngoại tại
Các pháp và nhân duyên
Tu hành quán như vậy
Trụ ở nơi tịch tĩnh
Trong huân tập không tâm
Tâm không cùng huân tập
Tướng tâm không sai biệt
Huân tập ràng buộc tâm
Như huân tập tà kiến
Ý từ nơi thức sinh
Tâm sáng suốt cũng vậy
Nương huân tập không rõ
Như vật chẳng không vật
Ta nói hư không vậy
Trong thân A-lại-da
Lìa xa vật có, không
Ý thức chuyển diệt rồi
Tâm lìa xa pháp nhiễm

Hiểu biết tất cả pháp
Nên ta nói tâm Phật
Đoạn dứt nơi ba thừa
Lìa xa pháp có, không
Bốn tương ưng thế pháp
Các hữu đều như huyễn
Thể tướng hai pháp này
Bảy Địa từ tâm sinh
Ngoài ra cũng thành tựu
Hai Địa và Phật địa
Sắc giới, Vô sắc giới
Dục giới và Niết-bàn
Tất cả cảnh giới tâm
Không lìa ở trong thân
Nếu thấy các pháp sinh
Là pháp mê hoặc sinh
Biết tự tâm mê hoặc
Là các pháp không sinh
Thể tướng pháp không sinh
Sinh là đắm thế gian
Thấy các tướng như huyễn
Thể tướng pháp như vậy
Tự tâm hư vọng chấp
Chớ phân biệt các pháp
Vì si, vô trí, nói
Ba thừa với Nhất thừa
Và nói về không thừa
Các Thánh nhân tịch tĩnh
Pháp ta có hai loại
Pháp tướng và chứng đắc
Bốn loại tướng quán xét
Lập pháp quán tương ưng
Thắng hơn hình và tướng
Kiến mê hoặc phân biệt
Danh tự và hành xứ
Cõi thánh thật thanh tịnh
Phân biệt nương phân biệt
Nên có tướng phân biệt

Phân biệt lìa phân biệt
Thật thể cảnh giới Thánh
Thật thường hằng, bất biến
Sự tánh và thật thể
Chân như lìa tâm, pháp
Xa lìa nơi phân biệt
Nếu không pháp thanh tịnh
Cũng không có pháp nhiễm
Do có tâm thanh tịnh
Mà thấy có pháp nhiễm
Cảnh giới Thánh thanh tịnh
Cho nên không thật sự
Thể tướng các pháp này
Cảnh giới của Thánh nhân
Nhân duyên sinh thế gian
Lìa xa các phân biệt
Như huyễn, mộng vân vân
Thấy pháp đắc giải thoát
Huân tập các phiền não
Cùng tâm tương ưng sinh
Chúng sinh thấy ngoại cảnh
Chẳng phải thể tâm pháp
Tâm, pháp thường thanh tịnh
Chẳng phải mê hoặc sinh
Mê từ phiền não sinh
Cho nên tâm không thấy
Mê hoặc tức Chân thật
Chốn kia không đạt đến
Không ấm, không chốn kia
Như thật quán ấm, hành
Lìa tướng kiến, sở kiến
Nếu thấy pháp hữu vi
Thấy tự tâm thế gian
Người đó hay lìa tướng
Chớ thấy pháp duy tâm
Chớ phân biệt ngoại nghĩa
Trụ nơi Chân như quán
Vượt qua cảnh giới tâm

Qua cảnh giới tâm rồi
Xa lìa các tịch tĩnh
Tu hành trụ tịch tĩnh
Hành giả tịch tĩnh trú
Không thấy được Đại thừa
Tự nhiên gọi tịch tĩnh
Nương các nguyện thanh tịnh
Trí vô ngã tịch tĩnh
Nên quán cảnh giới tâm
Cũng quán cảnh giới trí
Quán cảnh giới trí tuệ
Không mê ở trong tướng
Cảnh giới tâm: Khổ đế
Cảnh giới trí là tập
Hai Đế và Phật địa
Là cảnh giới Bát-nhã
Đắc quả và Niết-bàn
Cùng với tám Thánh đạo
Biết rõ tất cả pháp
Đắc Phật trí thanh tịnh
Nhãn sắc cùng với Minh
Hư không cùng tâm, ý
Các pháp ấy hòa hợp
Thức từ Lại-da sinh
Thọ hay chấp, bị chấp
Không danh cũng không sự
Không do nhân phân biệt
Hoặc chấp nơi giác ngộ
Ở trong nghĩa không danh
Trong danh, nghĩa cũng vậy
Do không nhân mà sinh
Chớ phân biệt, phân biệt
Tất cả pháp không thật
Ngôn ngữ cũng như thế
Như nghĩa không, không không
Ngu si thấy pháp này
Vọng chấp là thật có
Tà kiến nói giả danh

Một pháp thành năm loại
Thật trí hay xa lìa
Năm loại tà pháp này
Vượt qua pháp có, không
Không cảnh giới tu hành
Là pháp của ngoại đạo
Không mong có tà pháp
Cũng không trông thấy ngã
Do tự biết thường pháp
Chỉ từ ngôn ngữ sinh
Thật đế không nói hết
Tịch diệt thấy các pháp
Nương thức A-lại-da
Hay chuyển sinh ý thức
Y chỉ nơi tâm, y
Thường sinh nơi chuyển thức
Nương hư, hư vọng thành
Chân như là tâm pháp
Như vậy người tu hành
Hay biết thể tâm tánh
Phân biệt thường, vô thường
Tướng ý cùng với sự
Sinh cùng với không sinh
Hành giả không nên chấp
Chớ phân biệt hai pháp
Thức từ Lại-da sinh
Một nghĩa hai pháp sinh
Không biết pháp như thế
Chấp pháp một và hai
Là cảnh giới phàm phu
Người thuyết và không thuyết
Không không để thấy tâm
Không thấy nơi tự tâm
Nên võng lưới kiến sinh
Các nhân duyên không sinh
Các căn cũng như vậy
Không giới và năm ấm
Không tham, không hữu vi

Vốn không có tạo nghiệp
Không tạo, không hữu vi
Không bỏ cũng không buộc
Không trói cũng không mở
Không vô ký, không vật
Không pháp, không phi pháp
Không thời, không Niết-bàn
Thể pháp cũng là không
Không Phật, không Thật đế
Không nhân cũng không qua
Không điên đảo, không diệt
Không diệt cũng không sinh
Mười hai chi cũng không
Biên, vô biên cũng vậy
Lìa xa các tà kiến
Cho nên nói duy tâm
Nghiệp phiền não và thân
Người tạo và quả báo
Như thành Càn-thát-bà
Sóng nắng, mộng vân vân
Trụ ở trong tâm pháp
Mà sinh các pháp tướng
Trụ ở trong tâm pháp
Mà thấy nơi đoạn, thường
Trong Niết-bàn không ấm
Không ngã cũng không tướng
Hội nhập chỉ là tâm
Giải thoát không chấp tướng
Thấy kia đâu lỗi lầm
Các chúng sinh thấy ngoài
Tâm chẳng có, chẳng không
Do huân tập không hiểu
Trong nhơ không thấy sạch
Trong sạch không thấy nhơ
Như mây che hư không
Bởi vậy tâm không thấy
Tâm hay tạo các nghiệp
Ở trong trí phân biệt

Tuệ hay quán tịch tĩnh
Đắc thể đại diệu pháp
Tâm chuyển theo cảnh giới
Trí nương giác quán sinh
Tịch tĩnh thắng cảnh giới
Tuệ hay ở trong hành
Tâm, ý và ý thức
Ở trong tướng phân biệt
Đắc thể không phân biệt
Hai thừa không chủng tử
Tịch tĩnh thắng nhân tướng
Trí tuệ Phật thanh tịnh
Thường sinh với Thắng trí
Đã lìa các hành tướng
Phân biệt có thể pháp
Pháp tha lực là không
Mê hoặc chấp phân biệt
Không phân biệt tha lực
Không các đại, có sắc
Có sắc, không các đại
Càn-thát-bà mộng huyễn
Thú khát không thích nước
Ta có ba loại tuệ
Được y chỉ Thánh nhân
Tâm sinh từ trong pháp
Cho nên không thấy tâm
Do duyên thân hiện hữu
Chúng sinh huân tập thấy
Nương tướng phân biệt kia
Mà nói về các pháp
Lìa hai thừa tương ưng
Lìa tuệ pháp tướng hiện
Hư vọng chấp lấy pháp
Thanh văn thấy nơi pháp
Hội nhập chỉ là tâm
Trí Như Lai không cấu
Hoặc thật và không thật
Pháp từ nhân duyên sinh

Một, hai tà kiến này
Rốt cục hay chấp trước
Tất cả các nhân duyên
Như huyễn không có thật
Như vậy tất cả tướng
Không thể thành phân biệt
Nương nơi tướng phiền não
Các phược từ tâm sinh.
Không biết pháp phân biệt
Tha lực phân biệt này
Đã có thể phân biệt
Tức là pháp Tha lực
Tất cả thấy phân biệt
Đối Tha lực phân biệt
Tục đế, Đệ nhất nghĩa
Thứ ba không nhân sinh
Phân biệt nói tương tục
Đoạn tức cảnh giới Thánh
Một việc người tu hành
Do tâm thấy tất cả
Tâm thể không ở kia
Cho nên phân biệt tướng
Như người bị nhặm mắt
Phân biệt các loại sắc
Không phải sắc phi sắc
Như ngu thấy Tha lực
Như vàng lìa bụi bặm
Như nước lìa bùn đục
Như hư không lìa mây
Tịnh phân biệt như vậy
Thanh văn có ba hạng
Ứng, Hóa và nguyện sinh
Lìa các cấu tham, si
Thanh văn từ pháp sinh
Bồ-tát cũng ba hạng
Chư Như Lai vô tướng
Trong tâm mỗi chúng sinh
Thấy tượng Phật Như Lai

Phân biệt không như vậy
Có thể pháp tha lực
Thấy hai thứ có, không
Thấy vậy nên phân biệt
Hoặc không phân biệt pháp
Tha lực làm sao có
Có xa lìa thể pháp
Thật có thể pháp sinh
Nương tựa nơi phân biệt
Mà thấy về Tha lực
Nương danh, tướng hòa hợp
Mà sinh ra phân biệt
Thường không được thành tựu
Sinh phân biệt Tha lực
Bấy giờ trí thanh tịnh
Thật thể Đệ nhất nghĩa
Phân biệt có mười loại
Tha lực có sáu loại
Chân như là nội thân
Cho nên không tướng khác
Năm pháp thật pháp này
Cùng ba loại thật tướng
Như vậy, người tu hành
Không hoại pháp Chân như
Hình tượng, mây và sao
Tợ như thể trăng, trời
Các chúng sinh thấy tâm
Sở kiến huân tập sinh
Các Đại không tự thể
Không năng kiến, sở kiến
Nếu sắc từ đại sinh
Các đại sinh các đại
Như vậy không sinh đại
Trong đại không bốn đại
Nếu quả là bốn đại
Do địa, thủy, hỏa, phong
Danh, sắc, thật và giả
Huyễn sinh tạo như vậy

Mộng và Càn-thát-bà
Thứ năm: thú ái nước
Xiển-đề trong năm loại
Các chủng tánh cũng vậy
Năm thừa và phi thừa
Niết-bàn có sáu loại
Ấm có hai mươi bốn
Sắc lại có tám loại
Phật có hai mươi bốn
Phật tử có hai loại
Pháp môn có trăm loại
Thanh văn có ba loại
Cõi chư Phật có một
Mà Phật cũng có một
Giải thoát có ba loại
Tâm suy tư có bốn
Vô ngã, ngã: sáu loại
Cảnh sở trí có bốn
Xa lìa các nhân duyên
Cũng lìa khỏi tà kiến
Trí nội thân lìa cấu
Pháp Đại thừa vô thượng
Sinh cùng với không sinh
Có tám đến chín loại
Một thời tuần tự chứng
Lập pháp duy nhất này
Vô sắc có tám loại
Thiền sai biệt: Sáu loại
Duyên giác và Phật tử
Thường chấp có bảy loại
Không có pháp ba đời
Thường, vô thường cũng vậy
Tạo nghiệp và quả nghiệp
Sự việc như trong mộng
Xưa nay Phật không sinh
Thanh văn cũng như vậy
Tâm lìa nơi sở kiến
Cũng thường như pháp huyễn

Thai sinh chuyển pháp luân
Xuất gia và Đâu-suất
Ở trong các cõi nước
Mà không sinh sở kiến
Hành hóa và chúng sinh
Thuyết pháp và Niết-bàn
Biết Thật đế, cõi nước
Từ pháp nhân duyên sinh
Thế gian, các rừng cây
Vô ngã, hành ngoại đạo
Thiền, thừa, A-lại-da
Nói quả không suy lường
Tánh mặt trăng, vì sao
Các vua, A-tu-la
Dạ-xoa, Càn-thát-bà
Do nghiệp mà phát sinh
Thay đổi không thể bàn
Lại nương duyên huân tập
Đoạn tuyệt các biến chuyển
Thời diệt tội, phiền não
Tất cả các Bồ-tát
Hành giả như thật tu
Không chứa các của báu
Vàng, bạc và voi, ngựa
Trâu, dê, nô tỳ thảy
Lúa, gạo cùng ruộng, nhà
Không nằm giường chạm trổ
Không được dùng bùn đất
Vàng, bạc, đồng đỏ, trắng
Chén, bát và đồ dùng
Hành giả tịnh tu hành
Tất cả: không được chứa
Y phục Kiền-xà-da
Tất cả: không được mặc
Ca-sa Khâm-bà-la
Phân ngựa, cỏ, lá, quả
Xanh, đỏ, bùn đất lỏng
Nhuộm hoại màu sắc trắng

Bùn đá cùng với sắt
Ngọc kha và lưu ly
Bát như vậy cho chứa
Vừa đủ lượng Ma-đà
Dùng y phục cắt rọc
Cho chứa dao bốn tấc
Cong như nửa mặt trăng
Không được học kỹ thuật
Người như thật tu hành
Không buôn bán ở chợ
Nếu cần, sai cư sĩ
Và các Ưu-bà-tắc
Thường hộ trì các căn
Biết rõ như thật nghĩa
Đọc tụng Tu-đa-la
Và học các Tỳ-ni
Không ăn cùng Bạch y
Người tu hành như vậy
Chỗ vắng và gò mã
Trong hang dưới rừng cây
Trong cỏ, rừng Thi-la
Cho đến ở ngoài đồng
Người như thật tu hành
Nên ở chỗ như thế
Ba y thường bên mình
Không chứa dư tiền của
Vì thân cần y phục
Mình, người đều cho nhận
Đi ra ngoài khất thực
Cũng không nhìn hai bên
Nhìn trước đất: thước sáu
An bình mà đi thẳng
Như ong hút mật hoa
Khất thực cũng như vậy
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Chúng tạp loạn trong chúng
Ta vì Phật tử nói
Đây là mưu sống ác

Hành giả như thật tu
Nơi này không được ăn
Vua, thái tử, vương tử
Đại thần và trưởng giả
Vì mong cầu ăn uống
Tất cả, không được đến
Nhà có tang, sinh con
Thân thuộc, nhà luyến ái
Chúng Tỳ-kheo tạp loạn
Người tu không cùng ăn
Khói chùa phòng không dứt
Thường làm các thức ăn
Vì người nên làm ra
Hành giả không nên ăn
Lìa bè đảng: Có, không
Năng kiến và Sở kiến
Hành giả quán thế gian
Lìa xa pháp sinh diệt
Tương ưng Lực Tam-muội
Và thần thông tự tại
Nếu không sinh phân biệt
Không lâu được Như pháp
Theo những bậc Tối thắng
Trong duyên chớ phân biệt
Các nhân duyên hòa hợp
Hành giả không phân biệt
Phân biệt các thế gian
Đều từ huân tập sinh
Hành giả như thật quán
Ba cõi như huyễn mộng
Chớ phân biệt ba cõi
Do duyên, thân hiện hữu
Lìa phỉ báng có, không
Cũng lìa thấy: Có, không
Ăn uống xem như thuốc
Thân tâm thường ngay thẳng
Nhất tâm chuyên cung kính
Phật và các Bồ-tát

Hành giả như thật tu
Nên biết tướng các Luật
Và các Tu-đa-la
Chọn lựa tướng các pháp
Năm pháp thể và tâm
Tu hành tướng vô ngã
Thanh tịnh nội Pháp thân
Các Địa và Phật địa
Như vậy người tu hành
Trụ nơi hoa sen lớn
Chư Phật đại Từ bi
Tay Như ý xoa đầu
Đi lại trong sáu đường
Các cõi sinh nhàm chán
Phát khởi hạnh như thật
Đến trong rừng Thi-đà
Thể tướng mặt trời, trăng
Cùng với tướng biển hoa
Hư không, lửa, các thứ
Người tu hành thấy pháp
Thấy các tướng như vậy
Chấp vào pháp ngoại đạo
Cũng thuận đạo Thanh văn
Và cảnh giới Duyên giác
Như vậy lìa tất cả
Trụ ở nơi tịch tĩnh
Lúc Phật Diệu Quang Minh
Ở nơi các cõi nước
Xoa đầu Bồ-tát kia
Diệu tướng xoa đầu này
Tùy thuận pháp Chân như
Ấy được thân vi diệu
Nhân thể pháp có, không
Lìa xa pháp thường, đoạn
Chê bai pháp có, không
Là phân biệt Trung đạo
Phân biệt không các nhân
Không nhân là đoạn kiến

Thấy tất cả ngoại pháp
Người này diệt Trung đạo
Không bỏ tướng các pháp
Sợ có tướng diệt mất
Chê bai pháp có, không
Như thế nói Trung đạo
Biết chỉ ở nội tâm
Không diệt nơi ngoại pháp
Chuyển hư vọng phân biệt
Tức là pháp Trung đạo
Duy tâm không sở kiến
Lìa nơi tâm không sinh
Tức là pháp Trung đạo
Ta và chư Phật nói
Sinh cùng với không sinh
Có vật, không vật, không.
Các pháp không tự thể
Chớ phân biệt hai pháp
Phân biệt là có pháp
Ngu phân biệt giải thoát
Không biết tâm phân biệt
Lìa hai tướng chấp thủ
Biết rõ tự tâm thấy
Thời xa lìa Nhị kiến
Như thật biết xa lìa
Không diệt tướng phân biệt
Thật biết tâm sở kiến
Thời biết phân biệt sinh
Không sinh các phân biệt
Là Chân như, lìa tâm
Lìa khỏi các ngoại đạo
Nếu thấy các pháp sinh
Người trí kia chấp giữ
Niết-bàn mà không diệt
Biết pháp này là Phật
Ta nói, các Phật nói
Nếu thấy các pháp khác
Là việc ngoại đạo nói

Không sinh hiện nơi sinh
Không mất thường hiện mất
Giống như trăng trong nước
Vạn ức cõi nước thấy
Một thân và vô lượng
Lửa cháy và mưa rơi
Tâm, tâm thể không khác
Nên nói chỉ là tâm
Trong tâm chỉ là tâm
Tâm không tâm mà sinh
Các loại sắc, hình tướng
Chỗ thấy chỉ là tâm
Phật và thân Thanh văn
Bích-chi-phật hết thảy
Và vô số sắc thân
Chỉ nói là nội tâm
Vô sắc giới không sắc
Sắc giới và địa ngục
Sắc hiện là chúng sinh
Chỉ là nhân duyên tâm
Pháp Tam-muội Như huyễn
Mà sinh thân Như ý
Thập địa, tâm tự tại
Đắc kia, Bồ-tát chuyển
Tự tâm phân biệt danh
Hý luận và dao động
Nương thấy, nghe sinh biết
Ngu si nương tướng biết
Tướng là thể tha lực
Nó nương danh phân biệt
Phân biệt các tướng này
Nương tha lực, pháp sinh
Trí tuệ quán các pháp
Không tha lực, không tướng
Rốt ráo không thành tựu
Trí nương đâu phân biệt
Hoặc có pháp thành tựu
Xa lìa pháp có, không

Xa lìa thể có, không
Hai thể làm sao có?
Phân biệt hai thể này
Hai thể này nên có
Phân biệt thấy tất cả
Cảnh giới Thánh thanh tịnh
Phân biệt là vô số
Phân biệt là Tha lực
Nếu người phân biệt khác
Rơi vào thuyết ngoại đạo
Phân biệt là phân biệt
Thấy là nhân, thể, tướng
Phân biệt nói phân biệt
Thấy là nhân, tướng sinh
Lìa hai thứ phân biệt
Tức là pháp thành tựu
Cõi nước Phật hóa thân
Nhất thừa và Tam thừa
Không Niết-bàn cả thảy
Không lìa tất cả sinh
Phật, ba mươi sai biệt
Mỗi sai biệt có mười
Tất cả khí thế gian
Nương tâm các chúng sinh
Như pháp tướng phân biệt
Hiện thấy vô số pháp
Pháp ấy không vô số
Phật pháp, thế gian vậy
Phật pháp là chân Phật
Ngoài ra nương hóa thân
Chủng tử các chúng sinh
Thấy tất cả tướng Phật
Nương mê hoặc buộc tâm
Hay sinh các phân biệt
Thật không lìa phân biệt
Và không xa lìa tướng
Thật thể và thọ lạc
Hóa thân tạo các thân

Chúng Phật ba mươi sáu
Là thật thể chư Phật
Như xanh, đỏ và muối
Ngọc kha, sữa, đường phèn
Hoa, lá, quả cả thảy
Như ánh sáng mặt trăng
Chẳng một cũng chẳng khác
Như sóng lớn trong nước
Bảy thức này cũng thế
Cùng hòa hợp với tâm
Như biển cả chuyển biến
Cho nên sóng dập dồn
A-lại-da cũng vậy
Danh, thức cũng như vậy
Tâm, ý và ý thức
Phân biệt nghĩa ngoại tướng
Tám tướng không sai biệt
Không thấy, không chỗ thấy.
Như sóng nước biển cả
Không có tướng sai biệt
Các thức đối với tâm
Chuyển biến không biết được
Tâm hay tạo các nghiệp
Ý hay sinh phân biệt
Ý thức hay biết pháp
Năm thức hư vọng thấy
Các màu xanh đỏ trắng…
Thức chúng sinh hiện thấy
Tướng sóng, nước với pháp
Ta vì ông nói rõ
Xanh, đỏ, trắng các loại
Trong sóng nước không thấy
Ngu si thấy các tướng
Nói là trong tâm chuyển
Trong tâm không thể này
Lìa tâm không thể thấy
Nếu có nơi sở chấp
Thì có nơi năng chấp.

Do duyên thân hiện hữu
Nói tương tự sóng nước
Thức chúng sinh hiện thấy
Sóng nước đều như nhau
Sóng nước biển nổi dậy
Uyển chuyển như nhảy múa
Bản thức chuyển như vậy
Tại sao biết không chấp
Ngu si không trí tuệ
Bản thức như sóng nước
Sóng nước chuyển tương đối
Cho nên nói thí dụ
Như mặt trời xuất hiện
Bình đẳng chiếu chúng sinh
Như đèn sáng Thế Tôn
Không vì ngu nói pháp
Trụ nơi pháp Chân như
Sao không nói thật pháp
Nếu nói về thật pháp
Trong tâm không thật pháp
Như sóng nước trong biển
Như gương và như mộng
Như cảnh giới tự tâm
Đều thấy không trước sau
Không cảnh giới nhất thời
Cho nên thứ lớp sinh
Thức hay biết các pháp
Ý lại hay phân biệt
Năm thức hiện thấy pháp
Tịch tĩnh không thứ lớp
Như họa sĩ ở đời
Và học trò học vẽ
Ta trụ ở pháp vi diệu
Vì thật tu hành, nói
Lìa phân biệt, phân biệt
Là thật trí nội thân
Ta nói cho Phật tử
Không nói cho kẻ ngu

Cũng như huyễn hết thảy
Sở kiến không như vậy
Nói các thứ cũng vậy
Nói cũng vậy, không vậy
Vì một người nói pháp
Không vì người khác nói
Như mỗi người mỗi bệnh
Thầy cho thuốc khác nhau
Chư Phật vì chúng sinh
Tùy tâm nói các pháp
Nương chủng tử ngoại pháp
Phân biệt thuyết hiện pháp
Tâm chấp pháp tha lực
Sở chấp là phân biệt
Nương nơi chủng tử tâm
Quán chấp ngoại cảnh giới
Hai loại chuyển mê hoặc
Lại không nhân thứ ba
Dùng mê hoặc không sinh
Nương pháp nào không sinh
Sáu mươi, mười tám pháp
Cho nên chỉ nói tâm
Tự tâm thấy ngoại pháp
Thấy ấy lìa xa ngã
Hoặc nhập tâm phân biệt
Hay lìa tướng các pháp
Nương vào A-lại-da
Hay sinh ra các thức
Ngu si nhập nội thân
Tâm thấy nơi ngoại nhập
Chấp ánh sáng ngôi sao
Như trong mộng thấy sắc
Hữu vi, vô vi thường
Không phân biệt như vậy
Thành huyễn Càn-thát-bà
Như cầm thú ưa nước
Không như vậy, thấy có
Pháp tha lực cũng vậy

Ngã, các căn, hình tướng
Ta nói ba loại tâm
Tâm, ý và ý thức
Xa lìa tướng, tâm, thể
Tâm, ý và y thức
Xa lìa tướng tự thể
Tâm, ý và ý thức
Không ngã, không hai thể
Năm pháp tự thể tướng
Là cảnh giới chư Phật
Tướng ấy có ba loại
Nương vào nhân huân tập
Như loại tơ năm sắc
Trên tường thấy đủ màu
Hai loại tâm vô ngã
Ý và các thức tướng
Năm loại pháp thể tướng
Tánh ngã không như vậy
Xa lìa tướng các tâm
Thức lìa nơi tướng ý
Thể các pháp như vậy
Là cảnh giới của ta
Lìa xa thể các pháp
Là tánh các Như Lai
Nghiệp thân, miệng và ý
Không tạo pháp trong sạch
Tánh Như Lai thanh tịnh
Xa lìa sự tu hành
Các thần thông tự tại
Sức Tam-muội trang nghiêm
Các loại ý sinh thân
Là tánh tịnh Như Lai
Biết trong thân lìa cấu
Lìa xa tướng các nhân
Bát địa và Phật địa
Là tánh các Như Lai
Viễn hành, Thiện tuệ địa
Pháp vân và Phật địa

Là tánh của Như Lai
Địa xen lẫn ba Thừa
Nương chúng sinh khác biệt
Và vì tướng ngu si
Vì nói bảy loại Địa
Nên Phật thuyết Tâm địa
Thân, miệng, ý, các chướng
Trong Thất địa, không thể
Diệu thân trong Bát địa
Như tướng mông, nước bọt
Bát địa và Ngũ địa
Học các loại kỹ thuật
Tất cả các Phật tử
Làm vua trong ba cõi
Sinh cùng với không sinh
Không phân không, bất không
Thật cùng với không thật
Trong tâm không như vậy
Đây thật, đây không thật
Chớ phân biệt thật ấy
Duyên giác và Thanh văn
Không vì Phật tử nói
Có, không có chẳng thật
Cũng không có tướng không
Giả danh và thật pháp
Trong tâm tất cả không
Nương tục đế có pháp
Đệ nhất nghĩa đều không
Không thật, mê hoặc pháp
Là các pháp tục đế
Tất cả pháp, không pháp
Ta nói đều giả danh
Ngôn ngữ và thọ dụng
Ngu si thấy là thật
Từ nơi pháp ngôn ngữ
Là thật có cảnh giới
Từ ngôn ngữ sinh pháp
Thấy pháp không như vậy

Như lìa tường không vẽ
Cũng như bóng lìa hình
Bản thức cũng như vậy
Như sóng nước không hiện
Cũng vậy, tâm như huyễn
Ý như kẻ lừa đảo
Ý cùng với năm thức
Phân biệt tựa năm sắc
Nói tu tập chân pháp
Có tập hợp, hóa hiện
Là nguồn gốc chư Phật
Ngoài ra Ứng, Hóa Phật
Tâm mê trong chỗ thấy
Chỗ thấy trong tâm không
Do duyên thân hiện hữu
Tức A-lại-da hiện
Tâm, ý và ý thức
Thật thể năm pháp này
Hai loại tịnh vô ngã
Chư Phật Như Lai nói
Hư vọng biết không cảnh
Và Thanh văn cũng vậy
Là cảnh giới nội thân
Chư Phật Như Lai thuyết
Dài, ngắn đối đãi nhau
Đây, kia nương nhau sinh
Có có thể thành không
Không có thể thành có
Và phân biệt bụi trần
Không phân biệt sắc thể
Nói chỉ là nơi tâm
Tà kiến không thanh tịnh
Trong đây phân biệt không
Không không cũng như vậy
Có, không chỉ phân biệt
Nói không thể như vậy
Vô số công đức hợp
Ngu si phân biệt sắc

Mỗi mỗi vi trần: không
Cho nên nghĩa không thật
Tự tâm thấy hình tướng
Chúng sinh thấy ngoại giới
Bên ngoài không chỗ thấy
Cho nên nghĩa không thật
Tâm như hoa đốm huyễn
Thành Càn-thát mộng ảo
Vòng lửa, thú thích nước
Không thật, người thấy có
Thường, vô thường và một
Hai cùng với không hai
Vô thủy đã trói buộc
Ngu si mê phân biệt
Ta không nói ba thừa
Chỉ nói pháp Nhất thừa
Vì nhiếp phục chúng sinh
Cho nên nói Nhất thừa
Giải thoát có ba loại
Cũng nói pháp vô ngã
Bình đẳng trí, phiền não
Nương giải thoát phân biệt.
Cũng như cây trong nước
Bị sóng đẩy trôi dạt
Như Thanh văn ngu si
Vì các tướng phiêu bạt
Ấy, không chỗ cứu cánh
Cũng không sinh trở lại
Đắc Tam-muội Tịch tĩnh
Vô lượng kiếp không biết
Là định của Thanh văn
Không phải Phật, Bồ-tát
Lìa các tùy phiền não
Từ tập, phiền não buộc
Say lạc cảnh Tam-muội
Trú cõi vô lậu kia
Như người say ở đời
Rượu nhạt dần mới tỉnh

Người ấy sau khi đắc
Thể Pháp thân Thế Tôn
Như voi lún bùn sâu
Thân lay động Đông, Tây
Như vậy say Tam-muội
Thanh văn chìm đắm vậy.

-oOo-

KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 10

Phẩm 18: TỔNG TRÌ (Phần 2)

Nương nơi cảnh giới Phật
Các nguyện lực thanh tịnh
Thọ, thức và Tam-muội
Công đức cùng Thập địa
Hư không với sừng thỏ
Và con của Thạch nữ
Phân biệt pháp như vậy
Không mà nói danh tự
Huân chủng tử thế gian
Chẳng có, chẳng không xứ
Năng kiến đắc giải thoát
Biết rõ pháp Vô ngã
Phân biệt thật thể danh
Thể kia từ duyên sinh
Ta nói là thành tựu
Các kinh thường nói vậy
Câu, chữ, danh, thân thảy
Nơi thắng pháp danh, thân
Người ngu si phân biệt
Như voi lún đầm lầy
Thiên và Phạm thiên thừa
Cùng với Thanh văn thừa
Như Lai và Duyên giác
Ta nói thừa như vậy
Không nói hết các thừa
Có tâm sinh như vậy
Tâm chuyển diệt cũng không
Không thừa cùng với thừa
Tâm phân biệt và thức

Ý cùng với ý thức
A-lại-da, ba cõi
Tâm suy tư tên khác
Mạng cùng với ấm, thức
Mạng căn, A-lại-da
Ý cùng với ý thức
Là phân biệt tên khác
Tâm an trụ nơi thân
Ý thường biết các pháp
Cảnh giới nơi tâm thức
Cùng với thức phân biệt
Ta nói ái là mẹ
Vô minh nhận làm cha
Thức biết các cảnh giới
Cho nên nói danh Phật
Các sử là oan gia
Chúng hòa hợp là ấm
Không ở thể tương tục
Đoạn kia là vô gián
Hai: Vô ngã, phiền não
Và hai loại Vô ngã
Không thể nghĩ bàn được
Không sinh tử là Phật
Ý tương ưng pháp thể
Ngã, pháp là nội thân
Nếu hay thấy như vậy
Ấy không theo vọng giác
Thật không có các pháp
Như ngu si phân biệt
Nương hư vọng không pháp
Làm sao đắc giải thoát
Sinh diệt hòa hợp buộc
Thấy nơi pháp hữu vi
Tăng trưởng nơi hai kiến
Không mất pháp nhân duyên
Cây chuối, mộng, huyễn thảy
Thế gian này như vậy
Chỉ là một thật pháp

Niết-bàn lìa ý thức
Có tham cùng với sân
Và có si, có thân
Từ ái sinh các ấm
Ấm có cũng như mộng
Sao chứng đạo ban đêm
Sao nhập diệt ban đêm
Ở trong hai loại này
Ta không nói một chữ
Nội thân chứng nơi pháp
Ta nương như vậy nói
Phật kia và thân ta
Không có nói thắng pháp.
Thật vật có Thần ngã
Năm ấm lìa tướng kia
Thể ấm là thật hữu
Trong ấm kia không ngã
Mỗi mỗi tự phân biệt
Tùy phiền não, kết sử
Đắc tự tâm thế gian
Lìa khổ đắc giải thoát
Các nhân và nhân duyên
Thế gian như vậy sinh
Là bốn pháp tương ưng
Kia không trụ pháp ta
Chẳng có, không sinh pháp
Lìa có, không không sinh
Ngu làm sao phân biệt
Từ nhân và các duyên
Lìa bốn câu: Có, không
Nếu hay thấy thế gian
Bấy giờ tâm thức chuyển
Tức đắc pháp Vô ngã
Các pháp vốn không sinh
Ấy do nhân duyên sinh
Các duyên tức là quả
Trong quả sinh cõi nước
Trong quả sinh hai loại

Trong quả nên có hai
Mà trong hai không quả
Trong quả không thấy vật
Lìa xa quán, sở quán
Nếu thấy pháp hữu vi
Lìa tâm chỉ là tâm
Nên ta nói duy tâm
Lượng xét thật thể tướng
Lìa xa duyên thật thể
Cứu cánh Đệ nhất tịnh
Ta nói lượng như vậy
Như giả danh là ngã
Pháp sở kiến không thật
Như vậy thể các ấm
Là giả danh không thật
Bình đẳng có bốn loại
Tướng nhân cùng với sinh
Vô ngã cũng bình đẳng
Người tu hành bốn pháp
Chuyển tất cả các kiến
Phân biệt, sở phân biệt
Không kiến cùng không sinh
Nên ta nói duy tâm
Không pháp cũng chẳng không
Lìa xa thể có, không
Chân như lìa xa tâm
Nên ta nói duy tâm
Chân như, không, thật thể
Niết-bàn và pháp giới
Ý sinh thân và tâm
Nên ta nói duy tâm
Phân biệt nương huân tập
Các loại sinh các loại.
Tâm chúng sinh thấy ngoài
Nên ta nói duy tâm
Sở kiến không ngoài vật
Thấy tâm các thứ kiến
Do duyên thân hiện hữu

Nên ta nói duy tâm
Các Thanh văn tận trí
Chư Phật Như Lai sinh
Tất cả Bích-chi-phật
Không hòa hợp mà sinh
Không ngoài các sắc tướng
Tự tâm thấy ngoại pháp
Hiểu biết nơi tự tâm
Ngu phân biệt các pháp
Người ngu không biết ngoài
Tự tâm thấy các thứ
Ví dụ ngăn người ngu
Chấp chặt nơi bốn pháp
Không nhân, không phân biệt
Thí dụ năm loại luận
Tự tâm thể hình tướng
Hay biết được chút ít
Phân biệt, sở phân biệt
Đây là tướng phân biệt
Nương tựa nơi phân biệt
Phân biệt liền hiện sinh
Mỗi phân biệt hòa hợp
Là nhân một chủng tử
Khách Nhị pháp là hai
Nên tâm người không sinh
Phân biệt tâm, tâm pháp
Trụ ở trong ba cõi
Hiện sinh tất cả pháp
Thể kia là hư vọng
Nhân nương hiện hòa hợp
Nên có mười hai nhập
Nương nhân quán hòa hợp
Ta không nói pháp này
Như trong kính thấy hình
Mắt nhặm thấy hoa đốm
Như nương tâm huân này
Là tâm người ngu thấy.
Cùng phân biệt, phân biệt

Mà sinh ra phân biệt
Như ngoại đạo phân biệt
Không như ngoại tướng này
Như người không biết dây
Mà chấp đó là rắn
Không biết nghĩa tự tâm
Phân biệt nơi ngoại pháp
Ràng buộc nơi thể thừa
Lìa một trong hai loại
Dùng phân biệt nơi thừa
Là lìa lỗi tự tâm
Nương pháp nào? Thể nào?
Phân biệt không thể thấy
Không được nói kia không
Thể các pháp như vậy
Nương có nên nói không
Nương không nên nói có
Nên không được nói không
Cũng không được nói có
Tức phân biệt, phân biệt
Không phải thể pháp kia
Tại sao thấy không thể
Mà sinh ra phân biệt
Sắc thể không sắc thân
Như bình và vải thảy
Đã thấy là không pháp
Tại sao có phân biệt
Nếu phân biệt là mê
Pháp hữu vi vô thủy
Pháp nào mê chúng sinh
Xin Phật vì con nói
Các pháp không thể pháp
Mà chỉ nói là tâm
Không thấy nơi tự tâm
Mà sinh khởi phân biệt
Nếu phân biệt không này
Như ngu si phân biệt
Pháp kia không thể khác

Mà trí không thể biết
Nếu Thánh có pháp kia
Không phàm phu phân biệt
Nếu Thánh vọng có kia
Thánh, ngu đều không khác
Thánh nhân không mê hoặc
Do được tâm thanh tịnh
Người ngu không tín tâm
Nên phân biệt, phân biệt
Như mẹ vì các con
Hư không dẫn quả đến
Ngươi nắm quả chớ khóc
Con lấy vô số quả
Ta vì các chúng sinh
Phân biệt các thứ quả
Khiến nói tham hết thảy…
Lìa bè đảng có, không
Nếu vốn không thể pháp
Không nhân, không từ nhân
Vốn không sinh, mới sinh
Cũng không thân thể ấy
Không thân cũng chẳng sinh
Lìa nhân duyên không xứ.
Thể các pháp sinh diệt
Không lìa ở nhân duyên
Lược quán sát như vậy
Có, không chẳng ngoài xứ
Từ nhân duyên sinh pháp
Người trí chớ phân biệt
Nói một thể, hai thể
Ngoại đạo ngu si nói
Thế gian như mộng, huyễn
Không từ nhân duyên sinh
Nương cảnh giới ngôn ngữ
Pháp Đại thừa Vô thượng
Ta nương liễu nghĩa nói
Nên ngu si không hiểu
Thanh văn và ngoại đạo

Nương đố kỵ nói pháp
Nơi nghĩa không tương ưng
Nương theo vọng giác nói
Thể tướng và hình tướng
Gọi là bốn loại pháp
Quán sát pháp như vậy
Nên sinh ra phân biệt
Phân biệt một, hai, nhiều
Kia Phạm thiên trói buộc
Trời, trăng và chư Thiên
Thấy ấy, chẳng con ta
Thánh nhân thấy Chánh pháp
Lấy như thật tu hành
Hay chuyển tướng hư vọng
Cũng lìa nơi đi, lại
Đây là ấn giải thoát
Ta dạy các Phật tử
Lìa xa pháp có, không
Cũng lìa tướng đi, lại
Chuyển các loại sắc, thức
Hoặc diệt tất cả nghiệp
Không hợp thường, vô thường
Không thế gian, sinh pháp
Nếu lúc chuyển hoặc diệt
Sắc lìa nơi xứ kia
Lìa chỗ không lỗi lầm
Nghiệp trụ A-lại-da
Sắc là diệt thể tướng
Trong thức, có cũng vậy
Sắc, thức cùng hòa hợp
Mà không mất các nghiệp
Nếu cùng kia hòa hợp
Chúng sinh mất các nghiệp
Nếu diệt nghiệp hòa hợp
Không sinh tử: Niết-bàn
Nếu cùng với kia diệt
Sinh ở trong thế gian
Sắc cũng cùng hòa hợp

Không sai biệt với có
Có khác cũng không khác
Chỉ là tâm phân biệt
Các pháp không diệt thể
Lìa bè đảng có, không
Pháp nhân duyên giả danh
Thay đổi không sai biệt
Như vô thường trong sắc
Thay đổi sinh các pháp
Lìa hai tướng đây, kia
Phân biệt không thể biết
Có, không có gì thành
Như vô thường trong sắc
Nếu khéo phân biệt thấy
Tức không khởi tha lực
Đối với pháp tha lực
Cũng không khởi phân biệt
Nếu diệt nơi phân biệt
Là diệt nơi pháp ta
Trong pháp ta, tạo tác
Cũng hủy báng có, không
Người hủy báng pháp này
Trong lúc nào mà có
Là diệt pháp luân ta
Không được cùng họ nói
Người trí không cùng nói
Không cùng pháp Tỳ-kheo
Đã diệt nơi phân biệt
Thấy huyễn lìa có, không
Thấy như hoa đốm huyễn
Như mộng, Càn-thát-bà
Cũng như thấy sóng nắng
Thời thấy nơi có, không
Người kia không học pháp
Nếu người ủng hộ họ
Người ấy rơi nhị biên
Cũng hoại đến người khác
Nếu biết pháp tịch tĩnh

Hành giả này thật tu
Lìa xa pháp có, không
Nên nhiếp hộ người ấy
Như nơi có thể xuất
Vàng, bạc, các châu báu
Không tạo tác các nghiệp
Mà chúng sinh lấy dùng
Tánh chân như chúng sinh
Không do nơi nghiệp có
Không chấp nên không nghiệp
Cũng chẳng tạo nghiệp sinh
Các pháp không pháp thể
Như Thánh nhân phân biệt
Mà có ở các pháp
Như ngu si phân biệt
Hoặc pháp không như vậy
Như ngu si phân biệt
Không có tất cả pháp
Chúng sinh cũng không nhiễm
Pháp nương tâm mà có
Phiền não cũng như vậy
Sinh tử trong thế gian
Tùy theo căn mà chuyển
Vô minh, ái hòa hợp
Sinh ra các thân ấy
Ngoài nhân, thường không pháp
Như ngu si phân biệt
Nếu nhân, pháp không sinh
Hành giả không thấy căn
Hoặc các pháp là không
Hay tạo nhân thế gian
Người ngu lìa tạo tác
Tự nhiên được giải thoát
Ngu, thánh không sai khác
Có, không làm sao thành?
Thánh nhân không pháp thể
Do tu ba giải thoát.
Năm ấm và nhân, pháp

Tướng có giống, có khác
Các nhân duyên và căn
Ta vì Thanh văn, nói
Không nhân chỉ là tâm
Diệu sự và các Địa
Trong thân Chân như tịnh
Vì các Phật tử, nói
Người ở đời vị lai
Phỉ báng pháp luân ta
Thân mặc áo ca-sa
Nói các pháp có, không
Không có pháp nhân duyên
Là cảnh giới Thánh nhân
Phân biệt không pháp thể
Người mê lầm phân biệt
Đời vị lai có người
Hạng ngu si ăn trấu
Không nhân và tà kiến
Phá hoại người thế gian
Vi trần sinh cõi nước
Hạt bụi là không nhân
Chín loại vật là thường
Tà kiến nói như vậy
Từ vật sinh ra vật
Công đức sinh công đức
Pháp này khác với pháp
Phân biệt là chân thật
Vốn không bắt đầu sinh
Thế gian có nguồn gốc
Ta nói nơi thế gian
Không có nơi bản tế
Các chúng sinh ba cõi
Vốn là vô thủy sinh
Chó, lạc đà không sừng
Chắc hẳn sinh không nghi
Mắt có từ vô thủy
Sắc, thức cũng như vậy
Chiếu, mũ, vải hết thảy…

Từ trong bùn sinh ra
Trong vải không có bình
Trong cỏ cũng không vải
Trong mỗi một là thật
Vì sao nhân không sinh
Tức mạng, tức là thân
Vốn sinh từ vô thủy
Đây là nói pháp kia
Ta nói các pháp khác
Ta rõ pháp nhân duyên
Sau đó ngăn pháp kia
Ngăn người tà kiến ấy
Sau nói pháp của ta
Vì biết pháp ngoại đạo
Sau đó nói chánh pháp
Sợ đệ tử mê hoặc
Rơi vào pháp có, không
Bậc thù thắng ra đời
Ở thành Ca-tỳ-la
Vì đệ tử nên nói
Các công đức chuyển biến
Chẳng thật, chẳng không thật
Không từ duyên tức duyên
Do không các nhân duyên
Pháp không thật không sinh
Lìa nơi pháp có, không
Lìa nhân cũng lìa duyên
Lìa xa pháp sinh diệt
Tự pháp lìa sở kiến
Thế gian như huyễn, mộng
Lìa các pháp nhân duyên
Thấy có lập nhân duyên
Nên sinh ra phân biệt
Như cầm thú thích nước
Càn-thát-bà, hoa đốm
Lìa xa pháp có, không
Lìa nhân cùng với duyên
Thấy ba cõi không nhân

Thấy như vậy tịnh tâm
Sao gọi người vô sự?
Chỉ có nơi nội tâm
Xa lìa việc ở tâm
Không thể nói duy tâm
Nếu thấy việc bên ngoài
Chúng sinh khởi sinh tâm
Tại sao tâm không nhân
Không thể nói duy tâm
Chân như chỉ có tâm
Người nào không pháp Thánh
Có cùng với không có
Ấy chẳng hiểu pháp ta
Pháp năng chấp, sở chấp
Nếu tâm sinh như vậy
Đó là tâm thế gian
Không thể nói duy tâm
Thân do duyên hiện có
Giống như trong mộng sinh
Nên có hai loại tâm
Mà tâm không hai tướng
Như dao không tự cắt
Tay không chỉ có ngón
Như tâm không tự thấy
Việc kia cũng như vậy
Không kia, không nhân duyên
Phân biệt, chỗ phân biệt
Năm pháp và hai tâm
Tịch tĩnh không như vậy
Năng sinh cùng với sinh
Và hai loại pháp tướng
Ý ta không năng sinh
Nói pháp không tự tướng
Thể các loại hình tướng
Nếu sinh nơi phân biệt
Hư không, sừng thỏ thảy
Thể ấy không hiện sinh
Nếu có tướng các pháp

Nên có với ngoại sự
Do không ngoại phân biệt
Lìa tâm lại không pháp
Thế gian từ vô thủy
Không có ngoài các pháp
Do tâm không nhân sinh
Mà thấy nơi ngoại nghĩa
Nếu nhân không sinh trưởng
Sừng thỏ cũng hiện sinh
Do nhân không tăng trưởng
Tại sao sinh phân biệt
Như không pháp hiện tại
Vậy nguồn gốc cũng không
Không thể hòa hợp thể
Tại sao tâm hay sinh
Chân như, không, thật tế
Niết-bàn và pháp giới
Tất cả các pháp sinh
Là pháp Đệ nhất nghĩa
Phàm phu rơi có, không
Phân biệt nhân và duyên
Không nhân vốn không sinh
Không biết nơi ba cõi
Tâm thấy với sở kiến
Tà kiến nhân vô thủy
Vô thủy cũng không pháp
Sao thấy pháp khác sinh
Nếu không vật hiện sinh
Người nghèo phải nhiều của
Vì sao không vật sinh
Nay Phật vì con nói
Tất cả đều duy tâm
Mà không không các pháp
Càn-thát-bà, mộng, huyễn
Các pháp không có nhân
Không sinh, không thể, tướng
Pháp không là ta nói
Lìa xa pháp hòa hợp

Là không thấy pháp sinh
Bấy giờ không không sinh
Ta nói không pháp tướng
Mộng, huyễn và hoa đốm
Càn-thát-bà, ái nước
Không nhân mà hiện có
Pháp thế gian cũng vậy
Hòa hợp nhau như thế
Lìa nơi không Sở kiến
Chẳng phải ngoại đạo thấy
Hòa hợp không như vậy
Hàng phục nương không nhân
Thành tựu nơi không sinh
Nếu thành tựu không sinh
Pháp luân ta không diệt
Nói về không nhân, tướng
Ngoại đạo sinh sợ hãi
Tại sao, vì người nào?
Ở đâu đến nghe pháp
Ở đâu sinh các pháp
Không nhân mà pháp sinh
Sinh ở trong không nhân
Mà không ở hai nhân
Nếu người trí hay biết
Bấy giờ chuyển tà kiến
Nói sinh tất cả pháp
Không sinh là không vật
Vì quán các nhân duyên
Bấy giờ chuyển tà kiến
Vì pháp có, danh có
Vì pháp không, danh không
Mà pháp không không sinh
Cũng không đợi nhân duyên
Danh không nương nơi pháp
Mà danh chẳng không thể
Thanh văn, Bích-chi-phật
Ngoại đạo không cảnh giới
Bồ-tát trụ Thất địa

Ấy là tướng không sinh
Chuyển nơi pháp nhân duyên
Cho nên ngăn nghĩa nhân
Chỉ nói nương nơi tâm
Nên ta nói không sinh
Không nhân sinh các pháp
Lìa phân biệt, phân biệt
Lìa kiến lập có, không
Nên ta nói không sinh
Tâm lìa nơi sở kiến
Cũng lìa xa hai thể
Chuyển nơi pháp y chỉ
Nên ta nói không sinh
Không mất ngoài pháp thể
Cũng không chấp trong tâm
Lìa tất cả tà kiến
Đây là tướng không sinh
Như vậy không không tướng
Tất cả nên quán sát
Pháp không chẳng sinh không
Vốn không sinh là không
Các nhân duyên hòa hợp
Pháp sinh cùng pháp diệt
Lìa nơi pháp hòa hợp
Không sinh cũng không diệt
Nếu lìa pháp hòa hợp
Lại không thể thật pháp
Một thể và khác thể
Như Ngoại đạo phân biệt
Pháp có, không không sinh
Chẳng thật sinh không sinh
Lìa xa các nhân duyên
Sinh cùng với không sinh
Chỉ đối với tên gọi
Đây, kia buộc, thay đổi
Thể đã sinh tất không
Vòng nhân duyên sai biệt
Lìa sinh và không sinh

Là lìa các ngoại đạo
Ta nói vòng trói buộc
Nhưng phàm phu không biết
Có thể sinh pháp thể
Lìa trói buộc không khác
Người kia không nói nhân
Phá diệt, hoại trói buộc
Như đèn chiếu sáng vật
Trói buộc cũng giải tỏa
Nếu lại phân biệt pháp
Lìa xa thể ràng buộc
Không thể cũng không sinh
Tự tánh như hư vọng
Lìa xa pháp trói buộc
Ngu si tà phân biệt
Đây là khác không sinh
Pháp Thánh nhân chứng đắc
Pháp ấy sinh không sinh
Không sinh là Vô sinh
Nếu thấy các thế gian
Tức là duyên ràng buộc
Thế gian lìa trói buộc
Lúc ấy tâm đắc định
Vô minh, ái và nghiệp
Là pháp buộc bên trong
Lún bùn vòng tròn thảy
Pháp bên ngoài bốn đại
Nương nơi thể pháp kia
Là từ nhân duyên sinh
Không chỉ thể trói buộc
Không thể so sánh được
Nếu pháp sinh kia không
Biết pháp nào làm nhân
Pháp kia thay đổi sinh
Chẳng phải các nhân duyên
Ấm, nóng, động và cứng
Người ngu si phân biệt
Trói buộc này không pháp

Cho nên không thể, tướng
Như thầy thuốc trị bệnh
Trị bệnh có sai khác
Mà xem bệnh như nhau
Tùy bệnh cho khác thuốc
Ta nương thân chúng sinh
Các phiền não, ô trược
Biết các căn và lực
Ta vì người ngu, nói
Phiền não, căn sai khác
Ta dạy không sai biệt
Ta chỉ có Nhất thừa
Tám Thánh đạo mát mẽ
Bình, vải, mũ và sừng
Sừng thỏ không phải nhân
Không nhân nương kia sinh
Nhưng không pháp nhân kia
Mà đó không pháp nhân
Ngươi không được chấp không
Nương nhân có nên không
Nương không không giống nhau
Pháp có đối pháp không
Là pháp đối đãi nhau
Nương một phần pháp có
Thấy một phần pháp có
Không nhân thấy ít pháp
Ít pháp là không nhân
Nếu như nương ngoài pháp
Đây, kia thay đổi thấy
Như vậy lỗi không cùng
Thể ít cũng không ít
Nương sắc, cây cả thảy…
Pháp thấy giống như huyễn
Như vậy việc nương tựa
Người thấy có các loại
Ảo thuật không phải sắc
Không phải cây, không đá
Ngu si thấy như huyễn

Nương tựa nơi thân huyễn
Nương tựa nơi việc thật
Nếu thấy được ít việc
Lúc thấy không hai pháp
Tại sao thấy ít việc
Phân biệt, không phân biệt
Mà chẳng không phân biệt
Nếu phân biệt pháp không
Trói không, giải thoát không
Do phân biệt pháp không
Nên không sinh phân biệt
Nếu không sinh phân biệt
Không thể nói duy tâm
Mỗi mỗi tâm sai khác
Trong pháp, pháp không thật
Bởi vì pháp không thật
Không thế gian, giải thoát
Không ngoại vật, chỗ thấy
Ngu si vọng phân biệt
Như ảnh hiện trong gương
Do tâm huân mê muội
Tất cả pháp không sinh
Không có tợ có sinh
Tất cả chỉ tâm này
Lìa với các phân biệt
Người ngu nói các pháp
Từ nhân, không phải trí
Lìa thật thể nơi tâm
Tâm Thánh nhân thanh tịnh
Tăng-già thầy ở đời
Bà-la-môn lõa hình
Cùng với trời Tự tại
Không thật, đọa tà kiến
Thể không, sinh cũng không
Như hư không không nhiễm
Các Phật nói làm gì?
Và Phật vì ai nói
Người tu hành thanh tịnh

Lìa giác quán tà kiến
Quá khứ Phật đã nói
Nay ta cũng nói vậy
Nếu tất cả duy tâm
Thế gian trụ ở đâu?
Đi, đến nương pháp nào?
Làm sao thấy nơi đất
Như chim trong hư không
Nương theo gió mà bay
Không trụ, không quán sát
Ở trên đất mà đi.
Như vậy các chúng sinh
Nương gió động phân biệt
Đi, lại trong tự tâm
Như chim bay trong không
Thấy thân do duyên sinh
Phật nói tâm như vậy
Vì sao hiện thấy nhân
Chỉ là tâm, xin nói
Do duyên thân hiện hữu
Hiện thấy nương huân sinh
Người không tu hành sinh
Hiện thấy sinh phân biệt
Phân biệt thể cảnh giới
Tâm nương cảnh giới sinh
Biết đối với tâm sinh
Không lại sinh phân biệt
Nếu hay thấy phân biệt
Lìa xa giác, sở giác
Danh, danh không cùng hợp
Là nói pháp hữu vi
Đây chỉ là sở giác
Danh, danh không lẫn lộn
Lìa nơi tri, sở tri
Là nói pháp hữu vi
Đây chỉ là sở giác
Trong danh, danh không lìa
Nếu người tà giác biết

Không tự giác, giác tha
Năm pháp vốn thật pháp
Cùng với tám loại thức
Hai loại không pháp ta
Nhiếp giữ nơi Đại thừa
Nếu thấy tri, sở tri
Tịch tĩnh thấy thế gian
Trong danh, danh phân biệt
Bấy giờ lại không sinh
Tạo danh tự phân biệt
Thấy kia lại không sinh
Không thấy nơi tự tâm
Cho nên sinh phân biệt
Bốn ấm không các tướng
Ấy là vô số pháp
Tại sao sắc nhiều loại
Tướng bốn Đại khác nhau
Xả bỏ các pháp tướng
Không các đại và đại
Nếu có sắc tướng khác
Vì sao ấm không sinh
Nếu thấy tướng như vậy
Không thấy các ấm, nhập
Nương cảnh, căn và thức
Nên sinh tám loại thức
Nương tướng có ba loại
Tịch tĩnh không như vậy
A-lại-da, ý, ngã
Ngã sở cùng với trí
Do chấp nơi hai pháp
Biết pháp ấy tức diệt
Lìa xa pháp đây, kia
Nếu thấy không tướng lìa
Thế gian, tâm phân biệt
Thế Tôn vì con nói
Không phân biệt hai pháp
Ngã cùng với ngã sở
Không tăng trưởng phân biệt

Cũng không nhân ý thức
Lìa xa nhân và duyên
Không vật cũng không sinh
Phân biệt chỉ là tâm
Thế Tôn vì con nói
Lìa xa các nhân duyên
Lìa năng kiến, sở kiến
Thấy tự tâm các loại
Sở kiến vọng phân biệt
Không biết tự tâm thấy
Không hiểu nghĩa tâm khác
Không thấy tà kiến thành
Đối với trí không sinh
Kia vì sao không có
Tâm người kia chấp có
Phân biệt chẳng có, không
Nên không sinh tâm có
Không biết chỉ tâm thấy
Cho nên sinh phân biệt
Không phân biệt, phân biệt
Diệt nó rồi không nhân
Ngăn bốn loại bè đảng
Nếu các pháp có nhân
Tướng danh tự này khác
Người kia tạo không thành
Kia nên tự sinh khác
Không ứng hợp nhân sinh
Nhân duyên nên hòa hợp
Để ngăn nhân sinh pháp
Ta ngăn với lỗi thường
Hoặc các duyên vô thường
Là không sinh, không diệt
Ngu si thấy vô thường
Diệt pháp tướng, pháp không
Không thấy tạo tác nhân
Nên vô thường cho có
Vì sao người không thấy
Ta nhiếp thủ chúng sinh

Dùng trì giới hàng phục
Trí tuệ diệt tà kiến
Nương giải thoát tăng trưởng
Tất cả các thế gian
Ngoại đạo nói dối gạt
Nương nhân, quả tà kiến
Tự pháp không thể lập
Nhưng thành "pháp tự lập"
Lìa nơi nhân, duyên, quả
Nói các chúng đệ tử
Lìa xa pháp thế tục
Duy tâm, chỗ thấy không
Tâm thấy nơi hai loại
Lìa sở chấp, năng chấp
Cũng lìa xa đoạn, thường
Chỉ có tâm chuyển động
Đều là pháp thế tục
Lại không khởi chuyển sinh
Thế gian là tự tâm
Người đến là sự sinh
Người đi là sự diệt
Như thật biết đến đi
Lại không sinh phân biệt
Thường, vô thường, tạo tác
Không tạo tác đây, kia
Như vậy tất cả pháp
Đều là pháp thế tục
Trời, người, A-tu-la
Súc sinh, quỷ Dạ-ma
Chúng sinh đến cõi kia
Ta nói ở sáu đường
Nghiệp nhân thượng, trung, hạ
Thường sinh ở cõi kia
Khéo giữ gìn thiện pháp
Được thắng xứ giải thoát
Phật dạy mỗi niệm sinh
Sinh tử và đọa lạc
Vì chúng Tỳ-kheo, nói

Ý nào vì con, nói
Tâm không đến lần hai
Đã diệt không tiếp nối
Ta vì đệ tử, nói
Tâm thay đổi sinh diệt
Mỗi sắc phân biệt có
Sinh và diệt đã xong
Phân biệt tức là người
Lìa phân biệt không người
Ta nói về pháp niệm
Nương kia ta nói xong
Lìa chấp thủ sắc tướng
Không sinh cũng không diệt
Nhân duyên từ duyên sinh
Vô minh, chân như thảy
Nương hai pháp mà sinh
Chân như không phải thể
Nhân duyên từ duyên sinh
Nếu vậy không pháp khác
Từ thường sinh ra quả
Quả tức là nhân duyên
Không khác với ngoại đạo
Nhân, quả cùng xen lẫn
Phật và chư Phật nói
Đại Mâu-ni không khác
Tầm cứu trong thân này
Khổ đế và Tập đế
Diệt đế và Đạo đế
Ta vì các Phật tử
Chấp ba pháp thật có
Thủ, sở thủ, tà kiến
Pháp thế gian, xuất thế
Người phàm phu phân biệt
Ta rõ biết pháp kia
Cho nên nói ba pháp
Vì ngăn tà kiến kia
Chớ phân biệt thật thể
Nói qua pháp không định

Cũng lại không tâm sinh
Thật cũng không hai thủ
Chân như không hai loại
Vô minh và ái, nghiệp
Thức thảy từ tà sinh
Không cùng, không tạo tác
Trong tạo tác không sinh
Các pháp bốn loại diệt
Kẻ ngu si đã nói
Phân biệt hai loại sinh
Có vật, không có vật
Lìa xa bốn loại pháp
Cũng lìa xa bốn kiến
Hai loại sinh phân biệt
Kiến thấy lại không sinh
Các pháp vốn không sinh
Khởi nơi trí phân biệt
Hiện sinh nơi các pháp
Bình đẳng chớ phân biệt
Nguyện Thế Tôn Mâu-ni
Vì con và chúng sinh
Như pháp tương ưng, nói
Lìa hai loại nhị kiến
Ta lìa nơi tà kiến
Cùng các Bồ-tát khác
Thường không thấy có, không
Do không thấy pháp kia
Lìa ngoại đạo xen tạp
Lìa Thanh văn, Duyên giác
Phật chứng, các pháp Thánh
Vì con nói không mất
Nhân điên đảo, nhân không
Vô sinh và tất cả
Danh khác, các mê hoặc
Bậc trí đã xa lìa
Như mây, mưa, lầu các
Cung điện và cầu vòng
Sóng nắng, hoa đốm, huyễn

Có, không từ tâm sinh
Các ngoại đạo phân biệt
Thế gian từ nhân sinh
Không sinh pháp Chân như
Và cùng thật tế, không
Là các tên pháp khác
Chớ phân biệt không vật
Đối với sắc, các loại
Chớ phân biệt pháp không
Như bàn tay thế gian
Tự do để phá vật
Như vậy tất cả pháp
Chớ phân biệt pháp không
Lìa sắc, không không khác
Cũng không sinh thể pháp
Chớ phân biệt không khác
Phân biệt, chấp tà kiến
Phân biệt, sở phân biệt
Nắm lấy nơi sự tướng
Dài, ngắn, vuông, tròn thảy
Là chấp tướng, phân biệt
Phân biệt là tâm pháp
Sở phân biệt là ý
Nếu hay như pháp biết
Lìa năng tướng, sở tướng
Ngoại đạo nói không sinh
Và chấp nơi ngã, pháp
Phân biệt tướng như vậy
Nhị kiến này không khác
Ý gì, nói như thế
Nếu biết rõ như vậy
Người ấy vào vô lượng
Hay hiểu ta nói pháp
Do thấy vậy, chìm đắm
Không sinh là không nương
Biết đúng hai loại nghĩa
Nên ta nói không sinh
Các pháp không có sinh

Mâu-ni vì con, nói
Không nhân, không giống nhau
Không có pháp xen tạp
Không nhân cũng không sinh
Khác nhân, ngoại đạo thấy
Lìa có, không, pháp không
Nên nói chỉ là tâm
Sinh cùng với không sinh
Lìa pháp là tà kiến
Nói không nhân, không sinh.
Nói có là chấp nhân
Tự nhiên không tác giả
Tác giả là tà kiến
Phương tiện, các nguyện thảy
Thấy đó vì con nói
Nếu các pháp là không
Tại sao sinh ba đời
Lìa năng chấp, sở chấp
Không sinh cũng không diệt
Từ vật thấy vật khác
Nương pháp kia tâm sinh
Các pháp không hóa sinh
Làm sao vì con nói
Thật có mà không biết
Cho nên ta nói pháp
Trong các pháp Mâu-ni
Trước sau lìa tự tướng
Lìa các lỗi ngoại đạo
Lìa nơi nhân điên đảo
Sinh cùng với không sinh
Đại sư vì con nói
Lìa có cùng với không
Không mất nơi nhân, quả
Địa và các Thứ đệ
Vì nói một vô tướng
Thế gian rơi nhị biên
Bị các kiến mê hoặc
Không sinh không sinh thảy

Không biết nhân tịch diệt
Ta không pháp ba đời
Ta cũng không nói pháp
Có hai tất có lỗi
Chư Phật vốn thanh tịnh
Các pháp, không, sát-na
Không thể cũng không sinh
Nói tà pháp, che tâm
Phân biệt không Như Lai
Sinh cùng với không sinh
Xin nguyện vì con nói
Vì sao những pháp gì
Lìa cảnh giới mà sinh
Đầy đủ sắc hòa hợp
Tụ tập từ hý luận
Chấp nơi ngoài sắc tướng
Từ phân biệt mà sinh
Người biết về pháp ấy
Là hiểu nghĩa "như thật"
Tùy thuận tánh Thánh nhân
Mà tâm lại không sinh
Lìa xa tất cả đại
Không tương ưng pháp sinh
Tâm hư vọng quán đại
Quán như vậy không sinh
Chớ phân biệt sai khác
Người trí không phân biệt
Phân biệt với phân biệt
Hai pháp không Niết-bàn
Lập ra pháp không sinh
Như huyễn không thấy pháp
Từ các nhân huyễn sinh
Phá việc lập các pháp
Tâm như hình trong gương
Nhân huân tập vô thủy
Tự nghĩa mà không nghĩa
Quán các pháp như vậy
Như hình bóng trong gương

Lìa xa một, hai tướng
Sở kiến không, chẳng không
Các tướng cũng như vậy
Càn-thát-bà, huyễn thảy
Quán nương nơi nhân duyên
Như vậy thể các pháp
Pháp sinh, chẳng không sinh
Phân biệt tựa như người
Hai loại nương nhau hiện
Nói ngã cùng với pháp
Mà người ngu không biết
Tương vi và vô nhân
Thanh văn, các La-hán
Tự thành và Phật lực
Là năm hạng Thanh văn
Thời nhiếp thủ và diệt
Đệ nhất lìa đệ nhất
Là bốn loại vô thường
Ngu, không trí phân biệt
Ngu si rơi nhị biên
Công đức và vi trần
Không biết nhân giải thoát
Do chấp pháp có, không
Giống như người ngu si
Chắp tay là mặt trăng
Thích danh tự như vậy
Không biết thật pháp ta
Các đại, tướng khác nhau
Thể không sắc cũng sinh
Mà các đại hòa hợp
Không đại, không nương đại
Lửa hay thiêu các sắc
Nước làm mục nát vật
Gió lay động các sắc
Làm sao đại cùng sinh
Sắc ấm cùng với thức
Là hai pháp không năm
Các ấm này khác tên

Ta nói như Đế Thích
Vô số tâm sai biệt
Hiện chuyển các pháp sinh
Bốn đại đây, kia khác
Sắc, tâm không nương theo
Nương xanh thảy có trắng
Nương trắng có xanh thảy
Nương nhân, quả nên sinh
Không, có cùng với không
Nương năng tạo, sở tạo
Nóng, lạnh thấy, chỗ thấy
Tất cả pháp như vậy
Vọng biết, không thể thành
Tâm, ý, sáu thức khác
Các thức cùng hòa hợp
Lìa nơi một thể khác
Sinh tử hư vọng sinh
Sư Tăng-khư-tỳ-thế
Lõa hình, trời Tự tại
Đọa bè đảng có, không
Lìa xa nghĩa tịch tĩnh
Sinh tướng mạo thù thắng
Sinh bốn đại, không trần
Là ngoại đạo nói sinh
Bốn đại và bốn trần
Ngoài ra không thể sinh
Ngoại đạo phân biệt nhân
Ngu si nên không hiểu
Nương bè đảng có, không
Sinh cùng tâm tương ưng
Tử không cùng tương ưng
Pháp thật tương thanh tịnh
Trụ cùng trí tương ưng
Nghiệp cùng với sắc tướng
Năm ấm, cảnh giới, nhân
Thể chúng sinh không nhân
Không trụ Vô sắc giới
Phật nói pháp vô ngã

Không sắc đồng ngoại đạo
Thuyết vô ngã là đoạn
Thức cũng không nên sinh
Tâm có bốn loại trụ
Không sắc làm sao trụ
Tướng trong, ngoài các pháp
Mà thức không cùng hành
Kẻ vọng hiểu chấp có
Trong ấm có năm ấm
Như vậy không sắc sinh
Có mà là không sắc
Tự nhiên được giải thoát
Không chúng sinh và thức
Là ngoại đạo không nghi
Hiểu lầm, không thể biết
Hoặc chỗ ấy không sắc
Cho nên thấy không sắc
Kia không, chẳng lập pháp
Chẳng phải thừa, không thừa
Thức từ chủng tử sinh
Hòa hợp cùng các căn
Một phần tám loại sắc
Đối niệm thời không chấp
Sắc không trụ nơi thời
Căn không trụ với căn
Cho nên Như Lai nói
Các căn, niệm không trụ
Nếu không thấy thể sắc
Thức làm sao phân biệt
Nếu biết là không sinh
Vì sao thế gian sinh
Vừa sinh thời liền diệt
Phật không nói như thế
Nhất thời cũng không niệm
Hư vọng phân biệt chấp
Các căn và cảnh giới
Ngu si không biết đến
Ngu si nghe là chấp

Thánh nhân biết như thật
Ý thức không nương tựa
Dùng không nhân chấp lấy
Không khéo biết nơi ngã
Lìa hẳn nơi pháp có
Ngu đối pháp có, không
Giác ngộ lìa thật trí
Hữu vi, vô vi, ngã
Ngu si không thể biết
Trong một có pháp thí
Trong khác cũng như vậy
Trong tâm cùng một thể
Ý thức hay hiểu biết
Nếu thí đúng là tâm
Tâm sở là tên gọi
Tại sao lìa năng chấp
Phân biệt nơi một, khác
Cùng nhân, nương tựa thấy
Nghiệp sinh, tạo nghiệp thảy
Như lửa, thuyết như vậy
Giống như pháp tương tợ
Như lửa một thời gian
Thiêu và chỗ thiêu khác
Như vậy ta nương nhân
Vọng hiểu sao không vậy
Sinh cùng với không sinh
Mà tâm thường thanh tịnh
Người mê vọng lập Ngã
Cớ sao không nói dụ
Mê nơi rừng rậm thức
Lìa xa pháp chân thật
Vọng hiểu chạy Đông, Tây
Tìm thần ngã cũng vậy
Trong thân tu thật hạnh
Ta là tướng thanh tịnh
Cảnh Phật Như Lai tạng
Vọng hiểu không cảnh giới
Năng chấp và sở chấp

Năm ấm, ngã sai biệt
Nếu hay biết nơi tướng
Bấy giờ sinh chân trí
Ngoại đạo nói ý thức
Tạng thể A-lại-da
Tương ưng cùng với ngã
Pháp ta không nói vậy
Nếu như thật biết pháp
Thật đế được giải thoát
Tu hành mà thấy đạo
Đoạn phiền não, thanh tịnh
Tự tánh tâm thanh tịnh
Pháp thân tịnh Như Lai
Pháp này nương chúng sinh
Lìa hữu biên, vô biên
Như vàng cùng với sắc
Tánh đá cùng vàng thật
Người chế tạo hay biết
Chúng sinh với ấm vậy
Không người, không phải ấm
Phật, bậc Trí vô lậu
Vô lậu là Thế Tôn
Cho nên con quy y
Tự tánh tâm thanh tịnh
Phiền não và tạo nghiệp
Cùng năm ấm tương ưng
Bậc Thù thắng đã nói
Tự tánh tâm thanh tịnh
Ý thảy là nhân duyên
Nó hay tạo các nghiệp
Nên hai loại nhiễm ấy
Ý thảy pháp trần lụy
Ta thanh tịnh phiền não
Kia nương phiền não nhiễm
Cấu bẩn nương thanh tịnh
Như áo lìa cấu bẩn
Cũng như vàng lìa bẩn
Có mà không thể thấy

Ta lìa lỗi cũng vậy
Như đàn cầm, tiếng trống
Các âm thanh vi diệu
Trong ấm, ngã cũng vậy
Ngu si tìm một, khác
Trong đất chứa vật báu
Cùng với nước trong sạch
Trong ấm, ngã cũng vậy
Thật có, không thể thấy
Tâm pháp và tâm sở
Công đức, ấm hòa hợp
Trong ấm, ngã cũng vậy
Ngu si không thể thấy
Như bào thai phụ nữ
Tuy có mà không thấy
Ngã ở trong năm ấm
Ngu si nên không thấy
Như gánh vác hương thuốc
Lửa cùng với các củi
Trong ấm, ngã cũng vậy
Ngu si không thể thấy
Trong tất cả các pháp
Vô thường cùng với không
Trong ấm, ngã cũng vậy
Ngu si không thể thấy
Các Địa và tự tại
Thần thông cùng thọ vị
Các pháp Vô thượng diệu
Cùng các Tam-muội khác
Và cảnh giới thù thắng
Nếu trong ấm không ngã
Mà tất cả pháp này
Hết thảy cũng đều không
Có người phá hoại, nói
Hoặc có ngã ứng hiện
Bậc trí tuệ nên đáp
Ngã ứng hiện tâm người
Nói Ngã không chân như

Chỉ là nói hư vọng
Tạo tác nghiệp Tỳ-kheo
Không nên cùng hòa hợp
Người này lập có, không
Đọa vào hai bè đảng
Phá hoại các Phật pháp
Ấy không trú pháp ta
Lìa lỗi các ngoại đạo
Đốt cháy vô ngã kiến
Khiến ngã kiến hừng cháy
Như kiếp tận thiêu hủy
Như đường phèn, Bồ-đào
Sữa, dầu, cao sữa thảy
Nơi ấy có các vị
Người không dùng không biết
Nắm giữ trong năm loại
Năm ấm, ngã cũng vậy.
Người ngu si không thấy
Trí thấy đắc giải thoát
Nói rõ các thí dụ
Tâm pháp không thể thấy
Ở đâu, nhân duyên gì
Hòa hợp không thể thấy
Các pháp khác thể, tướng
Nhất tâm không thể chấp
Không nhân cũng không sinh
Hư vọng hiểu sai lầm
Thật hành là thấy tâm
Trong tâm không thấy tâm
Chỗ thấy theo thấy sinh
Chỗ thấy nhân nào tạo
Ta họ Ca-chiên-diên
Từ trời Thủ-đà-hội
Vì chúng sinh, thuyết pháp
Hướng đến thành Niết-bàn
Là đường đi xưa kia
Ta và chư Phật kia
Ba ngàn Tu-đa-la

Nói về pháp Niết-bàn
Dục giới và Sắc giới
Phật không kia thành Phật
Trên trời Vô sắc giới
Ly dục thành Bồ-đề
Cảnh giới không buộc nhân
Cảnh giới nhân là buộc
Nương trí đoạn phiền não
Kiếm bén người tu hành
Có ngã, có huyễn thảy
Pháp có, không là gì
Ngu không thấy như vậy
Vì sao có vô ngã
Do có tạo, không tạo
Không nhân mà chuyển sinh
Tất cả pháp không sinh
Ngu si không hiểu biết
Các nhân không thể sinh
Các duyên cũng không tạo
Hai kia không thể sinh
Làm sao phân biệt duyên?
Trước, sau và bây giờ
Người vọng hiểu nói nhân
Hư không, bình, đệ tử
Tất cả các vật sinh
Phật không tạo hữu vi
Các tướng, tướng trang nghiêm
Là công đức Chuyển luân
Không được gọi chư Phật
Chư Phật là trí tướng
Lìa các lỗi tà kiến
Trong thân là trí thấy
Lìa hẳn các lỗi lầm
Điếc, mù lòa, câm ngọng
Lớn, nhỏ ôm lòng ác
Tất cả người như thế
Gọi là không phạm hạnh
Thể rộng lớn, vi diệu

Là tướng Chuyển luân vương
Xuất gia hoặc một, hai
Ngoài ra là buông lung
Tỳ-da, Sa-ca-na
Cùng với Lê-sa-bà
Ca-tỳ-la, Thích-ca
Sau, ta nhập Niết-bàn
Đời vị lai sẽ có
Các bậc Xuất thế ấy
Ta mất, sau trăm năm
Tỳ-da-bà, Vi-đà
Cùng với Bàn-trà-bà
Cưu-la-bà-thất-la
Sau đó lại hiện hữu
Cùng với Mao Ly thảy
Đến Mao Ly, Quật-đa
Kế, có vua vô đạo
Đến lúc đao, kiếm loạn
Kế đao, kiếm mạt thế
Rồi vào đời mạt thế
Không pháp, không tu hành
Quá khứ, vị lai ấy
Như luân chuyển thế gian
Lửa, mặt trời cùng hợp
Thiêu cháy cõi Dục giới
Lại thành thế giới diệu
Khí thế gian kia sinh
Bốn họ và vua chúa
Các Tiên nhân và pháp
Cúng dường hội thí lớn
Thời pháp lại như cũ
Nói pháp vẫn như vậy
Văn chương và chú giải
Chú giải lại tạo ra
Các thuyết nhiều vô lượng
Như vậy ta nghe hết
Mê muội các thế gian
Không biết pháp chân thật

Pháp gì là đúng, sai
Pháp nhiễm như xiêm y
Giặt giũ cho sạch sẽ
Nước, bùn, phân trâu thảy
Hoại sắc mà thọ dùng
Các hương xoa thân, y
Lìa nơi tướng ngoại đạo
Thông suốt pháp luân ta
Là các tướng Như Lai
Không lọc nước không uống
Dây lưng buộc nội y
Đúng thời đi khất thực
Xa lìa nhà trộm cướp
Sinh cảnh trời vi diệu
Cõi tốt đẹp loài người
Các báu cùng thành tựu
Tự tại trong trời, người
Người nương pháp tu hành
Sinh trời Tứ thiên vương
Nhiều lúc được thọ dụng
Do tham nhiều nên diệt
Đúng lúc gặp ba nạn
Và ở ba đời ác
Ta và người gặp lúc
Thời mạt thế Thích-ca
Dòng họ Tất-đạt-đa
Trời Bát tý, Tự tại
Như vậy, các ngoại đạo
Ta diệt, hiện ở đời
Ta nghe hết tất cả
Sư tử Thích-ca nói
Từng có việc như thế
Ty-da-bà nói vậy
Bát tý, Na-la-diên
Và Ma-hê-thủ-la
Nói những lời như vậy
Ta hóa thân thế gian
Mẹ ta tên Thiện Tài

Cha tên Phạm thiên vương
Ta, họ Ca-chiên-diên
Lìa xa các phiền não
Sinh ở thành Chiêm-bà
Cha ta và ông nội
Cha tên là Nguyệt Hộ
Từ dòng trăng sinh ra.
Xuất gia tu thật hạnh
Nói đến hơn ngàn câu
Thọ ký cho Đại Tuệ
Bảo vận chuyển pháp luân
Đại Tuệ cùng Pháp Thắng
Thắng truyền Di-khư-lê
Di-khư cùng đệ tử
Vào đời sau pháp diệt
Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm và ta
Lìa xa các phiền não
Tất cả thành Chánh giác
Sau thời chánh pháp ấy
Có Phật tên Như Ý
Ở đó thành Chánh giác
Vì người nói năm pháp
Không hai trong ba nạn
Qua mạt thế cũng vậy
Chư Phật không xuất hiện
Đúng lúc hiện ở đời
Không có người trộm cướp
Y phục không cắt, rọc
Mặc áo vô số mảnh
Như Khổng tước hoại sắc
Hai tấc đến ba tấc
Nối nhau mà vá lại
Nếu không làm như vậy
Ngu sẽ tham đoạt lấy
Thường diệt lửa tham dục
Nước trí thường tẩy rửa
Ngày đêm trong sáu thời

Tu hành pháp như thật
Như phóng tên, cây, đá
Phóng ra rồi rơi xuống
Phóng một thì rơi một
Thiện, không thiện cũng vậy
Trong một không nhiều loại
Do không cùng như vậy
Như gió thổi tất cả
Như ruộng đất bị cháy
Nếu một tạo tác nhiều
Tất cả không tạo có
Không vậy, tất cả mất
Là pháp người vọng hiểu
Như đèn và tim đèn
Vì sao giống nhau nhiều?
Một hay sinh ra nhiều
Là pháp người mê hiểu
Như vừng không sinh đậu
Lúa tẻ không sinh mì
Ít hạt giống lúa mì
Làm sao một sinh nhiều?
Luận Ba-ni xuất thanh
Thái bạch A-xoa-ba
Mạt thế có tạng Phạm
Nói về luận thế tục
Ca-chiên-diên tạo kinh
Dạ-bà-già cũng vậy
Thiên văn Phù-trù-ca
Là luận cuối mạt thế
Ba-lợi nói phước đời
Người đời nương phước đức
Thường hộ trì các pháp
Vua Bà-ly cho đất
Di-ca-ma-tu-la
A-thư-la các thuyết
Mê hoặc và luận chủ
Mạt thế chư Thiên hiện
Thích tử Tất-đạt-đa

Phù-đơn-đà ngũ giác
Khẩu Lực và Điểm Tuệ
Ta diệt rồi, xuất hiện
A-thị-na, Tam-quật
Di-khư-la, Tháo Quán
Ta ở A-lan-nhã
Phạm thiên thí cho ta
Ông ở đời vị lai
Gọi Bậc xa trần cấu
Hay nói chân giải thoát
Là các tướng vắng lặng
Phạm thiên cùng Phạm chúng
Cùng các chúng trời khác
Da nai đều cho ta
Trở lại trời Tự tại
Các y phục vá nạp
Cùng với bát khất thực
Đế Thích, Tứ Thiên vương
Đem đến cúng cho ta
Nói không sinh và nhân
Sinh cùng với không sinh
Sẽ thành nơi không sinh
Là chỉ nói ngôn ngữ
Nếu các nhân vô minh
Hay sinh nơi các tâm
Lúc chưa sinh nơi sắc
Trung gian trụ ở đâu?
Tức thời diệt nơi tâm
Mà lại sinh tâm khác
Sắc không trụ một niệm
Quán pháp gì hay sinh?
Nương vào nhân duyên gì?
Tâm là nhân điên đảo
Nó không thể thành pháp
Làm sao biết sinh diệt?
Người tu hành hợp định
Kim-an-xà-na tánh
Cung điện Quang âm thiên

Pháp thế gian không hoại
Trụ nơi pháp đã chứng
Là tất cả chư Phật
Như Lai đủ trí tuệ
Tỳ-kheo chứng nơi pháp
Và pháp đã chứng khác
Pháp ấy thường không hoại
Tại sao thấy hư không?
Các pháp không trụ niệm
Sắc Càn-thát-bà huyễn
Tại sao không trụ niệm?
Các sắc không bốn đại
Các đại đâu tạo ra?
Do có tâm vô minh
Thế giới tập vô thủy
Nương sinh diệt hòa hợp
Kẻ vọng hiểu phân biệt
Tăng-khư có hai loại
Thù thắng và chuyển biến
Trong thù thắng có quả
Quả lại thành tựu quả
Thắng là thể tướng đại
Nói công đức sai biệt
Hai pháp nhân và quả
Chuyển biến ở trong không
Như thủy ngân trong suốt
Các bụi, đất không dính
Chân như sạch như vậy
Y chỉ nơi chúng sinh
Như cây hành và hẹ
Phụ nữ lúc mang thai
Muối và vị trong muối
Chủng tử tại sao có?
Khác thể, không khác thể
Hai thể lìa hai pháp
Có pháp không nhân duyên
Chẳng không nơi có, không
Như trong ngựa không trâu

Trong ấm, ngã cũng vậy
Thuyết hữu vi, vô vi
Là pháp không thể nói
Ác kiến, lượng, A-hàm
Nương cấu nhiễm mê lầm
Không biết nói có ngã
Không nhân chẳng lìa nhân
Trong năm ấm không ngã
Chấp ngã là sai lầm
Trong một và trong khác
Kẻ mê, không hiểu biết
Trong gương nước, trong mắt
Như thấy ảnh trong gương
Xa lìa nơi một, khác
Trong ấm, ngã cũng vậy
Sở quán và năng quán
Thiền đạo thấy chúng sinh
Quán sát ba pháp này
Lìa nơi pháp tà kiến
Tức diệt nơi tri kiến
Như rỗng không thấy không
Tướng các pháp chuyển biến
Người ngu vọng phân biệt
Niết-bàn lìa có, không
Trụ chỗ thấy như thật
Xa lìa pháp sinh diệt
Cũng lìa thể có, không
Lìa thấy và chỗ thấy
Quán sát pháp chuyển biến
Lìa các thuyết ngoại đạo
Lìa danh tướng, hình thể
Tà kiến nương trong thân.
Quán sát pháp chuyển biến
Chư Thiên và địa ngục
Xúc chạm và bức não
Không có pháp trung ấm
Vì sao nương thức sinh?
Thai, noãn, thấp, hóa sinh

Sinh ở trong trung ấm
Thân chúng sinh vô số
Nên quán về khứ, lai
Lìa lượng và A-hàm
Hay sinh và phiền não
Các ngoại đạo nói càn
Người trí tuệ chớ chấp
Trước quán sát nơi ngã
Sau quán nơi nhân duyên
Không biết có, nói có
Cho nên con Thạch nữ
Trí tuệ lìa mắt thường
Mắt sáng thấy chúng sinh
Lìa xa ấm hữu vi
Thân chúng sinh vi diệu
Trong sắc xấu và đẹp
Giải thoát khỏi trói buộc
Diệu thể trụ hữu vi
Hay thấy Pháp thân đẹp
Đang ở trong sáu đường
Mê hiểu không cảnh giới
Ta qua nơi cõi người
Chẳng phải mê hiểu kia
Nên thân ta không sinh
Do đâu sinh như vậy?
Như bóng đèn trên sông
Sao không nói như vậy
Mà lúc thức chưa sinh
Chưa có vô minh thảy
Lìa mê ám không thức
Tại sao liên tục sinh
Ba đời và không đời
Năm thức không thể nói
Là cảnh giới chư Phật
Người mê lầm quán sát
Trong hành không thể nói
Do lìa trí trong hành
Bám chấp trong các hạnh

Trí lìa nơi pháp hành
Nương pháp này sinh ra
Hiện thấy là không nhân
Các duyên không thể thấy
Lìa xa không người tạo
Nương gió, lửa hay đốt
Do gió động nên sinh
Gió hay thổi động lửa
Gió trở lại diệt lửa
Người ngu không phân biệt
Tại sao sinh chúng sinh?
Thuyết hữu vi, vô vi
Lìa nương tựa chỗ dựa
Làm sao thành pháp kia
Ngu phân biệt gió, lửa
Sức tăng trưởng đây, kia
Pháp đây, kia không đồng
Làm sao mà lửa sinh
Chỉ ngôn ngữ vô nghĩa
Chúng sinh là ai tạo
Mà phân biệt như lửa?
Có thể tạo ấm, nhập
Thân, ý, nhân duyên sinh
Như nghĩa thường, vô ngã
Cùng tâm thường chuyển sinh
Hai pháp thường thanh tịnh
Lìa xa các nhân quả
Lửa không thể thành kia
Người mê muội không biết
Tâm, chúng sinh, Niết-bàn
Thể vốn tự thanh tịnh
Từ vô thủy đã nhiễm
Như hư không không khác
Ngoại đạo thấy tà vậy
Như voi trắng hùng mạnh
Nương ý, ý thức che
Các đại đều thanh tịnh
Người kia thấy như thật

Thấy rồi phá phiền não
Bỏ rừng rậm thí dụ
Người kia chấp cảnh Thánh
Trí hay biết sai khác
Nó phân biệt khác thể
Người ngu si không biết
Lại nói không thể nói
Ví như trống Chiên-đàn
Người ngu lại nói khác
Như Chiên-đàn ngâm nước
Trí chư Phật cũng vậy
Người ngu không hiểu biết
Do nương thấy hư vọng
Sau trưa không thọ thực
Dùng bát nhận đủ lượng
Lìa lỗi thân, miệng, ý
Ăn thức ăn thanh tịnh
Đây là hành như pháp
Tương ưng không thể biết
Nương pháp có thể tin
Chớ theo tà phân biệt
Không đắm vật thế gian
Khéo giữ gìn chánh nghĩa
Người ấy nhận vàng thật
Hay đốt sáng đèn pháp
Lìa nhân duyên có, không
Lìa phân biệt sai lầm
Các phiền não nhơ bẩn
Xa lìa tham và sân
Bấy giờ lại không sinh
Do không nhiễm tất cả
Chư Như Lai đưa tay
Thọ ký quả vị Phật
Ngoại đạo mê nhân quả
Người khác mê nhân duyên
Và không nhân, có vật
Thấy không có Thánh nhân
Thọ nơi quả chuyển biến

Thức cùng với ý thức
Ý nương tạng thức sinh
Thức từ nơi ý sinh
Các thức nương tạng thức
Hay sinh như sóng biển
Đều từ nhân huân tập
Tùy nhân duyên mà sinh
Niệm ràng buộc sai khác
Trói buộc tâm chấp cảnh
Giống như tướng hình thể
Ý, mắt thảy thức sinh
Lỗi buộc xưa đến nay
Nương huân tập chấp cảnh
Thấy các pháp ngoài tâm
Ngăn cái thấy ngoại đạo
Nương đó sinh các thứ
Và nương đó quán sinh
Cho nên sinh tà kiến
Và thế gian sinh tử
Các pháp như mộng, huyễn
Như thành Càn-thát-bà
Sóng nắng, trăng trong nước
Quán sát nơi tâm này
Làm sai với Chân như
Chánh trí huyễn Tam-muội
Nương định Thủ-lăng-nghiêm
Và các Tam-muội khác
Hội nhập nơi Sơ địa
Đắc các thông, Tam-muội
Trí và thân Như ý
Được thọ ký làm Phật
Bấy giờ tâm không sinh
Do thấy đời hư vọng
Đắc quán địa, các Địa
Và chứng đắc quả Phật
Chuyển thành thân y chỉ
Như các sắc Ma-ni
Cũng như trăng trong nước

Các chúng sinh tạo nghiệp
Lìa bè đảng có, không
Lìa hai và không hai
Ra khỏi chỗ Tiểu thừa.
Rời xa Địa thứ bảy
Các pháp thấy trong thân
Trong mỗi Địa thanh tịnh
Lìa ngoài vật, ngoại đạo
Bấy giờ nói Đại thừa
Chuyển nơi thức phân biệt
Lìa xa diệt biến đổi
Như sừng thỏ, Ma-ni
Người đắc giải thoát nói
Nương phiền não tương ưng
Nương pháp cũng như vậy
Nương tương ưng, tương ưng
Chớ phân biệt sai khác
Nhãn thức, nghiệp và thọ
Vô minh và chánh kiến
Nhãn sắc cùng với ý
Ý thức nhiễm như vậy
Phật nói kinh diệu này
Thánh giả Đại tuệ sĩ
Bồ-tát Ma-ha-tát
Đại vương La-ba-na
Thúc-ca-bà-la-na
Ung-nhĩ-đẳng-la-xoa
Trời, Rồng, Dạ-xoa thảy
Càn-thát-bà, Tu-la
Chư Thiên, chúng Tỳ-kheo
Rất hoan hỷ, vâng làm.

-oOo-

SỐ 672

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

Hán dịch: Đại Châu Vu-điền, Tam tạng
Pháp sư Thật-xoa-nan-đà.

QUYỂN 1

Phẩm 1: LA-BÀ-NA VƯƠNG THỈNH PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong thành Lăng-già, tại đỉnh núi Ma-la-da, trên bờ biển lớn, cùng đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Bồ-tát vân tập đông đủ.

Các Đại Bồ-tát này đều đã thông đạt năm pháp, ba tánh và các thức vô ngã. Họ hiểu rõ thế giới đối đãi này là sự biểu hiện của tâm mình và chứng đắc nhiều Tam-muội, thần thông tự tại. Các Đại Bồ-tát này phương tiện giáo hóa, tùy theo tâm thức chúng sinh mà hiện nhiều loại hình thể khác nhau. Các đại chúng Bồ-tát này đến từ vô số cõi nước và được chính tay của tất cả các Đức Phật làm pháp quán đảnh. Đại Bồ-tát Đại Tuệ làm thượng thủ hội chúng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp nơi cung Hải Long Vương hơn bảy ngày rồi ra khỏi biển cả, có vô lượng ức Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế, Tứ Thiên vương, Trời, Rồng cung nghênh. Đức Như Lai nhìn thành Lăng-già trên núi Ma-la-da mỉm cười nói:

–Các Như Lai toàn giác trong quá khứ đều ở thành này nói các pháp đã được tự chứng bằng Thánh trí, chẳng phải như tà kiến suy luận của ngoại đạo và thế giới tu hành của hàng Nhị thừa. Nay ta cũng thế, vì La-bà-na vương giảng dạy pháp này.

Khi ấy, La-bà-na là chúa loài Dạ-xoa, do nhờ thần lực Phật, nên nghe được lời ấy, từ xa biết Đức Như Lai vừa từ cung rồng ra, có Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế, Trời, Rồng cùng đến vây quanh. Nhìn sóng biển và nhìn cả ngọn gió dao động, thế giới biển thức A-lại-da chuyển động tiếp diễn trong hội chúng ấy, mà nghĩ đến sóng thức đang phát khởi, nên La-bà-na phát tâm hoan hỷ, ở trong thành ấy vui sướng thốt lên:

–Ta sẽ đến thỉnh Phật vào thành Lăng-già, làm cho ta cùng chư Thiên và loài người được nhiều lợi ích lâu dài.

Nói xong, La-bà-na cùng quyến thuộc, ngồi nơi điện nhỏ, được kết bằng hoa, đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, họ xuống xe, đi nhiễu quanh bên phải Thế Tôn ba vòng, rồi trỗi các âm nhạc cúng dường Đức Như Lai. Tất cả những nhạc khí của họ đều bằng châu báu, trời Đế Thích màu xanh, xen lẫn là báu lưu ly bọc bằng vải quý vô giá. Âm thanh của nhạc khí này êm dịu, giao hòa, réo rắt tuyệt vời. Trong âm nhạc đó, La-bà-na nói kệ tán thán Đức Phật:

Kho pháp tâm tự tánh
Vô ngã lìa kiến, cấu
Nhận thức bằng trí chứng
Xin Phật tuyên giảng nói
Thân kết tập pháp lành
Chứng trí thường an lạc
Bậc biến hóa tự tại
Mong vào thành Lăng-già
Phật, Bồ-tát quá khứ
Từng ở nơi thành này
Chúng con, các Dạ-xoa
Nhất tâm nguyện nghe pháp.

La-bà-na, chúa loài Dạ-xoa dùng âm điệu Tra-ca ngợi khen Phật, lại dùng âm ngợi khen ấy mà nói kệ:

Đức Thế Tôn bảy ngày
Ở trong biển Ma-kiệt
Sau rời khỏi Long cung
An lạc lên bờ này
Con cùng các thể nữ
Và quyến thuộc Dạ-xoa
Du-ca, Ba-lạt-na
Các bậc Trí trong chúng
Đều nhờ thần lực Phật
Đi đến chỗ Như Lai
Rời cung điện bằng hoa
Đảnh lễ Đức Thế Tôn
Và nhờ oai thần Phật
Trước Phật xưng họ tên
Con là vua La-sát

La-bà-na mười đầu
Nay con đến chỗ Phật
Mong Phật giáo hóa con
Cùng tất cả chúng sinh
Ở trong thành Lăng-già
Vô lượng Phật quá khứ
Đều lên đỉnh núi báu
Ở trong thành Lăng-già
Giảng nói pháp đã chứng
Đức Thế Tôn cũng vậy
Tại đỉnh núi báu kia
Chúng Bồ-tát vây quanh
Giảng nói pháp thanh tịnh
Chúng con ngày hôm nay
Cùng ở núi Lăng-già
Nhất tâm cùng muốn nghe
Pháp vô ngôn Phật chứng
Con nhớ đời xưa, nay
Vô lượng các Đức Phật
Chúng Bồ-tát vây quanh
Giảng nói kinh Lăng-già
Kinh Nhập Lăng-già đây
Phật xưa từng tán thán
Mong Phật ngày hôm nay
Vì đại chúng chỉ bày
Xin Phật vì thương xót
Vô lượng chúng Dạ-xoa
Vào thành quý giá kia
Dạy pháp môn vi diệu
Thành Lăng-già tốt đẹp
Trang hoàng bằng châu báu
Tường không bằng đất đá
Lưới báu bằng trân châu
Những chúng Dạ-xoa này
Xưa từng cúng dường Phật
Tu hành bỏ các lỗi
Thường chứng biết rõ ràng
Các Dạ-xoa nam nữ

Khát ngưỡng pháp Đại thừa
Kính tin pháp Đại thừa
Cũng muốn người khác tin
Cúi xin đấng Vô thượng
Vì những chúng La-sát
Và quyến thuộc mù tối
Đi đến thành Lăng-già
Con từ xưa đến nay
Siêng cúng dường chư Phật
Xin nghe pháp tự chứng
Cứu cánh đạo Đại thừa
Nguyện Phật thương tưởng con
Và các chúng Dạ-xoa
Cùng những chúng Phật tử
Vào thành Lăng-già đây
Thể nữ, cung điện con
Thật là nhiều anh lạc
Vườn vô ưu khả ái
Mong Phật thương nhận cho
Đối với Phật, Bồ-tát
Con xin dâng tất cả
Không tiếc thân phụng sự
Cúi xin Phật thương nhận.

Đức Thế Tôn nghe lời kệ, dạy:

–Này La-bà-na! Các bậc Đại đạo sư trong đời quá khứ đều thương tưởng và nhận lời thỉnh cầu của ngươi mà giảng nói pháp tự chứng tại núi báu này. Các Đức Phật tương lai cũng như vậy. Đây là trú xứ của các bậc tu hành pháp lạc quán hạnh sâu xa. Ta và các Bồ-tát vì thương tưởng ngươi nên nhận lời thỉnh cầu ấy.

Đức Thế Tôn nói xong ngồi tĩnh lặng.

Khi ấy, chúa La-bà-na mang tất cả cung điện hoa đẹp dâng cúng Đức Phật. Đức Phật ngồi trên điện hoa, vua Dạ-xoa và các Bồ-tát lần lượt tiếp nối nhau, vô lượng thể nữ ca ngâm khen ngợi cúng dường Đức Phật, cùng nhau đi đến thành Lăng-già. Đến thành rồi, chúa La-bà-na và các quyến thuộc dâng lên cúng dường Phật những vật tốt đẹp nhất. Những thanh niên Dạ-xoa nam nữ đem lưới báu cúng dường Phật. Chúa La-bà-na đem chuỗi ngọc báu quàng vào cổ Đức Phật và Bồ-tát.

Sau khi nhận sự cúng dường, Đức Thế Tôn và các Bồ-tát giảng nói tóm tắt pháp sâu xa, cùng cảnh giới tự chứng cho các Dạ-xoa nghe. Chúa La-bà-na và các quyến thuộc lại đến cúng dường Bồ-tát Đại Tuệ, ca tụng thỉnh cầu Bồ-tát:

Con và các Bồ-tát
Thỉnh hỏi Đức Thế Tôn
Tất cả Đức Như Lai
Cảnh giới trí tự chứng
Con cùng chúng Dạ-xoa
Và các Bồ-tát này
Nhất tâm nguyện muốn nghe
Thế nên cùng thỉnh ngài
Ngài là bậc tu hành
Tối thắng trong ngôn luận
Chúng con rất tôn kính
Xin ngài tham vấn Phật
Pháp thanh tịnh tự chứng
Cứu cánh vào Phật địa
Xa tất cả lỗi lầm
Của Nhị thừa ngoại đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vận sức thần thông, ở nơi núi Lăng-già hóa ra vô lượng núi báu, trang hoàng bằng trăm ngàn vạn ức châu báu tốt đẹp của chư Thiên. Trên đỉnh của từng ngọn núi báu đều thấy hiện thân Phật. Trước mỗi Đức Phật đều có chúa La-bà-na và hội chúng, cùng tất cả cõi nước khắp mười phương đều hiện ra nơi núi đó. Trong mỗi nước đều có Như Lai, trước mỗi Đức Như Lai đều có chúa La-bà-na cùng quyến thuộc của vua và vườn A-du-ca nơi đại thành Lăng-già có những sự trang nghiêm cũng như vậy không khác. Nơi mỗi nước đó đều có Bồ-tát Đại Tuệ đang thưa hỏi Phật. Đức Phật vì đại chúng, dùng trăm ngàn thanh âm vi diệu khai thị cảnh trí tự chứng. Nói kinh này xong, Đức Phật và Bồ-tát đều ẩn mất trong hư không. Còn lại chúa La-bà-na chỉ thấy chính mình đang ở nơi cung cũ.

La-bà-na suy nghĩ: "Vừa rồi là ai? Ai đã nghe những lời chỉ dạy? Ai đã thấy mọi hiện tượng? Đức Phật đâu rồi? Núi, rừng, châu báu, đất đai, thành quách đâu? Những sự kiện đó bây giờ đang ở đâu? Là giấc mộng chăng? Hay ảo ảnh tạo thành? Hay đó là thành Càn-thát-bà hóa hiện ra? Hay ta bị thấy bởi hoa mắt, là ánh lửa làm mê hoặc? Như đứa con trong cơn mộng do người đàn bà đá sinh? Hay là những ánh đuốc quay vòng mà

ta thấy như thế?"

Chúa La-bà-na lại suy nghĩ: "Tính chất của các pháp đều như thế. Chỉ do tự tâm phân biệt cảnh giới mà kẻ phàm phu mê muội không hiểu rõ. Không có người thấy, cũng không có cái gì được thấy. Không có người nói, cũng không có điều được nói. Thấy Phật, nghe Pháp… đều là sự phân biệt. Kẻ nào thấy theo cách đã thấy trước kia, thì không thể thấy Phật. Khi không có tâm phân biệt sinh khởi, thì đó chính thực là thấy."

Chúa La-bà-na chợt tỉnh ngộ, xa lìa các pháp tạp nhiễm, chứng đắc tự tâm, trú cảnh giới vô phân biệt. Đời trước đã gieo trồng nhiều năng lực thiện căn, nên đối với tất cả các pháp ông được thấy đúng như thật (Không ngộ do người khác, bằng thắng trí thiện xảo để quán sát). Vĩnh viễn xa lìa tất cả những hiểu biết sai lầm ức đoán. Ông trở thành bậc thầy đại tu hành, tự thân hóa hiện các tướng, khéo đạt phương tiện, biết rõ các cấp độ của Bồ-tát. Thường ưa viễn ly tâm, ý và ý thức, đoạn trừ ba kiến tương tục, xa lìa sự chấp trước của ngoại đạo, tự giác ngộ vào Như Lai, hướng đến Phật địa.

Khi ấy, trong hư không và trong cung điện bỗng phát ra tiếng nói:

–Lành thay! Đại vương! Như những điều ngươi đã học, bậc tu hành nên học như vậy, nên thấy như vậy. Tất cả Như Lai cũng thấy như ngươi thấy. Những ai trông thấy các pháp mà khác đây, thì gọi người đó là chấp đoạn. Ngươi hãy vĩnh viễn xa lìa tâm, ý và ý thức. Thường nỗ lực quán sát tất cả các pháp, nên nhìn vào nội tâm, đừng để bị ràng buộc vào cái thấy bên ngoài, chớ rơi vào Nhị thừa, cho đến ngoại đạo, hay rơi vào nghĩa cú, kiến giải và sự chứng đắc các pháp Tam-muội. Ngươi chớ nên ưa thích nói bông đùa, bỡn cợt. Ngươi không nên sinh khởi những kiến thức quanh co và không nên đắm trước tự do nơi vương vị, không nên trú trong sáu định. Nếu được như thế là người tu hành chân thật, bẻ gãy những luận thuyết của người khác, phá tan những kiến giải tai hại xấu xa, xả bỏ tất cả những chấp trước về ngã. Lấy trí tuệ sáng suốt chuyển thức sở y, tu đạo Đại thừa Bồ-tát, đạt đến cấp độ tự chứng của Như Lai đã đạt. Ngươi hãy nên nỗ lực tu học như vậy, làm cho đắc pháp, chuyển đến thanh tịnh, tinh tấn tu tập thiền định và thiền tuệ. Chớ đắm trước cảnh giới Nhị thừa ngoại đạo, cho là an vui tối thượng, vì đó là tâm phân biệt của người tu phàm phu ngoại đạo, chấp ngã kiến nên có ngã tướng và thật đức, nên sinh đắm trước. Hàng Nhị thừa chấp có, nên vô minh duyên hành, nên loạn tưởng phân biệt đối với tánh không.

Này chúa thành Lăng-già! Pháp này là đạo Đại thừa, siêu việt tất cả,

có thể làm cho thành tựu, tự chứng thánh trí. Pháp này đưa đến sự sống tốt đẹp tuyệt vời trong các cõi.

Lăng-già vương! Hạnh Đại thừa này phá tan bóng tối vô minh, ngăn chặn làn sóng của thức và không rơi vào trong những kiến thức sai lầm của ngoại đạo.

Lăng-già vương! Người thực hành theo ngoại đạo, chấp trước nơi ngã, tạo những dị luận, không thể giảng nói để rời bỏ, chấp chặt về kiến và hai nghĩa của thức tánh.

Lành thay, này chúa thành Lăng-già! Hãy tư duy về ý nghĩa này như đã tư duy khi gặp Phật trước đây. Thật thế, tư duy pháp này chính là thấy Đức Như Lai.

Bấy giờ, chúa La-bà-na suy nghĩ: "Con mong được gặp lại Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn Như Lai là bậc quán thấy tự tại tất cả vạn pháp, là bậc đã xa lìa pháp ngoại đạo, nói về sự chứng ngộ cảnh giới của đấng Thánh trí, là bậc siêu việt các ứng hóa và làm những việc đáng làm, là bậc an trú thiền định Như Lai và nhập Tam-muội an lạc. Thế nên Như Lai còn gọi là Bậc Thầy đại quán hạnh, cũng gọi là Đấng Đại Từ Mẫn, đốt hết phiền não, không còn củi phân biệt, là Bậc được các chúng đệ tử Phật vây quanh và đã thâm nhập trong tâm thức của tất cả chúng sinh, là Đấng đầy đủ Nhất thiết trí, đi khắp đến mọi nơi, vĩnh viễn xa lìa sự tướng phân biệt. Thế nên gặp được Đức Thế Tôn, lại với sức thần thông lớn, con sẽ đạt được những gì chưa đạt và đã đạt rồi đều được không thoái chuyển, xa lìa các phân biệt, an trú nơi hỷ lạc Tam-muội, tinh tấn trọn vẹn đến bậc Trí của Như Lai."

Đức Thế Tôn biết rằng chúa thành Lăng-già sẽ chứng ngộ Vô sinh pháp nhẫn nhưng vì lòng Từ thương xót nên hiện ra một lần nữa, làm cho các sự biến hóa trở lại như cũ. Thập đầu vương thấy những điều đã từng thấy, vô lượng núi non, thành quách được trang hoàng bằng châu báu. Trong mỗi mỗi thành đó đều có Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác với ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân. Đồng thời ông cũng tự thấy mình đối diện với các Đức Phật, đều có Dạ-xoa Đại Tuệ vây quanh đang thuyết pháp của trí tự chứng, cũng thấy cõi nước của chư Phật khắp mười phương… Những việc như thế hoàn toàn không khác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nhìn khắp đại chúng bằng đôi mắt trí tuệ, chứ không nhìn bằng đôi mắt của người thường. Oai hùng như sư tử chúa, Thế Tôn quay lại đưa mắt uy nghiêm nhìn với nụ cười rạng rỡ phát thành tiếng. Giữa chân mày, từ bàn tọa đến bên sườn, từ hông, từ lưng, từ cổ cho đến vai nơi chữ Vạn, từ cánh tay, nơi từng lỗ chân lông phóng ra vô lượng

tia hào quang sắc màu vi diệu, như cầu vồng rực rỡ, như mặt trời tỏa chiếu ánh sáng và như kiếp hỏa bùng cháy mãnh liệt sáng ngời.

Trong hư không, Phạm thiên, Đế thích, Tứ Thiên vương, từ xa trông thấy Đức Như Lai ngồi trên đỉnh núi Lăng-già, có thể sánh với núi Tu-di và dường như đang hân hoan cười lớn; lúc ấy các Bồ-tát và chúng trời đều nghĩ rằng: "Không hiểu vì nguyên nhân nào mà Đức Như Lai Thế Tôn vốn rất tự tại đối với các pháp, lại hân hoan cười lớn như thế? Tại sao từ Đức Như Lai phóng ra ánh sáng, tịch lặng, không dao động, ở trong cảnh giới tự chứng nhập Tam-muội an lạc? Như sư tử chúa, Đức Như Lai quay nhìn khắp nơi quán sát La-bà-na và nghĩ đến pháp như thật?"

Bấy giờ, Đại Tuệ là vị Đại Bồ-tát mà trước đây La-bà-na chỉ thỉnh cầu tham vấn Đức Phật, biết tâm ý của hội chúng Bồ-tát, cùng quán thấy tất cả chúng sinh đời tương lai đều thích đắm trước vào ngôn ngữ văn tự, theo ngôn từ chấp nghĩa lý mà sinh ra mê muội, chấp chặt vào sự tu hành của hàng ngoại đạo Nhị thừa. Họ nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn đã vượt cảnh giới tâm thức siêu việt, mà vì nguyên nhân nào Đức Thế Tôn hân hoan cười thành tiếng?" Bồ-tát Đại Tuệ vì muốn giải tỏa sự nghi ngờ thắc mắc đó, nên thỉnh hỏi Phật.

Đức Phật bảo:

–Hay thay! Đại Tuệ! Lành thay! Đại Tuệ! Ông đã quán sát thế gian, thương xót chúng sinh bị ràng buộc nơi kiến giải sai lầm trong quá khứ, hiện tại, tương lai và muốn cho họ được giải ngộ nên mới hỏi ta. Những người có trí tuệ, vì lợi ích cho mình cho người, mới thưa hỏi như vậy.

Này Đại Tuệ! Chúa thành Lăng-già đây đã từng hỏi hai câu này nơi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ. Hiện tại ông cũng muốn hỏi ta và tương lai cũng như thế. Hai câu này có tướng khác nhau, điều mà tất cả hàng Nhị thừa và ngoại đạo không thể biết hết.

Đức Như Lai biết chúa thành Lăng-già muốn hỏi ý này, nên bảo:

–Lăng-già vương! Ngươi muốn hỏi ta thì hãy thưa nhanh đi. Ta sẽ giải thích và phân tích đầy đủ theo sở nguyện của ngươi, khiến ngươi được hoan hỷ. Ngươi hãy dùng trí tuệ tư duy, quán sát, xa lìa những sự phân biệt và khéo biết các cấp độ tu tập, đối trị thấu suốt bản chất của nguyên lý trong an lạc của Tam-muội. Được các Đức Như Lai hộ trì, an trú trong an lạc của thiền định và xa lìa lầm lỗi của hàng Nhị thừa. Hãy an trú nơi Bất động địa, Thiện tuệ địa và Pháp vân địa. Như thật biết các pháp đều vô ngã. Như Lai ở trong cung Đại bảo liên hoa, dùng nước Tam-muội làm pháp quán đảnh cho ngươi. Và hiện vô lượng hoa sen chung quanh, có vô số Bồ-tát ở trong

đó, cùng các hội chúng đang lần lượt nhìn ngươi. Cảnh giới như thế vượt ra ngoài trí tưởng tượng luận bàn.

Lăng-già vương! Ngươi phát họa ra một cách nhìn thích hợp và đặt mình vào một mức độ, phát họa vô lượng phương tiện thiện xảo, nhất định ngươi sẽ đạt những điều như trên đã nói, không thể suy nghĩ luận bàn. Ngươi nên đạt đến địa vị của Như Lai, tùy theo đối tượng, thể hiện nhiều hình tướng khác nhau. Những gì ngươi sẽ thành tựu là điều mà tất cả hàng ngoại đạo, Nhị thừa và Phạm vương, Đế Thích, Tứ Thiên vương… chưa từng thấy.

Chúa Lăng-già nhờ ân Phật hứa khả, được ở ngay nơi ánh sáng thanh tịnh như hoa sen lớn trên đỉnh núi báu. Ông rời khỏi tòa, cùng các thể nữ vây quanh. Có vô lượng những bông hoa tươi đẹp đầy màu sắc, những hương thơm, hương bột, tràng phan, lọng báu, chuỗi ngọc, những vật dụng trang nghiêm tốt đẹp nhất mà ngoài thế gian chưa ai từng nghe thấy vừa được hóa hiện ra. Những nhạc cụ âm nhạc, vô lượng nhạc khí ở cõi Dục có vượt hơn tất cả nhạc của chư Thiên, Trời, Rồng, Càn-thát-bà… ở thế gian, những khí cụ âm nhạc mà khắp các cõi nước mười phương chưa từng thấy, được hóa hiện ra. Những màn lưới báu lớn giăng khắp trên tất cả Phật, Bồ-tát. Nhiều loại y phục tốt đẹp nhất và đủ loại cờ xí, tràng phan đều được dựng lên để cúng dường Phật.

Những việc này được hóa hiện xong, chúa loài Dạ-xoa bay lên hư không cao bằng bảy cây đa-la. Trong hư không, trời mưa tuôn xuống những đám mây lớn chứa vật cúng dường và những âm nhạc. Vị ấy từ hư không hạ xuống, ngồi trên đỉnh núi báu, sáng rực như mặt trời thứ hai, như hoa sen lớn, hoan hỷ, cung kính vui mừng bạch:

–Con muốn thỉnh hỏi Đức Như Lai hai việc. Hai việc này, con đã từng thỉnh hỏi Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ và Đức Phật Thế Tôn đã chỉ dạy cho con. Hiện tại con cũng muốn thỉnh hỏi nghĩa này, cúi xin Đức Như Lai vì con mà tuyên nói.

Bạch Thế Tôn! Hai việc này do Đức Như Lai biến hóa nói, chứ không phải chính Đức Phật căn bản. Đức Phật căn bản nói cảnh giới an lạc của Tam-muội. Đức Phật không nói những sự tu hành phân biệt hư dối.

Lành thay! Đức Thế Tôn! Đấng Tự Tại đối với các pháp, cúi xin Thế Tôn thương xót chỉ dạy cho con hai nghĩa này. Tự thâm tâm chúng đệ tử Phật đều muốn được nghe.

Đức Thế Tôn bảo chúa thành Lăng-già:

–Ta sẽ chỉ dạy những điều ngươi vừa thưa hỏi.

Khi ấy, chúa loài Dạ-xoa lại mang chuỗi ngọc, mão báu và tất cả những vật tốt đẹp để trang nghiêm thân mà bạch:

–Đức Như Lai thường dạy: "Pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp." Làm thế nào bỏ được hai pháp này? Những gì là pháp? Những gì là phi pháp? Pháp nên bỏ thì làm sao có hai? Nói có hai, tức rơi vào tướng phân biệt. Hữu thể hay vô thể là thật hay chẳng phải thật? Như thế, tất cả đều là phân biệt, không thể biết rõ tướng vô sai biệt của thức A-lại-da. Giống như việc trông thấy cái vòng tóc, chẳng phải cảnh trí thanh tịnh. Tánh pháp như vậy thì làm thế nào có thể lìa bỏ pháp?

Đức Phật bảo:

–Lăng-già vương! Phải chăng ngươi không thấy những vật như cái bình,… là pháp vô thường tan hoại? Kẻ phàm phu đối với nó vọng sinh phân biệt. Vì sao nay ngươi không như thật biết tướng sai biệt của pháp, cùng phi pháp? Đây là sự phân biệt của phàm phu, không phải tri kiến của bậc Thánh. Phàm phu bị rơi vào đủ loại tướng, nên không phải là bậc Thánh.

Lăng-già vương! Như vườn, rừng, cung điện… bị đốt cháy, thấy rất nhiều loại ngọn lửa, tuy nhiên tính chất của lửa chỉ là một. Do năng lực của củi phát ra ánh lửa, cho nên có dài ngắn, lớn nhỏ, mỗi ngọn lửa khác nhau. Vì sao ngươi không biết đúng như thật tướng sai biệt của pháp cùng phi pháp?

Lăng-già vương! Như một hạt giống sinh ra mầm, chồi, cành, lá, hoa, quả, vô lượng sự sai khác nhau. Ngoại pháp cũng thế và nội pháp cũng thế. Nghĩa là vô minh làm duyên sinh ra uẩn, xứ, giới và tất cả các pháp. Ở trong ba cõi, thọ sinh nơi các nẻo; có khổ, vui, tốt, xấu, nói năng, im lặng, làm, nghỉ… mỗi mỗi tướng khác nhau. Và như các thức tướng, tuy là một nhưng tùy nơi cảnh giới mà có thượng, trung, hạ, nhơ, sạch, thiện, ác… nhiều tướng trạng khác nhau.

Lăng-già vương! Không phải chỉ có các pháp như trên mới sai biệt, mà những người tu hành khi tu quán hạnh, hành động theo trí của họ cũng thấy có tướng sai khác, huống là pháp và phi pháp làm sao khỏi có muôn ngàn sự phân biệt khác nhau.

Lăng-già vương! Tướng sai khác của pháp và phi pháp, nên biết đều là tướng phân biệt.

Lăng-già vương! Thế nào là pháp? Nghĩa là hàng ngoại đạo Nhị thừa phân biệt lừa dối, nghĩ rằng: Các pháp là có thật, do nhân duyên tạo thành. Các pháp như thế nên từ bỏ, nên xa lìa, không nên từ đó chấp tướng phân

biệt. Thấy pháp tánh tự tâm thì không chấp trước. Những vật như bình,… là chỗ chấp giữ của phàm ngu, vốn không có thật thể. Những hành giả nhìn sự vật nên nhập thiền quán để quán sát đúng chân lý, gọi là xả bỏ các pháp.

Lăng-già vương! Thế nào gọi là phi pháp? Nghĩa là các pháp vô tánh, vô tướng, vĩnh viễn xa rời sự phân biệt. Người thấy đúng như thật, cảnh giới này hoặc có hay không thì vẫn không phát khởi. Đây gọi là xả bỏ phi pháp. Và phi pháp còn có nghĩa như sừng thỏ, con của Thạch nữ… đều không có tánh tướng, không thể phân biệt, chỉ theo thế tục mà nói có danh tự, đâu như cái bình… mà có thể chấp giữ? Vì sự chấp giữ kia chẳng phải là thức. Các pháp phân biệt cũng phải từ bỏ như thế. Đây gọi là sự từ bỏ pháp và phi pháp.

Lăng-già vương! Ngươi bảo rằng: "Con đã hỏi câu này nơi các Đức Như Lai quá khứ và các Đức Như Lai ấy cũng đã trả lời cho con." Lăng-già vương! Điều ngươi nói ra thuộc về quá khứ, chỉ là phân biệt và tương lai cũng thế. Ta cũng giống như vậy.

Lăng-già vương! Pháp của các Đức Phật kia đều xa lìa phân biệt, đã vượt khỏi tất cả phân biệt và hý luận. Chư Phật không theo sắc tướng, ngoại trừ trí tuệ thực chứng để soi sáng chúng sinh được an lạc. Thế nên Như Lai thuyết giảng pháp bằng trí tuệ, vượt lên trên sắc tướng, gọi là Như Lai. Như Lai lấy trí làm thể, có thân thể của ngài trong trí tuệ. Vì thế, ngài không phân biệt và không bị phân biệt. Không thể phân biệt theo ý niệm về tự ngã tánh, hay chúng sinh tánh. Không phân biệt như thế nào? Vì ý thức làm nhân cảnh giới mà phát sinh, rồi giữ lấy hình tướng của sắc. Do đó đừng phân biệt và nên xa lìa đối tượng phân biệt.

Lăng-già vương! Ví như trên tường được họa hình ảnh của chúng sinh nhưng không có tâm thức. Chúng sinh nơi thế gian giống như hình vẽ trên tường ấy, không có tạo tác, không có quả báo. Các giáo pháp cũng thế, không có sự nghe, không có sự giảng nói.

Lăng-già vương! Chúng sinh ở thế gian giống như sự biến hóa, kẻ phàm phu ngoại đạo không thể hiểu thông.

Lăng-già vương! Những ai thấy được như vậy, gọi là thấy đúng như thật. Những ai nhìn sự vật khác như vậy, thì đó gọi là cái thấy phân biệt. Do phân biệt nên chấp vào nhị biên.

Lăng-già vương! Ví như có người thấy hình ảnh mình phản chiếu trong gương, trong nước, hay thấy ánh trăng trong dòng nước, hay nghe tiếng vang trong hang núi, người ấy sinh tâm chấp chặt vào những hình bóng ấy của mình mà sinh phân biệt. Ở đây cũng thế, duy trì sự phân biệt

của pháp và phi pháp, do phân biệt nên không thể xa lìa, càng tăng trưởng biết bao nhiêu hư vọng, nên không đạt được sự an tịnh. Do an tịnh có ý nghĩa nhất duyên (nhất tánh) và nhất duyên là đỉnh cao của Tam-muội. Từ đây sinh ra Thánh trí tự chứng, lấy Như Lai tạng làm cảnh giới.

-oOo-

Phẩm 2: SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP (Phần 1)

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ cùng Bồ-tát Ma-đế đã từng đến tất cả các cõi nước. Nhờ thần lực Phật, Bồ-tát rời khỏi chỗ ngồi, kéo lệch y bên vai phải, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay hướng về phía Phật, cung kính đảnh lễ và nói kệ:

Thế gian lìa sinh diệt
Như hoa đốm hư không
Trí không định hữu, vô
Nên sinh tâm đại Bi.
Vạn pháp như huyễn ảo
Vượt khỏi tầm tâm thức
Trí không có hữu, vô
Nên sinh tâm đại Bi.
Thế gian thường như mộng
Nó vượt khỏi đoạn, thường
Trí không đắc hữu, vô
Nên sinh tâm đại Bi.
Biết nhân, pháp vô ngã
Phiền não và đối tượng
Thường thanh tịnh vô tướng
Nên sinh tâm đại Bi.
Phật không trụ Niết-bàn
Niết-bàn không trong Phật
Vượt khỏi giác, sự giác
Hoặc hữu và phi hữu.
Pháp thân như huyễn mộng
Có chi để ngợi khen?
Biết vô tánh, vô sinh
Chính là ca ngợi Phật.
Phật không tướng, căn, trần
Không thấy, tức thấy Phật
Làm sao khen hay chê

Đối với Đấng Mâu-ni.
Ai thấy Đấng Mâu-ni
An tịnh lìa sinh diệt
Thì đời này, đời sau
Vượt khỏi bao ràng buộc.

Đại Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ ca tụng Thế Tôn xong, tự xưng tên họ:

Con tên là Đại Tuệ
Thông hiểu pháp Đại thừa
Hỏi trăm lẻ tám câu
Đấng biện tài cao tột.

Đấng tối thắng trên đời nghe Bồ-tát nói xong, nhìn khắp hội chúng mà nói kệ:

Những người con tối thắng
Hãy hỏi điều muốn hỏi
Ta sẽ vì các ngươi
Chỉ cảnh giới tự chứng.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ được Phật hứa khả, đảnh lễ dưới chân và dùng kệ hỏi:

Vì sao khởi phân biệt
Làm sao hết phân biệt
Vì sao sinh mê hoặc
Làm sao hết mê hoặc
Thế nào gọi Phật tử
Và cấp độ vô tưởng
Cách giáo hóa cõi Phật
Chúng sinh hàng ngoại đạo
Giải thoát đến độ nào
Ai trói buộc, ai mở
Thế nào cảnh giới thiền
Do đâu có Tam thừa
Do duyên gì mà sinh?
Gì làm, đối tượng làm
Ai nói pháp đồng, dị
Do đâu các hữu khởi
Thế nào Vô sắc định
Sao gọi Diệt tận định
Làm sao các tưởng diệt

Thế nào từ định xuất
Hành động sinh thế nào
Sao tiến lùi giữ thân
Thấy các vật thế nào
Do đâu vào các Địa
Vì sao có Phật tử
Phá ba cõi là ai
Trú xứ, thân là gì
Sinh và trụ ở đâu
Ai đạt được thần thông
Tự tại các Tam-muội
Tâm Tam-muội thế nào
Xin Phật dạy cho con.
Thế nào gọi tạng thức
Vì sao gọi ý thức
Vì sao sinh tà kiến
Làm sao diệt các kiến
Chủng tánh, phi chủng tánh
Duy tâm nghĩa là gì
Nhân nào kiến lập tướng
Do đâu thành vô ngã
Sao nói không chúng sinh
Nói sao hợp thế tục
Cách nào khỏi sinh khổ
Thường kiến và đoạn kiến
Chư Phật và ngoại đạo
Tại sao chẳng trái nhau
Vì sao đời tương lai
Phát sinh nhiều bộ phái
Tánh không nghĩa là gì
Thế nào sát-na diệt
Thai tạng làm sao khởi
Sao ổn định thế giới
Tại sao cuộc đời này
Như ảo ảnh, giấc mộng
Như thành Càn, sóng nắng
Như trăng trong dòng nước
Bồ-đề phần là gì

Giác phần từ đâu sinh
Cõi nước sao hỗn loạn
Làm sao thấy các hữu
Sao biết pháp thế gian
Làm sao lìa văn tự
Thế nào như hoa đốm
Không sinh và không diệt
Bao nhiêu loại chân như
Tâm có bao nhiêu loại
Làm sao như hư không
Thế nào lìa phân biệt
Thứ tự các cấp độ
Làm sao được vô tưởng
Hai vô ngã là gì
Cách nào sinh tri kiến
Bao nhiêu loại Thánh trí
Bao nhiêu giới, chúng sinh
Các châu báu, ma-ni…
Thật tánh từ đâu sinh
Ai phát sinh ngôn ngữ
Vạn vật và chúng sinh
Kinh điển cùng kỹ thuật
Do ai phát minh ra
Có bao nhiêu loại kệ
Văn xuôi và văn vần
Mấy lý luận khác nhau
Bao nhiêu giải thích khác
Thực phẩm do ai tạo
Ái dục từ đâu sinh
Sao gọi Chuyển luân vương
Lãnh chúa các Tiểu vương
Vua thống lãnh thế nào
Trời có bao nhiêu loại
Đất, trăng, sao, mặt trời
Những hành tinh ra sao
Giải thoát có mấy thứ
Bao nhiêu bậc Đạo sư
Sao gọi A-xà-lê

Đệ tử có mấy loại
Có bao Bậc Như Lai
Bản sinh cùng Bản sự
Các ma và ngoại đạo
Như vậy có bao nhiêu
Tự tánh và bản tâm
Có mấy loại riêng biệt
Vì sao chỉ giả thiết
Xin Phật giảng cho con.
Do đâu có mây, gió
Niệm, tuệ do đâu có
Cỏ cây và rừng rậm
Xin hãy nói cho con
Vì sao lại bắt giữ
Muông thú, ngựa và voi
Sao có kẻ xấu, ngu
Xin Phật cho con biết
Vì sao có sáu thời
Sao gọi Nhất-xiển-đề
Do đâu có sự sinh
Nam nữ, phi nam nữ
Siêng tu hành thế nào
Tu lui sụt là sao
Có bao nhiêu Du-già
Khiến người tu pháp ấy
Chúng sinh vào các cõi
Hình sắc tướng thế nào
Nhiều giàu sang tự tại
Nhân này do đâu có
Sao có dòng họ Thích
Sao có họ Cam-giá
Tiên nhân nhiều khổ hạnh
Vị ấy nói điều chi
Nhân nào Phật Thế Tôn
Hiện trong vô số cõi
Có đủ loại chúng sinh
Các Phật tử vây quanh
Tại sao không ăn thịt

Nguyên nhân nào cấm thịt
Ăn thịt các chúng sinh
Vì nhân nào ăn thịt
Tại sao các cõi nước
Giống như mặt trời, trăng
Tu-di và hoa sen
Chữ vạn, tướng sư tử
Vì sao các cõi nước
Giống lưới trời Đế Thích
Úp xuống hoặc một bên
Tạo thành bởi châu báu
Vì sao các cõi nước
Sáng ánh trời, trăng sạch
Hoặc như hình hoa quả
Sáo trúc, đàn hay trống
Sao gọi Phật hóa thân
Thế nào báo thân Phật
Trí tuệ Phật chân như
Mong vì con mà nói
Tại sao nơi cõi Dục
Không thành tựu Chánh giác
Sao trời Sắc cứu cánh
Lìa nhiễm, đắc Bồ-đề
Khi Như Lai diệt độ
Ai hộ trì chánh pháp
Phật trụ thế bao lâu
Chánh pháp bao lâu diệt
Tất-đàn bao nhiêu loại
Có bao nhiêu quan điểm
Vì sao lập giới luật
Tất cả các Tỳ-kheo
Tất cả các Phật tử
Độc giác và Thanh văn
Làm sao chuyển sở y
Vì sao đắc vô tưởng
Sao đạt thế tục thông
Làm sao được xuất thế
Và vì nguyên nhân nào

Tâm trụ trong Thất địa
Tăng-già có mấy loại
Vì sao thành phá Tăng
Làm sao vì chúng sinh
Chữa trị bằng thuốc men
Sao Đấng Đại Mâu-ni
Xướng những lời như thế
Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm Mâu-ni
Tại sao nói đoạn thường
Có ngã và vô ngã
Sao không thường nói thật
Tất cả do tâm tạo
Rừng nam, nữ là gì
Ha-lê, A-ma-la
Kê-la-sa, Luân vi
Cho đến núi Kim cang
Giữa những núi như thế
Trang hoàng nhiều châu báu
Tiên nhân, Càn-thát-bà
Tất cả đều sung mãn
Đây do nhân duyên gì
Xin Phật cho con biết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghe những lời thỉnh hỏi trong giáo pháp mầu nhiệm của Đại thừa và cũng là pháp môn Tối thượng tâm của chư Phật. Thế Tôn nói:

–Hay thay! Này Đại Tuệ! Hãy lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ nói trình tự về những câu hỏi của ông.

Rồi Phật nói kệ:

Pháp sinh hay bất sinh
Tướng không và Niết-bàn
Lưu chuyển không tự tánh
Bồ-tát Ba-la-mật
Thanh văn, Bích-chi-phật
Ngoại đạo hạnh vô sắc
Núi Tu-di, biển cả
Bãi, bờ cõi, đất đai

Sao, trăng, cùng mặt trời
Chư Thiên, A-tu-la
Tự tại thường giải thoát
Lực thiền, các Tam-muội
Diệt và Như ý túc
Bồ-đề phần và đạo
Thiền định cùng vô lượng
Các uẩn, sự đến đi
Cho đến Diệt tận định
Tâm sinh khởi ngôn từ
Tâm, ý thức, vô ngã
Tự tánh và năm pháp
Phân biệt, sở phân biệt
Năng sở hiện nhị kiến
Các thừa, nơi dòng họ
Vàng ngọc, trân báu quý
Loại lớn Nhất-xiển-đề
Hoang loạn và một Phật
Trí biết sự đạt được
Chúng sinh có hay không
Nhân nào thú, voi, ngựa
Vì sao bị bắt giữ
Vì sao nhân thí dụ
Tương ưng thành Tất-đàn
Khả năng và hành động
Các rừng cùng mê hoặc
Lý chân thật như thế
Duy tâm không cảnh giới
Các địa không cấp độ
Vô tướng và chuyển đổi
Y học, nghề, luận lý
Kinh điển và kỹ thuật
Mặt đất, núi Tu-di
Lượng biển, trăng, mặt trời
Chúng sinh thượng, trung, hạ
Thân có bao vi trần
Mỗi cõi bao vi trần
Mỗi cung bao nhiêu tấc

Cung mấy câu-lô-xá
Nửa do-tuần hay một
Lông thỏ, bụi khe cửa
Lúa mạch, lông dê, rận
Nửa đấu hay một đấu
Có bao nhiêu lúa mạch
Một đấu hay mười đấu
Mười vạn, muôn ngàn ức
Cho đến Tần-bà-la
Như thế số bao nhiêu
Bao bụi thành hạt cải
Bao hạt cải thành cỏ
Gồm bao nhiêu hạt cỏ
Mới thành một hạt đậu
Bao hạt đậu thành thù
Bao nhiêu thù thành lượng
Bao nhiêu lượng thành cân
Bao cân thành Tu-di
Sao không hỏi điều này
Sao lại hỏi việc khác
Thanh văn, Bích-chi-phật
Chư Phật và Bồ-tát
Những thân lượng như thế
Có bao nhiêu bụi trần
Bao bụi trần trong lửa
Bao nhiêu trăng một căn
Lỗ chân lông, chân mày
Bao nhiêu bụi tạo thành
Những sự việc như thế
Sao ngươi không hỏi ta
Vì sao được giàu có
Sao làm Chuyển luân vương
Giữ vương quốc thế nào
Làm sao được giải thoát
Sao văn xuôi, văn vần
Dục tình và thực phẩm
Thế nào rừng nam nữ
Các núi như Kim cang…

Như mộng huyễn khát ái
Mây từ đâu nổi lên
Do đâu có các mùa
Tánh vị giác thế nào
Nam nữ, phi nam nữ
Trang hoàng Phật, Bồ-tát
Thế nào núi nhiệm mầu
Tiên Đạt-bà trang nghiêm
Làm sao được giải thoát
Ai ràng buộc, ai mở
Cảnh giới thiền thế nào
Ngoại đạo và biến hóa
Thế nào nhân vô tác
Nhân hữu tác thế nào
Do đâu chuyển các kiến
Vì sao sinh phân biệt
Thế nào hết tính toán
Hành động do đâu sinh
Làm sao chuyển được nghiệp
Diệt các tưởng thế nào
Thế nào khởi Tam-muội
Ai phá bỏ tam giới
Thế nào là thân, xứ
Vì sao không có ngã
Nói phù hợp thế tục
Ngươi có hỏi về tướng
Và hỏi về phi ngã
Thế nào là thai tạng
Cho đến chi phần khác
Đoạn thường kiến thế nào
Làm sao tâm một cảnh
Thế nào trí ngôn thuyết
Giới chủng tánh Bồ-tát
Làm sao hợp lý luận
Thầy, môn đệ thế nào
Chúng sinh khác chủng tánh
Thực phẩm và hư không
Thể hiện trí thông minh

Ngươi hỏi ta điều gì
Về cây mọc, cây leo
Vì sao tất cả cõi
Các tướng không đồng nhau
Có dạng như cây đàn
Như eo trống, như hoa
Hoặc không có ánh sáng
Tiên nhân nhiều khổ hạnh
Có dòng họ giàu sang
Được chúng sinh tôn trọng
Có kẻ thân nghèo xấu
Bị lắm kẻ khinh thường
Vì sao trong Dục giới
Tu hành không thành Phật
Sao ở Sắc cứu cánh
Tu thành Đẳng chánh giác
Vì sao người thế gian
Có thể đạt thần thông
Vì sao gọi Tỳ-kheo
Vì sao gọi Tăng-già
Sao là hóa và báo
Phật trí tuệ chân như
Làm sao cho tâm ấy
Được trụ trong Thất địa
Nghĩa này và nghĩa khác
Nay ngươi đều hỏi ta
Như trước Phật đã nói
Một trăm lẻ tám câu
Tương ưng từng tướng một
Xa lìa các kiến hoặc
Cũng rời xa thế tục
Ngôn ngữ phù hợp pháp
Ta sẽ dạy cho ngươi
Hỡi Bồ-tát lắng nghe.

Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa một trăm lẻ tám câu thế nào?

Đức Phật nói:

–Đại Tuệ! Những phát biểu về câu sinh thì chẳng phải là câu sinh, câu thường chẳng phải là câu thường, câu tướng chẳng phải là câu tướng, câu trụ và khác chẳng phải câu trụ và khác, câu sát-na chẳng phải là câu sát-na, câu tự tánh chẳng phải là câu tự tánh, câu hư vô chẳng phải là câu hư vô, câu đoạn diệt chẳng phải là câu đoạn diệt, câu tâm chẳng phải là câu tâm, câu ở giữa chẳng phải là câu ở giữa, câu thường hằng chẳng phải là câu thường hằng, câu duyên chẳng phải là câu duyên, câu nhân chẳng phải là câu nhân, câu phiền não chẳng phải là câu phiền não, câu khát ái chẳng phải là câu khát ái, câu phương tiện chẳng phải là câu phương tiện, câu thiện xảo chẳng phải là câu thiện xảo, câu thanh tịnh chẳng phải là câu thanh tịnh, câu tương ưng chẳng phải là câu tương ưng, câu thí dụ chẳng phải là câu thí dụ, câu đệ tử chẳng phải là câu đệ tử, câu bậc thầy chẳng phải là câu bậc thầy, câu dòng họ chẳng phải là câu dòng họ, câu tam thừa chẳng phải là câu tam thừa, câu vô ảnh tượng chẳng phải là câu vô ảnh tượng, câu nguyện chẳng phải là câu nguyện, câu ba luân chẳng phải là câu ba luân, câu tiêu tướng chẳng phải là câu tiêu tướng, câu hữu chẳng phải là câu hữu, câu phi chẳng phải là câu phi, câu cả hai chẳng phải là câu cả hai, câu Thánh tự chứng chẳng phải là câu Thánh tự chứng, câu pháp lạc hiện tại chẳng phải là câu pháp lạc hiện tại, câu cõi nước chẳng phải là câu cõi nước, câu bụi trần chẳng phải là câu bụi trần, câu nước chẳng phải là câu nước, câu cái hang chẳng phải là câu cái hang, câu đại chúng chẳng phải là câu đại chúng, câu toán số chẳng phải là câu toán số, câu thần thông chẳng phải là câu thần thông, câu hư không chẳng phải là câu hư không, câu mây chẳng phải là câu mây, câu kỷ xảo chẳng phải là câu kỷ xảo, câu kỹ thuật chẳng phải là câu kỹ thuật, câu gió chẳng phải là câu gió, câu đất chẳng phải là câu đất, câu tâm chẳng phải là câu tâm, câu giả lập chẳng phải là câu giả lập, câu thể tánh chẳng phải là câu thể tánh, câu các uẩn chẳng phải là câu các uẩn, câu chúng sinh chẳng phải là câu chúng sinh, câu giác tri chẳng phải là câu giác tri, câu Niết-bàn chẳng phải là câu Niết-bàn, câu sở tri chẳng phải là câu sở tri, câu ngoại đạo chẳng phải là câu ngoại đạo, câu hoang loạn chẳng phải là câu hoang loạn, câu huyễn chẳng phải là câu huyễn, câu mộng chẳng phải là câu mộng, câu ảo ảnh chẳng phải là câu ảo ảnh, câu ảnh tượng chẳng phải là câu ảnh tượng, câu hỏa luân chẳng phải là câu hỏa luân, câu Càn-thát-bà chẳng phải là câu Càn-thát-bà, câu trời chẳng phải là câu trời, câu ăn uống chẳng phải là câu ăn uống, câu dâm dục chẳng phải là câu dâm dục, câu quan điểm chẳng phải là câu quan điểm, câu Ba-la-mật chẳng phải là câu Ba-la-mật, câu giới chẳng phải là câu giới, câu mặt trời và các vì sao chẳng phải là câu mặt trời và các vì sao, câu sự

thật chẳng phải là câu sự thật, câu kết quả chẳng phải là câu kết quả, câu đoạn diệt chẳng phải là câu đoạn diệt, câu diệt khởi chẳng phải là câu diệt khởi, câu y phương chẳng phải là câu y phương, câu tướng chẳng phải là câu tướng, câu chi phần chẳng phải là câu chi phần, câu thiền chẳng phải là câu thiền, câu sai lầm chẳng phải là câu sai lầm, câu hiện tại chẳng phải là câu hiện tại, câu hộ trì chẳng phải là câu hộ trì, câu gia tộc chẳng phải là câu gia tộc, câu tiên chẳng phải là câu tiên, câu vua chẳng phải là câu vua, câu lãnh hội chẳng phải là câu lãnh hội, câu châu báu chẳng phải là câu châu báu, câu Nhất-xiển-đề chẳng phải là câu Nhất-xiển-đề, câu nam nữ chẳng phải là câu nam nữ, câu vị giác chẳng phải là câu vị giác, câu tạo tác chẳng phải là câu tạo tác, câu thân thể chẳng phải là câu thân thể, câu vọng thức chẳng phải là câu vọng thức, câu động lực chẳng phải là câu động lực, câu giác quan chẳng phải là câu giác quan, câu hữu vi chẳng phải là câu hữu vi, câu nhân quả chẳng phải là câu nhân quả, câu Sắc cứu cánh chẳng phải là câu Sắc cứu cánh, câu thời tiết chẳng phải là câu thời tiết, câu cây cỏ chẳng phải là câu cây cỏ, câu chủng chủng chẳng phải là câu chủng chủng, câu diễn nói chẳng phải là câu diễn nói, câu quyết định chẳng phải là câu quyết định, câu Tỳ-ni chẳng phải là câu Tỳ-ni, câu Tỳ-kheo chẳng phải là câu Tỳ-kheo, câu trụ trì chẳng phải là câu trụ trì, câu văn tự chẳng phải là câu văn tự.

Này Đại Tuệ! Đây là một trăm lẻ tám câu mà chư Phật thời quá khứ đã dạy.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các thức sinh, trụ và diệt có bao nhiêu cách?

Đức Phật nói:

–Đại Tuệ, các thức sinh, trụ và diệt có hai cách, mà người khác không thể biết bằng sự ức đoán. Nghĩa là tương tục sinh và tương sinh, tương tục trụ và tương trụ, tương tục diệt và tương diệt. Các thức có ba tướng, đó là chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng.

Này Đại Tuệ! Thức nói rộng có tám, nói tóm tắt chỉ có hai: Hiện thức và Phân biệt sự thức.

Như tấm gương sáng, hiện rõ những hình tướng; hiện thức cũng thế.

Này Đại Tuệ! Hiện thức và Phân biệt sự thức, hai thức này tướng không khác nhau, mà chúng hỗ tương làm nhân duyên của nhau.

Này Đại Tuệ! Hiện thức do một tập khí kỳ bí chẳng thể nghĩ bàn làm nhân. Còn Phân biệt sự thức do thế giới phân biệt và do tập khí lập luận sai lầm vốn có từ vô thủy làm nhân.

Này Đại Tuệ! Thức A-lại-da hư vọng phân biệt, chất chứa nhiều tập khí. Thức A-lại-da nếu diệt, tức thời tất cả các căn và thức đều bị diệt. Đây gọi là sự diệt về mặt hình tướng.

Này Đại Tuệ! Sự diệt và mặt tương tục nghĩa là nhân sở y diệt và sở duyên diệt, tức sự tương tục diệt. Nhân của sở y nghĩa là những tập khí vốn được chất chứa do lập luận sai lầm từ vô thủy. Sở duyên nghĩa là cảnh giới phân biệt các thức tự tâm.

Này Đại Tuệ! Ví như cục đất và những bụi làm thành cục đất, hai thứ đó không khác nhau, cũng không không khác nhau. Ví như vàng cùng đồ trang sức bằng vàng cũng thế.

Này Đại Tuệ! Nếu cục đất mà khác với hạt bụi làm nên nó, thì sẽ không có cục đất nào được tạo thành. Bởi vì cục đất được tạo thành do các hạt bụi, nên nó không khác với các hạt bụi đất. Và nếu không có sự khác nhau giữa cục đất và hạt bụi, thì cục đất sẽ không khác nhau với những hạt bụi.

Này Đại Tuệ! Nếu chuyển thức khác với tàng thức, thì tàng thức không phải là nguyên nhân chuyển thức. Nếu chúng không khác thì chuyển thức diệt và tàng thức cũng diệt, nhưng thật tướng của tàng thức không diệt.

Này Đại Tuệ! Chân thật tướng của thức không diệt, nhưng nghiệp tướng diệt. Nếu chân tướng diệt thì tàng thức diệt. Nếu tàng thức mà diệt, thì không khác gì học thuyết đoạn diệt của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Học thuyết ấy được các ngoại đạo nói rằng: "Sự giữ lấy cảnh giới tương tục của thức diệt, thì sự tương tục từ vô thủy của thức cũng bị diệt."

Này Đại Tuệ! Các nhà ngoại đạo nói: "Có một nguyên nhân sinh khởi từ đó xảy ra sự tương tục của thức." Họ không nói nhãn thức sinh khởi do sự hòa hợp của sắc và ánh sáng. Họ cho rằng: Sự sinh khởi là có tác giả. Tác giả ấy là gì? Họ cho rằng đó là: Thắng, tánh người, sĩ phu, tự tại thiên, thời gian và bụi trần.

Này Đại Tuệ! Có bảy loại tự tánh, đó là tập tự tánh, hữu tự tánh, tướng tự tánh, đại chủng tự tánh, nhân tự tánh, duyên tự tánh và thành tự tánh.

Này Đại Tuệ! Có bảy thứ Đệ nhất nghĩa, đó là cảnh giới của tâm, cảnh giới của trí, cảnh giới của nhị biên kiến, cảnh giới của siêu nhị kiến, cảnh giới của siêu Bồ-tát địa, cảnh giới của Như Lai, cảnh giới của tự chứng Thánh trí.

Này Đại Tuệ! Đây là pháp tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm của tất cả Như

Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, tương lai và hiện tại. Do tâm này mà thành tựu pháp tối thượng của Như Lai ở thế gian hay xuất thế gian. Bằng Tuệ nhãn của bậc Thánh, chư Phật nhập vào biệt tướng và cộng tướng mà an lập các pháp. Sự an lập của chư Phật không đồng với kiến thức sai lầm của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tà kiến của ngoại đạo? Nghĩa là họ không biết cảnh giới mà tự phân biệt hiện ra. Đối với Đệ nhất nghĩa thấy có, thấy không nên lập ra luận thuyết.

Này Đại Tuệ! Giáo pháp của ta dạy rằng: "Nếu ai hiểu rõ các cảnh giới như huyễn ảo, chỉ là sự hiển hiện của tự tâm, thì người đó sẽ diệt được các khổ vọng tưởng trong ba cõi và diệt được nghiệp duyên vô minh, khát ái."

Này Đại Tuệ! Có những Sa-môn, Bà-la-môn vọng chấp cho rằng: phi hữu và hữu của các vật hiển hiện bên ngoài đối với nhân quả nương vào thời gian mà trụ. Hoặc cho rằng: các uẩn, xứ, giới nương vào duyên sinh mà trụ. Sau khi hiện hữu như vậy, những pháp này sẽ diệt.

Này Đại Tuệ! Các nhà ngoại đạo đó là những người theo quan điểm tương tục, vận hành, sinh khởi, hoại diệt, hiện hữu, Niết-bàn, đạo, nghiệp, quả hoặc chân lý. Đó là những tư tưởng phá hoại và đoạn diệt. Vì sao? Vì họ không đạt pháp hiện tại, không thấu hiểu chân lý.

Này Đại Tuệ! Ví như chiếc bình bị vỡ thì không còn tác dụng của chiếc bình nữa. Và như hạt giống bị cháy, thì không thể nảy mầm. Đây cũng thế, nếu các pháp uẩn, xứ, giới đã hiện thì sẽ diệt. Biết rằng sự sinh khởi không tương tục, vì không có nguyên nhân, đó chỉ là kiến thức sai lầm từ tâm phân biệt.

Này Đại Tuệ! Nếu vốn không có thức mà do ba duyên hợp lại sinh khởi, thì con rùa có thể mọc lông và cát có thể sinh ra dầu. Tôn chỉ của họ không có giá trị, vì trái với nghĩa quyết định. Những sự tạo tác, hành vi đều là không và vô ích.

Này Đại Tuệ! Thuyết ba duyên hợp lại tạo ra quả, nguyên lý cho rằng đó là hữu. Và như thế, quá khứ, hiện tại, tương lai từ không sinh ra có. Ở đây dựa vào giác tưởng địa mà lập luận, bao nhiêu lý giải và kiến thức sai lầm, huân tập tập khí chồng chất mà tuyên bố là luận thuyết chân lý.

Này Đại Tuệ! Kẻ phàm phu ngu si bị đầu độc nơi quan điểm sai lầm tà kiến, mê muội, vô trí, nên vọng xưng đó là lời của bậc Nhất thiết trí.

Này Đại Tuệ! Có những Sa-môn, Bà-la-môn quán tất cả pháp đều không có tự tánh, như mây trong bầu trời, như vòng lửa, như thành quách

Càn-thát-bà, như ảo ảnh, như sóng nắng, như trăng chiếu trên mặt nước, như một giấc mộng, chẳng rời khỏi tự tâm. Do từ vô thủy đến nay bị kiến thức sai lầm, cho nên chấp thọ lấy làm bên ngoài. Quán sát như vậy rồi đoạn duyên phân biệt, xa lìa vọng tâm và chấp thọ danh nghĩa. Biết thân, tài sản, trú xứ, tất cả đều là những đối tượng hóa của cảnh giới thức A-lại-da, không thể có sự chấp thọ và sinh, trụ, diệt. Luôn tư duy như vậy mà trú không xả.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát này chẳng bao lâu sẽ đạt đến sự hiểu biết rằng: Niết-bàn và sinh tử, cả hai đều bình đẳng. Được đại Bi phương tiện mà hành động không chấp vào hành động. Các Bồ-tát này quán thấy chúng sinh như ảo tướng, như bóng hình, từ duyên sinh khởi. Họ thấy rằng tất cả cảnh giới không có gì bên ngoài tâm mà có, phù hợp với con đường vô tướng. Các Bồ-tát này dần dần đi qua các cấp độ tại cảnh giới Tam-ma-địa, hiểu rõ ba cõi chính tự nơi tâm. Hiểu được như thế, họ sẽ đạt thiền định, quán pháp như huyễn, không còn hình tượng, thành tựu trí tuệ, chứng vô sinh, nhập Kim cang dụ Tam-muội, sẽ được thân Như Lai, thường trụ như như và những sức biến hóa thần thông tự tại.

Này Đại Tuệ! Những sự kiện trên dùng làm trang sức, phương tiện đi đến các cõi Phật, vượt lên trên hàng ngoại đạo, tâm, ý và thức. Lần lượt chuyển thân Bồ-tát thành thân Như Lai.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát mong cầu được thân Như Lai, hãy nên xa lìa tâm niệm uẩn, xứ, giới, nhân duyên, sự tạo tác và các pháp sinh, trụ, diệt, hý luận, phân biệt. Chỉ chú tâm quán sát tập khí sai lầm, dối trá vốn sinh trong ba cõi từ vô thủy. Và cũng suy tư về Phật địa là khởi vô tưởng, vô sinh cùng pháp tự chứng của bậc Thánh, được tâm tự tại mà hành động không lệ thuộc vào hành động. Giống như ngọc như ý, tùy nghi phản chiếu theo ngoại tại, làm cho nhập vào các Địa, thông đạt tâm tinh tế của chúng sinh.

Này Đại Tuệ! Vì thế vị Đại Bồ-tát đối với Tất-đàn của mình nên tu học trọn vẹn.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 2

Phẩm 2: SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP (Phần 2)

Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con các pháp môn vi diệu về tâm, ý và ý thức, năm pháp các tự tánh và các tướng. Đây là pháp môn mà tất cả chư Phật, Bồ-tát đều thực hành, xa lìa các hành tướng, vì cảnh giới ngoại tại chính tự nơi tâm, những điều gọi là nghĩa chân thật, những lời dạy tinh yếu của giáo pháp Phật. Xin Đức Như Lai thuyết giảng cho chúng Bồ-tát trên núi này về sự tùy thuận của chư Phật quá khứ, về sóng biển tàng thức và cảnh giới của Pháp thân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có bốn lý do làm cho nhãn thức chuyển biến. Bốn lý do ấy là gì? Đó là:

1. Vì chấp chặt nên không biết tự tâm hiện khởi.

2. Từ thời vô thủy đến nay bị ràng buộc nơi sắc không thật và tập khí.

3. Bản tánh của thức là như vậy.

4. Ham thích các hình sắc và vẻ bên ngoài.

Này Đại Tuệ! Vì bốn lý do này, thức A-lại-da như dòng nước lũ, sinh ra các sóng chuyển thức, như nhãn thức… Đối với tất cả các căn, vi trần, các lỗ chân lông, mắt… ví như tấm gương phản chiếu các sắc màu, hình ảnh. Hoặc sinh ra dần dần. Giống như gió mạnh thổi vào biển cả, biển tâm cũng thế. Gió cảnh giới thổi lên các sóng thức liên tục không ngừng.

Này Đại Tuệ! Nguyên nhân và hành vi tương quan nhau, chẳng phải một, chẳng phải khác. Nghiệp cùng ngoại tướng ràng buộc chằng chịt với nhau, nên không thể biết rõ tự tánh của hình sắc… và năm thức nơi thân vận hành.

Này Đại Tuệ! Cùng tương ưng với năm thức này, hoặc nhân phân biệt các cảnh tướng khác nhau mà có ý thức sinh. Nhưng các thức kia không nghĩ rằng là chúng ta đồng thời làm nhân lẫn nhau, mà đối với cảnh giới

hiện ngay nơi tự tâm phân biệt chấp trước, đồng thời phát khởi tướng không sai biệt, đều rõ cảnh của mình.

Này Đại Tuệ! Các nhà tu hành khi nhập Tam-muội, bằng một chút sức tu tập đã phát sinh mà không tự biết, nên nghĩ rằng: ta diệt các thức để vào Tam-muội. Nhưng thật ra họ không dẹp tất cả các thức mà nhập Tam-muội. Do đó, không dập tắt được các chủng tử của tập khí. Vì không còn nắm vào các cảnh, nên gọi là thức diệt.

Này Đại Tuệ! Hành tướng của tàng thức rất vi tế, ngoại trừ các Đức Phật hay các vị Bồ-tát ở các trụ địa, còn tất cả hàng ngoại đạo Nhị thừa thì dầu cho có năng lực trí tuệ và thiền định đều không thể biết được. Chỉ có những bậc tu hành mới hiểu đầy đủ những khía cạnh của các Bồ-tát, bằng sự trợ lực của trí tuệ họ biết rõ tướng các Địa, khéo thông đạt cú nghĩa, nhờ gieo trồng tích tập nhiều thiện căn trong cõi Phật vô biên. Không mê lầm với những phân biệt, nên tự tâm có sự nhìn nhận và hiểu biết như vậy.

Này Đại Tuệ! Những bậc tu hành đó sống ẩn dật trong chốn núi rừng, nỗ lực tu hành, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc trung bình. Các vị ấy có thể thấy được tự tâm và sự hoạt động của nó, đạt những Tam-muội, có năng lực thần thông tự tại, được chư Phật làm pháp quán đảnh, có các Bồ-tát vây quanh, biết sự vận hành của các cảnh giới tâm, ý và ý thức. Họ có thể vượt qua biển cả sinh tử của vô minh, ái nghiệp. Thế nên các thầy hãy thân cận chư Phật, Bồ-tát, thật sự tu hành như các bậc đại Thiện tri thức.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví như sóng biển lớn
Do gió mạnh khuấy động
Sóng vỗ mãi bể bờ
Không khi nào ngưng nghỉ
Biển tạng thức thường trú
Bị gió cảnh giới động
Vô số các sóng thức
Nhấp nhô mà chuyển sinh
Các màu xanh, vàng, đỏ
Muối, sữa, mật, đường thơm
Hoa, quả, trời, trăng sáng
Chẳng khác, chẳng không khác
Bảy thức liên kết nhau
Nên biết cũng như thế
Như biển cùng con sóng

Tâm không khác với thức
Ví như biển khuấy động
Những con sóng nhấp nhô
Thức Lại-da cũng thế
Nhiều loại thức sinh ra
Tâm, ý và ý thức
Vì các tướng nên nói
Tám thức tướng không khác
Không tướng năng, tướng sở
Ví như làn sóng biển
Không có gì khác nhau
Các thức tâm cũng thế
Không có sự khác nhau
Nghiệp do tâm chất chứa
Ý tích tụ rộng nhiều
Nhận biết nên gọi thức
Tùy cảnh hiện năm thức

Đại Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ thưa hỏi:

Các màu như xanh, đỏ
Hiện ra thức chúng sinh
Như các hiện tượng sóng
Vì sao? Xin Phật dạy.

Đức Thế Tôn đáp:

Các màu như xanh, đỏ
Trong sóng không khác nhau
Nói tâm khởi các tướng
Vì khai ngộ phàm phu
Nhưng tâm vốn không khởi
Lìa sở thủ tự tâm
Năng thủ và sở thủ
Phải hiểu như sóng kia
Thôn, của cải, nhà ở
Hiện nơi thức chúng sinh
Thế nên thấy thế này
Cùng sóng không khác nhau

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

Trạng thái sóng, biển cả

Phân biệt sự nhấp nhô
Sao trí không nhận biết
Tạng thức như biển kia?

Đức Thế Tôn đáp:

Như biển Lại-da
Thức chuyển cùng sóng biển
Vì phàm phu thiếu trí
Ví biển để chỉ bày.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

Ví như mặt trời mọc
Đồng chiếu khắp thấp cao
Đèn thế gian cũng thế
Nêu thật vì kẻ ngu
Phật đã khai thị pháp
Sao không nói sự thật.

Đức Thế Tôn đáp:

Nếu sự thật ông nói
Sự thật không trong tâm
Ví như sóng biển cả
Ảnh trong gương, giấc mộng
Đồng thời đều hiển hiện
Cảnh giới tâm cũng thế
Do vì thiếu điều kiện
Lần lượt mà chuyển sinh
Chức năng thức nhận biết
Chức năng ý phản ảnh
Hiển bày ra năm thức
Khi định không thứ lớp
Ví như người họa sĩ
Và học trò ông ta
Sắp màu tạo bức tranh
Lời ta cũng như thế
Tranh không trong màu sắc
Trong bút, hay trong vải
Để vui lòng chúng sinh
Tạo bức tranh màu sắc
Ngôn từ thì biến đổi

Chân lý vượt ngôn từ
Ta trụ pháp chân thật
Giảng cho bậc tu hành
Chân lý, pháp tự chứng
Vượt năng, sở phân biệt
Ta nói đệ tử Phật
Không phải vì kẻ ngu
Những hiện hữu như huyễn
Điều được, thấy không được
Những lời dạy như thế
Thay đổi tùy theo việc
Giáo pháp không phải pháp
Nếu không nhằm trường hợp
Ví như thầy cho thuốc
Tùy theo từng căn bệnh
Như Lai dạy chúng sinh
Tùy theo tâm thức họ
Đấng thế gian nương cậy
Lãnh vực trí tự chứng
Không phải là cảnh giới
Của Thanh văn, ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát muốn hiểu trọn vẹn phạm trù của thế giới phân biệt, như chủ thể và đối tượng đều là sự hiển hiện của tự tâm, thì phải tránh xa sự ồn náo, lười mỏi, ngủ nghỉ… Đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm hãy nỗ lực tu tập. Hãy xa lìa và không nghe các sự luận bàn sai lệch của ngoại đạo và pháp của Thanh văn, Duyên giác, thông đạt tướng phân biệt của tự tâm.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Khi tâm của vị Đại Bồ-tát đã an trú nơi trí tuệ siêu tuyệt, đối với Thánh trí cao cả của tam tướng, cần phải tu học. Tam tướng ấy là gì? Đó là:

1. Tướng không hình ảnh

2. Nguyện lực gia trì của tất cả chư Phật.

3. Tự hướng đến sự chứng đạt nhờ Thánh trí.

Các bậc tu hành đã được các tướng này, nên xả bỏ sự hiểu biết về tâm, đạt được nhờ trí siêu việt, như con lừa què và nhập vào Địa thứ tám Bồ-tát. Đối với ba tướng này, Bồ-tát cần liên tục tu hành.

Này Đại Tuệ! Tướng vô tướng có được khi tất cả tướng của hàng

ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác được quán triệt chặt chẽ. Tướng nguyện lực gia trì được sinh khởi do bản nguyện tự thân được chư Phật gia hộ. Tướng tự chứng của Thánh trí được sinh khởi do không chấp vào tướng của tất cả pháp, thành tựu các Tam-muội, nhìn thế giới như ảo ảnh, thân tiến đến trí của Phật địa.

Này Đại Tuệ! Đây là ba tướng của Thánh trí cao thượng. Nếu ai đạt được tướng này tức là đạt đến trạng thái tự chứng của Thánh trí. Thầy và các Đại Bồ-tát nên nỗ lực tu học.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ biết những gì đang diễn tiến trong tâm tư, ý nghĩ của các Bồ-tát và nương sức oai thần của tất cả các Đức Phật, nên bạch:

–Cúi xin Thế Tôn dạy cho con pháp môn tự tánh của Thánh trí, y theo đó mà phân làm một trăm lẻ tám câu. Điều mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì các Đại Bồ-tát rơi vào tướng nhìn sự vật một cách tổng quát nên dạy rõ nghĩa môn sai biệt và bản chất là vọng chấp. Biết rõ ý nghĩa này, các vị Đại Bồ-tát làm thanh tịnh cả hai vô ngã, tự soi sáng về các Địa, vượt khỏi cái hỷ lạc thiền định của ngoại đạo và Thanh văn, Duyên giác, đạt được cảnh giới hành trang bất khả tư nghì của các Đức Như Lai, rốt ráo xả ly tự tánh của năm pháp, được tất cả trí tuệ, Pháp thân Phật để tự trang nghiêm và đi vào cảnh như huyễn ảo mà trú tất cả cõi trời Đâu-suất, trời Sắc cứu cánh, thành thân Như Lai.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có một loại ngoại đạo có quan điểm rằng: "Tất cả các pháp tùy theo nhân mà đoạn tận", nên sinh kiến giải phân biệt như ý nghĩ không có sừng thỏ. Sinh kiến chấp ấy, cho là không có sừng thỏ, cho tất cả các pháp cũng như thế. Lại có những kẻ khác, do thấy những khác biệt của các pháp về hình tướng, trọng lượng, vị trí mà vọng chấp các pháp mỗi mỗi sai biệt, sinh kiến chấp cho là không có sừng thỏ và nghĩ rằng phải có sừng trâu.

Này Đại Tuệ! Những kẻ ấy rơi vào nhị biên, không hiểu rõ là chỉ có tâm mà thôi. Nhưng đối với tự tâm lại tăng thêm sự phân biệt.

Này Đại Tuệ! Thân thể, tài sản, vật chất ở thế gian, tất cả chỉ hiện hữu bởi tâm phân biệt.

Này Đại Tuệ! Nếu biết sừng thỏ không phải có, cũng không phải không có, không nên có sự phân biệt nào về các pháp. Vì sao sừng thỏ xa lìa nơi có và không? Chúng làm nhân đối đãi lẫn nhau. Phân tích về sừng trâu cho đến bụi trần, đi tìm thể tướng của nó cũng không thể được. Bởi vì

sự hoạt động của Thánh trí đã chứng đạt thì xa lìa kiến chấp kia. Vì thế, ở đây không nên phân biệt.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phải chăng vì họ dựa vào vọng kiến để khởi các tướng mà so sánh, đối đãi, tính toán là không phải không.

Đức Thế Tôn nói:

–Không vì sự phân biệt mà khởi tướng đối đãi, nên bảo là không. Vì sao? Vì có sự phân biệt mà sinh ra nguyên nhân. Do phân biệt cái sừng làm chỗ sở y, chỗ sở y làm nhân xa lìa khởi sự khác và không khác, chẳng phải do tướng đối đãi mà hiển bày sừng thỏ là không.

Này Đại Tuệ! Nếu sự phân biệt này là khác với sừng thỏ, thì chẳng phải là nhân nơi cái sừng, nếu không khác thì nhân kia sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Phân tích sừng trâu cho đến phân tử cực nhỏ là điều không thể được, nó khác với có sừng nên nói là không có sừng. Phân biệt như vậy, chắc chắn là phi lý. Khi cả hai thứ đều không có thứ nào (sừng thỏ và sừng trâu) là hiện hữu, thì liên hệ vào đâu mà thành tựu? Vì thế, có lập luận cho rằng sừng thỏ là không, không nên phân biệt, vì không có nguyên nhân chính. Có người lập luận về hữu vô, chấp có và chấp không, cả hai đều không thành tựu.

Này Đại Tuệ! Lại có những ngoại đạo mắc phải quan điểm sai lầm, chấp trước vào những ý niệm như thấy màu sắc, hình trạng, hư không, cho rằng sắc khác với hư không mà khởi ra sự phân biệt.

Này Đại Tuệ! Vì hư không nhập vào hình sắc nên hình sắc là hư không.

Này Đại Tuệ! Sắc là hư không, để thiết lập tính chất năng trì và sở trì nên chia làm hai: hư không và sắc. Hãy hiểu như vậy.

Này Đại Tuệ! Khi các đại chủng tạo ra thì chúng khác biệt nhau, không trụ trong hư không và hư không không phải không hiện hữu trong chúng.

Này Đại Tuệ! Sừng thỏ cũng thế, do đối đãi với sừng trâu mà nói sừng ấy không có.

Này Đại Tuệ! Phân tích sừng trâu cho đến các vi trần, rồi lại phân tích vi trần ấy nữa, thì tướng ấy không hiện. Vậy nó dựa vào đâu mà nói là không? Nếu dựa vào vật khác thì vật khác cũng như thế.

Này Đại Tuệ! Ông nên xả bỏ các quan điểm và phân biệt liên hệ đến sừng thỏ, sừng trâu, đến hư không và hình sắc. Ông và các Bồ-tát hãy luôn

quán sát về tướng phân biệt mà các ông thấy từ chính tâm mình, ở nơi tất cả cõi nước, vì các Phật tử thể hiện pháp tu hành của tự tâm.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thấy của tâm không có
Chỉ nương tâm mà khởi
Hình ảnh dựa vào thân
Hiện tàng thức chúng sinh
Tâm, ý cùng ý thức
Tự tánh và năm pháp
Hai vô ngã, thanh tịnh
Các đạo sư diễn thuyết
Dài, ngắn cùng đối đãi
Lần lượt hỗ tương sinh
Nhân nơi hữu thành vô
Nhân nơi vô thành hữu
Phân tích đến vi trần
Chẳng phân biệt sắc nào
Chỉ tâm được kiến lập
Kẻ tà kiến không tin
Không thuộc chỗ ngoại đạo
Hay lãnh vực Thanh văn
Đấng Cứu Thế đã dạy
Mở con đường tự chứng.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh vấn Đức Thế Tôn về sự tẩy sạch dòng tâm hiện tại:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để tẩy sạch dòng tâm hiện tại của các chúng sinh? Sự tẩy sạch ấy là ngay tức khắc hay dần dần?

Đức Phật bảo Đại Tuệ:

–Tâm được tẩy sạch dần dần, chứ không phải được tẩy sạch ngay tức khắc. Như trái xoài chín dần dần, chứ không phải chín ngay tức khắc. Cũng thế, chư Phật Như Lai tẩy sạch dòng tâm hiện tại cho các chúng sinh là dần dần, chứ không phải ngay tức khắc.

Như người thợ gốm làm ra các vật dụng là làm dần dần, chứ không phải ngay tức khắc. Cũng thế, chư Phật Như Lai tẩy sạch dòng tâm hiện tại cho các chúng sinh là tẩy sạch dần dần, chứ không phải tẩy sạch ngay tức khắc.

Ví như mặt đất sinh ra các loài cỏ cây, cây cỏ mọc dần dần chứ không

phải mọc ngay một lúc. Cũng thế, chư Phật Như Lai tẩy sạch dòng tâm hiện tại cho các chúng sinh là tẩy sạch dần dần, chứ không phải tẩy sạch ngay tức khắc.

Này Đại Tuệ! Ví như người học âm nhạc, vẽ, họa và các môn kỹ thuật khác, dần dần thành tựu, chứ không phải đạt ngay. Cũng thế, chư Phật Như Lai tẩy sạch dòng tâm hiện tại cho các chúng sinh là tẩy sạch dần dần, chứ không phải tẩy sạch ngay tức khắc.

Ví như tấm gương phản chiếu ngay tức khắc và không phân biệt các hình tượng, cũng thế, Như Lai tẩy sạch dòng tâm hiện tại cho các chúng sinh là ngay tức khắc, làm cho chúng sinh thoát khỏi sự phân biệt và đưa chúng sinh đến những trạng thái vô tướng.

Như mặt trời, mặt trăng cùng lúc chiếu khắp tất cả hình sắc, cảnh tượng, cũng thế, chư Phật Như Lai tẩy sạch những tập khí, lỗi lầm tự tâm của các chúng sinh. Như Lai khai thị ngay tức khắc cho chúng sinh thấy cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thuộc về trí tuệ.

Ví như thức A-lại-da tạo ngay tức khắc tất cả thế giới của thân thể, tài sản, đất nước, cũng thế, Đức Phật ngay tức khắc giáo hóa thành thục tất cả chúng sinh ở cõi trời Sắc cứu cánh, làm cho họ tu hành các hạnh.

Ví như Đức Phật pháp tánh phóng hào quang chiếu sáng từ Phật báo thân cho đến Phật hóa thân, tự chứng Thánh cảnh; cũng thế, pháp tướng hiện ngay tức khắc, tỏa chiếu làm cho xa lìa tất cả tà kiến về hữu và vô.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Pháp tánh sở lưu Đức Phật dạy về tự tướng và cọng tướng của các pháp. Vì các pháp nhân duyên, tập khí hiện chính tự tâm. Do sự không nhận biết mà chấp tướng của nhân, làm cho bị ràng buộc vào những việc hư huyễn, đều là tánh vô thường. Nhưng các chúng sinh chấp trước vào những huyễn ảo mà cho là thật đều không thể được.

Này Đại Tuệ! Những suy tưởng hư ngụy chấp trước tự tánh duyên khởi thì tự tánh khởi.

Này Đại Tuệ! Ví như nhà ảo thuật dùng sức huyễn thuật dựa vào cỏ cây, ngói đá mà làm ảo thuật, tạo ra bao nhiêu là màu sắc, hình tướng của chúng sinh, làm cho mọi người trông thấy phân biệt một cách đa dạng và không chân thật.

Này Đại Tuệ! Cũng vậy, do chấp chặt cảnh giới, cho nên sức tập khí ở trong tánh duyên khởi có tánh vọng chấp, hiện ra các tướng. Đây gọi là vọng chấp tánh sinh.

Này Đại Tuệ! Đó là pháp tánh sở lưu, Phật nói về tướng của các pháp.

Này Đại Tuệ! Đức Phật pháp tánh là thiết lập trạng thái cao vời của trí tuệ tự chứng, vượt khỏi tướng tự tánh của tâm.

Này Đại Tuệ! Điều mà Đức Phật ứng hóa thuyết giảng là pháp ứng thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, uẩn, xứ, giới, các giải thoát, các thức và cách thức mà chúng vận hành. Đức Phật kiến lập sự sai biệt vượt ra ngoài mọi hình tướng, siêu việt hạnh vô sắc.

Này Đại Tuệ! Đức Phật pháp tánh tự tại với các duyên, xa lìa tất cả sở duyên, tất cả sự tạo tác, các tướng căn lượng, không thuộc vào thế giới phàm phu, hàng Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo chấp chặt các ý niệm về ngã tướng.

Vì thế, này Đại Tuệ! Ông hãy nỗ lực tu học theo con đường cao cả, dẫn đến trí tuệ tự chứng của bậc Thánh. Ông hãy xa lìa những kiến giải của thế giới bên ngoài, cách biệt với tự tâm.

Này Đại Tuệ! Thanh văn thừa có hai tướng khác nhau. Đó là: Trạng thái tuyệt diệu cao vời của sự tự chứng Thánh trí và trạng thái chấp chặt vào tự tánh phân biệt.

Thế nào là trạng thái tuyệt diệu cao vời của sự tự chứng Thánh trí? Đây là cái thấy minh triết về khổ, không, vô thường, vô ngã, thuộc thế giới chân lý, thoát khỏi phiền não, cho nên đạt được tịch diệt. Đối với các uẩn, xứ, giới, hoặc tự tánh, hoặc tổng quát và ngoại tánh không hoại diệt. Vì biết rõ chân lý nên tâm trú nơi một cảnh. Tâm đã trú nơi một cảnh nên đạt được đạo quả thiền định giải thoát Tam-muội và được xuất ly, trú cảnh giới an lạc và tự chứng Thánh trí. Nhưng trong đó chưa loại bỏ tập khí và chưa thoát khỏi sự chết biến dịch không thể nghĩ bàn. Đây là trạng thái cảnh giới tự chứng Thánh trí của Thanh văn thừa. Các Đại Bồ-tát cũng đắc cảnh giới Thánh trí này, nhưng vì thương xót chúng sinh nên luôn giữ bản nguyện không chứng môn tịch diệt và hỷ lạc của Tam-muội. Các Đại Bồ-tát không nên tu học và ở trong trạng thái an lạc tự chứng Thánh trí này của hàng Thanh văn.

Này Đại Tuệ! Thế nào là sự chấp trước vào tướng tự tánh sinh khởi từ phân biệt? Khi một người thấy rằng các tính chất như: cứng, ẩm, nóng, động, xanh, vàng, đỏ, trắng… những pháp ấy không sinh, do người tạo tác. Nhưng dựa vào giáo lý mà thấy được tự tướng và cọng tướng nên phân biệt chấp trước. Đây gọi là tướng chấp trước vào sự phân biệt của hành Thanh văn. Đại Bồ-tát khi biết được pháp này như thế nào thì hãy từ bỏ nó đi, phù hợp với pháp vô ngã và trừ những kiến giải sai lầm về sự vô ngã của con người, dần dần trụ nơi các Địa của bậc Thánh.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã dạy cảnh giới Đệ nhất nghĩa do Thánh trí tự chứng thường chẳng thể nghĩ bàn, đồng với tác giả không thể nghĩ bàn do ngoại đạo nói là thường hằng, có đúng hay không?

Đức Phật đáp:

–Này Đại Tuệ! Sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn mà hàng ngoại đạo đã định tánh cho đấng sáng tạo của họ là không chính xác. Vì sao? Vì sự thường hằng bất biến chẳng thể nghĩ bàn của hàng ngoại đạo không phù hợp với tự tướng nguyên nhân, cho nên không tồn tại được. Và tự tướng nguyên nhân không tồn tại thì làm sao hiển thị được sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn?

Này Đại Tuệ! Điều mà hàng ngoại đạo đã tuyên bố về thường hằng bất khả tư nghì, nếu phù hợp với tự tướng của nguyên nhân thì nó có thể là thường hằng. Nhưng ý tưởng về một đấng sáng tạo là tướng của nguyên nhân cho nên không thể là thường hằng không thể nghĩ bàn.

Này Đại Tuệ! Chân lý Đệ nhất nghĩa của ta là thường hằng bất khả tư nghì, vì nó phù hợp với tướng nguyên nhân Đệ nhất nghĩa và vượt ra ngoài hữu, vô. Vì nó là tướng sở hành của Thánh trí tự chứng, nên nó có tướng riêng của nó. Vì nó là trí Đệ nhất nghĩa nên nó có nguyên nhân của nó, nó tách rời hữu và vô, nên không có đấng sáng tạo. Như hư không là pháp Niết-bàn tịch diệt, nên nó thường hằng bất khả tư nghì. Thế nên ta nói nó không giống sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn mà hàng ngoại đạo đã tranh luận.

Này Đại Tuệ! Sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn này là chân lý được thể nghiệm, tự chứng bằng Thánh trí của chư Như Lai, thế nên Bồ-tát hãy nỗ lực tu học.

Và này Đại Tuệ! Sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn của ngoại đạo không được xác định là thường hằng, vì nó có một nguyên nhân không phải là thường. Điều họ cho là thường hằng thì tự tướng của nó không có năng lực.

Này Đại Tuệ! Nếu ngoại đạo cho rằng thường hằng chẳng thể nghĩ bàn của họ khác với pháp hữu, rồi trở lại vô là vô thường và sinh với tánh biết là thường. Ta cũng cho rằng pháp tạo tác là có, rồi trở lại không và vô thường, đã không có nguyên nhân nên thuyết này là thường hằng.

Này Đại Tuệ! Nếu sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn của hàng ngoại đạo phù hợp với tướng nhân, như vậy là không có, như là sừng thỏ.

Này Đại Tuệ! Thường hằng chẳng thể nghĩ bàn của họ chỉ là sự phân

biệt ngôn từ về hữu. Vì sao? Nguyên nhân đó đều là sừng thỏ, vì không có nhân tự tướng.

Này Đại Tuệ! Sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn của ta là có tướng nguyên nhân tự chứng. Vì nó không ngoài pháp hữu, rồi trở lại vô và vô thường làm nguyên nhân. Ngoại đạo ngược lại pháp này. Tự tướng về nhân của sự thường hằng chẳng thể nghĩ bàn này thì hàng ngoại đạo không thể biết. Vì họ ở ngoài trạng thái tự chứng trí của bậc Thánh, cho nên vấn đề họ nêu ra là không đúng.

Này Đại Tuệ! Các Thanh văn vì sợ khổ đau do phân biệt sinh tử mà tìm cầu Niết-bàn. Họ không biết rằng sinh tử và Niết-bàn tướng không sai khác, tất cả đều do vọng tưởng phân biệt mà có. Vì không thật có, nên vọng chấp cho rằng sẽ đạt được Niết-bàn sau khi đoạn diệt các căn và ngoại cảnh của chúng. Họ không bết rằng: đạt Niết-bàn là thức A-lại-da chuyển sở y cảnh giới của trí tự chứng. Kẻ ngu si nói có tam thừa, mà không nói rằng chỉ có tâm, chứ không có cảnh giới.

Này Đại Tuệ! Những ai không hiểu lời dạy của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai về cảnh giới của tự tâm, họ còn chấp rằng cảnh giới ngoài tâm, cho nên mãi trôi lăn theo bánh xe sinh tử.

Này Đại Tuệ! Các Đức Như Lai trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều dạy: "Tất cả pháp không sinh". Vì sao? Vì không có thật tánh, mà chỉ là sự biểu hiện của tự tâm, lìa hữu nên không sinh. Như sừng thỏ, ngựa… mà kẻ phàm phu ngu si vọng chấp. Đây thuộc lãnh vực của tự chứng Thánh trí đạt được, chứ chẳng phải lãnh vực phân biệt nhị biên của những người ngu muội. Thân thể, tài sản vật chất ở thế gian, tất cả đều là ảnh tượng của tàng thức cùng hiện, mà kẻ phàm phu ngu muội chấp làm hai loại năng và sở. Họ bị rơi vào kiến giải nhị biên trụ và diệt, từ đó phát ra vọng tưởng phân biệt hữu, phi hữu.

Này Đại Tuệ! Hãy nỗ lực tu tập về nghĩa lý này.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có năm tánh, đó là:

1. Nhóm Thanh văn thừa.
2. Nhóm Duyên giác thừa.
3. Nhóm Như Lai thừa.
4. Nhóm bất định.
5. Nhóm vô trí.

Này Đại Tuệ! Làm sao biết được nhóm người thuộc chủng tánh Thanh văn thừa? Có người nào nghe về tự tướng, cọng tướng của uẩn, xứ,

giới nếu biết, nếu chứng còn toàn thân sởn tóc gáy. Họ hân hoan vui mừng tu tập, đối với tướng duyên khởi họ không thích quán sát. Những người như vậy nên biết, đó thuộc nhóm Thanh văn thừa. Khi đã có tri kiến do chứng về thừa của chính họ rồi, đối với Địa thứ năm hay thứ sáu, họ đoạn trừ được kết sử, phiền não, nhưng không đoạn trừ được tập khí phiền não và trụ nơi cái chết chẳng thể nghĩ bàn. Họ rống lên tiếng rống sư tử: "Sự sống của ta đã được đoạn tận, phạm hạnh của ta đã thành tựu, những việc cần làm ta đã làm xong, không thọ thân đời sau." Họ tu tập về nhân vô ngã, cho đến ngay trong đời này họ đạt được Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Có những chúng sinh cầu chứng Niết-bàn cho rằng đã hiểu biết về ngã, nhân, chúng sinh, người nuôi dưỡng, người giữ lấy… Họ tìm cầu Niết-bàn trong các pháp ấy. Và có người nói rằng: họ thấy tất cả pháp nhân tạo tác nên có. Đây là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Những người đó không được giải thoát, vì họ chưa thâm nhập được pháp vô ngã. Đây thuộc về hàng Thanh văn thừa và hàng ngoại đạo, đối với giải thoát mà tưởng là giải thoát. Thế nên thầy hãy nỗ lực tu tập để thoát khỏi kiến giải sai lầm này.

Này Đại Tuệ! Làm sao biết đó là nhóm Duyên giác thừa? Nghĩa là khi nghe nói về pháp Duyên giác thừa thì toàn thân họ nổi da gà, nước mắt tuôn trào. Họ cách ly được những gì liên hệ đến sự ồn ào, không bị đắm nhiễm, buộc ràng. Có người khi nghe Phật dạy về sự biến hóa thần thông, hoặc tụ hoặc tán, phân thân hiện ra đa dạng nên họ tin nhận hoàn toàn. Vì biết những người này thuộc nhóm Duyên giác thừa nên giảng nói cho họ pháp Duyên giác thừa.

Này Đại Tuệ! Ba khía cạnh có thể phân biệt được nhóm Như Lai thừa, đó là:

1. Tự tánh pháp không tự tánh.

2. Nội thân tự chứng pháp Thánh trí.

3. Pháp rộng lớn của các cõi Phật bên ngoài.

Này Đại Tuệ! Có chúng sinh nào nghe nói về một pháp này và những điều ở trong tâm hiện như thân thể, tài sản, đều là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của thức A-lại-da kiến lập mà không sợ hãi, không khiếp sợ. Nên biết, đó là tính chất Như Lai thừa.

Này Đại Tuệ! Nhóm bất định nghĩa là: khi nghe nói về ba pháp kia, tùy theo đó mà tin hiểu và tu học theo.

Này Đại Tuệ! Vì bậc trị Địa thứ nhất mà nói các chủng tánh, muốn làm cho họ bước vào địa không ảnh tượng, nên tạo ra sự kiến lập này.

Này Đại Tuệ! Vì Thanh văn nào trú nơi Tam-muội an vui, hoặc chứng biết bên trong của A-lại-da, nhận thức pháp vô ngã, tẩy sạch tập khí phiền não, cuối cùng sẽ đạt được thân Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Quả Dự lưu, nhất lai
Bất lai, A-la-hán
Những bậc Thánh nhân này
Tâm họ vẫn còn mê
Ta lập pháp ba thừa
Nhất thừa và Phi thừa
Cho phàm phu ít trí
Bậc Thánh ưa vắng lặng
Pháp môn Đệ nhất nghĩa
Tách rời hai chấp thủ
Trụ cảnh giới vô tướng
Lập ba thừa làm chi?
Các thiền và vô lượng
Vô sắc, Tam-ma-đề
Cho đến Diệt thọ tưởng
Không tìm thấy duy tâm.

Và, này Đại Tuệ! Tại sao hạng Nhất-xiển-đề đối với giải thoát, họ không ham muốn? Này Đại Tuệ! Vì họ xả bỏ tất cả thiện căn và họ phát khởi nguyện vọng chúng sinh từ vô thủy.

Xả bỏ tất cả thiện căn là thế nào? Nghĩa là họ hủy báng Bồ-tát rằng: "Tôi không tùy thuận kinh điển, không điều phục giải thoát." Khi nói như vậy, họ đã phá bỏ hoàn toàn thiện căn, sẽ không nhập Niết-bàn.

Thế nào là phát nguyện vì chúng sinh từ vô thủy? Có những vị Bồ-tát do bản nguyện phương tiện, nguyện cho "Tất cả chúng sinh đều nhập Niết-bàn. Nếu còn một chúng sinh nào chưa nhập Niết-bàn thì ta không bao giờ nhập Niết-bàn." Vì lý do này mà họ trú nơi con đường Nhất-xiển-đề. Đây là tướng của nhóm không Niết-bàn.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vậy thì ai không bao giờ nhập Niết-bàn?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Bồ-tát Nhất-xiển-đề đó biết tất cả pháp chính trong Niết-bàn ngay từ lúc bắt đầu, nên cuối cùng không nhập Niết-bàn và chẳng xả bỏ thiện căn. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề ấy đã xả bỏ thiện căn là do oai

lực của Phật, hoặc có lúc thiện căn sinh khởi. Vì sao? Vì Phật không xả bỏ tất cả chúng sinh bao giờ. Thế nên Bồ-tát Nhất-xiển-đề không nhập Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải khéo biết ba tướng tự tánh. Thế nào là ba tướng?

1. Tự tánh phân biệt sai lầm.

2. Tự tánh duyên khởi.

3. Tự tánh viên thành.

Này Đại Tuệ! Tự tánh phân biệt sai lầm từ tướng sinh ra. Thế nào là sinh ra từ tướng? Nghĩa là y theo duyên khởi sự tướng hiển hiện theo nhiều cảnh khác nhau nên sinh chấp trước.

Này Đại Tuệ! Chấp trước về sự tướng có hai cách sinh ra tính chất phân biệt sai lầm mà chư Như Lai đã giảng nói về sự tướng sai lầm và chấp tướng, gọi là danh tướng và kế trước tướng.

Này Đại Tuệ! Sự chấp vào các tướng nghĩa là bị ràng buộc vào các pháp bên trong và bên ngoài. Sự chấp vào tướng của các tướng, tức là chấp vào các pháp bên trong và bên ngoài, chấp vào tướng chung và tướng riêng. Đây gọi là hai loại chấp trước về sự phân biệt sai lầm về tướng của tự tánh.

Này Đại Tuệ! Từ sở y, sở duyên và duyên khởi là tánh của duyên khởi. Thế nào là viên thành tự tánh? Nghĩa là xa lìa danh tướng, sự tướng và tất cả sự phân biệt. Tự chứng Thánh trí là thật tánh của chân như.

Này Đại Tuệ! Đây là tâm viên thành tự tánh của Như Lai tạng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Danh tướng phân biệt
Hai tướng tự tánh
Chánh trí chân như
Thuộc tánh viên thành.

Này Đại Tuệ! Đây gọi là pháp môn quán sát năm pháp tướng tự tánh, tạo nên cảnh giới tự chứng Thánh trí. Ông và các Bồ-tát hãy nên nỗ lực tu học.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát hãy khéo quán sát tướng của hai pháp vô ngã. Hai pháp đó là: nhân vô ngã và pháp vô ngã.

Này Đại Tuệ! Thế nào là nhân vô ngã? Đó là uẩn, xứ, giới không có gì thuộc ngã và ngã sở, không biết rằng sự sinh khởi của ái nghiệp, nên nhãn thức… sinh ra rồi nắm giữ nơi sắc…. mà sinh ra phân biệt. Lại nữa, thân và khí thế giới được thấy bằng tự tâm đều là sự hiển hiện của tàng

thức. Chúng tồn tại hay biến hoại liên tục trong từng sát-na, giống như dòng sông, như hạt giống, như ánh lửa ngọn đèn, như gió lốc, như áng mây, như con khỉ nhảy nhót không chịu ngồi yên, như con ruồi thích bay vào nơi nhơ nhớp, như ngọn lửa mà không biết chán nhàm. Tập khí giả dối từ vô thủy là nguyên nhân. Nghiệp lưu chuyển trong các nẻo đường không ngưng nghỉ. Như bánh xe kéo nước, mang nhiều thân thể và xác thân, oai nghi đi đứng khác nhau. Ví như năng lực của thần chú làm cho tử thi biết đi, cũng như người gỗ nhờ máy mà vận động. Ai đối với những hiện tượng này mà biết rõ tướng của nó thì gọi là trí tuệ về nhân vô ngã.

Này Đại Tuệ! Thế nào là trí pháp vô ngã? Nghĩa là biết uẩn, xứ, giới là bản chất phân biệt sai lầm. Uẩn, xứ, giới không thuộc ngã và ngã sở, đó chỉ là sự tích tụ của khát ái và nghiệp hỗ tương, ràng buộc nhau mà không có người tạo tác ra chúng. Các uẩn cũng vậy, không có tướng chung hay tướng riêng, kẻ phàm phu phân biệt giả dối sai lầm nên hiện ra các tướng, còn người trí thì không như vậy, quán sát tất cả các pháp như vậy đều không có tâm, ý và ý thức, năm pháp và hai tự tánh. Đây gọi là Đại Bồ-tát hiểu rõ pháp vô ngã.

Nếu Bồ-tát hiểu đúng về cảnh giới vô ngã này, hiểu rõ tướng các Địa, tức nhập vào Sơ địa, Bồ-tát sẽ sinh tâm hoan hỷ, dần dần theo trình tự đạt đến Thiện tuệ địa, cho đến Pháp vân địa, những việc cần làm đều đã hoàn tất. Trụ nơi các Địa này, Bồ-tát sẽ có hoa sen lớn được trang hoàng bằng các châu báu. Ở trên hoa báu này có cung điện báu, dạng giống như hoa sen. Bồ-tát ngồi trên hoa sen đó tu tập thành tựu pháp môn tự tánh cảnh giới huyễn, được các Bồ-tát đồng hành lần lượt vây quanh. Tất cả các Đức Như Lai nơi các cõi nước đều đưa cánh tay làm pháp quán đảnh cho Bồ-tát, như vương tử của Chuyển luân thánh vương. Các vị ấy sẽ vượt khỏi Bồ-tát địa, cuối cùng đạt pháp tự chứng, thành tựu Pháp thân tự tại của Như Lai.

Này Đại Tuệ! Đây gọi là thấy tướng vô ngã của các pháp. Thầy và các Bồ-tát hãy nỗ lực tu học.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con việc tạo dựng hay bác bỏ, làm cho con cùng các Bồ-tát thoát khỏi những kiến giải sai lầm và chóng đạt Tuệ giác vô thượng. Khi đã chứng ngộ rồi, các Bồ-tát sẽ xa lìa những kiến lập hay bác bỏ về đoạn kiến, làm cho không sinh tâm hủy báng đối với chánh pháp.

Đức Phật nhận lời thỉnh cầu của Bồ-tát Đại Tuệ, liền nói kệ:

Chỗ trú thân, tài sản
Là ảnh tượng nơi tâm
Kẻ ngu si không hiểu
Sinh xác nhận, bác bỏ
Hiện tượng ấy do tâm
Rời tâm không gì có.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa câu kệ nên bảo Đại Tuệ:

–Có bốn loại không có kiến lập. Bốn điều đó là gì?

1. Không có tướng kiến lập tướng.

2. Không có kiến kiến lập kiến.

3. Không có nhân và kiến lập nhân.

4. Không có tánh và kiến lập tánh.

Này Đại Tuệ! Bác bỏ nghĩa là đối với pháp được kiến lập do những ác kiến tìm cầu không thể đạt. Do quán sát bất thiện, liền sinh bác bỏ. Đây là kiến lập tướng phỉ báng.

Này Đại Tuệ! Thế nào là không có tướng kiến lập tướng? Nghĩa là đối với tướng riêng và tướng chung của uẩn, xứ, giới vốn không có sở hữu mà sinh ra chấp trước, cho rằng chúng đúng như thế này, chứ không như thế khác. Từ phân biệt này sinh ra những tập khí xấu từ vô thủy. Đây gọi là không có tướng kiến lập tướng.

Thế nào gọi là không có kiến, kiến lập kiến? Nghĩa là đối với các uẩn, xứ, giới kiến lập về những kiến, như ngã, nhân, chúng sinh… Đây gọi là không có kiến, kiến lập kiến.

Thế nào gọi là không có nhân kiến lập nguyên nhân? Nghĩa là đối với trước thức đầu tiên không có nhân sinh ra, thức đầu tiên ấy vốn là không. Sau đó mất sắc, minh, niệm… làm nhân như huyễn sinh ra, sinh ra nên có, có rồi lại diệt. Đây gọi là không có nhân mà kiến lập nhân.

Thế nào gọi là không có tánh kiến lập tánh? Đối với hư vô, Niết-bàn chẳng phải thuộc về diệt, không có tánh tạo tác mà chấp trước kiến lập.

Này Đại Tuệ! Tách rời tánh chẳng phải tánh này, xa lìa tất cả các pháp đối với hữu, vô như sừng thỏ, ngựa, hoa đốm. Đây gọi là không có tánh kiến lập tánh.

Này Đại Tuệ! Kiến lập, phỉ báng đều do phàm phu ngu muội, không hiểu rõ, chỉ do tâm nên sinh phân biệt, chẳng phải là các bậc Thánh. Vì thế, các thầy hãy nỗ lực quán sát và xa lìa kiến chấp này.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát biết rõ bản chất của tâm, ý, ý thức, tự tánh của năm pháp, tướng của hai pháp vô ngã, vì chúng sinh nên hiện vô số thân. Như nương vào duyên khởi sinh ra tánh chấp trước sai lầm, cũng như viên ngọc hiện ra màu sắc tùy theo tâm. Vào khắp hội chúng của Phật để nghe Phật giảng thuyết về các pháp như mộng, như huyễn, như bóng, như ảnh trong gương, như trăng trong nước, xa lìa sinh diệt cho đến thường hằng hay đoạn mất. Không trụ nơi đường Thanh văn hay Bích-chi-phật. Các vị nghe xong, đạt được vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Tam-muội. Được Tam-muội này, họ đi khắp các cõi Phật, cúng dường chư Phật, sinh lên các cõi trời, xiển dương Tam bảo, thị hiện thân Phật. Các Bồ-tát này thuyết giảng cho các Thanh văn và đại chúng Bồ-tát về cảnh giới bên ngoài đều do tâm tạo, làm cho họ thoát khỏi những chấp là hữu hay vô.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Phật tử nên thấy rõ
Thế gian chính là tâm
Thị hiện vô số thân
Tạo tác không chướng ngại
Sức thần thông tự tại
Được thành tựu tất cả.

Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh hỏi Đức Thế Tôn:

–Xin Thế Tôn dạy cho con biết thế nào là tướng của tất cả pháp đều không là không sinh, không hai, không tự tánh. Con và các Bồ-tát hiểu rõ được tướng này sẽ xa lìa sự phân biệt về hữu và vô, mà chóng đạt đến Tuệ giác vô thượng.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe, này Đại Tuệ! Không chính là cú nghĩa của tánh vọng chấp.

Này Đại Tuệ! Vì chấp trước tự tánh hư vọng cho nên ta phải nói về không; tức là không sinh, không hai, không tự tánh.

Này Đại Tuệ! Tóm lại, tánh không có bảy loại:

1. Tướng không.
2. Tự tánh không.
3. Vô hành không.
4. Hành không.
5. Tất cả pháp không thể nói không.
6. Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không.

7. Bỉ bỉ không.

Không của tướng là gì? Đó là không của tự tướng và cọng tướng tất cả các pháp, quan hệ tích tập và hỗ tương lẫn nhau. Phân tích và quán sát kỹ thì chúng vô sở hữu. Thế nên ý niệm về tự ngã, tha nhân và cọng tướng đều không sinh. Tự tướng và cọng tướng không sinh, cũng không trụ, nên gọi là không của tự tướng của tất cả các pháp.

Thế nào là không của tự tánh? Đó là tất cả pháp tự tánh không sinh. Cho nên gọi là không của tự tánh.

Không của vô hành là gì? Đó là các uẩn xưa nay chính là Niết-bàn không có các hành nào. Đây gọi là không của vô hành.

Không của hành là gì? Đó là các uẩn do nghiệp và nhân hòa hợp sinh khởi. Liền ngã và ngã sở gọi là không của hành.

Thế nào là không của tất cả pháp không thể nói? Đó là bản chất của tất cả pháp tự tánh hư vọng không thể nói được. Cho nên gọi là pháp không thể nói không.

Thế nào là đại không của Đệ nhất nghĩa Thánh trí? Đó là khi tự chứng Thánh trí, thoát khỏi tất cả tập khí lỗi lầm của các kiến, nên gọi là đại không Đệ nhất nghĩa Thánh trí.

Không của bỉ bỉ là gì? Nghĩa là ở đây thì không có kia, nên gọi là không của bỉ bỉ. Ví như giảng đường của Tinh xá Lộc Mẫu không có voi, ngựa, trâu, dê. Ta nói rằng giảng đường ấy không, chứ chẳng phải không có chúng Tỳ-kheo.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải giảng đường là không có đặc tánh của nó. Chẳng phải Tỳ-kheo là không có đặc tánh của Tỳ-kheo. Cũng không phải những chỗ khác không có voi, ngựa, trâu, dê.

Này Đại Tuệ! Tướng chung và tướng riêng của các pháp thì tìm cầu chúng cũng không thể được. Đây gọi là không của bỉ bỉ.

Này Đại Tuệ! Đây là bảy loại không. Trong đó, không của bỉ bỉ là thô nhất. Ông hãy xa lìa nó.

Này Đại Tuệ! Vô sinh nghĩa là tự thể không sinh và chẳng phải không sinh, ngoại trừ trụ nơi tam-ma-địa. Đây gọi là vô sinh.

Này Đại Tuệ! Vô tự tánh theo ý nghĩa sâu xa mà nói là vô sinh.

Này Đại Tuệ! Tất cả pháp không có tự tánh, thay đổi trong từng sát-na từ trạng thái này qua trạng thái khác, cho nên gọi là không tự tánh.

Thế nào là tướng không hai? Này Đại Tuệ! Đó là ánh sáng và bóng tối, dài và ngắn, đen và trắng… là những biểu từ tương đối không độc lập

với nhau. Chẳng phải ngoài sinh tử mà có Niết-bàn, chẳng phải ngoài Niết-bàn mà có sinh tử. Sinh tử và Niết-bàn không có tướng trái nghịch nhau. Như sinh tử và Niết-bàn, tất cả các pháp cũng như vậy. Đây gọi là tướng không hai.

Này Đại Tuệ! Ông hãy nỗ lực học về tướng không, tướng vô sinh, tướng vô nhị và vô tự tánh.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta thường nói pháp không
Vượt xa thường hay đoạn
Sống chết như mộng huyễn
Nghiệp cũng không tan hoại
Hư không và Niết-bàn
Diệt độ cũng như nhau
Kẻ phàm ngu phân biệt
Các Thánh lìa có, không.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Không, không sinh, không tự tánh, không hai tướng này, được tìm thấy trong lời Phật dạy của tất cả các kinh điển. Những lời Phật đã dạy đều có nghĩa lý này.

Này Đại Tuệ! Các kinh điển tùy thuận dạy theo tâm của tất cả chúng sinh, nhưng không phải là sự chân thật trong ngôn từ. Ví như sóng nắng làm mê hoặc những loài cầm thú, tưởng như có nước hiện hữu, thật ra không có nước gì cả. Các kinh điển Phật dạy cũng như vậy, tùy theo sự phân biệt của phàm phu mà làm cho họ sinh hoan hỷ, chẳng phải là pháp chân thật, chỗ Thánh trí chứng đắc.

Này Đại Tuệ! Hãy theo đúng với thật nghĩa, không nên đắm trước theo ngôn thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nêu ra Như Lai tạng trong các kinh điển, bản tánh thanh tịnh thường hằng, không đoạn diệt, không có sự biến đổi, đủ ba mươi hai tướng tốt ẩn trong thân thể tất cả chúng sinh, bị bao bọc bởi lớp áo đầy bụi bặm uẩn, xứ, giới và bị nhơ bẩn vì bụi đất phân biệt sai lầm của tham, sân, si… như viên ngọc quý vô giá đặt trong chiếc áo bẩn. Ngoại đạo vẫn nói tự ngã là một kẻ sáng tạo trường cửu, có mặt khắp nơi và tự tại không bị hủy diệt. Thế Tôn đã dạy nghĩa của Như Lai tạng, lẽ nào không phải cùng một thuyết với tự ngã của ngoại đạo chăng?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Như Lai tạng mà ta nói, không giống với ngã của hàng ngoại đạo nói.

Này Đại Tuệ! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong các cú nghĩa là tánh không thật tế, Niết-bàn, không sinh, không tướng, không nguyện. Nói Như Lai tạng là để làm cho kẻ ngu bỏ được sự sợ hãi khi nghe đến lý vô ngã. Ta nói về trạng thái vô phân biệt, vô ảnh tượng, Như Lai tạng môn để các Đại Bồ-tát trong hiện tại hay tương lai sẽ không chấp vào sự ngã. Ví như một người thợ gốm, từ một khối đất sét với nhân công, cần nước, bánh xe, dây, bằng sự khéo tay tạo ra nhiều loại đồ dùng; Đức Như Lai cũng thế, trong pháp vô ngã, ngài xa lìa tất cả sự phân biệt, dùng vô số phương tiện khéo léo trí tuệ, hoặc nói về Như Lai tạng, hoặc nói về vô ngã bằng nhiều loại danh từ, mà mỗi một từ khác nhau.

Này Đại Tuệ! Ta nói Như Lai tạng là để thức tỉnh những người ngoại đạo khỏi chấp vào ý niệm ngã, làm cho họ rời khỏi những kiến giải sai lầm và nhập vào ba giải thoát, chóng đạt Tuệ giác vô thượng. Thế nên chư Phật nói về Như Lai tạng, nó không đồng nhất ý niệm ngã thể của ngoại đạo đã nói. Nếu muốn từ bỏ kiến giải sai lầm của ngoại đạo, thầy phải biết nghĩa của Như Lai tạng là giáo pháp vô ngã.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Người là uẩn tương tục
Các duyên và vi trần
Kẻ sáng tạo tối thượng
Phân biệt bởi tâm này.

Đại Bồ-tát Đại Tuệ quán sát tất cả chúng sinh đời tương lai nên thỉnh hỏi Phật:

–Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con đầy đủ về pháp tu hành, nhờ đó mà các Đại Bồ-tát trở thành bậc đại tu hành.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có bốn pháp mà các Đại Bồ-tát nếu thực hành đầy đủ sẽ thành bậc đại tu hành. Bốn điều ấy là gì?

1. Quán sát rõ ràng về những gì đã hiện tự tâm.

2. Lìa bỏ những ý niệm về sinh, trụ, diệt.

3. Thấy rõ không có pháp bên ngoài nào là tồn tại.

4. Chuyên cần tự chứng Thánh trí.

Bồ-tát nào thành tựu bốn pháp này thì gọi là bậc Đại tu hành.

Này Đại Tuệ! Thế nào là quán sát rõ ràng về những gì đã hiện tự tâm?

Bồ-tát phải nhận biết rằng: ba cõi này chính là cái tâm, không có ngã và những gì thuộc về ngã, không nỗ lực tạo tác, không đến và đi. Chúng huân tập với tập khí được chất chứa từ vô thủy bởi chấp trước sai lầm và vô vàn những sắc chất hành động, danh ngôn ràng buộc chặt chẽ nhau trong ba cõi, hiển hiện phù hợp những ý tưởng phân biệt như thân thể, tài sản và đất đai. Đại Bồ-tát nhận biết rõ ràng về những gì do tự tâm hiện ra như vậy.

Này Đại Tuệ! Thế nào là lìa bỏ những ý niệm về sinh, trụ, diệt? Xem tất cả các pháp được sinh ra như ảo ảnh, như giấc mộng, tự ngã, tha nhân, cả hai đều không sinh. Chúng hiện hữu tùy theo tự tâm, cho nên thấy vạn vật bên ngoài là không thật có, thấy các thức không khởi và các duyên không tích tụ. Ba cõi do nhân duyên và sinh khởi bởi phân biệt. Khi quán sát như vậy, các vị sẽ thấy tất cả các pháp dầu bên trong hay bên ngoài cũng đều không có thật, biết rằng không có thật thể, xa lìa kiến chấp về sự sinh. Các vị sẽ thông hiểu mọi tính chất như ảo ảnh, tức thời đạt được Vô sinh pháp nhẫn, trụ nơi Địa thứ tám. Các vị sẽ thể nghiệm sự chuyển biến nơi tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh và hai pháp vô ngã, do đó đạt được cái thân do ý sinh.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là ý sinh thân?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ví như ý chuyển đi rất nhanh, hoàn toàn không bị trở ngại, nên gọi là ý sinh thân.

Này Đại Tuệ! Ví như tâm ý cách bên ngoài vô lượng trăm ngàn do-tuần, người ta vẫn có thể hồi tưởng mọi vật đã từng thấy trước kia. Từng ý nghĩ, từng ý nghĩ… vận hành liên tục và nhanh chóng đến chỗ ấy, không những là thân này, mà ý vượt qua cả núi non, sông hồ, tường vách mà không bị trở ngại. Ý sinh thân cũng như vậy. Như huyễn Tam-muội có sức thần thông tự tại trang nghiêm các tướng, ý vốn thành tựu nguyện lực của chúng sinh, cũng như ý sẽ được sinh trong các đạo lộ thánh thiện. Đó là Đại Bồ-tát vượt khỏi được kiến giải sinh, trụ và diệt.

Này Đại Tuệ! Thế nào là thấy rõ không có pháp bên ngoài nào là tồn tại? Quán sát tất cả pháp như sóng nắng, như giấc mộng, như hoa đốm, do những chấp trước sai lầm từ vô thủy vào những tập khí hư vọng xấu xa, tạo thành nhân. Khi quán sát tất cả pháp như vậy, Bồ-tát sẽ mong cầu tự chứng Thánh trí.

Này Đại Tuệ! Đây là bốn pháp mà các Bồ-tát nếu thực hành đầy đủ sẽ thành bậc đại tu hành. Ông hãy nỗ lực tu học như vậy.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại thưa thỉnh Đức Thế Tôn:

–Xin Thế Tôn dạy cho con biết về tướng nhân duyên của tất cả pháp, nhờ đó mà con và các Bồ-tát khác có thể thấy rõ bản chất của nhân duyên để thoát khỏi kiến giải về hữu hay vô. Chúng con không còn vọng chấp các pháp sinh từ từ hay sinh ra ngay.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có hai yếu tố nhân duyên sinh ra tất cả các pháp. Đó là nội duyên và ngoại duyên. Ngoại duyên như dùng một khối đất sét, nước, cây, bánh xe, sợi chỉ, nhân công… tập hợp các thứ đó tạo thành một cái bình. Như cái bình được làm từ một khối đất sét, hay một mảnh vải được làm từ chỉ sợi, chiếc chiếu được làm từ cỏ, mầm cây lớn lên từ hạt giống, đề hồ làm từ sữa… Tất cả đều như vậy. Đây là ngoại duyên được sinh ra theo quá trình liên tục.

Nội duyên thuộc vô minh, ái và nghiệp… sinh ra uẩn, xứ, giới. Chúng sinh khởi từ nội duyên và bị người ngu phân biệt như vậy.

Này Đại Tuệ! Có sáu nguyên nhân:

1. Đương hữu nhân: Nghĩa là khi nhân sinh ra quả thì có sự tác động của các pháp bên trong và bên ngoài.

2. Tương thuộc nhân: Nghĩa là khi các duyên tạo tác thì có sự sinh khởi của các chủng tử, các uẩn… bên trong và bên ngoài.

3. Tương nhân: Nghĩa là sự tạo tác tương tục, sinh ra quả tương tục.

4. Năng tác nhân: Nghĩa là sự tạo tác tăng thượng mà sinh ra quả, như vua Chuyển luân.

5. Hiển liễu nhân: Nghĩa là khả năng phân biệt sinh khởi, thì nó làm hiển lộ cảnh tướng, như cây đèn chiếu sáng các vật.

6. Quán đãi nhân: Nghĩa là khi có sự hủy diệt thì sự tương tục gián đoạn và trạng thái không vọng tưởng sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Đây là kết quả của sự phân biệt từ người ngu, chẳng phải sinh khởi dần dần, cũng chẳng phải sinh ngay liền. Vì sao? Này Đại Tuệ! Nếu sinh ngay thì không có sự khác biệt nào giữa nguyên nhân và kết quả, không có gì để xác định một nguyên nhân như vậy.

Nếu sinh khởi dần dần thì không có bản thể nào liên kết nhau và điều ấy cũng không thể được. Như chưa sinh con, làm sao gọi là cha? Các nhà luận lý cho rằng: Cái được sinh ra và cái tạo sự sinh ra tác động hỗ tương hệ thuộc như nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên… nhân lý sinh khởi dần dần này không thể có. Đó chỉ là những vọng

tình chấp trước với nhau mà thôi.

Này Đại Tuệ! Sự sinh khởi dần dần và sinh ngay đều là không sinh, chỉ có tâm nên hiện ra thân và tài sản… tự tướng và cộng tướng bên ngoài đều không có thật tánh, ngoại trừ thức sinh khởi và tự thấy phân biệt.

Này Đại Tuệ! Thế nên ông hãy đoạn trừ những ý niệm về sự dần dần và ngay liền trong sự hòa hợp của hoạt động nhân quả.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Không có gì sinh ra
Không có gì đoạn diệt
Do các nhân duyên kia
Phân biệt tướng sinh diệt
Không ngăn thì duyên hợp
Diệt như vậy rồi sinh
Chỉ tại kẻ phàm ngu
Vọng tình sinh chấp trước
Pháp có không trong duyên
Nên không và có sinh
Tâm lẫn lộn tập khí
Từ đó hiện tam hữu
Xưa nay vốn không sinh
Và cũng không có diệt
Quán sự vật hữu vi
Như hoa đốm hư không
Rời chủ thể, đối tượng
Tất cả kiến mê lầm
Không sinh và được sinh
Nhân duyên cũng không có
Vì thuận theo thế tục
Nên nói có sinh diệt.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 3

Phẩm 2: SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP (Phần 3)

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con về pháp môn được gọi là tướng tâm phân biệt ngôn từ. Nhờ đó, con và các Bồ-tát biết rõ pháp môn này, nên thông đạt được hai nghĩa năng thuyết và sở thuyết, chóng đạt Tuệ giác vô thượng, làm cho tất cả chúng sinh đối với hai nghĩa này được thanh tịnh.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có bốn loại phân biệt về ngôn từ. Đó là:

1. Tướng ngôn thuyết: Nghĩa là tự chấp trước vào tướng của Sắc mà sinh ra phân biệt.

2. Mộng ngôn thuyết: Nghĩa là khi thức giấc nhớ lại những cảnh đã trải qua trong mộng, dựa vào cảnh giới không thật ấy mà sinh ra.

3. Kế trước quá ác ngôn thuyết: Nghĩa là những ngôn từ sinh khởi do hồi tưởng những hành vi, oán thù mà trước đây người ta đã tạo.

4. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết: Nghĩa là sinh ra từ vọng chấp tập khí từ vô thủy.

Đây là bốn loại phân biệt về ngôn từ.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng thêm cho con về tướng hành động của phân biệt ngôn từ. Nguyên nhân xảy ra từ đâu. Vì sao mà khởi?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Sự phân biệt ngôn từ xảy ra do sự kết hợp của đầu, ngực, mũi, yết hầu, lợi, môi, lưỡi và răng.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các ngôn ngữ phân biệt là khác, hay là không khác?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Chúng không khác, cũng không không khác. Vì sao? Vì các ngôn từ sinh khởi do sự phân biệt làm nguyên nhân. Nếu ngôn ngữ mà khác với phân biệt thì chúng không lấy sự phân biệt làm nguyên nhân. Còn nếu chúng không khác với phân biệt thì ngôn ngữ đó không thể hiện ý nghĩa mà nó tạo. Vì thế, sự phân biệt ngôn từ không khác nhau, cũng không phải là không khác nhau.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ có phải là nghĩa đệ nhất không? Hay là điều được diễn đạt trong ngôn ngữ là nghĩa đệ nhất?

Đức Phật bảo Đại Tuệ:

–Các ngôn ngữ không phải là nghĩa đệ nhất, cũng như điều được diễn đạt trong ngôn ngữ là đệ nhất. Vì sao? Vì nghĩa đệ nhất là trạng thái an lạc cao vời của bậc Thánh; nhờ ngôn từ mà biết nhưng nó không phải là lời nói. Nghĩa đệ nhất là cảnh giới tự chứng nội tại của Thánh trí, chứ không phải cảnh do trí phân biệt bằng ngôn ngữ. Do đó, sự phân biệt ngôn ngữ không thể hiển thị được.

Này Đại Tuệ! Ngôn ngữ phải bị sinh và diệt, chúng không ổn định mà hỗ tương duyên nhau và do nhân duyên sinh ra. Những gì hỗ tương duyên sinh, thì đối với nghĩa đệ nhất không thể hiển thị được. Nghĩa đệ nhất không có tướng tự và tha, ngôn ngữ hữu tướng không thể diễn tả được thực tánh nghĩa đệ nhất ấy. Nghĩa đệ nhất chính là tự tâm mà tất cả những tướng bên ngoài đều không có và sự phân biệt về ngôn từ không thể diễn tả được. Thế nên, các vị hãy tránh xa mọi sự phân biệt về ngôn từ.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Các pháp không tự tánh
Cũng không có ngôn từ
Vì không hiểu nghĩa không
Kẻ ngu phải luân hồi
Tất cả pháp không tánh
Lìa phân biệt ngữ ngôn
Các cõi như giấc mộng
Chẳng sinh tử, Niết-bàn
Như vua hay trưởng giả
Vì muốn các con vui
Trước đưa ra vật giả
Sau cho chúng vật thật
Nay ta cũng như vậy

Trước nói pháp tương tự
Sau mới giảng pháp thật
Pháp thật tế tự chứng.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn chỉ dạy cho con biết cách rời khỏi một và khác, câu hữu, không câu hữu, hữu và vô, không phải hữu vô, thường, vô thường… là điều mà tất cả ngoại đạo không thể thực hành. Đó là cảnh giới thực hành của Thánh trí tự chứng, xa lìa vọng chấp về tướng cọng tướng và biệt tướng, nhập vào cảnh giới chân thật đệ nhất, lần lượt thanh tịnh các Địa, nhập vào quả vị Như Lai, do năng lực bản nguyện mà vô công dụng. Như viên ngọc như ý chiếu khắp tất cả vô biên cảnh giới. Tất cả các pháp đều là sự thấy sai biệt từ chính cái tâm. Nhờ vậy, mà con cùng các Bồ-tát khác đối với các pháp như vậy không bị vọng kiến sai lầm về tướng chung và tướng riêng, chóng đạt Tuệ giác vô thượng, làm cho khắp các chúng sinh đầy đủ tất cả công đức một cách trọn vẹn.

Đức Phật bảo:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Tuệ! Ông vì lòng từ thương tưởng thế gian, vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc khắp quần sinh mới hỏi ta về ý nghĩa này.

Này Đại Tuệ! Vì kẻ phàm phu không có trí nên không biết chính tự tâm mà chấp vào tập khí làm nhân, chấp các đối tượng bên ngoài, chấp đồng và dị, câu hữu và không câu hữu, hữu và vô, thường và vô thường… tất cả các tự tánh.

Này Đại Tuệ! Ví như bầy thú bị cơn khát bức bách, nhìn sóng nắng mà chúng tưởng là nước, bị mê hoặc, chúng phóng chạy đến và không biết rằng thật không phải nước. Kẻ phàm phu ngu muội cũng như vậy, họ bị huân tập bằng những hý luận và phân biệt sai lầm từ vô thủy, bị ba độc đốt tâm vì đam mê cảnh giới sắc tướng. Vì chấp pháp trong, ngoài mà thấy sinh, trụ, diệt, nên họ bị rơi vào con đường chấp đồng và dị.

Này Đại Tuệ! Như thành Càn-thát-bà chẳng phải là thành, cũng chẳng phải chẳng là thành Càn-thát-bà. Từ vô thủy đến nay, người thiếu trí tuệ chấp chặt đó là cái thành, vì huân tập các thói quen sai lầm nên nghĩ đó là cái thành. Các nhà ngoại đạo cũng vậy, vì chấp vào tập khí huân tập và những sai lầm từ vô thủy đến nay, cho nên họ không thông suốt về những gì được hiện ra từ tâm, chấp đồng và dị… và các loại ngôn từ.

Này Đại Tuệ! Ví như có người nằm mộng thấy một trú xứ đầy cả đàn ông, đàn bà, voi, ngựa, xe, người đi bộ, làng mạc, phố xá, vườn rừng và

những loại đồ trang trí. Lúc tỉnh giấc, người ấy vẫn nhớ mãi tất cả những sự việc không thật kia.

Này Đại Tuệ! Ý thầy thế nào? Người nằm mộng kia có trí tuệ hay chăng?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Này Đại Tuệ! Ngoại đạo cũng vậy, họ bị những kiến giải sai lầm ăn sâu vào mà không nhận ra rằng các pháp chính tại nơi tâm, nên họ bị chấp chặt bởi các ý niệm về đồng và dị, về hữu và vô…

Này Đại Tuệ! Ví như khung tượng của người họa sĩ không lồi lõm, nhưng người ngu lầm thấy cho rằng có chỗ lồi chỗ lõm. Trong tương lai hàng ngoại đạo cũng vậy, có những nhận thức sai lầm huân tập bởi vọng tâm tăng trưởng, chấp về ý niệm đồng và dị… Họ tự đưa mình và người khác đến chỗ hủy hoại, xa rời luận thuyết đối với luận vô sinh về hữu vô, lại bảo đó là không. Họ hủy báng nhân quả, bứng gốc thiện căn. Nên biết, những người này phân biệt hữu và vô, khởi ra kiến chấp tự và tha, cuối cùng sẽ rơi vào địa ngục. Muốn cầu pháp thù thắng, các thầy hãy chóng vượt khỏi ý niệm này.

Này Đại Tuệ! Ví như người mắt lòa thấy hoa đốm mà kêu lên với nhau rằng: "Đây là việc thật hiếm có", nhưng hoa đốm này vốn chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải thấy hay không thấy. Cũng thế, hàng ngoại đạo có tâm mê muội vào sự phân biệt, chấp chặt nơi kiến giải sai lầm những ý niệm về đồng và dị, câu hữu hay không câu hữu. Đó là hủy báng chánh pháp, tự hủy diệt mình và người khác.

Này Đại Tuệ! Ví như vòng lửa không phải là thật. Người ngu chấp trước cho là như vậy, còn người trí thì không. Ngoại đạo cũng vậy, những người có kiến giải sai lầm, ham thích chấp trước vào đồng và dị, câu hữu và không câu hữu… trong sự sinh khởi của tất cả các pháp.

Này Đại Tuệ! Ví như bọt nước, trông giống như hạt ngọc pha lê, người ngu tưởng là thật, nên vội vã nhặt lấy, nhưng chúng chỉ là những bọt nước, không phải là ngọc, cũng chẳng phải là không phải ngọc, để nắm giữ hay không nắm giữ. Ngoại đạo cũng vậy, do tập khí của những kiến giải phân biệt huân tập, gọi là phi hữu và các pháp bị hoại diệt bởi duyên hữu.

Này Đại Tuệ! Lập tam lượng rồi đạt được bằng sự chứng nghiệm của Thánh trí và xa lìa, hay pháp tự tánh phát sinh phân biệt hữu tánh.

Này Đại Tuệ! Những người tu hành chuyển tâm, ý, ý thức lìa sự phân biệt về sở chấp và năng chấp, trụ Như Lai địa, trụ chứng Thánh pháp, ở đó không có ý tưởng về hữu và vô.

Này Đại Tuệ! Nếu có sự chấp về hữu và vô trong cảnh giới mà các vị tu hành đạt được, thì sẽ có trong họ sự chấp về ngã, nhân, chúng sinh và thọ.

Này Đại Tuệ! Tướng chung và tướng riêng của tất cả các pháp là giáo lý của Đức Phật hóa thân, chứ chẳng phải là giáo lý của Đức Phật Pháp thân.

Này Đại Tuệ! Giáo pháp của Phật hóa thân nhằm cho kẻ ngu, phù hợp với tâm thức của họ, không thể hiển lộ được chân lý tự chứng Thánh trí và cảnh giới an lạc của Tam-muội.

Này Đại Tuệ! Ví như bóng cây phản chiếu trong nước, nó phản ảnh lại là phi phản ảnh, chẳng phải hình tướng của cây, chẳng phải không hình tướng của cây. Ngoại đạo cũng vậy, họ bị tập khí của những kiến giải huân tập nên không rõ tự tâm. Đối với sự giống và khác… nên họ sinh ra sự phân biệt.

Này Đại Tuệ! Ví như tấm gương sáng không có phân biệt, tùy theo các điều kiện mà hiện ra những màu sắc, hình ảnh; chúng không phải là hình ảnh, cũng chẳng phải là không hình ảnh mà chúng được nhìn thấy, hình ảnh hay không phải hình ảnh. Người ngu do phân biệt mà có ý tưởng về hình ảnh. Ngoại đạo cũng vậy, những hình ảnh phản chiếu tự tâm và chắc chắn là có giống và khác, câu hữu và không câu hữu.

Này Đại Tuệ! Ví như tiếng vang trong hang sâu, nương vào gió, nước, con người… hòa hợp mà phát sinh. Nó không hiện hữu, cũng chẳng phải không hiện hữu, nó được nghe ra là một thanh âm hay chẳng phải là một thanh âm. Ngoại đạo cũng vậy, phân biệt của tự tâm và sức huân tập nên khởi ra sự giống và khác, câu hữu và không câu hữu.

Này Đại Tuệ! Ví như trên mặt đất, nơi không có cỏ cây, ánh mặt trời chiếu xuống sinh ra sóng nắng. Chúng không hiện hữu, cũng không phải chẳng không hiện hữu, do ý tưởng điên đảo, ý tưởng có hay không về chúng. Kẻ phàm phu ngu si cũng như vậy, bị huân tập những tập khí và lý luận hư vọng từ vô thủy, ngay cả trong pháp môn tự chứng Thánh trí, các thức phân biệt về sinh, trụ, diệt của tánh giống và khác, câu hữu, không câu hữu, hữu và vô.

Này Đại Tuệ! Ví như quỷ Tỳ-xá-xà (Pīsāca) dùng thần chú làm cho người gỗ hay tử thi trở thành sống động, vận chuyển không ngừng, dù nó không có năng lực riêng. Người vô trí cho đó là thật, kẻ phàm phu ngu si cũng như vậy, chạy theo ngoại đạo sinh ra những kiến giải sai lầm, chấp chặt vào những ý niệm giống và khác… nhưng những điều họ nói đều là

hư vọng.

Thế nên, này Đại Tuệ! Đối với sự đắc pháp ở trong xa lìa sinh, trụ, diệt, giống và khác, hữu và vô, câu hữu, không câu hữu…

Đức Thế Tôn nói kệ:

Các thức uẩn có năm
Như bóng cây trong nước
Xem chúng như huyễn mộng
Chớ phân biệt sai lầm
Ba cõi như sóng nắng
Như hoa đốm, huyễn mộng
Ai quán sát như thế
Cứu cánh đạt giải thoát
Như sóng nắng mùa nóng
Chuyển động mê hoặc tâm
Thú khát, tưởng là nước
Thật sự nước không có
Chủng tử thức như vậy
Chuyển động cảnh giới hiện
Như cái nhìn mắt lòa
Người ngu sinh chấp trước
Trong sinh tử vô thủy
Mê muội trong chấp giữ
Kiến xa lìa xả bỏ
Dùng gai mà nhổ gai
Chú thuật người gỗ đi
Ánh chớp, mây, giấc mộng…
Luôn nhìn đời như thế
Chấm dứt ba tương tục
Nơi đây không sở hữu
Như sóng nắng giữa trời
Hiểu các pháp như vậy
Không có gì để biết
Các uẩn như hoa đốm
Trong đó vọng phân biệt
Chỉ giả thuyết, giả danh
Tìm tưởng làm sao được
Như bức họa, hoa đốm
Giấc mộng, thành Càn-thát

Vòng lửa do lửa quay
Thật không mà thấy có
Như vậy thường, vô thường
Giống khác, hợp, không hợp
Ràng buộc từ vô thủy
Kẻ ngu lòng phân biệt
Gượng thấy, nước, mắt sáng
Ngọc báu, ma-ni đẹp
Ảnh tượng hiện trong đó
Nhưng ngọc không có thật
Tàng thức cũng như vậy
Hiện khắp các sắc tướng
Như mộng, lửa, không trung
Như con của Thạch nữ.

Này Đại Tuệ! Giáo pháp của chư Phật thoát khỏi tướng cú, nghĩa là không có sự giống và khác, câu hữu hay không câu hữu, hữu và vô, kiến lập và phỉ báng.

Này Đại Tuệ! Giáo pháp của chư Phật đặt bốn Thánh đế, Duyên khởi, Diệt, Đạo, Giải thoát làm hàng đầu. Giáo pháp của chư Phật không bị ràng buộc với: thắng tánh, tự tại, túc nghiệp, tự nhiên, thời gian, vi trần…

Này Đại Tuệ! Giáo pháp của các Đức Như Lai gột sạch hai loại chướng duyên làm mê hoặc trí và tiếp nối nhau trụ vào một trăm lẻ tám câu trong pháp vô tướng, khéo phân biệt các thừa và các cảnh giới của Bồ-tát địa. Giống như người lãnh đạo đoàn người đi buôn, khéo biết dẫn đường.

Này Đại Tuệ! Có bốn loại thiền. Những gì là bốn? Đó là:

1. Thiền định do người ngu thực hành.

2. Thiền định để quán sát thật nghĩa.

3. Thiền duyên vào chân như.

4. Thiền định của chư Như Lai.

Này Đại Tuệ! Thiền định do người ngu thực hành là gì? Đó là Thiền định mà các hành giả thực hiện theo cách tu của hàng Thanh văn, Duyên giác. Họ biết rằng nhân vô ngã, thấy tự thân và thân người khác là một bộ xương liên kết nhau, đầy cả bất tịnh, vô thường và đau khổ. Họ cứ chấp chặt vào các ý niệm ấy không xả, dần dần thăng tiến lên, cho đến khi đạt được Diệt tưởng định. Đây gọi là Thiền định do người ngu thực hành.

Thiền định để quán sát thật nghĩa là gì? Đó là Thiền định do người đã biết nhân vô ngã, khởi tánh cộng tướng và biệt tướng, cũng lìa hẳn hành

động tự tha cùng làm của ngoại đạo. Họ quán sát theo ý nghĩa sự vô ngã của các pháp và các cảnh giới của Bồ-tát địa. Đây gọi là Thiền định để quán sát thật nghĩa.

Thiền duyên vào chân như là gì? Đó là sự phân biệt về hai hình thức của vô ngã chỉ là khái niệm hư vọng. Nếu biết như thật thì nơi ấy không có sự sinh khởi. Đây gọi là Thiền duyên vào chân như.

Thiền định của chư Như Lai là gì? Đó là nhập vào cảnh giới Như Lai địa và trụ trong ba thứ an lạc Thánh trí tự chứng, vì tất cả chúng sinh mà thực hành những việc bất khả tư nghì. Đây gọi là Thiền định của chư Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thiền kẻ ngu thực hành
Thiền quán sát thật nghĩa
Thiền duyên vào chân như
Thiền thanh tịnh Như Lai
Hành giả khi hành thiền
Thấy hình trăng, mặt trời
Hoa sen đỏ thâm sâu
Hay hình, hư không, lửa
Tất cả tướng như vậy
Dẫn vào pháp ngoại đạo
Rời bỏ các pháp này
Trụ nơi vô sở duyên
Đó là điều phù hợp
Với chân thật như như
Các cõi nước mười phương
Có vô lượng Đức Phật
Tay chói ngời ánh sáng
Xoa đảnh người hiền thiện.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai đã dạy về Niết-bàn. Vậy Niết-bàn nghĩa là gì?

Đức Phật bảo Đại Tuệ:

–Tự tánh và tập khí của tất cả các thức gồm: tàng thức, ý và ý thức, những tập khí của các kiến đó đã chuyển y rồi. Ta và các Đức Phật tuyên bố rằng: Niết-bàn tức là cảnh giới không tánh của các pháp.

Và này Đại Tuệ! Niết-bàn là cảnh giới của sự tự chứng bằng Thánh

trí, thoát khỏi sự phân biệt về đoạn diệt và thường hằng, cho đến hữu và vô. Vì sao nó không phải là thường hằng? Nghĩa là nó không còn những sự phân biệt về tướng chung và tướng riêng. Vì sao nó không phải là đoạn diệt? Vì tất cả Thánh giả trong quá khứ, hiện tại và tương lai đã thực hành và đạt chứng ngộ bằng trí.

Này Đại Tuệ! Đại Bát-niết-bàn không phải là hủy diệt, không phải là sự chết. Nếu Đại Bát-niết-bàn là sự chết thì sẽ có sự sinh tiếp nối. Nếu là hủy diệt thì nó là hữu vi. Thế nên Niết-bàn không hủy diệt và không chết. Đây là chỗ hướng đến của các bậc tu hành

Này Đại Tuệ! Không xả bỏ, cũng không đạt được, không đoạn diệt cũng không thường hằng, không đồng không dị. Như thế gọi là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Hàng Thanh văn, Duyên giác hiểu rằng: Niết-bàn gồm trong tướng chung và tướng riêng nên tách rời nơi ồn náo, không sinh điên đảo, không khởi phân biệt. Đó là ý niệm của họ về Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Có hai loại tướng về tự tánh. Hai loại ấy là gì? Đó là chấp chặt vào các ngôn từ cho rằng có tướng tự tánh và chấp vào các pháp cho rằng có tướng tự tánh. Chấp vào ngôn từ cho rằng có tướng tự tánh khởi ra do những lý luận sai lầm từ vô thủy chấp vào tập khí về ngôn từ. Chấp vào các pháp cho rằng có tướng tự tánh khởi ra do không biết những hiện tượng xảy ra chính tự nơi tâm.

Này Đại Tuệ! Chư Phật có hai loại gia trì cho Bồ-tát, làm cho họ đảnh lễ dưới chân Phật và thưa hỏi các nghĩa. Hai năng lực gia trì ấy là gì? Đó là làm cho các Bồ-tát nhập vào Tam-muội và nhờ đó mà chư Phật hiện thân ra trước các Bồ-tát, đưa tay làm lễ quán đảnh cho họ.

Này Đại Tuệ! Nhờ được năng lực gia trì của các Đức Phật mà các Đại Bồ-tát đang ở Sơ địa sẽ nhập vào định ánh sáng Đại thừa thuộc về Bồ-tát. Đã vào định rồi, họ sẽ thấy thân chư Phật ở mười phương hiện khắp trước mặt, truyền cho họ sự gia trì bằng thân và ngôn từ như Bồ-tát Kim Cang Tạng và các Bồ-tát khác, là những vị đã thành tựu công đức tương tự nhau.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát này nhờ năng lực Phật gia trì nhập vào Tam-muội rồi, ở trong trăm ngàn kiếp tích tập các thiện căn, lần lượt lên các Địa, hoàn toàn thuần thục với những gì đang làm và sẽ làm. Cuối cùng, họ đạt đến Pháp vân địa, được ngồi trên tòa báu. Ở cung điện Đại liên hoa vi diệu, chung quanh có các Bồ-tát cùng địa vị với họ, đầu đội mũ báu, thân như vàng ròng tỏa chiếu sáng ngời như trăng tròn, có màu như hoa Chiêm-bặc.

Chư Phật khắp mười phương đưa những bàn tay như hoa sen làm pháp quán đảnh cho các Bồ-tát ấy đang ngồi trên tòa, giống như thái tử con của vua Chuyển luân vương nhận pháp quán đảnh rồi, nên rất tự tại. Các Bồ-tát này cũng như vậy. Đây là hai loại năng lực gia trì. Các Đại Bồ-tát này do được gia trì bằng hai loại trợ lực này nên tự thân được gặp tất cả chư Phật, không có cách nào ngoài cách trên.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội, hiện thần thông thuyết pháp. Tất cả đều do hai năng lực gia trì của các Đức Phật.

Này Đại Tuệ! Nếu những Bồ-tát nào tách rời sự gia trì của chư Phật mà thuyết pháp, thì các phàm phu cũng có thể thuyết pháp được.

Này Đại Tuệ! Nơi nào có các Đức Như Lai mang năng lực đến, thì nơi ấy sẽ có nhạc trỗi lên từ nơi núi rừng, cỏ cây, thành quách, cung điện… Do năng lực gia trì của Phật, các vật vô tình còn diễn pháp âm, huống chi loài hữu tình? Những kẻ mù lòa, câm điếc thoát khổ, được giải thoát.

Này Đại Tuệ! Năng lực gia trì của Như Lai có những tác dụng rộng lớn như vậy.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Tại sao Đức Như Lai dùng năng lực gia trì ấy làm cho các Bồ-tát nhập vào Tam-muội? Và khi các vị ấy được thọ quán đảnh trong cảnh giới thù thắng thì Đức Như Lai lại ban cho họ năng lực gia trì?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Vì muốn làm cho những vị ấy tránh khỏi nghiệp xấu, những phiền não và làm cho họ xa rời địa vị Thanh văn, chóng nhập Như Lai địa, làm cho họ được tăng trưởng gấp bội các pháp mà họ đã đạt được. Thế nên chư Phật đã dùng năng lực gia trì cho các Bồ-tát.

Này Đại Tuệ! Nếu các Bồ-tát không được gia trì như vậy, thì họ sẽ rơi vào cảnh giới xấu của ngoại đạo cho đến Thanh văn và sẽ không đạt được Tuệ giác vô thượng. Vì lý do đó mà các Đức Như Lai dùng năng lực gia trì để hộ vệ các Bồ-tát.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Nguyện Thế Tôn thanh tịnh
Có sức gia trì lớn
Sơ địa đến Thập địa
Tam-muội và quán đảnh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật dạy Duyên khởi là tùy thuộc vào nguyên nhân

sinh ra, không phải do một ngã thể làm phát sinh. Ngoại đạo cũng nói về tánh tự tại thù thắng, thời gian hay ngã, vi trần… sinh nơi các pháp. Nay tại sao Đức Thế Tôn chỉ giải thích Duyên khởi của các pháp bằng những từ ngữ khác, nhưng về mặt ý nghĩa thì không có khác?

Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói: "Do chủ thể tạo tác từ không sinh ra có." Thế Tôn cũng dạy: "Do nhân duyên nên tất cả pháp vốn không sinh mà sinh, sinh rồi trở về diệt." Như Phật đã dạy về Vô minh từ đó hành sinh khởi, cho đến lão, tử, học thuyết này không nguyên nhân, chứ không phải học thuyết có nguyên nhân. Theo Thế Tôn dạy, thì "Cái này có thì cái kia có". Nếu đây là sự kiến lập đồng thời chứ không phải hỗ tương tuần tự thì nghĩa này không đúng. Vậy thì ngoại đạo nói thắng tánh là chẳng phải Như Lai. Vì sao? Vì ngoại đạo nói nguyên nhân không từ duyên sinh mà có. Vì thế, Thế Tôn dạy: "Quả có liên hệ đến nguyên nhân và nhân lại liên hệ đến nhân." Như vậy, dần dần dẫn đến sự sai lầm nghiêm trọng. Khi nói "Cái này có thì cái kia có", gọi đó là vô hữu nhân.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta nhìn thấu suốt vạn pháp hiện hữu không gì khác hơn chính tại tâm hiện ra và tánh năng thủ, sở thủ, nên ta bảo: "Cái này có thì cái kia có", chứ không phải cái học thuyết không có nhân và nhân duyên của ta phạm sai lầm.

Này Đại Tuệ! Nếu không thấu suốt tất cả vạn pháp hiện hữu không gì khác hơn chính tại tâm hiện ra nên chấp có năng thủ và sở thủ, chấp trước ngoại cảnh hoặc có hoặc không, thì đó là một sai lầm và không phải là điều ta nói.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phải chăng vì có ngôn từ nên chắc chắn các pháp có mặt? Nếu không có các pháp thì ngôn từ nương vào đâu mà sinh khởi?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Ngay cả khi không có các pháp cũng vẫn có ngôn từ. Ví như lông rùa, sừng thỏ, người con của Thạch nữ… thật ra các thứ ấy không hề có trên đời, vậy mà ngôn từ vẫn có.

Này Đại Tuệ! Các thứ ấy không phải có, cũng không phải không có, nhưng được biểu hiện bởi ngôn từ.

Này Đại Tuệ! Như lời ông nói: Có ngôn từ nên có các pháp, lập luận này vô nghĩa.

Này Đại Tuệ! Không phải tất cả các Phật độ đều có ngôn từ, ngôn từ

chỉ là giả lập mà thôi.

Này Đại Tuệ! Có những cõi Phật các ý tưởng được biểu thị bằng cách nhìn chăm chú, hoặc biểu hiện cách khác, hoặc nhướng mày, hoặc cử động bằng mắt, hoặc mỉm cười, hoặc ngáp hay đằng hắng giọng, hoặc bằng nhớ nghĩ, hoặc cử động… Bằng những sự việc ấy để hiển thị pháp.

Này Đại Tuệ! Như thế giới Bất thuấn, thế giới Diệu hương và trong cõi Phật Phổ Hiền Như Lai, chỉ chăm chú nhìn không chớp mắt mà làm cho các Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn và được các Tam-muội thù thắng.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải do ngôn từ mà có các pháp. Các loài côn trùng như ong, kiến… trong thế giới này, tuy không có ngôn từ mà chúng vẫn làm được các việc của chúng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ví hư không, sừng thỏ
Và con của Thạch nữ
Không có, chỉ giả nói
Vọng chấp pháp cũng vậy
Trong nhân duyên hòa hợp
Người ngu tưởng sinh khởi
Vì không hiểu lý này
Nên luân hồi ba cõi.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu mà họ nói âm thanh là thường hằng?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Tùy theo pháp sai lầm mà nói. Đối với pháp vọng, Thánh nhân cũng biểu hiện như vậy, nhưng họ không điên đảo.

Này Đại Tuệ! Ví như một kẻ vô trí trong đời sinh ý tưởng điên đảo đối với sóng nắng, vòng lửa, bóng tóc lay, thành Càn-thát-bà, ảo ảnh, bóng trong gương. Nhưng nếu người có trí thì không như vậy, dù những ảo tưởng kia vẫn xuất hiện nơi họ.

Này Đại Tuệ! Khi có những pháp vọng này xuất hiện thì có vô lượng sự sai biệt, nhưng chẳng phải là vô thường. Vì sao? Vì nó lìa ý niệm hữu và vô. Vì sao lìa ý niệm hữu và vô? Vì tất cả người ngu có những sự hiểu biết khác nhau. Như nước sông Hằng có kẻ thấy, kẻ không thấy. Ngạ quỷ không trông thấy nước sông Hằng, cho nên không thể nói có; còn những chúng sinh khác lại trông thấy, cho nên không thể nói là không. Bậc Thánh đối với pháp sai lầm đã thoát khỏi kiến thức điên đảo

Này Đại Tuệ! Sự sai lầm là thường hằng vì bản chất của nó không khác, cho nên chẳng phải những sự sai lầm được nhận thấy là bị khác biệt. Do phân biệt cho nên có sự khác biệt. Thế nên, thể của sự sai lầm này là thường.

Này Đại Tuệ! Vì sao sự sai lầm này được xem là chân thật? Vì đối với sai lầm này người trí không khởi tâm điên đảo, không giữ kiến thức điên đảo. Nếu đối với sự sai lầm mà có ít ý tưởng phân biệt thì chẳng phải là Thánh trí. Có một ít ý tưởng đó, phải biết đây là lập luận của người ngu, chẳng phải lời bậc Thánh nói.

Này Đại Tuệ! Khi sự sai lầm được phân biệt là điên đảo hay chẳng phải điên đảo, thì nó làm sinh khởi hai loại chủng tánh, đó là chủng tánh Thánh trí và chủng tánh phàm phu.

Này Đại Tuệ! Chủng tánh Thánh trí lại phân làm ba loại là: Thanh văn, Duyên giác và Phật thừa.

Này Đại Tuệ! Chủng tánh Thanh văn thừa sinh khởi như thế nào từ sự sai lầm mà người ngu phân biệt? Đó là sự chấp trước về tướng chung và tướng riêng.

Này Đại Tuệ! Chủng tánh Duyên giác thừa sinh khởi như thế nào? Đó là khi sự chấp trước về tướng chung và tướng riêng tách rời họ khỏi nơi ồn náo.

Này Đại Tuệ! Chủng tánh Phật thừa thành tựu như thế nào khi sự sai lầm này được bậc Thánh phân biệt? Đó là hiểu rõ tất cả chính tại nơi tâm thì sự hiện hữu và không hiện hữu của các đối tượng bên ngoài không còn phân biệt.

Này Đại Tuệ! Có những người ngu phân biệt sự sai lầm của các pháp, xác nhận rằng: chắc chắn không khác. Từ đó, hình thành chủng tánh của sinh tử.

Này Đại Tuệ! Trong sự sai lầm đó bởi nhiều sự vật và sai lầm này không phải là sự vật, cũng không phải không là sự vật.

Này Đại Tuệ! Sự sai lầm này khi được bậc Thánh phân biệt về tâm, ý, ý thức, những tập khí xấu, ba tự tánh, năm pháp thì nó chuyển y. Tức là những sai lầm này trở thành chân như. Thế nên, chân như xa lìa thức tâm. Câu này được ta trình bày rõ ràng, tức là từ bỏ phân biệt, nghĩa là loại trừ tất cả phân biệt.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự sai lầm là có, hay không có?

Đức Phật nói:

–Như Như huyễn, không có tướng chấp trước. Nếu thể là có và đưa đến tướng chấp trước nên không thể chuyển. Đó là các duyên khởi được hiểu theo ý nghĩa có đấng sáng tạo mà các ngoại đạo chủ trương.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Nếu những sự sai lầm giống như huyễn, thì từ đó nó sẽ là nguyên nhân của những sai lầm khác nữa.

Đức Phật bảo Đại Tuệ:

–Như huyễn không thể là nguyên nhân của hoặc, vì như huyễn không sinh ra những lỗi xấu ác. Và do đó, như huyễn không có sự phân biệt nào.

Này Đại Tuệ! Như huyễn sẽ sinh khởi khi có người nào đó dùng chú thuật mà gọi nó, chính nó không có năng lực tập khí và phân biệt sai lầm. Thế nên huyễn sự không sinh lỗi xấu.

Này Đại Tuệ! Vọng hoặc này chỉ là tâm chấp trước của người ngu, chứ không phải của bậc Thánh.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Bậc Thánh không nói sai
Không chân thật chính nó
Do vọng tức là chân
Chân thật trong chính nó
Nếu rời sự sai lầm
Mà có tướng sinh khởi
Đây hoàn toàn sai lầm
Như mắt lòa không thấy.

Này Đại Tuệ! Thấy các pháp không như huyễn, chẳng có tương tự, cho nên tất cả pháp như huyễn.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có phải vì vin vào loại chấp trước các loại tướng như huyễn nên bảo rằng tất cả pháp như huyễn chăng? Hay khác như thế đó mà có tướng chấp trước điên đảo? Nếu y theo sự chấp trước các tướng như huyễn thì bảo rằng tất cả pháp cũng như huyễn.

Bạch Thế Tôn! Không phải tất cả pháp đều như huyễn. Vì sao? Vì các sắc tướng được trông thấy đều có nguyên nhân.

Bạch Thế Tôn! Nếu các sắc tướng hiện ra như huyễn, hoàn toàn không có nguyên nhân. Vì thế cho nên, bạch Thế Tôn! Không thể bảo rằng dựa vào sự chấp trước các tướng như huyễn để nói tất cả pháp đều như

huyễn tương tự.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Không phải dựa vào sự chấp trước tất cả các tướng như huyễn mà cho rằng tất cả sự vật như huyễn.

Này Đại Tuệ! Do tất cả sự vật không thật và biến mất nhanh chóng như một ánh chớp, cho nên gọi là như huyễn.

Này Đại Tuệ! Ví như ánh chớp vừa thấy xong liền biến mất, được biểu hiện cho người ngu trong thế gian đều thấy tất cả các pháp hiện hữu dựa vào tướng chung và tướng riêng theo sự phân biệt của tự tâm. Do không nhận biết về vô sở hữu mà có chấp trước sai lầm đối với các sắc tướng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Huyễn không phải không thật
Cũng không có các pháp
Không thật nhanh như chớp
Được xem giống như huyễn.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia Phật dạy rằng: "Tất cả các pháp đều vô sinh và giống như Như huyễn." Phải chăng có điều mâu thuẫn giữa câu trước và câu sau?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Hoàn toàn không có sự mâu thuẫn. Vì sao? Vì sinh tức là vô sinh. Khi ta nhận thấy tất cả sự hiện hữu chính tại nơi tâm, còn tất cả pháp bên ngoài có hay không thì chúng được trông thấy là vô tánh vốn không sinh. Thế nên, này Đại Tuệ! Để gạt bỏ ý nghĩa sự sinh do nhân duyên của ngoại đạo, nên ta nói các pháp đều không sinh.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo là một tập thể mê lầm. Họ cùng cho rằng tất cả pháp do từ sự sinh của hữu và vô, mà không nhìn nhận sự sinh ấy bởi chấp trước vào duyên khởi từ phân biệt nơi tâm.

Này Đại Tuệ! Ta bảo rằng: các pháp là phi hiện hữu, do vô sinh cho nên gọi là vô sinh.

Này Đại Tuệ! Giáo lý về các pháp là để làm cho các đệ tử của ta công nhận khẳng định rằng do các nghiệp mà nhận lấy sinh tử. Và ngăn chận kiến giải vô, hữu, đoạn diệt của các chúng sinh.

Này Đại Tuệ! Giáo lý dạy về các pháp tướng cũng như huyễn là để làm cho gạt bỏ tướng tự tánh của các pháp để những kẻ phàm ngu bị rơi vào kiến thức sai lầm dục vọng, mà không biết rằng mọi sự hiện hữu không

gì khác hơn là chính cái tâm. Và, để làm cho họ xa lìa sự chấp trước vào nhân duyên tướng sinh khởi, nên ta nói: "Tất cả các pháp như ảo ảnh, như giấc mộng." Các phàm ngu kia vì chấp vào những tư tưởng sai lầm dối trá, tự mâu thuẫn với chính mình, với cả người khác, vì họ không thấy được tất cả các sự vật đúng thật như các sự vật.

Này Đại Tuệ! Người thấy được tất cả các sự vật đúng thật như các sự vật, nghĩa là đã liễu đạt rằng: Không có gì được trông thấy ngoài cái tâm.

Đức Thế Tôn lập lại bằng lời kệ:

Vô tác nên vô sinh
Có pháp tức sinh tử
Thấy rõ như huyễn mộng
Không phân biệt các tướng.

Này Đại Tuệ! Ta sẽ giải thích các đặc tánh của danh thân, cú thân và văn thân. Các Bồ-tát quán sát các tướng này, sẽ thông suốt ý nghĩa ấy mà chóng đạt Tuệ giác vô thượng và có thể khai ngộ cho tất cả chúng sinh.

Này Đại Tuệ! Danh thân nghĩa là dựa vào sự để lập danh, danh tức là thân. Đây là thân của một tên gọi.

Cú thân nghĩa là nêu lên nghĩa để xác định cứu cánh. Đây gọi là cú thân.

Văn thân và cú thân nghĩa là sự trọn vẹn được diễn tả trong câu.

Danh thân nghĩa là một chữ hay một cái tên, mỗi chữ khác nhau, như từ chữ A cho đến chữ Ha.

Văn thân nghĩa là một âm tiết dài, ngắn, cao, thấp.

Lại nữa, về cú thân người ta có được ý niệm về nó từ những dấu chân để lại trên đường của loài người và các loài vật. Danh thuộc về bốn uẩn vô sắc, các danh được tạo nên như vậy. Văn nghĩa là tự tướng của danh, do đó mà văn được hiển bày. Đây là ý nghĩa của một danh cú, văn thân. Ông nên nỗ lực tu học để hiểu rõ các từ danh cú và văn thân này.

Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

Danh thân và cú thân
Do mỗi chữ khác biệt
Nên phàm ngu chấp trước
Như voi lún bùn sâu.

Này Đại Tuệ! Trong tương lai có những người ngu si, suy luận sai lầm do thiếu trí thức, xa lìa pháp như thật như giống và khác, câu hữu và bất câu hữu. Hỏi những người trí thì họ trả lời rằng: "Đây không phải là

điều đáng hỏi, mà điều đáng hỏi là có phải sắc và vô thường là khác hay không khác?" Ở đâu cũng vậy, Niết-bàn và các uẩn, năng tướng và sở tướng, y và sở y, tạo tác và sự tạo tác, sở kiến và năng kiến, đất đai và vi trần, trí thức và bậc Trí được xem là khác nhau hay không khác? Những câu hỏi như vậy cứ liên tục dần từ cái này đến cái kia không dứt…

Đức Thế Tôn cắt ngang và không trả lời. Những kẻ ngu si, thiếu trí tuệ không thể hiểu biết lời Phật dạy. Đức Phật muốn làm cho họ xa lìa nơi sợ hãi, nên không giải thích những điều ấy.

Này Đại Tuệ! Thế Tôn không nêu lên những điều ấy, vì muốn làm cho hàng ngoại đạo vĩnh viễn rời xa những kiến giải sai lầm của họ.

Này Đại Tuệ! Các nhà ngoại đạo chấp có đấng sáng tạo, nên tuyên bố rằng: "Mạng tức là thân, hay mạng với thân khác nhau?" Họ nêu lên những vấn đề ấy gọi là luận vô ký.

Này Đại Tuệ! Vì hàng ngoại đạo ngu si mê muội nên nói luận vô ký, chẳng phải trong giáo pháp của ta đã nói, nên xa lìa năng thủ và sở thủ, không khởi phân biệt thì làm sao có thể dừng lại được?

Này Đại Tuệ! Đối với những người chấp trước năng thủ và sở thủ, không hiểu rõ mọi hiện hữu chỉ được thấy chính tại tâm, thì điều ấy phải được dừng lại.

Này Đại Tuệ! Chư Phật Như Lai dùng bốn cách hỏi và đáp để dạy pháp cho chúng sinh.

Này Đại Tuệ! Luận Chỉ Ký, ta sẽ nói vào dịp khác, vì hiện nay căn tánh của họ chưa được thuần thục nên ta chưa nói.

Này Đại Tuệ! Vì sao tất cả pháp không sinh? Vì không có sự tạo tác cùng đối tượng tạo tác và người tạo tác. Vì sao tất cả pháp không có tự tánh? Vì khi chúng được quán sát bằng trí tự chứng thì không hề thấy những tướng chung và tướng riêng. Vì sao tất cả pháp không đến và không đi? Vì các tướng chung và tướng riêng không từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu. Vì sao? Vì tất cả pháp không bị tiêu diệt. Nghĩa là tướng của tất cả pháp không có tánh và chẳng thể nắm bắt. Vì sao tất cả pháp đều vô thường? Vì sự sinh khởi của các tướng có tính chất không thường hằng. Vì sao tất cả pháp là thường hằng? Vì sự sinh khởi của các tướng, tức là không sinh khởi, không có sở hữu và tất cả pháp thường hằng vì tánh của nó là vô thường. Thế nên ta gọi tất cả pháp là thường hằng.

Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

Xác định và hỏi ngược
Phân biệt và không đáp

Là bốn cách giải thích
Chinh phục các ngoại đạo
Số luận và Thắng luận
Gọi sinh hữu, phi hữu
Những gì họ tuyên bố
Đều không ghi nhận được
Khi dùng trí quán sát
Thể tánh chẳng nắm bắt
Do đó không thể nói
Vì vật không tự tánh.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con về tướng sai khác của Tu-đà-hoàn và trạng thái khác nhau của hạnh quả Tu-đà-hoàn. Từ đó, con và các chúng Bồ-tát đều được nghe ý nghĩa ấy mà thuần thục với Tu-đà-hoàn, hiểu các phương tiện, được thiện xảo cái công hạnh các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Sau đó, chúng con sẽ giảng pháp cho tất cả chúng sinh, làm cho họ chứng đắc hai pháp vô ngã và diệt trừ hai chướng ngại, dần dần chúng con sẽ thông đạt các cảnh giới của Bồ-tát địa và đạt đến cảnh giới trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Chúng con như viên ngọc ma-ni muôn màu, chiếu sáng khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích tốt đẹp cho tất cả chúng sinh.

Đức Phật bảo:

–Thầy hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ nói!

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Vâng, bạch Thế Tôn! Con xin nghe!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Các Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hoàn quả có ba loại khác nhau theo thứ tự thấp, vừa và cao.

Này Đại Tuệ! Những người thuộc loại thấp sẽ sinh tối đa bảy lần ở trong các cõi, những loại vừa sẽ sinh tối đa từ ba đến năm lần. Những người bậc cao sẽ đạt Niết-bàn ngay trong lần sinh này.

Này Đại Tuệ! Ba hạng người này đoạn được ba kết sử. Đó là: Thân kiến, nghi kiến và Giới cấm thủ. Cảnh giới cao tột thù thắng là tiến đến quả A-la-hán.

Này Đại Tuệ! Thân kiến có hai loại:

1. Câu sinh.

2. Phân biệt.

Như nương vào duyên khởi nên có tánh vọng chấp.

Này Đại Tuệ! Ví như tùy theo tánh duyên khởi cho nên sinh khởi những tánh chấp và vọng tưởng. Và pháp ấy chỉ là tướng phân biệt sai lầm, không phải là Hữu, không phải là Phi hữu, cũng không phải là Hữu và Phi hữu. Nó bị kẻ ngu si chấp chặt, cũng như con thú khát nước, mê lầm tưởng sóng nắng là nước. Đây là cái thấy phân biệt thuộc về ngã tánh, không có trí tuệ tương ứng khá dài. Người thấy vô ngã tức thời xa lìa.

Này Đại Tuệ! Câu sinh thân kiến khi đem cái thân thể của chúng ta để quán sát thì chúng ta thấy rằng nó gồm thọ và bốn uẩn kia không có sắc tướng. Thế nên, sắc được sinh khởi từ các đại, các đại này hỗ tương nhân với nhau, nên không có sắc nào kết tập cả. Quán sát như vậy rồi, hàng Thanh văn hiểu rõ ý niệm về hữu và vô, tức thời xả ly. Vì cái thấy về thân được xả ly, cho nên tham không sinh. Đây gọi là cái thấy về thân kiến.

Này Đại Tuệ! Tướng của nghi đối với pháp đã thể nghiệm và thông hiểu tướng, đoạn ngay sự phân biệt về hai thân kiến ở trước đối với các pháp, thì nghi không còn sinh. Đối với vị thầy nào khác, tưởng là Đại sư là tịnh hay bất tịnh, đây gọi là tướng nghi.

Này Đại Tuệ! Tại sao Tu-đà-hoàn không có giữ giới cấm? Vì họ thấy rõ tướng khổ của nơi đang sống, nên họ không chấp giữ. Chấp giữ giới cấm là gì? Những người ngu ở trong các cõi, vì tham đắm những an lạc tầm thường mà giữ giới khổ hạnh để mong cầu được sinh nơi cõi vui ấy; còn bậc Tu-đà-hoàn thì không chấp tướng này. Họ chỉ hướng đến sự chứng đắc cao vời vô lậu và pháp vô phân biệt. Đây là cách tu hành giới phẩm và giới cấm thủ.

Này Đại Tuệ! Bậc Tu-đà-hoàn xả bỏ ba kết sử, cho nên từ bỏ tham, sân, si.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Đức Thế Tôn đã dạy có nhiều loại tham. Loại tham nào cần phải loại bỏ?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Hãy loại bỏ tham dục và sự ràng buộc của nữ sắc. Phải biết đó là niềm vui nhất thời trong hiện tại, nhưng đau khổ ở đời sau. Bậc Tu-đà-hoàn được an lạc cao vời trong thiền định, do đó họ loại bỏ tham dục mà không gạt bỏ sự mong cầu Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Thế nào là quả vị Tư-đà-hàm? Nghĩa là không rõ hình

sắc mà khởi ra phân biệt về sắc, họ sinh trở lại cuộc đời một lần nữa, rồi khéo tu thiện hạnh nên chấm dứt kiếp khổ mà chứng Niết-bàn. Đây là quả vị Tư-đà-hàm.

Này Đại Tuệ! Thế nào là quả vị A-na-hàm? Nghĩa là tuy còn thấy các đối tượng về sắc khởi ra hữu hay vô trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Nhưng sự phân biệt không sinh khởi những sai lầm và tùy miên, vĩnh viễn xả bỏ những kết sử, không bao giờ trở lại nữa. Đây gọi là A-na-hàm.

Này Đại Tuệ! A-la-hán là vị đã đạt được các thiền định Tam-muội, giải thoát, năng lực, thần thông. Họ vĩnh viễn đoạn tận phiền não, khổ đau và phân biệt. Đây gọi là A-la-hán.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Đức Thế Tôn dạy có ba loại A-la-hán:

1. Hướng thẳng đến Niết-bàn.

2. Thoái nguyện Bồ-đề.

3. Do Phật biến hóa.

Ở đây chỉ cho loại nào?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Từ A-la-hán nhằm chỉ cho vị hướng đến Niết-bàn, chứ chẳng phải các bậc khác.

Này Đại Tuệ! Còn hai bậc kia, đó là những vị đã từng phát nguyện phương tiện thiện xảo và để trang nghiêm cho chúng hội chư Phật, nên họ thị hiện sinh ở đó.

Này Đại Tuệ! Đối với chỗ sai lầm nói ra các loại pháp, tức là vượt khỏi những tính chất như sự đắc quả các thiền định và thiền giả. Họ biết rằng những gì hiện hữu được trông thấy từ chính cái tâm.

Này Đại Tuệ! Nếu hàng Tu-đà-hoàn nghĩ rằng: "Ta cách ly các mối kết sử", như vậy họ sẽ phạm hai lỗi. Nghĩa là họ bị rơi vào chấp ngã và không đoạn trừ được các kết sử.

Này Đại Tuệ! Những ai muốn vượt khỏi các thiền định, các vô lượng và cõi Vô sắc, thì phải lìa bỏ các hình tướng về sự thấy do tự tâm.

Này Đại Tuệ! Tam-muội tưởng thọ diệt vượt ngoài sự thấy của tâm và cảnh ấy không đúng, vì không có gì ngoài tâm mà có.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Các thiền và vô lượng
Vô sắc, bốn Ma-đề
Cho đến diệt thọ tưởng

Ngoài tâm không thể có
Quả Dự-lưu, nhất-lai
Bất-hoàn, A-la-hán
Các bậc Thánh như thế
Đều nương tâm phân biệt
Thiền và đối tượng thiền
Đoạn hoặc, thấy chân lý
Không đâu ngoài vọng tưởng
Biết rõ thì giải thoát.

Này Đại Tuệ! Có hai loại trí giác: Loại trí có chức năng quán sát và loại trí kiến lập bởi sự chấp trước vào những ý tưởng phân biệt. Trí quán sát nghĩa là quán sát tất cả pháp, lìa tứ cú thì chẳng thể nắm bắt. Tứ cú nghĩa là giống và khác, câu hữu bất câu hữu, hữu và vô, thường và vô thường. Ta đối với các pháp đều xa lìa tứ cú này. Thế nên bảo rằng: Tất cả pháp đều xa lìa.

Này Đại Tuệ! Ông nên tu học và quán sát các pháp như vậy.

Thế nào là trí kiến lập bởi sự chấp trước phân biệt chấp tưởng? Đó là những ý tưởng sinh khởi phân biệt sai lầm và chấp trước vào những tính chất của đại chủng nơi tính rắn, tính ướt, hơi ấm, tính chuyển động. Dùng tông, nhân, dụ mà kiến lập một cách sai lầm. Đây gọi là trí kiến lập bởi sự chấp trước vào những ý tưởng phân biệt. Đó là hai tướng trí giác. Đại Bồ-tát nào nhận biết trí tướng này, tức là thông đạt nhân và pháp là vô ngã. Sự hiểu biết về trí vô tướng trở nên thuần thục với cấp độ quán sát khéo léo sẽ nhập Sơ địa Bồ-tát và được một trăm Tam-muội. Nhờ sức Tam-muội cao vời, các vị sẽ thấy một trăm Đức Phật và một trăm vị Bồ-tát, biết sự việc của một trăm kiếp trước và sau. Hào quang chiếu sáng một trăm thế giới Phật. Các vị sẽ khéo biết rõ các tướng trạng thuộc cảnh giới cao hơn. Do nguyện lực cao cả, các vị biến hiện tự tại đến cảnh giới Pháp vân địa, được nhận pháp quán đảnh, vào nơi Phật địa, được mười nguyện vô tận. Để giáo hóa chúng sinh thành tựu, các vị ứng hiện bằng nhiều cách mà không ngưng nghỉ, thường an trú trong an lạc cao vời nơi cảnh giới Tam-muội tự giác.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát phải khéo nhận biết về các sắc do bốn đại chủng tạo ra. Nhận biết như thế nào? Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nên biết rằng: các đại chủng đó là chân thật bất sinh, ba cõi không có gì ngoài sự phân biệt và được hiện hữu tại tâm, còn những đối tượng bên ngoài không là hiện thực. Khi quán sát như thế thì những sắc do đại chủng tạo ra đều có tính chất vượt ra ngoài tứ cú, vô ngã và những gì thuộc về ngã. An

trú nơi chân thật, được hình thành bằng trạng thái vô sinh.

Này Đại Tuệ! Các sắc do đại chủng tạo ra là gì? Đó là sự phân biệt sai lầm đại chủng ẩm ướt thành thủy giới bên trong và bên ngoài. Đại chủng hơi nóng mạng sinh ra lĩnh vực lửa bên trong và bên ngoài. Đại chủng phiêu động mạnh sinh ra lĩnh vực gió bên trong và bên ngoài. Đại chủng phân đoạn sắc sinh ra lĩnh vực đất bên trong và bên ngoài. Xa lìa hư không do vì kiến chấp vào những sự thật không đúng mà có sự tích tụ của năm uẩn, làm cho sắc do các đại chủng sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Thức do chấp trước và những cảnh giới nhân loại ngôn thuyết làm nhân sinh khởi, cho nên liên tục thọ sinh ở trong các nẻo khác.

Này Đại Tuệ! Sắc do địa chủng… tạo ra có nhân của đại chủng, chẳng phải bốn đại chủng là nhân của đại chủng. Vì sao? Vì nếu có pháp là có hình tướng. Đó là sự tạo tác, chứ không phải không có các hình tướng.

Này Đại Tuệ! Tướng của sắc do các đại chủng tạo ra là những phân biệt của hàng ngoại đạo, chứ không phải học thuyết của ta.

Này Đại Tuệ! Ta sẽ giảng về thể tướng của năm uẩn. Đó là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Này Đại Tuệ! Sắc là những gì được tạo thành từ bốn đại và chúng đều có tướng khác nhau. Thọ… chẳng phải là sắc.

Này Đại Tuệ! Sắc chẳng phải là các uẩn, chúng như hư không, không có tính là bốn được.

Này Đại Tuệ! Ví như hư không vượt ra ngoài tướng đi đến, nhưng vì sự phân biệt mà hư không được gọi như vậy. Chẳng phải riêng sắc mà các uẩn cũng lại như vậy. Chúng vượt ra khỏi sự tính toán vì không có tướng trạng, vượt ra ngoài hữu và vô, vượt ra ngoài tứ cú. Đối với người ngu thì có sự đi đến, còn người trí thì không. Người trí chỉ nói sự cấu trúc của năm uẩn như huyễn, chỉ là giả thiết, không có khác và không khác, chúng giống như giấc mộng, như ảnh tượng, không có bản chất nào khác hơn. Vì chúng làm trở ngại cảnh giới của Thánh trí, cho nên thấy có sự phân biệt các uẩn nơi hiện tại. Đây gọi là tướng tự tánh của các uẩn.

Này Đại Tuệ! Ông nên loại bỏ sự phân biệt này. Và khi đã loại bỏ rồi, thầy hãy nói về pháp tịch tĩnh. Đoạn trừ những kiến giải của hàng ngoại đạo, do đó giáo lý vô ngã của các pháp được thanh tịnh. Ông sẽ nhập Viễn hành địa (Địa thứ bảy), thành tựu vô lượng Tam-muội tự tại, đạt ý sinh thân. Ông sẽ thể chứng Tam-muội như huyễn, đầy đủ thần thông tự tại, là nơi nương tựa của khắp quần sinh, giống như mặt đất vậy.

Này Đại Tuệ! Có bốn loại Niết-bàn. Bốn loại ấy là gì?:

1. Niết-bàn đạt được khi tự tánh của các pháp là vô tánh.

2. Niết-bàn đạt được khi những tự tướng của tất cả các pháp là vô tánh.

3. Niết-bàn đạt được khi có sự nhận biết về tánh tự tướng là vô tánh.

4. Niết-bàn đạt được khi đoạn tận được các uẩn và tánh liên tục của tướng chung, tướng riêng.

Này Đại Tuệ! Bốn loại Niết-bàn này là nghĩa của ngoại đạo, chứ không phải giáo pháp của ta.

Này Đại Tuệ! Theo giáo pháp của ta thì diệt sự phân biệt của thức và đối tượng gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Có phải Đức Thế Tôn đã không kiến lập tám thức đó sao?

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta có kiến lập.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Nếu có kiến lập thì tại sao Thế Tôn chỉ nói diệt tận ý thức, mà không diệt tận bảy thức kia?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Lấy ý thức làm nhân và làm chỗ y cứ, thì bảy thức được sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Khi ý thức phân biệt cảnh giới thì khởi ra chấp trước, sinh ra các tập khí và nuôi dưỡng thức A-lại-da. Do đó, ý niệm về cái ngã và những tùy thuộc của ngã mà nó chấp chặt về suy tưởng ý niệm ấy. Nó không có thể tướng riêng biệt, thức A-lại-da làm nhân làm chỗ y cứ của nó. Vì cảnh giới hiện hữu tại tâm và được chấp trước như thế, nên tâm tích tụ sinh khởi, chuyển biến làm nhân lẫn nhau.

Này Đại Tuệ! Ví như sóng biển, cảnh giới hiện hữu tại tâm, bị cơn gió đối tượng thổi vào mà có sinh và diệt. Vì thế, khi ý thức diệt thì bảy thức cũng bị diệt.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta không dùng tự tánh
Cho đến tướng tạo tác
Cảnh thức phân biệt dứt
Như thế nói Niết-bàn
Mạt-na làm nhân tâm
Tâm là cảnh giới ý

Làm nhân, chỗ nương tựa
Các ý thức chỉ sinh
Như dòng nước lớn chảy
Không bị sóng khuấy động
Như vậy ý thức diệt
Tất cả thức không sinh.

Này Đại Tuệ! Ta sẽ nói cho ông biết về tướng khác nhau của tự tánh vọng tưởng, làm cho ông và các Bồ-tát khéo hiểu nghĩa này, để vượt qua các vọng tưởng, chứng cảnh Thánh trí, cũng như biết pháp của ngoại đạo, các vị sẽ xa lìa các phân biệt như năng thủ và sở thủ. Ở trong các tướng Y tha khởi không sinh các tướng về sự chấp trước của vọng tưởng.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng khác nhau của tự tánh vọng tưởng? Đó là nói về những phân biệt:

1. Ngôn từ.
2. Ý nghĩa.
3. Các đặc tướng.
4. Tài sản.
5. Tự tánh.
6. Nguyên nhân.
7. Kiến giải.
8. Lý luận.
9. Sinh.
10. Bất sinh.
11. Tùy thuộc.
12. Ràng buộc và giải thoát.

Này Đại Tuệ! Đây là tướng khác nhau của tự tánh vọng tưởng. Sự phân biệt về ngôn từ là gì? Đó là chấp vào những từ hoa mỹ, những giọng điệu ngọt ngào. Đây là sự phân biệt về mặt ngôn từ.

Sự phân biệt về ý nghĩa là gì? Nghĩa là chấp có về sự việc đã nói. Đó là các ngôn từ sinh khởi tùy thuộc vào sự diễn đạt mà người ta xem là sự chứng đạt của Thánh trí. Đây gọi là phân biệt về ý nghĩa.

Sự phân biệt về các đặc tướng là gì? Nghĩa là tưởng tượng những gì được ngôn từ diễn tả thành ra nhiều đặc tướng, như tưởng tượng của con thú bị khát, rồi chấp vào đó mà phân biệt có tính rắn chắc, tính lỏng, tính ấm, tính động… Đây gọi là sự phân biệt về các đặc tướng.

Sự phân biệt về tài sản là gì? Nghĩa là muốn cố giữ những vàng, bạc và nhiều loại ngọc quý mà khởi ra ngôn thuyết. Đây gọi là sự phân biệt về tài sản.

Sự phân biệt về tự tánh là gì? Nghĩa là phân biệt theo những kiến giải sai lầm về tự tánh của các pháp và quyết định rằng không còn cách nào khác. Đây gọi là sự phân biệt về tự tánh.

Sự phân biệt về nguyên nhân là gì? Nghĩa là phân biệt nơi nhân duyên về hữu và vô và tưởng rằng có tướng nguyên nhân này sinh khởi. Đây gọi là sự phân biệt về nguyên nhân.

Sự phân biệt về kiến giải là gì? Nghĩa là những kiến giải sai lầm của ngoại đạo, chấp chặt về ý niệm hữu, vô, đồng, dị, câu hữu, bất câu hữu… Đây gọi là phân biệt về kiến giải.

Sự phân biệt về lý luận là gì? Nghĩa là chấp vào ý niệm ngã hữu và những gì thuộc về ngã hữu mà khởi ra ngôn thuyết. Đây gọi là phân biệt về lý luận.

Sự phân biệt về sinh là gì? Nghĩa là bị ràng buộc vào các ý niệm về các pháp được sinh ra hay mất đi tùy theo nhân duyên. Đây gọi là sự phân biệt về sinh.

Sự phân biệt về bất sinh là gì? Nghĩa là chấp rằng tất cả các pháp từ xưa đến nay là vô sinh, các duyên vốn không có mà trước hết có bản thể, chứ không có từ nhân duyên sinh khởi. Đây gọi là sự phân biệt về bất sinh.

Sự phân biệt về sự tùy thuộc là gì? Nghĩa là sự tùy thuộc hỗ tương cái này với cái kia, như kim và sợi chỉ. Đây gọi là sự phân biệt về sự tùy thuộc.

Sự phân biệt về trói buộc và giải thoát là gì? Nghĩa là chấp vào nguyên nhân bị trói buộc bởi có cái gì đó bị trói buộc. Như một người lấy sợi dây và dùng sức phương tiện cột một cái gút hay tháo nó ra. Đây gọi là sự phân biệt về trói buộc và giải thoát.

Này Đại Tuệ! Đây là tướng sai khác của tánh chấp trước sai lầm mà những kẻ phàm ngu chấp vào đó hoặc có hoặc không.

Này Đại Tuệ! Những ai bị ràng buộc trong lý duyên khởi thì bị ràng buộc vào những tự tánh vọng tưởng, cũng như thấy nhiều đối tượng tùy thuộc vào Như huyễn. Nhưng chính những vật như vậy lại bị người ngu phân biệt thành ra khác hơn là Như huyễn.

Này Đại Tuệ! Như huyễn cùng những vật khác không phải khác, cũng không phải một. Nếu chúng là khác thì những vật đó không có nguyên nhân

là Như huyễn. Nếu chúng là một thì Như huyễn là cái đối vật không sai biệt, nhưng vì cái thấy sai biệt cho nên chẳng phải khác, cũng chẳng phải không khác.

Này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát không nên mê chấp vào ý niệm Như huyễn về hữu và vô.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Tâm bị cảnh trói buộc
Giác tưởng trí chuyển theo
Nơi cao vời vô tướng
Sinh trí tuệ bình đẳng
Theo vọng chấp là có
Đối duyên khởi thì không
Mê muội chấp sai lầm
Duyên khởi lìa phân biệt
Bao nhiêu chi phần sinh
Như huyễn không thật có
Tuy hiện nhiều loại tướng
Vọng phân biệt thì không
Tướng kia là sai lầm
Từ tâm ràng buộc sinh
Người vọng chấp không hiểu
Phân biệt pháp duyên khởi
Có vô số vọng chấp
Phân biệt trong duyên khởi
Tục đế, Đệ nhất nghĩa
Thứ ba không nhân sinh
Vọng chấp thuộc tục đế
Đoạn tức cảnh giới Thánh
Như người tu quán hạnh
Từ một, hiện vô số
Thật không có gì cả
Vọng tưởng thấy như vậy
Mắt bệnh thấy nhiều vật
Vọng tưởng thấy nhiều màu
Không sắc, không vô sắc
Không rõ duyên khởi vậy
Như vàng không bụi cáu
Như nước không đục dơ

Như bầu trời không mây
Sạch vọng tưởng cũng vậy
Không có tánh chấp sai
Nếu có, do duyên khởi
Kiến lập và phỉ báng
Phân biệt đều đoạn diệt
Nếu không tánh vọng chấp
Mà duyên khởi hiện hữu
Pháp không nhưng pháp có
Pháp có từ không sinh
Do vọng chấp vào nhân
Mà duyên khởi hiện hữu
Danh tướng thường nối kết
Và vọng tưởng sinh khởi
Do duyên khởi nương vọng
Không bao giờ toàn hảo
Khi tự ngã thanh tịnh
Gọi là Đệ nhất nghĩa
Vọng tưởng có mười hai
Và sáu loại duyên khởi
Tự chứng cảnh chân như
Nó không có sai biệt
Năm pháp là chân thật
Ba tự tánh cũng vậy
Người tu hành hiểu vậy
Thì không vượt chân như
Y nơi tướng duyên khởi
Những danh xưng vọng tưởng
Tưởng các vọng tưởng kia
Đều có nhân duyên khởi
Trí tuệ khéo quán sát
Không duyên không vọng tưởng
Trong chân thật không vật
Làm sao sinh phân biệt
Ở đâu có viên thành
Thì không còn hữu vô
Đã xa lìa hữu vô
Làm sao có hai tánh

Vọng tưởng có hai tánh
Hai tánh được thiết lập
Các kiến giải phân biệt
Trí giả đạt thanh tịnh
Vọng tưởng nhiều loại tướng
Phân biệt trong duyên khởi
Nếu phân biệt khác đi
Tức rơi luận ngoại đạo
Những gì thấy từ vọng
Tiếp tục là hư vọng
Ai rời hai chấp này
Đó là pháp chân thật.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con hành tướng của tự chứng Thánh trí và hành tướng Nhất thừa. Nhờ đó mà con và các Bồ-tát được thông thạo hai pháp này, có thể ở trong giáo pháp Phật được chứng ngộ, mà không phải tùy thuộc vào ai khác.

Đức Phật nói:

–Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói cho thầy.

Bồ-tát Đại Tuệ thưa:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Bồ-tát y theo các Thánh giáo không có sự phân biệt thì hãy độc cư nơi thanh vắng, quán sát chính mình, không dựa vào một ai khác để chứng ngộ, gạt bỏ những kiến giải phân biệt, tinh tấn nỗ lực dũng tiến để nhập vào Như Lai địa. Người tu hành như vậy gọi là hành tướng của Tự chứng Thánh trí.

Thế nào gọi là hành tướng của Nhất thừa? Đó là nhận biết và thể nghiệm con đường Nhất thừa. Con đường của Nhất thừa được phân biệt như thế nào? Sự nhận biết về Nhất thừa đạt được khi không có phân biệt và gạt bỏ ý niệm năng chấp và sở chấp, trú trong như thật.

Này Đại Tuệ! Con đường Nhất thừa này, ngoại trừ Đức Như Lai ra thì không có một ngoại đạo Nhị thừa, Phạm thiên vương,… hay một ai khác có thể đạt được.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói có ba thừa mà không nói có Nhất thừa?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Không có giáo pháp nào mà nhờ đó Thanh văn, Duyên giác có thể tự chứng Niết-bàn nên ta không nói Nhất thừa. Vì họ chỉ dựa vào lời dạy của Như Lai giáo hóa cho xa lìa như vậy tu hành để đạt được giải thoát, chứ họ không tự chứng đắc. Vả lại, các Thanh văn, Duyên giác này chưa trừ diệt được chướng ngại của trí thức và tập khí của nghiệp, chưa chứng ngộ cái vô ngã của các pháp và chưa hiểu được sự biến dịch sinh tử khó nghĩ bàn. Thế nên ta chỉ giảng dạy cho họ pháp ba thừa. Nếu họ đoạn trừ được tất cả tập khí lỗi lầm, hiểu được sự vô ngã của các pháp, khi ấy họ sẽ thoát khỏi sự đắm say nơi Tam-muội và giác ngộ cảnh giới vô lậu, vượt ra ngoài thế giới siêu việt và ở trong cảnh giới vô lậu tu các công đức. Họ sẽ thu nhận đầy đủ tất cả mọi thứ và đạt được Pháp thân tự tại chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thiên thừa và Phạm thừa
Thanh văn, Duyên giác thừa
Chư Phật Như Lai thừa
Ta nói các thừa ấy
Bao giờ có tâm khởi
Các thừa chưa cứu cánh
Tâm kia có đột biến
Không thừa, không ai nhập
Không kiến lập các thừa
Ta nói là Nhất thừa
Để giáo hóa kẻ ngu
Nói các thừa khác nhau
Có ba loại giải thoát
Vượt qua các phiền não
Cho đến pháp vô ngã
Trí bình đẳng giải thoát
Ví như gỗ trong biển
Nổi trôi theo làn sóng
Tâm Thanh văn cũng vậy
Bị gió tướng lay chuyển
Thoát khổ còn phiền não
Còn tập khí ràng buộc
Đắm say rượu Tam-muội
Trú nơi cõi vô lậu

Nẻo cứu cánh không đạt
Cũng không bị thoái chuyển
Đạt được thân Tam-muội
Kiếp ba không giác ngộ
Ví như người say rượu
Tỉnh táo sau cơn say
Thanh văn cũng như vậy
Tỉnh giác sẽ thành Phật.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 4

Phẩm 3: VÔ THƯỜNG (Phần 1)

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta sẽ nói cho ông nghe về tướng sai biệt của Ý thành thân, ông hãy nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Bồ-tát Đại Tuệ xin vâng lời.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Có ba loại Ý thành thân. Đó là:

1. Ý thành thân đạt được trong niềm vui nhập Tam-muội.

2. Ý thành thân đạt được trong sự nhận biết tự tánh của pháp.

3. Ý thành thân của hành động vô tác thuộc chủng loại câu sinh.

Những bậc tu hành nhập Sơ địa rồi, dần dần chứng đắc các thân ấy.

Này Đại Tuệ! Thế nào là Ý thành thân đạt được trong niềm vui nhập Tam-muội? Đó là trong các Địa thứ ba, thứ tư, thứ năm, các bậc tu hành nhập Tam-muội từ bỏ các thứ tâm và được yên tĩnh, bất động. Những làn sóng thức không còn khuấy động trong biển tâm. Vị ấy nhận biết những gì hiện hữu của thế giới bên ngoài do tâm hiện đều không có sở hữu. Đây gọi là Ý thành thân đạt được trong niềm vui nhập Tam-muội.

Thế nào là Ý thành thân đạt được trong sự nhận biết tự tánh của pháp? Khi bậc tu hành ở Địa thứ tám hiểu rõ vạn pháp giống như huyễn, hoàn toàn không thật tướng. Vị ấy thể nghiệm sự chuyển đổi nơi tâm thức và an trú thiền định như huyễn cùng các Tam-muội khác, có thể hiện vô lượng thần thông tự tại. Tùy theo ý nguyện, vị ấy chuyển động nhanh như đóa hoa tung cánh nở tròn, giống như huyễn hóa, như giấc mộng, như ảo ảnh, như hình tượng. Cái thân không phải được cấu tạo bằng bốn đại, nhưng được cấu tạo như tương tự, được trang nghiêm đầy đủ tất cả sắc tướng, thể nhập khắp trong cõi Phật và thông suốt tự tánh của các pháp. Đây gọi là Ý thành thân đạt được trong sự nhận biết tự tánh của pháp.

Thế nào là Ý thành thân của hành động vô tác thuộc chủng loại câu

sinh? Nghĩa là thông đạt pháp tướng của chư Phật tự chứng, gọi là Ý thành thân hành động vô tác thuộc chủng loại câu sinh.

Này Đại Tuệ! Ông hãy nỗ lực quán sát thông suốt về ba tướng trạng của Ý thành thân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Đại thừa ta, không thừa
Không âm thanh, ngôn ngữ
Không chân lý, giải thoát
Không cảnh giới, vô tướng
Đại thừa là một thừa
Tam-ma-đề tự tại
Mỗi mỗi Ý thành thân
Trang nghiêm hoa tự tại.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn có dạy về năm tội vô gián, vậy năm tội ấy là gì mà những ai phạm phải đều bị rơi vào địa ngục A-tỳ?

Đức Phật bảo:

–Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ nói cho thầy rõ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Năm tội vô gián đó là:

1. Giết cha.

2. Giết mẹ.

3. Giết A-la-hán.

4. Phá hòa hợp Tăng.

5. Ôm lòng ác nghịch, làm thân Phật chảy máu.

Này Đại Tuệ! Thế nào là mẹ của tất cả chúng sinh? Nghĩa là do tham dẫn sinh câu hữu với hỷ và tham, như sự nuôi dưỡng của mẹ.

Thế nào là cha? Đó là vô minh làm cho sinh vào lòng của sáu xứ. Khi đoạn diệt hai căn gốc này thì gọi là giết mẹ và cha.

Thế nào là giết A-la-hán? Nghĩa là tùy miên kẻ oán thù như con chuột độc... Cuối cùng được đoạn diệt. Thế nên gọi là giết A-la-hán.

Thế nào là phá hòa hợp Tăng? Sự tập hợp của các uẩn và các đặc tướng của nó vốn là sự tùy thuộc hỗ tương giữa sự khác biệt, đoạn diệt được

hoàn toàn tất cả. Đây gọi là phá hòa hợp Tăng.

Thế nào là ôm lòng ác nghịch làm thân Phật chảy máu? Thân thể gồm tám thức nhận biết một cách sai lầm rằng: tướng chung và tướng riêng là ở ngoài tâm. Do tâm sai lầm bởi ba giải thoát và vô lậu nên hoàn toàn bị diệt từ tám thức kia và thân Phật. Đây gọi là ôm lòng ác nghịch làm thân Phật chảy máu.

Này Đại Tuệ! Đây là năm tội vô gián tự nội. Nếu có người nào thể nghiệm năm tội vô gián này là chứng đắc pháp chân thật.

Này Đại Tuệ! Có năm tội ngoại vô gián, ta sẽ nói để ông và các Bồ-tát khác khi nghe ý nghĩa này rồi, đến đời tương lai không sinh nghi hoặc. Năm tội ngoại vô gián là gì? Đó là các tội vô gián được ghi trong các kinh điển. Người nào mắc phải tội này thì không thể chứng đắc một biểu hiện nào đối với ba giải thoát, trừ khi Đức Như Lai hay các Đại Bồ-tát và đại Thanh văn thấy những ai tạo nghiệp vô gián, các vị ấy muốn khuyên giúp những người này để làm cho họ sửa đổi lỗi lầm, nên vận thần thông thể hiện cùng làm việc với họ, tức thời họ hối lỗi, từ bỏ ác hạnh, được giải thoát. Đây là cách ta thể hiện biến hóa, chứ chẳng phải là sự tạo tác thật có. Nếu người nào thật sự tạo tác vô gián, thì không bao giờ thân hiện tại được giải thoát, ngoại trừ họ nhận biết được những gì hiện hữu hay tồn tại nơi cuộc đời không gì khác ngoài chính tự tâm. Họ vượt ra ngoài sự cố chấp phân biệt về tự ngã và những thứ thuộc về tự ngã. Hoặc vào đời tương lai, họ thọ sinh nơi khác, được gặp Thiện tri thức, thoát khỏi những sai lầm về phân biệt, mới chứng đắc giải thoát.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tham ái gọi là mẹ
Vô minh, gọi là cha
Thức nhận biết thế giới
Đây được gọi là Phật
Kết sử A-la-hán
Uẩn tụ hòa hợp Tăng
Các thứ này đoạn diệt
Gọi là nghiệp vô gián.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết về thể tánh của chư Phật.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Khi sự vô ngã về nhân và pháp được hiểu, trừ hai

chướng ngại, lìa hai loại chết, hai nhóm phiền não được đoạn diệt, thì đó là thể tánh của Phật.

Này Đại Tuệ! Hàng Thanh văn và Duyên giác được hai pháp này cũng gọi là Phật. Ta dùng nghĩa này chỉ để nói một thừa.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Biết rõ hai vô ngã
Trừ hai chướng, hai não
Và tử chẳng thể nghĩ bàn
Thế nên gọi Như Lai.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Theo ý sâu xa nào mà Như Lai tuyên bố trước đại chúng rằng: "Ta là tất cả chư Phật trong quá khứ" và nói: "Ta đã trải qua trăm ngàn kiếp sinh ra trong nhiều hình tướng khác nhau. Có lúc là Chuyển luân thánh vương, voi, chim Oanh vũ, Nguyệt Quang, Diệu Nhãn…

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Dựa vào bốn loại bình đẳng sâu xa, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở giữa đại chúng nói thế này: "Ta là Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp."

Bốn loại bình đẳng sâu xa ấy là gì? Đó là:

1. Bình đẳng về chữ.

2. Bình đẳng về ngôn từ.

3. Bình đẳng về giáo pháp.

4. Bình đẳng về thân.

Thế nào là bình đẳng về chữ? Nghĩa là tên của ta là Phật, cũng dùng chữ Phật này để gọi cho tất cả các Đức Như Lai. Chữ Phật này không bị phân biệt sai khác nhau, mà nó hoàn toàn bình đẳng.

Thế nào là bình đẳng về ngôn từ? Đó là sáu mươi bốn âm của ngôn ngữ Phạm thiên được ta phân biệt. Tất cả các Đức Như Lai cũng sử dụng những ngôn từ này và bản chất âm thanh giống như chim Ca-lăng-tần-già không hơn không kém, không có sự khác nhau. Đây gọi là sự bình đẳng về ngôn từ.

Thế nào là bình đẳng về thân? Ta và các Đức Phật đều như nhau về Pháp thân và sắc tướng, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, không có sự khác biệt. Ngoại trừ các Đức Như Lai vì sự giáo hóa chúng sinh nên phải hiện ra các loại thân, tùy theo hoàn cảnh của chúng.

Thế nào là bình đẳng về giáo pháp? Ta cùng các Đức Phật đều chứng

đắc các giáo pháp thuộc ba mươi bảy phẩm trợ đạo Bồ-đề, Bốn pháp bình đẳng này, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố trong đại chúng như vậy.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm là ta
Dựa theo bốn bình đẳng
Dạy các đệ tử Phật.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã dạy rằng: "Từ đêm chứng ngộ cho đến đêm nhập Niết-bàn, trong suốt thời gian ấy, ta không nói lên một từ nào, cũng không bao giờ nói hay sẽ nói. Không nói là lời nói của Phật." Bạch Thế Tôn! Theo ý nghĩa sâu xa nào mà Thế Tôn bảo như vậy?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Theo hai điều trong ý nghĩa sâu xa mà ta nêu lên lời này. Hai điều ấy là gì? Đó là pháp tự chứng và pháp thường trụ.

Thế nào là pháp tự chứng? Điều gì mà các Đức Như Lai thể chứng, thì đó là điều mà chính ta cũng chứng, không tăng không giảm. Vì cảnh giới của trí tự chứng vượt khỏi tướng ngôn thuyết và phân biệt, vượt khỏi cả tướng danh tự.

Thế nào là pháp thường trụ? Nghĩa là bản chất của sự vật như vàng, bạc… vẫn ở tại mỏ. Dù cho Phật có xuất hiện trên đời này hay không thì pháp thường trụ, nên pháp tánh thường trụ, pháp tánh của pháp giới đều thường trụ.

Này Đại Tuệ! Ví như có người đi trong đồng trống mênh mông và gặp một thành cổ với những con đường bằng phẳng, trật tự. Người ấy liền đi vào thành này nghỉ ngơi, hưởng những thú vui thoải mái.

Này Đại Tuệ! Ông nghĩ thế nào? Người ấy có làm ra con đường để vào thành và có làm ra bao nhiêu thứ khác trong thành ấy chăng?

–Thưa không, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Chân như mà chính ta và các Đức Phật đã chứng ngộ là pháp tánh thường trụ cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói rằng: "Từ khi Như Lai mới thành Phật cho đến lúc nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, Như Lai không nói một chữ và sẽ không tuyên nói, cũng sẽ không tuyên nói một từ nào."

Đức Thế Tôn nói kệ:

Đêm ta thành Chánh giác
Đến đêm nhập Niết-bàn
Trong khoảng thời gian ấy
Ta đều không nói gì.
Pháp thường trụ tự chứng
Gọi là lời sâu xa
Ta và các Như Lai
Không khác nhau tí nào.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết về sự hữu tướng hay vô tướng của tất cả các pháp. Làm cho con cùng các Đại Bồ-tát khác thoát khỏi những tướng này và chóng thành tựu Tuệ giác vô thượng.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ nói cho ông.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Chúng sinh nơi thế gian này phần nhiều bị rơi vào hai kiến giải, đó là ý niệm về hữu và phi hữu. Bị rơi vào hai kiến giải này, cho nên họ tưởng tượng ra sự giải thoát ở chỗ không giải thoát.

Thế nào là sự thấy về hữu? Đó là họ cho rằng: Nhân duyên thật sự hiện hữu mà sinh ra các pháp, chớ chẳng phải nhân duyên vốn phi hiện hữu. Do đó, họ nói đến các pháp thật sự hiện hữu từ nhân duyên sinh ra, nên cái gì phi hiện hữu thì họ cho là chẳng phải sinh ra từ pháp.

Này Đại Tuệ! Nói như vậy tức là nói về nhân duyên không thật có.

Thế nào là sự thấy về phi hữu? Đó là biết chấp nhận tham, sân, si mà vọng chấp về tánh phi thực của nó.

Này Đại Tuệ! Có người phân biệt tướng hữu, nhưng không chấp nhận tướng hữu của các pháp. Lại có người biết chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác không có tánh tham, sân, si, mà chấp rằng tham, sân, si không hiện hữu. Trong hai người này, ai là người đáng gọi là bị hủy hoại?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người phá hoại là người có tánh tham, sân, si, rồi lại không chịu chấp nhận tham, sân, si.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Ông đã hiểu lời ta hỏi. Không phải chỉ có người này là kẻ bị hủy hoại do quan niệm tham, sân, si là hiện hữu, rồi lại cho rằng không hiện hữu, mà người này còn phá hoại cả đặc tính của Như Lai, Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì các phiền não không thật có, dầu bên trong hay bên ngoài thể tánh không khác nhau, cũng không phải không khác nhau.

Này Đại Tuệ! Tánh tham, sân, si cũng không thật có, dầu bên trong hay bên ngoài. Chúng không có thể tánh và không thể nắm bắt được. Đức Phật, Thanh văn, Duyên giác, tự bản chất là giải thoát, không bị ràng buộc và nguyên nhân gây nên sự ràng buộc.

Này Đại Tuệ! Ở đâu bị ràng buộc thì ở đó có sự ràng buộc và nguyên nhân gây nên sự ràng buộc. Ai nói như vậy, gọi đó là người phá hoại. Đây là tướng hữu và vô. Ta khẳng định theo ý nghĩa sâu xa này mà nói: Thà khởi chấp ngã như núi Tu-di, còn hơn là khởi chấp không, trống rỗng. Kẻ ôm lòng tăng thượng mạn khởi nên quan điểm này thì gọi là kẻ bị hủy hoại, bị rơi vào quan điểm chung và riêng. Họ ưa thích trong quan điểm đó, mà không hiểu rằng các pháp do tâm hiện ra. Vì không hiểu điều này cho nên thấy các pháp bên ngoài vô thường, biến đổi trong từng sát-na, làm khác tướng uẩn, xứ, giới. Chúng cư lưu chuyển liên tục, sinh khởi hoàn diệt. Những ai theo sự phân biệt sai lầm, rời khỏi tướng văn tự cũng thành kẻ hủy hoại.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Hữu, vô là nhị biên
Cho đến tâm sở hành
Cảnh giới này tịnh trừ
Tâm bình đẳng vắng lặng.
Không chấp giữ cảnh giới
Không diệt, không thật có
Chân như và diệu vật
Như cảnh giới bậc Thánh.
Hiện hữu vốn không sinh
Sinh rồi lại mất đi
Nhân duyên hữu, phi hữu
Ai không trụ pháp ta.
Không ngoại đạo hay Phật
Không ta hay kẻ khác
Do duyên mà có hữu
Làm sao phi hữu được.

Ai do duyên thành hữu
Lại được gọi phi hữu
Tà kiến gọi là sinh
Vọng tưởng chấp hữu vô.
Nếu biết không sự sinh
Cũng không có gì diệt
Xem thế giới tịch tĩnh
Hữu vô đều xa lìa.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con về tướng của sự thể chứng, làm cho con và các Bồ-tát khác thông đạt ý nghĩa này, không bị trôi theo tất cả kiến giải sai lầm, chóng đạt Tuệ giác vô thượng.

Đức Phật bảo:

–Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho thầy rõ.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác có hai cách về sự thể chứng. Hai cách đó là gì?

1. Pháp tướng tông thú.

2. Pháp tướng ngôn thuyết.

Pháp tướng tông thú nghĩa là cảnh giới cao vời của sự chứng đạt tự nội, không liên hệ gì đến văn tự, ngôn ngữ, phân biệt, dẫn vào cảnh giới vô lậu, thành tựu kinh nghiệm tự nội. Hoàn toàn vượt qua tất cả những suy tư hiểu biết bất chánh, chinh phục hàng tà ma ngoại đạo, phát sinh ánh sáng trí tuệ. Đây gọi là những đặc tính của sự thể chứng.

Pháp tướng ngôn thuyết nghĩa là những giáo pháp được nêu trong chín bộ giáo điển, làm cho xa lìa những ý niệm nhị biên về hữu và vô, về giống nhau và khác nhau; dùng những phương tiện khéo léo tùy theo tâm của chúng sinh làm cho họ thâm nhập giáo pháp này. Đây gọi là pháp tướng ngôn thuyết.

Thầy và các Bồ-tát hãy nỗ lực tu học.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Tông thú và ngôn thuyết
Tự chứng và giáo pháp
Những ai khéo thông hiểu

Không theo lầm kiến giải.
Sự phân biệt kẻ ngu
Không là tướng chân thật
Sao không cầu vượt qua
Không pháp có thể đạt.
Quán sát các hữu vi
Những sinh diệt tương tục
Tăng trưởng nơi nhị biên
Đảo điên không nhận thức.
Niết-bàn lìa tâm ý
Chỉ pháp này chân thật
Nhìn đời đều hư vọng
Như mộng huyễn, cây chuối.
Không có tham, sân, si
Cũng không có ngã, nhân
Từ ái sinh các uẩn
Hãy nhìn như giấc mộng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói cho con nghe, thế nào là tướng phân biệt sai lầm. Vì sao sự phân biệt sai lầm này khởi lên? Nguyên nhân nào sinh ra sự phân biệt này và tại sao nó sinh khởi? Ai sinh ra nó? Vì sao gọi là phân biệt sai lầm?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Hay lắm, hay lắm! Vì thương tưởng chư Thiên và loài người, thầy mới hỏi ý nghĩa này, vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người. Ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ những điều ta nói.

Bồ-tát Đại Tuệ xin vâng.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Đối với những sự kiện phức tạp, các chúng sinh nhìn nhận một cách sai lầm và bị ràng buộc chính tự nơi tâm. Họ chấp chặt và bị ràng buộc vào sự chấp giữ mà khởi ra những sự phân biệt, nên bị rơi vào kiến giải nhị biên về hữu và vô. Họ bị nuôi dưỡng bởi tập khí của kiến giải sai lầm của hàng ngoại đạo. Khi tâm và những tướng thuộc về tâm cùng sinh khởi, họ chấp những đối tượng bên ngoài là thật có, chấp trước nơi ngã và những gì thuộc về ngã. Thế nên gọi là phân biệt sai lầm.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Theo lời Thế Tôn dạy thì những sự kiện phức tạp của các đối tượng

bên ngoài bị người ta nhìn nhận một cách sai lầm, nên bị rơi vào kiến giải hữu và vô.

Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng như vậy, không có những phương tiện thể nghiệm, lý luận, nhân minh, ví dụ…

Bạch Thế Tôn! Làm sao mà đối với những ý nghĩa này bảo là sự sinh khởi phân biệt, thì trong Đệ nhất nghĩa lại không bảo là có sự sinh khởi ư? Một chỗ thì Thế Tôn bảo: "Nó làm cho sinh khởi", một chỗ Thế Tôn lại bảo: "Nó không làm cho sinh khởi". Như thế, chẳng phải Thế Tôn đã lập luận sai trái đó sao? Theo Thế Tôn thì vì phân biệt sai lầm nên bị rơi vào kiến giải nhị biên về hữu và vô. Giống như nhà ảo thuật tạo ra nhiều cảnh không thật, sự phân biệt cũng như vậy. Thật ra, hiện hữu tự nó không phân biệt. Nếu vậy thì tại sao người ta lại ca ngợi nhị biên? Phải chăng họ lại rơi vào cái nhìn của thế gian?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Phân biệt vốn không sinh, không diệt. Vì sao? Vì không có sự khởi sinh phân biệt về tướng hữu và vô. Vì sự nhận biết mọi hiện tượng bên ngoài đều là không thật. Hãy thấy rõ rằng: "Những hiện tượng ấy không gì khác ngoài tâm". Chỉ vì những kẻ ngu muội phân biệt, đắm trước mọi hiện tượng trong cuộc đời này vốn chính từ tâm của họ mà nói như vậy. Thật ra sự nhận thấy đó đều do tâm tạo. Nếu không bảo vậy thì làm sao họ đoạn trừ ý niệm về ngã và thuộc về ngã, cùng tất cả quan niệm chấp trước, xa lìa những nhân xấu, tự tạo hay tạo cho người khác. Và làm sao họ có thể nhận ra rằng không có gì ngoài tâm để chuyển đổi ý thích của họ? Làm sao họ có thể nhận thức rõ ràng về các Địa để đạt được cảnh giới của chư Phật và xả bỏ những nhận thức phân biệt tự tánh của năm pháp? Thế nên ta bảo rằng: Phân biệt hư vọng sinh khởi là do chúng ta chấp vào vô số các cảnh giới hiện hữu từ tâm. Hãy nhận chân thật tại rõ ràng như vậy thì mới được giải thoát.

Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

Những ai nhìn thế gian
Sinh từ nhân và duyên
Tương ưng cùng tứ cú
Tức không hiểu pháp ta
Đời chẳng phải hữu vô
Câu hữu, không câu hữu
Phàm phu và phân biệt
Bảo do nhân và duyên

Phi hữu và phi vô
Cũng lại phi hữu vô
Quán thế gian như vậy
Chuyển tâm chứng vô ngã
Tất cả pháp không sinh
Chúng từ duyên sinh khởi
Những gì sinh từ duyên
Là những pháp bất sinh
Quả không tự sinh quả
Phạm lỗi về hai quả
Vì không có hai quả
Nên không có thật tánh
Quán các pháp hữu vi
Rời năng duyên, sở duyên
Tất nhiên chỉ là tâm
Ta nói pháp duy tâm
Nơi tự tánh hiện lượng
Duyên pháp đều xa lìa
Hoàn toàn sự tịnh diệu
Ta gọi là tâm lượng
Cấu trúc ngã giả danh
Thật không có thật tánh
Các uẩn cũng giả danh
Đều không có thật sự
Có bốn loại bình đẳng
Tướng, nhân và sự sinh
Vô ngã là thứ tư
Người tu hành quán sát
Lìa tất cả kiến giải
Và năng, sở phân biệt
Không được cũng không sinh
Ta gọi tâm hiện lượng
Phi hữu, phi hiện hữu
Hữu vô đều xa lìa
Lìa khỏi tâm như vậy
Ta gọi là tâm lượng
Chân như không, thật tế
Pháp giới và Niết-bàn

Các loại Ý sinh thân
Ta gọi là tâm lượng
Tập khí buộc vọng tưởng
Tất cả từ tâm sinh
Chúng sinh thấy là ngoài
Ta gọi là tâm lượng
Bên ngoài không thật có
Chúng được hiện từ tâm
Thân, tài sản, nhà cửa
Ta gọi là tâm lượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai dạy rằng: "Như ta đã nói, ông và các Bồ-tát khác không nên chấp vào ý nghĩa của các từ." Bạch Thế Tôn! Thế nào là ý nghĩa của các từ?

Đức Phật nói:

–Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ!

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ngôn từ nghĩa là dựa vào phân biệt và tập khí làm nguyên nhân. Dựa vào răng, hàm, lợi, lưỡi, môi và xoang của miệng mà phát ra những thanh âm văn tự đối thoại với nhau. Đây là ngôn thuyết.

Thế nào là nghĩa? Vị Đại Bồ-tát một mình ở nơi vắng vẻ, dùng trí tuệ văn, tư, tu dẫn đến con đường Niết-bàn vì cảnh giới tự chứng, chuyển đổi các tập khí, thực hành vô số hành tướng ở nơi các Địa. Đây gọi là nghĩa.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát thành thục đối với các từ ngữ và ý nghĩa, nhận thấy rằng từ ngữ và ý nghĩa không đồng nhất, cũng không khác, từ ngữ và ý nghĩa cũng lại như vậy. Nếu ý nghĩa khác với từ ngữ thì nó sẽ không được biểu hiện nơi ý nghĩa, nhưng nhân nơi từ ngữ mà nhận thấy ý nghĩa, như sự vật được chiếu sáng bởi ngọn đèn.

Này Đại Tuệ! Ví như có người cầm đèn chiếu vào đồ vật và biết rằng những vật như vậy đang ở đây và ở chỗ này. Cũng vậy, này Đại Bồ-tát. Nhờ vào cây đèn của từ ngữ và ngôn thuyết mà Bồ-tát vượt khỏi ngôn thuyết, nhập vào cảnh giới tự chứng.

Này Đại Tuệ! Nếu có người chấp vào ý nghĩa của ngôn từ và chấp vào những xác nhận của chúng về tự tánh Niết-bàn vốn không sinh không

diệt về ba thừa, Nhất thừa, năm pháp, tâm thức, tự tánh… người ấy sẽ rơi vào kiến giải hoặc kiến lập, hoặc phỉ báng. Vì khác nhau như vậy nên bị phân biệt. Như thấy việc huyễn hóa mà chấp là thật có. Người ngu mới như vậy, chứ người trí thì không như vậy.

Đức Thế Tôn lập lại kệ tụng:

Nếu theo ngôn chấp nghĩa
Kiến lập nơi các pháp
Vì sự kiến lập đó
Chết đọa vào địa ngục
Trong uẩn không có ngã
Không uẩn tức là ngã
Không như phân biệt ấy
Chẳng hữu và phi hữu
Như người ngu phân biệt
Tất cả đều có tánh
Nếu nhận thấy như thế
Đều nên thấy chân thật
Tất cả pháp dơ sạch
Hoàn toàn không thể tánh
Không như người kia thấy
Và cũng không thật có.

Này Đại Tuệ! Ta sẽ nói cho ông nghe về tướng của Trí và Thức. Ông và các Đại Bồ-tát khi đã thành thạo về tướng của trí và thức thì các ông sẽ chóng đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đại Tuệ! Có ba loại trí: Thế gian, Xuất thế gian, Xuất thế gian thượng thượng.

Thế nào là Trí thế gian? Nghĩa là tất cả ngoại đạo, phàm phu bị ràng buộc vào pháp hữu và vô.

Thế nào là Trí xuất thế gian? Nghĩa là hàng Thanh văn và Duyên giác bị ràng buộc vào tướng chung và tướng riêng.

Thế nào là Trí xuất thế gian thượng thượng? Nghĩa là chư Phật và Bồ-tát quán sát tất cả các pháp đều vô tướng, không sinh không diệt, phi hữu phi vô, chứng pháp vô ngã, nhập Như Lai địa.

Này Đại Tuệ! Có ba loại trí. Đó là: Trí biết tướng chung và tướng riêng, trí biết sinh diệt, trí biết không sinh không diệt.

Này Đại Tuệ! Sinh diệt là thức, không sinh diệt là trí, rơi vào tướng vô tướng và lấy các tướng hữu vô làm nhân. Thức là lìa tướng vô tướng và

nhận hữu vô là trí. Thức có sự tích tập và trí là tướng phi tích tập. Bị ràng buộc vào tướng cảnh giới là thức, không bị ràng buộc vào tướng cảnh giới là trí. Thức được sinh ra do sự hòa hợp của ba tướng. Trí trong tự tánh của nó là vô ngại, có tướng có thể nắm bắt là thức, tướng chẳng thể nắm bắt là trí. Đó là cảnh giới sở hành của tự chứng bằng Thánh trí. Như mặt trăng trong nước, không vào cũng không ra.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Nghiệp do tâm chất chứa
Trí quán sát các pháp
Tuệ chứng đạt vô tưởng
Và tự tại oai quang
Tâm buộc vào cảnh giới
Trí phát sinh giác tưởng
Vô tướng và tối thắng
Trí tuệ khởi nơi đây
Tâm ý cho đến thức
Lìa các tưởng phân biệt
Được pháp vô phân biệt
Bồ-tát khác Thanh văn
Tịch lặng nhẫn tối thắng
Như Lai trí thanh tịnh
Sinh ý nghĩa cao vời
Viễn ly các sở hành
Ta có ba thứ trí
Bậc Thánh thường chiếu sáng
Phân biệt nơi các tướng
Mở bày tất cả pháp
Trí ta lìa các tướng
Vượt qua khỏi Nhị thừa
Vì các hàng Thanh văn
Chấp chặt vào pháp hữu
Tuệ Như Lai không nhiễm
Vì liễu đạt duy tâm.

Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo có chín loại kiến thức về sự chuyển biến, đó là:

1. Chuyển biến về hình.
2. Chuyển biến về tướng.

3. Chuyển biến về nguyên nhân.

4. Chuyển biến về sự phù hợp.

5. Chuyển biến về kiến giải.

6. Chuyển biến về nguồn gốc.

7. Chuyển biến về vật chất.

8. Chuyển biến về những điều kiện rõ ràng.

9. Chuyển biến về sự tạo tác rõ ràng.

Đây là chín kiến giải mà tất cả ngoại đạo đều nhân nơi đó mà xây dựng trên luận thuyết chuyển biến của hữu và vô. Trong đó chuyển biến về hình, nghĩa là sự khác biệt về hình tướng bên ngoài. Ví như vàng có hình dáng khác nhau khi dùng làm đồ trang sức, như chiếc vòng đeo tay, vòng đeo cổ, nhiều thứ khác nhau, hình dáng không giống nhau, nhưng bản chất nó vẫn là vàng không khác. Tất cả sự vật chuyển biến cũng như vậy. Các nhà ngoại đạo khác chấp chặt vào những chuyển biến đó, cho rằng chúng không phải như vậy và chẳng khác nhau. Tất cả sự khác biệt trong sự chuyển biến đó đều do phân biệt. Thế nên biết rằng, cũng như sữa đông lại thành sữa đông và trái cây chín thành rượu. Các nhà ngoại đạo cho đây là có sự chuyển biến, thật ra không có cái gì được chuyển biến, hoặc hữu hoặc vô, là những gì được thấy từ chính cái tâm, không phải ngoại vật. Đó là những gì mà kẻ phàm phu ngu muội bị sinh khởi từ tập khí và tâm phân biệt, chứ thật ra không có một pháp nào sinh ra hay mất đi. Giống như nhiều màu sắc được thấy do ảo ảnh hay trong giấc mộng. Như đứa con người thạch nữ mà nói có sống và có chết.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Hình chuyển theo thời gian
Giác quan và bốn đại
Dần sinh trong trung ấm
Vọng tưởng không trí tuệ
Chư Phật không phân biệt
Duyên khởi và thế gian
Nhưng chuỗi nhân quả ấy
Giống thành Càn-thát-bà.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Như Lai giải thích cho con nghĩa lý sâu xa về sự ràng buộc và cách giải thoát của tất cả các pháp, làm cho con và các Bồ-tát hiểu biết rõ ràng về pháp này. Khi chúng con không bị rơi vào sự ràng buộc của ngôn từ và ý nghĩa sâu xa, thì chúng con sẽ tách rời ngôn

ngữ, văn tự hư vọng phân biệt. Chúng con sẽ vào trong tất cả cõi Phật, có năng lực thần thông tự tại và ấn quyết Đà-la-ni. Chúng con được tuệ giác an trú nơi mười nguyện vô tận, biến hiện tất cả bằng hành tác tự tại với ánh sáng chiếu ngời như mặt trăng, mặt trời, châu ngọc, đất, nước, lửa, gió và giữ ở các cấp độ xa lìa kiến giải phân biệt. Khi biết tất cả các pháp như huyễn, như giấc mộng, chúng con an trú vào địa vị Như Lai, hóa độ khắp các chúng sinh, làm cho họ biết vạn pháp đều giả dối không thật và giải thoát cho họ ra khỏi chấp chặt về hữu và vô, đoạn trừ chấp trước về sinh diệt, không đắm trước ngôn từ, chuyển được tâm thức.

Đức Phật bảo:

–Các ông hãy lắng nghe ta nói!

Này Đại Tuệ! Sự chấp chặt sâu xa nhất của con người đối với tất cả các pháp, tức là cái ý nghĩa mà chúng ta hiểu theo ngôn từ thật vô lượng. Nghĩa là sự chấp chặt vào các hình tướng, nhân duyên, hữu và vô, sinh và không sinh, diệt và không diệt, thừa và phi thừa, hữu vi và vô vi, tự tướng của các Địa. Sự chấp chặt vào chính sự phân biệt và sự phân biệt sinh khởi từ chứng ngộ, sự chấp vào hữu và vô mà các nhà ngoại đạo bị ràng buộc, sự chấp vào ba thừa và Nhất thừa.

Này Đại Tuệ! Đây là những sự chấp trước sâu xa có vô lượng thứ mà kẻ phàm ngu tự phân biệt, chấp chặt vào một cách thâm sâu. Những sự phân biệt này như con tằm làm kén, bị những sợi tơ vọng tưởng quấn lấy chúng và cuộn những con tằm khác nữa. Kẻ phàm phu chấp chặt vào những ý niệm về hữu và vô trong mê đắm kiên trì.

Này Đại Tuệ! Trong đây thật chẳng phải là nơi cô tịch và chẳng phải là tướng cô tịch. Vì Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp trụ nơi vắng lặng mà không phân biệt vậy. Nếu Bồ-tát hiểu rõ các pháp được thấy chính do tâm, không có vật bên ngoài, đều cùng vô tướng, tùy thuận quán sát đối với hoặc hữu, hoặc vô, hoặc phân biệt sự chấp chặt đều thấy suốt tịch tĩnh. Như thế, không có tướng chấp chặt hay không chấp chặt.

Này Đại Tuệ! Trong đây không có trói buộc, cũng không có giải thoát, chỉ trừ kẻ không thật hiểu rõ mới thấy có sự trói buộc và giải thoát mà thôi. Vì sao? Vì trong tất cả các pháp không có hữu và vô, tìm trong thể tánh nó không thể được.

Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si có ba sự ràng buộc, đó là tham, sân, si cùng ái tái sinh câu hữu với hỷ và tham. Do những thứ này trói buộc làm cho chúng sinh bị luân chuyển sinh trong năm đường. Nếu sự trói buộc được chấm dứt thì những chúng sinh đó sẽ không có tướng là buộc hay

không buộc.

Này Đại Tuệ! Nếu có chấp trước vào duyên ba hòa hợp thì các thức trói buộc lần lượt khởi lên. Vì có chấp trước cho nên có sự trói buộc. Khi ba hòa hợp làm cho các thức vận hành không còn thì sẽ thấy ba giải thoát, tất cả những sự trói buộc đều không sinh khởi.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Vọng tưởng phân biệt sinh
Gọi đó là ràng buộc
Như thật biết điều này
Lưới buộc ràng đứt đoạn
Phàm ngu không thấu triệt
Ràng buộc bởi nghĩa từ
Ví như tằm trong kén
Vọng tưởng tự quấn mình.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã dạy: "Do vô số tâm phân biệt các pháp, vốn dĩ không có tự tánh trong các pháp, đó chỉ là vọng chấp, chứ thật không có các pháp." Phải chăng sự dơ sạch của các pháp sẽ không tan hoại?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Đúng thế! Đúng như lời ông nói! Tự tánh của các pháp là sự phân biệt của phàm ngu, thật ra không phải như họ phân biệt. Đó chỉ là vọng chấp, không có tánh tướng, nhưng các bậc Thánh dùng đôi mắt trí tuệ xác nhận bằng cái biết thông tuệ, thấy được tự tánh của các pháp.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Nếu các Thánh nhân thấy có các pháp tánh bằng đôi mắt Thánh tuệ, tức không phải cái thấy của trời, của người, không giống sự phân biệt của kẻ phàm ngu, thì làm sao những kẻ phàm ngu ấy từ bỏ những phân biệt của họ, khi mà họ không thể hiểu rõ các pháp của bậc Thánh?

Bạch Thế Tôn! Vì họ không điên đảo, cũng chẳng không điên đảo. Vì sao? Vì họ không có trí thấu suốt của bậc Thánh, cái thấy của bậc Thánh xa lìa tướng hữu và vô. Thánh trí cũng không giống như người phàm phân biệt. Vì khía cạnh thật của nó đúng như nó, chứ không phải tướng cảnh giới không gì khác trong chính nó tạo ra. Họ cũng thấy có các tướng của pháp tánh, nhưng không gì khác hơn là do tánh tưởng tượng của họ tạo ra, không nói đến có nhân duyên hay không nhân duyên và họ rơi vào cái thấy hình tướng của các pháp tánh.

Bạch Thế Tôn! Ngoài ra các cảnh giới ấy đã không giống nhau, như

vậy thành ra phạm lỗi về vô cùng, vì chấp vào tướng của thật tánh để hiểu rõ các pháp.

Bạch Thế Tôn! Các tướng của pháp tánh không có nhân phân biệt thì làm sao có thể bảo rằng: do phân biệt mà có các pháp?

Bạch Thế Tôn! Tướng của phân biệt không giống tướng của các pháp, một khi nguyên nhân không giống nhau thì làm sao các pháp mà do phân biệt được? Và tại sao sự phân biệt của người ngu không thấy đúng như thật tánh? Nhưng Thế Tôn dạy cho chúng con rằng: "Vì muốn làm cho chúng sinh gạt bỏ sự phân biệt của họ, cho nên nói tướng của các pháp giống như những điều họ phân biệt không đúng như vậy."

Bạch Thế Tôn! Có phải để cho chúng sinh thoát khỏi ý niệm chấp trước các pháp hữu và vô, họ lại chấp trước cảnh giới Thánh trí nên rơi vào kiến giải về hữu. Vì sao Thế Tôn lại dạy học thuyết không vô vắng lặng mà tự tánh của nó là Thánh trí?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Không phải là ta phủ nhận học thuyết vắng lặng, cũng không phải là ta rơi vào kiến giải thật có. Vì sao? Vì ta đã nói tự tánh của Thánh trí, để cho chúng sinh vốn từ thời quá khứ đến nay luôn chấp trước về hữu mà nói các pháp vắng lặng của bậc Thánh, làm cho những ai đã được nghe rồi không sinh tâm sợ hãi, mà có thể chứng thật tánh vắng lặng, lìa bỏ trạng thái mê hoặc rối loạn, nhập vào chân lý duy thức, biết rõ những gì được thấy chính tự nơi tâm. Họ ngộ ba môn giải thoát, đạt dấu ấn như thật. Họ có trực giác thấu suốt tự tánh các pháp nơi cảnh giới bậc Thánh, loại bỏ được tất cả chấp trước hữu vô.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát không nên thành lập luận đề: "Tất cả các pháp đều không sinh." Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn không có và luận đề ấy xác định bằng tính chất của sự sinh.

Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp không sinh thì chính là lời nói này tự hủy hoại luận đề ấy. Vì sao? Vì theo luận đề này, cái gì mang bản chất hữu thì được định tính bằng tính chất của sự sinh; trong khi các Bồ-tát xác định rằng: "Tất cả các pháp là tướng không sinh, cũng không diệt", cho nên luận đề này nhập vào trong tất cả các pháp. Pháp hữu, pháp vô của luận đề này đều không sinh. Luận đề này nhập vào trong tất cả các pháp, vì tướng hữu tướng vô cũng không sinh. Thế nên tất cả các pháp không sinh của luận đề này lại đánh bại chính luận đề. Không nên lập luận đề này, vì có nhiều lỗi, tướng trạng nhân này lẫn lộn khác nhau. Như chủ trương rằng: Các pháp không sinh, hay các pháp là trống rỗng, không có tự tánh.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nên nói rằng: Tất cả các pháp như huyễn hóa, như giấc mộng, vì chúng được nhận thấy như không thấy. Và tất cả các pháp đều là tướng mê hoặc, rối loạn, ngoại trừ cảm giác sợ hãi khởi dậy trong tâm của người ngu.

Này Đại Tuệ! Người ngu si bị rơi vào kiến giải về hữu và vô, chớ để cho họ sợ hãi, xa lánh Đại thừa.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Không tự tánh, giả thiết
Vô sự, vô y xứ
Phân biệt bởi người ngu
Kém hiểu, như thây ma
Tất cả pháp không sinh
Thành lập của ngoại đạo
Không cần có thuyết lập
Chẳng do duyên thành tựu
Tất cả pháp không sinh
Người trí không phân biệt
Luận đề được tạo nên
Lập luận không tồn tại
Giống như người nhặm mắt
Thấy nhầm nghĩ hoa đốm
Các pháp cũng như vậy
Người ngu vọng phân biệt
Ba cõi chỉ giả danh
Không có thể pháp thật
Do lập giả thuyết này
Họ tiếp tục phân biệt
Các sự tướng giả danh
Động loạn nơi tâm thức
Đệ tử Phật vượt qua
Dạo chốn không phân biệt
Chỗ không nước tưởng nước
Đây do khát ái sinh
Người ngu nhìn các pháp
Bậc trí không như thế
Thánh nhân thấy thanh tịnh
Sinh ra ba giải thoát
Vượt khỏi sinh và diệt

Thường dạo cõi vô tướng
Tu hành cõi vô tướng
Cả vô tướng cũng không
Bình đẳng hữu và vô
Quả Thánh trí được sinh
Pháp hữu vô thế nào
Thế nào thành bình đẳng
Nếu tâm không hiểu pháp
Động, loạn, trong, ngoài, giữa
Tâm thấy được bình đẳng
Động loạn sẽ không còn.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, nếu biết cảnh giới chỉ là giả danh, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt, thì không có sự chấp giữ. Không có sự chấp giữ thì không có chấp giữ. Hành động chấp và sự chấp, cả hai đều không nên phân biệt, không còn phát sinh nữa, gọi đó là Trí.

Bạch Thế Tôn! Có phải vì trí không đạt được cảnh giới, vì không nhận biết được tướng riêng tướng chung, nghĩa giống và khác của tất cả các pháp cho nên gọi là "chẳng thể" ư? Hay là vì tướng riêng tướng chung, các loại tướng của các pháp không giống nhau mà che khuất nhau, cho nên gọi là "chẳng thể" chăng? Hay là bị trở ngại vì ngọn núi, vách đá, bức tường, tấm mành, tấm trướng… làm cho không thể đạt được trí tuệ siêu việt chăng? Hay là vì quá xa, hay quá gần, hay vì tuổi già, tuổi trẻ, mù lòa do các giác quan không hoàn hảo nên không đạt được? Nếu cái biết không đạt được là do chúng ta không nhận biết tướng chung tướng riêng, đơn tính, đa tính của các pháp thì gọi là bất đắc. Ở đây không gọi là trí nên gọi là vô trí. Do có cảnh giới trước mắt mà chúng ta không biết chúng. Nếu cái biết chúng ta không thể đạt được vì bị ngăn che bởi tướng chung, tướng riêng, tất cả không giống nhau của các pháp, thì đó là phi trí. Vì biết nơi cảnh nên gọi là trí, chứ chẳng phải là không biết. Nếu cái biết không đạt được do trở ngại của ngọn núi, vách đá, bức tường, tấm mành, tấm trướng hay quá xa, quá gần, tuổi trẻ, tuổi già, mù lòa… thì không phải là trí. Bởi vì đối với cảnh giới có mà trí không đầy đủ nên không biết vậy.

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Đây thật là trí không phải như thầy nói. Lời ta nói chẳng phải là lời nói ngăn che. Ta nói rằng: "cảnh giới là giả danh, chẳng thể nắm bắt", vì hiểu rõ rằng có và không của pháp bên ngoài đều là thấy

tự nơi tâm. Đối với sự việc ấy, trí tuệ hoàn toàn chẳng thể nắm bắt. Vì vô đắc cho nên đối tượng không khởi, nhập vào ba giải thoát thì thể của trí cũng mất luôn, không như những tưởng tượng của phàm phu từ tập khí diễn ra liên tục, chấp chặt từ thời vô thủy đến nay về các pháp bên ngoài đối với các loại hình tướng, hoặc hữu hay vô. Như thế, nên biết là không hiểu không biết các pháp chỉ được thấy tự tâm. Họ bị vướng mắc vào cảnh trí phân biệt của ngã và ngã sở, không biết ngoài pháp là có hay không. Tâm của họ trú nơi đoạn kiến. Vì muốn làm cho họ chấm dứt hẳn sự phân biệt như thế, nên Ta nói: Tất cả pháp do tâm tạo.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu cái biết đối tượng
Trí tuệ không thấy rõ
Thật vô trí phi trí
Đó gọi là vọng chấp
Che đậy nhau vô cùng
Trở ngại xa hay gần
Trí tuệ không thể thấy
Gọi là trí sai lầm
Do tuổi tác, mù lòa
Không thật biết cảnh giới
Trí tuệ không sinh khởi
Gọi là trí sai lầm.

Này Đại Tuệ! Kẻ phàm phu ngu si bản chất vốn sai lầm, bị mê hoặc bởi những phân biệt tà kiến, không hiểu rõ chân lý và những thuyết giảng ấy bằng ngôn từ. Vì họ chấp vào những hình tướng bên ngoài, vốn được thấy bằng tâm và chấp vào những học thuyết mà không biết đó là phương tiện. Họ không thể tu tập thanh tịnh để tiếp nhận chân lý tách rời bốn mệnh đề (Tứ cú).

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thưa đúng vậy! Đúng như lời Thế Tôn dạy! Xin Thế Tôn nói cho con nghe về pháp chân thật và những ngôn thuyết về chân lý ấy. Nhờ đó, con và các Bồ-tát hiểu tường tận về hai pháp này, mà các ngoại đạo hay Thanh văn, Duyên giác không thể thâm nhập được.

Đức Phật nói:

–Các ông hãy lắng nghe ta nói!

Này Đại Tuệ! Có hai phương pháp của các Đức Như Lai trong ba đời là quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là pháp giảng dạy và pháp như thật.

Pháp bằng ngôn thuyết nghĩa là tùy theo tâm của chúng sinh mà dùng nhiều pháp môn, phương tiện để chỉ dạy cho họ. Pháp như thật là người tu hành tách rời được những sự phân biệt những gì được thấy tự tâm, không rơi vào nhị biên của đồng và dị, câu hữu hay không câu hữu, vượt khỏi tất cả tâm, ý và ý thức. Đối với cảnh giới thực hành của Thánh trí tự chứng thì không liên quan đến những nhân duyên, tương ưng với kiến phần và tướng phần. Tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác rơi vào nhị biên vì không thể biết. Đây gọi là pháp như thật. Hai loại pháp này, thầy và các chúng Bồ-tát hãy khéo tu học.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta nói hai loại pháp
Lời dạy và như thật
Giảng dạy cho kẻ ngu
Cùng người tu thật chứng.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có lần Đấng Như Lai dạy rằng: "Luận về chú thuật Lô-ca-da-đà, chỉ có thể gặt hái được nhiều tài lợi trần tục chứ không có lợi lộc về pháp, không nên thân cận phụng sự và cúng dường." Bạch Thế Tôn! Vì sao đấng Như Lai lại dạy như thế?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Vì tất cả những luận của Lô-ca-da-đà chỉ là những câu trang sức văn vẻ, mê hoặc người ngu. Những ngôn từ dối trá thuận theo trần tục và những lời dạy đó hoàn toàn không phù hợp với sự thật, không đúng với nghĩa lý, không chứng nhập nơi cảnh giới chân thật, không tỏ ngộ tất cả các pháp, thường rơi vào nhị biên, tự đánh mất con đường chân chánh, cũng làm cho người khác lạc lối, bị luân hồi trong các nẻo, vĩnh viễn không thoát ra được. Vì sao? Vì họ không hiểu rằng các pháp không có gì ngoài cái nhìn thấy tự tâm. Họ bị chấp chặt vào ngoại cảnh, tăng thêm ý niệm phân biệt. Thế nên ta bảo văn từ của luận thế gian, tuy là hay đẹp nhưng chỉ để mê hoặc người ngu và không thể làm cho thoát khỏi tai họa như sinh, già, bệnh, chết, lo buồn…

Này Đại Tuệ! Thích Đề-hoàn Nhân là người hiểu rộng các luận thuyết, chính ông là tác giả của các luận thuyết. Nhà luận thuyết này có một đệ tử, hiện thân là rồng, đến cung Đế Thích và đưa ra luận thuyết với lời cam kết rằng: "Này Kiều-thi-ca! Ta cùng ngươi tranh luận, nếu ngươi không bằng ta, ta sẽ đập vỡ chiếc xe có ngàn nan của ngươi. Và nếu ta không bằng ngươi, thì tất cả đầu rồng của chúng ta sẽ bị chặt từng đoạn, để

tạ lỗi sự thua ấy.”

Nói xong, người đệ tử ấy đưa ra vấn đề tranh luận và đã đánh bại được Đế Thích. Do đó, chiếc xe có ngàn nan bị đập vỡ. Thế rồi người đệ tử ấy trở lại cõi này.

Này Đại Tuệ! Ngôn luận của thế gian trang bị rất nhiều lý luận và dẫn dụ, cho đến có thể hóa hiện hình rồng, rồi dùng những văn từ hay đẹp để mê hoặc chư Thiên và A-tu-la, làm cho họ chấp chặt vào ý niệm sinh diệt, các sự thấy mà thư chú cho người.

Thế nên, này Đại Tuệ! Không nên thân cận, phụng sự và cúng dường Lô-ca-da-đà, vì họ đã tạo tác nguyên nhân làm cho khổ đau sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Thế luận chỉ nói về cảnh giới do thân thể biết được.

Này Đại Tuệ! Thế luận kia có trăm ngàn câu chữ, ở trong những đời sau có những dự kiến chống đối nhau, chúng ta phân tán, chia chẻ thành nhiều bộ phái và mỗi nhóm mắc vào lập luận, cho mình là đúng.

Này Đại Tuệ! Đây chẳng phải là hàng ngoại đạo khác có thể lập giáo pháp, chỉ có Lô-ca-da-đà dùng trăm ngàn câu cú để giảng rộng, bằng vô lượng nguyên nhân và hình thức khác nhau, hoàn toàn không phù hợp với chân lý, mà họ cũng không tự nhận ra rằng: Đó là những luận thuyết mê hoặc thế gian.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu luận của Lô-ca-da-đà tạo ra với những từ ngữ, câu cú, thí dụ hay đẹp, nhưng lại là những chấp chặt theo chủ trương của mình, không đúng với pháp như thật, đó là của ngoại đạo. Và Thế Tôn cũng giảng thuyết việc của thế gian, nghĩa là Thế Tôn cũng giảng thuyết nhiều về Thế luận, bằng những ngôn ngữ văn tự khác nhau cho các hội chúng trời, người ở khắp cõi nước mười phương vân tập về, chẳng phải là pháp do Thế Tôn chứng đắc bằng trí tuệ của bậc Thánh. Như vậy Thế Tôn cũng đồng với ngoại đạo thuyết giáo hay sao?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta không thuyết giảng thuyết Thế luận, cũng không giảng cái đến và đi, nhưng ta thuyết giảng các pháp không đến không đi.

Này Đại Tuệ! Đến, nghĩa là sinh khởi và tích tập. Đi, nghĩa là hoại diệt. Cái gì không đến không đi thì gọi là không sinh không diệt.

Này Đại Tuệ! Lời ta thuyết giảng không giống như ngoại đạo để rơi vào trong sự phân biệt. Vì sao? Ngoài cái có không của các pháp thì không có sự chấp trước. Thấy rõ tất cả chỉ có tự tâm, nên không thấy có hai thủ,

không thấy cảnh tướng của hình sắc, không sinh phân biệt, nên họ được nhập vào ba môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Này Đại Tuệ! Ta nhớ khi ta đang ở tại một nơi nào đó, có một Thế luận Bà-la-môn đến chỗ ta và hỏi thẳng ta rằng:

–Thưa Cồ-đàm! Có phải tất cả đều do hành động, phải không?

Khi ấy ta đáp:

–Này Bà-la-môn! Nếu tất cả đều do hành động thì đó là chủ trương đầu tiên của Thế luận.

Ông ta lại hỏi:

–Vậy thì có phải tất cả đều chẳng phải là hành động, phải không?

Ta đáp:

–Tất cả đều không phải hành động thì đó là chủ trương thứ hai của Thế luận.

Người Bà-la-môn lại hỏi:

–Tất cả là thường chăng? Tất cả là vô thường chăng? Tất cả là sinh chăng? Tất cả là không sinh chăng?

Ta đáp:

–Này Bà-la-môn! Đây là chủ trương thứ sáu của Thế luận.

–Thưa Cồ-đàm! Có phải tất cả là một? Có phải tất cả là khác? Có phải tất cả là kết hợp, tất cả là không kết hợp? Có phải tất cả đều do nhiều nhân duyên mà thọ sinh?

–Này Bà-la-môn! Đây là chủ trương thứ mười một của Thế luận.

Người kia lại hỏi:

–Có phải tất cả đều hữu ký? Có phải tất đều vô ký? Có ngã không? Hay vô ngã? Có thế giới này không? Không có thế giới này ư? Có thế giới khác hay không có thế giới khác? Có giải thoát hay không có giải thoát? Có sát-na hay không phải là sát-na? Có hư không, Niết-bàn và phi trạch diệt là do tạo tác hay không tạo tác? Có trung hữu hay không trung hữu?

–Này Bà-la-môn! Đây là Thế luận, hoàn toàn không phải là luận thuyết của ta.

Này Bà-la-môn! Ta thuyết giảng rằng: Nhân nơi hý luận sai lầm từ vô thủy và các tập khí xấu mà sinh ra ba cõi. Vì không nhận biết rõ rằng tất cả đều chính tự tâm mà chấp chặt vào các pháp bên ngoài đều không thật có. Theo hàng ngoại đạo nói thì ngã, căn và cảnh hòa hợp mà sinh ra. Cái biết ta không nói như vậy, ta không nói về nhân, cũng không nói về vô

nhân. Chỉ duyên vào vọng tâm mà có năng thủ và sở thủ, nên nói duyên khởi. Không phải Bà-la-môn và những người chấp ngã khác có thể lường được.

Này Đại Tuệ! Hư không, Niết-bàn và phi trạch diệt chỉ có ý nghĩa về ba số đếm, nó vốn không có thể tánh. Do đó, không cần phải nói là chúng có được tạo ra hay không.

Này Đại Tuệ! Khi ấy, Thế luận Bà-la-môn lại hỏi ta rằng:

–Có phải do vô minh, ái, nghiệp làm nhân và duyên nên có ba cõi không? Hay là không nhân duyên?

–Này Bà-la-môn! Hai câu hỏi này cũng thuộc về Thế luận.

–Thưa Cồ-đàm! Có phải tất cả các pháp đều nhập vào tướng riêng và tướng chung chăng?

–Điều này cũng thuộc về Thế luận. Này Bà-la-môn! Khi nào còn có một chút tâm thức dao động, phân biệt ngoại cảnh thì đều là Thế luận.

Này Đại Tuệ! Khi ấy, người Bà-la-môn lại hỏi ta rằng:

–Thưa Cồ-đàm! Có triết thuyết nào không thuộc về Thế luận không? Bao nhiêu ngôn từ, luận thuyết mà tất cả triết gia nói bằng nhiều từ và cụm từ khác nhau, bằng những ví dụ và kết luận hay đẹp, chẳng phải đều được rút ra từ trong Luận pháp của tôi đó sao?

–Này Bà-la-môn! Có cái gì đó không phải là Luận pháp của ngươi, mặc dù nó không vượt khỏi điều người ta chấp nhận. Và nó không được thuyết giảng bằng những văn chương, câu cú phù hợp hay không phù hợp với nghĩa lý. Có triết lý nào trong cuộc đời này mà không phù hợp với Thế luận chăng?

–Có, nhưng nó không thuộc về sự hiểu biết của ngươi và tất cả hàng ngoại đạo. Vì sao? Vì chấp chặt vào những phân biệt sai lầm của ngoại pháp. Nếu có thể hiểu rõ được mọi hiện tượng trong cuộc đời này đều là biểu hiện của tự tâm thì không sinh phân biệt và không chấp giữ thế giới bên ngoài, ở ngay chỗ mình là không phát sinh sự việc. Không phát sinh việc gì? Là không phát sinh phân biệt. Đây là giáo pháp của ta, ngươi không thể có được.

Này Bà-la-môn! Tóm lại, tùy theo chỗ nào đó mà trong tâm thức có sự đến và đi, do biến đổi của sinh tử, hoặc tìm cầu yêu thương, hoặc cảm nhận, hoặc thấy, hoặc tiếp xúc, hoặc trú ngụ, nhận lấy các tướng, một sự hòa hợp và tương tục. Đối với ái, đối với nhân mà sinh chấp trước đều là thế luận của ngươi, không phải là giáo pháp của ta.

Này Đại Tuệ! Thế luận Bà-la-môn đã hỏi những điều như vậy và được ta trả lời. Ông ấy không hỏi Ta về thật pháp của ta, mà chỉ im lặng bỏ đi. Người Bà-la-môn thầm nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm thật đáng tôn trọng, vì ông ta bảo tất cả các pháp không sinh khởi, không tướng, không nhân, không duyên. Chúng được trông thấy bởi sự phân biệt của tự tâm và hiểu rõ rằng sự phân biệt này không sinh khởi."

Này Đại Tuệ! Nay ông cũng hỏi ta về nghĩa này. Vì sao thân cận các Thế luận mà chỉ đạt được lợi trần tục, chứ không được lợi giáo pháp?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Đức Thế Tôn dạy những ý nghĩa về tài và pháp là gì?

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Ông đã nghĩ sâu xa về hai ý nghĩa này, vì chúng sinh trong tương lai, vậy thì hãy lắng nghe cho kỹ.

Này Đại Tuệ! Gọi "tài" nghĩa là đối tượng người ta có thể sờ chạm, cảm nhận, nắm lấy hay nếm được, làm cho người ta ràng buộc vào thế giới bên ngoài, bị rơi vào nhị biên. Từ đó, tăng thêm tham ái, sinh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Ta và chư Phật gọi đó là hỷ lạc thế tục. Đó là đạt được sự thân cận của Thế luận.

Thế nào là pháp lợi? Nghĩa là hiểu rõ các pháp chính tại nơi tâm, thấy hai vô ngã nên không thủ nơi tướng, không có phân biệt, biết rõ các Địa thì lìa khỏi tâm, ý, thức. Họ được tất cả chư Phật cùng làm pháp quán đảnh, nên nhận giữ và thực hành đầy đủ mười nguyện vô tận, được tự tại đối với tất cả các pháp. Đây gọi là pháp lợi. Con người nhờ vào pháp này mà thoát khỏi tất cả các kiến giải suy luận điên đảo, những phân biệt và khái niệm nhị biên về thường - đoạn.

Này Đại Tuệ! Thế luận của ngoại đạo dẫn dắt người ngu si rơi vào nhị biên, tức là vĩnh cửu và đoạn diệt, chấp nhận học thuyết phi nhân duyên, nên sinh khởi thường kiến. Do nhân hoại diệt nên sinh khởi đoạn kiến. Ta giảng không chấp vào sinh, trụ, diệt, được gọi là pháp lạc. Đây là hai tướng sai biệt của tài và pháp. Ông và các Bồ-tát hãy nỗ lực quán sát.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Nhiếp phục các chúng sinh
Bằng giới ngăn mọi ác
Trí tuệ diệt tà kiến
Tăng trưởng được giải thoát
Sai lầm ngoại đạo nói
Đều là Luận thế tục

Chấp vào sự tạo tác
Không thể tự đứng vững
Chỉ theo chủ trương ta
Không chấp vào năng, sở
Dạy cho các đệ tử
Thoát ngoài nơi Thế luận
Pháp năng thủ, sở thủ
Ngoài tâm không hề có
Nhị biên do tâm hiện
Không dính dáng đoạn, thường
Hễ tâm còn lưu chuyển
Thì đó là Thế luận
Người thấy được tự tâm
Sự phân biệt không khởi
Nó "đến", thấy sự sinh
Nó "đi" thì sự mất
Hiểu rõ "đến" và "đi"
Sự phân biệt chấm dứt
Thường hằng và vô thường
Tạo tác, không tạo tác
Thế giới đây và kia
Ý này của Thế luận.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói đến Niết-bàn, nhưng pháp gì gọi là Niết-bàn? Niết-bàn mà tất cả ngoại đạo phân biệt là Niết-bàn nào?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Niết-bàn mà các ngoại đạo phân biệt đều không có tướng tùy thuận Niết-bàn. Ông hãy lắng nghe cho kỹ lời ta dạy.

Này Đại Tuệ! Có những nhà ngoại đạo cho rằng: Niết-bàn phải được tìm thấy nơi các pháp vô thường, không tham đắm cảnh giới, chấm dứt các uẩn, các xứ và các giới, tâm và tâm sở không còn hiện hữu, hoặc Niết-bàn phải được tìm thấy ở nơi nào không còn suy tưởng về quá khứ, tương lai hay hiện tại, giống như ngọn đèn bị tắt, như hạt mầm bị hư, như ngọn lửa không còn, vì lúc ấy những chấp giữ không khởi, phân biệt không sinh, thì tư tưởng Niết-bàn sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Không phải do kiến hoặc đoạn diệt có thể gọi là Niết-bàn, hoặc đi đến phương khác mà được gọi là Niết-bàn.

Các nhà ngoại đạo nghĩ rằng Niết-bàn như rời xa đến một thế giới khác, hay giống như khi một ngọn gió ngừng thổi. Hoặc giải thoát khỏi kiến giải về năng giác và sở giác thì gọi là Niết-bàn. Hoặc không khởi tâm phân biệt thường và vô thường gọi là được Niết-bàn.

Hoặc có những người cho rằng: Phân biệt các hình tướng khác nhau sẽ sinh ra khổ đau, vì họ không hiểu rằng tất cả đều hiện nơi tâm. Vì không hiểu biết như vậy nên họ sinh ra sợ hãi đối với sắc tướng mà tìm cầu nơi vô sắc tướng và đắm say yêu thích, chấp đó là Niết-bàn.

Có một số người quan niệm Niết-bàn là biết rõ tướng chung, tướng riêng của các pháp bên trong, bên ngoài và duy trì tính chất của chúng trong quá khứ, tương lai, hiện tại không bao giờ đoạn tận.

Hoặc có người chấp rằng: Niết-bàn là ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng và tất cả các pháp tồn tại bất diệt.

Có những nhà ngoại đạo thiếu trí tuệ, nhận định Niết-bàn là thế này: Có tự tánh và dùng khả năng của con người làm ra tất cả các pháp.

Có nhà ngoại đạo quan niệm Niết-bàn chính là sự dập tắt phước và phi phước.

Hoặc chấp rằng: Các phiền não được đoạn tận không phải do trí tuệ. Hoặc chấp Niết-bàn là do kết quả của Tự tại thiên sáng tạo.

Có những ngoại đạo lại bảo rằng: Chúng sinh lần lượt tương tác sinh ra, lấy đó làm nguyên nhân và không có nguyên nhân nào khác hơn nguyên nhân này.

Đó là những người không có trí tuệ nên thiếu sự hiểu biết và do vì không hiểu nên họ cho rằng chính đây là Niết-bàn.

Có những người quan niệm rằng: Niết-bàn là sự đạt được con đường chân thật và phân biệt được hư vọng.

Một số người cho rằng: Niết-bàn là năng lực và người có năng lực hòa hợp một tánh khác tánh, là câu hữu, không câu hữu.

Một số người cho rằng: Niết-bàn là các vật sinh ra từ sự tự nhiên, như những hoa văn lốm đốm của lông con công, sự sắc nhọn của cây kim, mũi gai, hay nơi sinh ra các báu vật. Tất cả những sự việc như vậy do ai sáng tạo? Thế nên họ chấp vào sự tự nhiên và cho là Niết-bàn.

Có một số nhà ngoại đạo cho rằng: Niết-bàn là sự nhận biết hai mươi lăm đế.

Hoặc có thuyết cho rằng: Niết-bàn là những người tiếp nhận sáu phần bảo vệ chúng sinh.

Hoặc có thuyết cho rằng: Thời gian là kẻ sáng tạo ra thế gian, tùy thuộc vào thời gian, tức là Niết-bàn.

Hoặc họ chấp có vật là Niết-bàn, hay chấp không vật là Niết-bàn, hoặc chấp có vật, không vật là Niết-bàn, hoặc chấp các vật cùng Niết-bàn là không khác, nên tưởng là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Có những người ngoại đạo khác nói một cách khác nữa…

Bằng Nhất thiết trí, bậc Đạo sư rống tiếng rống của Sư tử chúa, biết rõ rằng: Tất cả đều do tâm hiện ra, không chấp thủ cảnh giới bên ngoài, xa lìa Tứ cú, trú nơi thật tánh đúng như thật, không rơi vào nhị biên và xa lìa năng thủ, sở thủ. Không rơi vào các lượng, không chấp vào sự chân thật, trụ nơi pháp mà bậc Thánh trí chứng đắc, ngộ hai vô ngã, xa lìa hai phiền não, hai thứ chướng ngại được tẩy sạch, lần lượt tu trải qua các Địa và chứng nhập nơi Phật địa, đạt các đại Tam-muội Như huyễn, vĩnh viễn vượt khỏi tâm ý, cho đến ý thức. Đây mới chính được gọi Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Những cố chấp sai lầm của hàng ngoại đạo kia không phù hợp với chân lý và không được người trí chấp nhận. Họ suy tưởng Niết-bàn theo nhị biên, ở đây không có gì sinh ra và không có gì mất đi cả. Các nhà ngoại đạo đều dựa vào tông phái của mình nên sinh ra sự hiểu biết sai lầm của mình trái với chân lý, hoàn toàn không đạt đến kết quả, chỉ làm cho tâm ý lăng xăng, giong ruổi khắp nơi vì không tìm ra đâu là Niết-bàn. Ông và các Bồ-tát hãy nên xa lìa sự suy tưởng ấy.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

Ngoại đạo thấy Niết-bàn
Phân biệt nhiều cách khác
Đó chỉ là vọng tưởng
Không phương tiện giải thoát
Thoát khỏi mọi phương tiện
Không đạt đến giải thoát
Mà tưởng là giải thoát
Thật ra không giải thoát
Thành lập của ngoại đạo
Bởi trí tuệ chấp sai
Họ không được giải thoát
Lầm ngu si phân biệt
Những ngoại đạo si mê
Thấy sai làm sự làm

Đắm trước luận hữu vô
Thế nên không giải thoát
Phàm ngu ưa phân biệt
Không nên tuệ chân thật
Cho rằng gốc ba cõi
Chân thật nhân diệt khổ
Ví như ảnh trong gương
Tuy hiện nhưng không thật
Tâm trong gương tập khí
Phàm ngu thấy có hai
Không hiểu do tâm hiện
Nên khởi hai phân biệt
Nếu biết chỉ tại tâm
Thì phân biệt không còn
Tâm tức là đa dạng
Lìa tướng thấy, bị thấy
Như người ngu phân biệt
Tuy thấy như không thấy
Ba cõi chỉ phân biệt
Ngoại cảnh đều không có
Chúng hiện do vọng tưởng
Phàm ngu không hiểu vậy
Phân biệt trong các kinh
Thật chỉ khác danh từ
Nếu tách rời ngôn ngữ
Nghĩa ấy đạt được chi?

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 5

Phẩm 3: VÔ THƯỜNG (Phần 2)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin hãy nói cho con về tự tánh giác ngộ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nhờ đó, con và các Bồ-tát được giác ngộ thiện xảo và làm cho người khác được giác ngộ.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ta sẽ trả lời theo lời ông muốn hỏi.

Đại Tuệ thưa:

–Vâng, bạch Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác được xem là tạo thành hay không tạo thành? Là kết quả, là nguyên nhân, là biểu hiện hay sự biểu hiện? Là được nói, hay nói cái biết, hay cái được biết? Như vậy, những cụm từ này là khác, hay không khác?

Đức Phật bảo:

–Này Đại Tuệ! Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác không phải được tạo thành, cũng không phải không được tạo thành, không phải là nguyên nhân, không phải là kết quả, không phải là biểu hiện, không phải là sự được biểu hiện, không phải là nói hay được nói, không phải là cái biết, không phải là cái được biết. Vì sao? Vì tất cả đều phạm vào sai lầm.

Này Đại Tuệ! Nếu Như Lai được tạo thành thì Như Lai là vô thường. Nếu Như Lai là vô thường thì tất cả những gì được tạo thành cũng là một Như Lai. Ta và các Đức Phật hoàn toàn không chấp nhận như vậy. Nếu Như Lai là không được tạo thành thì không có thể tánh và phương tiện tu tập để đạt chứng ngộ, hoàn toàn vô ích, giống như sừng thỏ hay đứa con của người Thạch nữ. Vì chúng không phải là nguyên nhân tạo thành. Cái gì không phải nguyên nhân, không phải kết quả thì không phải là hữu hay vô. Nếu không phải là hữu hay vô thì vượt ngoài Tứ cú. Gọi Tứ cú nghĩa là tùy thuận theo thế tục mà có ngôn thuyết. Nếu vượt ngoài Tứ cú thì chỉ có lời lẽ, giống như đứa con của người thạch nữ.

Này Đại Tuệ! Đứa con của người thạch nữ chỉ có ngôn từ suông và ở ngoài Tứ cú. Vì ở ngoài Tứ cú cho nên không thể đo lường được. Những người trí cần phải biết tất cả cú nghĩa chỉ về Như Lai như vậy.

Này Đại Tuệ! Như ta đã nói, tất cả các pháp đều vô ngã, vì trong các pháp không có tự tánh nên ta bảo là vô ngã. Đặc tính của những pháp này không thuộc về những pháp khác. Nên biết, cú nghĩa của Như Lai cũng như vậy.

Này Đại Tuệ! Ví như bản chất của một con bò thì không như con ngựa và bản chất của một con ngựa thì không như con bò. Tất cả các pháp cũng như vậy, không phải hữu, cũng không phải vô, mỗi thứ đều có đặc tính riêng của nó. Đây là điều những kẻ phàm ngu không thể hiểu được. Vì sao mà họ không hiểu? Bởi vì họ phân biệt. Cần phải hiểu rằng: Tất cả các pháp là trống không, không được sinh ra và không có tự tánh. Tất cả đều như vậy.

Này Đại Tuệ! Như Lai và các uẩn không phải không khác, cũng không phải khác. Nếu Như Lai là không khác thì Như Lai là vô thường, vì năm uẩn và các pháp là những gì được tạo thành. Nếu Như Lai là khác thì cả hai bên là hai thực thể riêng biệt nhau. Giống như hai cái sừng của con bò, có khác nhưng không khác, tương tự nhau là không khác, dài ngắn khác nên khác. Như cái sừng bên phải của con bò khác với cái sừng bên trái của nó, dài ngắn không đồng, màu sắc cũng khác, nhưng cũng không khác nhau. Đối với các uẩn, các giới và các xứ… tất cả pháp cũng như vậy.

Này Đại Tuệ! Như Lai có thể được diễn tả bằng từ giải thoát. Như Lai là khác với giải thoát hay không khác với giải thoát? Nếu Như Lai mà khác với giải thoát thì Như Lai cùng sắc tướng tương ưng. Nếu Như Lai cùng sắc tướng tương ưng là vô thường. Nếu Như Lai là không khác thì cái thấy của người tu hành phải không khác biệt. Nhưng có sự khác biệt, nên chẳng phải không khác. Như vậy, trí tuệ cùng với sự biết chẳng phải khác, cũng chẳng phải không khác. Nếu chẳng phải là khác, chẳng phải là không khác thì không phải là thường hằng hay không thường hằng; không phải là tạo tác hay không tạo tác; không phải là làm, không phải là không làm; không phải là biết, không phải là cái được biết; không phải tướng, cũng không phải thuộc tướng; không phải uẩn, không phải khác với uẩn; không phải nói, cũng không phải bị nói; không phải một, cũng không phải khác; không phải liên kết, không phải không liên kết… Do nghĩa này, nên nó vượt khỏi tất cả các lượng, vì vượt qua tất cả các lượng nên chỉ có ngôn từ. Vì chỉ có ngôn từ nên không được sinh ra. Cái gì không được sinh ra, thì

không bị đoạn diệt. Những gì không bị đoạn diệt thì giống như hư không.

Này Đại Tuệ! Hư không không phải là tạo tác hay sự tạo tác. Vì chẳng phải tạo tác, chẳng phải sự tạo tác nên xa lìa sự lệ thuộc. Vì xa lìa sự lệ thuộc nên vượt qua tất cả các pháp hý luận. Vượt khỏi tất cả các pháp hý luận đó là Như Lai. Như Lai là thể của Chánh đẳng giác. Chánh đẳng giác là vĩnh viễn xa lìa cảnh giới các căn.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Vượt các lượng về căn
Không nguyên nhân, kết quả
Tướng nêu và được nêu
Đều vượt khỏi tất cả.
Uẩn, duyên cùng chánh giác
Một, khác không thể thấy
Đã không có người thấy
Làm sao sinh phân biệt?
Không tạo, không phải tạo
Không nhận, không phải nhận
Không uẩn, không phải uẩn
Mà chẳng phải vật khác.
Không có một pháp thể
Như họ phân biệt thấy
Cũng chẳng phải là không
Tánh các pháp như vậy.
Đối hữu nên thành vô
Đối vô nên thành hữu
Không thể giữ được vô
Cũng không nên nói hữu.
Không hiểu ngã, vô ngã
Chấp chặt nơi ngôn từ
Đắm chìm nơi nhị biên
Tự hoại, hoại cuộc đời.
Nếu ai thấy pháp này
Lìa xa mọi lầm lỗi
Cái nhìn này chân chính
Không hủy hoại Đạo sư.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như trong kinh Phật dạy: "Nếu tất cả là không sinh

không diệt, vì không có sự phân biệt hay nắm bắt", điều này phải chăng là một tên gọi khác của Như Lai?

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con sự không sinh không diệt này có phải là một pháp không thật không? Và có phải là một tên gọi khác của Như Lai mà Thế Tôn nói không? Thế Tôn dạy: Tất cả pháp không sinh không diệt, vì biết rằng chúng không bị rơi vào chấp có và không.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp là không sinh thì không ai có thể nắm bắt, vì không có pháp nhỏ gì, vậy ai là Như Lai? Cúi xin Thế Tôn giảng giải cho con.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe ta dạy. Như Lai không phải là một pháp không, cũng chẳng thuộc về không sinh không diệt, không thể nắm bắt được, cũng không chờ nhân duyên, chẳng phải vô nghĩa. Ta nói Như Lai tức là Vô sinh. Như Lai cũng có một tên khác, là Pháp thân Ý sinh. Tất cả hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát còn ở Địa thứ bảy không hiểu được nghĩa này.

Này Đại Tuệ! Ví như địa vị Đế Thích hay hư không, cho đến tay, chân, tùy mỗi một vật mà có nhiều tên gọi khác nhau. Không phải do có nhiều tên gọi khác nhau mà có nhiều thân thể, cũng không phải không có thân thể.

Này Đại Tuệ! Ta cũng như vậy, nơi thế giới Ta-bà này có đến trăm ngàn lần ba a-tăng-kỳ tên gọi. Những kẻ phàm ngu tuy nghe, tuy gọi mà không biết rằng tất cả đó là tên gọi khác nhau của Như Lai. Trong đó có một số người biết ta là Như Lai, một số người biết ta là Đấng Tự Tại, là Bậc Vô Sư, là Bậc Đạo Sư, là Thắng Đạo, là Phổ Đạo, là Phật, là Ngưu Vương, là Phạm Vương, là Tỳ-nữu, là Tự Tại, là Thắng Giả, là Ca-tỳ-la, là Chân Thật Biên, là Vô Tận, là Thụy Tướng, là Như Phong, là Như Hỏa, là Câu-tỳ-la, là Mặt Trăng, là Mặt Trời, là Đại Vương, là Tiên, là Miệt-ca, là Nhân-đà-la, là Sao Sáng, là Đại Lực, là Như Thủy, là Đấng Không Hoại Diệt, là Đấng Không Sinh, là Tánh Không, là Chân Như, là Chân Lý, là Thật Tánh, là Thật Tế, là Pháp Giới, là Niết-bàn, là Thường Trú, là Bình Đẳng, là Bất Nhị, là Vô Tướng, là Tịch Diệt, là Đầy Đủ Tướng, là Nhân Duyên, là Phật Tánh, là Giáo Đạo, là Giải Thoát, là Đạo Lộ, là Bậc Nhất Thiết Trí, là Bậc Tối Thắng, là Ý Thành Thân….

Ta có đủ một trăm ngàn lần ba a-tăng-kỳ tên gọi không hơn không kém như vậy. Trong cõi này và trong các cõi khác, ta được mọi người biết như mặt trăng trong nước, không vào không ra. Chỉ có những người ngu si

rơi vào nhị biên nên không hiểu được điều ấy. Mặc dầu vẫn cung kính, phụng sự, cúng dường ta, nhưng họ không hiểu đúng nghĩa của các danh từ, cú nghĩa. Họ chấp chặt vào ngôn từ, kinh điển, không hiểu đâu là chân lý, cho rằng không bị sinh diệt là một thể tánh không thật. Và họ không biết là tên gọi khác nhau của Phật như Nhân-đà-la, Thích-yết-la… Vì tin vào kinh điển mà không hiểu chân lý, do đó đối với tất cả các pháp họ vin vào ngôn từ để giữ lấy nghĩa. Những người ngu này tuyên bố rằng: Từ ngữ thế nào thì nghĩa như thế đó, vì nghĩa không khác với từ ngữ. Vì sao? Vì nghĩa không có thể riêng của nó. Những người này không hiểu tự tánh của ngôn ngữ và cho rằng ngôn ngữ tức là nghĩa, chứ không có nghĩa khác.

Này Đại Tuệ! Những người ngu si kia không biết rằng ngôn ngữ thì phải bị sinh và diệt, chứ nghĩa thì không bị sinh diệt.

Này Đại Tuệ! Tất cả ngôn ngữ bị tùy thuộc vào văn tự, chứ nghĩa thì không tùy thuộc vào văn tự. Vì nghĩa tách rời khỏi hữu và vô, nên nó không sinh, không có bản thể.

Này Đại Tuệ! Như Lai không dạy những pháp nào tùy thuộc vào văn tự, vì văn tự thì sự hữu và vô của nó không thể nắm bắt được, ngoại trừ không bị lệ thuộc vào văn tự.

Này Đại Tuệ! Nếu người nào thuyết tháp mà lệ thuộc vào văn tự thì đó là những người nói hư vọng. Vì sao? Vì tự tánh các pháp vượt ra ngoài văn tự. Thế nên, này Đại Tuệ! Ta cùng chư Phật và các vị Bồ-tát thuyết giảng trong kinh rằng: "Như Lai không giảng nói hay trả lời một chữ nào." Vì sao? Vì tất cả các pháp vượt ra ngoài văn tự, cho nên không phải Như Lai không dạy những gì phù hợp với ý nghĩa, mà giảng nói theo sự phân biệt.

Này Đại Tuệ! Nếu không được thuyết giảng thì giáo pháp sẽ bị đoạn tuyệt. Giáo pháp bị đoạn tuyệt thì không còn Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật. Và tất cả đều không có, thì không có ai giảng dạy và giảng dạy cho ai?

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát không nên lệ thuộc vào văn tự, mà tùy nghi thuyết pháp. Ta và các Đức Phật đều tùy theo phiền não và sự ưa thích của chúng sinh là phần nhiều là không giống nhau. Vì thế để chỉ bày, giảng nói cho họ và làm cho họ hiểu các pháp không ngoài cảnh giới được thấy tự tâm, chứ không phải ngoại cảnh từ bỏ hai sự phân biệt để hoán chuyển tâm ý, thức, chứ không phải để thành lập sự tự chứng phát sinh từ Thánh trí.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát cần phải phù hợp với nghĩa, chớ nên

dựa vào văn tự, vì dựa vào văn tự sẽ bị rơi vào tà kiến, chấp chặt vào chủ thuyết của mình mà phát khởi ra ngôn từ. Họ không hiểu về những pháp tướng, văn chương hay câu cú. Chính họ đã bị tổn hại và còn làm tổn hại cho người khác nữa. Họ không làm cho tâm người khác được tỏ ngộ. Nếu họ hiểu rõ về chữ nghĩa, câu cú và thông suốt tất cả pháp tướng của tất cả các pháp thì họ sẽ làm cho tự thân được hưởng thọ sự an lạc vô tướng và cũng làm cho những người khác được an trú trong Đại thừa. Nếu làm cho người khác được an trú trong Đại thừa, thì họ sẽ được sự bảo hộ của tất cả chư Phật, Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát. Nếu được chư Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát bảo hộ, họ sẽ bảo hộ tất cả chúng sinh. Nếu họ bảo hộ được tất cả chúng sinh thì họ sẽ bảo hộ tất cả chánh pháp. Chánh pháp được bảo hộ thì hạt giống Phật không bị đoạn tuyệt. Khi hạt giống Phật không bị đoạn tuyệt thì sẽ đạt đến nơi thắng diệu.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát sinh vào nơi thắng diệu vì muốn làm cho chúng sinh an trú nơi Đại thừa. Họ dùng mười Lực tự tại hiện nhiều hình tướng khác nhau và tùy theo căn cơ chúng sinh mà thuyết giảng pháp chân thật. Pháp chân thật nghĩa là không sai không khác, không đến không đi, nó chấm dứt mọi hý luận.

Vì thế, này Đại Tuệ! Các thiện nam, thiện nữ không nên theo lời nói mà bị chấp trước vào ý nghĩa. Vì sao? Vì pháp chân thật xa lìa văn tự.

Này Đại Tuệ! Ví như có người dùng ngón tay chỉ một vật gì đó, đứa bé lại thấy ngón tay chỉ, chứ không thấy vật được chỉ. Người ngu cũng như vậy, họ vin vào ngón tay lời nói mà sinh chấp chặt, thậm chí cho đến lúc chết cũng không bỏ được ngón tay từ ngữ để nắm lấy chân lý tối hậu.

Này Đại Tuệ! Ví như em bé thì phải ăn thức ăn chín nhừ. Có người không biết cách làm cho thức ăn chín nhừ và cho em bé ăn thức ăn sống, làm cho em bé bị rối loạn. Pháp bất sinh bất diệt cũng vậy, nếu người không biết cách tu tập thì đó là pháp bất thiện. Vì thế, các ông hãy khéo phương tiện tu tập, không nên vin vào ngôn từ, như kẻ chấp vào ngón tay.

Này Đại Tuệ! Ý nghĩa chân thật vi diệu vắng lặng đó là nguyên nhân của Niết-bàn. Còn các từ ngữ thì đi đôi cùng vọng tưởng, hợp theo dòng luân chuyển sinh tử.

Này Đại Tuệ! Nghĩa chân thật đạt được từ nơi học nhiều. Và sự học nhiều này nghĩa là khéo hiểu nơi nghĩa, chứ không phải giỏi nơi ngôn từ. Khéo hiểu ý nghĩa thì hoàn toàn không liên hệ gì đến những kiến giải sai lầm của ngoại đạo. Tự thân không bị đọa và cũng làm cho người khác không bị đọa. Đây mới được gọi là người học nhiều về nghĩa. Những ai

muốn cầu nghĩa, hãy nên thân cận, còn những kẻ bị ràng buộc vào ngôn từ thì hãy rời bỏ, lánh xa.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ nương vào oai lực của Đức Phật, lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không có gì khác biệt trong giáo pháp Như Lai về sự bất sinh bất diệt cả. Vì sao? Vì tất cả hàng ngoại đạo cũng tuyên bố nguyên nhân của họ là bất sinh bất diệt; và Thế Tôn cũng tuyên bố hư không, Niết-bàn và phi trạch diệt là bất sinh bất diệt. Các nhà ngoại đạo tuyên bố rằng: thế gian sinh khởi từ nhân duyên tạo tác; Thế Tôn cũng tuyên bố rằng: Thế gian sinh khởi từ vô minh, ái, nghiệp. Cả hai đều nói đến nhân duyên và chỉ khác nhau về tên gọi mà thôi. Nhân duyên và ngoại vật cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn! Như vậy không có gì khác nhau giữa giáo pháp Phật cùng giáo pháp của ngoại đạo. Ngoại đạo cho rằng: Vi trần, thắng diệu, tự tại, sinh chủ… chín vật ấy là bất sinh bất diệt; Thế Tôn cũng nói: Tất cả các pháp bất sinh bất diệt, vì hữu và vô của chúng đều không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Các đại chủng thì không hoại diệt, vì tự tướng của chúng là bất sinh bất diệt, lưu chuyển vòng quanh trong các nẻo, nên tự tánh ấy không bỏ. Tuy sự phân biệt của Thế Tôn và các nhà ngoại đạo có khác nhau chút ít, nhưng tất cả đều không khác các nhà ngoại đạo đã nói. Vì thế, giáo pháp của Phật và các ngoại đạo giống nhau. Nếu có điều gì không giống nhau, xin Thế Tôn giảng giải cho con. Những điều gì Phật dạy là tối thắng. Nếu không có gì đặc biệt trong giáo pháp của Phật đối với ngoại đạo thì đó tức là Phật tánh trong các ngoại đạo. Vì trong hai giáo pháp ấy cũng nói về bất sinh bất diệt. Thế Tôn đã tuyên bố rằng: "Không có nhiều Phật trong cùng một thế giới." Nhưng, vừa rồi Thế Tôn dạy như vậy tức là có.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Trong giáo pháp của ta dạy về bất sinh bất diệt, không giống các nhà ngoại đạo cũng nói về bất sinh bất diệt; cũng như luận thuyết về bất sinh và vô thường của họ. Vì sao? Vì học thuyết của các nhà ngoại đạo về bất sinh bất diệt vốn đã có tướng thật tánh của nó. Giáo pháp của ta không rơi vào hữu và vô. Giáo pháp của ta vượt ra ngoài hữu và vô, vượt ra ngoài sinh và diệt.

Tại sao là phi vô? Vì tất cả những gì được trông thấy đều như sắc màu, như huyễn giả, như giấc mộng.

Tại sao là phi hữu? Vì tự tánh của sắc tướng hoàn toàn không thật có. Chúng được nhìn thấy hay không nhìn thấy, chúng có thể nắm bắt được và không thể nắm bắt được. Thế nên ta bảo: Tất cả các pháp là hiện hữu và phi hiện hữu.

Khi người ta hiểu rằng tất cả những gì được thấy do chính tự tâm thì phân biệt không còn sinh khởi và được an trú nơi tự tánh. Những gì được tạo tác nơi thế gian đều vĩnh viễn chấm dứt. Người ngu thì tạo tác và phân biệt, chứ bậc Hiền thánh thì không như vậy.

Này Đại Tuệ! Vọng tâm phân biệt là cảnh giới không thật, như thành Càn-thát-bà, như người tạo ra trò ảo thuật.

Này Đại Tuệ! Ví như đứa bé trông thấy thành Càn-thát-bà và do ảo thuật mà chúng thấy trong đó có người, có kẻ buôn bán đi ra đi vào… Tất cả đó chỉ do sự phân biệt của tâm mê mà cho rằng thật sự là có. Phàm ngu cũng nhận thức về sinh và bất sinh, hữu vi hay vô vi cũng đều như vậy. Như người được sinh ra bằng ảo thuật, thì khi mất đi cũng là trò ảo thuật. Thật sự đã là người do ảo thuật thì không sinh, không diệt. Các pháp cũng không liên hệ gì đến sinh diệt cả.

Này Đại Tuệ! Người ngu có những ý niệm sai lầm khi nhìn nhận về sự sinh diệt như vậy, còn các bậc Trí thì không. Ý niệm sai lầm nghĩa là cái nhìn điên đảo, cho rằng tất cả các pháp có tự tánh của chúng. Cái nhìn điên đảo nghĩa là chấp vào các pháp có tự tánh của chúng, chứ không thấy sự vắng lặng. Không nhận thấy sự vắng lặng nên không thể xa lìa sự phân biệt sai lầm.

Vì thế, này Đại Tuệ! Một trí tuệ thấy được vô tướng mới là cao siêu, chứ không phải là thấy được tướng. Vì tướng là nhân sinh ra, nếu vô tướng thì không có phân biệt. Bất sinh bất diệt đó là Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Niết-bàn nghĩa là nhìn thấu suốt chỗ như thật, hoàn toàn từ bỏ tâm phân biệt và những gì thuộc về tâm, đạt được tự chứng bằng Thánh trí, là trí của Như Lai. Ta gọi đó là Niết-bàn vắng lặng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Vì trừ chấp hữu sinh
Nên thành lập vô sinh
Ta thuyết phi nguyên nhân
Người ngu không hiểu được.
Vạn pháp đều không sinh
Không nghĩa là không pháp
Như thành Càn, huyễn mộng

Dầu có, không nguyên nhân.
Không, vô tánh, vô sinh
Cho con biết vì sao?
Rời các duyên hòa hợp
Không thấy bằng trí tuệ.
Do đó ta tuyên bố
Không, vô sinh, vô tánh
Mỗi mỗi duyên hòa hợp
Hiện hữu nhưng không có.
Phân tích không hòa hợp
Không như ngoại đạo thấy
Như mộng, như tóc rãi
Thành Càn và sóng nắng.
Dối hiện, không có nhân
Thế sự đều như vậy
Bẻ gãy thuyết hữu nhân
Nêu lên thuyết vô sinh.
Nghĩa vô sinh tồn tại
Pháp nhãn thường không diệt
Ta nói luận vô nhân
Ngoại đạo đều kinh sợ.
Vì sao? Nhân ở đâu?
Tại sao lại xuất hiện?
Quán sát pháp hữu vi
Chẳng nhân, chẳng vô nhân.
Ngoại đạo luận sinh diệt
Kiến giải bị loại trừ
Phi hữu nên bất sinh
Hay đợi có các duyên?
Là hữu, tên vô nghĩa
Xin Phật dạy cho con
Phi hữu không bất sinh
Cũng không chờ nhân duyên.
Không phải tên của hữu
Cũng không tên vô nghĩa
Tất cả hàng ngoại đạo
Thanh văn và Duyên giác.
Không thuộc hàng Thất địa

Đây là nghĩa bất sinh
Gạt bỏ các nhân duyên
Không năng tác, sở tác.
Chỉ kiến lập do tâm
Ta gọi đó vô sinh
Các pháp không nhân sinh
Phi vô và phi hữu.
Lìa phân biệt năng, sở
Ta gọi đó vô sinh
Tâm thoát khỏi đối tượng
Dứt bỏ hai tự tánh.
Như vậy chuyển sở y
Ta gọi đó vô sinh
Không vật hiện bên ngoài
Không có nắm chấp tâm.
Đoạn tất cả kiến hoặc
Đây là tướng vô sinh
Các từ "không", "vô tánh"
Nghĩa ấy đều như vậy.
Không, không phải rỗng không
Vô sinh nên gọi không
Nhân duyên cùng tụ hội
Cho nên có sinh diệt.
Nhân duyên bị phân tán
Thì không sinh không diệt
Nếu lìa các nhân duyên
Thì mọi vật không có.
Đồng tánh và khác tánh
Do người ngu phân biệt
Không gì được sinh ra
Hữu, vô cũng như vậy.
Ngoại trừ đủ các duyên
Nơi ấy có sinh diệt
Gọi là tùy tục giả
Nhân duyên như móc xích.
Nếu rời xích nhân duyên
Sự sinh không còn nghĩa
Ta nói chuỗi móc xích

Không sinh nên bất sinh.
Thoát lỗi của ngoại đạo
Người ngu không hiểu được
Nếu thoát duyên móc xích
Vẫn có pháp riêng sinh.
Đó là luận vô nhân
Phá hoại nghĩa vòng xích
Như đèn soi chiếu vật
Vòng xích hiện cũng vậy.
Đây là lìa vòng xích
Riêng có các pháp hiện
Không sinh thì không tánh
Thể tánh như hư không.
Rời vòng xích cầu pháp
Sự phân biệt kẻ ngu
Lại có vô sinh khác
Là pháp bậc Thánh đắc.
Nó sinh trong bất sinh
Đó là Nhẫn vô sinh
Khi tất cả thế giới
Không gì ngoài vòng xích.
Nếu ai hiểu như vậy
Tâm đạt sự an định
Vô minh cùng ái nghiệp…
Là vòng xích bên trong.
Chủng tử, bùn, bánh xe…
Gọi vòng xích bên ngoài
Nếu bảo có pháp khác
Sinh ra từ nhân duyên.
Trái với nghĩa vòng xích
Không phải giáo lý đúng
Pháp sinh lại không có
Nó là nhân duyên gì?
Dựa nhau mà phát sinh
Đây chính nghĩa nhân duyên
Tính cứng, ướt, nóng, động…
Do người ngu phân biệt.
Không pháp nào ngoài duyên

Nên bảo không tự tánh
Như thuốc trị tùy bệnh
Nguyên tắc không khác nhau.
Do khác nhau của bệnh
Phương thuốc mỗi mỗi khác
Ta vì các chúng sinh
Diệt trừ bệnh phiền não.
Biết năng lực mạnh yếu
Ta dạy các pháp môn
Các phiền não khác nhau
Và có nhiều phương cách.
Duy có một Đại thừa
Tám Thánh đạo Thanh lương.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các nhà ngoại đạo đều vọng nói về vô thường. Thế Tôn cũng tuyên bố các pháp hữu vi là vô thường, là pháp sinh diệt, chưa biết điều này đúng hay sai và có bao nhiêu loại vô thường?

Đức Phật nói:

–Theo các nhà ngoại đạo thì có bảy loại vô thường, chứ trong giáo pháp của ta không có. Bảy loại đó là:

1. Có thuyết cho rằng: Vừa khởi đầu là chấm dứt, gọi là vô thường. Sinh rồi lại không sinh, đó là tánh vô thường.

2. Có thuyết cho rằng: Vô thường là thay đổi hình trạng.

3. Có thuyết cho rằng: Sắc tức là vô thường.

4. Có thuyết bảo: Sự thay đổi của sắc gọi là vô thường. Khi tất cả các pháp hiện hữu liên tục, không gián đoạn, có thể làm thay đổi đặc tính tự nhiên của chúng và trở về diệt. Giống như trình tự thay đổi để thành sữa chua, mặc dầu không thể thấy, nhưng có sự tan hoại xảy ra trong tất cả các pháp.

5. Có thuyết cho rằng: Sự vật là vô thường.

6. Có thuyết cho rằng: Sự vật hay không sự vật đều vô thường.

7. Có thuyết cho rằng: Không được sinh ra là vô thường. Vì vô thường có khắp trong tất cả các pháp.

Trong đó, sự vật hay không sự vật đều vô thường. Nghĩa là các sự vật tạo ra hay được tạo ra thì bản chất của nó cùng bị hoại diệt. Tự tánh của đại chủng không bao giờ sinh khởi.

Sự vô thường là bất sinh, nghĩa là không có thường, cũng không có vô thường. Như vậy, tất cả đều không hiện hữu. Phân tích cho đến vi trần tận cùng cũng không tìm thấy. Vì không hiện hữu cho nên gọi là không sinh. Đây là tướng vô thường bất sinh. Vì không hiểu nghĩa này, nên các nhà ngoại đạo rơi vào nghĩa vô thường đặt trên cơ sở bản sinh.

Sự vô thường như vật hiện hữu, nghĩa là cái gì không phải thường hằng là chỗ không phải là vô thường. Các nhà ngoại đạo tự sinh phân biệt. Ý nghĩa điều này thế nào? Các pháp gọi là vô thường, tự nó không bị hoại diệt, nhưng có thể có sự biến hoại của tất cả pháp. Và nếu không phải vô thường làm biến hoại tất cả các pháp thì sẽ không có sự hoại diệt nào nơi tất cả các pháp. Như cây gậy, cái búa, cục đá, cục gạch có thể đập vỡ các vật, nhưng không tự đập mình được. Ở đây cũng như vậy.

Này Đại Tuệ! Hiện tại chúng ta thấy vô thường cùng tất cả các pháp, mà không có sự khác biệt nào giữa nhân và quả. Vô thường ở đây như thế nào? Đó là kết quả không khác nhau, cho nên nguyên nhân và kết quả đều là thường, không thấy có nhân, làm cho các pháp không được tạo thành.

Này Đại Tuệ! Các pháp hoại diệt thật ra cũng có nguyên nhân, nhưng người ngu không thể hiểu được như vậy.

Này Đại Tuệ! Nguyên nhân khác thì không thể sinh ra quả khác. Nếu kết quả sinh ra thì tất cả các pháp khác cùng nhau sinh. Không có sự khác nhau giữa pháp này và pháp kia, năng sinh sở sinh thì không có sự khác, nhưng hiện tại thấy có khác nhau. Vì sao nguyên nhân khác, sinh nơi kết quả khác?

Này Đại Tuệ! Nếu có một sự hiện hữu, các pháp được xem là tính chất vô thường thì nó sẽ cùng với kết quả có tính chất vô thường. Tự nó là vô thường, vậy thì các pháp không được xem là vô thường, mà phải xem là thường hằng.

Này Đại Tuệ! Nếu tính chất vô thường nằm bên trong các pháp thì nó sẽ cùng với các pháp rơi vào ba đời, nó mất đi cùng với các pháp trong quá khứ, mà tương lai thì không sinh và hiện tại đều tan rã. Tất cả các nhà ngoại đạo đều chấp rằng thể tánh của bốn đại chủng không thể hoại diệt, tức là đại chủng khác nhau, đại chủng tạo thành sắc chất không phải khác nhau, cũng không phải không khác nhau, nên tự tánh của nó không hoại diệt.

Này Đại Tuệ! Trong ba cõi được xác lập là tạo thành bởi các đại trong vòng sinh, trụ và diệt. Làm sao mà các nhà ngoại đạo bảo có sự hiện hữu riêng của tính chất vô thường sinh nơi vạn vật mà không hoại diệt ư? Quan

niệm vô thường là vừa sinh liền mất, chẳng phải đại chủng hỗ tương tạo ra đại chủng vì chúng khác nhau. Cũng chẳng phải do tự tướng tạo ra, vì không khác vậy. Mà cũng chẳng phải cùng nhau tạo và chúng cùng trái ngược nhau. Nên biết rằng: Không phải vừa tạo ra liền mất nên gọi là vô thường.

Quan niệm cho rằng: Vô thường là những biến đổi về hình tướng, nghĩa là năng tạo và sở tạo không bị tan hoại, mà chỉ có hình tướng là bị tan hoại. Nghĩa ấy như thế nào? Nghĩa là phân tích sắc chất cho đến vi trần thì chỉ hoại hình tướng dài, ngắn… để thấy, chứ không phải hoại cái thể năng tạo, sở tạo sắc. Như vậy là rơi vào chủ trương của phái Số luận.

Sắc tức là vô thường, nghĩa này chỉ cho sự vô thường của các hình dạng bên ngoài, chứ không phải của tánh đại chủng. Nếu tánh đại chủng cũng vô thường thì tất cả mọi sự trên đời này đều không cả. Mọi sự trên đời đều không, nên biết đó là kiến giải của phái Lộ-ca-da. Theo kiến giải này thì tất cả các pháp chỉ có từ ngữ mà thôi, vì tự tánh của nó cùng sinh ra.

Vô thường biến đổi nghĩa là sự biến đổi của sắc thể, chứ không phải sự biến đổi của đại chủng. Ví như vàng được làm thành nhiều đồ trang sức, có nhiều hình thức trang trí khác nhau, nhưng chất vàng thì không thay đổi. Trường hợp này cũng vậy.

Này Đại Tuệ! Những kiến giải này rất nhiều, do các nhà ngoại đạo nhận thức về tính chất vô thường bằng sự phân biệt sai lầm như đã được nói ở đây. Lửa không thể đốt cháy tự tướng của các lửa, nhưng tự nó phân tán. Nếu có thể đốt cháy thì có sự đoạn diệt của các đại chủng.

Này Đại Tuệ! Ta nói các pháp không thường hằng, cũng không vô thường. Vì sao? Vì các pháp bên ngoài là không nắm bắt được, ba cõi chính tại nơi tâm. Ta không nói đến các hình thức, bản tánh của đại chủng mỗi mỗi khác nhau, không có sinh, không có diệt, không có sự tạo ra, hay đã được tạo ra, không có hai loại thể tánh năng thủ và sở thủ. Bởi vì tất cả đều từ phân biệt phát sinh. Khi đã nhận biết đúng rằng do bản chất nhị biên và thông đạt những gì hiện hữu đều chính tự tâm thì sẽ vượt ngoài hai định kiến về hữu và vô. Không còn định kiến về hữu và vô thì không còn phân biệt về năng tạo và sở tạo.

Này Đại Tuệ! Thế gian, xuất thế gian và các pháp thượng thượng của xuất thế gian chỉ là tự tâm, chẳng phải là thường hằng hay vô thường. Nếu không hiểu rõ điều này thì bị rơi vào kiến thức sai lầm nhị biên của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Tất cả các nhà ngoại đạo không hiểu rõ ba pháp này,

họ dựa vào sự phân biệt mà phát khởi ngôn từ và chấp vào tánh vô thường.

Này Đại Tuệ! Cả ba pháp này, ngôn ngữ của nó và phân biệt cảnh giới ấy, chẳng phải người ngu có thể hiểu được điều này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Vừa tạo, liền chấm dứt
Sự biến đổi hình thức
Các vật thể vô thường
Ngoại đạo lầm phân biệt.
Các pháp không hoại diệt
Các đại tánh thường trụ
Ngoại đạo thấy khác nhiều
Chấp vô thường như thế.
Các nhà ngoại đạo ấy
Đều nói không sinh diệt
Các đại tánh vốn thường
Ai chấp vô thường pháp?
Nhận thức, được nhận thức
Tất cả chỉ tại tâm
Nhị biên từ tâm hiện
Không có ngã, thuộc ngã.
Các pháp của Phạm thiên…
Ta nói chỉ tại tâm
Ngoài tâm duy nhất ấy
Tất cả đều không có.

-oOo-

Phẩm 4: HIỆN CHỨNG

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết trạng thái liên tục theo trình tự của Diệt tận định mà tất cả Thanh văn, Duyên giác đạt được. Vì khi con và các Bồ-tát đã thông hiểu sâu xa nơi Diệt tận định rồi, sẽ được an lạc và không còn bị mê lầm, không rơi vào Nhị thừa và trong sự rối loạn của các nhà ngoại đạo.

Đức Phật nói:

–Hãy lắng nghe! Này Đại Tuệ! Các Bồ-tát nào đã đạt tới Địa thứ sáu

thì cũng như các Thanh văn, Duyên giác nhập Diệt tận định. Ở Địa thứ bảy, chư Bồ-tát nhập Diệt tận định trong từng phút từng giây để xa lìa tất cả tướng tự tánh của các pháp. Nhưng đó không phải của hàng Nhị thừa, vì hàng Nhị thừa có sự tạo tác nên rơi vào năng thủ và sở thủ, không đạt được tướng vô sai biệt của các pháp, chưa hiểu rõ tướng chung, tướng riêng, pháp thiện, pháp bất thiện. Do đó, ở Địa thứ bảy, các Bồ-tát trong từng phút, từng giây đối với Diệt tận định vẫn chưa chứng đạt.

Này Đại Tuệ! Ở Địa thứ tám, các Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác không còn giữ những ý niệm phân biệt từ tâm, ý và ý thức. Bắt đầu từ Địa thứ nhất đến Địa thứ sáu, các vị quán sát ba cõi được sinh khởi từ sự phân biệt và tất cả không ngoài tâm, ý và ý thức. Không thấy có ngã và những gì thuộc về ngã, không có các đối tượng bên ngoài. Kẻ phàm ngu không hiểu, bởi chất chứa nhiều tập khí xấu từ thời vô thủy đến nay, nên nơi tự tâm họ bị vận hành theo tướng năng thủ và sở thủ mà sinh ra chấp trước.

Này Đại Tuệ! Ở Địa thứ tám, các Bồ-tát đã đạt Tam-muội đồng với Niết-bàn của các Thanh văn, Duyên giác, được năng lực của chư Phật hộ trì nên đối với môn Tam-muội này họ không nhập Niết-bàn. Nếu không được chư Phật hộ trì, họ không thể hóa độ tất cả chúng sinh, không thành tựu trọn vẹn Như Lai địa, cũng sẽ đứt đoạn chủng tánh của Như Lai. Thế nên chư Phật giảng thuyết những công đức lớn không thể nghĩ bàn của Như Lai, làm cho các Bồ-tát đạt đến tận cùng không nhập Niết-bàn. Còn hàng Thanh văn, Duyên giác đam mê trong hạnh phúc Tam-muội, do đó vẫn giữ ý tưởng về Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Ở Địa thứ bảy, Bồ-tát quán sát rõ về tâm, ý và ý thức, về ngã và những gì thuộc về ngã, sự chấp trước, sự vô ngã, sự sinh các pháp, hoặc sinh khởi, hoặc đoạn diệt, tướng chung, tướng riêng. Các vị ấy xác quyết khéo léo về bốn vô ngại biện. Vị ấy được tự tại nơi Tam-muội, dần dần nhập vào các Địa và đầy đủ pháp Bồ-đề phần.

Này Đại Tuệ! Ta sợ các Bồ-tát không hiểu rõ tướng chung và tướng riêng, không biết trình tự tương tục của các Địa, sẽ rơi vào những kiến giải sai lầm của các nhà ngoại đạo, nên ta nói về những điều này.

Này Đại Tuệ! Thật ra không có cái gì sinh ra, không có cái gì biến mất. Tất cả không ngoài sự thấy chính tự nơi tâm và trình tự liên tiếp của các Địa, sự vận hành trong ba cõi. Người ngu không hiểu được điều này. Do vì sự không hiểu của họ mà ta và các Đức Phật giảng thuyết như vậy.

Này Đại Tuệ! Hàng Thanh văn, Duyên giác ở Địa thứ tám của các Bồ-tát vì mê đắm với sự an lạc nơi Tam-muội nên chưa thông hiểu rốt ráo

rằng: Không có gì ngoài những điều được thấy tự tâm. Tâm họ bị ràng buộc vào những tập khí sinh ra do ý niệm về tướng chung và tướng riêng. Họ chấp vào hai vô ngã, khởi lên cái biết về Niết-bàn vốn không phải là trí tuệ hoàn toàn vắng lặng.

Này Đại Tuệ! Các Bồ-tát nhận thức về sự an lạc của Tam-muội vắng lặng, liền nhớ đến tình thương vô biên do bản nguyện đã phát, các vị tu hành trọn vẹn mười nguyện vô tận. Vì vậy, các vị không nhập Niết-bàn vì trong Niết-bàn không sinh quả phân biệt, không còn năng thủ và sở thủ. Các Bồ-tát này biết rằng: Tất cả chỉ tại tâm, nên không có ý niệm phân biệt đối với tất cả các pháp. Họ không rơi vào tâm, ý và ý thức, không chấp trước các đối tượng bên ngoài hay bên trong; nhưng các Bồ-tát đã không nêu lên nguyên nhân chính của pháp Phật, tùy vào trí tuệ tự thân, các vị hành động điều gì đều phát khởi như vậy, vì họ đã đạt được trí tuệ tự chứng, thuộc Như Lai địa.

Này Đại Tuệ! Như một người trong giấc mộng, thấy mình tìm cách lội qua dòng sông, nhưng chưa qua hết dòng sông thì người ấy tỉnh mộng. Và khi tỉnh mộng rồi, người ấy suy nghĩ về những gì đã thấy: "Đây là thật hay giả?", rồi lại thầm nói: "Không phải thật, cũng không phải giả." Tất cả những dữ kiện đó là do thấy, nghe, biết tích tụ thành tập khí phân biệt qua các sự kiện. Ta đã tách rời ý niệm: "Các pháp hiện hữu hay không hiện hữu", vì vậy ý thức của ta trong giấc mộng hiện tất cả những gì mà ta đã nhìn thấy.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát cũng như vậy, bắt đầu từ Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy, cho đến tăng tiến nhập Địa thứ tám, đạt vô phân biệt, thấy tất cả các pháp giống như giấc mộng… Các vị xa lìa chấp trước năng và sở, quán sát tâm và những gì thuộc về tâm. Các vị nỗ lực quảng đại tu tập giáo pháp Phật-đà. Những ai chưa chứng đắc các vị làm cho họ chứng đắc. Vì các Bồ-tát này đã lìa bỏ những ý tưởng phân biệt vọng chấp phát sinh từ tâm, ý và ý thức nên đạt được Vô sinh nhẫn. Các Bồ-tát này đã đạt được Niết-bàn miên viễn.

Này Đại Tuệ! Trong Đệ nhất nghĩa, không có thứ bậc, cũng không có sự tương tục, xa lìa tất cả cảnh giới phân biệt. Đây chính là pháp tịch diệt (sự vắng lặng tuyệt đối).

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Các trú xứ Phật địa
Duy tâm không ảnh tượng
Đây là điều chư Phật

Đã, đang và sẽ nói.
Thất địa thì có tâm
Bát địa không ảnh tượng
Hai Địa này gọi trú
Địa cuối ta đã đạt.
Tự chứng và thanh tịnh
Địa này là của ta
Ma-hê, cõi tối cao
Sắc cứu cánh tốt đẹp.
Ví như khối lửa lớn
Phát ánh sáng rực rỡ
Hóa hiện nơi ba cõi
Mát mẻ, vui lòng người.
Hoặc là hiện biến hóa
Hoặc biến hóa trước đây
Nơi ấy giảng các thừa
Đều thuộc Như Lai địa.
Địa mười là thứ nhất
Thứ nhất là Địa tám
Thứ chín là Địa bảy
Thứ bảy lại là tám.
Địa hai là thứ ba
Thứ tư là thứ năm
Thứ ba là thứ sáu
Vô tướng không thứ lớp.

-oOo-

Phẩm 5: TÍNH CHẤT THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG CỦA NHƯ LAI

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là thường hay vô thường?

Đức Phật đáp:

–Đại Tuệ! Như Lai là Bậc Ứng Chánh Đẳng Giác nên không thường, cũng không vô thường. Vì sao? Vì bên nào cũng có sai lầm cả. Vì sao có sự sai lầm?

Này Đại Tuệ! Nếu Như Lai là thường thì mắc lỗi có những tác nhân sinh tạo, vì các nhà ngoại đạo cho rằng tác nhân sinh tạo là thường hằng.

Nếu Như Lai không thường thì mắc lỗi với những gì được tạo ra. Đồng nghĩa với các uẩn là tướng và thuộc tướng. Và cuối cùng các uẩn bị đoạn diệt, thành ra không có, nhưng Phật Như Lai thật không có đoạn diệt.

Này Đại Tuệ! Tất cả những gì được tạo ra, như cái bình, cái áo,… đều là vô thường. Do đó, Như Lai mà vô thường cũng không đúng và những sự tu tập phước đức trí tuệ sẽ trở thành rỗng không, vô ích, vì những pháp tác thành Như Lai không khác gì với nguyên nhân. Thế nên Như Lai không phải là thường, cũng không phải là vô thường.

Và này Đại Tuệ! Như Lai không thường hằng nếu Như Lai là thường, thì Như Lai sẽ giống như hư không và không trở thành do nhân.

Này Đại Tuệ! Ví như hư không, không thường hằng, cũng không vô thường. Vì sao? Vì hư không tách rời ý niệm thường hằng và vô thường, hoặc đồng nhất hoặc khác, cả đồng và không dị… Tất cả đều không đúng.

Này Đại Tuệ! Như Lai không thường hằng và nếu Như Lai là thường thì đó là bất sinh, giống như sừng thỏ, sừng ngựa, cá, rắn…

Này Đại Tuệ! Có một ý nghĩa khác, trong đó Như Lai được gọi là thường hằng. Vì sao? Vì trí tuệ hiện chứng thuộc pháp thường hằng, vì trí tuệ chứng ngộ là thường hằng nên Như Lai cũng là thường hằng.

Này Đại Tuệ! Pháp vị, Pháp trụ và Pháp tánh được chư Phật Như Lai chứng đạt ngay liền, nên Như Lai dầu có ra đời hay không ra đời thì pháp ấy vẫn tồn tại không khác. Trong sự chứng đắc của tất cả hàng ngoại đạo, Nhị thừa không phải là sự trống rỗng của hư không, nhưng hàng phàm ngu không thể hiểu biết.

Này Đại Tuệ! Như Lai là do tuệ giác thanh tịnh chứng ngộ pháp tánh mà thành, không phải do tập khí vô minh nối kết với tâm, ý, ý thức và các uẩn, xứ, giới mà đạt được. Tất cả ba cõi đều bắt nguồn từ sự phân biệt hư vọng, còn Như Lai không bắt nguồn từ phân biệt hư vọng.

Này Đại Tuệ! Nơi nào có hai bên thì ở đó có thường hằng và vô thường. Như Lai không ở hai bên, vì chứng biết thực tướng của tất cả các pháp là bất sinh. Vì thế, Như Lai không thường hằng, cũng không vô thường.

Này Đại Tuệ! Bao giờ còn có một chút phân biệt theo ngôn từ sinh khởi, thì còn có ý niệm sai lầm về thường hằng hay vô thường. Thế nên, hãy đoạn trừ sự phân biệt về thường và vô thường bằng tuệ giác, không để cho tồn tại một mảy may nào.

Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

Xa lìa thường, vô thường

Mà hiện thường, vô thường
Như luôn nhìn thấy Phật
Không kiến giải sai lầm.
Nếu chấp thường, vô thường
Vô ích mọi tích tập
Để trừ biết phân biệt
Không nói thường, vô thường.
Sự khẳng định hình thành
Tất cả đều lẫn lộn
Nếu biết chỉ tự tâm
Thì không còn tranh luận.

-oOo-

Phẩm 6: SÁT-NA

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết về sự sinh khởi và biến mất của các uẩn, xứ, giới. Nếu không có ngã thì ai sinh ra và ai diệt? Và những kẻ phàm phu dựa vào sự sinh diệt đó nên không cầu chấm dứt khổ đau và mong chứng đắc Niết-bàn.

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe ta nói.

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng là nguyên nhân của thiện hay ác và tất cả các cõi của chúng sinh hay những gì hiện hữu đều được tạo ra từ đó. Ví như một diễn viên biến hiện nhiều hình trạng khác nhau và tách rời khỏi ngã, hay những gì thuộc về ngã. Vì không hiểu điều này nên duyên vào ba hòa hợp, từ đó các kết quả sinh ra. Ngoại đạo không biết điều này nên chấp vào nguyên nhân tạo tác. Do những tập khí đã huân tập từ vô thủy đến nay bởi sự suy luận sai lầm, nên gọi là tàng thức sinh cùng bảy thức, là chỗ trú của vô minh. Ví như biển lớn, trong đó có sóng mãi cuồn cuộn, nhưng thể tướng của nó vẫn tương tục tồn tại không gián đoạn, bản tánh thanh tịnh vượt khỏi sự hư giả của vô thường, xa lìa ngã luận.

Còn bảy thức kia như ý, ý thức… có sự sinh diệt trong từng mỗi niệm. Chúng được sinh ra bởi các duyên hòa hợp mà nguyên nhân là suy tưởng sai lầm về những hình sắc, tướng trạng. Chúng không hiểu về sắc… là những thứ được thấy chính tự tâm, rồi chấp chặt vào danh tướng và khởi lên cảm thọ khổ lạc. Danh tướng ràng buộc con người được sinh ra từ tham, rồi tham lại sinh ra. Nếu nguyên nhân và sở duyên cùng thủ căn bị đoạn

diệt thì chúng sẽ không còn tương tục sinh, không còn nhận biết khổ lạc vốn là tự phân biệt của trí tuệ. Hoặc đạt Diệt tận định, hoặc đạt Tứ thiền, hoặc nhập vào giải thoát chân thật. Ngay lúc ấy, hành giả vọng sinh ý niệm giải thoát vừa đạt, mà thật ra chưa xả, chưa chuyển tên tạng thức trong Như Lai tạng. Nếu không có Tạng thức thì bảy thức kia liền đoạn diệt. Vì sao? Vì sự phát triển của các thức tùy thuộc vào nguyên nhân và sở duyên này. Nhưng điều này không thuộc về lãnh vực của những nhà ngoại đạo, của Thanh văn, Duyên giác, hay của những bậc tu hành hiểu biết hết. Họ chỉ biết tính chất của nhân vô ngã, chấp nhận tướng chung và tướng riêng của các uẩn, xứ, giới. Họ thấy được năm pháp, tự tánh các pháp là vô ngã nơi Như Lai tạng, tùy theo thứ bậc của các Địa mà được đoạn diệt dần dần, không bị các nhà ngoại đạo chủ trương kiến giải sai lầm làm dao động. Các vị ấy trụ nơi địa Bất động, đạt được an lạc nơi mười Tam-muội. Nhờ trợ lực của chư Phật trong Tam-muội nên quán sát được pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn và quán sát sức bản nguyện của mình mà họ không trú vào an lạc của Tam-muội và thật tánh. Nhờ đạt được trí tuệ tự chứng nên vị này không như là hàng Thanh văn, Duyên giác và các nhà ngoại đạo. Bồ-tát đạt đạo mười Thánh chủng tánh và thân trí tuệ do ý sinh ra, thoát khỏi các hành.

Thế nên, này Đại Tuệ! Các Bồ-tát muốn đạt đến giáo pháp cao siêu thì phải thanh tịnh Như Lai tạng, còn gọi là Tàng thức.

Này Đại Tuệ! Nếu không có Như Lai tạng gọi là Tàng thức thì sẽ không có sự sinh khởi hay biến mất. Nhưng các hàng phàm phu cho đến Thánh nhân đều có sự sinh khởi và biến mất. Do đó, những bậc tu hành tuy thấy được nội cảnh (tự chứng) và trú trong pháp lạc hiện tại, nhưng vẫn không lìa bỏ sự nỗ lực tinh tấn tu hành.

Này Đại Tuệ! Tàng thức Như Lai tạng này bản tánh không ô nhiễm, nhưng lại bị ô nhiễm bởi những cấu uế bên ngoài, làm cho không thanh tịnh. Nó xuất hiện nơi tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và các nhà ngoại đạo, làm cho họ không hiện chứng được. Trường hợp này đối với chư Như Lai thì rất phân minh hiển hiện, như thấy quả A-ma-lặc trong bàn tay.

Này Đại Tuệ! Ta đã giảng kinh này cho phu nhân Thắng Man và các Bồ-tát có trí tuệ thanh tịnh sâu xa vi diệu khác. Ta nói về Như Lai tạng tên là Tàng thức cùng với bảy chuyển thức, làm cho các Thanh văn thấy được pháp vô ngã.

Này Đại Tuệ! Ta thuyết giảng cảnh giới Phật cho phu nhân Thắng Man, chứ không phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác hay ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Tàng thức Như Lai tạng này là cảnh giới Phật, được hướng đến cho các Bồ-tát như thầy, những vị Bồ-tát có trí tuệ thanh tịnh, có năng lực hiểu biết phù hợp với ý nghĩa, chứ không phải chỗ của hàng Thanh văn, Duyên giác hoặc ngoại đạo hay chấp chặt vào văn tự. Thế nên thầy và các Bồ-tát khác hãy nỗ lực quán sát tu tập đối với Tàng thức Như Lai tạng. Không nên chỉ nghe được chút ít rồi bằng lòng cho là đủ.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai tạng sâu xa
Tương ưng với bảy thức
Chấp thì nhị biên sinh
Hiểu rõ, nhị biên dứt
Huân tập từ vô thủy
Như ảnh hiện nơi tâm
Quán sát đúng như thật
Các ảnh tượng không có
Người ngu thấy chỉ trăng
Thấy tay nào thấy trăng!
Người chấp chặt văn tự
Không thấy chân lý ta
Tâm như con múa rối
Ý giống như anh hề
Năm thức là bạn lữ
Xem những tuồng vọng tưởng.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết những khía cạnh khác nhau của năm pháp, tự tánh, các thức và vô ngã, để con và các Bồ-tát khác hiểu rõ những khía cạnh này mà tu tập, dần dần đến các Địa và đầy đủ các pháp của Phật. Chúng con cũng sẽ đạt được địa vị tự chứng ngộ của Như Lai.

Đức Phật nói:

–Thầy hãy lắng nghe những điều ta nói.

Này Đại Tuệ! Năm pháp, tự tánh, các thức và vô ngã, đó là: danh, tướng, phân biệt, chánh trí, như như. Những bậc tu hành nào quán sát các pháp này sẽ nhập vào cảnh giới tự chứng của Như Lai. Họ sẽ xa lìa những kiến giải về thường đoạn, hữu vô… Họ sẽ được pháp lạc sâu xa của Tam-muội trong hiện tại.

Này Đại Tuệ! Vì người ngu không hiểu năm pháp, tự tánh, các thức

và vô ngã nên khởi ra phân biệt, thấy có những vật bên ngoài, thật ra tất cả những thứ này được thấy từ tâm và những bậc Thánh thì không thấy như vậy.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao người ngu không hiểu, để khởi lên sự phân biệt như vậy?

Đức Phật nói:

–Đại Tuệ! Người ngu không hiểu rằng đó chỉ là tên gọi giả lập. Tâm của họ chạy theo dòng dao động khi nhìn những tướng trạng. Họ chấp vào ngã và những gì thuộc về ngã, đắm say nơi sắc, trí tuệ bị bao phủ bởi vô minh nên sinh khởi tham, sân, si, tạo ra bao nhiêu nghiệp chướng. Giống như con tằm làm kén, ý tưởng sai lầm của con người tự quấn họ rơi vào biển sinh tử luân hồi. Giống như bánh xe kéo nước, mãi quay vòng không dứt. Họ không biết rằng tất cả các pháp như huyễn hóa, như sóng nắng, như bóng trăng trong nước, được thấy bởi tự tâm, sinh khởi từ vọng tưởng phân biệt, không dính dấp gì đến năng thủ và sở thủ, cùng với sinh, trụ và diệt. Họ cho rằng các pháp được sinh ra từ Tự tại thiên, từ thời tiết, vi trần, hay từ một thần linh tối cao. Do đó, họ trôi theo dòng danh tướng.

Này Đại Tuệ! Tướng ở đây có nghĩa là những gì được nhìn thấy do nhãn thức, gọi đó là Sắc. Nghe, ngửi, nếm, thân thể và ý thức được nhận thức là âm thanh, mùi, vị, sự xúc chạm và ý niệm. Tất cả những thứ này ta gọi là tướng.

Sự phân biệt có nghĩa là các tên gọi được đặt ra để nêu chỉ các tướng, như là voi, ngựa, xe, người đi bộ, nam, nữ… Những tên gọi như vậy được nêu ra để chỉ về các tướng của nó. Những sự thể như vậy được chỉ định không khác. Đây gọi là sự phân biệt.

Chánh trí nghĩa là danh và tướng được xem như một sự hỗ tương, do đó không còn sự sinh khởi của tâm thức. Vì không có cái gì đoạn diệt nên không có cái gì thường trụ và không còn bị rơi vào cấp độ của hàng ngoại đạo hay Thanh văn, Duyên giác. Đây gọi là Chánh trí.

Này Đại Tuệ! Các Đại Bồ-tát nhờ Chánh trí này mà quán sát danh và tướng là phi hữu hay phi vô. Khi các kiến thức sai lầm và ý niệm nhị biên làm tổn hại sự lợi ích được lìa bỏ, thì các danh tướng và các thức không còn sinh khởi. Ta gọi pháp này là Như như.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nào đã an trú trên Như như thì sẽ đạt đến trạng thái không chiếu hiện, đạt đến Hoan hỷ địa, xa lìa các cõi ác của ngoại đạo, nhập vào pháp xuất thế. Khi đã thuần thục các pháp tướng, vị ấy nhận

ra rằng: Tất cả các pháp giống như huyễn,… nên đạt được pháp thực hành của Thánh trí tự chứng. Vị ấy vượt khỏi sự lập luận lý thuyết, trải qua trình tự tu tập như vậy nên đạt đến Pháp vân địa.

Sau khi đã đạt Pháp vân địa, vị ấy thành tựu quả vị Như Lai. Nơi ấy, những bông hoa của Tam-muội, các năng lực, thần thông tự tại đều nở rộ tròn đầy. Khi đã thành tựu Như Lai rồi, vì các chúng sinh, nên vị ấy như mặt trăng trong nước, hiện thân chiếu sáng khắp nơi, vị ấy giảng pháp cho các chúng sinh tùy theo sự yêu thích của họ. Thân của vị ấy thanh tịnh, thoát khỏi ý muốn của tâm, thành tựu trọn vẹn những thệ nguyện rộng lớn và đầy đủ mười nguyện vô tận.

Đây gọi là những gì Đại Bồ-tát đã đạt được khi nhập vào Như như.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phải chăng ba tự tánh là gồm trong năm pháp, hay ba tự tánh có đặc tính riêng của tự nó?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ba tự tánh, tám thức và hai pháp vô ngã đều gồm trong năm pháp. Danh và tướng của chúng là tánh vọng chấp. Vì tùy thuộc vào chúng nên sự phân biệt sinh khởi về tâm, tâm sở pháp xảy ra đồng thời. Như mặt trời cùng với ánh sáng là tánh duyên khởi. Chánh trí và Như như thì bất diệt, là tánh Viên thành.

Này Đại Tuệ! Khi có sự chấp chặt vào những gì được thấy tự tâm thì có tám thứ phân biệt khởi lên. Điều này do tướng sai biệt, chứ hoàn toàn không có thật, chỉ là tánh vọng chấp mà thôi. Nếu hai loại chấp ngã không còn thì hai trí vô ngã được sinh trưởng.

Này Đại Tuệ! Năm pháp này bao gồm tất cả giáo pháp Phật và gồm cả trình tự các Địa Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai, nhập vào Thánh trí tự chứng.

Này Đại Tuệ! Năm pháp nghĩa là tướng, danh, phân biệt, như như và chánh trí. Trong đó:

1. Tướng nghĩa là cái được nhìn thấy mỗi hình dáng có nét riêng biệt như hình ảnh, màu sắc… đây là tướng.

2. Dựa vào các hình tướng đó mà người ta đặt tên, như cái bình,… Do đó, người ta gọi cái này như thế này, chứ không phải như thế kia, đó là danh.

3. Khi các tên gọi được nêu ra thì hiển lộ các tướng và cho rằng đây là tâm, hay thuộc về tâm, đây gọi là Phân biệt.

4. Thật ra, danh và tướng này cuối cùng hoàn toàn không có, mà đó chỉ là dòng phân biệt của vọng tâm. Quán sát như vậy cho đến khi nào sự nhận thức cũng không còn thì gọi là Như như.

5. Này Đại Tuệ! Tướng như như này được định nghĩa là chân thật, quyết định, cứu cánh, căn bản, tự tánh, chẳng thể nắm bắt. Ta và các Đức Phật đã tùy thuận chứng nhập thật tướng này một cách trọn vẹn để khai thị, thuyết giảng cho mọi người. Nếu ai đối với pháp này có thể tùy thuận hiểu rõ thật đúng đắn thì vĩnh viễn xa lìa ý niệm về đoạn hay thường và không còn sinh khởi phân biệt, nhập vào Thánh trí tự chứng, ra khỏi cảnh giới của các nhà ngoại đạo và Nhị thừa. Đây gọi là Chánh trí.

Này Đại Tuệ! Năm pháp này bao gồm cả ba tánh, tám thức và hai vô ngã, cùng tất cả giáo pháp Phật.

Này Đại Tuệ! Đối với pháp này, ông hãy khéo léo thông đạt bằng trí tuệ tự chứng và khuyến khích người khác cũng được thông đạt như vậy. Một khi đã thông suốt giáo pháp này rồi, chắc chắn tâm thầy sẽ không bị người khác làm lay chuyển được.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Năm pháp, ba tự tánh
Cho đến tám loại thức
Cùng hai pháp vô ngã
Đều gồm trong Đại thừa.
Danh tướng và phân biệt
Thuộc trong hai tự tánh
Chánh trí và như như
Đó là tướng viên thành.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh, Thế Tôn dạy: "Chư Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai nhiều như số cát sông Hằng." Điều này có thể chấp nhận theo nghĩa bình thường, hay còn có nghĩa nào khác?

Đức Phật bảo Đại Tuệ:

–Không nên hiểu theo nghĩa bình thường.

Này Đại Tuệ! Chư Phật trong ba đời không thể ví bằng cát sông Hằng. Vì sao? Vì Như Lai là bậc cao tột, siêu việt nhất trong thế gian nên không thể so sánh hay có thể dùng ví dụ để so sánh được. Có chăng chỉ là ví dụ một chút nào đó mà thôi. Ta vì hàng phàm ngu và những nhà ngoại đạo, tâm thường chấp chặt vào ý niệm thường hay vô thường, tăng trưởng kiến giải sai lầm, bị trôi lăn trong dòng luân hồi sinh tử mà làm cho họ xa lìa

nhàm chán những hy vọng cao vời, cho rằng Phật sẽ dễ thành và dễ được gặp. Những ai nghe ta nói rằng Như Lai khó gặp, như hoa Ưu-đàm, họ liền thoái tâm và khiếp sợ, không còn nỗ lực tinh tấn, thế nên ta bảo Như Lai nhiều như số cát sông Hằng. Có khi ta quán sát về đối tượng để giáo hóa nên nói rằng: Phật khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát.

Này Đại Tuệ! Chưa có ai từng thấy hoa Ưu-đàm-bát, đang thấy hay sẽ thấy hoa nở cả. Còn Đức Như Lai thì đã thấy, đang thấy và sẽ thấy.

Này Đại Tuệ! Ví dụ như vậy chẳng liên quan gì đến tự pháp. Vì tự pháp là cảnh giới chân lý, là Thánh trí nội chứng, nó vượt khỏi tất cả những gì trong thế gian có thể lấy làm thí dụ hay so sánh được, tất cả phàm ngu không thể tin hiểu được.

Này Đại Tuệ! Chân lý Như Lai vượt khỏi mọi ý niệm được nhìn nhận bởi tâm, ý và ý thức, nên không thể lập thí dụ nơi Như Lai được. Nhưng đôi khi cũng lập giả thiết cho rằng: Như Lai sánh với số cát sông Hằng vẫn không có gì nghịch lý nhau.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng có bị dẫm đạp bởi rùa, cá, voi, ngựa,… thì cát vẫn luôn trong sạch, không ô nhiễm, vì không sinh khởi phân biệt. Thánh trí Như Lai giống như cát sông Hằng và các năng lực, thần thông, sự tự tại của Như Lai như là cát ấy. Cho dù bị cá, rùa ngoại đạo tranh nhau đến khuấy nhiễu mà Phật vẫn không sinh khởi một ý niệm phân biệt nào. Vì sao? Vì bản nguyện của Như Lai là đem an lạc của Tam-muội ban bố khắp mọi loài. Như cát sông Hằng không có tâm niệm yêu ghét và không có sự phân biệt.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng mang tính chất của đất, khi cuối kiếp lửa cháy thiêu tất cả đất, nhưng đại địa ấy không mất bản tánh, luôn cùng với hỏa đại câu hữu phát sinh. Những người ngu muội cho rằng đất bị đốt cháy, nhưng thật ra đất không hề bị cháy, vì đất là nguyên nhân của lửa. Pháp thân Như Lai cũng như vậy, như cát sông Hằng không bao giờ bị hoại diệt.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng không có hạn lượng, ánh sáng của Như Lai cũng như vậy, chiếu khắp hội chúng của tất cả chư Phật, vì muốn đưa vô lượng chứng sinh đến chỗ thành tựu viên mãn.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng vẫn giữ bản chất cát của chính nó, không bị biến đổi làm vật khác; Như Lai cũng vậy, không sinh khởi, không đoạn diệt trong thế gian, vì những gì có nhân sinh khởi chắc chắn sẽ đoạn diệt.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng lấy đi thì không thấy giảm, bỏ

thêm thì không thấy nó tăng thêm; chư Phật cũng vậy, dùng trí tuệ phương tiện để hóa độ chúng sinh thì không tăng không giảm. Vì sao? Vì Pháp thân Như Lai không có thân.

Này Đại Tuệ! Vì có thân nên có sự hoại diệt, Pháp thân thì không có thân cho nên không hoại diệt.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng, dù cho có nhọc công để tìm lấy dầu thì cũng không bao giờ có được. Như Lai cũng vậy, cho dù phải mang nặng khổ đau vì chúng sinh, cho đến những chúng sinh ngu xuẩn, nên chưa vào hết Niết-bàn thì chư Như Lai không bao giờ lìa bỏ tâm nguyện sâu xa, vì hạnh phúc của họ trong khắp pháp giới cũng không thể được. Vì sao? Vì Như Lai đã thành tựu trọn vẹn tâm nguyện đại Bi.

Này Đại Tuệ! Ví như cát sông Hằng bị dòng nước kéo theo, chứ không bị kéo theo nơi không có nước; Như Lai cũng vậy, tất cả pháp Như Lai thuyết đều thuận theo dòng Niết-bàn. Do đó mới bảo rằng: Chư Phật Như Lai giống như cát sông Hằng.

Này Đại Tuệ! Pháp Như Lai thuyết giảng không theo các cảnh giới, vì cảnh giới nghĩa là hoại diệt và không thể biết được ngọn nguồn sinh tử. Đã không thể biết được thì làm sao ta có thể nói ý nghĩa của cảnh giới?

Này Đại Tuệ! Ý nghĩa của cảnh giới là đoạn diệt và người phàm ngu không biết được điều này.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ngọn nguồn của sinh tử không thể biết được, thì các chúng sinh ở trong sinh tử làm sao biết được sự giải thoát?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Khi biết rõ thế giới bên ngoài là những gì được nhìn thấy tự tâm thì những nguyên nhân tập khí sai lầm, giả dối từ vô thủy sẽ đoạn diệt, vì những phân biệt được chuyển y (hai quả Bồ-đề và Niết-bàn), gọi đó là giải thoát chứ không phải là hoại diệt. Do đó, không thể nói gì về vô cùng vô cực được.

Này Đại Tuệ! Không cùng cực chỉ là một cái tên khác của phân biệt.

Này Đại Tuệ! Tách rời tâm phân biệt thì không còn một chúng sinh khác. Khi các pháp bên trong và bên ngoài được quán sát bằng trí tuệ thì năng tri và sở tri đều vắng bặt.

Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp chỉ là những gì được nhìn thấy từ sự phân biệt của tự tâm, vì không hiểu biết nên sinh khởi tâm phân biệt, nếu hiểu rõ thì tâm phân biệt không còn.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Quán sát các Đạo sư
Ví như cát sông Hằng
Không hoại cũng không đi
Đó là người thấy Phật.
Ví như cát sông Hằng
Hoàn toàn không lầm lỗi
Cát luôn trôi thuận dòng
Phật tánh cũng như vậy.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn dạy cho con biết tướng hoại diệt trong từng sát-na của tất cả các pháp. Các pháp được gọi là sát-na nghĩa là gì?

Đức Phật nói:

–Ông hãy lắng nghe ta dạy!

Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp đó là: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu vi hay vô vi, pháp thế gian hay xuất thế gian, pháp hữu lậu hay vô lậu, pháp hữu thọ hay vô thọ.

Này Đại Tuệ! Tóm lại, tâm, ý, ý thức và tập khí là nguyên nhân tăng trưởng của năm thủ uẩn. Do đó, hàng phàm phu sinh phân biệt, cho là thiện hay bất thiện. Còn bậc Trí hiện trú nơi an lạc Tam-muội thì được gọi là pháp thiện vô lậu.

Và này Đại Tuệ! Thiện và bất thiện là chỉ cho tám thức. Tám thức là gì? Nghĩa là Như Lai tạng, gọi là Tàng thức. Ý và ý thức gồm thân năm thức.

Này Đại Tuệ! Thân năm thức hợp cùng ý thức có sự tương tục tiếp nối không gián đoạn và sự khác biệt của thiện hay bất thiện vận hành liên tục, thể ấy không khác, cứ sinh rồi diệt. Vì không hiểu rằng những gì hiện hữu không ngoài cảnh giới tự tâm, nên các thức khác sinh khởi theo trình tự của sự diệt ban đầu. Ý thức cùng hợp nhất với năm thức kia, ghi nhận các tướng trạng và hình ảnh khác nhau nên không giữ yên được một sát-na nào. Điều này ta gọi là pháp sát-na.

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng được gọi là Tạng thức cùng với ý và kết hợp với các tập khí. Đây là pháp sát-na. Tập khí vô lậu không phải là pháp sát-na. Các nhà luận thuyết và kẻ phàm ngu không thể hiểu pháp sát-na này. Vì họ không hiểu tánh sát-na và phi sát-na của tất cả các pháp nên chấp vào vô vi, đồng với sự hoại diệt của các pháp nên rơi vào đoạn kiến.

Này Đại Tuệ! Thân năm thức thì không bị lưu chuyển, không bị khổ

lạc, cũng không phải là nhân của Niết-bàn. Nhưng Như Lai tạng kết hợp cùng với nhân thọ khổ lạc, nên có sinh diệt, nó bị bốn tập khí làm che lấp, mê muội. Những người ngu tâm chứa đầy sự phân biệt, không hiểu rõ nên sinh khởi kiến giải về sát-na.

Này Đại Tuệ! Như vàng, kim cương và xá-lợi của Phật có đặc tính riêng của chúng, nên không bao giờ bị tổn hoại. Nếu đạt chứng ngộ là pháp sát-na thì bậc Thánh trí sẽ chẳng phải là Thánh, nhưng bậc Thánh đó chưa từng chẳng phải là Thánh. Như vàng, kim cương tuy trải qua thời gian lâu dài mà cân lượng vẫn không bị giảm. Như vậy tại sao kẻ ngu không hiểu được lời thâm mật của ta đối với tất cả các pháp mà có ý tưởng về sát-na?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường dạy: Nếu ai thành tựu sáu pháp Ba-la-mật tức là đạt đến Chánh giác. Sáu pháp Ba-la-mật là những gì? Và người ta thành tựu như thế nào?

Đức Phật nói:

–Đại Tuệ! Có ba loại Ba-la-mật khác nhau, đó là thế gian, xuất thế gian và siêu xuất thế gian tối thượng.

Này Đại Tuệ! Ba-la-mật thế gian nghĩa là do đắm trước vào ngã và những gì thuộc về ngã mà những kẻ phàm ngu chấp chặt vào nhị biên, tìm cầu vào các thân, tham thế giới hình sắc… Thế nên họ tu hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định ba-la-mật. Họ đạt được thần thông, được sinh vào cõi Phạm thiên.

Này Đại Tuệ! Ba-la-mật xuất thế gian nghĩa là hàng Thanh văn, Duyên giác chấp trước về Niết-bàn, mong cầu niềm vui cho chính mình nên họ tu tập các Ba-la-mật này.

Này Đại Tuệ! Ba-la-mật vượt thế gian tối thượng nghĩa là các Đại Bồ-tát hiểu rõ đối với hai pháp tự tâm chỉ là những gì được hiện hữu từ sự phân biệt. Họ không sinh vọng tưởng, không sinh chấp trước, không chấp sắc tướng.

Vì muốn làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh nên các vị ấy thường tu hành Bố thí ba-la-mật. Họ không hề sinh khởi tâm phân biệt đối với các cảnh giới.

Họ tu hành Trì giới ba-la-mật tức là không bao giờ sinh khởi sự phân biệt.

Nhẫn biết trọn vẹn về tự tánh của năng thủ và sở thủ, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật.

Nỗ lực tu tập từ đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm không phút giây giải đãi trong sự tùy thuận, hiểu rõ thật nghĩa, không sinh phân biệt. Đây gọi là Tinh tấn ba-la-mật.

Không sinh phân biệt, không khởi kiến giải về Niết-bàn của hàng ngoại đạo, gọi đó là Thiền định ba-la-mật.

Dùng trí quán sát, tâm không phân biệt, không rơi vào nhị biên, làm thanh tịnh sở y mà không hoại diệt, đạt đến cảnh giới nội chứng của trí tuệ bậc Thánh, gọi đây là Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ngu phân biệt hữu vi
Không, vô thường, sát-na
Phân biệt nghĩa sát-na
Như sông, đèn, hạt giống…
Tất cả pháp không sinh
Tịch lặng, không tạo tác
Tánh các việc đều lìa
Ta gọi nghĩa sát-na
Sinh diệt nối tiếp nhau
Không nói cho người ngu
Do tương tục không dứt
Phân biệt khởi các cõi
Vô minh là nguyên nhân
Tâm từ đây sinh khởi
Sắc chưa rõ từ đâu
Trung ấm trú chỗ nào?
Tương tục diệt không ngừng
Tâm khác được sinh ra
Khi không trú nơi sắc
Tâm dựa vào đâu sinh?
Nếu tâm duyên đâu sinh
Nguyên nhân này không thực
Nhân giả thể không thành
Làm sao sát-na mất
Người tu hành chánh thọ
Kim cương, xá-lợi Phật
Đến cung Quang âm thiên
Không bị diệt ở đời

Trí Như Lai viên mãn
Và Tỳ-kheo chứng đắc
Tánh các pháp thường trú
Làm sao thấy sát-na?
Thành Càn, các sắc huyễn
Sao không phải sát-na?
Đại chủng không thật tánh
Sao nói có thể tạo?

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 6

Phẩm 7: SỰ BIẾN HÓA

Lúc bấy giờ Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các vị A-la-hán được Như Lai thọ ký cho Tuệ giác vô thượng? Vì sao bảo không có pháp Bát-niết-bàn mà các chúng sinh được thành Phật đạo? Và tại sao Thế Tôn bảo từ lúc mới thành Phật cho đến nhập Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy Như Lai chưa từng tuyên bố một chữ nào? Tại sao Như Lai thường tại định mà giác không quán? Vì sao bảo những việc Phật làm đều là thị hiện? Thế nào là sự tan rã theo từng sát-na của các thức? Vì sao thần Kim cang thường theo hộ vệ Như Lai? Vì sao không thể biết sự khởi đầu mà nói có Bát-niết-bàn? Có những ma và nghiệp ma, ngoài ra còn có những nghiệp báo khác, chẳng hạn như việc Chiến Già, con gái của một Bà-la-môn hay Tôn-đà-lợi, con gái của một ngoại đạo khất thực trở về với một cái bát không?… Thế Tôn đã có những nghiệp báo như vậy, làm sao có thể chứng đắc Nhất thiết chủng trí? Và đã chứng đắc Nhất thiết chủng trí như vậy, sao Thế Tôn không tránh những tai họa đó?

Đức Phật nói:

–Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Ta vì cảnh giới Vô dư Niết-bàn nên đem ý nghĩa thâm mật để khuyên bảo chúng sinh tu Bồ-tát hạnh. Có những Bồ-tát ở cõi này hay quốc độ khác mong cầu Niết-bàn của Thanh văn, vì muốn làm cho họ bỏ tâm niệm ấy để tinh tấn tu hạnh Đại thừa, nên ta dạy điều này. Các Thanh văn biến hóa, Phật biến hóa, được thọ ký, chứ không phải Phật của pháp tánh.

Này Đại Tuệ! Sự thọ ký cho Thanh văn như vậy được nói theo nghĩa thâm mật.

Này Đại Tuệ! Phật cùng hàng Thanh văn, Duyên giác không khác về sự dứt bỏ phiền não chướng, vì đồng một vị giải thoát, nhưng khác với sự dứt bỏ trí chướng. Vì trí chướng là cần phải thấy về pháp vô ngã thì mới được thanh tịnh. Nhưng phiền não chướng nghĩa là khi nhận thức sự vô ngã về người thì ý thức mới đoạn diệt. Khi tập khí trong tàng thức được tiêu

diệt thì pháp chướng giải thoát mới được hoàn toàn trong sạch.

Này Đại Tuệ! Ta theo pháp thường trụ để nói nghĩa thâm mật, không khác Phật trước và sau. Như Lai nói pháp đầy đủ phương tiện về những từ ngữ.

Này Đại Tuệ! Như Lai biết một cách đúng đắn, không có suy tưởng sai lầm. Như Lai không đợi suy nghĩ sau đó mới nói pháp. Từ lâu Như Lai đã chấm dứt bốn tập khí, vượt ra khỏi hai sự chết, đoạn trừ hai chướng ngại.

Này Đại Tuệ! Bảy thức là: Ý và ý thức, nhãn thức… do tập khí làm nguyên nhân, đó là tánh sát-na. Chúng không có thiện vô lậu và không có pháp lưu chuyển.

Này Đại Tuệ! Như Lai tạng nghĩa là nguyên nhân của sinh tử lưu chuyển, cũng là nguyên nhân của Niết-bàn, cùng đau khổ và hỷ lạc. Người ngu không hiểu biết nên chấp chặt sai lầm nơi sự trống không.

Này Đại Tuệ! Như Lai biến hóa được thần lực sĩ Kim Cang thường theo ủng hộ, không phải đúng là Phật thật, vì Như Lai chân thật vượt ra ngoài mọi hạn lượng, vượt ra ngoài sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác và hàng ngoại đạo. Như Lai luôn an trú trong pháp lạc, vì Như Lai đã thành tựu trí nhẫn, do đó không bị ràng buộc vào sự ủng hộ của thần lực sĩ Kim Cang. Tất cả Phật hóa thân không sinh theo nghiệp. Chư vị không phải là Phật, cũng chẳng phải không là Phật. Ví như người thợ gốm hòa hợp các thứ để chế tạo, Đức Phật hóa thân cũng vậy. Chư vị vì chúng sinh thuyết giảng đầy đủ các pháp, nhưng không thể nói cảnh sở hành của Thánh trí tự chứng.

Này Đại Tuệ! Những người ngu thấy sáu thức diệt nên sinh khởi chấp đoạn và họ không hiểu tàng thức nên sinh khởi chấp thường.

Này Đại Tuệ! Giới hạn đầu tiên là sự phân biệt tự tâm của họ, cho nên không biết được, vượt ra ngoài sự phân biệt này tức là được giải thoát. Đoạn trừ được bốn tập khí thì xả bỏ được tất cả những sai lầm.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ba thừa là vô thừa
Phật không có Niết-bàn
Như Lai trao thọ ký
Giảng lìa mọi lỗi lầm.
Thành tựu trí cứu cánh
Và Vô dư Niết-bàn
Sách tấn người khiếp nhược
Nói ý thâm mật này.

Trí chư Phật đạt được
Thuyết giảng con đường này
Không con đường nào khác
Nên Phật không Niết-bàn.
Các kiến, dục, sắc, hữu
Đó là bốn tập khí
Ý thức từ đây sinh
Tàng thức, ý cũng vậy.
Chấp đoạn cho vô thường
Bởi ý thức, nhãn thức
Ý, tạng mê khởi thường
Trí tà nghĩ Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 8: KHÔNG ĂN THỊT

Lúc bấy giờ Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin hãy nói cho con nghe về công đức hay lỗi lầm của sự ăn hay không ăn thịt, để con và các chúng Bồ-tát biết được ý nghĩa này mà trong hiện tại và trong tương lai có thể giảng nói về quả báo tích tập của sự ăn thịt cho các chúng sinh, làm cho họ lìa bỏ vị thịt và mong cầu nơi pháp vị. Họ sẽ khởi tâm Từ rộng lớn đối với tất cả chúng sinh và đem lòng thương yêu họ như đứa con duy nhất. Họ an trú ở các Địa Bồ-tát và chứng đắc Tuệ giác vô thượng, hoặc tạm thời dừng ở địa vị Thanh văn, Duyên giác, cứu cánh sẽ thành Vô thượng Chánh giác.

Kính bạch Thế Tôn! Phái Lô-ca-da-đà và các hàng ngoại đạo đều sinh khởi các kiến giải về hữu và phi hữu, chấp trước vào đoạn và thường. Họ cũng cấm ăn thịt và chính họ cũng không ăn thịt. Huống chi Như Lai là Bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, đức Từ bi rộng lớn bao trùm khắp tất cả và là nơi nương tựa của cuộc đời, tại sao không cấm việc ăn thịt cho chính mình và cả mọi người?

Lành thay! Đức Thế Tôn! Đấng Đại Từ Đại Bi trọn vẹn, thương xót thế gian với tâm bình đẳng, xem tất cả chúng sinh như đứa con duy nhất của mình. Xin Thế Tôn hãy giải thích cho chúng con về công đức hay tội ác của việc ăn thịt hay không ăn thịt, để con cùng chư Bồ-tát nghe xong phụng hành và truyền bá cho mọi người.

Bồ-tát Đại Tuệ lập lại bằng kệ tụng:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Chí cầu Vô thượng giác

Rượu thịt đến hành hẹ
Là ăn hay không ăn?
Kẻ ngu ham ăn thịt
Hôi hám không thể nói
Kẻ ấy như thú dữ
Làm sao có thể ăn?
Nếu ăn có tội gì?
Không ăn có đức chi?
Cúi xin đấng tối thắng
Thuyết giảng hết cho con.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ! Ta sẽ phân tích và giải thích rõ ràng.

Này Đại Tuệ! Vì có vô số nguyên do mà đối với tất cả các loại thịt, Bồ-tát nên sinh lòng từ mẫn, không nên ăn bất cứ loại thịt nào. Nay ta giảng nói cho ông một số nguyên do này:

Này Đại Tuệ! Từ vô lượng kiếp đến nay, tất cả chúng sinh bị trôi lăn mãi trong vòng sinh tử không ngừng, không một chúng sinh nào đã từng là cha mẹ, anh em, hoặc con trai, con gái, hoặc bà con dòng họ, cho đến bạn bè thân thiết, hay tôi tớ của thầy. Khi thay đổi mạng sống, có thể họ sẽ làm thân chim muông, cầm thú… Làm sao Bồ-tát đối với những chúng sinh như vậy mà có thể ăn thịt được!

Này Đại Tuệ! Bồ-tát Ma-ha-tát quán thấy các chúng sinh cũng như chính thân mình và làm sao có thể ăn thịt được, nếu các ông nghĩ rằng thịt ấy đều từ thân mạng sinh ra?

Này Đại Tuệ! Các loài La-sát… khi nghe ta nói về việc này, còn chấm dứt sự ăn thịt, huống chi những người yêu thích pháp!

Này Đại Tuệ! Bồ-tát ở nơi nào có chúng sinh được sinh ra thì hãy quán các chúng sinh ấy đều là bà con thân thuộc, cho đến thương tưởng họ như nghĩ đến đứa con duy nhất. Vì thế, không nên ăn bất cứ một loại thịt nào.

Này Đại Tuệ! Tất cả những loại thịt được người ta đem bày bán bên lề đường hay phố chợ, họ đem cả thịt chó, thịt ngựa, thịt trâu, thịt người… vì cầu lợi mà người ta bán cả những thứ thịt không thường ăn. Đầy những sự tạp nhạp, nhơ bẩn như vậy, làm sao có thể ăn được!

Này Đại Tuệ! Tất cả các loại thịt đều được tạo thành từ tinh dịch, máu… đầy ô uế, người cầu đạo thanh tịnh làm sao có thể ăn được!

Này Đại Tuệ! Các chúng sinh rất sợ hãi khi thấy người ăn thịt, thế nên người tu tâm Từ làm sao có thể ăn thịt được?

Này Đại Tuệ! Ví như có những người thợ săn, kẻ bán thịt, ngư phủ, lưới chim… và những người ác, những con chó trông thấy hãi sợ sủa vang, loài thú trông thấy bỏ chạy. Tất cả những loài vật bay trên trời hay ở dưới nước, nếu gặp những người này cũng đều nghĩ rằng: "Người này sắc khí giống như La-sát, hôm nay đến đây chắc sẽ hại ta." Vì muốn giữ thân cho nên chúng nó cùng bỏ chạy. Người ăn thịt cũng như vậy. Thế nên Bồ-tát vì tu hạnh Từ bi không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Hễ người nào ăn thịt, thân thể sẽ hôi thối, tiếng xấu vang xa và bậc Thánh hay người hiền đều không gần gũi. Vì thế, Bồ-tát không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Máu và thịt là nơi các bậc tiên xa lánh và các bậc Thánh không ăn. Vì vậy, Bồ-tát không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Bồ-tát đem tâm Từ bảo vệ chúng sinh, làm cho họ không sinh tâm hủy báng đối với pháp Phật-đà. Vì lòng thương xót nên Bồ-tát không ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Nếu đệ tử của ta ăn thịt, sẽ làm cho người đời phê phán, chê cười rằng: "Sa-môn là người tu hạnh thanh tịnh, tại sao lại bỏ loại thức ăn của bậc Thiên tiên, mà lại ăn thịt giống như loài ác thú! Tại sao họ ăn thịt đầy bụng, rồi lại đi khắp nơi trên thế giới gây sự kinh hãi khiếp sợ cho chúng sinh, làm hủy hoại hạnh thanh tịnh và đánh mất đời sống của một Sa-môn. Thế mới biết rằng: Không có hạnh chế ngự những người này trong giáo pháp nhà Phật." Vì không muốn những người này sinh tâm phỉ báng giáo pháp Phật như vậy, nên Bồ-tát với lòng từ thương xót che chở chúng sinh, không bao giờ ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Khi thịt của con người hay thịt của các loài sinh vật khác được nướng lên thì mùi hôi thối ấy không khác nhau. Vì sao có sự phân biệt là ăn hay không ăn đối với các loại thịt ấy.

Thế nên tất cả những ai thích đời sống thanh tịnh đều không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Có những người thiện nam, thiện nữ tĩnh tâm tu hành ở nơi nghĩa địa, dưới gốc cây thanh vắng, hoặc an trú tâm Từ, hoặc trì chú thuật, hoặc mong cầu giải thoát, hoặc hướng đến Đại thừa, nhưng do vì ăn thịt phải gặp nhiều chướng ngại, không được thành tựu như ý nguyện. Thế nên, Bồ-tát muốn lợi mình và lợi người thì không được ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Người ăn thịt khi trông thấy hình sắc của các sinh vật

đã sinh tâm ham muốn mùi vị của chúng, Bồ-tát Từ bi luôn nghĩ đến tất cả chúng sinh như chính bản thân mình, làm sao có thể trông thấy chúng mà sinh ra ý tưởng ăn thịt được? Thế nên Bồ-tát không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Những người ăn thịt sẽ bị chư Thiên xa lánh, hơi miệng thường hôi hám, khi ngủ thấy toàn ác mộng bất an, đến lúc thức lòng đầy âu lo. Người này đã bị ác quỷ Dạ-xoa đoạt mất tinh khí, tâm kinh hoàng, ăn uống không biết điều độ, tật bệnh tăng thêm, dễ sinh ung nhọt. Luôn bị loài trùng rúc rỉa, nên đối với thức ăn, người này không bao giờ biết nhàm chán từ bỏ.

Này Đại Tuệ! Ta thường dạy rằng: Khi ăn thịt phải có ý tưởng như ăn thịt đứa con của mình, ăn thức ăn khác cũng nghĩ như vậy. Sao ta có thể cho phép đệ tử của ta ăn thịt được?

Này Đại Tuệ! Thịt không mang lại sự tốt đẹp, bởi vì thịt không trong sạch, chúng sinh ra nhiều tật xấu, làm tan hoại các công đức, là chỗ chư tiên Thánh nhân hoàn toàn xa lánh. Sao ta có thể cho phép đệ tử của ta ăn thịt được? Người nào bảo được phép ăn thịt thì người đó hủy báng ta.

Này Đại Tuệ! Thức ăn tốt và trong sạch nên biết chính là gạo, lúa mì, lúa mạch, đậu, sữa, dầu, đường… Những loại thức ăn này đã được chư Phật thời quá khứ cho dùng và ta đã nêu bày cho các thiện nam, thiện nữ trong chủng tộc của ta từ lâu đã vun trồng thiện căn, tín tâm thanh tịnh. Họ không sinh tâm tham đắm nơi thân mạng, tài sản, thương yêu mọi loài như chính thân mình. Những người này hãy nên ăn uống như vậy, vì họ không phải tích tập những tánh xấu ác của loài hổ lang và tâm họ không bị chìm sâu trong ngã ái.

Này Đại Tuệ! Thuở xưa có một ông vua tên Sư Tử Sinh. Ông ta đắm say các mùi vị thịt, ăn tất cả các loại thịt và sự tham ăn thịt ấy dẫn đến ăn cả thịt người. Từ đó, quan dân hết chịu nổi hành động ấy, nên họ xa lánh ông. Cuối cùng, ông mất cả vương vị, quốc gia, phải gánh chịu vô vàn khổ não.

Này Đại Tuệ! Thích Đề-hoàn Nhân làm vua ở trên trời, vào thời quá khứ, do tập khí ăn thịt phải biến thành chim ưng đuổi bắt chim bồ câu. Lúc bấy giờ, ta làm vua tên Thi-tỳ, vì thương xót chim bồ câu kia nên ta đã tự cắt thịt của mình cho chim ưng để thay mạng sống cho chim câu.

Này Đại Tuệ! Ngay cả Đế Thích mà vẫn còn dư báo làm khổ não cho chúng sinh, huống chi là những kẻ luôn ăn thịt và không biết hổ thẹn là gì. Nên biết rằng: Người ăn thịt là tự gây khổ não cho chính mình và cho cả người khác. Vì thế, Bồ-tát không nên ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Thuở xưa, có một ông vua cỡi ngựa đi săn. Ngựa chạy quá nhanh và đi lạc vào trong núi sâu hiểm trở. Nhà vua không thể quay lại con đường cũ, cắt đứt liên lạc với cư dân. Ông ta cùng đi với một con sư tử cái và đã phạm những hành vi xấu để rồi sau đó sinh ra mấy con sư tử con. Đứa con lớn nhất của ông vua và sư tử tên là Bang túc. Sau đó được làm vua thống lãnh bảy ức hộ. Ông vua này chỉ ham ăn thịt và trở thành thói quen là không phải thịt thì không ăn. Ban đầu ông còn ăn thịt thú vật, dần dần ông ăn cả thịt người, để rồi sinh ra những đứa con trai, con gái toàn là La-sát. Sau khi chuyển đổi thân người, những đứa con này lại sinh trong các loài sư tử, hổ, báo, sói, chồn, cú… Có mong muốn làm thân người, chắc chắn không bao giờ được, huống chi thoát khỏi đường sinh tử, đạt đến Niết-bàn an lạc.

Này Đại Tuệ! Có biết bao nhiêu là lỗi lầm sinh ra từ sự ăn thịt và những ai biết đoạn tuyệt không ăn thịt, sẽ đạt được vô lượng công đức. Người ngu si không biết đến sự lợi ích và tác hại như vậy. Thế nên, hôm nay ta chỉ dạy cho các vị: phàm những gì là thịt thì không nên ăn.

Này Đại Tuệ! Sở dĩ có sự sát sinh vì có nhiều người ăn thịt. Nếu không có người ăn thịt thì cũng chẳng có sự giết hại. Vì vậy, người ăn thịt và người sát sinh đồng tội như nhau. Thật lạ thay! Người thế gian vì tham đắm mùi vị thịt, nên ngay cả thịt người còn không từ chối, huống chi thịt của loài chim muông, cầm thú, có gì mà không ăn! Do vì đắm say vị thịt mà con người bày ra đủ mọi phương tiện như giăng lưới, đặt bẫy ở khắp mọi nơi, không kể là dưới nước, đất liền hay trên không trung, tất cả con vật đều bị giết hại. Có thể có người tự thân họ không ăn, nhưng vì tham tiền mà họ làm việc sát sinh này.

Này Đại Tuệ! Trong đời lại có những kẻ không có lòng thương xót, chuyên làm những hành động hung bạo giống như La-sát. Nếu họ thấy những chúng sinh có thân mập khỏe, liền nghĩ ngay đến việc con vật này thịt có thể ăn được.

Này Đại Tuệ! Món thịt chẳng phải là thực phẩm hiển nhiên trong đời sống, nếu tự mình không giết, cũng chẳng bảo người khác giết, tâm không nghi giết thì mới có thể ăn được. Với ý nghĩa này, ta cho phép Thanh văn ăn những loại thịt này.

Này Đại Tuệ! Thời tương lai sẽ có những người ngu si đi xuất gia trong giáo pháp của ta, nói sai lầm giới luật, làm rối loạn chánh pháp, phỉ báng lời dạy của ta. Họ bảo rằng: Ta cho phép ăn thịt và chính ta cũng đã từng ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Nếu ta cho phép hàng Thanh văn ăn thịt thì làm sao ta có thể an trú với tâm Từ? Người thực hành hạnh Đầu-đà tu tập quán hạnh, hướng đến Đại thừa, ta thường khuyên các thiện nam, thiện nữ hãy dứt hẳn việc ăn tất cả các loại thịt, đối với các chúng sinh nghĩ rằng đó như đứa con duy nhất của mình.

Này Đại Tuệ! Ta giải thích khắp nơi về mười điều ngăn cấm và ba điều cho phép, đó là những phương tiện cấm đoán tạm thời cho người mới tu học. Nhưng nay, trong kinh này thì tự giết hay bảo người khác giết, hễ là thịt thì tuyệt đối cấm hẳn.

Này Đại Tuệ! Ta chưa từng hứa cho phép đệ tử của ta ăn thịt, dù là hiện tại hay tương lai, ta cũng không cho như vậy.

Này Đại Tuệ! Sự ăn thịt hoàn toàn là đồ bất tịnh đối với người xuất gia.

Này Đại Tuệ! Có người si mê, vu khống Như Lai là đã ăn thịt và cho phép mọi người ăn thịt. Nên biết, những kẻ như vậy phải bị trói buộc theo ác nghiệp, chắc chắn sẽ bị sa đọa, vĩnh viễn không được ở chỗ hạnh phúc an vui.

Này Đại Tuệ! Hàng đệ tử Thanh văn của ta đối với thức ăn người thường dùng còn không ăn, huống chi ăn những thức ăn có máu thịt nhơ nhớp.

Này Đại Tuệ! Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát còn chỉ ăn pháp vị, huống chi là Đức Như Lai?

Này Đại Tuệ! Pháp thân của Như Lai chẳng phải là thân ăn tạp.

Này Đại Tuệ! Ta đoạn tận tất cả phiền não, ta đã gột sạch tất cả tập khí xấu xa. Ta đã hoàn toàn giải thoát trong tâm và trí tuệ, xem tất cả chúng sinh như đứa con duy nhất của mình bằng tâm đại Bi bình đẳng, vậy thì tại sao ta lại cho phép hàng Thanh văn đệ tử cũng như chính ta ăn thịt được? Kẻ nào nói ra điều này thật hoàn toàn không có cơ sở.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lập lại bằng kệ tụng:

Đều từng là thân thuộc
Tạo thành bởi uế nhơ
Làm muôn loài sợ hãi
Vì thế không ăn thịt.
Các loại thịt và hành
Hẹ, tỏi, các thứ rượu
Là những vật bất tịnh
Người tu hành tránh xa.

Cũng tránh các dầu thoa
Không ngủ giường khoan lỗ
Vì loài trùng nhỏ nhít
Ở nơi đó hoảng sợ.
Ăn uống sinh buông lung
Buông lung sinh vọng tưởng
Từ vọng tưởng sinh tham
Thế nên không ăn thịt.
Từ vọng tưởng sinh tham
Do tham sinh mê muội
Tâm mê tăng ái dục
Không giải thoát sinh tử.
Vì lợi giết chúng sinh
Vì thịt để thu tiền
Cả hai đều nghiệp ác
Chết đọa ngục Khiếu hoán.
Không nghĩ lời ta dạy
Có ba loại gọi sinh
Không thịt nào ở đời
Ta quở trách người ăn.
Ăn thịt nhau mà sống
Chết đọa trong ác thú
Hôi hám và điên cuồng
Vì thế không ăn thịt.
Thợ săn, Chiên-đà-la
Đồ tể, La-sát-bà
Kẻ sinh trong loài này
Quả báo từ ăn thịt.
Đã ăn không hổ thẹn
Đời đời thường điên cuồng
Chư Phật và Bồ-tát
Cùng Thanh văn quở trách.
Kinh Tượng Hiếp Đại Vân
Niết-bàn, Ương-quật-ma
Và kinh Lăng-già này
Ta đều dạy dứt thịt
Trước hết thấy, nghe, nghi.
Đều đoạn tất cả thịt

Vì người tập khí ác
Kẻ ngu lầm phân biệt
Tham chướng ngại giải thoát.
Ăn thịt cũng như vậy
Nếu kẻ nào ăn thịt
Không thể vào dòng Thánh
Tương lai có những người.
Thiếu trí, bảo ăn thịt
Thích hợp không có tội
Phật cho phép ta ăn
Ăn thịt giống như thuốc.
Nghĩ như thịt trẻ con
Thế nên người tu hành
Khất thực và biết đủ
Ăn thịt nghịch giải thoát.
Ngược chiều biểu tượng Thánh
Làm chúng sinh kinh hãi
Vì thế không ăn thịt
Ai an trú tâm Từ.
Ta dạy: Hãy chán xa
Ăn thịt sinh cùng chỗ
Với sư tử, hổ lang
Đối các loại rượu thịt.
Tất cả đều không ăn
Ắt sinh trong Hiền thánh
Giàu sang nhiều trí tuệ.

-oOo-

Phẩm 9: ĐÀ-LA-NI

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Đại Tuệ:

–Này Đại Tuệ! Chư Phật trong các đời hiện tại, quá khứ và tương lai vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh này nên chư Phật đã tuyên nói thần chú kinh Lăng-già. Nay ta cũng nói như vậy, thầy nên thọ trì.

Đức Thế Tôn nói thần chú:

–Đát diệt tha, đổ tra đổ tra, đỗ tra đỗ tra, bát tra bát tra, cát tra cát tra, a ma lệ a ma lệ, tì ma lệ tì ma lệ, nhĩ mê nhĩ mê, hí mê hí mê, phược mê phược mê, cát lệ cát lệ, yết la cát lệ, a tra mạt tra, chiết tra đốt tra, kì nhã tra tát phổ tra, cát địa thích địa, bát địa, hí mê hí mê, đệ mê, chiết lệ chiết

lệ, bát lợi bát lợi, bạn đệ tì đệ, án chế mãn chế, trú, trà lệ đỗ trà lệ, bát trà lệ, át kế đát kế, mạt kế mạt kế, chước kết chước kết lệ, địa mê địa mê, hí mê hí mê, trú trú trú trú, chử chử chử chử, đỗ đỗ, đỗ, đỗ đỗ, đỗ hổ, đỗ hổ, đỗ hổ, đỗ hổ, sa bà ha. (Tadyathā tuṭṭe tuṭṭe vuṭṭe vuṭṭe paṭṭe paṭṭe kaṭṭe kaṭṭe amale amale vimale vimale nime nime hime hime vame vame kale kale kale kale aṭṭe maṭṭe vaṭṭe, tuṭṭe jñeṭṭe spuṭṭe kaṭṭe kaṭṭe laṭṭe paṭṭe dime dime cale cale pace pace badhe bandhe añce mañce dutāre dutāre patāre patāre arkke arkke sarkke sarkke cakre cakre dime dime hime hime ṭu ṭu ṭu ṭu, ḍu ḍu ḍu ḍu, ru ru ru ru, phu phu phu phu, svāhā)

Này Đại Tuệ! Vào đời tương lai, có người thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng hay giảng nói cho người khác chú Đà-la-ni này, nên biết, người đó không bị tất cả loài người hay phi nhân cùng các quỷ thần… làm hại.

Lại có người sau khi chết sẽ đọa trong đường ác, hãy vì người ấy tụng niệm thần chú này một trăm lẻ tám biến, tức thời ác quỷ nhanh chóng chạy mất.

Này Đại Tuệ! Ta sẽ nói cho ông nghe chú Đà-la-ni này:

–Đát diệt tha, bát đầu ma đệ tì, bát đầu mê hê, ni hê nhĩ nê, lệ chủ la chủ lệ, hổ lệ hổ la hổ lệ, dữu lệ dữu lệ, phả lệ phả lệ phả lệ, sân đệ tẫn đệ, bạn thệ mạt đệ, ni la ca lệ, sa bà ha. (Tadyathā padme padmadeve hine hini hine cu cule culu cule phale plula plule yule ghule yula yule ghule ghula ghule pale pala palemuñce cchinde bhinde bhañje marde pramarde dinakare svāhā.)

Này Đại Tuệ! Có người thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng hoặc giải thích chú Đà-la-ni này cho người khác, thì những người đó không bị tất cả hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân… và các loài thần hay ác quỷ làm hại được. Ta cũng nói thần chú này để ngăn cấm các loài La-sát. Nếu ai trì chú này tức là người đó đã thọ trì đầy đủ trọn vẹn tất cả văn cú của kinh Nhập Lăng-già vậy.

-oOo-

Phẩm 10: KỆ TỤNG (Phần 1)

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên bố ý nghĩa sâu rộng trong kinh Lăng-già này, nên lập lại bằng lời kệ:

Các pháp không vững bền

Chúng sinh từ phân biệt
Do phân biệt là không
Nên phân biệt trống rỗng.
Vì vọng tưởng phân biệt
Thế nên thức sinh khởi
Nhiều đến tám, chín thức
Như các sóng trên biển.
Tập khí thường tăng trưởng
Bám chặt theo rễ sâu
Tâm vận hành theo cảnh
Như sắt với nam châm.
Tánh chúng sinh thuộc vào
Vượt khỏi những suy lường
Và hiểu biết lìa trí
Chuyển hóa được giải thoát.
Đạt Tam-muội như huyễn
Vượt qua nơi mười Địa
Khi quán thấy tâm vương
Thoát khỏi tưởng và thức.
Một khi tâm chuyển đổi
Đó là lúc thường trụ
Nơi cung điện hoa sen
Được sinh từ cảnh huyễn.
Đã đến cung đó rồi
Tự tại vô công dụng
Làm lợi ích chúng sinh
Như viên ngọc muôn màu.
Không hữu vi, vô vi
Chỉ trừ lầm phân biệt
Kẻ ngu mê chấp chặt
Như Thạch nữ mơ con.
Nên biết ngã, linh hồn
Các duyên và uẩn, giới
Đều không có tự tánh
Không sinh và phi hữu.
Ta dùng phương tiện nói
Thật ra không có tướng
Người ngu mê chấp chặt

Vào tướng năng, tướng sở.
Một người biết tất cả
Tất cả chẳng tất cả
Người ngu bị phân biệt
Phật không giác, giác tha.
Các pháp như mộng huyễn
Không tự tánh, không sinh
Tất cả do tánh không
Có, không, chẳng nắm bắt.
Ta chỉ nói một tánh
Vượt khỏi vọng suy lường
Tự tánh không có hai
Thuộc cảnh giới bậc Trí.
Như bốn đại không điều
Thấy biết như đom đóm
Sự thấy đều không thật
Thế gian cũng như vậy.
Hiện hữu giống ảo thuật
Nhờ cỏ cây, ngói gạch
Ảo thuật không thật có
Các sự vật cũng vậy.
Không chấp, không bị chấp
Không buộc, không bị buộc
Như huyễn, như quáng nắng
Như mộng, như hoa mắt.
Ai muốn thấy chân thật
Vượt khỏi chấp, phân biệt
Nên tu quán chân thật
Thấy Phật ắt không nghi.
Cuộc đời như giấc mộng
Sắc, dục, tài cũng vậy
Người nhận biết như đây
Thân là nhất của đời.
Ba cõi do tâm khởi
Bị lầm thấy mê hoặc
Lìa vọng vượt thế gian
Biết vậy, chuyển nhiễm trước.
Cái thấy của người ngu

Không rõ sinh và diệt
Người trí thấy như thật
Không sinh cũng không diệt.
Thường hành không phân biệt
Thoát khỏi tâm, tâm pháp
Ở trời Sắc cứu cánh
Nơi ấy không mắc lỗi.
Được thành tựu chánh giác
Đủ năng lực thần thông
Các Tam-muội thù thắng
Hiện hóa chứng tại đây.
Hóa thân không ức lượng
Đến khắp cả mọi nơi
Cho người ngu nghe pháp
Âm hưởng pháp khó lường.
Tách rời đầu, giữa, cuối
Vượt khỏi hữu, phi hữu
Phổ biến mà hiện khắp
Biến khắp nhưng bất đồng.
Bảo trong thân chúng sinh
Bị tính chất bao phủ
Mê lầm nên có huyễn
Không phải huyễn làm mê.
Bởi do tâm mê hoặc
Tất cả đều hiện hữu
Đây là tướng ràng buộc
Tàng thức khởi thế gian.
Các thế gian như vậy
Chỉ có lập luận giả
Kiến giải như thác lũ
Vận hành trong ngã, pháp.
Khi nhận thức như vậy
Sẽ có sự đột biến
Đó chính là con ta
Thành tựu pháp tùy thuận.
Người ngu bị phân biệt
Thấy nóng, lỏng, rắn, động
Giả danh không thật có

Không tướng và định tướng.
Thân thể và các căn
Tạo thành bởi tám chất
Người ngu vọng chấp sắc
Bị lừa trong khung thân.
Người ngu vọng phân biệt
Nhân duyên hòa hợp sinh
Không hiểu tướng chân thật
Lưu chuyển trong ba cõi.
Các chủng tử trong thức
Mà hiện tâm, cảnh giới
Người ngu khởi phân biệt
Mê chấp nơi hai thủ.
Vô minh, ái và nghiệp
Tâm nương vào đó sinh
Thế nên ta biết rõ
Thuộc tánh Y tha khởi.
Vọng phân biệt có vật
Bị theo tâm mê hoặc
Phân biệt hoàn toàn không
Mê lầm chấp là có.
Tâm bị các duyên buộc
Sinh khởi nơi chúng sinh
Nếu thoát khỏi các duyên
Ta bảo không thấy có.
Đã thoát khỏi các duyên
Không lệ thuộc bởi tướng
Không còn khởi trong thân
Với ta, không đối tượng.
Tâm chúng sinh sinh khởi
Vì năng thủ, sở thủ
Không có tướng sở kiến
Như người ngu phân biệt.
Hình thành A-lại-da
Tàng thức của tối cao
Vượt trên năng, sở thủ
Ta thuyết giảng chân như.
Không có ngã trong uẩn

Không ngã, không chúng sinh
Do thức được sinh ra
Khi diệt cũng thức diệt.
Như bức tranh cao thấp
Thực sự không như vậy
Các sự vật cũng thế
Tuy thấy nhưng phi hữu.
Như thành Càn-thát-bà
Như sóng nắng giữa trưa
Được nhìn thấy như vậy
Người trí không thấy thế.
Nhân duyên và thí dụ
Thiết lập một mệnh đề
Như thành, mộng, xe lửa
Ảo ảnh, mặt trời, trăng.
Như sóng nắng, hoa đốm
Ta hiển bày vô sinh
Thế giới đều trống không
Mê hoặc như huyễn mộng.
Thấy các cõi không sinh
Ba cõi không nương tựa
Không trong cũng không ngoài
Thành tựu Vô sinh nhẫn.
Đạt Tam-muội Như huyễn
Cho đến Ý sinh thân
Tất cả các thần thông
Năng lực và tự tại.
Các pháp vốn vô sinh
Trống rỗng, không tự tánh
Mê hoặc các nhân duyên
Tùy duyên có sinh diệt.
Người ngu vọng phân biệt
Tùy tâm mà hiện tâm
Xuất hiện nơi ngoại sắc
Thật ra không sở hữu.
Như định lực quán thấy
Tượng Phật cùng bộ xương
Phân tích các đại chủng

Thuộc giả thiết thế gian.
Thân thể, tài sản, nhà
Cả ba do chấp giữ
Ý thủ và phân biệt
Cả ba là năng thủ.
Mê hoặc vọng chấp trước
Vì phân biệt năng sở
Chỉ theo cảnh, văn tự
Mà không thấy chân thật.
Hành giả nhờ tuệ quán
Thấy pháp không tự tánh
An trú trong vô tướng
Tất cả đều dứt bặt.
Như vẽ con gà trống
Người ngu si mê chấp
Thật không có ba thừa
Người ngu không thấy vậy.
Nếu thấy các Thanh văn
Cho đến Bích-chi-phật
Đều Bồ-tát đại Bi
Biểu hiện biến hóa ra.
Ba cõi chỉ tại tâm
Phân biệt hai tự tánh
Chuyển y lìa nhân pháp
Khi ấy là chân như.
Ánh sáng đèn, trời, trăng
Ngọc và các đại chủng
Không phân biệt tác dụng
Chư Phật cũng như vậy.
Các pháp như hoa đốm
Vượt khỏi sinh, trụ, diệt
Xa rời thường, vô thường
Sạch, nhơ cũng như vậy.
Như người bị mê man
Thấy mặt đất màu vàng
Thật ra trong đất ấy
Vốn không có tướng vàng.
Người ngu cũng như vậy

Tâm mê loạn từ xưa
Vọng chấp các cõi thật
Thật ảo như quáng nắng.
Nên quán một chủng tử
Đều không cùng nhãn hiệu
Một chủng, tất cả chủng
Các chủng đều một tâm.
Chủng tử được thanh tịnh
Chuyển thành không chủng tử
Bình đẳng đồng pháp ấn
Tất cả không phân biệt.
Nhiều chủng tử khác nhau
Đều sinh các cảnh giới
Vô số khổ rối rắm
Gọi tất cả chủng tử.
Quán tự tánh các pháp
Mê hoặc không còn gì
Vô sinh vốn tánh vật
Hiểu vậy tức giải thoát.
Định tâm quán thế gian
Các sắc do tâm khởi
Tâm mê từ vô thủy
Thật không sắc, không tâm.
Như thành Càn, huyễn thuật
Hoa đốm và quáng nắng
Phi thực mà hiện hữu
Các pháp cũng như vậy.
Tất cả pháp không sinh
Chỉ thấy bởi mê hoặc
Do từ mê vọng sinh
Người ngu chấp hai bên.
Bởi vô số tập khí
Chuyển tâm như làn sóng
Khi tập khí đoạn trừ
Sóng tâm không khởi lại.
Tâm duyên các cảnh khởi
Như vẽ dựa theo tường
Nếu không, trong không trung

Tại sao không vẽ được?
Nếu dựa theo chút tướng
Làm cho tâm sinh khởi
Tâm đã từ duyên sinh
Duy tâm nghĩa không thành.
Tâm tánh vốn thanh tịnh
Vắng lặng như hư không
Khiến tâm lại chấp tâm
Chẳng do nhân nào khác.
Chấp trước chính tâm hiện
Làm cho tâm sinh khởi
Không sự thấy bên ngoài
Cho nên nói duy tâm.
Tàng thức gọi là tâm
Tư lương lấy làm ý
Biết rõ các cảnh giới
Gọi đó chính là thức.
Tâm luôn luôn vô ký
Ý vận hành hai cách
Hiện tại thức vận hành
Hoặc là tốt hay xấu.
Sự chứng không thời gian
Vượt các cõi, cấp địa
Và vượt tâm đo lường
Trụ nơi quả vô tướng.
Sự thấy hữu cùng vô
Cho đến tất cả tướng
Đều là những kẻ ngu
Bị chấp trước điên đảo.
Nếu biết lìa phân biệt
Thì thật không hợp lý
Vì tâm không có sắc
Thế nên không phân biệt.
Các căn giống như huyễn
Thế giới đều như mộng
Năng tác và sở tác
Tất cả đều không có.
Tục đế, có tất cả

Đệ nhất nghĩa thì không
Các pháp không tự tánh
Gọi là Đệ nhất nghĩa.
Ở trong không tự tánh
Nhân nơi những ngôn từ
Mà có vật hiện hữu
Đây gọi là tục đế.
Nếu không có ngôn từ
Sự vật khởi cũng không
Trong thế đế không có
Sự thể, ngôn từ không.
Pháp điên đảo sai lầm
Thật chẳng thể nắm bắt
Nếu thừa nhận sai lầm
Thì không có tự tánh.
Vì tính chất hữu vô
Bị hiểu cách sai lầm
Tất cả những hiện hữu
Đều chẳng thể nắm bắt.
Tâm đầy tập khí xấu
Hiện ra nhiều hình tướng
Mê muội thuộc ngoài tâm
Vọng chấp các hình tướng.
Phân biệt vô phân biệt
Sự phân biệt đoạn được
Thấy được vô phân biệt
Chứng chân không thật tánh.
Tâm thấm đậm vô minh
Sự thấy các chúng sinh
Như voi, ngựa, ảo thuật
Lá cây cho là vàng.
Như người bị hoa mắt
Thấy lầm cái hoa đốm
Người ngu cũng như vậy
Vọng chấp các thế giới.
Phân biệt, bị phân biệt
Sự gây nên phân biệt
Bị ràng buộc vào nhân

Sáu nhân làm giải thoát.
Do chấp chặt nơi đây
Không địa, không sự thật
Cũng không những cõi nước
Hóa Phật và Nhị thừa.
Tâm khởi tất cả pháp
Khắp mọi nơi và thân
Tâm tánh thật vô tướng
Vô trí chấp chặt nhiều.
Tướng mê muội phân biệt
Gọi là Y tha khởi
Sự đặt tên tướng này
Đây chính là vọng chấp.
Các duyên pháp hòa hợp
Phân biệt nơi danh tướng
Và chúng không còn sinh
Gọi là Viên thành thật.
Khắp thế giới mười phương
Chúng sinh và Bồ-tát
Bao nhiêu pháp, báo thân
Hóa thân Phật biến hóa.
Đều từ Vô lượng thọ
Từ cõi Cực lạc ra
Ở nơi kinh Phương quảng
Nên biết mật ý kinh.
Những gì các Bồ-tát
Và Đấng Đạo Sư nói
Đều là Hóa thân nói
Chẳng phải Báo thân Phật.
Các pháp chưa hề sinh
Nhưng không phi hiện hữu
Như huyễn, như giấc mộng
Như hóa, như thành Càn.
Tất cả do tâm khởi
Tất cả do tâm thoát
Tâm không sinh cách khác
Tâm diệt cũng như vậy.
Vì chúng sinh phân biệt

Hiện ra tướng hư vọng
Duy tâm thật không cảnh
Lìa phân biệt giải thoát.
Tích tập từ vô thủy
Những phân biệt vu vơ
Huân tập tập khí xấu
Khởi thế giới hư vọng.
Vì chấp lầm tự tánh
Các pháp đều không sinh
Dựa vào nơi duyên khởi
Chúng sinh phân biệt lầm.
Phân biệt không tương xứng
Được tương đối thanh tịnh
Tách rời khỏi phân biệt
Chuyển biến đến chân như.
Chớ vọng chấp sai lầm
Vọng chấp tức không thật
Bị mê lầm phân biệt
Chấp, sự chấp đều không.
Phân biệt thấy ngoại cảnh
Là sai lầm tự tánh
Do chấp sai lầm này
Sinh tự tánh duyên khởi.
Thấy ngoại cảnh sai lạc
Tất cả chỉ tại tâm
Quán sát đúng chân lý
Biết, nhận biết không còn.
Như người ngu phân biệt
Ngoại cảnh vốn không thật
Tâm động vì tập khí
Theo cảnh giới bên ngoài.
Phân biệt hai bên dứt
Trí siêu việt chân như
Khởi lên không hình tướng
Thánh hạnh khó nghĩ bàn.
Do mẹ cha hợp lại
Như đề hồ trong hũ
A-lại-da cùng ý

Làm tăng trắng đỏ thêm.
Bế thị và điêu bào
Do nghiệp uế phát sinh
Gió nghiệp tăng tứ đại
Sinh ra như quả chín.
Năm, năm và năm thứ
Ghẻ, nhọt có chín thứ
Móng, răng, tóc đầy đủ
Đầy đủ mới sinh ra.
Mới sinh như con trùng
Như người ngủ thức dậy
Mở mắt thấy hình tướng
Phân biệt dần tăng thêm.
Biết được do phân biệt
Sự tập hợp lợi, môi…
Đầu tiên phát ra tiếng
Giống như con chim vẹt.
Tùy ý thích chúng sinh
An lập nơi Đại thừa
Chẳng phải chỗ sai lầm
Ngoại đạo không thể nhận.
Cái thừa chính ta chứng
Kẻ biện luận không đạt
Xin nói khi Phật diệt
Ai thọ trì pháp này?
Đại Tuệ! Ông nên biết
Thiện Thệ nhập Niết-bàn
Đời tương lai sẽ có
Người trì pháp của ta.
Trong nước Nam Thiên Trúc
Tỳ-kheo danh đức lớn
Pháp hiệu là Long Thọ
Phá kiến về hữu vô.
Tuyên thuyết trên thế giới
Pháp Đại thừa vô thượng
Đạt Sơ hoan hỷ địa
Sẽ đến nước Cực lạc.
Nghĩa xảy ra các duyên

Không thể có và không
Trong duyên vọng chấp vật
Phân biệt có và không.
Thuộc kiến giải ngoại đạo
Xa rời giáo pháp ta
Danh tự tất cả pháp
Tùy thuộc theo chỗ sinh.
Đã và đang huân tập
Cùng phân biệt xoay vần
Nếu không gọi danh xưng
Thế giới đều lẫn lộn.
Để tránh sự lầm lẫn
Nên tên gọi lập ra
Các pháp bị phân biệt
Mê muội bởi tên gọi.
Bắt nguồn từ các duyên
Có ba loại phân biệt
Vì không sinh không diệt
Bản tánh như hư không.
Không sở hữu tự tánh
Gọi là tướng vọng chấp
Như huyễn, ảnh, quáng nắng
Như vòng lửa, ảnh, mộng.
Như tiếng vang, thành Càn
Gọi là Y tha khởi
Chân như, không, không hai
Giới hạn và pháp tánh.
Hoàn toàn không phân biệt
Ta gọi là Viên thành
Ngôn ngữ thuộc tâm hành
Hư vọng rơi hai bên.
Tuệ phân biệt chân đế
Là tuệ chẳng phân biệt
Nhận thức của người trí
Người ngu không như vậy.
Như người trí nhận thức
Tất cả vật không tướng
Như chiếc vòng ngọc giả

Không vàng mà tưởng vàng.
Các pháp cũng như thế
Ngoại đạo lầm mê chấp
Các pháp không đầu, cuối
Trụ nơi tướng chân thật.
Không người tạo cuộc đời
Mê chấp không hiểu vậy
Pháp hiện hữu quá khứ
Hiện tương lai, hiện tại.
Tất cả pháp như vậy
Đều gọi là vô sinh
Vì các duyên hòa hợp
Nên gọi là có pháp.
Nếu duyên không hòa hợp
Không sinh cũng không diệt
Những điều kiện sinh pháp
Không thể đồng hay dị.
Nói tóm, đó là sinh
Nói rộng đó là diệt
Không, bất sinh là một
Không, sinh là việc khác.
Không, bất sinh tốt hơn
Không, sinh là hoại diệt
Không, chân như, giới hạn
Pháp giới và Niết-bàn.
Các loại Ý sinh thân
Ta gọi nhiều tên khác
Đối với kinh, luật, luận
Ai phân biệt thanh tịnh.
Nếu không hiểu vô ngã
Theo sách, không theo nghĩa
Chúng sinh lầm phân biệt
Kiến văn như sừng thỏ.
Phân biệt tức mê lầm
Thú khát theo sóng nắng
Do nơi vọng chấp chặt
Nên khởi ra phân biệt.
Nếu rời nhân vọng chấp

Không còn khởi phân biệt
Thật sâu xa cao rộng
Biết cõi Phật tự tại.
Ta dạy các Phật tử
Chẳng phải hàng Thanh văn
Ba cõi không, vô thường
Tách rời ngã, thuộc ngã.
Ta dạy hàng Thanh văn
Học thuyết tổng quát này
Không ràng buộc các pháp
Cô tịch là bước đi.
Quả Bích-chi suy niệm
Ta chỉ dạy cho người
Thân lệ thuộc sinh khởi
Mê muội không tự thấy.
Phân biệt ngoài tự tánh
Làm cho tâm vọng khởi
Có được do gia lực
Sinh đến các đường khác.
Hay đạt từ giấc mộng
Là bốn loại thần thông
Đạt được từ trong mộng
Nhờ oai lực của Phật.
Nhập vào từ các loại
Không sinh từ kết quả
Tâm ảnh hưởng tập khí
Giống thực sự hiện hữu.
Phàm ngu không hiểu biết
Nên bảo có sự sinh
Còn theo vọng phân biệt
Với đối tượng bên ngoài.
Thì lúc ấy vọng tăng
Không thấy lầm chính tâm
Vì sao nói có sinh?
Sao không nói sở kiến?
Không sự thấy mà thấy
Vì ai? Nói cho ai?
Bản thể tâm vốn tịnh

Ý và thức tương ưng.
Tập khí thường huân tập
Tạo ra các ô nhiễm
Tàng thức rời khỏi thân
Ý mới mong các đường.
Thức lầm giống cảnh giới
Nhận biết bằng tham chấp
Sự thấy chỉ tại tâm
Ngoại cảnh không thể có.
Ai tu quán như vậy
Lìa vọng, đạt chân như
Cảnh giới các thiền giả
Nghiệp và oai lực Phật.
Ba điều không thể bàn
Chúng vượt trên suy tưởng
Quá khứ, tương lai, người
Hư không và Niết-bàn.
Ta tùy theo thế tục
Chân đế rời văn tự
Nhị thừa và ngoại đạo
Cùng tùy thuộc các kiến.
Bị mê hoặc duy tâm
Lầm phân biệt ngoại cảnh
La-hán, Bích-chi-phật
Cho đến Phật Bồ-đề.
Chủng tử chắc giác ngộ
Mộng được Phật quán đảnh
Như huyễn tâm, tĩnh lặng
Tại sao nói hữu vô?
Nơi nào và cho ai?
Vì sao? Cho con biết
Kẻ mê hoặc duy tâm
Nói huyễn, hữu, phi hữu.
Tương ưng tướng sinh diệt
Hợp với tướng bình đẳng
Ý thức là phân biệt
Đi cùng với năm thức.
Như ảnh tượng, thác lũ

Khởi theo tâm, chủng tử
Nếu tâm, ý, ý thức
Các thức không sinh khởi.
Liền đạt Ý sinh thân
Cũng đạt nơi Phật địa
Các duyên và uẩn, giới
Tự tướng của nhân pháp.
Đều do tâm giả lập
Như mộng và hoa đốm
Xem đời như mộng huyễn
Nương tựa nơi chân thật.
Chân thật lìa các tướng
Vượt khỏi nhân tương ưng
Bậc Thánh trí tự chứng
Thường trụ nơi vô niệm.
Mê hoặc nhân tương ưng
Chấp thế gian là thật
Tất cả hý luận diệt
Mê lầm không sinh nữa.
Khi còn mê phân biệt
Thì tâm si hiện khởi
Các pháp không vô tánh
Và thường hay vô thường.
Kiến giải người theo sinh
Không phải theo vô sinh
Đồng, dị, hay không đồng
Tự nhiên và tự tại.
Thời gian, bụi, thắng tánh
Duyên phân biệt thế gian
Thức, hạt mầm sinh tử
Có mầm nên có sinh.
Như bức tranh dựa tường
Nhận biết tức không còn
Ví như xem ảo thuật
Ảo thuật sống và chết.
Phàm ngu cũng như vậy
Tưởng có buộc và mở
Pháp nhị biên trong, ngoài

Cho đến nhân duyên kia.
Người tu hành quán sát
Họ trụ nơi vô tướng
Tâm không lìa tập khí
Cũng không cùng tập khí.
Tuy tập khí ràng buộc
Tướng tâm không sai biệt
Tâm như tấm vải trắng.
Ý thức bị nhiễm bụi
Bụi tập khí làm nhơ
Khiến tâm không hiển hiện
Ta nói như hư không.
Không có, cũng chẳng không
Tàng thức cũng như vậy
Không cả hữu và vô
Ý thức nếu chuyển biến.
Tâm thoát khỏi vẩn đục
Ta bảo tâm là Phật
Hiểu rõ tất cả pháp
Đoạn tận ba tương tục.
Và thoát khỏi Tứ cú
Xa lìa hữu và vô
Sự vật thường như huyễn
Bảy địa đầu tâm khởi.
Nên có hai tự tánh
Địa sau và Phật địa
Đều là Viên thành thật
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc.
Cho đến cõi Niết-bàn
Tất cả thân thể này
Thuộc về cảnh giới tâm
Còn có chỗ sở đắc.
Thì mê hoặc sinh khởi
Nếu thông hiểu tự tâm
Tâm hoặc nghiệp không sinh
Hai pháp ta thiết lập.
Các tướng và chứng đắc
Bốn nguyên tắc lý thú

Phương tiện thuyết thành tựu
Thấy các loại danh tướng.
Là mê hoặc phân biệt
Nếu xa lìa danh tướng
Lìa tánh tịnh bậc Thánh
Tùy năng sở phân biệt.
Sẽ có tướng vọng chấp
Nếu lìa phân biệt kia
Tự tánh của bậc Thánh
Khi tâm được giải thoát.
Là chân lý bất biến
Chủng tánh và pháp tánh
Chân như không phân biệt
Vì có tâm thanh tịnh.
Nên cũng có ô nhiễm
Không tịnh thì không nhiễm
Thuộc cảnh giới người trí
Thế gian sinh từ duyên.
Tăng trưởng nơi phân biệt
Quán chúng như mộng huyễn
Giải thoát chính lúc ấy
Bao nhiêu tập khí xấu.
Nối kết cùng với tâm
Chúng sinh thấy ngoại cảnh
Không thấy pháp tánh tâm
Bản tâm vốn thanh tịnh.
Không sinh từ mê hoặc
Mê sinh từ tập khí
Không nhận thức được tâm
Mê hoặc tức chân thật.
Chân thật không đâu khác
Các hành chẳng phải hành
Chẳng thấy từ nơi khác
Hữu vi được nhìn thấy.
Rời khỏi tướng, sự tướng
Các tướng được xa lìa
Thấy thế giới tại tâm
An trú vào duy tâm.

Không phân biệt ngoại cảnh
Trụ nơi chân như trụ
Siêu việt khỏi tâm lượng
Khi siêu việt tâm lượng.
Cũng vượt nơi vô tướng
Do trụ nơi vô tướng
Nên không thấy Đại thừa
Thiền tịnh không dụng công.
Tĩnh tu các đại nguyện
Trí cao vời vô ngã
Không tướng nên không thấy
Nên quán cảnh giới tâm.
Và quán cảnh giới trí
Bằng tuệ quán siêu việt
Không mê hoặc nơi tướng
Khổ đế thuộc tâm hành.
Tập sở hành của trí
Diệt, đạo và Phật địa
Đều là tuệ siêu việt
Chứng ngộ cùng Niết-bàn.
Cho đến tám Thánh đạo
Thông hiểu tất cả pháp
Là trí Phật thanh tịnh
Nhãn căn và sắc cảnh.
Không, minh cùng tác ý
Được sinh từ tàng thức
Chúng sinh, nhãn thức sinh
Thủ là năng sở thủ.
Gọi sự cả hữu vô
Phân biệt sai không nhân
Là kẻ không có trí
Danh nghĩa không cùng sinh.
Danh nghĩa khác cũng vậy
Chấp nhân, không nhân sinh
Đều không lìa phân biệt
Lầm nghĩ trụ chân đế.
Thuyết giảng theo nhận định
Một tánh, năm không thành

Nên xa lìa thật nghĩa
Hý luận nơi hữu vô.
Hãy vượt khỏi nơi này
Do nhận biết vô ngã
Không vọng cầu các cõi
Kẻ chấp cho thường hằng.
Chú thuật cùng tranh luận
Chân lý rời ngôn thuyết
Nhận thấy pháp tịch diệt
Vì nương nơi tàng thức.
Nên ý chuyển khắp nơi
Vì nương vào tâm ý
Nên có các thức sinh
Tập thành pháp hư vọng.
Và tâm tánh chân như
Thiền giả quán như vậy
Thông đạt tánh duy tâm
Quán ý cùng sự tướng.
Không nghĩ thường, vô thường
Cho đến sinh, không sinh
Không phân biệt hai nghĩa
Từ nơi A-lại-da.
Sinh khởi nơi các thức
Hoàn toàn nơi một nghĩa
Mà sinh hai loại tâm
Do nhận thức tự tâm.
Chẳng không, chẳng ngôn thuyết
Nếu không thấy tự tâm
Bị kiến giải ràng buộc
Các duyên không sinh phân.
Các căn không chỗ có
Không tham, không uẩn, giới
Không tất cả hữu vi
Các nghiệp báo vốn không.
Không tạo tác, hữu vi
Xưa nay không chấp trước
Không buộc, cũng không mở
Không pháp hữu vô ký.

Pháp, phi pháp đều không
Không thời, không Niết-bàn
Tánh pháp chẳng nắm bắt
Không Phật, không chân lý.
Không nhân, cũng không quả
Chẳng loạn, chẳng Niết-bàn
Không sinh cũng không diệt
Cũng không mười hai chi.
Chẳng hữu biên, vô biên
Đoạn tận tất cả kiến
Ta gọi là duy tâm
Nghiệp phiền não cùng thân.
Và nghiệp sự đắc quả
Như sóng nắng, như mộng
Như thành Càn-thát-bà
Vì trú tại duy tâm.
Nên tách rời các tướng
Vì trú tại duy tâm
Nên nhận thức đoạn thường
Niết-bàn không các uẩn.
Vô ngã và vô tướng
Vì nhập vào duy tâm
Chuyển y đạt giải thoát
Tập khí xấu làm nhân.
Ngoài hiện nơi đại địa
Cho đến các chúng sinh
Duy tâm không sự thấy
Thân, tài sản, ảnh tượng.
Tập khí chúng sinh hiện
Tâm chẳng có hữu vô
Tập khí làm không hiện
Dơ hiện ở trong sạch.
Không sạch hiện nơi nhơ
Như mây che bầu trời
Tâm không hiện cũng vậy
Tánh vọng chấp làm hữu.
Nơi duyên khởi thì không
Do mê lầm vọng chấp

Không phân biệt duyên khởi
Sắc chẳng được tạo thành.
Có sắc chẳng được tạo
Thành Càn, mộng, huyễn, ảo
Các thứ này chẳng tạo
Nếu nơi pháp duyên sinh.
Gọi là thật, không thật
Người này quyết định theo
Kiến giải đồng và dị…
Thanh văn có ba loại.
Nguyện sinh hay biến hóa
Và thoát khỏi tham, sân…
Từ nơi pháp sinh ra
Bồ-tát cũng ba loại.
Họ chưa đạt Phật địa
Tùy chúng sinh nghĩ nhớ
Hiện thân giống như Phật
Sự hiện tâm chúng sinh.
Đều sinh từ tập khí
Vô số các ảnh tượng
Như mây, sao, trăng, trời
Nếu đại chủng là có.
Phải chăng có tạo sinh?
Tánh đại chủng là sinh
Không năng tướng, sở tướng
Đại chủng là năng tạo.
Địa hết thảy sở tạo
Đại chủng vốn không sinh
Nên sắc không chỗ tạo
Các sắc giả và thật….
Như sắc tạo từ huyễn
Từ mộng, thành Càn-thát
Sắc áo, chi phần năm
Năm loại Nhất-xiển-đề.
Các họ cũng năm loại
Năm thừa và vô thừa
Niết-bàn có sáu loại
Các uẩn hai mươi bốn.

Các sắc có tám loại
Phật có hai mươi tư
Phật tử có hai loại
Trăm lẻ tám pháp môn.
Thanh văn có ba loại
Các cõi Phật chỉ một
Và chỉ một Đức Phật
Giải thoát có ba loại.
Có bốn loại dòng tâm
Vô ngã có sáu loại
Sở tri cũng có bốn
Xa lìa nơi tác giả.
Lìa kiến giải sai lầm
Trong tự chứng bất động
Là Đại thừa vô thượng
Sinh cùng với không sinh.
Có tám loại chín loại
Chứng ngay hoặc dần dần
Thể chứng chỉ có một
Tám loại cõi Vô sắc.
Thiền sai biệt có sáu
Thanh văn và Bích-chi
Bảy hình thức giải thoát
Không có cả ba đời.
Thường, vô thường cũng vậy
Tạo nghiệp và quả báo
Đều như trong giấc mộng
Chư Phật vốn không sinh.
Và Thanh văn Phật tử
Tâm luôn lìa năng kiến
Như các pháp huyễn mộng
Nên đối tất cả cõi.
Từ Đâu-suất nhập thai
Sơ sinh và xuất gia
Không sinh, không chốn sinh
Vì chúng sinh lưu chuyển.
Mà nói đến Niết-bàn
Chân lý và các cõi

Tùy căn cơ giác ngộ
Đảo, rừng cây, thế gian.
Vô ngã, ngoại đạo, đi
Các thừa, thiền, Lại-da
Quả vị chẳng thể nghĩ bàn
Các loại trăng và sao.
Các dòng vua và trời
La-sát, Càn-thát-bà
Đều sinh từ nghiệp ái
Biến dịch, chết, không lường.
Vẫn nối kết tập khí
Khi sự chết chấm dứt
Lưới phiền não đoạn tận
Tiền, bạc, tài sản, gạo.
Ruộng, nhà và tôi tớ
Voi, ngựa và trâu dê…
Đều không được cất chứa
Không ngủ giường đục lỗ.
Không ở nền trát bùn
Bát bằng vàng, đồng, bạc
Đều không nên cất giữ
Dùng bát đất, đá, sắt.
Vỏ sò hay pha lê
Lượng đúng theo Ma-kiệt
Được dùng tùy theo bát
Thường dùng các màu xanh.
Phân bò, bùn, lá cây
Để nhuộm y màu trắng
Làm thành màu ca-sa
Dao dài bốn lóng tay.
Hình cong như bán nguyệt
Dùng để cắt rọc vải
Người tu hành nên dùng
Không nên học nghề nghiệp.
Cũng không nên mua bán
Nếu cần, nhờ tịnh nhân
Đây là điều ta dạy
Thường giữ gìn các căn.

Thông hiểu nghĩa kinh, luật
Không giao tiếp người đời
Đây gọi người tu hành
Gốc cây hay hang sâu.
Nhà trống hay nghĩa địa
Lều cỏ và đất trống
Nơi người tu nên ở
Thân thường mặc ba y.
Trong mộ địa, nơi khác
Nếu khi cần y phục
Người cúng, cho, nên nhận
Khi vị ấy khất thực.
Nhìn thẳng trước một tầm
Giữ niệm mà khất thực
Giống như ong hút hoa
Khi ở giữa đám đông.
Xen tạp Tỳ-kheo-ni
Nơi sinh sống thế tục
Đều không nên khất thực
Quốc vương và vương tử.
Quan quân cùng trưởng giả
Người tu hành khất thực
Đều không nên thân cận
Có người sinh hay chết.
Chỗ bạn bè thân thuộc
Chỗ Tăng, ni xen lẫn
Người tu hành không ăn
Trong chùa luôn có khói.
Thường có nhiều món ăn
Được chủ tâm chuẩn bị
Người tu hành không ăn
Hành giả nhìn cuộc đời.
Dầu năng tướng, sở tướng
Đều thoát ly sinh diệt
Cũng rời hữu và vô.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

QUYỂN 7

Phẩm 10: KỆ TỤNG (Phần 2)

Nếu các bậc tu hành
Không sinh ra phân biệt
Chẳng lâu đạt Tam-muội
Lực, thần thông tự tại.
Bậc tu hành không nên
Vọng chấp từ vi trần
Thời, thắng tánh, tác giả
Duyên sinh nơi thế gian.
Do sự tự phân biệt
Được sinh từ tập khí
Bậc tu hành nên quán
Các hữu như mộng huyễn.
Kiến, luôn luôn xa lìa
Phỉ báng và kiến lập
Thân thể, tài sản, nhà
Không phân biệt ba cõi.
Không nghĩ tưởng uống ăn
Chánh niệm, thân ngay ngắn
Luôn luôn cung kính lễ
Chư Phật và Bồ-tát.
Hiểu rõ trong kinh, luật
Pháp lý thú chân thật
Năm pháp, hai vô ngã
Và tư duy tự tâm.
Bên trong chứng pháp tịnh
Phật địa và các Địa
Khi hành giả tu tập
Thọ quán đảnh tòa sen.
Trầm luân trong các nẻo

Chán ghét nơi các hữu
Đến nghĩa trang yên tĩnh
Tu tập các quán hạnh.
Có vật sinh không nhân
Vọng cho lìa đoạn thường
Và lìa khỏi hữu vô
Vọng chấp là Trung đạo.
Vọng chấp vô nhân luận
Không nhân là đoạn kiến
Không rõ vật bên ngoài
Hoại diệt nơi Trung đạo.
Sợ rơi vào đoạn kiến
Không bỏ sự chấp pháp
Vì kiến lập phỉ báng
Vọng nói là Trung đạo.
Nhờ hiểu rõ duy tâm
Xa lìa nơi ngoại pháp
Cũng lìa vọng phân biệt
Nơi đây đạt Trung đạo.
Duy tâm không có cảnh
Không cảnh, tâm không sinh
Ta và các Như Lai
Gọi đây là Trung đạo.
Hoặc sinh, hay không sinh
Tự tánh, không tự tánh
Hữu, vô, tất cả không
Không phân biệt nhị nguyên.
Không sinh khởi phân biệt
Người ngu tưởng giải thoát
Tâm không biết trí sinh
Hiểu biết đoạn nhị chấp.
Nhờ hiểu rõ tự tâm
Nên đoạn chấp hai bên
Biết rõ nên đoạn diệt
Chẳng phải năng phân biệt.
Biết rõ chỗ tâm hiện
Nên phân biệt không khởi
Vì không khởi phân biệt

Tâm chân như chuyển đổi.
Nếu thấy sự khởi pháp
Không lỗi lầm ngoại đạo
Người trí liền giữ lấy
Niết-bàn không hoại diệt.
Ta và chư Phật nói
Rõ đây tức thành Phật
Nếu có phân biệt khác
Đó là ngoại đạo bàn.
Không sinh mà hiện sinh
Không diệt mà hiện diệt
Khắp trên muôn ức cõi
Thấy như trăng trong nước.
Một thân làm nhiều thân
Mưa rơi và lửa cháy
Tùy tâm hiện bao nhiêu.
Cho nên gọi Duy tâm
Tâm cũng là Duy tâm
Vô tâm từ tâm khởi
Vô số các sắc tướng.
Thông đạt đều duy tâm
Chư Phật và Thanh văn
Duyên giác các hình tướng
Nhiều sắc tướng khác nhau.
Đều gọi là duy tâm
Từ nơi cõi Vô sắc
Cho đến trong địa ngục
Hiện khắp vì chúng sinh.
Đều sinh từ duy tâm
Như huyễn các Tam-muội
Cho đến Ý sinh thân
Mười Địa cùng tự tại
Đều do chuyển y đạt.
Người ngu bị ràng buộc
Theo hiểu biết, thấy, nghe
Tự phân biệt điên đảo
Bị dao động hý luận.
Tất cả không chẳng sinh

Ta thật không Niết-bàn
Hóa thân nơi các cõi
Giảng ba thừa, Nhất thừa.
Có ba mươi sáu Phật
Mỗi Phật có mười sáu
Tùy tâm lượng chúng sinh
Mà hiện các cõi nước.
Phật pháp nơi thế gian
Cũng như tánh vọng chấp
Tuy xuất hiện rất nhiều
Nhưng thật không hiện hữu.
Pháp Phật là chân thật
Ngoài ra đều hóa Phật
Tùy chủng tử chúng sinh
Thấy thân Phật hiện hữu.
Do mê hoặc các tướng
Mà khởi ra phân biệt
Phân biệt chẳng khác chân
Tướng không tức phân biệt.
Tự tánh và thọ dụng
Hóa thân lại hiện thân
Ba mươi sáu Đức Phật
Thuộc Đức Phật tự tánh.
Do tập, chủng bên ngoài
Mà sinh ra phân biệt
Không thủ nơi chân thật
Và chấp giữ vọng hoặc.
Mê hoặc nương nội tâm
Và duyên theo ngoại cảnh
Khởi từ hai nhân này
Không có duyên thứ ba.
Mê hoặc nương trong ngoài
Mà được sinh khởi ra
Sáu mươi hai, mười tám
Ta bảo đều thuộc tâm.
Biết chỉ có căn, cảnh
Vượt ra ngoài chấp ngã
Ngộ tâm không cảnh giới

Thì được lìa chấp pháp.
Vì nương nơi bản thức
Mà có các thức sinh
Vì nương nơi nội xứ
Có ảnh hiện bên ngoài.
Không trí, thường, phân biệt
Hữu vi và vô vi
Cả hai chẳng nắm bắt
Như sao, mộng, hoa đốm.
Như thành Càn-thát-bà
Như huyễn, như sóng nắng
Vô hữu mà thấy có
Pháp duyên khởi cũng vậy.
Dựa vào ba loại tâm
Ta dạy căn, cảnh, ngã
Nhưng tâm, ý, ý thức
Đều không có tự tánh.
Tâm, ý và ý thức
Có hai loại vô ngã
Năm pháp, ba tự tánh
Thuộc cảnh giới chư Phật.
Nhân, tập khí là một
Tướng vận hành thành ba
Như dùng một màu sắc
Vẽ nhiều cách lên tường.
Năm pháp, hai vô ngã
Tự tánh, tâm, ý thức
Ở trong chủng tánh Phật
Đều không thể đạt được.
Rời khỏi tâm, ý thức
Và lìa nơi năm pháp
Xa rời nơi tự tánh
Đó là chủng tánh Phật.
Nếu nghiệp thân, miệng, ý
Không tu pháp bạch tịnh
Chủng tánh Như Lai tịnh
Nên xa lìa hiện hành.
Sức thần thông tự tại

Tịnh Tam-muội trang nghiêm
Các loại Ý sinh thân
Là chủng tánh Phật tịnh.
Trong tự chứng không nhơ
Thoát khỏi nơi nhãn tướng
Phật địa và Bát địa
Bản chất tánh Như Lai.
Viễn hành, thiện tuệ địa
Pháp vân và Phật địa
Đều thuộc chủng tánh Phật
Địa còn, của hai thừa.
Như Lai tâm tự tại
Vì chỉ dạy người ngu
Có tâm tướng khác nhau
Nên nói về bảy Địa.
Địa thứ bảy không khởi
Lỗi lầm thân, miệng, ý
Sở y Địa thứ tám
Như mộng vượt qua sông.
Tám Địa và năm Địa
Biết rõ về nghề nghiệp
Các Phật tử thường làm
Đứng đầu trong ba cõi.
Bậc trí không phân biệt
Hoặc sinh, hoặc không sinh
Không cùng với bất không
Tự tánh, vô tự tánh.
Chỉ hiện tại nơi tâm
Thật ra chẳng nắm bắt
Vì dạy hàng Nhị thừa
Nên bảo là thật, giả.
Chẳng phải vì Phật tử
Vậy không nên phân biệt
Hữu, phi hữu đều không
Không có tướng sát-na.
Pháp thật giả cũng không
Duy tâm chẳng nắm bắt
Pháp hữu là Tục đế

Tánh vô Đệ nhất nghĩa.
Mê hoặc nơi tánh không
Đây gọi là thế tục
Tất cả pháp đều không
Ta dạy hàng phàm ngu.
Giả thiết tùy theo tục
Đó chẳng phải chân lý
Ngôn từ nơi pháp khởi
Nên có nghĩa sở hành.
Nhận thấy chỗ sinh lời
Hoàn toàn chẳng nắm bắt
Rời tường không bức họa
Rời chất không có hình.
Biển tàng thức thanh tịnh
Các sóng thức không sinh
Nương Pháp thân có báo
Từ báo khởi hóa thân.
Đây là căn bản Phật
Ngoài ra đều hóa hiện
Không nên vọng phân biệt
Không cho đến bất không.
Vọng chấp nơi hữu vô
Nghĩa ngôn chẳng nắm bắt
Phàm ngu vọng phân biệt
Vật sinh từ tích tụ.
Thật một bụi cũng không
Thế nên không cảnh giới
Chúng sinh thấy tướng ngoài
Đều do tự tâm hiện.
Sự thấy đã không có
Nên cảnh bên ngoài không
Như voi lún bùn sâu
Không thể di động được.
Thanh văn trụ Tam-muội
Mê chấp cũng như vậy
Nếu thấy các thế gian
Tập khí cho là nhân.
Lìa hữu đều không có

Pháp vô ngã giải thoát
Gọi vọng chấp tự tánh
Duyên khởi là Y tha.
Chân như là Viên thành
Trong kinh ta thường dạy
Tâm, ý và ý thức
Phân biệt cùng biểu thị.
Bản thức tạo ba hữu
Đều dị danh của tâm
Đời sống, hơi ấm, thức
A-lại-da mạng căn.
Ý cho đến ý thức
Tên khác của phân biệt
Thân duy trì bởi tâm
Ý luôn luôn nhận thức.
Ý thức và các thức
Rõ cảnh giới tự tâm
Nếu thật có ngã thể
Trong uẩn và uẩn khác.
Nơi đó tìm ngã thể
Cuối cùng chẳng nắm bắt
Mỗi mỗi quán thế gian
Đều hiện chính tự tâm.
Với phiền não tùy miên
Giải thoát mọi khổ đau
Trí vô tận Thanh văn
Trí vắng lặng Duyên giác.
Trí tuệ của Như Lai
Sinh khởi không cùng tận
Không sắc tướng bên ngoài
Chỉ hiện thấy tự tâm.
Người ngu không hiểu biết
Lầm phân biệt hữu vi
Không biết cảnh giới ngoài
Tất cả đều tự tâm.
Kẻ ngu dùng nhân dụ
Tứ cú để thành lập
Bậc trí đều biết rõ

Cảnh giới hiện từ tâm.
Không dùng Tông, Nhân, Dụ
Các cú để thành lập
Phân biệt, bị phân biệt
Đó là tướng vọng chấp.
Vin vào nơi vọng chấp
Mà hiện khởi phân biệt
Không ngừng hỗ tương nhau
Đều nhân một tập khí.
Cả hai làm khách nhau
Chẳng tâm chúng sinh khởi
Vọng trú trong ba cõi
Tâm, tâm sở phân biệt.
Sự khởi giống cảnh giới
Là tự tánh vọng chấp
Ảnh tượng và chủng tử
Hợp làm mười hai xứ.
Hợp sở y, sở duyên
Nói về các hành tác
Như ảnh trong tấm gương
Mắt nhòe thấy hoa đốm.
Tập khí cũng như vậy
Người ngu thấy nhầm lẫn
Nơi cảnh tự phân biệt
Mà khởi nơi phân biệt.
Như ngoại đạo phân biệt
Ngoại cảnh chẳng nắm bắt
Kẻ ngu lầm sợi dây
Chấp đó là con rắn.
Không biết hiện nơi tâm
Phân biệt lầm ngoại cảnh
Như tự thể sợi dây
Không phải giống hay khác.
Chỉ lầm lỗi tự tâm
Lầm phân biệt sợi dây
Khi phân biệt vọng chấp
Tánh kia không thật có.
Tại sao thấy không thật?

Mà khởi ra phân biệt
Tánh sắc không có thật
Bình, vải… cũng như vậy.
Chỉ do phân biệt sinh
Sự thấy hoàn toàn không
Trong hữu vi vô thủy
Mê hoặc khởi phân biệt.
Pháp nào làm mê hoặc?
Xin Phật dạy cho con
Các pháp không tự tánh
Chỉ thấy chính tại tâm.
Không rõ nơi tự tâm
Thế nên sinh phân biệt
Sự phân biệt kẻ ngu
Chấp lầm thật chẳng có.
Sự có giống và khác
Người kia không thể biết
Sự có của bậc Thánh
Chẳng phải ngu phân biệt.
Nếu Thánh đồng với phàm
Thánh nên có hư vọng
Vì Thánh sửa tâm tịnh
Thế nên không mê hoặc.
Tâm phàm phu bất tịnh
Nên có vọng phân biệt
Như mẹ bảo đứa con:
"Này con, đừng khóc nữa.
Hư không có trái cây
Rất nhiều cho con hái"
Ta vì dạy chúng sinh
Vọng tưởng có nhiều quả.
Làm họ vui thích, xong
Nói pháp lìa hữu vô
Các pháp trước phi hữu
Không hòa hợp các duyên.
Vốn không sinh nhưng sinh
Hoàn toàn không tự tánh
Pháp chưa sinh không sinh

Rời duyên không chỗ sinh.
Pháp hiện sinh cũng vậy
Rời duyên chẳng nắm bắt
Chân thật quán duyên khởi
Phi hữu và phi vô
Cả hữu vô đều không
Bậc trí không phân biệt
Hàng phàm phu ngoại đạo
Vọng thuyết tánh khác đồng
Không rõ các duyên khởi
Thế gian như huyễn mộng
Pháp Đại thừa vô thượng
Vượt lãnh vực ngôn từ
Nghĩa ấy thật rõ ràng
Nhưng người ngu không hiểu
Hàng Thanh văn, ngoại đạo
Cách nói mang ích kỷ
Làm thay đổi thật nghĩa
Đều do vọng chấp sinh
Các tướng và tự thể
Hình trạng cho đến danh
Dựa theo bốn điều này
Mà các phân biệt khởi
Chấp Phạm, Tự tại thiên
Một thân và nhiều thân
Sự vận hành trời, trăng
Chẳng phải con của ta
Những ai đủ Thánh kiến
Thông suốt pháp như thật
Khéo léo chuyển các tướng
Đến bờ kia của thức
Đây dấu ấn giải thoát
Xa lìa nơi hữu vô
Và lìa nơi đi, đến
Là con trong pháp ta
Nếu sắc thức chuyển diệt
Các nghiệp đều biến mất
Đó là không sinh tử

Cũng không thường, vô thường
Sự biến hóa chuyển mất
Sắc xứ dầu rũ bỏ
Nghiệp trụ A-lại-da
Khỏi lỗi lầm hữu vô
Sắc thức tuy chuyển mất
Nhưng nghiệp vẫn tồn tại
Khiến ở trong các hữu
Sắc thức lại tương tục
Nếu các chúng sinh kia
Chỗ khởi nghiệp mất đi
Đó là không sinh tử
Cũng không có Niết-bàn
Nếu nghiệp và sắc thức
Đồng thời cùng hoại diệt
Nếu sinh trong sinh tử
Nghiệp sắc vẫn không khác
Sắc tâm và phân biệt
Chẳng khác, chẳng không khác
Người ngu cho là diệt
Thật sự lìa hữu vô
Duyên khởi cùng vọng chấp
Triển chuyển không khác nhau
Như sắc và vô thường
Triển chuyển sinh cũng vậy
Tách rời khỏi giống, khác
Vọng chấp không thể hiểu
Như sắc, tánh vô thường
Làm sao nói hữu vô
Thông đạt nơi vọng chấp
Thì duyên khởi không sinh
Khi duyên khởi được hiểu
Vọng chấp thành chân như
Nếu diệt tánh đoạn chấp
Pháp nhãn ta bị diệt
Trong giáo pháp của ta
Có kiến lập, phỉ báng
Như thế người chấp sắc

Thường hủy báng chánh pháp
Họ đều là phi pháp
Hoại diệt Pháp nhãn ta
Họ không thuộc nhóm trí
Bỏ đời sống Tỳ-kheo
Vì hủy hoại, vọng chấp
Bị kiến lập, phỉ báng
Đều tùy nơi phân biệt
Khởi kiến giải hữu vô
Như huyễn và hoa đốm
Mộng, sóng nắng, thành Càn
Ai không học pháp Phật
Chẳng nên cùng chung ở
Vì rơi vào hai bên
Hại mình và người khác
Có những bậc tu hành
Quán sát tánh vọng chấp
Tịch tĩnh rời hữu vô
Bảo vệ cùng chung ở
Như có nơi thế gian
Xuất ra vàng ngọc báu
Tuy nó không tạo tác
Nhưng cho người thọ dụng
Tánh nghiệp cũng như vậy
Xa lìa mọi chủng tánh
Sở kiến nghiệp chẳng có
Nhưng sinh ra các cõi
Hiểu biết theo bậc Thánh
Các pháp vô sở hữu
Người ngu bị phân biệt
Vọng chấp pháp phi vô
Như người ngu phân biệt
Pháp đó là phi hữu
Tất cả pháp đều không
Chúng sinh không tạp nhiễm
Vì có pháp tạp nhiễm
Bị vô minh, ái buộc
Khởi ra thân sinh tử

Các căn đều đầy đủ
Nếu người ngu phân biệt
Pháp này đều là không
Thì các căn không sinh
Chẳng phải chánh tu hành
Nếu pháp này là có
Nhưng vì nhân sinh tử
Người ngu chẳng đợi tu
Tự nhiên mà giải thoát
Nếu không có pháp kia
Thánh phàm sao khác biệt
Thì không có Thánh nhân
Tu hành ba giải thoát
Các uẩn và nhân pháp
Tự, cọng tướng, vô tướng
Các duyên và các căn
Ta dạy hành Thanh văn
Duy tâm và vô nhân
Các địa và tự tại
Nội chứng tịnh chân như
Ta dạy cho Phật tử
Đời tương lai sẽ có
Người thân mặc ca-sa
Vọng nói về hữu vô
Hủy hoại chánh pháp ta
Duyên khởi pháp vô tánh
Là hành động bậc Thánh
Vọng chấp tánh vô vật
Kẻ so sánh phân biệt
Tương lai có người ngu
Dẫn đầu các ngoại đạo
Nói về Vô Nhân Luận
Ác kiến phá thế gian
Vọng nói các thế gian
Sinh ra từ cát bụi
Cát bụi đó không nhân
Chín loại vật thật thường
Từ thật mà thành thật

Từ đức sinh ra đức
Tánh chân pháp khác đây
Hủy báng nói là không
Hoặc vốn không mà sinh
Thế gian có bắt đầu
Sinh tử không nguồn gốc
Đây lời dạy của ta
Tất cả vật ba cõi
Vốn không mà sinh ra
Sừng lạc đà, lừa, chó
Cũng chẳng có nghi ngờ
Nhãn sắc thức vốn không
Mà nay lại có sinh
Những vải, mũ và chiếu…
Chắc sinh từ cục đất!
Trong vải không thấy chiếu
Trong rơm cũng không chiếu
Sao không nhờ các duyên
Tập hợp để sinh chiếu
Đời sống cùng thân thể
Nếu vốn không mà sinh
Trước ta đã nói đó
Đều là luận ngoại đạo
Trước ta đã lập Tông
Để ngăn chận ý kia
Đã ngăn ý ấy rồi
Sau mới nói tự tông
Sợ các chúng đệ tử
Đắm trước tông hữu vô
Thế nên ta vì họ
Trước giảng luận ngoại đạo
Ác tuệ Ca-tỳ-la
Dạy cho các môn đệ
Thắng tánh sinh thế gian
Năng lực sự chuyển biến
Các duyên không có thật
Không duyên sinh hiện sinh
Các duyên đã không duyên

Chẳng sinh, chẳng không sinh
Tông ta lìa hữu vô
Và lìa cả nhân duyên
Sinh diệt và sở tướng
Tất cả đều xa lìa
Thế gian như huyễn mộng
Nhân duyên đều vô tánh
Thường quán sát như vậy
Phân biệt hẳn không khởi
Nếu quán sát các hữu
Như sóng nắng, hoa đốm
Như thành Càn-thát-bà
Thường lìa khỏi hữu vô
Xả ly cả nhân duyên
Khiến tâm đều thanh tịnh
Nếu nói không ngoại cảnh
Mà chỉ có tự tâm
Không cảnh thì không tâm
Làm sao thành duy thức?
Vì có chỗ cảnh duyên
Tâm chúng sinh khởi được
Không nhân, tâm không sinh
Làm sao thành duy thức?
Chân như và duy thức
Là sở hành bậc Thánh
Hữu này nói phi hữu
Họ không hiểu ngã pháp
Do năng thủ, sở thủ
Mà tâm bị sinh khởi
Tâm thế gian như vậy
Nên chẳng phải duy tâm
Thân, tài sản, ảnh tượng
Như mộng từ tâm sinh
Tâm tuy thành hai phần
Nhưng tâm không hai tướng
Như dao không tự cắt
Ngón tay không tự sờ
Và tâm không tự thấy

Việc ấy cũng như vậy
Tâm không có ảnh tượng
Không có Y tha khởi
Tánh vọng chấp cũng không
Không năm pháp, hai tâm
Năng sinh và sở sinh
Đều là tướng tự tâm
Mật ý nói năng sinh
Nhưng thật không tự sinh
Bao nhiêu hình trạng cảnh
Nếu do vọng chấp sinh
Hư không và sừng thỏ
Cũng phải thành cảnh tướng
Giống cảnh khởi Từ tâm
Cảnh này không vọng chấp
Nhưng cảnh vọng chấp kia
Rời tâm, chẳng nắm bắt
Trong sinh tử vô thủy
Cảnh giới đều phi hữu
Tâm không có chỗ khởi
Làm sao thành ảnh tượng
Nếu không vật có sinh
Sừng thỏ cũng sinh được
Không thể không vật sinh
Mà khởi ra phân biệt
Như cảnh hiện phi hữu
Cảnh trước kia cũng không
Vì sao trong không cảnh
Mà tâm duyên cảnh sinh
Chân như, không, thật tế
Pháp giới và Niết-bàn
Tất cả pháp không sinh
Là tánh Đệ nhất nghĩa
Kẻ ngu rơi hữu vô
Phân biệt các nhân duyên
Không thể biết các hữu
Không sinh, không người tạo
Tâm làm nhân vô thủy

Không thấy được do tâm
Đã không cảnh vô thủy
Tâm từ đâu sinh ra?
Không vật mà được sinh
Như nghèo trở nên giàu
Không cảnh mà sinh tâm
Xin Phật dạy cho con
Nếu tất cả không nhân
Không tâm và không cảnh
Tâm đã không chỗ sinh
Lìa ba hữu tạo tác
Nhân những bình, vải, sừng…
Mà nói không sừng thỏ
Vì thế không nên nói
Không có tướng nhân pháp
Không nhân, không hiện hữu
Vì không chẳng thành không
Hữu vô cũng như vậy
Dần dần tướng nhân khởi
Nếu vin vào chút pháp
Mà có chút pháp khởi
Đó là tiền sở y
Không nhân mà tự có
Nếu có tùy thuộc khác
Tùy thuộc đó có thuộc
Như vậy thì vô cùng
Cũng chẳng có chút pháp
Dựa vào gỗ, ngọn lá….
Hiện vô số tướng huyễn
Chúng sinh cũng như vậy
Dựa các việc mà hiện
Dựa theo nhà ảo thuật
Khiến ngu thấy tướng huyễn
Nhưng nơi những gỗ, lá…
Như huyễn thật không có
Nếu nương nơi việc này
Pháp đây bị hủy hoại
Đã thấy rõ không hai

Sao có chút phân biệt?
Phân biệt không vọng chấp
Phân biệt cũng không có
Vì phân biệt là không
Không Niết-bàn, sinh tử
Vì không sự phân biệt
Nên phân biệt không khởi
Vì sao tâm không khởi
Mà được có duy tâm?
Ý sai biệt vô lượng
Đều không pháp chân thật
Không thật, không giải thoát
Cũng không các thế gian
Người ngu bị phân biệt
Thấy bên ngoài đều không
Tập khí khuấy đục tâm
Mà hiện giống ảnh tượng
Đối các pháp hữu vô
Tất cả đều không sinh
Chỉ đều do tâm hiện
Rời khỏi nơi phân biệt
Nói các pháp từ duyên
Vì người ngu vô trí
Tánh tự tâm giải thoát
Tâm tịnh, chỗ Thánh trụ
Số, thắng luận, lõa hình
Phạm chí cùng Tự tại
Đều rơi vào vô kiến
Xa lìa nghĩa tịch tĩnh
Không tự tánh không sinh
Rời cấu, không, như huyễn
Chư Phật và Thế Tôn
Nói cho ai như vậy?
Cho người tu tâm tịnh
Thoát khỏi sự kiến chấp
Chư Phật dạy cho họ
Ta cũng dạy như vậy
Nếu tất cả là tâm

Thì thế gian ở đâu?
Nhân nào là đại địa?
Chúng sinh có đến đi?
Như chim nay trên trời
Theo phân biệt mà đi
Không nương, không ở đâu
Như đi trên mặt đất
Chúng sinh cũng như vậy
Tùy nơi vọng phân biệt
Di chuyển theo tự tâm
Như chim bay trên trời
Thân, tài sản, ảnh tượng
Phật dạy khởi chính tâm
Xin nói ảnh duy tâm
Nguyên nhân tại sao khởi?
Thân, tài sản, ảnh tượng
Đều do tập khí chuyển
Nhân cũng không như lý
Sự sinh của phân biệt
Ngoại cảnh là vọng chấp
Tâm duyên theo cảnh sinh
Biết cảnh là duy tâm
Thì phân biệt không khởi
Nếu thấy tánh vọng chấp
Danh nghĩa không hòa hợp
Xa lìa giác, sở giác
Giải thoát các hữu vi
Xả ly hết danh nghĩa
Đó là pháp chư Phật
Ai mong ngộ đường khác
Mình và người không đạt
Khi thế gian được thấy
Lìa năng giác, sở giác
Lúc này sẽ không khởi
Tên gọi sự phân biệt
Do thấy suốt tự tâm
Lầm tưởng danh tự diệt
Không thấy được tự tâm

Thì khởi ra phân biệt
Bốn uẩn tướng vô sắc
Không thể đếm chúng được
Đại chủng tánh khác nhau
Làm sao cùng sinh sắc?
Do vì lìa các tướng
Năng sở tạo phi hữu
Sắc khác riêng có tướng
Các uẩn sao không sinh?
Nếu thấy nơi vô tướng
Uẩn, xứ đều xả ly
Khi ấy tâm cũng bỏ
Nên thấy pháp vô ngã
Vì căn, cảnh sai biệt
Sinh ra Bát chủng thức
Ở trong vô tướng kia
Xa lìa cả ba tướng
Ý duyên A-lại-da
Sinh chấp ngã, ngã sở
Và thức, hai chấp giữ
Hiểu rõ đều xa lìa
Quán thấy, rời giống, khác
Đó là vô sở động
Tách rời ngã, ngã sở
Hai loại vọng phân biệt
Không tăng trưởng, không sinh
Cũng không làm nhãn thức
Đã lìa năng sở tạo
Diệt rồi, không sinh lại
Thế gian không tạo tác
Và lìa tướng năng sở
Vọng chấp và duy tâm
Xin Phật dạy tại sao?
Tự tâm hiện vô số
Các hình tướng phân biệt
Không rõ chỗ hiện tâm
Vọng chấp bảo ngoài tâm
Do vì không trí giác

Mà khởi ra vô kiến
Tại sao nơi tánh hữu
Tâm không sinh đắm trước
Phân biệt chẳng hữu vô
Cho nên hữu không sinh
Biết sở kiến duy tâm
Nên phân biệt không khởi
Vì phân biệt không khởi
Chuyển y vô sở trước
Bốn tông bị ngăn chặn
Gọi các pháp hữu, nhân…
Đó chỉ là dị danh
Chỗ thiết lập không thành
Nên biết năng tác nhân
Cũng không được thành lập
Vì ngăn chặn năng tác
Nói nhân duyên hòa hợp
Vì ngăn nơi lỗi thường
Nói duyên là vô thường
Người ngu bảo vô thường
Thật ra không sinh diệt
Không thấy pháp hoại diệt
Nhưng có chỗ tạo tác
Sao có pháp vô thường
Và lại có chỗ sinh?
Trời, Người, A-tu-la
Quỷ, Súc sinh, Diêm-la
Chúng sinh sinh trong đó
Ta gọi là sáu đường
Do nghiệp thượng, trung, hạ
Mà thọ sinh trong đó
Giữ gìn các thiện pháp
Được giải thoát thù thắng
Phật vì các Tỳ-kheo
Nói về chỗ thọ sinh
Mỗi niệm đều sinh diệt
Xin Phật dạy cho con
Sắc sắc chẳng tạm ngừng

Tâm tâm cũng sinh diệt
Ta nói cho đệ tử
Thọ sinh diệt liên tục
Phân biệt trong sắc sắc
Sinh diệt cũng như vậy
Phân biệt là chúng sinh
Lìa phân biệt không có
Ta vì các duyên này
Nói từng mỗi niệm sinh
Nếu lìa thủ trước sắc
Không sinh, cũng không diệt
Duyên sinh, phi duyên sinh
Vô minh và chân như…
Hai pháp duyên sinh khởi
Không hai tức chân như
Nếu duyên kia phi duyên
Pháp sinh có sai biệt
Thường hằng… cùng các duyên
Có năng tác, sở tác
Chính bậc Đại Mâu-ni
Và chư Phật đã dạy
Có năng tác, sở tác
Cùng ngoại đạo không khác
Ta dạy các đệ tử
Thân là Khổ thế gian
Cũng là Tập thế gian
Đầy đủ Diệt và Đạo
Phàm phu vọng phân biệt
Chấp chặt ba tự tánh
Thấy năng thủ, sở thủ
Pháp thế và xuất thế
Ta trước vì so sánh
Nói thủ nơi tự tánh
Nay vì ngăn các kiến
Không nên vọng phân biệt
Tìm lỗi là phi pháp
Làm cho tâm bất định
Đều do hai thủ khởi

Không khởi tức chân như
Nếu vô minh, ái nghiệp
Mà sinh ra các thức…
Tà niệm lại có nhân
Sai lầm lớn vô cùng
Vô trí nói các pháp
Có bốn loại hoại diệt
Vọng khởi hai phân biệt
Chân pháp lìa hữu vô
Rời khỏi nơi Tứ cú
Cũng lìa nơi nhị kiến
Phân biệt khởi hai bên
Hiểu rõ không sinh lại
Biết sinh trong không sinh
Trong sinh biết không sinh
Pháp ấy đồng như nhau
Không nên khởi phân biệt
Xin Phật dạy cho con
Lý ngăn chặn hai kiến
Con và các Bồ-tát
Không rơi vào hữu vô
Lánh xa các ngoại đạo
Rời khỏi nơi Nhị thừa
Sở hành chư Phật chứng
Phật tử chớ bỏ mất
Nhân giải thoát phi nhân
Cùng một tướng vô sinh
Vì mê chấp tên khác
Bậc trí hãy xa lìa
Pháp sinh từ phân biệt
Như lòa, huyễn, sóng nắng
Ngoại đạo lầm phân biệt
Đời sinh từ tự tánh
Vô sinh và chân như
Tánh không và chân tế
Đây là tên gọi khác
Chẳng nên chấp là không
Như tay có nhiều tên

Tên Đế Thích cũng vậy
Và các pháp cũng vậy
Chẳng nên chấp là không
Sắc cùng không, không khác
Vô sinh cũng như vậy
Chớ nên chấp là khác
Thành kiến giải sai lầm
Sự phân biệt chung, riêng
Và các phân biệt khác
Chấp trước các sự tướng
Có dài, ngắn, vuông, tròn…
Tổng phân biệt là tâm
Biến phân biệt là ý
Biệt phân biệt là thức
Đều rời tướng năng sở
Khởi kiến trong ngã pháp
Và vô sinh ngoại đạo
Đều là vọng phân biệt
Không khác những lỗi lầm
Ai có thể hiểu rõ
Điều ta nói vô sinh
Và ý nghĩa vô sinh
Người ấy hiểu pháp ta
Để phá vỡ kiến giải
Vô sinh không trụ xứ
Biết rõ hai nghĩa này
Nên ta gọi vô sinh
Phật thuyết pháp vô sinh
Hoặc là có, là không
Đều giống các ngoại đạo
Không nhân, không sinh luận
Ta dạy duy tâm lượng
Tách rời với hữu vô
Hoặc sinh, hoặc không sinh
Hãy xa lìa kiến này
Vô nhân, luận không sinh
Sinh thì chấp tạo tác
Tạo tác lẫn lộn kiến

Không, tức tự nhiên sinh
Phật dạy các phương tiện
Chánh kiến và đại nguyện…
Tất cả pháp nếu không
Đạo tràng sao thành tựu?
Lìa năng thủ, sở thủ
Chẳng sinh, cũng chẳng diệt
Sự thấy pháp, phi pháp
Đều khởi chính tự tâm
Lời đấng Mâu-ni dạy
Sau trước tự trái nhau
Vì sao thuyết các pháp
Mà lại nói không sinh!
Chúng sinh không thể biết
Xin Phật dạy cho con
Tránh được lỗi ngoại đạo
Và các nhân điên đảo
Xin đấng tối thắng dạy
Sự sinh và đoạn diệt
Đều xa lìa hữu vô
Nhưng không hoại nhân quả
Thế gian rơi hai bên
Bị mê hoặc các kiến
Xin đấng "Mắt sen xanh"
Nói trình tự các Địa
Chấp thủ sinh, bất sinh
Không rõ nhân tịch diệt
Đạo tràng không được nghe
Và ta cũng không nói
Pháp sát-na đều không
Không sinh, không tự tánh
Chư Phật dứt hai bên
Hai bên tức sai lầm
Bị che bởi ác kiến
Phân biệt phi Như Lai
Vọng chấp nơi sinh diệt
Xin Phật dạy cho con
Bị hý luận chồng chất

Hòa hợp khởi sinh ra
Tùy theo loại hiện hữu
Đầy đủ cả sắc cảnh
Nhận thấy sắc bên ngoài
Mà khởi ra phân biệt
Ai biết rõ điều này
Thì thấy nghĩa chân thật
Nếu lìa nơi đại chủng
Các vật sẽ không thành
Đại chủng chính duy tâm
Nên biết không chỗ sinh
Tâm này cũng chẳng sinh
Là thuận Thánh chủng tánh
Chớ phân biệt phân biệt
Không phân biệt là trí
Phân biệt nơi phân biệt
Hai bên không Niết-bàn
Nếu lập Tông vô sinh
Pháp huyễn bị hủy diệt
Và không nhân khởi huyễn
Xúc phạm đến tự tông
Giống như ảnh trong gương
Tuy lìa tánh đồng - dị
Sở kiến chẳng phải vô
Tướng sinh cũng như vậy
Như huyễn, thành Càn-thát…
Đều chờ nhân duyên hữu
Các pháp cũng như vậy
Là sinh, chẳng bất sinh
Phân biệt nơi nhân pháp
Khởi sinh hai loại ngã
Đây chỉ lời thế tục
Kẻ ngu không hiểu biết
Do nguyện cùng duyên tập
Tự lực và tối thắng
Có năm pháp Thanh văn
Những bậc A-la-hán
Thời gian và hoại diệt

Thắng nghĩa và chuyển biến
Là bốn loại vô thường
Ngu không trí phân biệt
Người ngu rơi nhị biên
Vi trần, tự tánh, tác
Chấp chặt về hữu vô
Không biết nhân giải thoát
Đại chủng chống trái nhau
Sao tạo thành sắc được?
Đại chủng có tánh riêng
Không đại, không tạo thành
Lửa đốt cháy sắc chất
Nước lại làm thấm ướt
Gió làm cho tan mất
Làm sao sắc được sinh?
Sắc uẩn và thức uẩn
Chỉ hai, không phải năm
Ngoài ra là tên khác
Ta gọi kia như oán
Tâm, tâm sở sai biệt
Khởi nơi pháp hiện tại
Phân tích về các sắc
Không gì tạo ngoài tâm
Xanh, trắng… liên hệ nhau
Tác, sở tác cũng vậy
Tánh không và sự sinh
Lạnh, nóng tương quan nhau
Hữu, vô… và tất cả
Vọng chấp không thành lập
Tâm, ý và sáu thức
Cùng các thức tương ưng
Đều nương Tàng thức sinh
Chẳng đồng và chẳng dị
Số, thắng luận, lõa hình
Chấp Tự tại sáng tạo
Đều rơi vào hữu vô
Xa lìa nghĩa tịch tĩnh
Đại chủng sinh hành tướng

Không sinh nơi đại chủng
Ngoại đạo nói đại chủng
Sinh đại chủng và sắc
Với ngoại pháp không sinh
Ngoại đạo chấp nguyên nhân
Họ nương theo hữu vô
Bởi ngu muội không biết
Thật tướng chân thanh tịnh
Nhất thống cùng đại trí
Tương ưng cùng với tâm
Không hòa hợp với ý…
Nếu nghiệp đều sinh sắc
Thì không hợp nhân uẩn
Chúng sinh không nên chấp
Không trú cõi Vô sắc
Gọi đó là vô ngã
Chúng sinh cũng nên vô
Vô sắc cho là đoạn
Các thức không sinh khởi
Thức nương bốn xứ trụ
Sao sinh khởi vô sắc?
Trong ngoài không hiện hữu
Thức cũng không sinh khởi
Chúng sinh, thức nếu không
Tự nhiên được giải thoát
Chắc là luận ngoại đạo
Kẻ vọng chấp không biết
Hoặc hữu theo ưa chấp
Trong hữu, trong các uẩn
Như sinh nơi vô sắc
Vô sắc sao hữu sinh?
Sắc thấy trong vô sắc
Nó không thể nhìn thấy
Vô sắc thì không hợp
Không xe, không người đi
Thức sinh từ tập khí
Hòa hợp cùng các căn
Tám thức nơi sát-na

Chấp giữ chẳng nắm bắt
Nếu các sắc không khởi
Các căn không phải căn
Nên Đức Thế Tôn dạy
Căn, sắc… định tạm thời
Vì sao không rõ sắc
Mà đạt hữu thức sinh?
Tại sao thức không sinh
Mạ bị thọ sinh tử?
Các căn và căn cảnh
Bậc Thánh hiểu nghĩa này
Kẻ ngu si vô trí
Lầm chấp giữ danh ngôn
Thức sáu không nên chấp
Hữu thủ và vô thủ
Vốn lìa các lỗi lầm
Bậc Thánh không nói vậy
Các ngoại đạo vô trí
Sợ hãi nơi đoạn - thường
Chấp hữu vi, vô vi
Cùng ngã không sai khác…
Chấp chúng cùng tâm một
Hoặc cùng ý là khác
Chấp hữu trong tánh đồng
Tánh dị cũng như vậy
Nếu thủ là xác quyết
Gọi là tâm, tâm sở
Thủ này sao không thể
Nêu lên nơi tánh đồng
Chấp thủ và tạo nghiệp
Đưa đến chỗ thọ sinh
Giống như lửa tạo thành
Lý thú giống, không giống
Như khi lửa bốc cháy
Cháy, bị cháy hợp nhau
Vọng chấp ngã cũng vậy
Tại sao không chỗ chấp?
Hoặc sinh, hoặc không sinh

Tâm tánh thường thanh tịnh
Sự lập ngã ngoại đạo
Sao không dẫn ví dụ?
Mê hoặc trong rừng Thức
Vọng chấp lìa chân pháp
Thích luận thuyết về ngã
Giong ruổi khắp đó đây
Trong chứng trí sở hành
Tướng chân ngã thanh tịnh
Đây là Như Lai tạng
Hàng ngoại đạo không biết
Phân tích nơi các uẩn
Năng thủ và sở thủ
Ai biết rõ tướng này
Thì sinh trí chân thật
Các hàng ngoại đạo này
Nơi thức A-lại-da
Chấp ý hợp nhất ngã
Đây chẳng phải lời Phật
Nếu hiểu rõ thuyết này
Giải thoát kiến chân đế
Phiền não thuộc kiến, tu
Đều thanh tịnh đoạn trừ
Bản tánh tâm thanh tịnh
Chúng sinh bị mê hoặc
Như Lai tạng vô cấu
Thoát khỏi vô giới hạn
Bản thức ở trong uẩn
Như vàng bạc trong quặng
Nhờ nung, sửa, tôi luyện…
Vàng bạc mới hiển hiện
Phật không người, không uẩn
Phật là trí vô lậu
Suốt thông, thường tịch tĩnh
Ta nương tựa nơi Ngài
Tâm bản tánh thanh tịnh
Tùy phiền não và ý
Cùng với ngã tương ưng

Xin Phật giảng cho con
Tự tánh tâm thanh tịnh
Nhưng ý thức thì khác
Chúng tích tập nhiều nghiệp
Tạp nhiễm sinh hai bên
Ý thức… ngã, phiền não
Làm ô nhiễm tâm tịnh
Giống như chiếc áo sạch
Bị dính nhiều dơ bẩn
Áo đã được giặt sạch
Như vàng ra khỏi quặng
Vàng, áo đều không hư
Tâm rời lỗi cũng vậy
Người vô trí tìm cầu
Nơi đàn, tù và, trống…
Những âm thanh tuyệt diệu
Ngã trong uẩn cũng vậy
Như báu trong kho tàng
Hay nước trong lòng đất
Tuy có nhưng không thấy
Ngã trong uẩn cũng vậy
Công năng tâm, tâm sở
Uẩn tương ưng tích tập
Người vô trí không thủ
Ngã trong uẩn cũng vậy
Như phụ nữ mang thai
Tuy có, không thể thấy
Chân thật ngã trong uẩn
Vô trí không biết được
Thắng lực của dược thảo
Như chất lửa trong cây
Chân thật ngã trong uẩn
Vô trí không biết được
Tánh không trong các pháp
Cho đến tánh vô thường
Chân thật ngã trong uẩn
Vô trí không biết được
Địa, thần thông tự tại

Quán đảnh, Tam-muội cao
Nếu không chân ngã này
Thì chúng đều không có
Có kẻ phá hoại nói:
Nếu có, hãy chỉ tôi
Bậc trí nên đáp rằng:
Chỉ tôi phân biệt ông
Chủ trương vô chân ngã
Hủy pháp chấp hữu vô
Tỳ-kheo hãy Yết-ma
Loại họ khỏi hội chúng
Thuyết chân ngã rực rỡ
Như kiếp hỏa nổi dậy
Đốt khu rừng vô ngã
Xa lỗi lầm ngoại đạo
Như sữa, dầu, mật, đường…
Cho đến những dầu mè
Có vị riêng của chúng
Chưa từng nếm không biết
Ở trong thân các uẩn
Tìm ngã theo năm cách
Người ngu không biết được
Trí thấy, liền giải thoát
Sự lập dụ minh trí
Vẫn chưa rõ nơi tâm
Nghĩa tích tập trong đó
Sao thấy chính xác được?
Các pháp tướng khác nhau
Không rõ tâm chỉ một
Kẻ suy lường vọng chấp
Không nhân, không sinh khởi
Thiền giả quán nơi tâm
Chính tâm không thấy tâm
Thấy từ đối tượng sinh
Đối tượng nhân đâu khởi?
Ta dòng Ca-chiên-diên
Sinh trong Tịnh cư thiên
Vì chúng sinh thuyết pháp

Khiến nhập thành Niết-bàn
Duyên nơi pháp bản trụ
Ta và các Như Lai
Ở trong ba ngàn kinh
Giảng rộng pháp Niết-bàn
Cõi Dục, cõi Vô sắc
Nơi đó không thành Phật
Cõi Sắc, trời Cứu cánh
Lìa dục, đạt giác ngộ
Cảnh giới nhân không buộc
Nhân buộc nơi cảnh giới
Tu hành kiếm trí bén
Cắt đứt phiền não kia
Làm sao có vô ngã?
Các pháp huyễn, hữu, vô
Ngu si hiện chân như
Làm sao vô chân ngã?
Pháp đã tạo, chưa tạo
Nhân không phải khởi sinh
Tất cả đều vô sinh
Người ngu không biết được
Nhân năng tác không sinh
Các duyên và sở tác
Cả hai đều không sinh
Vì sao chấp năng tác?
Người chấp vọng nói có
Nhân đồng thời sau trước
Hiện cái bình, đệ tử…
Bảo các vật sinh khởi
Phật chẳng phải hữu vi
Mà đầy đủ tướng tốt
Mà công đức Luân vương
Không sánh với Như Lai
Phật lấy trí làm tướng
Tách rời khỏi các kiến
Tự nội chứng sở hành
Đoạn trừ tất cả lỗi
Những mù, điếc, ngọng, câm…

Già, trẻ và thù oán…
Những cảm thọ rất nặng
Không thấy nơi phạm hạnh
Tướng hảo ẩn làm trời
Tướng ẩn làm Luân vương
Cả hai đắm buông lung
Chỉ hiện người xuất gia
Sau Thích-ca nhập diệt
Sẽ có Tỳ-da-bà
Ka-na, Lê-sa-bà
Kiếp-tỳ-la xuất gia
Trăm năm sau ta diệt
Tỳ-da-bà thuyết giảng
Bà-la-đa các luận
Tiếp có Bán-trạch-sa
Kiều-lạp-bà, La-ma
Kế có Di-ly vương
Nan-đà và Cúc-đa
Đến vua Miệc-lợi-xa
Đao binh bắt đầu khởi
Đây là thời cực ác
Khi ấy các thế gian
Không tu hành chánh pháp
Qua những thời đại này
Thế giới như bánh xe
Lửa, mặt trời hợp lại
Đốt thiêu nơi cõi Dục
Các trời lập trở lại
Thế giới lại thành tựu
Các vua, bốn đẳng cấp
Các Tiên ban hóa pháp
Vệ-đà, thờ, bố thí
Những pháp này hồi sinh
Pháp luận đàm, vui cười
Văn xuôi và giải thích
Tôi nghe được như vầy…
Mê hoặc nơi thế gian
Sử dùng các loại vải

Nếu có màu sắc chính
Nhuộm bùn xanh, phân trâu
Làm thành màu hoại sắc
Mặc các thứ y phục
Không giống tướng ngoại đạo
Thể hiện người tu hành
Mang phù hiệu chư Phật
Cũng mang dây buộc lưng
Nước phải lọc mới uống
Khất thực theo trình tự
Không đến nơi phi xứ
Được sinh trời thắng diệu
Và sinh trong cõi người
Đầy đủ các tướng quý
Như vị thiên, vị vua
Vua có bốn thiên hạ
Giáo pháp được lâu dài
Được sinh lên cung trời
Tham dục nên thoái thất
Thuần thiện và tam thời
Thời hai đều cực ác
Đến khi Phật ra đời
Thích-ca vào đời ác
Sau khi ta Niết-bàn
Tất-đạt-đa họ Thích
Tỳ-nữu Đại Tự sinh
Các ngoại đạo xuất hiện
Những "Tôi nghe như vầy"...
Đấng Thích Sư Tử dạy
Đàm cổ và Tiếu ngữ
Tiên Tỳ-dạ-sa nói
Sau khi ta Niết-bàn
Tỳ-nữu Đại Tự Tại
Nói những lời thế này:
Ta sáng tạo thế gian
Ta tên Ly Trần Phật
Họ Ca-đa-diễn-na
Cha tên Thế Gian Chủ

Mẹ hiệu là Cụ Tài
Ta sinh nước Chiêm-bà
Tổ phụ trước của ta
Từ dòng dõi mặt trăng
Nên hiệu là Nguyệt Tạng
Xuất gia tu khổ hạnh
Thuyết giảng ngàn pháp môn
Đại Tuệ được thọ ký
Ta sẽ nhập Niết-bàn
Đại Tuệ trao Đạt-ma
Tiếp trao Di-khư-lê
Thời Di-khư-lê xấu
Kiếp tận, pháp sẽ diệt
Ca-diếp, Câu-lưu-tôn
Câu-na-hàm Mâu-ni
Và ta, lìa trần cấu
Ra đời thời thuần thiện
Khi thuần thiện giảm dần
Có Đạo sư Đại Tuệ
Thành tựu đại dõng mãnh
Giác ngộ với năm pháp
Không thời hai, thời ba
Cũng không thời cực ác
Đó là thời thuần thiện
Hiện thành Đẳng chánh giác
Vải tuy không cắt may
Hãy mặc áo chắp vá
Như đốm đuôi con công
Không có người chiếm đoạt
Hoặc hai, ba ngón tay
Xâu kết lại mới thành
Nếu may khác như vậy
Kẻ ngu sinh tham đắm
Chỉ được cất ba y
Luôn giảm lửa tham dục
Tắm bằng nước trí tuệ
Ngày đêm tu ba thời
Như phóng mũi tên ra

Một rơi, lại phóng một
Cũng như ná, miếng gỗ
Thiện, bất thiện cũng vậy
Một có thể sinh nhiều
Thì có tướng khác nhau
Người cho, như mảnh ruộng
Người nhận, nên như gió
Nếu một sinh được nhiều
Tất cả không nhân hữu
Nhân sở tác hoại diệt
Thì vọng chấp thiết lập
Nếu vọng chấp được lập
Như ngọn đèn, hạt giống
Một có thể sinh nhiều
Chỉ tương tự chẳng nhiều
Hạt mè không sinh đậu
Gạo không nhân lúa mạch
Đậu nhỏ không lúa mì
Làm sao một sinh nhiều
Danh thủ tạo Thanh luận
Khoáng chủ tạo Vương luận
Thuận Thế luận vọng nói
Sẽ sinh trong Phạm tạng
Ca-đa-diên viết kinh
Tiên Thọ Bì nói Tế
Hưu Lưu viết thiên văn
Họ hiện đời xấu ác
Thế giới các chúng sinh
Phước lực cảm nơi vua
Như pháp ngự tất cả
Bảo vệ khắp cõi nước
Thanh Nghị và Xích Đấu
Trắc Tịch cùng Mã Hành
Những vị Tiên đại phước
Xuất hiện đời tương lai
Thích tử Tất-đạt-đa
Bộ-đa và Ngũ kế
Khẩu lực và thông tuệ

Cũng xuất hiện tương lai
Ta ở nơi rừng vắng
Phạm vương đến cho ta
Da nai, gậy chĩa ba
Thắt lưng và bình nước
Bậc đại tu hành đây
Sẽ thành Đấng Ly Cấu
Dạy về chân giải thoát
Biểu tướng của Mâu-ni
Phạm vương và Phạm chúng
Chư Thiên và chúng trời
Cho ta áo da nai
Trở về cung Tự tại
Ta ở giữa rừng cây
Đế Thích, Tứ Thiên vương
Cho ta y phục đẹp
Cho cả bát khất thực
Nếu lập luận bất sinh
Nhân này sinh lại sinh
Thiết lập thuyết vô sinh
Chỉ là thuyết hư ngôn
Tích tập từ vô thủy
Vô minh là nhân tâm
Sinh diệt mà tương tục
Bị vọng chấp phân biệt
Tăng-khư luận có hai
Thắng Tánh và Biến Dị
Trong thắng có tạo tác
Tạo tác nên tự thành
Thắng tánh và vật câu
Cầu-na thuyết sai biệt
Những năng tác, sở tác
Biến đổi chẳng nắm bắt
Như thủy ngân trong sạch
Không bị bụi làm nhơ
Tàng thức tịnh cũng vậy
Chỗ chúng sinh nương tựa
Như mùi hành, hưng cừ

Vị muối và thai tạng
Hạt giống cũng như vậy
Tại sao mà không sinh?
Tánh giống và tánh khác
Câu, bất câu cũng vậy
Hiện hữu phi sở thủ
Phi vô, phi hữu vi
Lìa tánh bò trong ngựa
Ngã trong uẩn cũng vậy
Nói hữu vi, vô vi
Hoàn toàn không tự tánh
Những giáo lý cầu ngã
Là vọng cấu, ác kiến
Vì không rõ nói có
Chỉ chấp giữ không hơn
Ngã ở trong các uẩn
Đồng, dị đều không thành
Chắc chắn họ mắc lỗi
Người vọng chấp không trí
Như thấy trong gương, nước
Hiện ra vô số hình
Xa lìa tánh giống, khác
Ngã trong uẩn cũng vậy
Hành giả tu thiền định
Kiến đế và thấy đạo
Nỗ lực tu ba pháp
Giải thoát các ác kiến
Giống như trong khe hở
Thấy ánh chớp mất nhanh
Pháp biến hóa cũng vậy
Không nên khởi phân biệt
Người ngu tâm mê hoặc
Chấp Niết-bàn hữu vi
Nếu thấy như bậc Thánh
Sẽ thấy đúng như thật
Nên biết pháp biến đổi
Xa lìa nơi sinh diệt
Và lìa cả hữu vô

Cho đến tướng năng sở
Nên biết pháp biến đổi
Rời khỏi luận ngoại đạo
Cũng lìa nơi danh tướng
Diệt ngã kiến bên trong
Chư Thiên thân xúc lạc
Khổ địa ngục bức thân
Nếu không phải cõi trung
Các thức không sinh được
Nên biết trong các đường
Chúng sinh nhiều loại thân
Thai, noãn, thấp, hóa sinh
Đều sinh theo cõi trung
Rời Thánh giáo chánh lý
Muốn diệt nghiệp lại tăng
Hàng ngoại đạo nói cuồng
Bậc trí không nên nói
Trước hãy quán sát ngã
Và các thủ phân biệt
Như con người Thạch nữ
Không quán sát phân biệt
Ngã tách khỏi Nhục nhãn
Dùng Thiên nhãn, Tuệ nhãn
Thấy các thân chúng sinh
Lìa các hành, các uẩn
Quán thấy trong các hành
Có màu xấu, màu đẹp
Giải thoát, chẳng giải thoát
Có người ở cõi trời
Thọ thân trong các nẻo
Duy ta năng liễu đạt
Vượt sự hiểu người đời
Ngoài cảnh giới của họ
Vô ngã mà sinh tâm
Tâm này sao không sinh?
Phải chăng nói tâm sinh
Như sông, đèn, hạt giống…
Nếu không có vô minh…

Thì tâm thức không sinh
Rời vô minh, vô thức
Làm sao tương tục sinh?
Những gì vọng chấp nói
Ba thời và phi thời
Thứ năm không thể nói
Sở tri của chư Phật
Các hành thủ sở trụ
Chúng cũng là nhân trí
Không nên nói trí tuệ
Mà gọi là các hành
Vì có nhân duyên này
Thì có pháp kia sinh
Vô biệt là hữu tác
Chỉ nói cách tượng trưng
Gió không thể sinh lửa
Nhưng làm lửa phừng cháy
Gió cũng làm lửa tắt
Sao dụ cho ngã được?
Nói hữu vi, vô vi
Đều lìa nơi các thủ
Sao người ngu phân biệt
Dùng lửa thành lập ngã
Sức hỗ tương các duyên
Vì thế sinh ra lửa
Nếu như lửa phân biệt
Ngã này từ ai sinh?
Do vì ý làm nhân
Tích tập các uẩn, xứ
Vô ngã như thương gia
Thường cùng tâm sinh khởi
Cả hai như mặt trời
Xa lìa năng sở tác
Lửa không thành lập chúng
Người chấp lầm không rõ
Tâm chúng sinh, Niết-bàn
Bản tánh thường thanh tịnh
Lỗi ô nhiễm vô thủy

Như hư không chẳng khác
Như ngoại đạo Tượng Ngọa…
Bị kiến giải tạp nhiễm
Che phủ cả ý thức
Chấp lửa… là thanh tịnh
Nếu được như thật kiến
Tức thời đoạn phiền não
Rời bỏ rừng tà kiến
Đạt cảnh giới bậc Thánh
Trí biết chỗ sai biệt
Mỗi phân biệt mỗi khác
Kẻ vô trí không biết
Nói điều không đáng nói
Người ngu lấy gỗ tạp
Cho là gỗ trầm thơm
Vọng chấp vào chân trí
Nên biết cũng như vậy
Ăn xong ôm bát về
Tẩy rửa cho sạch sẽ
Súc miệng sạch mùi vị
Cần phải biết như vậy
Hoặc đối pháp môn này
Tư duy như chánh lý
Tịnh tín lìa phân biệt
Thành tựu định tối thắng
Lìa chấp trụ nơi nghĩa
Làm tỏa sáng đèn pháp
Phân biệt nơi hữu vô
Và các lưới ác kiến
Ba độc đều xa lìa
Được Phật rưới quán đảnh
Ngoại đạo chấp năng tác
Mê chiều hướng không nhân
Hãi sợ đối duyên khởi
Đoạn diệt không tánh Thánh
Biến khởi các chấp quả
Nghĩa là các thức, ý
Ý sinh từ Lại-da

Thức nương Mạt-na khởi
Tàng thức khởi các tâm
Như biển sinh khởi sóng
Tập khí lấy làm nhân
Tùy duyên mà sinh khởi
Sát-na như móc xích
Cảnh giới chấp tự tâm
Rất nhiều loại hình tướng
Của ý căn… thức sinh
Tích ác từ vô thủy
Sinh tựa cảnh bên ngoài
Chỗ thấy chỉ tự tâm
Ngoại đạo không rõ được
Nhân kia và duyên kia
Mà sinh nơi thức khác
Thế nên khởi các kiến
Trôi lăn trong sinh tử
Các pháp như mộng, huyễn
Trăng, nước, bóng, thành Càn
Nên biết tất cả pháp
Chỉ là tự phân biệt
Chánh trí nương chân như
Sinh ra các Tam-muội
Như huyễn, Thủ-lăng-nghiêm
Những sai khác như vậy
Được nhập nơi các Địa
Tự tại và thần thông
Thành tựu như huyễn trí
Được chư Phật quán đảnh
Thấy thế gian hư vọng
Khi ấy tâm chuyển y
Đạt được Hoan hỷ địa
Các địa và Phật địa
Đã được chuyển y rồi
Như viên ngọc nhiều màu
Lợi ích cho chúng sinh
Hiện như trăng trong nước
Bỏ kiến giải hữu vô

Đến câu hữu, bất câu
Vượt khỏi hạnh Nhị thừa
Vượt cả Địa thứ bảy
Pháp hiện chứng bên trong
Tu tập vượt các Địa
Xa lìa hàng ngoại đạo
Vị ấy giảng Đại thừa
Nói pháp môn giải thoát
Như sừng thỏ, viên ngọc
Rời khỏi nơi phân biệt
Khỏi chết và đoạn diệt
Giáo do lý mà thành
Lý hiển bày do giáo
Hãy nương giáo lý này
Chớ có phân biệt khác.

-oOo-

SỐ 673

KINH ĐẠI THỪA ĐỒNG TÁNH

Hán dịch: Đời Chu, Vũ Văn, ngài Tam tạng
Pháp sư Xà-na-da-xá, người nước
Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, bên cạnh ao hoa, trong vườn cây Ma-ha trên đỉnh núi Đại ma-la-dà tinh diệu, nơi ở của thần Đại trì chú, không ai có thể tới đó được và là nơi ở của những vị đã đắc đạo; Đức Thế Tôn đang cư ngụ cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, đều là những bậc đại Thanh văn, đã hoàn tất mọi việc, đã qua tất cả địa vị của hàng phàm phu, đó là Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả A-thuyết-thị, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Lại còn có chúng Đại Bồ-tát, tất cả đều là những vị, đã đạt được tất cả hạnh Tam-muội Đà-la-ni của Bồ-tát, đã trụ nơi các địa vị của Bồ-tát; những vị mà ở tất cả các cõi Phật, đều đã được thọ ký thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ chuyển bánh xe pháp, đó là Thánh giả Đại Bồ-tát Di-lặc, Đại Bồ-tát Đại Ý, Đại Bồ-tát Ích Ý, Đại Bồ-tát Kiên Ý, Đại Bồ-tát Định Ý, Đại Bồ-tát Vô Tận Ý, Đại Bồ-tát Vô Biên Ý, Đại Bồ-tát Hải Ý, Đại Bồ-tát Chánh Định Ý, Đại Bồ-tát Tịnh Ý, Đại Bồ-tát Trí Ý. Ngoài ra còn có các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, thần trì chú và hàng phi nhân rất cao cả và thù thắng. Mỗi vị có hình dáng, nón mão, y phục khác nhau, đều cầm khí trượng và các cờ lọng. Và các chúng Quỷ thần, Tiên nhân, cũng đến tụ tập, mong mỏi được nghe pháp.

Bấy giờ, cho Đức Thế Tôn thuyết pháp số chúng đông nhiều như biển lớn vây quanh nghe. Pháp ấy trọn đều tốt đẹp, nghĩa lý sâu xa, lời lẽ hay và khéo léo, rộng nói đầy đủ, phạm hạnh trong sáng. Lúc ấy, có vị La-sát vương, tên là Tỳ-tỳ-sa-na, đang cai quản tại thành lớn Lăng-già. Khi nghe tin bên cạnh ao hoa trong vườn cây Ma-ha, trên núi Đại-ma-la-dà tinh diệu, nơi ở của thần Đại trì chú, không ai có thể đi tới đó được và là nơi ở của

những vị đắc đạo, có Đức Phật đang giảng nói phạm hạnh cho một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, thì Tỳ-tỳ-sa-na, vua Lăng-già thầm nghĩ: :Ở thế gian, Như Lai như đóa hoa Ưu-đàm hiếm có, biết bao đời kiếp mới được nghe tên Ngài một lần, huống nữa là gặp. Trong vô lượng, vô số đời kiếp ấy, ta không được nghe pháp, khác nào như con rùa mù mong mỏi gặp lỗ cây nổi. Trong thời gian ấy, những việc của chư Phật và cả pháp của Phật, việc nhập cảnh giới Phật, việc chứng thành Phật đạo…. Những việc như thế lại càng rất khó được. Thế nên, ta phải cùng với quyến thuộc, đem những ngọc ngà, châu báu quý cùng với vô lượng hương hoa, hương bột, hương xoa, vòng hoa, y phục, cờ phướn, lọng báu và cả những dải lụa, âm nhạc, những bài ca khen ngợi đến chỗ Đức Thế Tôn, mà cúng dường tất cả cho Như Lai, để muốn hỏi Ngài về chánh pháp, về quả báo một đời của ta."

Thế rồi, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na bèn ra lệnh, bảo với các chúng La-sát:

–Các ngươi hãy đồng lòng, cùng hòa hợp, chuẩn bị tất cả những thứ như vàng, bạc, ma-ni, bảo châu, ngọc kha, lưu ly, san hô, mã não, trân châu, chuỗi ngọc, những trân châu đỏ quý với vô lượng hương hoa sạch đẹp nhất, tấu âm nhạc lên và cả những lời khen ngợi. Pháp Vương Như Lai là đấng tôn quý nhất trong ba cõi; là nơi tích tụ phước đức cao cả, các tướng đều đầy đủ, thấy biết hết thảy; là ruộng phước cao tột, chúng ta sẽ đem tất cả những thứ này, dâng cúng cho Ngài. Vì sao? Vì trong vô số đời kiếp, việc gặp Phật ở đời, được thấy Phật, được nghe Tam bảo, được lìa tám nạn, rất là khó.

Nói như vậy rồi, ở giữa chúng La-sát vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na, bèn đọc bài kệ:

Vô lượng vô số kiếp
Phật mới hiện ở đời
Tám nạn muốn xa lìa
Phải qua vô lượng kiếp.
Trong trăm ngàn ức kiếp
Hiếm gặp được Thế Tôn
Khác nào hoa Ưu-đàm
Biết bao giờ mới hiện.
Trong địa ngục, súc sinh
Ngạ quỷ, rất là khổ
Qua lại trong sáu nẻo
Lần lữa tựa xe lăn.

Vì muốn cho chúng sinh
Lìa nguy ách tám nạn
Vì lợi ích mọi loài
Làm ngọn đèn xuất thế.
Mặt trời trí tỏa chiếu
Khai phá mọi tối tăm
Chúng ta cùng đến đấy
Cúng dường Đấng Vô Thượng
Đấng giáo hóa trời, người
Cúng dường được quả lớn.

Khi vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na nói kệ xong, từ giữa không trung, Phật dùng thần lực phóng ra trăm ngàn ức na-do-tha luồng ánh sáng lớn, tỏa khắp thành lớn Lăng-già, bao trùm Tỳ-tỳ-sa-na cùng cả chúng La-sát, khiến cho họ hớn hở vui mừng. Từ trong màn ánh sáng lớn ấy, phát ra bài kệ nói về pháp tướng sâu dày:

Các Pháp vốn rỗng lặng, vô ngã
Hàng chúng sinh khó thể đạt thành
Như hư không, mộng, ảo, bọt, lửa
Sương, tia điện, bọt nổi, lửa vòng.
Pháp duyên tục đế, chẳng phải chân
Vô minh gốc ái, thế gian hiện
Chân quán vô ái và vô minh
Các pháp như không, tịnh khó nói.

Sau khi nghe kệ pháp tướng, được diễn nói từ trong ánh sáng ấy; vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na liền đắc vô ngã pháp nhẫn sâu xa. Chúng La-sát, có người đạt được nhẫn, có người phát tâm Bồ-đề, có người phát thuận nhẫn, có người được thật kiến. Lúc này, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na! Đã mặc được áo giáp Bồ-đề kiên cố; đối với Phật pháp, ông đã thấu rõ, không còn mối nghi ngờ. Ông liền phát thệ nguyện mà nói bài kệ:

Hàng Trời, Người và A-tu-la
Hết thảy Phạm vương cùng Thiên chúng
Với pháp Vô thượng tối diệu này
Hoàn toàn chưa từng được thấy biết
Mai sau con sẽ đạt pháp này.
Đầy đủ hết thảy trí không ngại
Thành tựu Phật đạo tại cõi này
Độ thoát vô lượng ức chúng sinh
Giảng nói pháp mầu của chư Phật.

Tám Thánh đạo, vô lậu tối thắng
Khiến con khởi lên trí vô biên
Ba mươi hai tướng trang nghiêm thân
Nếu như siêng năng tu hạnh lành.
Thực hành trọn vẹn công Đức Phật
Lợi ích chúng sinh, thoát sợ hãi
Giữ các công đức, diệt hữu trần
Mặt như vầng nhật nguyệt sáng trong
Đạt thành Phật đạo trong tam giới.

Khi ấy, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na! Đạt được sự không thoái chuyển. Liền theo ý nghĩ của mình, ông hóa ra các loại hương hoa tinh diệu, như là hương xoa, hương bột, vòng hoa, y phục, cờ hiệu, phướn, lọng báu, ma-ni, dải lụa, trân châu, chuỗi ngọc, tấu các loại nhạc, vỗ tay ca ngợi, tiếng hay vang khắp, ca ngợi tướng tốt và công đức của Như Lai. Rồi thì, như nga vương, cùng hàng quyến thuộc của mình trên không, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na! Đem tất cả những thứ cúng dường này, cùng bay tới chỗ Phật. Đến nơi, từ không trung bước xuống, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na! Cùng hàng quyến thuộc, hướng Phật chắp tay đỡ chân Thế Tôn đảnh lễ trăm lạy; lễ bái xong, cùng hàng quyến thuộc, nhiễu Phật ba vòng, cho đến ngàn vòng, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na như cây bị đốn ngã, cả hình thể quỳ sụp xuống trước Phật và nói:

–Nam-mô Vô Lượng Công Đức Trang Nghiêm, Tối Thượng, Pháp Thân Sư Tử, Trượng Phu Tam Giới Tối Thắng Thế Tôn, Thích-ca Mâu-ni, Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nói lời này rồi, ông liền đứng dậy, chắp tay ở trước Thế Tôn, nói bài kệ ca ngợi:

Thuở xưa ức kiếp chuyên tu tập
Khổ hạnh khó hành cầu Bồ-đề
Ban phát thức ăn cùng áo, xe
Vô số bảy báu cho người cần.
Trải qua nhiều kiếp không hối tiếc
Bỏ ngôi vua, làng xóm, thần dân
Trong cung trang nghiêm đầy vật báu
Ức kiếp khó bỏ, nay lại bỏ.
Thuở xưa, vương tử Tu-đại-noa
Trong chốn rừng sâu cho vợ con
Xả thân mình cứu hổ mang thai

Cắt thịt cứu bồ câu khốn đốn.
Móc mắt cho Bà-la-môn mù
Mà không oán hận trước nghịch cảnh
Cho đầu để cầu nhân Bồ-đề
Trước nghịch cảnh tâm thường vui vẻ.
Giữ gìn giới phẩm luôn trong sạch
Không phạm Thánh hạnh thuận giải thoát
Không dứt mạng sống, trộm vật người
Thường theo phạm hạnh, đời không ghét.
Lìa bỏ uống rượu, không nói dối
Che chở chúng sinh như chính mình
Không nói hai lưỡi và lời ác
Cũng không tức giận, nói thêu dệt.
Thế Tôn lánh tà, thường tùy thuận
Không sinh khổ não, trước chúng sinh
Công đức như ý, lìa tà kiến
Cúng dường Tam bảo, không sinh tâm.
Xuất gia không cấu, trừ năm dục
Nương theo giới Phật, hạnh giải thoát
Trước hành nhẫn nhục chịu các khổ
Mắng nhiếc, chê bai hay khiển trách.
Xưa kia từng chịu các khổ đau
Không sinh tâm hận với chúng sinh
Nếu ở bên Phật khởi niệm giết
Tâm lành Phật vẫn coi như con.
Phật sinh ở đời thường tu nhẫn
Giải thoát mọi khổ cho chúng sinh
Xưa kia, khi Như Lai cầu đạo
Làm bậc Đại tiên tên là Nhẫn.
Ở chỗ sinh ra có chiến tranh
Nhẫn đau nhưng vua, tâm không hại
Vì vua và phu nhân nước ấy
Diễn thuyết pháp lành khiến an vui.
Không màng ức kiếp thường tinh tấn
Trừ tà ý, biếng nhác, yếu hèn
Xưa, các khổ hạnh đều nhẫn được
Tinh tấn bao la, tỏ Bồ-đề.
Kinh hành quên ngủ, không thiếu sót

Tôn trọng cúng dường vô lượng Phật
Tùy thuận mọi điều của chúng sinh
Huân tu thành Phật, pháp Vô thượng.
Thực hành thiền định, hàng phục tâm
Hoàn thành Tứ thiền, Vô sắc định
Tam-muội Niệm, năm thần thông lực
Xưa hành trọn vẹn thiền vô lậu.
Trí tuệ Như Lai đều vô lậu
Biết pháp như huyễn đều giả hư
Không ngã, chúng sinh, mạng và nhân
Phiền não ràng buộc, nghiệp nhân chuyển.
Dục giới không sạch, bốn thứ hoặc
Cõi phiền não chúng sinh, vốn tịnh
Biết rằng thật tịnh, gốc chúng sinh
Đạt được sáu món Ba-la-mật.
Ai hay nói trí phương tiện này
Cần cầu vô tận phước của Phật
Hướng Như Lai khởi ba nghiệp thắng
Đời sau thành Phật, ta đảnh lễ.

Bấy giờ, khi nói kệ xong, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na! Lại đem vô lượng các món rất tốt đẹp như hương hoa, hương bột, hương xoa, vòng hoa, y phục, cờ phướn, lọng báu, tấu các loại âm nhạc, ca vịnh và ngợi khen Như Lai, làm đủ mọi việc tôn trọng, cung kính, cúng dường Phật, chư Đại Bồ-tát và chúng Thanh văn. Chúng La-sát của vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na cũng làm như vậy, cũng như pháp mà phát khởi, cúng dường Như Lai, làm vừa ý Phật. Lúc đó, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na cúng dường xong, lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con có điều còn nghi ngờ muốn hỏi Như Lai, Đấng Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, cúi xin Thế Tôn, hãy vì con, mà giải thích.

Khi vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na! Nói lời này rồi, Phật mới bảo ông ta:

–Này Tỳ-tỳ-sa-na vương! Nghe ông nói, ông có điều còn nghi ngờ muốn hỏi ta; vậy tùy theo điều ông hỏi, ta sẽ vì ông mà giải thích, để cho tâm tư ông được vui vẻ.

Được sự chấp thuận của Phật, Lăng-già vương liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh dựa theo gì mà gọi là chúng sinh vậy?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Chúng sinh là do các duyên hòa hợp, nên gọi

là chúng sinh. Những duyên ấy là đất, nước, lửa, gió, không, thức, danh sắc, lục nhập nhân nơi duyên mà sinh. Lại nữa, chúng sinh giống như bó tre duyên nghiệp vậy; nghiệp báo từ duyên nghiệp sẽ thành quả. Ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, súc dưỡng, chúng số, tri, kiến, tác, xúc, thọ đều gọi là chúng sinh.

Vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ấy lấy gì làm gốc, dựa đâu mà trụ, vin vào đâu làm nhân?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Hàng chúng sinh này, lấy vô minh làm gốc, dựa vào ái mà trụ, vin vào nghiệp làm nhân.

Vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp có mấy loại?

Phật đáp:

–Nghiệp có ba loại. Đó là Nghiệp của thân, nghiệp của miệng và nghiệp của ý. Nó lại có ba tướng: Sạch, không sạch, chẳng sạch chẳng phải không sạch.

Vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chúng sinh bỏ đời này nhận đời khác, bỏ thân cũ nhận thân mới?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Chúng sinh sau khi xả thân này rồi, sức gió nghiệp sẽ thổi đưa thần thức của họ đi. Những nghiệp do chính mình tạo ra, thì phải lãnh chịu hậu quả của nó. Chúng sinh tạo ra nghiệp hạnh lành, không lành hoặc chẳng phải lành chẳng phải không lành, thì tùy nơi nghiệp hạnh ấy mà thọ thân mới; hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ ẩm thấp, hoặc sinh từ bào thai, hoặc sinh do sự biến hóa, đó cũng đều do nơi gió nghiệp tạo ra. Trong khi đó, nghiệp cũng chẳng thể biết mình, phải lãnh chịu quả báo của tất cả những gì mà mình đã gây ra. Lăng-già vương! Như vậy là chúng sinh đã bỏ thân này, chịu lấy thân khác.

Lăng-già vương hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Trong khoảng thời gian chúng sinh bỏ thân này mà chưa thọ thân khác thì nghiệp thức dừng nơi đâu vậy?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Ông nghĩ thế nào về việc khi hạt giống trong thửa ruộng nảy mầm, thì cái hạt mất trước rồi mầm mới sinh; hoặc mầm

sinh trước, rồi hạt mới mất hay là ngay khi hạt giống mất cái mầm liền sinh?

Vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na đáp:

–Không phải vậy, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

–Này Lăng-già vương! Ý nghĩa đó như thế nào?

Lăng-già vương đáp:

–Bạch Thế Tôn! Ngay khi hạt giống mất thì mầm liền sinh, chẳng phải là hạt mất trước rồi mầm mới sinh; hay mầm sinh trước, rồi hạt mới mất.

Phật nói:

–Như vậy, này Lăng-già vương! Chẳng phải thức trước mất, rồi thức sau mới sinh. Lăng-già vương! Cũng chẳng phải thức sau sinh rồi thức trước mới mất. Lăng-già vương! Ngay khi thức trước diệt thì thức sau liền sinh. Lăng-già vương! Giống như loài sâu, khi đi, chân đầu phải đặt trước, rồi chân sau liền theo, thân hình luôn luôn co duỗi, không hề dừng dứt. Đúng là như vậy.

Này Lăng-già vương! Khi thấy phía trước có chỗ có thể sinh vào, thần thức này liền tới, gá vào nơi ấy, không có thời gian đoạn dứt.

Vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu là như vậy, thì không có thân trung ấm sao?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Như loài chúng sinh sinh ra từ trứng; khi xả thân này nhập vào trong trứng, thần thức này bị gió nghiệp khống chế, phải dừng trụ trong trứng, hôn mê không biết; đến khi bị ấp thành thức của sinh vật trong trứng rồi, thần thức này mới biết. Ông nên biết rằng, trứng kia đã nở lâu rồi. Vì sao? Vì trứng nở ra chúng sinh là điều dĩ nhiên như vậy rồi. Một khi đã chưa chín muồi, thì không thể nào hiểu biết được. Vì sao? Bởi đó chính là nghiệp lực vậy. Này Lăng-già vương! Lại như có chúng sinh, phước lực sâu dày, được sinh làm con trong gia đình Chuyển luân vương; khi trong thai, chúng sinh ấy không bị cái thai làm cho nhơ bẩn, cũng không ở chung cùng với cái thai không sạch, cũng không bị nói làm nhiễm ô. Lăng-già vương! Đứa con được sinh trong gia đình Chuyển luân vương kia, phần nhiều là thọ cách hóa sinh. Như trường hợp thọ thai, ban đầu thần thức nhập vào thai, kết dạng thành con và đến khi sinh ra, thì phải phá màng bọc thân mới thoát ra được. Lăng-già vương! Do nhân duyên đó, nên mới

nói, là có thân trung ấm.

Vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na nói:

–Bạch Thế Tôn! Thần thức của chúng sinh lớn cỡ nào, hình thể ra sao?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Thần thức chúng sinh lớn vô biên, không sắc, không tướng, không thể thấy, không ngại, không hình, không định xứ, không thể nói được.

Tỳ-tỳ-sa-na nói:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hình thể của thức là như vậy: Lớn vô biên, không sắc, không tướng, không thể thấy, không ngại, không hình, không định xứ, không thể nói thì chẳng phải là dứt lìa sao?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Nay ta hỏi ông, tùy ý ông đáp. Này Lăng-già vương! Ví dụ, như ông đang mặc những loại y phục và đeo các chuỗi anh lạc, ngồi ở giữa cung điện hoặc trên lầu cao, có các thể nữ vây quanh; cùng lúc đó, trong khu vườn lớn, có cây A-thâu-ca trổ nhiều hoa; cũng ngay trong khu vườn ấy, có hai thứ gió mát dịu và mạnh mẽ thay nhau thổi qua cây A-thâu-ca. Hương thơm của các loại hoa bay đến chỗ ông, ông có cảm nhận được không?

Tỳ-tỳ-sa-na thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể cảm nhận được mùi hương ấy.

Phật nói:

–Lăng-già vương! Khi cảm nhận được hương hoa ấy ông có thể phân biệt được không?

Vua đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể phân biệt được.

Phật nói tiếp:

–Lăng-già vương! Hương hoa mà ông nói là cảm nhận đấy, nó lớn hay nhỏ, có màu sắc gì?

Lăng-già vương đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con không thể biết được. Vì những hương thơm này, nó không sắc, không hiện, không ngại, không tướng, không định xứ, không thể nói; thế nên, con không thể thấy được, nó lớn hay nhỏ và có màu sắc như thế nào.

Phật nói:

–Lăng-già vương! Ông nghĩ sao, nếu cho rằng, không thấy được hương thơm ấy lớn hay nhỏ, chẳng phải đó là tướng dứt lìa sao?

Tỳ-tỳ-sa-na đáp:

–Không phải vậy! Bạch Thế Tôn! Bởi lẽ, con người không ai ngửi được hương thơm này, khi chúng có tướng dứt lìa.

Phật nói:

–Đúng vậy! Này Lăng-già vương! Tướng của thức cũng như thế. Ông nên biết rõ điều đó.

Lăng-già vương! Ta có thể biết được sẽ không có sinh tử nếu như thức có đoạn tướng. Như vậy, này Lăng-già vương! Thật ra, tướng của thức vốn trong sạch, chỉ bởi các nghiệp vô minh, tham ái, tập khí, bởi những khách trần phiền não che lấp mà thôi. Lăng-già vương! Ví như cõi hư không trong sáng, chỉ do bốn loại khách trần làm ô nhiễm. Bốn thứ đó là khói, mây, bụi, sương. Lăng-già vương! Thức tướng là như vậy, nó vốn là trong sáng không ngăn mé, không thể nắm bắt, không có sắc nhiễm, chỉ bị ô nhiễm bởi những khách trần phiền não mà thôi. Vì sao? Lăng-già vương! Giống như khi ta chánh quán, không có được chúng sinh, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nuôi dưỡng, không nhân, không có các số, không có cái gọi là biết, không có cái gọi là thấy, không có cái gọi là hiểu, không có cái gọi là thọ, không có cái gọi là nghe cho đến không sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lăng-già vương! Sẽ có thể đạt được, nếu khi chánh quán không có sự phân biệt. Lăng-già vương! Các pháp hòa hợp, không có thật tướng. Tuy đạt được thật tướng của chúng sinh, nhưng ông chớ bỏ cái đã nắm bắt này mà sinh ra tư tưởng mông lung thanh thản. Vì sao gọi là đã đạt được thật tướng của chúng sinh? Bởi vì đạt được trí lớn cùng tánh của chúng sinh.

Lúc đó Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nghiệp lực, chúng sinh tự hồi chuyển
Không đạt tám Thánh đạo nhiệm mầu
Nếu lìa các nghiệp, chứng vô lậu
Hành hạnh vô thượng, lợi quần sinh.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sa-na nói:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong biển lớn, trong rừng sâu, trong ba cõi này đây, có vô lượng hằng hà sa chúng sinh, có người đã đến bờ giải thoát, lại có người muốn đến bờ ấy; có người chứng pháp Thanh văn, có người chứng pháp Duyên giác, cũng có vô số người chứng trí lớn cùng với tánh vô

thượng. Ở đời vị lai, cũng có vô lượng, vô biên, bất khả a-tăng-kỳ hơn cả hằng hà sa chúng sinh, nương theo tam thừa này, mỗi người theo phương cách riêng mà nhập Niết-bàn; thế nhưng, cõi chúng sinh vẫn không tăng, không giảm. Bạch Thế Tôn! Biết được như vậy, tâm con rất mỏi mệt.

Phật nói:

–Lăng-già vương! Đối với việc này, ông chớ nên sinh ý tưởng chán nản. Vì sao? Cõi chúng sinh trước sau không thể tận; cõi hư không, cõi pháp cũng như vậy. Thế nên, Lăng-già vương! Các cõi chúng sinh không thể dùng lời để nói, chỉ nên biết rằng nó không tăng không giảm. Như vậy trong biển cả hữu vi, trong rừng sâu trong ba cõi; có những người đã được độ, có những người muốn được độ. Thế nhưng, cõi chúng sinh vẫn không tăng, không giảm. Này Lăng-già vương! Cõi hư không không tăng, không giảm, không trước, không sau, không chặn giữa; do đó, ta không thể biết được hư không, vì nó biến khắp tất cả nơi, nó không bị chướng ngại, không hình, không làm, không tướng. Đúng vậy! Đúng vậy! Lăng-già vương! Ta không thể nào, biết được cõi chúng sinh, khi nó chẳng thể có đầu, giữa và cuối. Lăng-già vương! Chỉ có điều, nếu đạt được Thánh pháp đồng tánh thì mới gọi là tận cõi chúng sinh mà đạo hữu vi lại không tận, không diệt. Lăng-già vương! Không thể nào lìa đạo hữu vi vì nó có con đường giải thoát. Vì sao? Bởi lẽ, cõi chúng sinh đã là như vậy rồi. Thế nên, nó không có trước, không giữa và không có sau.

Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hình dáng biển hạnh hữu vi của chúng sinh giống như gì vậy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Hình dáng biển hạnh hữu vi của chúng sinh, giống như biển cả.

Lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của chư Phật dạng như gì vậy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Pháp của chư Phật giống như thuyền bè.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Hàng Tỳ-kheo xuất gia, thọ Cụ túc giới giống như gì vậy?

Phật đáp:

–Giống như người lái đò.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, người phụng hành trọn vẹn giới pháp của Phật, không hủy phá giống như gì vậy?

Phật đáp:

–Người giữ giới tinh tấn, thọ pháp vừa đủ giống như người sống có nghề nghiệp vững chắc, sẽ thành tựu đầy đủ. Lăng-già vương! Người có khả năng thực hành đầy đủ lời Phật dạy sẽ không phá, không phạm các giới cũng như vậy.

Lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Thiện tri thức giống như gì vậy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Bậc Thiện tri thức giống như thuyền trưởng.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Việc siêng năng hành tám Thánh đạo giống như gì vậy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Việc siêng năng hành tám Thánh đạo, giống như gió thuận mạnh, thổi tàu bè đi.

Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiền định Tam-muội và các thần thông tựa như gì vậy?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Thần thông, Tam-muội giống như của báu trong nước vậy.

Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bảy Bồ-đề phần tựa như gì vậy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Bảy Bồ-đề phần, giống như bảy thứ tánh quý báu.

Lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Việc đạt được bảy Bồ-đề phần, chứng Đại thừa đồng tánh tựa như gì vậy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Được bảy phần Bồ-đề, chứng Đại thừa đồng tánh giống như gặp được bảy thứ tánh quý báu, sẽ giàu có, của cải đầy đủ vừa ý. Thật lành thay cho những người khéo xuất gia, ở trong giáo pháp của ta,

chứng được Phật quả Vô thượng vô ngại!

Khi đó, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Xét kỹ các nỗi khổ
Của mình và chúng sinh
Cởi bỏ mọi ràng buộc
Xuất gia trong pháp ta.
Tức gọi là Phật tử
Bậc Đại đức trong chúng
Siêng năng hành như pháp
Sẽ đạt thành Thế Tôn.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu trong giáo pháp của Phật, có những kẻ được xuất gia mà không chịu giữ giới, hoặc có kẻ phạm giới, hoặc phá giới, phạm các hạnh ham muốn, hoặc có kẻ cởi áo pháp bỏ giới, về đời.

Bạch Thế Tôn! Những kẻ ngu si như vậy, họ được ví như gì?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Trong giáo pháp của ta, nếu có những kẻ được xuất gia, được thọ giới pháp mà lại hủy phạm, thì những kẻ ngu si này sẽ phải đọa hết vào nẻo ác, chẳng khác như kẻ lái thuyền ở giữa biển khơi, lại phá hủy thuyền bè, hẳn sẽ phải chết chìm dưới nước.

Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như có kẻ phá giới, phạm giới, phạm các hạnh ham muốn mà lại nói rằng, ta sáng suốt mạnh mẽ thực hành phạm hạnh; lại có kẻ vứt áo pháp bỏ giới, trở về đời; những hạng người này, sau khi chết, có người được sinh vào nơi tốt, vậy họ giống như gì?

Phật đáp:

–Như kẻ lái đò ở trong biển cả, thuyền bè đập nát, chết chìm trong biển nhưng cũng có người gặp được ván thuyền, có người gặp được xác chết, có người tự mình bơi. Này Lăng-già vương! Ông nên biết như vầy, nếu trường hợp người lái đò gặp được ván thuyền, cũng phải dựa vào sức thổi của gió mới được cập đến một hòn đảo nào đó. Trường hợp gặp được xác chết, phải được sóng biển xô đẩy dần dần mới cập đến bờ. Vì sao? Bởi vì theo phép của biển, thì biển không chấp nhận xác chết; còn trường hợp tự mình bơi, thì anh ta sẽ phải tự lực mới cập đến một nơi nào đó. Đó là những người được thần biển từ bi cứu giúp. Cũng vậy, này Lăng-già vương! Nếu ai được xuất gia trong giáo pháp của ta, mà không như pháp bảo vệ giữ gìn giới, hoặc xả bỏ áo pháp, mặc y phục của người đời, mà được sống

ở chỗ tốt lành; hoặc do ở bên cạnh ta mà đặt được lòng tin chân chánh; hoặc bên trong trở lại thanh tịnh; hoặc tuy phá giới mà thường làm các việc lành, hoặc có sự sáng suốt mạnh mẽ. Lăng-già vương! Tuy là phá giới hay trở lại đời, nhưng vẫn là các nhân sẽ trở lại với pháp ta, nên được sinh nơi tốt lành.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Khi xưa gây ra bao nghiệp tội
Trong muôn đời vô số ức kiếp
Ăn năn hối cải không tạo nữa
Dứt, không tăng trưởng, sẽ trong sạch.

Tỳ-tỳ-sa-na lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu pháp trợ Bồ-đề vậy?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Có ba mươi bảy phẩm làm pháp trợ Bồ-đề. Ba mươi bảy phẩm đó là gì? Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần và tám Thánh đạo. Lăng-già vương! Đó chính là ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Giải thoát môn có mấy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Giải thoát môn có ba, đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nên nhớ nghĩ đến pháp gì?

Phật đáp:

–Nên nhớ nghĩ sự chán, diệt và nhập Niết-bàn.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Pháp đối trị gồm có mấy?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Nhìn chung có ba pháp đối trị, đó là: Đối với người có tâm tham dục thì quán không sạch; người có tâm sân tức thì quán lòng lành thương xót; người có tâm ngu si thì quán nhân duyên. Đó là ba pháp đối trị.

Lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu khả năng khéo léo cần để giữ gìn sự nhớ nghĩ?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Nếu để giữ sự nhớ nghĩ thì cần phải khéo biết các ấm, khéo biết các giới, khéo biết các nhập, khéo biết các phương tiện.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nên quán pháp gì?

Phật đáp:

–Lăng-già vương! Nên quán mười hai pháp nhân duyên sâu xa cùng với nhân quả của bốn Thánh đế.

Khi ấy, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na lại đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi đem các loại hoa bảy báu, đủ màu sức, tung rải lên Thế Tôn. Sau khi tung hoa, gối phải chạm đất, vua chắp tay hướng Phật, cung kính, khen ngợi Thế Tôn, rồi nói bài kệ:

Thế nào là Thánh hạnh của Bồ-tát
Ý sinh, tinh tấn làm lợi thế gian
Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn
Phát khởi ý cao tột là Bồ-đề.
Khi mong cầu trí tuệ vô lậu kia
Nhiếp hóa vô lượng các hàng chúng sinh
Các vật báu trang nghiêm không vẩn đục
Trong cõi nhiệm mầu được thành quả Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na:

–Thật lành thay! Này Lăng-già vương! Nếu có khả năng hỏi Như Lai việc này, ông hãy cố gắng lắng lòng nghe, suy nghĩ cho thật kỹ, ta sẽ vì ông mà giải đáp. Này Lăng-già vương! Hàng Đại Bồ-tát thường thực hành sáu Ba-la-mật nên đối với chúng sinh, không bao giờ sinh tâm ác cả. Lăng-già vương! Hàng Bồ-tát khi tu hành các pháp này, thì không giảm, không thiếu, thường có được sự tăng trưởng trong giáo pháp của chư Phật, cũng không bị dính mắc ở nơi pháp thế gian, thu nhận chỉ dạy cho vô lượng chúng sinh, cũng có khả năng làm trong sạch cõi Phật, lại có khả năng đạt trọn vẹn Đại thừa đồng tánh, ở trong Phật pháp không còn sự chướng ngại.

Khi ấy, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tu hành? Thế nào là được trụ vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật đáp:

–Hãy buông bỏ sự kiêu ngạo, khinh người, hống hách, ghen ghét; thường thực hành bốn pháp phạm hạnh trong sạch, thường vì khắp tất cả

chúng sinh mà vui vẻ tu hành chánh chân; phải xả bỏ sát sinh, trộm cướp, nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời ác xấu, uống rượu, dâm dật; chớ để mất dù chốc lát tâm Bồ-đề, ý luôn vui vẻ siêng năng thực hành sáu Ba-la-mật; những việc làm thảy đều vì sự an vui cho các chúng sinh; tâm thường vắng lặng trong sự đối đãi, muốn độ thoát mọi sự sợ hãi trong biển khổ trần lao. Ông nên chân chánh quán sát chúng sinh trong ba cõi, khiến cho họ được độ thoát.

Lại nữa, này Lăng-già vương! Nếu như muốn cầu Bồ-đề, ông cần phải biết như vầy: Bồ-đề chỉ là cái tên dựa vào ngôn ngữ để đặt ra là Bồ-đề. Vì sao? Lăng-già vương! Không hữu là Bồ-đề, không căn là Bồ-đề, không trụ là Bồ-đề, không cấu là Bồ-đề, không trần là Bồ-đề, không ngã là Bồ-đề, không thể nắm bắt là Bồ-đề, không sắc là Bồ-đề, không hình là Bồ-đề, không đây là Bồ-đề, không kia là Bồ-đề, không buồn là Bồ-đề, không phiền là Bồ-đề, không chìm đắm là Bồ-đề, không nhiễm là Bồ-đề, không thiên lệch là Bồ-đề, không dối trá là Bồ-đề, không nhơ là Bồ-đề, vượt qua tất cả căn là Bồ-đề, trừ tất cả nhớ nghĩ là Bồ-đề, vượt qua tất cả các việc làm hữu vi là Bồ-đề, không có sự tận cùng là Bồ-đề, khó biết là Bồ-đề, sâu xa là Bồ-đề, không chữ là Bồ-đề, không tướng là Bồ-đề, vắng lặng là Bồ-đề, thanh tịnh là Bồ-đề, vô thượng là Bồ-đề, không thí dụ là Bồ-đề, không mong cầu là Bồ-đề, không đoạn là Bồ-đề, không hoại là Bồ-đề, không phá là Bồ-đề, không suy nghĩ là Bồ-đề, không vật là Bồ-đề, vô vi là Bồ-đề, không kiến là Bồ-đề, không hại là Bồ-đề, vô minh là Bồ-đề, không chuyển đổi là Bồ-đề, thường trụ là Bồ-đề, hư không là Bồ-đề, vô đẳng đẳng là Bồ-đề, không thể nói là Bồ-đề.

Này Lăng-già vương! Người nào muốn cầu Bồ-đề, đó là nếu không cầu pháp thì là cầu Bồ-đề. Vì sao? Lăng-già vương! Nếu không có sự dính mắc, thì mới có thể chứng đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại không có ngã tướng, chúng sinh tướng, mạng tướng, nhân tướng, súc dưỡng tướng, chúng số tướng, tác tướng, thọ tướng, tri tướng, kiến tướng thì mới có thể chứng đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không đạt được tướng thế đế, không dính mắc vào pháp, không dính mắc vào ấm giới, cho đến không dính mắc vào chư Phật và Bồ-tát thì mới có thể chứng đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Lăng-già vương! Không có cái gì để dính mắc tức gọi là Bồ-đề. Nếu như không dính mắc vào vật, không dính mắc vào đoạn, không dính mắc vào thường thì vào đời vị lai, sẽ chứng thành quả vị Bồ-đề. Vì sao như vậy? Lăng-già vương! Bởi vì tất cả các pháp sẽ bị hoại diệt ở vào sau cuối thời này.

Khi ấy, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là biết tất cả pháp thế đế?

Phật đáp:

–Này Lăng-già vương! Biết tất cả pháp thế đế là như huyễn, như hóa, như mộng, như đóm lửa, như bóng trăng trong nước, như thành Càn-thát-bà. Tất cả pháp thế đế nên biết như vậy, nên hiểu như vậy, nên quán như vậy.

Bấy giờ, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na liền đạt được Bồ-tát Tam-muội Vô đẳng đẳng pháp quang minh trí tướng; đạt được Đà-la-ni Nhất thiết xảo âm. Đạt được vô lượng, vô biên những Tam-muội, Đà-la-ni như vậy rồi, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con đã đạt được Tam-muội, Đà-la-ni, đã hiểu rõ được tất cả pháp thế đế rồi.

Phật nói:

–Này Lăng-già vương! Thế nào là hiểu biết?

Tỳ-tỳ-sa-na đáp:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp thế đế đều là như mộng huyễn, như tiếng vang, như sơn thủy trong tranh, như bóng trăng trong nước, như tiếng gió thổi, như hoa đốm giữa hư không, như mây bay mùa thu, như ánh sáng phát ra của hạt châu, như ngọn lửa của cây đèn, như hạt sương trên hoa, như thành Càn-thát-bà, như bọt trên nước, như cầu vồng, như đốm lửa. Bạch Thế Tôn! Con đã biết các pháp thế đế hiện đều là vô thường.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ trên đảnh, phóng ra trăm ngàn ức na-do-tha các loại ánh sáng, màu sắc đẹp đẽ, như xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, vàng trong suốt..., chiếu khắp vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ các cõi Phật.

Khi đã chiếu khắp rồi, những ánh sáng ấy, được thu trở lại vào trên đảnh. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải chạm đất, chắp tay hướng về Phật, đọc kệ thưa hỏi:

Diệu Đức Phật, chẳng phải không nhân
Phóng ra luồng ánh sáng thanh tịnh
Nay ai khởi phát ý tinh diệu
Mà phóng hào quang, xin Phật nói.

Phật bảo Mục-kiền-liên rằng:

–Ngươi hãy nhìn vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na này, trước mặt ta ông chắp tay ngay thẳng, đem vô số vật dụng cúng dường ta, cùng chúng Thanh

văn, chư Bồ-tát, rồi nhân công đức này phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mục-kiền-liên đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật nói:

–Mục-kiền-liên! Kể từ ta trở đi, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na, đều có lòng muốn cúng dường hầu hạ. Sau khi trải qua như vậy rồi, công đức bản lực của ông ta sẽ đầy đủ. Khi ấy, có thế giới tên là Liên hoa thành. Thế giới ấy, có Thế Tôn hiệu là Liên Hoa Công Đức Tướng Chấn Thanh Oai Vương Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc này, vị Thế Tôn đó đang tu hành thuyết pháp. Thọ mạng của Đức Phật Như Lai ấy là vô lượng, thế giới thanh tịnh. Tỳ-tỳ-sa-na Lăng-già hóa sinh vào thế giới ấy. Sau khi hóa sinh vào thế giới đó rồi, liền đắc địa Hoan hỷ của Bồ-tát; cứ như vậy cho đến được mười địa của Bồ-tát. Trải qua vô lượng kiếp số, sau đó, sinh vào cõi Ta-bà này sẽ thành Phật, hiệu là Thiện Diệu Chấn Thanh Kim Oai Thiện Tịnh Quang Minh Hiện Công Đức Bảo Cái Trang Nghiêm Đảnh Tướng Tỳ-lô-giá-na Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và cuối cùng, sinh vào thế giới kia, có tên là Điện bảo quan. Nơi ấy không có gò, hố, lồi lõm, ven núi, sườn núi, đất đá, phẩn uế, không có người nữ và ác đạo. Cõi Phật ấy thanh tịnh hơn cả cõi Phật Như Lai A-di-đà hiện tại kia; các chúng Bồ-tát đông đúc. Kiếp tên là Thiện quán minh. Phật Như Lai ấy, thọ mạng vô lượng.

Này Mục-kiền-liên! Thế rồi, Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác mỉm cười.

Bấy giờ, do pháp này mà vua Tỳ-tỳ-sa-na được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông ta rất vui mừng, liền biến thân khắp nơi, bay lên không trung, cao đến bảy cây đa-la. Từ giữa không trung, ông nói bài kệ:

Tất cả pháp là không, như mộng
Thanh tịnh, chẳng có giống hư không
Ngã và vô ngã đều không có
Ta biết như hóa, như tia điện.
Chúng sinh trong đó tự sinh diệt
Mong cầu một pháp không thể được
Suốt đầu đến cuối chẳng có gì

Nuôi dưỡng chúng sinh cũng như vậy.
Chúng sinh tùy nghiệp mắc quả báo
Xoay vần trong ấy không thể dừng
Nếu hành theo hạnh Bồ-tát này
Sẽ biết các pháp, thể đều không.

Sau khi nói kệ rồi, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na nương oai thần Phật từ không trung bước xuống, nhiễu Phật ba vòng lui ngồi một bên. Bấy giờ, trong biển chúng, hoặc có những vị Trời, Rồng, A-tu-la chứng pháp và đắc quả; hoặc có những vị Dạ-xoa, La-sát phát tâm Bồ-đề; hoặc có những vị Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, đối với các pháp của Phật, được sự không nghi ngờ; hoặc có những vị Ca-lầu-la, Càn-thát-bà cùng các chú thần đắc Đà-la-ni, chứng pháp và đắc quả; hoặc là đối với tất cả các pháp, có vị đạt được sự không thoái chuyển. Tức thời, đại địa chấn động, ánh sáng tự nhiên chiếu khắp cả cõi Phật cho đến các khoảng trống trong núi Thiết vi, lớn nhỏ cũng đều chiếu sáng; tất cả các khổ ở ác đạo thảy đều chấm dứt; ở giữa không trung, mưa xuống các hoa trời; âm vang tiếng trống trời phát ra đủ tiếng; và các y phục mềm mại tự nhiên hiện ra. Vô số những việc như vậy không thể nghĩ bàn. Lúc ấy, vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na, xem xét các chúng của mình như thế, rồi liền bảo:

–Các ngươi hãy cùng nhau hòa hợp, hướng về Thế Tôn, sinh tâm cung kính, phát tâm đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi đó, vô lượng trăm ngàn chúng La-sát kia cùng nhau hòa hợp hướng về Phật, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con từ nay trở đi sẽ cùng nhau tụ tập hòa hợp quy y Phật, Pháp, Tăng. Đồng phát tâm Bồ-đề, thực hành hạnh Đại thừa. Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện sẽ đạt thành Chánh giác ngay trong cõi Ta-bà này. Vào đời vị lai, dứt sạch ác nghiệp, thành bậc Vô thượng, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chúng con cúi xin Thế Tôn hãy chứng tri.

Phật nói:

–Thật lành thay! Nếu có khả năng phát tâm Bồ-đề, các ông nên hành bốn loại pháp lành. Người khéo thực hành bốn pháp này sẽ đạt được sự không quên mất tâm Bồ-đề. Bốn pháp đó:

1. Tất cả những nguyện hạnh không trái, không mất.

2. Đối với các chúng sinh, thường hành tâm lành.

3. Một ngày ba thời, cúng dường Tam bảo, ngày đêm không dứt.

4. Không nguyện cầu quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đối với bốn pháp trên, nếu các ông thực hành đầy đủ thì sẽ không quên mất tâm Bồ-đề kia.

Lúc bấy giờ, Hải Long vương, từ chỗ ngồi, đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải chạm đất, hướng về Phật, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi xưa vua Tỳ-tỳ-sa-na Lăng-già đã tạo căn lành gì mà có khả năng như vậy? Có đồ cúng dường đầy đủ để cúng dường Phật, cùng vô số chúng Thanh văn, Bồ-tát. Sau khi cúng lại phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi, chứng được Bất thoái chuyển, được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi nghe nói vậy, Phật bảo Hải Long vương:

–Này Long vương! Khi xưa, trải qua vô lượng số a-tăng-kỳ kiếp, có vị Phật hiệu là Đại Từ Sở Sinh Trí Tướng Tràng Như Lai, Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vị Như Lai ấy cũng trở lại sinh vào trong đời năm trược của thế giới Ta-bà này. Ở trong chúng sinh, vị Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác ấy, diễn thuyết phân biệt pháp tam thừa. Này Long vương! Khi đó vị Như Lai kia, cũng trở lại trụ trên đỉnh núi Ma-la-da này Ngài đã thuyết pháp cho năm trăm chúng Tỳ-kheo, đại Thanh văn và vô lượng trời, rồng và phi nhân. Này Long vương! Lúc ấy, có La-sát đồng tử tên Tỳ-tỳ-sa-ca, cũng trở lại trụ ở thành lớn Lăng-già này, hình dáng dữ tợn, bụng lớn mạnh mẽ, tánh khí hung bạo, mặt mày xấu xí, chỉ ăn thịt uống máu, răng nanh gớm ghiếc. Long vương! Lúc ấy, đồng tử La-sát Tỳ-tỳ-sa-ca nghe Phật Thế Tôn, trụ ở trên núi Ma-la-da, liền suy nghĩ: "Ta không muốn vị Sa-môn này, cùng chúng Tỳ-kheo ở trên đỉnh núi Ma-la-da. Vì sao? Vì nếu vị Sa-môn này, trụ trên đỉnh núi Ma-la-da thì ta không thể tóm thâu các loài trong biển lớn, cũng không có loài nào để ta giết hại cả. Nay nếu ta cứ ở đây, thì chắc chắn sẽ bị nhịn đói." Này Long vương! Bấy giờ, đồng tử Tỳ-tỳ-sa-ca La-sát kia, liền nói với chúng la-sát của mình: Các ngươi, ai mạnh mẽ, hãy mau nghiêm chỉnh mặc giáp trụ, cầm các loại vũ khí như dao, gậy, chùy, nỏ, búa, kích, cung, tên, mâu, thuẫn và chày kim cương, đấu luân, giáo dài... Vì sao? Vì nay, ta phải đuổi ông Sa-môn kia cùng với chúng Sa-môn của ông ta, đi khỏi cảnh giới của ta khiến họ phải rời xa nơi mà ta đang ở. Long vương! Bấy giờ La-sát đồng tử Tỳ-tỳ-sa-ca mang giáp trụ tốt, cùng với chúng La-sát, mỗi vị cầm mỗi loại vũ khí, gậy gộc khác nhau, lướt không trung, bay tới chỗ Đại Từ Sở Sinh Trí Tướng Tràng Như Lai kia. Đến nơi, vẫn đứng ở không trung cùng với đồ chúng của mình, La-sát đồng tử nói

với Thế Tôn: Hãy đi đi, ông Sa-môn! Ta không cần ông trụ ở đỉnh núi này đâu. Nếu trái lời, ta sẽ giết ông, cùng những người của ông đấy. Long vương! Khi đó, Đức Đại Từ Sở Sinh Trí Tướng Tràng Như Lai, liền hiện thần thông; sau khi Đức Như Lai hiện thần thông rồi, thì La-sát đồng tử Tỳ-tỳ-sa-ca cùng đồ chúng của ông ta, đều cảm thấy thân mình, bị năm thứ trói buộc, lại thấy lưới thiếc mười phương bao trùm, muốn trốn chạy nhưng không được nữa, đành đứng lặng im. Long vương! Lúc đó La-sát đồng tử Tỳ-tỳ-sa-ca cùng chúng La-sát lòng sợ hãi, thầm nghĩ: "Bây giờ, chúng ta phải đi đâu đây? Nương tựa vào ai, cầu cứu ai giải thoát nạn cho chúng ta đây?" Long vương! Khi ấy, trong chúng của Đức Đại Từ Sở Sinh Trí Tướng Tràng Như Lai, có một Chú thần vương, tên là Chánh Định Thâm Mãn Công Đức Oai, trước đây có kết bạn với La-sát đồng tử Tỳ-tỳ-sa-ca, đang ngồi ở trong chúng của Đức Như Lai ấy. Long vương! Lúc ấy, Chánh Định Thâm Mãn Công Đức Oai trì chú thần vương, nói với Tỳ-tỳ-sa-ca La-sát đồng tử: Này bạn lành! Chư Phật Thế Tôn là bậc duy nhất, đáng tôn quý trong ba cõi, là bậc giáo hóa trời người, là người đã đạt được vô lượng các pháp công đức; Ngài thực hành lòng đại Bi trong khắp chúng sinh. Bạn hãy cùng chúng La-sát có thể quy y Ngài, cùng Pháp, Tăng. Các bạn quy y Tam bảo và hãy phát tâm Bồ-đề, thì tất cả mọi trói buộc sẽ được giải tỏa. Khi ấy, Chánh Định Thâm Mãn Công Đức Oai trì chú thần vương do nhờ vào sức giáo hóa, nhờ vào thần lực của Phật, nên vừa nói như vậy xong, tức thời Tỳ-tỳ-sa-ca La-sát đồng tử, cùng với chúng La-sát, cùng nhau chắp tay và nói: "Nam-mô Đấng Vô Biên Công Đức Trang Nghiêm Thân; Nam-mô Đấng Tối Thượng Đại Bi Giác; chúng con, từ nay về sau, quy y Phật, cùng với pháp, tăng; chúng con thường hành quy y Tam bảo, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Này Long vương! Tỳ-tỳ-sa-ca La-sát Đồng tử, cùng với tất cả chúng La-sát, sau khi nói lời như vậy rồi, tất cả mọi trói buộc tức thời được giải tỏa; rồi từ trên không trung, hướng đến Đức Đại Từ Sở Sinh Trí Tướng Tràng Vương Như Lai hạ xuống, đến chỗ Đức Thế Tôn, đi nhiễu ba vòng. Lúc này, Tỳ-tỳ-sa-ca đồng tử, cùng chúng La-sát, tất cả đều cùng đảnh lễ dưới chân Phật, cầu xin sám hối; sám hối xong, đều cùng nhau trở về chỗ cũ. Long vương! Ý ông thế nào? Nay ông nên biết! Tỳ-tỳ-sa-ca La-sát đồng tử lúc ấy, nào ai khác đâu, chính là vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na đấy. Còn chúng La-sát lúc đó lại cũng chẳng phải là chúng nào khác, mà nay chính là chúng La-sát của vua Lăng-già Tỳ-tỳ-sa-na đây. Long vương! Ý ông thế nào? Vào thời đó, Chánh Định Thâm Mãn Công Đức Oai trì chú thần vương cũng chẳng là ai khác, mà chính là Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông.

Khi nói như vậy rồi, tam thiên đại thiên thế giới, tức thời chấn động, giống như thuyền bè chao động giữa làn sóng biển mênh mông vậy; chúng sinh trong đó, không còn thấy sự sợ hãi và bị hại mà chỉ thấy được tất cả mọi sự an ổn sướng vui; tất cả chúng sinh thực hành theo mười điều lành. Lúc đó, ở cõi Phật Ta-bà, những núi cao như Tu-di; những biển lớn, cõi nước, xóm làng, núi rừng, hải đảo, hắc sơn, hang động, rừng rậm, ao vườn, sông suối, đầm rạch, gò đống, hầm hố, sườn núi, ụ đất, vách đá, muối cát, gai góc, bùn phân hôi thối khó chịu, đều được trừ sạch; vàng sông Diêm-phù tỏa ánh sáng lớn chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, kể cả những nơi mà tất cả ánh sáng của mặt trăng mặt trời cũng không thể nào chiếu đến; cho đến những nơi tăm tối nhất trong núi Thiết vi, lớn nhỏ cũng đều được ánh sáng kia chiếu khắp, lấn át cả vầng nhật nguyệt, huống gì là ánh sáng khác, mọi ảnh tượng lúc ấy đều không hiện; ánh sáng đó diệt trừ tất cả các khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cùng lúc này, hàng trời, người trong thế giới Ta-bà này, nếu có khổ não, thì tất cả đều được an ổn vui vẻ; nếu có chúng sinh nào đói, thì được ăn; khát được uống; khỏa thân được y phục; nghèo được của báu; mù được thấy; điếc được nghe tiếng; câm được nói; sáu căn thiếu sót thì được đầy đủ; nếu bị nhốt trong lao ngục thì đều được giải thoát.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA ĐỒNG TÁNH

QUYỂN HẠ

Lúc bấy giờ, các loài chúng sinh không còn có tâm tham lam ham muốn, tức giận, ngu si, bỏn sẻn, ganh ghét; mà chỉ có mỗi tâm tốt, tâm lành, tâm an vui, giống như là cha mẹ, anh em, chị em. Vào lúc ấy, tất cả các chúng sinh đều đạt được những tâm như vậy, khiến họ đều có hành động an vui, mừng rỡ hớn hở, biểu hiện đầy khắp cả các căn; cũng không có nóng lạnh và cả sự buồn rầu. Như vậy, tất cả chúng sinh, tâm vui đầy đủ, không nghe to tiếng và lớn tiếng với nhau. Lại nữa, đất đai lại bằng phẳng, như bàn tay lưu ly tạo thành, hóa ra nhiều ao đẹp, rộng, sâu, có bảy báu làm bậc thềm, cát vàng rải dưới đáy, nước tám công đức trong sạch tràn đầy. Trong ao ấy, tự nhiên hóa ra vô lượng hoa sen, lớn như bánh xe, các diệu hoa đó, có sắc bảy báu, nở bày đẹp đẽ, lá hoa mềm mại; hoặc lại hóa ra vô lượng hoa sen to rộng một do-tuần, đủ màu tinh diệu, mùi hương nhu nhuyến, như áo Ca-lăng-già, hoặc lại hóa ra trăm ngàn ức na-do-tha loại hoa sen trang nghiêm; hoặc lại hóa ra vô lượng hoa sen rộng hai do-tuần; hoặc ba, bốn, năm, cho đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi và cả đến một trăm do-tuần; hoặc lại hóa ra vô lượng hoa sen rộng ngàn do-tuần.

Bấy giờ, cõi Phật Ta-bà nổi lên mưa hương lớn, tưới khắp mặt đất. Mùi thơm của nước mưa, rất là dịu và dễ chịu có thể khiến chúng sinh an vui. Từng luồng gió tốt lành thổi qua, làm các hoa tốt đẹp ở trên trời tự nhiên đổ xuống. Những thứ hoa đó như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Nguyệt, hoa Đại nguyệt, hoa Ý, hoa Đại ý. Mưa tất cả các loại hoa như vậy rồi, lại mưa xuống những hương bột thơm tốt nhất, lại có cả hương Trầm thủy, hương Đa-già-la, hương Mặc trầm thủy, hương Ngưu đầu chiên-đàn. Các làn hương ấy, lan tỏa khắp nơi. Lại xuất hiện vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kỳ số, những cây Đại như ý, được tạo thành bằng bảy báu, chu vi một do-tuần, cho đến một trăm do-tuần, rất là đẹp đẽ, ngay thẳng ai nấy đều muốn nhìn. Các cây ấy, đều được trang nghiêm bằng những thứ báu như y phục thêu tơ lụa năm màu óng ánh, buông xuống như lưới cùng các chuông rung. Các

loại cây báu ấy, lại mưa xuống các loại bảy báu tinh diệu, đó là vàng, bạc, lưu ly, ma-ni, trân châu, xa cừ, mã não, xích trân châu; mưa nối nhau những thứ như vậy. Các cây báu ấy, lại mưa xuống các loại y phục đủ màu mềm mại như là áo Ca-sa, áo Cụ-sa, áo Kiêu-sa-da, áo Ca-thi-ca.

Lại nữa, các cây báu ấy, lại còn mưa các chuỗi ngọc báu; tất cả đều được làm bằng vàng sông Diêm-phù, có đủ các loại báu xen kẽ rất tốt đẹp, gồm có vòng xuyến, ngọc châu đeo tai, nón trời, tay ấn, dây ngọc, chuỗi báu, dây chuyền vàng, chuỗi ngọc. Các vật báu dưới gốc cây như ý, lại hóa ra trăm ngàn ức na-do-tha tòa Sư tử, mỗi tòa đều do các loại bảy báu làm thành. Tòa Sư tử ấy cao chừng bảy nhận, có Bồ-tát ngồi lên trên, thân có đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm, hình dáng nghiêm trang, ai thấy cũng đều muốn nhìn; thân vị Bồ-tát ấy trong ngoài, tự nhiên thanh tịnh. Trước tất cả các Bồ-tát, vị ấy lại hóa ra trăm ngàn ức na-do-tha tòa tháp, đều do bảy báu hình thành. Trên mỗi tháp, đều có ngàn Thiên tử ngồi tấu năm loại âm nhạc và cất tiếng ca ngợi. Âm thanh trong lành, khiến người nghe tâm ý vui vẻ. Trong âm thanh ấy, phát ra những lời ca ngợi, được nói bằng bài kệ:

Bình đẳng không gì bằng
Cái ta cũng đều không
Đầy công đức trang nghiêm
Hiếm có, trong mọi đời
Siêng hành các khổ hạnh
Pháp này sinh như vậy.
Việc trang nghiêm vi diệu
Hiện ở tất cả đời
Diệt trừ cả địa ngục
Pháp này sinh như vậy.
Việc trang nghiêm vi diệu
Hiện ở tất cả đời
Diệt trừ các địa ngục
Những nẻo khổ đã sinh
Và tất cả các khổ
Lúc ấy đều diệt hết.
Trừ bợn nhơ trần cấu
Và nghi cấu của người
Việc vi diệu thù thắng
Nên hiện trong mọi người.
Lúc này vô biên cõi

Tất cả đều bằng phẳng
Núi lớn cùng các sông
Tu-di, biển đều không.
Đất toàn ngọc lưu ly
Như bàn tay phẳng sạch
Các cây báu đủ màu
Sáng đẹp đều ưa nhìn.
Trong nước lại có đủ
Tỏa ánh sáng nghiêm tịnh
Các sắc vàng sáng đẹp
Ngăn che vầng nhật nguyệt.
Nhiều tòa bằng các báu
Đều có Bồ-tát ngồi
Sáng như trăm mặt trời
Thân đủ tướng trang nghiêm.
Vô lượng các bờ ao
Khắp quanh đều ngọc báu
Nước tám phần công đức
Trong sạch chứa đầy tràn.
Trăm ngàn các hoa sen
Trang nghiêm trong ao ấy
Rộng lớn như bánh xe
Lớn dần gấp đôi trước.
Lại có tòa rắn chắc
Tất cả báu làm thành
Trăm ngàn ức các trời
Đều tề tựu nghiêm trang.
Tấu các âm vi diệu
Khen ngợi cùng ca tụng
Thần lực của Như Lai
Phát từ những âm đó.

Phát ra những câu pháp, có hơn vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ, bằng những âm thanh như vậy, ca tụng các sự tướng. Bấy giờ, trong chúng hội của Đức Thế Tôn, có những hàng trời và người, có vị tu hành Đại thừa, có vị ưa thích Đại thừa, có vị có ý lớn tin sâu; nhờ vào thần lực ánh sáng vô biên ấy, mà thấy tất cả các cõi Phật được trang nghiêm thanh tịnh, bởi công đức như vậy. Trong hàng trời, người ấy, người thực hành hạnh của Thanh văn, Bích-chi-phật thì không thấy, không biết công đức trang nghiêm thanh

tịnh cõi Phật. Còn các vị Đại Bồ-tát trong cõi ấy đều đạt được vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ câu pháp thần thông Tam-muội Đà-la-ni. Cũng có các đại Thanh văn được nhập vào tất cả cõi Niết-bàn Tam-muội.

Bấy giờ, tự nhiên xuất hiện một tòa Sư tử cao, rộng, ngay ngắn, cao tới trăm ức do-tuần, được làm bằng bảy báu, áo trời trải lên trên, có Đức Như Lai, thân lớn vô biên, ngồi kiết già trên đó. Thân Như Lai hiện rõ mọi tướng tốt đoan nghiêm không gì sánh bằng; có hoa sen lớn được làm thành từ bảy báu, hình dáng ngay ngắn, cao tới tám vạn bốn ngàn do-tuần, xuất hiện trước vị Phật ấy; có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha hoa sen nở mềm mại, sáng trong, đẹp đẽ, trang nghiêm vây xung quanh; lại có hơn vô lượng a-tăng-kỳ số cờ hiệu, phướn lọng, mỗi thứ do các loại tạp bảo kết thành; có vô lượng, vô biên các châu báu, các vật báu và các tơ lụa năm màu treo giữa không trung; lại có vô lượng, vô biên các chuông rung báu; tất cả đan kết như lưới. Những công đức trang nghiêm như vậy, tự nhiên hiện ra trong cõi Phật ấy. Vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ những việc chưa từng có như vậy, không thể nói hết, xuất hiện trong cõi Phật Ta-bà này; lại có cả sức thần thông đại trang nghiêm không thể nói, không thể lường, không thể tính kể. Ở trong thế giới Ta-bà này, hiện ra các pháp hiếm có rất lớn, rất cao cả như vậy, xưa nay, đó là những điều vốn chưa từng thấy, chưa từng nghe.

Khi đó, Đại Bồ-tát Di-lặc liền tự nghĩ: "Vì sao trong cõi Phật này, lại hiện ra sức thần thông, những việc hiếm có đại trang nghiêm, không thể nghĩ bàn, khiến chúng sinh vui mừng hớn hở vậy? Ta nên hỏi Phật. Đấng Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ phá trừ mối nghi ngờ này." Nghĩ rồi, Đại Bồ-tát Di-lặc liền đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải đặt lên hoa sen, chắp tay, hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con có mối nghi muốn hỏi Như Lai, xin Thế Tôn giải bày mối nghi ngờ ấy.

Phật bảo Di-lặc:

–Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, thường giải bày những vấn đề của ông. Nếu có nghi hoặc, ta sẽ vì ông mà giải thích.

Được Phật chấp nhận, Đại Bồ-tát Di-lặc bèn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có những sự tướng như vậy? Ở trong cõi Ta-bà này, hiện ra pháp hiếm có kỳ lạ, mạnh mẽ như thế, đó là hiện sức thần thông với tất cả công đức, trang nghiêm cõi Phật, làm sáng sạch nghiêm trang và trong suốt không nhơ; tất cả ác tâm thảy đều trừ diệt, cho đến không thể xưng nói, không có cùng tận, chưa từng nghe thấy? Bạch Thế Tôn! Chúng Bồ-tát này đã thấy tất cả pháp thần thông hiển hiện ở đời

tất cả đều sinh nghi hoặc. Bạch Thế Tôn! Muốn làm gì vậy?

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc nói kệ hỏi Phật:

Những chuyện hiếm có ở thế gian
Hiện ra như vậy, Đại Thế Tôn!
Pháp gây kinh ngạc chưa từng có
Nay, với việc này sinh nghi hoặc.
Mặt đất chấn động cùng biển lớn
Hoặc an trụ nơi thế giới tịnh
Mở ra luồng sáng vàng thanh tịnh
Trừ diệt mọi ám chướng thế gian.
Hoa sen trăm ngàn không ngằn mé
Lại có tạp hoa, cây báu đẹp
Vô số ức phướn, cờ, lọng lụa
Châu ngọc quý và chuông rung.
Ánh sáng phước tuệ nhiều vô lượng
Trừ diệt các khổ trong đường ác
Thế Tôn! Do gì hiện tướng này
Trong cõi Phật Ta-bà diệu tịnh?

Nghe những lời như vậy rồi, Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Ông hãy ngồi xuống, ta sẽ phân biệt giải thích cho ông rõ, vì lý do gì, mà pháp "Đại hy hữu" xuất hiện ở thế gian? Này Di-lặc! Ở phương Đông, trải qua a-tăng-kỳ hằng hà sa cõi Phật; có một cõi Phật, tên là Thanh tịnh quang luân công đức trang nghiêm bảo lũ giới sí. Nơi ấy, có vị Phật tên là Khai Phu Tinh Diệu Cụ Trang Nghiêm Thần Thông Pháp Giới Luân Nhất Cái Khổng Thanh Tỳ-lô-giá-na Tạng An Tự Tại Vương Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật hiện đang du hành, diễn thuyết các pháp yếu, khiến cho thế giới thanh tịnh, chấm dứt tất cả mọi phiền não, mọi tham, sân, si, mọi nẻo ác. Trong cõi Phật ấy, là nơi trú ngụ của hàng Đại Bồ-tát Thập trụ. Trong cõi Phật ấy, có vị Đại Bồ-tát tên Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông đã đạt được tất cả thiền định Tam-muội, thần thông, Đà-la-ni của Bồ-tát. Ngài là người thứ nhất giữ gìn tất cả điện báu trang nghiêm, đã cùng với hơn vô biên số các Đại Bồ-tát, từ không trung, muốn đến cõi Phật Ta-bà này. Đấy chính là do oai thần lực của bậc Trượng phu khéo dùng đại trang nghiêm thần thông tự tại, hiện các việc ấy ở tại thế giới này.

Khi Đức Thế Tôn nói việc này rồi, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông, cùng đồ chúng của mình, tức thời hiện oai đức lớn, bằng

vòng ánh sáng trang nghiêm, trong đó có vô lượng ức lưới võng ánh sáng, xoay vòng trong không trung; khởi lên trăm ngàn loại âm nhạc để ca tụng; khắp nơi mưa các loại hoa trời; rồi lại phóng ra trăm ngàn ức na-do-tha ánh sáng, đến tận cõi Phật Ta-bà này; lại đem điện báu trang nghiêm đặt yên trong không trung ở giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới; đặt yên xong, cùng đồ chúng, từ không trung hạ xuống, đến chỗ Phật, chắp tay, đảnh lễ sát chân, rồi đi quanh ba vòng.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hải Diệu Tham Trì Tự Tại Trí Thông, cùng đồ chúng của mình, chắp tay cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai thương xót chúng con, mà ngồi trên bảo điện trang nghiêm này. Bạch Thế Tôn! Bảo điện trang nghiêm này, có được từ sự thuyết pháp thâm diệu vô đẳng đẳng của chúng Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông:

–Lành thay! Lành thay! Bậc Thiện trượng phu! Ông nay đã đem bảo điện trang nghiêm này, dâng cúng cho Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác. Này Thiện trượng phu! Ở trong hiền kiếp này, từ Đức Phật Tỳ-bà-thi trở về sau, cho đến ngàn Phật đời hiền kiếp, ông từng cúng những bảo điện trang nghiêm này, quá khứ, hiện tại, vị lai cũng thảy đều cúng như vậy. Lành thay! Trượng phu! Ông có thể đem đại bảo điện trang nghiêm, mà nghiêm sức cho cõi Phật Ta-bà này.

Lúc bấy giờ, Hải Long vương bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bảo điện trang nghiêm này đang ở đâu, lớn hay nhỏ?

Lúc đó, Thế Tôn bảo Long vương:

–Bảo điện trang nghiêm kia, đặt trong không trung ở giữa Dục giới và Sắc giới, ngang dọc, cả tam thiên đại thiên thế giới. Long vương! Bảo điện trang nghiêm kia, do sức thần thông Tam-muội của chư Phật Bồ-tát mà có; là nơi an lạc của tất cả Bồ-tát, chấp nhận đem cúng dường phụng hiến Như Lai.

Này Long vương! Bảo điện ấy ở chỗ của Phật, chính do phước lực của Như Lai mà sinh ra, có khả năng khiến tâm Bồ-tát được thanh tịnh, lại có khả năng chiếu sáng mười phương thế giới, khiến cho tâm ý các chúng sinh vui vẻ; nó che khuất tất cả cung điện của chư Thiên; nó thành tựu đầy đủ, vô biên việc trang nghiêm mà không thể nói hay dạy cho khắp tất cả Bồ-tát trong mười phương được hiểu biết. Long vương! Bảo điện trang nghiêm ấy, dùng lưu ly trắng làm nóc, vàng sông Diêm-phù làm vách, công đức tạng bảo làm nữ tướng, mã não tạng bảo làm khước địch, ma-ni bảo

tạng làm lan thuẫn, tịnh quang minh bảo làm lan trụ, phổ quang minh bảo làm kỳ tiễn, tất cả vật báu làm kỳ tòa, tất cả tạp bảo như hình bán nguyệt, ánh sáng vô biên che trên bảo điện, tám vạn bốn ngàn ức na-do-tha trụ, đều do các vật báu tạp sắc trang nghiêm làm thành, đầy đủ sự sáng đẹp, sự cúng dường rất cao tột, rất xứng với Như Lai.

Này Long vương! Bảo điện ấy, treo vô lượng, vô biên đủ các loại quý báu, nào châu ngọc, tơ lụa năm màu, võng lưới chuông rung vàng; dựng các cờ chánh pháp nhiệm mầu; treo các phướn và lọng; chiên-đàn ngưu đầu rải làm nền; đốt gỗ cúng chiên-đàn và xông ướp hương trầm thủy tối thượng; long châu bảo hoa, trang nghiêm xen kẽ nhau; đem tất cả các loại hoa rải khắp mặt đất. Long vương! Trên tất cả các trụ trong bảo điện trang nghiêm ấy, có vô số ngàn ức các Thiên tử ngồi trên đó, tạo ra năm âm thanh của trời, những lời ca tụng tốt đẹp được phát ra, khiến lòng người rộn ràng, có các pháp minh môn từ âm nhạc phát ra. Long vương! Bảo điện trang nghiêm ấy, có gió lớn xoay chuyển chung quanh, có trăm ngàn ức ao quý bảy báu, cát vàng làm đáy, nước tám công đức, thanh tịnh chứa đầy; trong mỗi ao có vô số trăm ngàn ức na-do-tha hoa sen nở rộ, bảy báu trang sức có màu sắc đẹp và ngay ngăn, các hoa sen ấy lớn như bánh xe.

Này Long vương! Bảo điện trang nghiêm ấy, có vườn cây báu bao quanh thì có những cây như ý, đủ các loại, hoa quả báu trang nghiêm, treo đủ các lưới chuông rung và các chuỗi ngọc châu, tơ lụa năm màu rất mịn, làm trang sức; phát ra mùi hương dịu dàng, khiến tâm vui vẻ; có các loại tháp báu màu sắc đoan chánh rất đẹp dùng để trang trí. Long vương! Dưới mỗi gốc cây, đều có tòa Sư tử bằng bảy báu, dùng áo trời Ca-thi-ca trải ngồi. Tòa Sư tử ấy, cao ráo rộng rãi, thành tựu đầy đủ, thích hợp với tất cả chư Phật Bồ-tát. Long vương! Tất cả các cõi chư Phật trong mười phương, tất cả chuỗi ngọc trang nghiêm và các cơn mưa hoa; tất cả đều hiện có trong bảo điện trang nghiêm kia. Long vương! Bảo điện trang nghiêm ấy, lớn và an trụ như vậy.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo chúng Bồ-tát:

–Các Thiện trượng phu! Thỏa theo lòng mong mỏi của Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông, các vị hãy cùng đến ngồi trong bảo điện trang nghiêm kia đi.

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi, đứng dậy, cùng với vô số các Bồ-tát, lần lượt trước sau; Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông ở bên phải, Bồ-tát Di-lặc ở bên trái, ở trong không trung yên lặng mà đi. Khi đến bảo điện trang nghiêm, Đức Thế Tôn cùng chúng Bồ-tát bước vào trong.

Trong điện, ở phía Đông, có tòa Sư tử vuông vức, cao vô số do-tuần. Đức Thế Tôn bèn ngồi lên tòa Sư tử. Khi Thế Tôn ngồi lên tòa Sư tử, bảo điện trang nghiêm ấy, chấn động sáu cách, phát ra trăm ngàn ức na-do-tha vô lượng lưới ánh sáng lớn, đó là: Các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, vàng ròng; các Thiên tử tấu lên các bản âm nhạc ở cõi trời để ca tụng; làm mưa các hoa trời lớn; cứ như vậy, các hương trời vẫn thoảng đưa không dứt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bồ-tát:

–Các Thiện trượng phu! Các vị mỗi người nên trải tòa hoa sen mà ngồi.

Sau khi được Thế Tôn cho phép, chúng Bồ-tát mỗi vị liền trải tòa hoa sen mà ngồi. Phật cùng chúng Đại Bồ-tát ngồi xong; Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông liền suy nghĩ: "Hôm nay, ta cúng dường Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác và hỏi về Phật địa." Nghĩ rồi, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, nương theo ý nghĩ sinh ra hằng vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ hương hoa, hương xoa, hương bột, mũ hoa, y phục, cờ phướn, lọng báu và âm nhạc, ca ngợi cúng dường Thế Tôn, cùng chúng Bồ-tát, với lòng cung kính tôn trọng, thực hiện việc cúng dường, sinh tâm rất hiếm có, cúng dường xong rồi; lại xuất ra những đồ cúng dường rất đặc biệt, đó là những vật báu như ngọc châu, xâu chiên-đàn ngưu đầu, hoa bảy báu; còn tay thì cầm đại bảo châu, tên là Sư tử vô ngại bảo tạng thanh tịnh, trong suốt, cúng dường Thế Tôn, cùng các vị Bồ-tát, cúng dường bằng cách tung rải khắp trên thân của chư Như Lai; rải xong, lạy dưới chân Thế Tôn nhiễu quanh ngàn vòng, rồi hướng về Phật, chắp tay, dùng kệ ca ngợi:

Hiện ra vô lượng thân tướng đẹp
Ngay ngắn, đoan nghiêm không tỳ vết
Búi tóc như màu ong, Khổng tước
Trán bằng, tươi đượm và rộng mở.
Hào tướng mở tròn như diệu hoa
Hình đôi mày tựa trăng mới mọc
Mũi cao thẳng đẹp không gì bằng
Mắt như vầng nhật, màu sen xanh.
Thùy tai đẹp như thân Ba tiêu
Răng đều như Bạch Câu-vật-đầu
Lưỡi rộng màu hồng, được thắng vị
Môi dày đầy đặn, màu xích châu.
Tay lớn tròn trịa không khuyết lõm
Lỏng tay như gió thổi Bà-la

Các móng dài đẹp, màu đồng đỏ
Màn giữa các ngón, như Nga vương.
Bàn chân ngàn bước tướng diệu luân…
Do xưa làm người ban cho lớn
Thắng công đức, hình ngực sư tử
Hình thể trang nghiêm đẹp lạ thường.
Eo như cung ba, chày Kim cang
Tướng âm không hiện như mã tàng
Gân mạch tròn đầy như mũi voi
Đầu gối ngay ngắn lại tròn trịa.
Màn lưới bàn tay như Nga vương
Bước đi thong thả như Sư tử
Như Lai mọi tướng đều trọn đủ
Vì vậy cúi lạy Công đức vương.

Sau khi ca ngợi, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông, lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay có điều, muốn hỏi Như Lai, Đấng Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu Phật Thế Tôn bằng lòng giải tỏa mối nghi cho con, con mới dám hỏi.

Khi Bồ-tát đã nói xong, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông:

–Thiện trượng phu! Nay nếu có điều gì muốn hỏi, ta sẽ phân biệt giải thích, để khiến cho ông được vui vẻ.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật địa có bao nhiêu mà tất cả Bồ-tát và hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, không thể thực hành được?

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Thiện trượng phu! Nay vì muốn cho tất cả Bồ-tát, được sáng suốt, được lợi ích an lạc, để Phật trí hiển hiện mà ông hỏi Như Lai việc này. Vậy thì, Thiện trượng phu! Hãy lắng nghe! Lắng lòng lãnh nhận, suy nghĩ thật khéo, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải thích. Này Thiện trượng phu! Phật có mười Địa mà tất cả hàng Bồ-tát và hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể thực hành được. Mười địa đó là:

1. Thậm thâm nan tri quảng minh trí đức địa.

2. Thanh tịnh thân phân oai nghiêm chẳng thể nghĩ bàn minh đức địa.

3. Thiện minh nguyệt tràng bảo tướng hải tạng địa.

4. Tinh diệu kim quang công đức thần thông trí đức địa.

5. Hỏa luân oai tạng minh đức địa.

6. Hư không nội thanh tịnh vô cấu diễm quang khai tướng địa.

7. Quảng thắng pháp giới tạng minh giới địa.

8. Tối tịnh phổ giác trí tạng năng tịnh vô cấu biến vô ngại trí thông địa.

9. Vô biên ức trang nghiêm hồi hướng năng chiếu minh địa.

10. Tỳ-lô-giá-na trí hải tạng địa.

Thiện trượng phu! Đây là danh hiệu mười địa của Như Lai, với trí tuệ của chư Phật, cũng không thể nào nói đủ. Này Thiện trượng phu! Sơ địa của Phật, là nơi tất cả các tập khí nhỏ nhất đều được trừ sạch, tất cả pháp được tự tại. Địa thứ hai là chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp sâu xa. Địa thứ ba là thuyết các giới của hàng Thanh văn, rồi lại hiển thuyết ba thừa. Địa thứ tư là thuyết tám vạn bốn ngàn pháp môn, rồi lại hàng phục bốn loại ma. Địa thứ năm là như pháp mà hàng phục các ngoại đạo, rồi lại hàng phục ngạo mạn và các tội lỗi. Địa thứ sáu là giáo hóa vô lượng chúng sinh trong sáu đường, rồi lại hiện rõ sáu phép đại thần thông; nghĩa là hiện vô biên cõi Phật thanh tịnh, công đức trang nghiêm, hiện rõ đại chúng Bồ-tát vây quanh, hiện rõ vô biên cõi Phật rộng lớn, hiện rõ vô biên tự thể cõi Phật, hiện rõ trong vô biên cõi Phật từ cõi trời Đâu-suất, xuống thác vào thai mẹ, cho đến pháp diệt mất, cũng hiện ra vô biên các thần thông. Địa thứ bảy, vì các Bồ-tát mà nói như thật bảy Bồ-đề phần, không chỗ có, rồi lại không dính mắc. Địa thứ tám, bốn lần thọ ký cho tất cả Bồ-tát thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Địa thứ chín là vì các Bồ-tát mà hiện ra phương tiện tốt. Địa thứ mười là vì các Bồ-tát, nói tất cả các pháp là không chỗ có, rồi lại dạy cho biết tất cả các pháp xưa nay vốn vắng lặng, đại Niết-bàn.

Thế Tôn nói xong danh xưng mười Địa của Như Lai, tức thời cõi Phật Ta-bà, cho đến các cõi Phật, không thể nói hết, trong mười phương, liền hiện ra mười tám loại tướng lớn, đó là: Trong chấn động có chấn động lớn, chấn động khắp, trong rung chuyển có rung chuyển lớn, rung chuyển khắp; trong âm thanh có âm thanh lớn, âm thanh biến khắp; trong tiếng rống gầm có tiếng rống gầm lớn, có tiếng rống gầm khắp cả; trong tiếng kích động có tiếng kích động lớn, có tiếng kích động khắp cả. Các cõi Phật ấy, hoặc Đông vọt lên thì Tây chìm xuống, Tây vọt lên thì Đông chìm xuống; hoặc Nam vọt lên thì Bắc chìm xuống, Bắc vọt lên Nam chìm xuống; hoặc chính giữa vọt lên thì bên mé chìm xuống, bên mé vọt lên thì chính giữa chìm xuống. Tất cả cõi Phật như vậy, lần lượt hiện ra mười hai tướng. Trong các

tướng ấy, mọi chúng sinh đều không có não hại; phóng đại thắng quang chiếu các cõi Phật, diệt trừ tất cả tối tăm trong thế gian, ánh sáng chiếu khắp tất cả. Tất cả các cõi Phật đều hiện lên trong cõi Phật này; hiện trong cõi Phật hoặc có Phật, hoặc không Phật, hoặc thành, hoặc hoại, cũng đều hiện trong cõi Phật này. Các cõi Phật ấy, đều có mưa hoa trời lớn, mưa khắp cả các cõi Phật, không thể nói không thể nói trong mười phương. Đó là các loài hoa như hoa mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Lô-giá, hoa Ma-ha lô-giá, hoa Nguyệt, hoa Đại nguyệt, hoa Thiện nguyệt; cho đến trong tất cả cõi, những âm nhạc không đánh mà tự kêu, các việc đại thật hiếm có thảy đều xuất hiện trong các cõi Phật. Những vị hầu hạ ở các cõi Phật ấy, đều đứng dậy khỏi tòa, mỗi vị hỏi Như Lai các việc hiếm có. Các Như Lai vì họ, mà rộng nói, giải tỏa mọi nghi vấn.

Bấy giờ, trong bảo điện trang nghiêm ấy, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông, cùng các Bồ-tát, với cả đại chúng, thảy đều kinh ngạc:

–Kỳ lạ thay! Do đâu mà Đức Thế Tôn nói tất cả những việc làm của Như Lai trong cảnh giới Phật sâu xa này, sâu xa khó biết, kín đáo khó thấy; chẳng phải là việc làm của các hàng Bồ-tát, huống là hàng Thanh văn và Bích-chi-phật? Vì sao? Chúng ta chưa từng được nghe về cảnh giới không thể nghĩ bàn về mười Địa của Như Lai như vậy. Vì việc lành này, chúng ta hãy cùng nhau thỉnh cầu Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng nói về Phật địa.

Các vị Đại Bồ-tát liền đứng dậy, chắp tay, hướng về Phật, nói kệ thưa:

Đấng Vô Thượng cao tột
Thế gian không xiết kể
Tất cả các Phật địa
Hướng người, Phật gọi tên.
Chúng con nay kinh lạ
Chưa từng nghe pháp này
Nghe tên các Địa rồi
Tâm ý đều vui mừng.
Như đói nghĩ món ngon
Khát mong được suối ngọt
Như vậy con muốn nghe
Xin Phật nói các Địa.

Nói xong, các Bồ-tát ấy, nhiễu Phật ba vòng, lạy sát chân Phật, rồi

ngồi lên tòa hoa sen. Khi ấy, như vua sư tử, Đức Thế Tôn an nhiên quay nhìn, xem xét khắp mười phương. Khi đã xem xét mười phương rồi bảo Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông:

–Này Thiện trượng phu! Các địa của Như Lai sâu dày khó biết, không thể đạt được, khó thể hiểu thấu, ra khỏi tất cả câu văn lời nói. Vì sao? Thiện trượng phu! Vì các Địa của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, còn không thể nói, huống gì các Địa của Bồ-tát và tên tất cả địa của Phật Như Lai.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các địa của hàng Thanh văn có bao nhiêu?

Phật bảo:

–Thiện trượng phu! Thanh văn địa gồm có mười, đó là:

1. Thọ tam quy địa.
2. Tín địa.
3. Tín pháp địa.
4. Nội phàm phu địa.
5. Học tín giới địa.
6. Bát nhân địa.
7. Tu-đà-hoàn địa.
8. Tư-đà-hoàn địa.
9. A-na-hàm địa.
10. A-la-hán địa.

Này Thiện trượng phu! Đó là mười Địa của Thanh văn.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bích-chi-phật địa có mấy?

Phật nói:

–Thiện trượng phu! Bích-chi-phật địa có mười:

1. Tích hạnh cụ túc địa.
2. Tự giác thậm thâm thập nhị nhân duyên địa.
3. Giác liễu tứ Thánh đế địa.
4. Thậm thâm lợi trí địa.
5. Tám Thánh đạo địa.
6. Giác liễu pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới địa.
7. Chứng tịch diệt địa.
8. Lục thông địa.

9. Triệt bí mật địa.

10. Tập khí tiệm bạc địa.

Này Thiện trượng phu! Đó là mười Địa của Bích-chi-phật.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Các địa của Bồ-tát lại có mấy?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Các địa của Bồ-tát có mười. Thế nào là mười?

1. Hoan hỷ địa.

2. Ly cấu địa.

3. Minh địa (bằng Phát quang địa).

4. Diễm tuệ địa.

5. Nan thắng địa.

6. Hiện tiền địa.

7. Viễn hành địa.

8. Bất động địa.

9. Thiện tuệ địa.

10. Pháp vân địa.

Thiện trượng phu! Đó là mười Địa của Bồ-tát.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả bạch địa sinh ra từ chỗ nào?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Tất cả bạch địa sinh từ Phật địa.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Giải thoát và giải thoát kia đây có sự khác nhau?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nước sông và nước biển có khác nhau không?

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì đáp:

–Bạch Thế Tôn! Nước sông nước biển, rộng hẹp có khác.

Phật nói:

–Đúng như vậy! Thiện trượng phu! Giải thoát của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật như nước sông kia, giải thoát của Như Lai như nước của biển lớn.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Các sông lớn nhỏ đều chảy về biển không?

Phật đáp:

–Đúng như vậy! Thiện trượng phu! Đúng như lời ông nói. Vì sao? Vì tất cả pháp của Thanh văn, pháp của Bích-chi-phật, pháp cả Bồ-tát, pháp của chư Phật, tất cả các pháp ấy, đều chảy vào biển lớn trí tạng Tỳ-lô-giá-na.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Phật Thế Tôn, hiện sơ Phật địa, trụ Sơ địa ấy, hiện rõ ra tất cả cảnh giới của Như Lai, khiến cho các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật được hớn hở vui mừng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện rõ cõi Phật của mình, tên là cõi nước Phật vô biên a-tăng-kỳ công đức chư bảo cụ cái bất khả tư nghì trang nghiêm, chu vi rộng trăm ngàn ức na-do-tha hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới vi trần các cõi Phật. Lúc ấy, các cõi Phật đều nhập vào cõi Phật vô biên a-tăng-kỳ công đức chư bảo cụ cái bất khả tư nghì trang nghiêm và cùng mang một tên; trong các tu-di nhỏ, có tu-di và đại tu-di, tất cả hắc sơn và cả trong sông nhỏ, sông lớn và các biển lớn; các núi rừng, hang bàn đá, đỉnh núi, sườn núi, phấn uế, cát suối, nơi hiểm ác, thảy đều trừ diệt; không có con đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân cũng đều trừ diệt; không có các chuỗi ngọc trang nghiêm công đức các cõi Phật cũ.

Trong cõi Phật đó, đất làm bằng ngọc lưu ly, bằng phẳng như lòng bàn tay, lớn như nhân-đà-la, sắc cam kim cương hình thành trong cõi Phật này; xuất hiện hoa báu tốt đẹp nhất và trang nghiêm nhất trong rừng A-luân-ca tên là vua cây Bồ-đề được làm bằng bảy báu có đủ màu sắc đẹp đẽ. Bồ-đề thọ vương cao vô biên hằng hà sa cõi Phật trong thế giới vi trần, ngang dọc bằng nhau. Bồ-đề thọ vương ấy có đủ các loại châu báu tốt làm thành hoa, lá, quả, trái, cành, nhánh; có đủ các loại báu sư tử vô ngại, ma-ni, dùng để trang nghiêm. Các ngọc châu đỏ, tỳ-lưu-ly, xâu lưới linh, tơ lụa năm màu treo đầy. Cây Bồ-đề ấy, phóng điện quang chói sáng bất tận, hoặc phóng ánh sáng màu vàng ròng, hoặc ánh sáng ma-ni, hoặc ánh sáng nhân-đà-la cam, hoặc ánh sáng pha lê, hoặc ánh sáng báu của mặt trời, hoặc ánh sáng báu của mặt trăng. Cây Bồ-đề ấy, phát ra hương rất thơm ngát. Những thứ hương ấy như hương Trầm thủy, hương Đa-già-la, hương Mặc trầm thủy, hương Đa-ma-la-bạt, hương Mặc chiên-đàn, hương Rồng chiên-đàn, hương Ngưu đầu chiên-đàn. Mùi hương lan tỏa khắp cả cõi Phật. Bồ-đề thọ vương ấy, cất lên âm thanh, ca tụng và khen ngợi, hoặc mưa các vật báu

khắp cả các thế giới. Dưới cây Bồ-đề ấy, về phía Đông, xuất hiện ao lớn, bảy báu làm thành, trong sạch không nhơ, tên là Ma-ha Bồ-đề trì vương. Ao sâu vô biên hằng hà sa đẳng tam thiên đại thiên vi trần thế giới, chu vi bằng nhau; cát vàng sông Diêm-phù rải dưới đáy, nước tám công đức chứa tràn đầy; quanh ao, bốn phía có bốn bậc thềm đều được gắn các loại báu; và hàng lan can có đủ các loại báu xen kẽ nhau. Nước trong ao ấy nở ra hoa sen lớn, tên là Thiện khai phu bồ-đề liên hoa tướng vương, do bảy báu làm thành. Hoa ấy cao rộng vô biên hằng hà sa tam thiên đại thiên vi trần thế giới, bảy báu hình thành.

Lại có trăm ngàn ức na-do-tha vô lượng, vô biên các hoa sen báu khác bao quanh, bảy báu diệu trang nghiêm làm lá, hương thơm thoang thoảng, khiến người ưa thích. Hoa sen vua ấy, trên đài, lại xuất hiện Bồ-đề liễn vương, tên Vô biên bảo trang sức, được làm bằng bảy báu, cao a-tăng-kỳ hằng hà sa tam thiên đại thiên vi trần số thế giới, ngang dọc bằng nhau, những vật báu ấy trang sức Bồ-đề liễn vương. Tất cả phục sức tuyệt đẹp, trên cả mọi thứ. Những vật báu ấy trang sức trong bảo điện. Tất cả những phục sức, tất cả những sự trang trí và sức thần thông, cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn ức phần, cũng không bằng một. Ví như, trước ánh sáng mặt trời, thì ánh lửa của con đom đóm kia bị lấn át. Đúng như vậy! Trước vô biên vật báu nghiêm sức Bồ-đề liễn vương, bảo điện trang nghiêm ấy hoàn toàn không hiện trở lại như cũ; các ánh sáng của vô lượng, vô biên các chuỗi ngọc trang nghiêm, của tất cả những phục sức thần thông trang nghiêm, đều có khả năng lấn át cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, khiến không thể tỏa sáng được. Trước vô biên vật báu nghiêm sức Bồ-đề điện vương, cả những ánh sáng của Đế Thích, ánh sáng của tất cả Phạm thiên, ánh sáng của tất cả Thủ-đà-hội thiên, đều hoàn toàn không có những minh, những quang, những tinh, những chiếu.

Trong các điện ấy, xuất hiện tòa lớn Bồ-đề sư tử vương tên là Thiên chiếu vô ngại sư tử trang nghiêm, do bảy báu tạo thành, màu sắc ánh sáng không gì sánh bằng, các việc đầy đủ, áo trời Ca-thi-ca che bên trên, cao trăm ức hằng hà sa vi trần thế giới, dài rộng ngang bằng nhau. Đức Thích-ca Mâu-ni liền ngồi lên tòa sư tử ấy, đổi tên thành Vô Cấu Oai Công Đức Sư Tử Nguyệt Quang Tỳ-lô-giá-na Tạng Lưu Ly Tràng Viên Thông Quang Minh Công Đức Oai Tụ Nhật Nguyệt Trí Quang Vương Như Lai. Thân Phật cao lớn, ngay ngắn như trăm ức hằng hà sa vi trần cõi Phật, trải cả tam thiên đại thiên thế giới. Từng phần của thân thảy đều trọn vẹn, đủ ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Trán tròn sáng, trang nghiêm cả đầu. Đỉnh đầu không thể thấy. Cơ thể thanh tịnh, ví như

mặt trời, mặt trăng chiếu ánh sáng trong gương, thân của Đức Như Lai ấy cũng lại như vậy, không có thịt, máu và xương cốt, tủy, chẳng phải nhân khi cha, mẹ, ca-la-tha kết hợp, mà thân ấy hóa sinh trong sạch như cát vàng sông Diêm-phù kia và màu sắc sáng như ánh sáng của tịnh lưu ly nhân-đà-la bảo cám. Thân Như Lai thanh tịnh như vậy, không có một chút nhỏ tập khí. Đức Phật Thế Tôn ấy, các tướng đầy đủ, là Thầy Nhất Thiết Trí, các pháp tự tại, vượt qua bờ giác; đó là Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cao hơn hết, là Bậc Đại Từ, Tối Đại Nhân Sư, Bậc Trượng Phu đã sạch các lậu, thân kim cang trăm phước đức tụ tập, đầy đủ mười Lực và bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, chánh Sư tử hống, mạng sống vô lượng, cõi Phật thanh tịnh, thành đạo tự tại, quang minh tự nhiên. Có vô lượng, vô biên chúng Bồ-tát trước sau vây quanh; sắc thân mỗi vị đều đầy đủ.

Dưới gốc cây báu, trong ao kia, trên các liễn hoa sen, các vị ngồi tòa Sư tử, thân hình tương xứng. Mỗi vị Bồ-tát đều tự trang nghiêm và cũng đầy đủ sự trang nghiêm như của Đức Như Lai. Cõi Phật công đức nghiêm tịnh như vậy; thân đều thanh tịnh, chúng đều thanh tịnh. Kiếp tên là Vô biên tế trang nghiêm ma-ha kiếp vương, kiếp ấy cũng thanh tịnh. Nếu muốn nói về cõi Phật rộng lớn này và những việc làm của Phật thì không thể làm được việc ấy. Biết được như vậy, gọi là Như Lai trụ Phật Sơ địa.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông:

–Này Thiện trượng phu! Ông có thấy thần thông trí của Như Lai không?

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông đáp:

–Vâng, con đã thấy, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

–Thiện trượng phu! Đấy là Sơ địa của Phật, tên là Thậm thâm nan tri quảng minh trí đức.

Ông nên biết! Tại cõi trời Hỷ lạc, có các Đức Như Lai Chánh Chân Nguyện Trang Nghiêm Công Đức Tướng Nhất Cái Chấn Thanh Chủ Oai Vương Như Lai; Bảo Đức Minh Triệt Tạng Công Đức Thân Tướng Tịnh Như Lai; Bất Động Ly Nan Quang Minh Như Lai; Hữu Thần Thông Lực Liên Hoa Sinh Công Đức Oai Tướng Thắng Anh Lạc Ma-ni Vương Như Lai; được hàng trời, người tôn trọng; lại có Đức A-di-đà Như Lai, Liên Hoa Khai Phu Tinh Vương Như Lai; Long Chúa Vương Như Lai; Bảo Đức Như Lai. Có những vị Như Lai như vậy, sinh vào cõi Phật thanh tịnh; đều là

những vị đã đắc đạo, các Đức Như Lai ấy, đều đạt được sơ Phật địa. Ở trong địa ấy, Như Lai hiện ra các thần thông như thần thông của ta ngày nay, không khác.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Trong đời năm uế trược, chư Phật Như Lai có những vị hiện đắc đạo, sẽ đắc đạo, như Đức Thế Tôn kia hiện đắc, sẽ đắc Như Lai địa không?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu như chư Phật Bồ-tát có khả năng hiện ra những phương tiện khéo léo thì có. Vì sao? Vì chư Phật luôn khởi lòng đại Từ đối với các chúng sinh, thấy các chúng sinh bị giam cầm trong rừng rậm của ba cõi. Các chúng sinh ấy, vì bị lưới ái che lấp, bị ám chướng của vô minh, nên tin theo tà kiến điên đảo không trong sạch, chịu vô lượng các khổ, vương vào ba bờ ác, luân hồi sáu nẻo, phiền não xoay vần, không còn biết trước sau. Các chúng sinh ấy, không biết chư Phật và các pháp của Phật, các pháp của Bồ-tát, cũng không thật biết các giải thoát.

Này Thiện trượng phu! Chư Phật Bồ-tát biết tất cả chúng sinh ấy, chịu nhiều các khổ như vậy. Thiện trượng phu! Bấy giờ, Phật sẽ xuất hiện trong đời ngũ trược, từ trời Đâu-suất xuống, nhập thai, sinh thai, sơ sinh và lớn lên trong cung, mong muốn xuất gia, nơi đạo tràng, thực hành khổ hạnh, hàng phục ma, thành Phật, chuyển xe pháp lớn; khi cùng nhau luận nghị với các ngoại đạo, dựa vào pháp hàng phục những kẻ ngạo mạn, cho đến khi hết thọ mạng, hiện đại Niết-bàn, nhập Niết-bàn với sức Tam-muội; tự thân hiện rõ là những xá-lợi lớn như hạt cải được phân chia. Hàng trời, rồng, người, phi nhân đều sinh tâm vui mừng; vì đã tạo vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha các chỗ thờ xá-lợi để cúng dường, hoặc xuất gia tu trì khổ hạnh trong pháp ấy; hoặc gieo hạt giống với Bồ-đề, dứt trừ các phiền não, sang bờ giải thoát.

Này Thiện trượng phu! Tất cả chư Phật có pháp như vậy, khiến vô lượng, vô biên các chúng sinh, dứt các phiền não, sang bờ giải thoát. Thiện trượng phu! Ông nên biết! Nếu trong đời ngũ năm uế trược. Như Lai hiện ra sức thần thông, thì đều là sự ứng hóa của Phật, hoặc sức thần thông của các Bồ-tát, với phương tiện khéo léo ứng hóa mà hiện ra.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thân Phật có mấy loại?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Lược nói có ba, đó là:

1. Báo thân.

2. Ứng thân.

3. Pháp thân.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Báo thân Như Lai?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu muốn thân Phật kia là Báo, ông nên biết: Như hôm nay, ông thấy, ta hiện ra những vị hiện đang đắc đạo, những vị sẽ đắc đạo, ở các cõi Phật thanh tịnh của các Như Lai, tất cả những vị này đều là Báo thân.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Ứng thân của Như Lai.

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Giống như hôm nay, có tất cả những vị Phật Như Lai như Dũng Bộ Kiền Như Lai, Ma Khủng Bố Như Lai, Đại Từ Ý Như Lai hiện đang thành Phật, sẽ thành Phật ở trong đời uế trược. Như Lai hiện ra từ trời Đâu-suất xuống, cho đến nắm giữ tất cả chánh pháp, tất cả tượng pháp và tất cả mạt pháp. Thiện trượng phu! Ông nên biết, những việc hóa ra như vậy, đều là Ứng thân.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Pháp thân của Như Lai?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Chân Pháp thân của Như Lai không hình thể, không hiện, không dính mắc, không thể thấy, không lời nói, không nơi trụ, không tướng, không báo, không sinh, không diệt, không thí dụ. Như vậy, Thiện trượng phu! Thân không thể nói của Như Lai gọi là Pháp thân, là trí thân, là thân không gì bằng, là thân không gì có thể so sánh được, là thân Tỳ-lô-giá-na, là thân hư không, là thân không dứt, là thân không hoại, là thân vô biên, là thân chí chân, là thân chẳng phải rỗng hư, là thân không thí dụ, đó gọi là chân thân.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như chân thể của chư Phật không sắc, không hiện ra cho đến không thể nói; mà không thể nói há chẳng phải là đoạn tướng sao?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Ý ông thế nào? Cõi hư không có thể có sự cắt đứt và có tướng không?

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông đáp:

–Bạch Thế Tôn! Cõi hư không không thể sự cắt đứt và cũng không có tướng. Bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì nếu cõi hư không có sự cắt đứt thì cõi hư không ấy, không có cái tên là vô ngại. Bạch Thế Tôn! Cõi hư không không có tướng xứ, tụ xứ, vô biên xứ, sắc xứ và cả vật xứ. Thế nên, bạch Thế Tôn! Cõi hư không ấy, không thể có sự cắt đứt, chẳng phải là có tướng. Bạch Thế Tôn! Cõi hư không ấy, biến tất cả xứ.

Phật nói:

–Thật lành thay! Thiện trượng phu! Đúng là như vậy! Thiện trượng phu! Thân chân thật của Như Lai không có đứt lìa, cũng không có tướng. Vì sao? Thiện trượng phu! Nếu thân chân thật của Như Lai có đứt lìa thì sẽ không có việc Phật ra đời và hiện vô biên sức thần thông. Nếu có tướng, tức có chỗ gom lại và có cả chỗ để ở có thể nắm, có thể bắt. Trong chốc lát, tất cả phàm phu đều được thành Phật, không dựa vào thời gian mà có trước sau.

Thiện trượng phu! Do đó, thân chân thật của Như Lai chẳng có đứt lìa, cũng chẳng có tướng; chỉ vì làm Phật sự, cho khắp tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Cúng dường chân thân, báo thân và cả ứng thân của Như Lai, những phước nghiệp đạt được sẽ rất nhiều phải không?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu cúng dường một thân Như Lai, tức là cúng dường tất cả thân Phật. Vì sao? Thiện trượng phu! Tất cả ánh sáng, có khả năng phá tan các u ám, khiến mọi nơi được sáng, nhưng ánh sáng ấy, không cùng ở chung với tối tăm. Đúng là như vậy, Thiện trượng phu! Nếu cúng dường hết mỗi thân Như Lai, những phước nghiệp tạo được, có khả năng phá tất cả vô minh tối tăm này, khai mở giải thoát con đường sáng, nhưng cũng không cùng ở chung với các ám chướng.

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn hiện rõ Phật Địa thứ hai.

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Ông có thể thấy không?

Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông đáp:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, với con muốn thấy phải dựa vào tướng.

Bấy giờ, trong một lỗ chân lông trên thân Thế Tôn, phóng ra ánh sáng, tên là Vô tướng chiếu; làm cho mọi màu sắc, ở các cõi Phật, không thể nói không thể nói, thảy đều trừ diệt.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn hỏi chúng Bồ-tát:

–Các ông hôm nay, có thấy những gì?

Chư Bồ-tát đáp:

–Bạch Thế Tôn! Ngoài ánh sáng ra, chúng con đều không thấy gì cả.

Phật hỏi:

–Chư Bồ-tát trượng phu! Các ông thấy ánh sáng này giống gì vậy?

Chư Bồ-tát đáp:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chỉ thấy toàn một thứ ánh sáng lớn, ở khắp vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha hằng hà sa vi trần các cõi Phật.

Khi đó, Đức Thế Tôn gom thu ánh sáng lại, cõi Phật liền trở lại như cũ, an lạc như xưa. Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo với tất cả chúng Bồ-tát:

–Như Lai nói Phật Địa thứ hai, tất cả các ông còn khó biết nghe, huống gì là được thấy Địa thứ ba cho đến Địa thứ mười của Như Lai.

Thiện trượng phu! Ví như ánh sáng của sáng mặt trời, mặt trăng, làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh. Sức của vầng sáng mặt trời, mặt trăng kia, khiến cho chúng sinh biết, có một ngày, nửa ngày, một tháng, nửa tháng, cho đến một năm và cả từng giờ, từng phút. Chúng sinh không thể phân biệt thấy sắc thân của vầng mặt trời, mặt trăng kia. Các ông chỉ thấy hình tướng vòng tròn của ánh sáng. Thật đúng là như vậy. Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, đó là sức của Như Lai, khiến cho các chúng sinh kia, được biết các pháp: Hoặc tội, hoặc phước, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Biết các pháp rồi, chúng sinh ấy như thật mà chứng, vượt qua được tất cả mọi tư tưởng mông lung. Các chúng sinh ấy, không thể phân biệt được, thấy được sắc tướng của Báo thân Như Lai, chỉ xem xét từ sức thần thông và hình tướng được dùng để ứng hóa ra thân mà thôi. Vì thế, các ông nên biết: Các địa của Như Lai, vượt ra khỏi tất cả âm thanh, ngôn ngữ, chỉ có tên chữ để có thể nói được mà thôi.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người vượt thoát tất cả ác đạo?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu đối với tất cả trí hạnh của Phật nhập Tỳ-lô-

giá-na tạng; đối với Thập địa sâu xa của Như Lai, đối với kinh điển Đại thừa đồng tánh; nghe mà sinh tâm tin sâu, tin rồi, thọ trì, đọc tụng, biên chép, hoặc dạy bảo cho người, vì người mà rộng nói, cho đến chỉ thọ trì cái tên của kinh điển này, thì Thiện trượng phu, tất cả những người đáng lẽ phải đọa vào các ác đạo, liền đều được độ thoát cả.

Bồ-tát lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người phát tâm Bồ-đề?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Người nào, có khả năng thọ trì kinh điển này, cho đến chỉ thọ trì cái tên chữ của kinh điển ấy, thì đó là người phát tâm Bồ-đề.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người hành Bồ-tát hạnh?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu có người nào thọ trì kinh này, thì đó chính là người hành Bồ-tát hạnh.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người mau chóng thành tựu đầy đủ sáu Ba-la-mật?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu có người nào, có khả năng thọ trì kinh điển này, thì đó chính là người mau chóng thành tựu đầy đủ sáu Ba-la-mật.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người sẽ gặp được Như Lai?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai có khả năng nghe được kinh điển này, thì đó là người sẽ được gặp Như Lai.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người gặp Phật, được Phật thọ ký?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai trì tạng bí mật của Như Lai, thì đấy là người gặp Phật, được Phật thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người làm đại thương chủ cho tất cả chúng sinh?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai là người trì tạng sâu kín của Như Lai, thì đấy là người làm đại thương chủ cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là Phật tử?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai có khả năng tin vào kinh điển này, thì đấy là người Phật tử.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người sẽ đạt được tất cả địa của Bồ-tát?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai có khả năng nghe kinh điển này, thì đó là người sẽ đạt được tất cả địa của Bồ-tát.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người đạt được tất cả pháp của chư Phật?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai có thể cúng dường pháp sáng nhiệm mầu này, thì đó là người đạt được tất cả pháp của chư Phật.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người nghe được pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật, mà không dính mắc vào quả vị Niết-bàn của hai hàng này?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Nếu ai có thể thọ trì tạng diệu pháp này, thì đấy là người nghe được pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật, mà không bị dính mắc vào quả vị Niết-bàn của hai hàng đó.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì và chúng con phụng trì như thế nào?

Phật đáp:

–Thiện trượng phu! Kinh này tên là Đại Thừa Đồng Tánh, cũng gọi là Thuyết Nhất Thiết Phật Trí Hạnh Nhập Tỳ-lô-giá-na Tạng và nên như vậy mà thọ trì.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Muốn rõ Phật Bồ-đề
Vô thượng thắng tinh tấn
Muốn chuyển thánh vô lậu

Khó nghĩ trí pháp luân.
Nếu muốn dựng cờ pháp
Muốn đánh trống chánh pháp
Muốn thắp ngọn đèn pháp
Muốn được thổi các pháp.
Muốn đắc trí minh chiếu
Muốn diệt ngu si ám
Muốn nhóm các chúng sinh
An lập trí Bồ-đề.
Muốn hàng phục quân ma
Cúng dường tất cả Phật
Muốn chiếu cả thế gian
Cao quý đẹp thanh tịnh.
Không nhiễm pháp thế gian
Muốn đạt trí vô lậu
Hành hạnh lợi chúng sinh
Muốn sinh nơi thanh tịnh.
Chỉ dạy, nghe, thọ trì
Kinh báu tốt như vậy
Khiến cho thông Phật địa
Nên đọc tụng, diễn nói.

Khi Đức Thế Tôn nói kinh này xong, Đại Bồ-tát Hải Diệu Thâm Trì Tự Tại Trí Thông cùng với tất cả các chúng Bồ-tát, nghe những lời Phật dạy, đều vui vẻ phụng hành.

-oOo-